

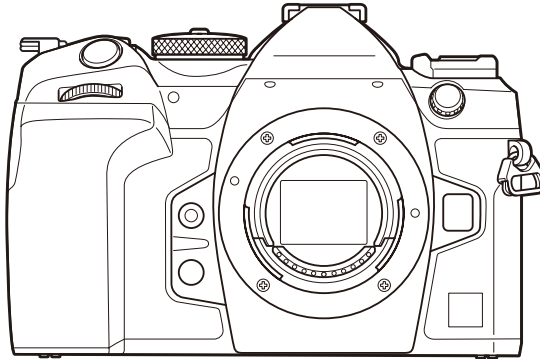


MÁY ẢNH KỸ THUẬT SỐ

OM SYSTEM OM-1 Mark II

Hướng dẫn sử dụng

Ver.1.2



VI

Số dòng máy : IM027

- Cảm ơn bạn đã mua máy ảnh kỹ thuật số của chúng tôi. Trước khi bắt đầu sử dụng máy ảnh mới, vui lòng đọc các hướng dẫn này thật kỹ để có hiệu suất sử dụng tối ưu và kéo dài tuổi thọ sử dụng.
- **Hãy đảm bảo rằng bạn đã đọc và hiểu nội dung của phần “CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN”, trước khi sử dụng sản phẩm này. Hãy để các hướng dẫn này ở nơi dễ tìm để tham khảo trong tương lai.**
- Chúng tôi đề nghị bạn hãy chụp thử vài tấm để làm quen với máy trước khi chụp những bức ảnh quan trọng.
- Các hình minh họa cho màn hình và máy ảnh trình bày trong sách hướng dẫn này được tạo ra trong các quá trình phát triển và có thể khác với sản phẩm thực tế.
- Nếu có các bổ sung và/hoặc chỉnh sửa về chức năng do cập nhật firmware cho máy ảnh, thì nội dung sẽ khác. Để có thông tin mới nhất, hãy truy cập trang web của chúng tôi.


















Mục lục

Giới thiệu	19
Trước khi bạn bắt đầu	19
Đăng ký người dùng	19
Cài đặt phần mềm/ứng dụng PC	20
Về tài liệu hướng dẫn này	21
Cách để tìm thấy nội dung mà bạn cần	21
Cách đọc tài liệu hướng dẫn này	22
Tên các bộ phận	24
Chuẩn bị	26
Mở hộp và kiểm tra phụ kiện	26
Gắn dây đeo	27
Lắp và tháo pin	28
Lắp pin	28
Tháo pin	29
Sạc pin bằng bộ chuyển đổi USB-AC	30
Sạc pin bằng thiết bị USB	32
Sạc qua USB	32
Lắp và tháo thẻ	33
Lắp thẻ	33
Tháo thẻ	34
Sử dụng hai thẻ nhớ	34
Thẻ có thể sử dụng	34
Lắp và tháo ống kính	36
Gắn ống kính vào máy ảnh	36
Tháo ống kính	37
Sử dụng màn hình	38
Bật máy ảnh	39
Chế độ ngủ	40
Thiết lập ban đầu	41
Cần làm gì nếu không thể đọc màn hình hiển thị	43













Chụp	45
Hiển thị thông tin trong khi chụp	45
Chuyển đổi giữa các hiển thị	48
Chuyển đổi hiển thị thông tin	50
Chụp ảnh tĩnh	52
Các loại chế độ chụp	52
Chụp bằng thao tác màn hình cảm ứng	55
Xem lại ảnh (Image Review)	57
Cho phép máy ảnh chọn khẩu độ và tốc độ màn trập (P : Program AE)	59
Chuyển chương trình	61
Chọn khẩu độ (A : Aperture-Priority AE)	62
Chọn tốc độ màn trập (S : Shutter-Priority AE)	64
Chọn khẩu độ và tốc độ màn trập (M : Manual Exposure)	66
Sử dụng Bù phơi sáng ở chế độ M	68
Phơi sáng thời gian dài (B : Bulb/Time)	69
Hòa trộn làm sáng (B : Live Composite Photography)	72
Lưu cài đặt tùy chỉnh cho nút xoay chế độ (Các chế độ tùy chỉnh C1 , C2 , C3 , và C4)	75
Lưu cài đặt (Assign)	75
Sử dụng chế độ tùy chỉnh (C1/C2/C3/C4)	77
Quay phim	80
Quay phim ở chế độ phim (SP)	80
Quay phim ở chế độ chụp ảnh	83
Điều khiển cảm ứng (Điều khiển yên lặng)	84
Cài đặt chụp	85
Cách thay đổi cài đặt chụp ảnh	85
Nút chọn trực tiếp	86
Các chức năng và nút chọn trực tiếp	86
Cài đặt bằng các nút chọn trực tiếp	89
Bảng siêu điều khiển LV/Bảng siêu điều khiển	91
Trên Bảng siêu điều khiển LV/Bảng siêu điều khiển	91
Cài đặt với Bảng siêu điều khiển/Bảng siêu điều khiển LV	93

Cài đặt khả dụng trong Bảng siêu điều khiển/Bảng siêu điều khiển LV.....	95
Sử dụng menu.....	98
Bạn có thể làm gì với menu.....	98
Cách vận hành các menu.....	99
Hiển thị mô tả của một mục menu.....	101
Các mục hiển thị màu xám.....	101
Các chức năng cơ bản để lấy nét.....	102
Chọn chế độ lấy nét (📷 AF Mode / 📷 AF Mode).....	102
Sử dụng AF bầu trời sao.....	104
Thiết lập vị trí lấy nét cho MF cài sẵn.....	105
Điều chỉnh lấy nét thủ công trong khi lấy nét tự động.....	105
Chọn mục tiêu lấy nét (AF Target Point).....	107
Chọn chế độ mục tiêu AF (AF Target Mode).....	108
Thiết lập các tùy chọn cho Chế độ mục tiêu 📷 AF (📷 AF Target Mode Settings).....	111
AF khung thu phóng/AF thu phóng (AF siêu tâm điểm).....	113
Các chức năng để cấu hình cách lấy nét.....	116
Kết hợp lấy nét tự động và thủ công (📷 AF+MF).....	116
Cấu hình vận hành AF khi nút chụp được nhấn (📷 AF by half-pressing 📷).....	118
Tự động lấy nét bằng nút AF-ON.....	119
Sử dụng lấy nét tự động ở chế độ lấy nét thủ công (AF-ON in MF mode).....	120
Cấu hình hoạt động của máy ảnh khi không thể lấy nét vào chủ thể (Release Priority).....	121
Thay đổi cài đặt của AF bầu trời sao (Starry Sky AF Setting).....	122
Các chức năng tùy chỉnh hoạt động AF để phù hợp với chủ thể.....	123
Theo dõi lấy nét vào các chủ thể đã chọn (Subject Detection).....	123
Chụp ảnh bằng [Subject Detection].....	124
Cấu hình hoạt động C-AF khi phát hiện chủ thể được bật (📷 C-AF Setting).....	126
Gán ưu tiên lấy nét cho các nút (📷 📷 AF Button).....	127
Cấu hình hiển thị khung cho mắt được phát hiện (Eye Detection Frame).....	128
Ưu tiên mục tiêu trung tâm C-AF (📷 C-AF Center Priority).....	129
Độ nhạy theo dõi C-AF (📷 C-AF Sensitivity / 📷 C-AF Sensitivity).....	130
Tốc độ lấy nét C-AF (📷 C-AF Speed).....	131
Các chức năng thay đổi hoạt động của máy ảnh liên quan đến lấy nét.....	132





Phạm vi lấy nét của ống kính (📷 AF Limiter)	132
Sử dụng các cài đặt được lưu trong [AF Limiter].	132
Cấu hình [AF Limiter].	133
Quét ống kính C-AF (📷 AF Scanner)	134
Tinh chỉnh lấy nét tự động (📷 AF Focus Adjustment)	135
Sử dụng giá trị điều chỉnh lấy nét đã lưu.	135
Cấu hình [AF Focus Adjustment].	136
Đèn chiếu sáng AF hỗ trợ lấy nét tự động (AF Illuminator)	137
Chế độ hiển thị mục tiêu AF (AF Area Pointer)	138
Các chức năng cài đặt vị trí lấy nét.	139
Khớp lựa chọn mục tiêu AF với hướng máy ảnh (📷 Orientation Linked [⋮]).	139
Chọn vị trí ban đầu AF (📷 [⋮] Set Home)	141
Sử dụng chức năng [⋮] Home.	142
Chọn mục tiêu AF ([⋮] Select Screen Settings)	143
Kích hoạt chế độ Bao chọn mục tiêu AF ([⋮] Loop Settings)	144
Chọn mục tiêu AF cảm ứng khi chụp ảnh qua kính ngắm (AF Targeting Pad)	146
Các chức năng khác hữu ích khi lấy nét.	147
Hỗ trợ lấy nét thủ công (MF Assist)	147
Tùy chọn lấy nét đỉnh (Peaking Settings)	149
Sử dụng chức năng Lấy nét đỉnh	150
Chọn khoảng cách lấy nét cho MF cài sẵn (Preset MF distance)	151
Vô hiệu hóa chuyển đổi MF (MF Clutch)	152
Hướng lấy nét của ống kính (Focus Ring)	153
Cài đặt lại vị trí ống kính khi tắt máy (Reset Lens)	154
Đo sáng và phơi sáng.	155
Kiểm soát phơi sáng (Bù phơi sáng)	155
Điều chỉnh bù phơi sáng	156
Cài đặt lại bù phơi sáng	156
Các bước EV để kiểm soát phơi sáng (EV Step)	157
Tinh chỉnh phơi sáng (Exposure Shift)	158
Giảm nhấp nháy dưới đèn LED (📷 Flicker Scan / 📷 Flicker Scan)	159
Chọn tốc độ màn trập	160


Chọn cách máy ảnh đo độ sáng (Metering).....	161
Khóa phơi sáng (Khóa AE).....	162
Đo độ phơi sáng khi khóa AE (Metering during ).	163
Nhả khóa AE sau khi chụp ( Auto Reset).....	164
Khóa phơi sáng khi nút chụp được nhấn xuống một nửa (AEL by half-pressing ).....	165
Cài đặt các tùy chọn đo sáng cho chế độ chụp liên tiếp (Metering during ).....	166
Đo sáng mục tiêu lấy nét ( Spot Metering).....	167
Thay đổi độ nhạy ISO.....	168
Các bước EV để kiểm soát độ nhạy ISO (ISO Step).....	170
Cài đặt phạm vi giá trị độ nhạy ISO được chọn ở chế độ [Auto] ( ISO-A Upper/Default /  ISO-A Upper/Default).....	171
Cài đặt tốc độ màn trập mà máy ảnh tự động tăng độ nhạy ISO ( ISO-A Lowest S/S).....	172
Chọn chế độ mà [Auto] có thể được sử dụng cho độ nhạy ISO ( ISO-Auto /  ISO-Auto).....	173
Tùy chọn giảm nhiễu ISO cao ( Noise Filter /  Noise Filter).....	174
Tùy chọn xử lý hình ảnh (Low ISO Processing).....	175
Tùy chọn giảm nhiễu phơi sáng thời gian dài (Noise Reduction).....	176
Chụp ảnh với đèn flash.....	177
Sử dụng đèn flash (Chụp ảnh với đèn flash).....	177
Thiết bị đèn flash được thiết kế dành riêng cho máy ảnh.....	177
Các tính năng khả dụng với thiết bị đèn flash tương thích.....	178
Gắn thiết bị đèn flash tương thích.....	178
Tháo thiết bị đèn flash.....	180
Chọn chế độ đèn flash (Flash Mode).....	181
Các chế độ flash.....	181
Các chế độ flash và kết hợp cài đặt.....	182
Cấu hình chế độ flash (Flash Mode Settings).....	185
Điều chỉnh công suất đèn flash (Flash Exposure Comp.).....	186
Điều khiển đèn flash từ xa không dây ( RC Mode).....	187
Chọn tốc độ đồng bộ đèn flash ( X-Sync).....	188
Chọn tốc độ màn trập tối thiểu ( Slow Limit).....	189
Bù đèn flash và phơi sáng ( + ).....	190
Thiết lập cân bằng phơi sáng cho đo sáng TTL (Balanced Flash Metering).....	191

















Chụp liên tiếp/Chụp hẹn giờ	192
Thực hiện chụp ảnh liên tiếp/hẹn giờ	192
Số lượng ảnh có thể chụp được	194
Cấu hình các chức năng chụp liên tiếp (Sequential Shooting Settings)	195
Cấu hình chức năng hẹn giờ (Self-timer Settings)	197
Chụp ảnh mà không bị rung do hoạt động của nút chụp (Anti-Shock [♦] Settings)	199
Chụp ảnh không có âm thanh màn trập (Silent [♥] Settings)	200
Chụp ảnh không có độ trễ nhà màn trập (Pro Capture shooting)	202
Giảm nhấp nháy trong ảnh (Anti-Flicker Shooting)	205
Chống rung ảnh	206
Giảm rung máy ảnh (📷 Image Stabilizer / 📷 Image Stabilizer)	206
Cài đặt tùy chọn chi tiết của chức năng chống rung ảnh	207
Tùy chọn chống rung ảnh (📷 IS Level)	208
Chống rung ảnh khi nhấn xuống một nửa (📷 Image Stabilizer)	209
Chống rung ảnh ở chế độ chụp nhanh liên tục (📷 Image Stabilizer)	210
Hiển thị chuyển động của máy ảnh trên màn hình (Handheld Assist)	211
Chống rung cho ống kính IS (Lens I.S. Priority)	212
Màu sắc và chất lượng	213
Cài đặt chất lượng ảnh và phim (📷 📷 / 📷 📷)	213
Cấu hình 📷 📷	213
Cấu hình 📷 📷	214
Kết hợp kích thước ảnh JPEG và tỷ lệ nén (📷 📷 Detailed Settings)	218
Chọn codec để quay phim (📷 Video Codec)	219
Đặt khung hình cho ảnh (Image Aspect)	220
Chiếu sáng vùng rìa ảnh (Shading Comp.)	221
Tùy chọn xử lý (📷 Picture Mode / 📷 Picture Mode)	222
Cài đặt 📷 Picture Mode	222
Cài đặt các tùy chọn chi tiết của Chế độ ảnh	225
Cài đặt 📷 Picture Mode	228
Chọn các tùy chọn được hiển thị khi chọn chế độ hình ảnh (📷 Picture Mode Settings)	229
Điều chỉnh màu (WB (white balance))	230
Cài đặt cân bằng trắng	230

Thực hiện tinh chỉnh cân bằng trắng của từng chế độ WB.	232
Cân bằng trắng một chạm.	233
Khóa cân bằng trắng ở chế độ phim (📷 Button Function:  Lock).	235
Thực hiện tinh chỉnh cân bằng trắng ( All  /  All ).	236
Giữ nguyên tông màu ấm của ánh sáng sợi đốt khi ở chế độ WB Tự động (  Keep Warm Color/   Keep Warm Color).	237
Cân bằng trắng đèn flash ( +WB).	238
Cài đặt định dạng tái tạo màu (Color Space).	239
Tùy chọn xem trước cho [ Picture Mode] ( View Assist).	240
Chế độ chụp đặc biệt (Chế độ dùng điện toán).	241
Chụp ảnh tĩnh ở độ phân giải cao hơn (High Res Shot).	241
Bật Chụp ảnh có độ phân giải cao.	241
Cấu hình Chụp ảnh có độ phân giải cao.	242
Chụp ảnh.	243
Giảm tốc độ màn trập trong điều kiện ánh sáng mạnh (Live ND Shooting).	245
Bật Chụp ND trực tiếp.	245
Cấu hình chụp ND trực tiếp.	245
Chụp ảnh.	246
Chụp cảnh có độ tương phản cao (Live GND Shooting).	248
Bật Chụp GND trực tiếp.	248
Cấu hình chụp GND trực tiếp.	248
Chụp ảnh.	250
Tăng độ sâu trường ảnh (Focus Stacking).	252
Bật Xếp chồng lấy nét.	252
Cấu hình Xếp chồng lấy nét.	253
Chụp ảnh.	253
Chụp ảnh HDR (Dải tương phản rộng) (HDR).	255
Ghi nhiều ảnh chồng hình trong một ảnh duy nhất (Multiple Exposure).	257
Bật Chụp ảnh chồng hình.	257
Cấu hình Chụp ảnh chồng hình.	258
Chụp ảnh.	258
Khi [Overlay] được đặt.	259

Thu phóng kỹ thuật số (📷 Digital Tele-converter / 📷 Digital Tele-converter)	261
Chụp tự động theo khoảng thời gian cố định (Interval Shooting)	262
Bật Chụp ngắt quãng	262
Cấu hình Chụp ngắt quãng	262
Chụp ảnh	264
Hiệu chỉnh méo hình thang và kiểm soát phối cảnh (Keystone Comp.)	266
Hiệu chỉnh méo mắt cá (Fisheye Compensation)	268
Bật Bù mắt cá	268
Cấu hình Bù mắt cá	269
Chụp ảnh	269
Cấu hình cài đặt BULB/THỜI GIAN/TỔNG HỢP (BULB/TIME/COMP Settings)	271
Ghi một loạt ảnh với mức phơi sáng khác nhau (AE BKT)	273
Ghi ảnh với cân bằng trắng thay đổi (WB BKT)	275
Ghi ảnh với mức đèn flash thay đổi (FL BKT)	276
Ghi ảnh với độ nhạy ISO thay đổi (ISO BKT)	277
Ghi bản sao của một ảnh áp dụng các bộ lọc nghệ thuật khác nhau (ART BKT)	278
Bật chụp bù sáng bộ lọc nghệ thuật	278
Cấu hình chụp bù sáng bộ lọc nghệ thuật	279
Chụp ảnh	279
Ghi ảnh với các vị trí lấy nét khác nhau (Focus BKT)	280
Bật chụp bù sáng lấy nét	280
Cấu hình chụp bù sáng lấy nét	280
Chụp ảnh	281
Các chức năng chi khả dụng ở chế độ quay phim	283
Tùy chọn ghi âm (Sound Recording Settings)	283
Điều chỉnh âm lượng tai nghe (Headphone Volume)	285
Mã thời gian (Time Code Settings)	286
Đầu ra HDMI (📺 HDMI Output)	287
Về [RAW]	288
Hiển thị dấu + ở giữa màn hình trong khi quay phim (Center Marker)	289
Hiển thị hoa văn zebra trên các vùng có độ chói cao trong khi quay phim (Zebra Pattern Settings)	290
Hiển thị hoa văn zebra	290

Cấu hình Cài đặt hoa văn zebra.	291
Hiển thị khung màu đỏ trong khi quay phim (Red Frame during  REC).	292
Phát lại.	293
Hiển thị thông tin trong khi phát lại.	293
Thông tin ảnh phát lại.	293
Chuyển đổi hiển thị thông tin.	295
Xem ảnh và phim.	296
Xem ảnh.	296
Xem phim.	297
Tìm ảnh nhanh (Phát lại chỉ mục và lịch).	299
Phóng to (Thu phóng phát lại).	300
Phát lại bằng cách sử dụng điều khiển cảm ứng.	301
Phát lại toàn khung hình.	301
Phát lại chỉ mục/lịch.	302
Các chức năng khác.	303
Cài đặt các chức năng phát lại.	304
Xoay ảnh (Rotate).	304
Bảo vệ ảnh ().	305
Sao chép ảnh (Copy).	306
Sao chép tất cả ảnh trên thẻ (Copy All).	307
Xóa ảnh (Erase).	308
Xóa tất cả ảnh (Erase All).	309
Tắt xác nhận xóa (Quick Erase).	310
Tùy chọn xóa RAW+JPEG (RAW+JPEG Erase).	311
Chọn ảnh để chia sẻ (Share Order).	312
Chọn ảnh RAW+JPEG để chia sẻ (RAW+JPEG ).	313
Xếp hạng ảnh (Rating).	314
Chọn số sao sẽ được sử dụng để xếp hạng (Rating Settings).	315
Chọn nhiều ảnh (Share Order Selected, Rating Selected,  , Copy Select, Erase Selected).	316
Lệnh in (DPOF).	317
Cấu hình lệnh in.	317
Đặt lệnh in.	317

Cài đặt lại tất cả chế độ bảo vệ/lệnh chia sẻ/lệnh in/xếp hạng (Reset All Images)	318
Thêm âm thanh vào ảnh (👂)	319
Phát lại âm thanh.	320
Chỉnh sửa ảnh (Edit)	321
Chỉnh sửa chi tiết cho ảnh RAW (RAW Data Edit)	321
Chỉnh sửa chi tiết cho ảnh JPEG (JPEG Edit)	323
Kết hợp ảnh (Image Overlay)	325
Cắt phim (Movie Trimming)	326
Tạo ảnh tĩnh từ phim (In-Movie Image Capture)	327
Thay đổi vai trò của nút  (☑) trong khi phát lại ( Function)	328
Thay đổi vai trò của nút xoay phía trước và phía sau trong khi phát lại ( Dial Function)	329
Chọn tỷ lệ thu phóng khi phát lại ( Default Setting)	330
Tự động xoay ảnh theo chiều dọc để phát lại ()	331
Chọn thông tin được hiển thị trong khi phát lại ( Info Settings)	332
Chọn thông tin được hiển thị trong khi phát lại phóng đại ( Info Settings)	333
Cấu hình hiển thị chỉ mục ( Settings)	334
Các chức năng để cấu hình điều khiển máy ảnh.	335
Thay đổi chức năng của các nút (Button Settings)	335
Điều khiển có thể tùy chỉnh.	335
Vai trò khả dụng.	337
Sử dụng tùy chọn đa chức năng (Multi Function)	345
Quay phim bằng cách nhấn nút chụp ( Shutter Function)	346
Thao tác menu bằng nút  (Menu operation by ).	347
Gán chức năng cho các nút xoay phía trước và phía sau ( Dial Function /  Dial Function)	348
Thay đổi hướng nút xoay (Dial Direction)	351
Thay đổi chức năng của đa bộ chọn (Multi Selector Settings)	352
Tùy chỉnh lẫy Fn (Fn Lever Settings)	353
Cách cấu hình lẫy Fn	353
Cấu hình [ Fn Lever Function]	353
Cấu hình [ Fn Lever Function]	354
Sử dụng [mode2] của [ Fn Lever Function] / [ Fn Lever Function]	356
Cấu hình [Fn Lever/Power Lever]	356







Ổng kính thu phóng điện (Electronic Zoom Settings).....	358
Tắt  các hoạt động của nút ( Lock).....	359
Chọn hoạt động sẽ xảy ra khi nhấn nút chụp trong chế độ thu phóng xem trực tiếp (LV Close Up Mode).....	360
Chọn hoạt động của điều khiển được sử dụng để xem trước độ sâu trường ảnh ( Lock).....	361
Tùy chọn giữ nút (Press-and-hold Time).....	362
Các chức năng điều chỉnh hiển thị chế độ xem trực tiếp.....	363
Thay đổi giao diện của màn hình hiển thị ( LV Mode).....	363
Giúp màn hình dễ nhìn hơn trong điều kiện thiếu sáng ( Night Vision).....	364
Tốc độ hiển thị của màn hình kính ngắm (Frame Rate).....	365
Xem trước bộ lọc nghệ thuật (Art LV Mode).....	366
Giảm nhấp nháy trong chế độ xem trực tiếp (Anti-Flicker LV).....	367
Hỗ trợ tự chụp ảnh (Selfie Assist).....	368
Các chức năng cấu hình hiển thị thông tin.....	369
Chọn kiểu màn hình hiển thị của kính ngắm (EVF Style).....	369
Màn hình kính ngắm khi chụp bằng kính ngắm (Style 1/Style 2).....	369
Đèn báo chụp ( Info Settings /  Info Settings).....	371
Cấu hình  Info Settings.....	371
Cấu hình  Info Settings.....	372
Chọn hiển thị.....	373
Cấu hình màn hình hiển thị khi nhấn nút chụp xuống một nửa (Info by half-pressing ).....	374
Tùy chọn hiển thị thông tin kính ngắm ( Info Settings).....	375
Hiển thị thước đo độ cân bằng khi nhấn nút chụp xuống một nửa ( Level Gauge).....	377
Tùy chọn hướng dẫn đóng khung ( Grid Settings /  Grid Settings).....	378
Tùy chọn lưới khung kính ngắm ( Grid Settings).....	379
Chọn các cài đặt khả dụng thông qua Multi-Fn (Multi Function Settings).....	380
Cảnh báo phơi sáng biểu đồ (Histogram Settings).....	381
Cài đặt liên quan đến hoạt động và hiển thị menu.....	382
Cấu hình con trỏ trên màn hình menu (Menu Cursor Settings).....	382
Chọn cách di chuyển giữa các trang bằng nút xoay phía sau ( Loop in Menu Tab).....	383
Mặc định [Yes]/[No] (Priority Set).....	384
Cài đặt “My Menu”.....	385

My Menu	385
Thêm mục vào "My Menu".....	385
Quản lý "My Menu".....	387
Cài đặt thẻ/thư mục/tập tin.....	388
Định dạng thẻ (Card Formatting).....	388
Cài đặt thẻ để ghi ( Card Slot Settings /  Card Slot Settings).....	389
Cấu hình [ Card Slot Settings].....	389
Cấu hình [ Save Settings].....	390
Cấu hình [ Card Slot Settings].....	391
Chỉ định thư mục để lưu ảnh (Assign Save Folder).....	392
Tùy chọn đặt tên tập tin (File Name).....	393
Đặt tên tập tin (Edit Filename).....	394
Thông tin người dùng.....	395
Lưu thông tin ống kính (Lens Info Settings).....	395
Độ phân giải đầu ra (dpi Settings).....	397
Thêm thông tin bản quyền (Copyright Info).....	398
Bật thông tin bản quyền.....	398
Cấu hình thông tin bản quyền.....	398
Cài đặt màn hình/âm thanh/kết nối.....	400
Tắt điều khiển cảm ứng (Touchscreen Settings).....	400
Độ sáng và sắc độ màn hình (Monitor Adjust).....	401
Độ sáng và sắc độ của kính ngắm (EVF Adjust).....	402
Cấu hình cảm biến mắt (Eye Sensor Settings).....	403
Tắt tiếng bíp lấy nét ().....	404
Tùy chọn hiển thị màn hình ngoài (HDMI Settings).....	405
Chọn chế độ kết nối USB (USB Settings).....	406
Cài đặt pin/chế độ ngủ.....	407
Hiển thị trạng thái pin ( Battery Status).....	407
Cài đặt pin nào được sử dụng trước ( Battery Priority).....	408
Thay đổi mức hiển thị pin trong khi quay phim (  Display Pattern).....	409
Giảm độ sáng đèn nền (Backlit LCD).....	410
Cài đặt tùy chọn ngủ (Tiết kiệm điện) (Sleep).....	411

Cài đặt tùy chọn tự động tắt nguồn (Auto Power Off)	412
Giảm mức tiêu thụ điện (Quick Sleep Mode)	413
Bật chế độ ngủ nhanh	413
Cấu hình chế độ ngủ nhanh	414
Thiết lập cài đặt lại/đồng hồ/ngôn ngữ/khác	415
Khôi phục cài đặt mặc định (Reset/Initialize Settings)	415
Cài đặt đồng hồ máy ảnh (⌚ Settings)	416
Chọn ngôn ngữ (🌐)	417
Hiệu chỉnh thước đo độ cân bằng (Level Adjust)	418
Kiểm tra xử lý ảnh (Pixel Mapping)	419
Xem phiên bản phần mềm firmware (Firmware Version)	420
Xem chứng chỉ (Certification)	421
Kết nối máy ảnh với thiết bị bên ngoài	422
Kết nối với thiết bị bên ngoài	422
Thận trọng khi sử dụng Wi-Fi và Bluetooth ®	423
Tắt giao tiếp không dây của máy ảnh (Airplane Mode)	424
Kết nối máy ảnh với điện thoại thông minh	425
Kết nối với điện thoại thông minh	425
Ghép nối máy ảnh và điện thoại thông minh (Wi-Fi Connection)	426
Cài đặt chế độ chờ kết nối không dây khi bật máy ảnh (Bluetooth)	428
Cài đặt không dây khi máy ảnh tắt (Power-off Standby)	429
"Select"	429
Chuyển ảnh sang điện thoại thông minh	431
Tự động tải ảnh lên khi máy ảnh tắt	432
Chụp từ xa bằng điện thoại thông minh (Live View)	433
Chụp từ xa bằng điện thoại thông minh (Remote Shutter)	434
Thêm thông tin vị trí vào ảnh	435
Cài đặt lại cài đặt kết nối điện thoại thông minh (Reset 📱 Settings)	436
Thay đổi mật khẩu (🔒 Connection Password)	437
Kết nối với máy tính qua Wi-Fi	438
Cài đặt phần mềm	438
Ghép nối máy tính với máy ảnh (New Link)	439

Điều chỉnh cài đặt Wi-Fi (Wi-Fi Connection).....	441
Bật Wi-Fi máy ảnh.....	442
Kết nối qua WPS (Connect by WPS).....	442
Kết nối theo cách thủ công (Connect manually).....	444
Chọn mạng từ danh sách (Connect from (Wi-Fi) List).....	447
Hiển thị địa chỉ MAC / Cài đặt lại cài đặt Wi-Fi cho kết nối PC (Wi-Fi PC Settings).....	448
Tải lên ảnh đã chụp.....	449
Kết thúc kết nối.....	451
Kết thúc kết nối hiện tại.....	451
Tắt Wi-Fi/ Bluetooth [®]	452
Sử dụng điều khiển từ xa.....	453
Tên các bộ phận.....	453
Kết nối.....	454
Kết nối có dây.....	454
Kết nối không dây.....	455
Xóa ghép nối.....	456
Chụp từ điều khiển từ xa.....	457
Đèn báo truyền dữ liệu của điều khiển từ xa.....	458
Địa chỉ MAC của điều khiển từ xa.....	459
Các biện pháp phòng ngừa khi sử dụng điều khiển từ xa.....	460
Kết nối với máy tính qua USB.....	461
Cài đặt phần mềm.....	461
Tải lên ảnh đã chụp (RAW/Control).....	462
Kết nối máy ảnh để xử lý RAW tốc độ cao (RAW/Control).....	464
Sao chép ảnh vào máy tính (Storage/MTP).....	465
Sử dụng máy ảnh làm Webcam (Webcam).....	466
Cấp nguồn cho máy ảnh qua USB (USB PD).....	468
Kết nối với TV hoặc màn hình ngoài qua HDMI.....	469
Kết nối máy ảnh với TV hoặc màn hình ngoài (HDMI).....	469
Xem ảnh trên TV (HDMI).....	470
Kết nối máy ảnh với TV.....	470
Thận trọng.....	471

Thông tin về tính năng chống bụi và nước.	471
Các biện pháp phòng ngừa.	471
Bảo trì.	471
Pin.	472
Sử dụng bộ chuyển đổi USB-AC ở nước ngoài.	473
Thông tin.	474
Ống kính có thể thay thế.	474
Kết hợp ống kính và máy ảnh.	474
Ống kính chuyển đổi MF.	475
Hiển thị màn hình khi sử dụng ống kính được trang bị chức năng SET/CALL.	476
Phụ kiện tùy chọn.	477
Sử dụng bộ sạc (BCX-1).	477
Bộ đỡ pin nguồn HLD-10.	478
Các lưu ý khi sử dụng sản phẩm này.	480
Các thiết bị đèn flash bên ngoài được chỉ định.	480
Chụp ảnh với đèn flash điều khiển từ xa không dây.	481
Các thiết bị đèn flash bên ngoài khác.	485
Các phụ kiện chính.	486
Phụ kiện.	488
Vệ sinh và bảo quản máy ảnh.	493
Vệ sinh máy ảnh.	493
Cất giữ.	493
Kiểm tra và vệ sinh cảm biến ảnh.	494
Ánh xạ điểm ảnh - Kiểm tra chức năng xử lý ảnh.	494
Một số gợi ý và thông tin khi chụp.	495
Máy ảnh không bật ngay cả khi đã lắp pin.	495
Hộp thoại nhắc chọn ngôn ngữ được hiển thị.	495
Không có bức ảnh nào được chụp khi nhấn nút chụp.	495
Số lượng mục tiêu AF bị giảm.	496
Ngày và giờ chưa được đặt.	497
Các chức năng đã đặt được khôi phục về cài đặt mặc định của nhà sản xuất.	497
Ảnh bị “trôi màu”.	497

(Các) chấm sáng không xác định xuất hiện trên chủ thể trong ảnh chụp.	497
Các chức năng không thể chọn từ menu.	498
Các chức năng không thể đặt từ bảng siêu điều khiển.	498
Chủ thể xuất hiện bị biến dạng.	498
Các đường kẻ xuất hiện trong ảnh.	498
Chỉ hiển thị chủ thể và không hiển thị thông tin.	499
Không thể thay đổi chế độ lấy nét từ MF (lấy nét thủ công).	499
Không có gì được hiển thị trên màn hình.	499
Các mã lỗi.	500
Thông số kỹ thuật.	504
Máy ảnh.	504
Pin lithium-ion.	508
Bộ chuyển đổi USB-AC.	508
Cài đặt mặc định.	510
Cài đặt mặc định.	510
Siêu điều khiển/Bảng siêu điều khiển LV.	511
Thẻ  1.	516
Thẻ  2.	524
Thẻ AF.	529
Thẻ 	535
Thẻ 	539
Thẻ 	541
Thẻ 	549
Dung lượng thẻ nhớ.	553
Dung lượng thẻ nhớ: Ảnh.	553
Dung lượng thẻ nhớ: Phim.	556
CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN.	559
CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN.	559
Các biện pháp phòng ngừa chung.	559
⚠ CẢNH BÁO.	560
⚠ THẬN TRỌNG.	562
⚠ LƯU Ý.	562

Nhãn hiệu.....	565
Bổ sung/sửa đổi theo cập nhật phần mềm firmware.....	567
Bổ sung/sửa đổi theo phiên bản phần mềm firmware 1.1.....	567
Cài đặt bảo mật kết nối điện thoại thông minh (☑ Connection Security).....	567
Cài đặt mặc định.....	568
Bổ sung/sửa đổi theo phiên bản phần mềm firmware 1.2.....	569
Thẻ nhớ tương thích để quay phim.....	569

Giới thiệu

Trước khi bạn bắt đầu

Đọc và thực hiện theo các biện pháp an toàn


Để tránh thao tác không đúng cách dẫn đến hỏa hoạn hoặc thiệt hại tài sản khác, hoặc khiến cho bản thân hoặc người khác bị thương, hãy đọc toàn bộ phần “**CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN**” (P.559) trước khi sử dụng máy ảnh.

Trước khi bắt đầu sử dụng máy ảnh mới, vui lòng đọc kỹ các hướng dẫn này để có thể sử dụng với hiệu quả tối ưu và kéo dài tuổi thọ sử dụng. Đảm bảo cất giữ tài liệu hướng dẫn ở nơi an toàn sau khi đọc xong.

Công ty chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm đối với các hành vi vi phạm quy định địa phương phát sinh do sử dụng sản phẩm này bên ngoài quốc gia hoặc khu vực mua hàng.

LAN không dây và Bluetooth®

Máy ảnh có tính năng LAN không dây và **Bluetooth**® tích hợp. Việc sử dụng các tính năng này bên ngoài quốc gia hoặc khu vực mua hàng có thể vi phạm các quy định về mạng không dây tại địa phương; hãy đảm bảo đã xác nhận với chính quyền địa phương trước khi sử dụng. Công ty chúng tôi không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ hành vi nào không tuân thủ luật pháp và quy định của địa phương của người dùng.

Tắt chức năng LAN không dây và **Bluetooth**® ở những nơi cấm sử dụng.  “**Tắt giao tiếp không dây của máy ảnh (Airplane Mode)**” (P.424)

Đăng ký người dùng

Hãy chắc chắn rằng bạn đã đăng ký cho sản phẩm đã mua. Truy cập trang web của chúng tôi để biết thông tin về việc đăng ký sản phẩm của bạn.

Cài đặt phần mềm/ứng dụng PC

OM Capture

Sử dụng “OM Capture” để tự động tải xuống và xem ảnh khi chụp hoặc điều khiển máy ảnh từ xa. Để tìm hiểu thêm hoặc tải xuống phần mềm, hãy truy cập trang web của chúng tôi. Khi tải phần mềm, hãy chuẩn bị cung cấp số sê-ri của máy ảnh.

OM Workspace

Ứng dụng máy tính này được sử dụng để tải xuống và xem ảnh và phim được ghi bằng máy ảnh. Ứng dụng này cũng có thể được sử dụng để cập nhật phần mềm firmware của máy ảnh. Phần mềm có thể được tải xuống từ trang web của chúng tôi. Khi tải phần mềm, hãy chuẩn bị cung cấp số sê-ri của máy ảnh.

OM Image Share




Tải xuống những hình ảnh được đánh dấu để chia sẻ vào điện thoại thông minh của bạn. Bạn cũng có thể điều khiển máy ảnh từ xa và chụp ảnh bằng điện thoại thông minh. Vui lòng truy cập trang web của chúng tôi để biết thông tin về ứng dụng.



Về tài liệu hướng dẫn này

Cách để tìm thấy nội dung mà bạn cần

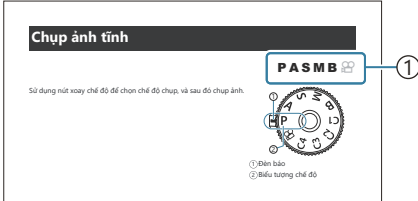
Bạn có thể sử dụng các cách sau để tìm thông tin bạn muốn biết trong tài liệu hướng dẫn này.

Phương pháp tìm kiếm	Nơi để tìm kiếm
Tìm kiếm dựa trên điều bạn muốn thực hiện	 "Mục lục"
Tìm kiếm dựa trên tên các nút và bộ phận của máy ảnh	 "Tên các bộ phận" (P.24)
Tìm kiếm dựa trên menu và các thuật ngữ hiển thị trên màn hình	 "Cài đặt mặc định" (P.510)

Cách đọc tài liệu hướng dẫn này

Các chế độ chụp được hỗ trợ đối với từng chức năng

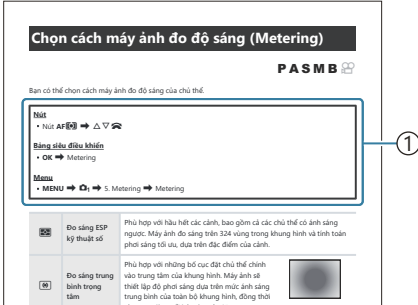
Trong tài liệu hướng dẫn này, các chế độ chụp mà mỗi chức năng chụp có thể được sử dụng được liệt kê ở đầu phần mô tả chức năng. Màu đen thể hiện chế độ chụp được hỗ trợ, màu xám thể hiện chế độ chụp không được hỗ trợ.



① Các chế độ chụp được hỗ trợ

Cấu hình các chức năng









Trong tài liệu hướng dẫn này, phương pháp cấu hình cho từng chức năng được mô tả ở phần đầu của phần mô tả chức năng. Để biết chi tiết, hãy tham khảo [“Cách vận hành các menu” \(P.99\)](#) và [“Cách thay đổi cài đặt chụp ảnh” \(P.85\)](#).

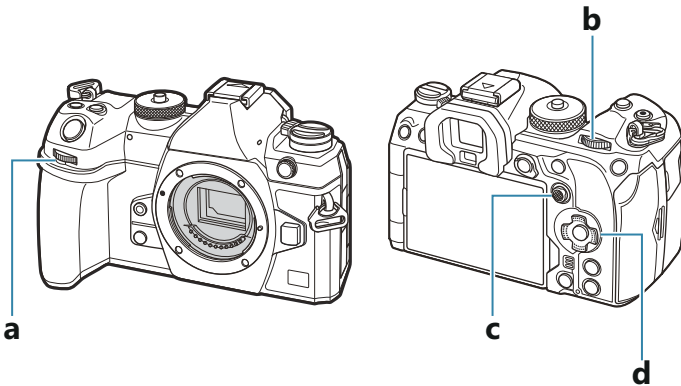


① Phương pháp

Các biểu tượng trong tài liệu hướng dẫn này

Các biểu tượng sau được sử dụng trong tài liệu hướng dẫn này.

	Cho biết thao tác được thực hiện bằng cách nhấn các nút (tương ứng với các nút mũi tên lên, xuống, trái và phải) trên phím mũi tên (d) .
	Cho biết thao tác được thực hiện bằng cách sử dụng nút xoay phía trước (a) .
	Cho biết thao tác được thực hiện bằng cách sử dụng nút xoay phía sau (b) .
	Cho biết thao tác được thực hiện bằng cách đặt nhẹ ngón tay lên đa bộ chọn (c) và nghiêng nó theo hướng mong muốn.
	Cho biết thao tác được thực hiện bằng cách nhấn vào giữa đa bộ chọn (c) giống như một nút bấm.
	Thận trọng và hạn chế.
	Mẹo và thông tin hữu ích khác khi sử dụng máy ảnh.
	Tham khảo các trang khác trong tài liệu hướng dẫn này.

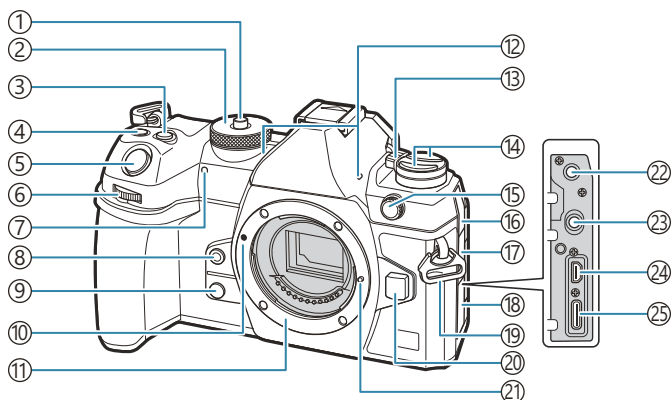


Hình ảnh minh họa màn hình trong tài liệu hướng dẫn này

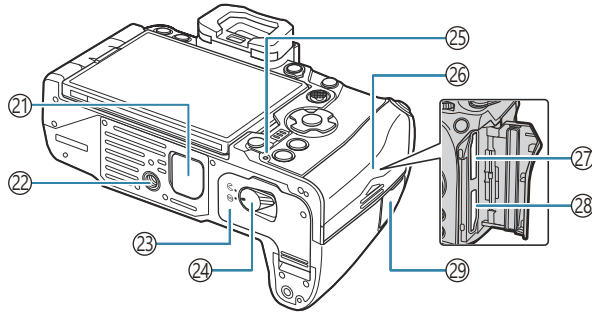
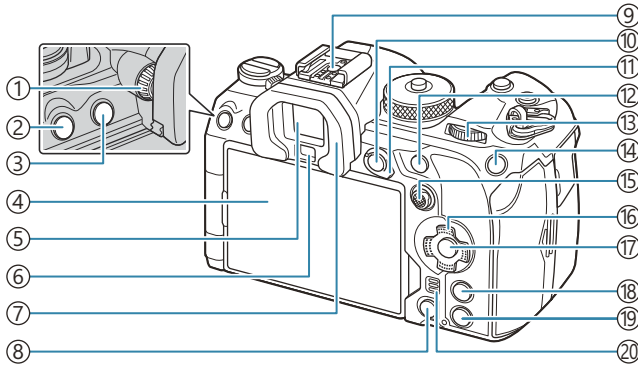
Theo mặc định, màn hình máy ảnh sẽ hiển thị bảng siêu điều khiển **(P91)**. Tuy nhiên, hình ảnh minh họa màn hình trong tài liệu hướng dẫn này hiển thị chế độ xem trực tiếp.

Để tìm hiểu cách hiển thị hình ảnh chụp trên màn hình, hãy tham khảo phần ["Chuyển đổi giữa các hiển thị"](#) **(P48)**.

Tên các bộ phận



- ① Khóa nút xoay chế độ (P.52)
- ② Nút xoay chế độ (P.52)
- ③ Nút (Bù phơi sáng) (P.59, P.62, P.64, P.68, P.155)
- ④ Nút (Phim)/ (Ảnh độ phân giải cao)/ (lựa chọn) (P.80 / P.241 / P.316)
- ⑤ Nút chụp (P.52)
- ⑥ Nút xoay phía trước (P.59, P.62, P.64, P.66, P.99, P.296, P.329, P.348, P.351)
- ⑦ Đèn hẹn giờ/Đèn chiếu sáng AF (P.192 / P.137)
- ⑧ Nút (Cân bằng trắng một chạm) (P.233)
- ⑨ Nút (Xem trước) (P.361)
- ⑩ Dấu gắn ống kính (P.36)
- ⑪ Ngàm (Tháo nắp thân máy trước khi lắp ống kính.)
- ⑫ Micro âm thanh nổi (P.283, P.319)
- ⑬ Cần gạt **ON/OFF** (P.39)
- ⑭ Nút (P.359)
Nút **AF** (Chế độ AF/đo sáng) (P.161)
Nút (chụp liên tiếp/hẹn giờ/đèn flash) (P.181, P.192)
- ⑮ Đầu nối đèn flash ngoài (P.178)
- ⑯ Nắp đậy giắc cắm micro
- ⑰ Nắp đậy giắc cắm tai nghe (P.285)
- ⑱ Nắp đậy đầu nối
- ⑲ Lỗ dây đeo (P.27)
- ⑳ Nút tháo ống kính (P.37)
- ㉑ Chốt khóa ống kính
- ㉒ Giắc cắm micro (giắc cắm mini âm thanh nổi 3,5 mm cho micro của bên thứ ba) (P.283)
- ㉓ Giắc cắm tai nghe (giắc cắm mini âm thanh nổi 3,5 mm cho micro của bên thứ ba) (P.285)
- ㉔ Đầu nối HDMI (Type D) (P.287, P.470)
- ㉕ Đầu nối USB (Type C) (P.30, P.32, P.462, P.464, P.465, P.466, P.468)



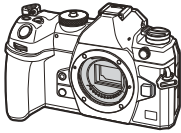
- ① Nút xoay điều chỉnh đi-ốp (P.48)
- ② Nút **MENU** (P.99)
- ③ Nút **LV** (P.48)
- ④ Màn hình (Màn hình cảm ứng) (P.45, P.48, P.55, P.146, P.301)
- ⑤ Kính ngắm (P.48, P.369)
- ⑥ Cảm biến mắt
- ⑦ Mắt ngắm (P.486)
- ⑧ Nút **X** (xóa) (P.308)
- ⑨ Chân cắm phụ kiện (P.178, P.485)
- ⑩ Nút **AEL/On** (Bảo vệ) (P.162 / P.305)
- ⑪ Lẫy **Fn** (P.59, P.62, P.64, P.66, P.353)
- ⑫ Nút **AF-ON** (P.119, P.120)
- ⑬ Nút xoay phía sau (P.59, P.62, P.64, P.66, P.99, P.296, P.329, P.348, P.351)
- ⑭ Nút **ISO** / **★** (Xếp hạng) (P.168 / P.314)
- ⑮ Đa bộ chọn (P.107, P.352)
- ⑯ Phím mũi tên (P.296)
- ⑰ Nút **OK** (P.99, P.91, P.296)
- ⑱ Nút **INFO** (P.50, P.101, P.295)
- ⑲ Nút **▶** (phát lại) (P.296)
- ⑳ Loa
- ㉑ Nắp ngăn pin nguồn (PBH) (P.478)
- ㉒ Giá ba chân
- ㉓ Nắp ngăn pin (P.28)
- ㉔ Khóa ngăn pin (P.28)
- ㉕ Đèn sạc pin (P.30)
- ㉖ Nắp ngăn thẻ (P.33)
- ㉗ Khe thẻ 1 (P.33)
- ㉘ Khe thẻ 2 (P.33)
- ㉙ Nắp cổng cáp ngoài (cổng cáp ngoài) (P.454)

Chuẩn bị

Mở hộp và kiểm tra phụ kiện

Khi mua sản phẩm, gói hàng sẽ bao gồm máy ảnh và các phụ kiện sau.

Nếu thiếu hoặc hư hỏng bất cứ vật nào, hãy liên hệ với đại lý mà bạn đã mua máy ảnh.



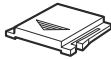
Máy ảnh



Nắp thân máy¹



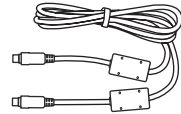
Mắt ngắm EP-18¹



Nắp đậy chân cắm phụ kiện¹



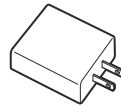
Dây đeo



Cáp USB CB-USB13



Pin lithium-ion có thể sạc lại
BLX-1



Bộ chuyển đổi USB-AC F-7AC

Hướng dẫn cơ bản

Thẻ bảo hành

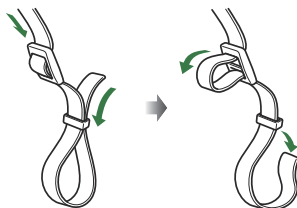
¹ Nắp thân máy, mắt ngắm, và nắp đậy chân cắm phụ kiện được gắn hoặc lắp vào máy ảnh.

① Pin sẽ không được sạc đầy tại thời điểm mua. Vui lòng sạc pin trước khi sử dụng (P.30).

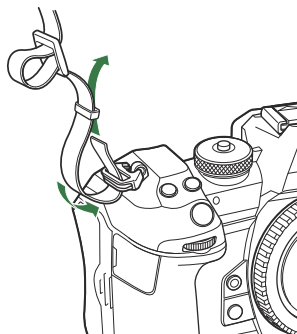
② Nội dung có thể thay đổi tùy theo địa điểm mua.

Gắn dây đeo

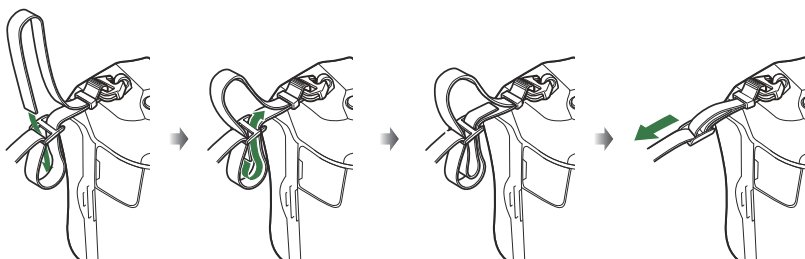
1. Trước khi gắn dây đeo, hãy tháo đầu dây ra khỏi vòng cố định và nối lỏng dây đeo như hình minh họa.



2. Luồn đầu dây qua lỗ dây đeo và luồn ngược lại qua vòng giữ dây.



3. Luồn đầu dây đeo qua khóa rồi siết chặt như hình minh họa.

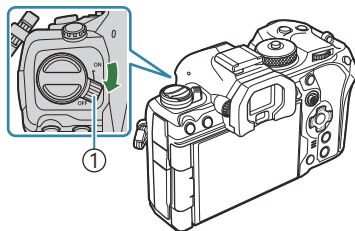


- Gắn đầu dây đeo còn lại vào lỗ dây đeo bên kia.
- Sau khi gắn dây đeo, kéo thật chặt để đảm bảo dây không bị lỏng.

Lắp và tháo pin

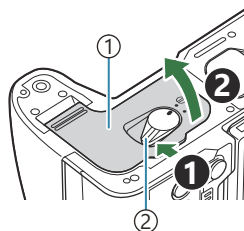
Lắp pin

1. Xác nhận lấy **ON/OFF** đang ở vị trí **OFF**.



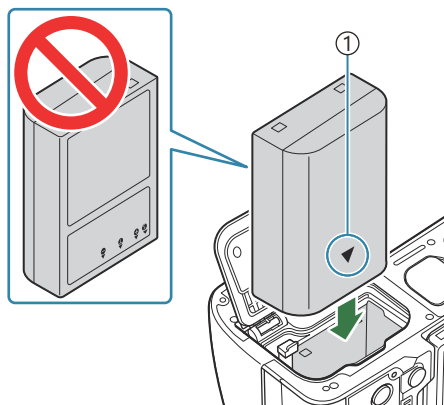
- ① Lẫy **ON/OFF**

2. Mở nắp ngăn pin.



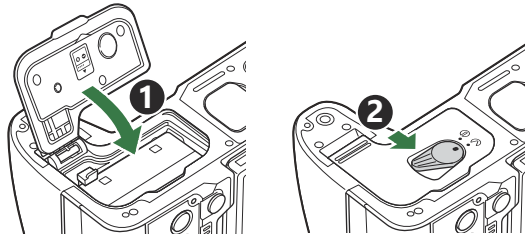
- ① Nắp ngăn pin
② Khóa ngăn pin

3. Lắp pin.
 - Chỉ sử dụng pin BLX-1 (P.26, P.508).



- ① Dấu chỉ hướng

4. Đóng nắp ngăn pin.

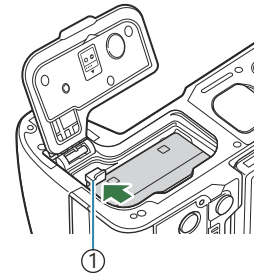


⚠ Đảm bảo đóng nắp ngăn pin trước khi sử dụng máy ảnh.

- 🔧 Nên dự trữ một pin dự phòng để chụp ảnh trong thời gian dài phòng khi pin đang sử dụng bị hết.
- 🔧 Xem thêm "Pin" (P.472).

Tháo pin

Tắt máy ảnh trước khi mở hoặc đóng nắp ngăn pin. Để tháo pin, trước tiên hãy trượt chốt khoá pin theo hướng mũi tên, sau đó tháo pin ra.



① Chốt khoá pin

- ⚠ Hãy liên hệ với nhà phân phối hoặc trung tâm dịch vụ được ủy quyền nếu bạn không thể tháo pin ra khỏi máy ảnh. Không dùng lực quá mạnh.
- ⚠ Không được tháo pin hoặc thẻ nhớ khi chỉ báo ghi thẻ (P.45) hiển thị.

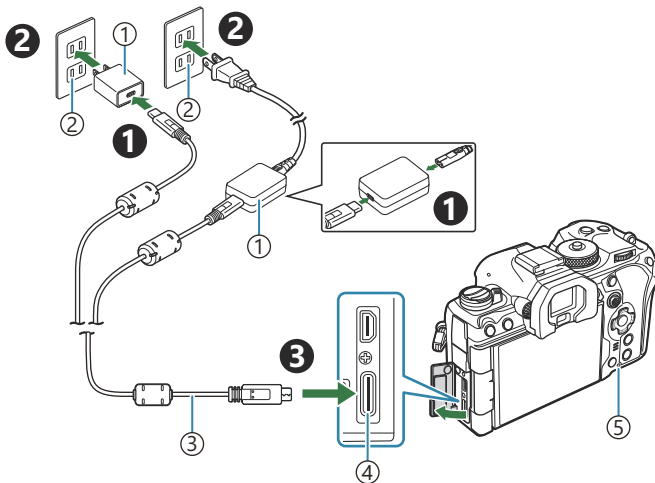
Sạc pin bằng bộ chuyển đổi USB-AC

⚠ Pin sẽ không được sạc đầy tại thời điểm mua. Sạc pin trước khi sử dụng.

1. Kiểm tra xem pin có trong máy ảnh không, rồi kết nối cáp USB và bộ chuyển đổi USB-AC.

- Khi gắn cáp USB, hãy sử dụng bộ bảo vệ cáp và kẹp cáp tùy chọn để tránh làm hỏng đầu nối và ngắt kết nối. 📖 "Kẹp cáp (CC-1) / Bộ bảo vệ cáp (CP-2)" (P.486)

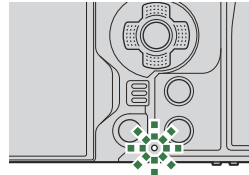
⚠ Không sử dụng bất kỳ cáp nào khác ngoài cáp USB (CB-USB13) đi kèm với máy ảnh hoặc bán riêng.



- ① Bộ chuyển đổi USB-AC
- ② Ổ cắm AC
- ③ Cáp USB (kèm theo máy)

- ④ Đầu nối USB
- ⑤ Đèn sạc pin

- Đèn sạc pin sẽ sáng trong quá trình sạc. Sạc khi tắt máy ảnh sẽ mất khoảng 2 giờ 30 phút. Đèn sẽ tắt khi pin được sạc đầy. Tháo cáp USB ra khỏi máy ảnh.



⚠ Nếu xảy ra lỗi sạc, đèn sạc pin sẽ nhấp nháy. Hãy tháo và kết nối lại cáp USB.

🔌 Pin sẽ được sạc bất kể máy ảnh đang bật hay tắt.

Thời gian sạc sẽ lâu hơn nếu máy ảnh đang bật.

🔌 Quá trình sạc sẽ dừng lại khi nhiệt độ pin quá cao. Máy sẽ sạc pin tiếp tục sau khi nhiệt độ pin giảm xuống.

🔌 Có thể sử dụng bộ sạc (BCX-1: bán riêng) để sạc pin. (P.477).

🔌 Vì lý do an toàn, quá trình sạc có thể kéo dài hơn hoặc pin có thể không được sạc đầy khi sạc trong môi trường có nhiệt độ cao.

🔌 **Bộ chuyển đổi USB-AC**

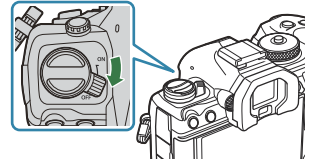
Đảm bảo rút bộ chuyển đổi USB-AC khi vệ sinh. Để bộ chuyển đổi USB-AC cắm vào máy trong khi vệ sinh có thể gây thương tích hoặc điện giật.

Sạc pin bằng thiết bị USB

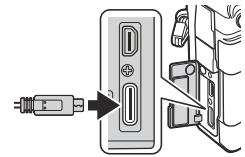
Pin lắp vào máy ảnh sẽ được sạc khi máy ảnh được kết nối với thiết bị USB tương thích USB PD thông qua cáp USB.

Sạc qua USB

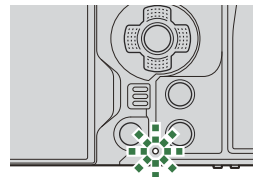
1. Xác nhận lẫy **ON/OFF** đang ở vị trí **OFF**.



2. Kết nối máy ảnh với thiết bị USB bằng cáp USB.



- Khi gắn cáp USB, hãy sử dụng bộ bảo vệ cáp và kẹp cáp tùy chọn để tránh làm hỏng đầu nối và ngắt kết nối. 📖 ["Kẹp cáp \(CC-1\) / Bộ bảo vệ cáp \(CP-2\)" \(P.486\)](#)
- Đèn sạc pin sẽ sáng trong quá trình sạc. Thời gian sạc thay đổi tùy theo đầu ra của thiết bị USB. Đèn sẽ tắt khi pin được sạc đầy.



⚠️ Nếu xảy ra lỗi sạc, đèn sạc pin sẽ nhấp nháy. Hãy tháo và kết nối lại cáp USB.


🔌 Nguồn điện sẽ ngừng cung cấp khi pin được sạc. Tháo và lắp lại cáp USB để tiếp tục sạc.

🔌 Máy ảnh có thể được cấp nguồn bằng pin sạc dự phòng hoặc các thiết bị tương tự được kết nối qua USB. Để biết chi tiết, vui lòng xem phần ["Cấp nguồn cho máy ảnh qua USB \(USB PD\)" \(P.468\)](#).

Lắp và tháo thẻ

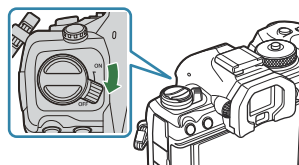
Lắp thẻ

Trong tài liệu hướng dẫn này, tất cả các thiết bị lưu trữ đều được gọi là “thẻ”. Các loại thẻ nhớ SD (có sẵn trên thị trường) sau đây có thể được sử dụng với máy ảnh này: SD, SDHC, và SDXC.

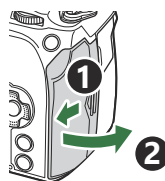
Các thẻ phải được định dạng bằng máy ảnh này trước khi sử dụng lần đầu hoặc sau khi được sử dụng với máy ảnh hoặc máy tính khác.  “[Định dạng thẻ \(Card Formatting\)](#)” (P388)

Máy ảnh này có hai khe cắm thẻ.

1. Xác nhận lẫy **ON/OFF** đang ở vị trí **OFF**.




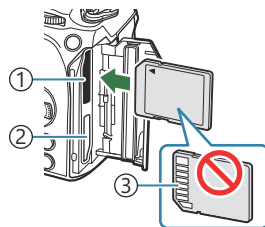
2. Mở nắp ngăn thẻ.



3. Lắp thẻ.

- Trượt thẻ vào cho đến khi thẻ khóa vào đúng vị trí.

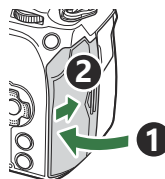
 Không cố gắng lắp thẻ bị hỏng hoặc bị biến dạng. Làm như vậy có thể làm hỏng khe cắm thẻ.



- ① Khe thẻ 1
- ② Khe thẻ 2
- ③ Khu vực đầu cực

4. Đóng nắp ngăn thẻ.

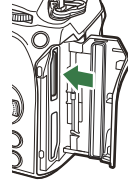
- Đóng chặt nắp cho đến khi bạn nghe thấy tiếng tách.



Tháo thẻ

Nhấn thẻ vào để đẩy thẻ ra. Rút thẻ ra.

- ⚠ Không được tháo pin hoặc thẻ nhớ khi chỉ báo ghi thẻ (P.45) hiển thị.



Sử dụng hai thẻ nhớ

Khi hai thẻ nhớ được lắp vào, bạn có thể chọn cách sử dụng từng thẻ theo mục đích của mình.

👉 “Cài đặt thẻ để ghi (📷 Card Slot Settings / 📷 Card Slot Settings)” (P.389)

- Chỉ ghi vào thẻ đã chọn
- Ghi vào thẻ đã chọn cho đến khi thẻ đầy, sau đó ghi vào thẻ thứ hai
- Ghi ảnh với các kích thước hoặc tỷ lệ nén khác nhau vào các thẻ khác nhau
- Ghi bản sao của mỗi ảnh vào cả hai thẻ

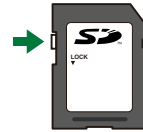
Thẻ có thể sử dụng

Trong tài liệu hướng dẫn này, tất cả các thiết bị lưu trữ đều được gọi là “thẻ”. Các loại thẻ nhớ SD (có sẵn trên thị trường) sau đây có thể được sử dụng với máy ảnh này: SD, SDHC, và SDXC. Để biết thông tin mới nhất, vui lòng truy cập trang web của chúng tôi.



Công tắc bảo vệ ghi thẻ SD

Thân thẻ SD có một công tắc bảo vệ ghi. Đặt công tắc sang “LOCK” (khóa) sẽ ngăn không cho dữ liệu được ghi vào thẻ. Chuyển công tắc về vị trí mở khóa để cho phép ghi.



- ⚠ Khi quay phim, hãy sử dụng thẻ SD hỗ trợ tốc độ chuẩn SD từ 10 trở lên.
- ⚠ Cần sử dụng thẻ UHS-II hoặc UHS-I với tốc độ chuẩn UHS từ 3 trở lên khi:
- [4K] hoặc [C4K] được chọn cho độ phân giải phim trong [📷 ⏪]
 - [A-I] (All-Intra) được chọn cho bù chuyển động trong [📷 ⏪]
- 🔊 Dữ liệu trong thẻ sẽ không bị xóa hoàn toàn ngay cả sau khi định dạng thẻ hoặc xóa dữ liệu. Khi vút bỏ, hãy hủy thẻ để ngăn chặn rò rỉ thông tin cá nhân.

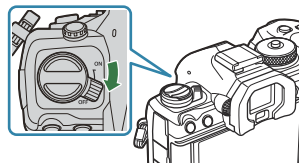
⚙️ Quyền truy cập vào một số chức năng phát lại và các chức năng tương tự có thể bị hạn chế khi công tắc bảo vệ ghi ở vị trí "LOCK".

Lắp và tháo ống kính

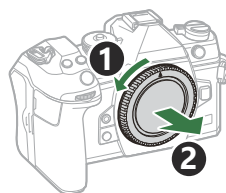
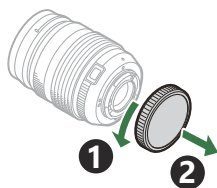
Gắn ống kính vào máy ảnh

Xem phần “Ống kính có thể thay thế” (P.474) để biết thông tin về các loại ống kính tương thích.

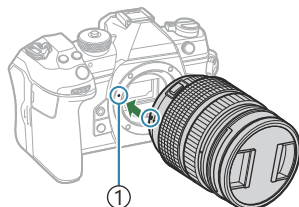
1. Xác nhận lẫy **ON/OFF** đang ở vị trí **OFF**.



2. Tháo nắp sau của ống kính và nắp thân máy ảnh.



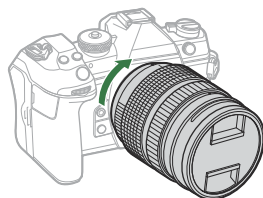
3. Căn chỉnh dấu gắn ống kính (màu đỏ) trên máy ảnh với dấu căn chỉnh (màu đỏ) trên ống kính, sau đó lắp ống kính vào thân máy ảnh.



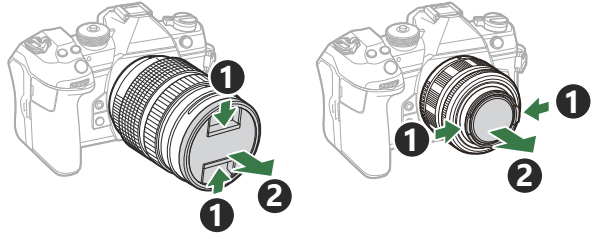
① Dấu gắn ống kính

4. Xoay ống kính theo chiều kim đồng hồ cho đến khi bạn nghe thấy tiếng tách.

- ⚠ Không nhấn nút tháo ống kính.
- ⚠ Không chạm vào các bộ phận bên trong của máy ảnh.

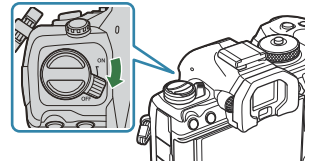


5. Tháo nắp ống kính phía trước.

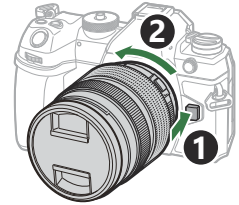


Tháo ống kính

1. Xác nhận lấy **ON/OFF** đang ở vị trí **OFF**.

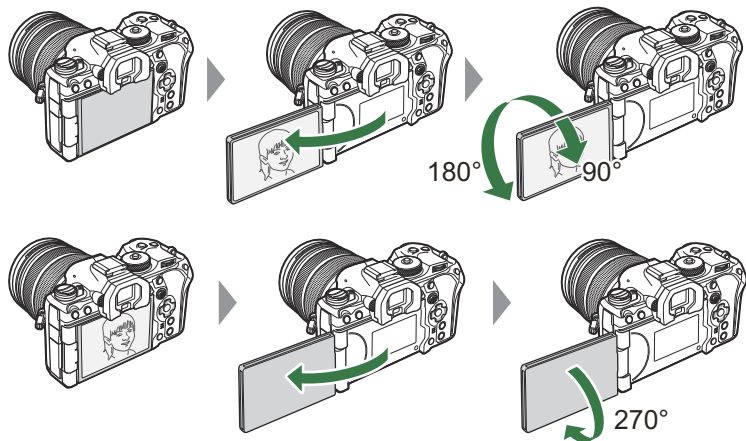


2. Giữ nút tháo ống kính và xoay ống kính như hình minh họa.

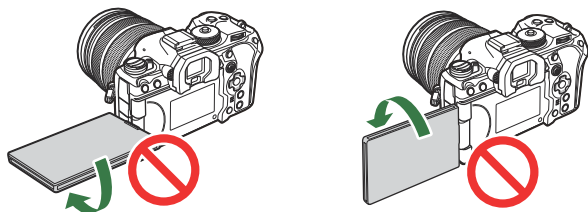


Sử dụng màn hình

Xoay màn hình để dễ xem hơn. Góc của màn hình có thể được điều chỉnh tùy theo điều kiện tại thời điểm chụp.



- Xoay nhẹ màn hình trong phạm vi chuyển động của màn hình. Nếu cố gắng xoay màn hình vượt quá giới hạn được hiển thị dưới đây, có thể làm hỏng các đầu nối.



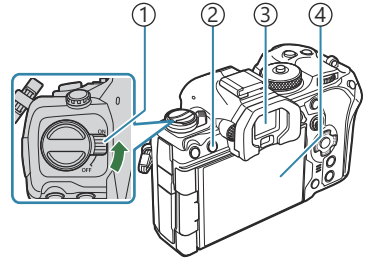
- Máy ảnh có thể được cấu hình để hiển thị hình ảnh phản chiếu của góc nhìn qua ống kính hoặc tự động thu phóng ống kính thu phóng điện khi màn hình được xoay để tự chụp ảnh chân dung.

👉 "Hỗ trợ tự chụp ảnh (Selfie Assist)" (P.368)

Bật máy ảnh

1. Đặt lẫy **ON/OFF** sang vị trí **ON**.

- Khi máy ảnh được bật, màn hình sẽ bật và hiển thị bảng siêu điều khiển.




- ① Lẫy **ON/OFF**
- ② Nút **LV (LV)**
- ③ Kính ngắm
- ④ Màn hình

Mức pin

Máy ảnh sẽ hiển thị mức pin hiện đang sử dụng. Mức pin được hiển thị dưới dạng phần trăm.




- Chỉ báo  nhấp nháy màu đỏ khi mức pin còn 10%.



- Nhấn nút **LV (LV)**; hộp thoại xác nhận sẽ hiển thị.
- Kính ngắm sẽ bật khi bạn đưa mắt vào kính ngắm. Khi kính ngắm sáng lên, màn hình sẽ tắt.
- Để tắt máy ảnh, hãy đưa lẫy về vị trí **OFF**.


🔗 Có thể cấu hình lẫy **Fn** để bật và tắt máy ảnh bằng tùy chọn [**Fn Lever/Power Lever**]. 📖 “Cấu hình [**Fn Lever/Power Lever**]” (P.357)

Chế độ ngủ

Nếu không có thao tác điều khiển nào được sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định, máy ảnh sẽ tự động chuyển sang chế độ tạm dừng để giảm hao pin. Đây được gọi là “chế độ ngủ”.

- Khi máy ảnh chuyển sang chế độ ngủ, màn hình sẽ tắt và hoạt động bị tạm dừng. Nhấn nút chụp hoặc nút  để kích hoạt lại máy ảnh.
- Nếu không có thao tác nào được thực hiện trong khoảng thời gian đã đặt sau khi máy ảnh đi vào chế độ ngủ, máy ảnh sẽ tự động tắt. Có thể kích hoạt lại máy ảnh bằng cách bật lại máy ảnh.

⚠️ Máy ảnh có thể cần thêm thời gian để khôi phục từ chế độ ngủ khi chọn **[On]** (đã bật) cho **[ Settings] > [Power-off Standby]**.  “Cài đặt không dây khi máy ảnh tắt (Power-off Standby)” (P.429)

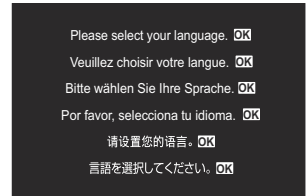
🔧 Có thể chọn thời gian chờ trước khi máy ảnh chuyển sang chế độ ngủ hoặc tự động tắt trong menu.  “Cài đặt tùy chọn ngủ (Tiết kiệm điện) (Sleep)” (P.411), “Cài đặt tùy chọn tự động tắt nguồn (Auto Power Off)” (P.412)

Thiết lập ban đầu

Sau khi bật máy ảnh lần đầu tiên, hãy thực hiện thiết lập ban đầu bằng cách chọn ngôn ngữ và cài đặt đồng hồ máy ảnh.

🕒 Tên tập tin sẽ bao gồm cả thông tin ngày và giờ. Đảm bảo cài đặt đúng ngày và giờ trước khi sử dụng máy ảnh. Một số chức năng không khả dụng nếu ngày và giờ chưa được thiết lập.

1. Nhấn nút **OK** khi hộp thoại thiết lập ban đầu được hiển thị để nhắc bạn chọn ngôn ngữ hiển thị.



2. Làm nổi ngôn ngữ mong muốn bằng cách sử dụng nút xoay phía trước hoặc phía sau, hoặc các nút Δ ∇ \triangleleft \triangleright .



3. Nhấn nút **OK** khi ngôn ngữ mong muốn được làm nổi.

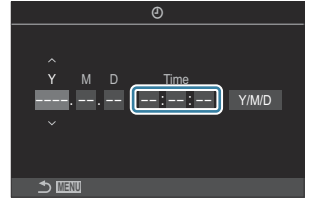


- Nếu bạn nhấn nút chụp trước khi nhấn nút **OK**, máy ảnh sẽ thoát sang chế độ chụp và không có ngôn ngữ nào được chọn. Bạn có thể thực hiện thiết lập ban đầu bằng cách tắt rồi bật lại máy ảnh để hiển thị hộp thoại thiết lập ban đầu và lặp lại quy trình từ Bước 1.

👉 Có thể thay đổi ngôn ngữ bất cứ lúc nào từ menu. 🗨️ “[Cần làm gì nếu không thể đọc màn hình hiển thị](#)” (P.43)

4. Đặt ngày, giờ và định dạng ngày.

- Sử dụng các nút ◀▶ để làm nổi các mục.
- Sử dụng các nút ▲▼ để thay đổi mục được làm nổi.
- Thời gian được hiển thị theo đồng hồ 24 giờ.



☞ Bạn có thể điều chỉnh đồng hồ bất cứ lúc nào từ menu. ☞ “Cài đặt đồng hồ máy ảnh (⌚ Settings)” (P.416)

5. Nhấn nút **OK**.

6. Làm nổi múi giờ bằng các nút ▲▼ sau đó nhấn nút **OK**.

- Nhấn nút **INFO** để bật hoặc tắt thời gian tiết kiệm ánh sáng ngày.

7. Nhấn nút **OK** để lưu thay đổi và thoát.

☞ Thông tin ngày và giờ được ghi trên thẻ cùng với ảnh.

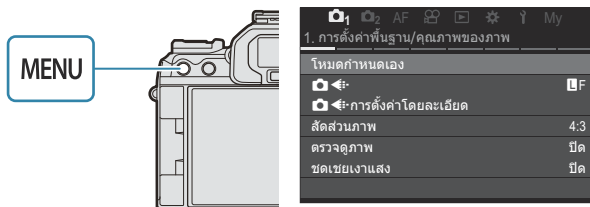
☞ Nếu tháo pin khỏi máy ảnh và để máy ảnh như vậy một thời gian, ngày và giờ có thể bị đặt lại. Nếu điều này xảy ra, hãy cài đặt ngày và giờ bằng menu. ☞ “Cài đặt đồng hồ máy ảnh (⌚ Settings)” (P.416)

☞ Bạn cũng có thể cần điều chỉnh tỷ lệ khung hình trước khi quay phim. ☞ “Cài đặt chất lượng ảnh và phim (📷 / 📹)” (P.213)

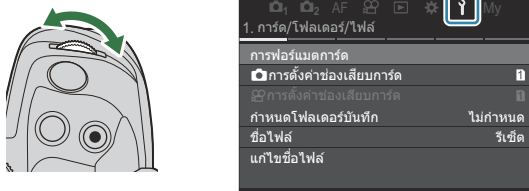
Cần làm gì nếu không thể đọc màn hình hiển thị

Nếu bạn thấy các ký tự hoặc từ lạ của ngôn ngữ khác, có thể ngôn ngữ bạn muốn chưa được chọn. Thực hiện theo các bước dưới đây để chọn ngôn ngữ khác.

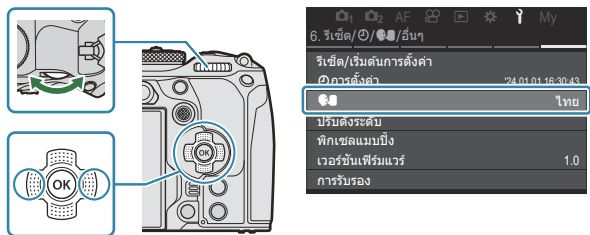
1. Nhấn nút **MENU** để xem các menu.



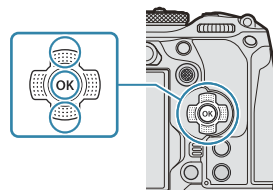
2. Làm nổi thẻ **Y** (thiết lập) bằng nút xoay phía trước.



3. Chọn màn hình có hiển thị **[OK]** bằng cách sử dụng các nút **<|>** hoặc nút xoay phía sau.



4. Đánh dấu **[OK]** bằng các nút **△ ▽** và nhấn nút **OK**.



5. Làm nổi ngôn ngữ mong muốn bằng các nút Δ ∇ \triangleleft \triangleright và nhấn nút **OK**.

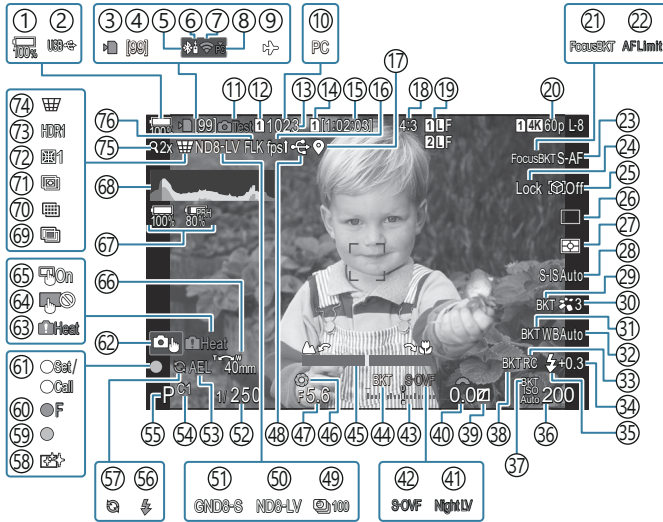


Chụp

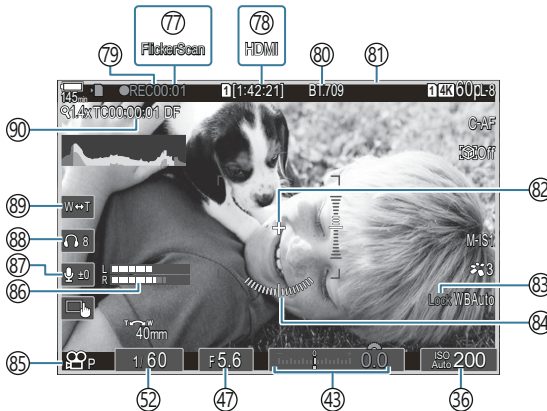
Hiển thị thông tin trong khi chụp








Để biết thông tin về bảng siêu điều khiển, hiển thị trên màn hình theo mặc định, vui lòng xem phần “Cài đặt khả dụng trong Bảng siêu điều khiển/Bảng siêu điều khiển LV” (P.95).

Hiển thị màn hình trong khi chụp ảnh tĩnh




Hiển thị màn hình trong chế độ quay phim



- ① Mức pin (P.39)
- ② USB PD (P.468)
- ③ Chỉ báo ghi thẻ (P.29, P.34)
- ④ Số lượng ảnh chụp liên tục tối đa (P.194)
- ⑤ Kết nối **Bluetooth**[®] đang hoạt động (P.428, P.455)
- ⑥ Điều khiển từ xa (P.455)
- ⑦ Kết nối mạng LAN không dây (P.426, P.441)
- ⑧ Kết nối đang hoạt động với máy tính (Wi-Fi) (P.441)
- ⑨ Chế độ máy bay (P.424)
- ⑩ Kết nối đang hoạt động với máy tính (USB)¹ (P.462, P.464, P.465, P.466)
- ⑪ Ảnh thử (P.337)
- ⑫  Lưu cài đặt (P.390)
- ⑬ Số lượng ảnh tĩnh có thể lưu trữ (P.553)
- ⑭  Lưu khe (P.391)
- ⑮ Thời gian ghi khả dụng (P.556)
- ⑯ Tốc độ khung hình (P.365)
- ⑰ Thông tin vị trí Bluetooth (P.435)
- ⑱ Tỷ lệ khung hình (P.220)
- ⑲  Chất lượng ảnh (P.213)
- ⑳  Chất lượng phim (P.214)
- ㉑ Focus BKT (P.280)
- ㉒ AF Limiter (P.132)
- ㉓ Chế độ AF (P.102)
- ㉔ Khóa chọn chủ thể (P.124)
- ㉕ Phát hiện chủ thể (P.123)
- ㉖ Chụp khác (Đơn, Liên tiếp, Hẹn giờ, Chống rung do màn trập, Chế độ im lặng, Chụp chuyên nghiệp) (P.192 / P.199 / P.200 / P.202)
- ㉗ Chế độ đo sáng (P.161)
- ㉘ Chống rung ảnh (P.206)
- ㉙ ART BKT (P.278)
- ㉚ Chế độ ảnh (P.222)
- ㉛ WB BKT (P.275)
- ㉜ Cân bằng trắng (P.230)
- ㉝ Chế độ RC (P.187)
- ㉞ Kiểm soát cường độ đèn flash (P.186)
- ㉟ Chế độ đèn flash (P.181)
- ㊱ Độ nhạy ISO (P.168)
- ㊲ ISO BKT (P.277)
- ㊳ FL BKT (P.276)
- ㊴ Kiểm soát sáng và tối (P.345)
- ㊵ Giá trị bù phơi sáng (P.155)
- ㊶  Tầm nhìn ban đêm (P.364)
- ㊷  Chế độ LV (P.363)
- ㊸ Bù phơi sáng (P.155)
- ㊹ AE BKT (P.273)
- ㊺ Chỉ báo lấy nét (P.147)
- ㊻ Xem trước (P.361)
- ㊼ Giá trị khẩu độ (P.59, P.62)
- ㊽ Kết nối USB đang hoạt động (P.462, P.464, P.465, P.466, P.468)
- ㊾ Chụp ngắt quãng (P.262)
- ㊿ Chụp ND trực tiếp (P.245)
- 1 Chụp GND trực tiếp (P.248)
- 2 Tốc độ màn trập (P.59, P.64)
- 3 Khóa AE (P.162)
- 4 Chế độ tùy chỉnh (P.75)
- 5 Chế độ chụp (P.59)
- 6 Đèn flash (nhấp nháy: đang sạc, sáng lên: đã sạc xong) (P.177)
- 7 Pro Capture đang hoạt động (P.202)
- 8 Giảm bụi (P.494)
- 9 Dấu xác nhận AF (P.52)
- 0  SH2 Cảnh báo khẩu độ (P.192)
- 1 Chức năng SET/CALL (P.476)

- ⑥2 Điều khiển cảm ứng (P.55)
- ⑥3 Cảnh báo nhiệt độ bên trong (P.500)
- ⑥4 Khóa điều khiển cảm ứng (P.337)
- ⑥5 Phím định mục tiêu AF (P.146)
- ⑥6 Hướng thu phóng/Độ dài tiêu cự
- ⑥7 Tất cả thông tin về pin (P.39, P.28)
- ⑥8 Biểu đồ (P.51)
- ⑥9 Chụp ảnh chồng hình (P.257)
- ⑦0 Chụp độ phân giải cao (P.241)
- ⑦1 Xếp chồng lấy nét (P.252)
- ⑦2 Bù mắt cá (P.268)
- ⑦3 HDR (P.255)
- ⑦4 Bù méo hình thang (P.266)
- ⑦5 Bộ chuyển đổi tele kỹ thuật số (P.261)
- ⑦6 Chụp chống nháy (P.205)
- ⑦7 Quét nhấp nháy (P.159)
- ⑦8 Đầu ra HDMI (P.287)
- ⑦9 Thời gian quay (hiển thị trong khi quay) (P.80)
- ⑧0 Hỗ trợ chế độ xem (P.240)
- ⑧1 Khung màu đỏ trong khi quay phim (P.292)
- ⑧2 Đánh dấu trung tâm (P.289)
- ⑧3 Khóa tự động WB (P.235)
- ⑧4 Thước đo độ cân bằng (P.51)
- ⑧5 Mode (Chế độ phơi sáng quay phim) (P.81)
- ⑧6 Thanh đo mức ghi âm (P.84)
- ⑧7 Mức ghi âm (P.84)
- ⑧8 Âm lượng tai nghe (P.84)
- ⑧9 Thu phóng điện tử (P.84)
- ⑨0 Mã thời gian (P.286)

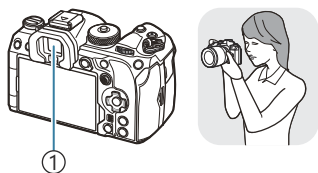
1 Chỉ hiển thị khi được kết nối với OM Capture và máy tính hiện đang được chọn trong menu [ **RAW/Control**] làm đích đến duy nhất cho những ảnh mới (P.462).

Chuyển đổi giữa các hiển thị

Máy ảnh sử dụng cảm biến mắt để tự động chuyển đổi giữa kính ngắm và màn hình hiển thị. Kính ngắm và màn hình hiển thị (bảng siêu điều khiển/xem trực tiếp) cũng hiển thị thông tin về cài đặt máy ảnh. Có các tùy chọn để kiểm soát việc chuyển đổi màn hình và chọn thông tin hiển thị. Màn hình máy ảnh sẽ hiển thị bảng siêu điều khiển (P.91) theo mặc định.

Đóng khung ảnh trong kính ngắm

Kính ngắm sẽ tự động bật khi bạn đưa kính ngắm lên mắt. Khi kính ngắm sáng lên, màn hình sẽ tắt.

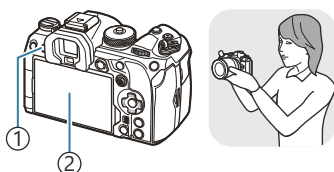


① Kính ngắm



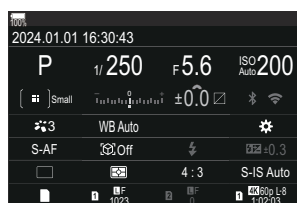
Đóng khung ảnh trong màn hình

Màn hình hiển thị bảng siêu điều khiển. Màn hình sẽ chuyển sang chế độ xem trực tiếp khi bạn nhấn nút **LV**.

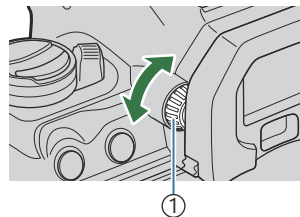


① Nút **LV**

② Màn hình



- Nếu kính ngấm không lấy nét, hãy hướng mắt vào kính ngấm và lấy nét màn hình bằng cách xoay nút xoay điều chỉnh đi-ốp.



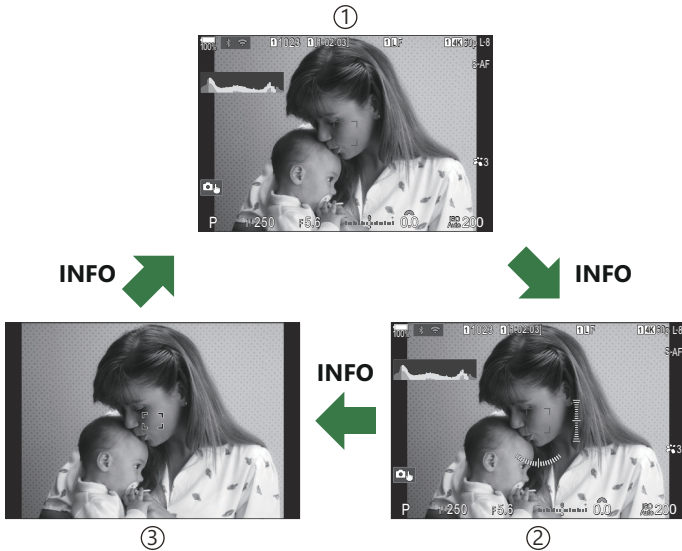
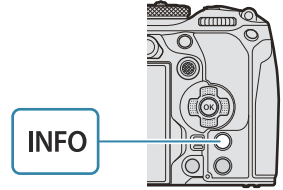
① Nút xoay điều chỉnh đi-ốp

☞ Có sẵn tùy chọn chuyển đổi hiển thị và hiển thị kính ngấm. ☞ “Chọn kiểu màn hình hiển thị của kính ngấm (EVF Style)” (P.369), “Cấu hình cảm biến mắt (Eye Sensor Settings)” (P.403)

Chuyển đổi hiển thị thông tin

PASMB 

Bạn có thể chuyển đổi thông tin được hiển thị trên màn hình trong khi chụp bằng nút **INFO**.



- ① Thông tin 1
- ② Thông tin 2 (chỉ chế độ chụp ảnh tĩnh)
- ③ Chỉ ảnh


👉 Các màn hình hiển thị thông tin có thể được chuyển đổi theo bất kỳ hướng nào bằng cách xoay nút xoay trong khi nhấn nút **INFO**.

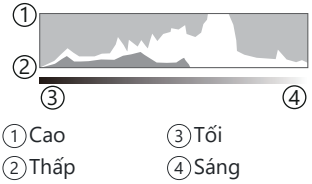
👉 Thông tin hiển thị ở chế độ chụp ảnh tĩnh và thông tin hiển thị ở chế độ phim có thể được thiết lập riêng. 👉 “Đèn báo chụp (📷 Info Settings / 🎥 Info Settings)” (P.371)

👉 Bạn có thể chọn xem có hiển thị thông tin hay không khi nút chụp được nhấn xuống một nửa.


👉 “Cấu hình màn hình hiển thị khi nhấn nút chụp xuống một nửa (Info by half-pressing 📷)” (P.374)

Màn hình hiển thị biểu đồ

Biểu đồ phơi sáng cho thấy sự phân bố độ sáng trong ảnh được hiển thị. Trục ngang biểu thị độ sáng, trục dọc biểu thị số lượng điểm ảnh của từng độ sáng trong ảnh. Các vùng vượt quá giới hạn trên khi chụp sẽ hiển thị màu đỏ, các vùng dưới giới hạn dưới sẽ hiển thị màu xanh dương, và các vùng nằm trong phạm vi đo sáng điểm sẽ hiển thị màu xanh lá. Bạn có thể chọn giới hạn trên và giới hạn dưới.  [“Cảnh báo phơi sáng biểu đồ \(Histogram Settings\)” \(P.381\)](#)




Vùng sáng và vùng tối

Các vùng sáng và vùng tối, được xác định theo giới hạn trên và dưới của màn hình biểu đồ phơi sáng, đều được hiển thị bằng màu đỏ và xanh dương. Bạn có thể chọn giới hạn trên và giới hạn dưới.  [“Cảnh báo phơi sáng biểu đồ \(Histogram Settings\)” \(P.381\)](#)

Màn hình hiển thị thước đo độ cân bằng

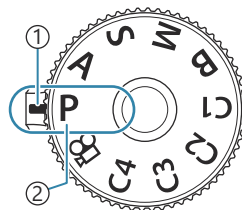
Biểu thị hướng của máy ảnh. Hướng “ngiênêng” được biểu thị trên thanh dọc và hướng “ngang” được biểu thị trên thanh ngang.

- Thước đo độ cân bằng chỉ có tác dụng hướng dẫn.
- Hiệu chỉnh thước đo nếu bạn thấy thước đo không thẳng đứng hoặc cân bằng.  [“Hiệu chỉnh thước đo độ cân bằng \(Level Adjust\)” \(P.418\)](#)

Chụp ảnh tĩnh

PASMB 

Sử dụng nút xoay chế độ để chọn chế độ chụp, và sau đó chụp ảnh.




- ① Đền báo
- ② Biểu tượng chế độ

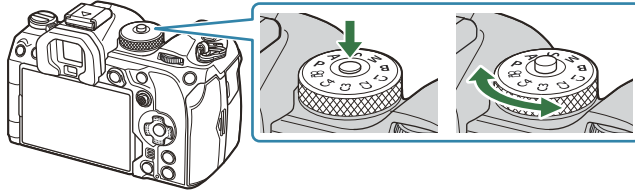
Các loại chế độ chụp

Để biết cách sử dụng các chế độ chụp khác nhau, hãy xem phần sau.

P	AE chương trình (P.59)
A	AE ưu tiên khẩu độ (P.62)
S	AE ưu tiên màn trập (P.64)
M	Phơi sáng thủ công (P.66)
B	Bulb/thời gian (P.69)
	Tổng hợp trực tiếp (P.72)
C1/C2/C3/C4	Tùy chỉnh (P.77)

🔍 Để biết thông tin về vị trí  trên nút xoay chế độ, xem phần “[Quay phim ở chế độ phim \(🎥\)](#)” ([P.80](#)).

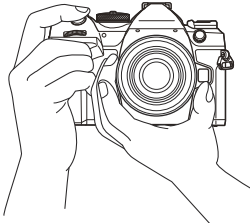
1. Nhấn khóa nút xoay chế độ để mở khóa, sau đó xoay để đặt chế độ bạn muốn sử dụng.



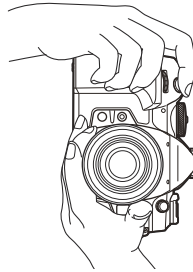
- Khi khóa nút xoay chế độ được nhấn xuống, nút xoay chế độ sẽ bị khóa. Mỗi lần bạn nhấn khóa nút xoay chế độ, nó sẽ chuyển đổi giữa khóa và mở khóa.

2. Chọn khung hình chụp.

- ⚠ Lưu ý không để ngón tay hoặc dây đeo máy ảnh làm cản trở ống kính hoặc đèn chiếu sáng AF.



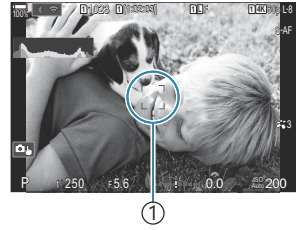
Vị trí khung hình ngang
(Landscape)



Vị trí khung hình dọc (Portrait)

3. Điều chỉnh lấy nét.

- Đặt khung lấy nét tự động (khung AF) vào chủ thể.

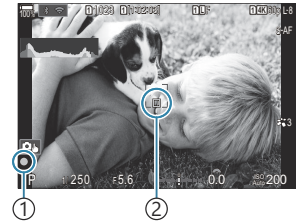


① Khung AF

- Nhấn nhẹ nút chụp xuống vị trí đầu tiên (nhấn nút chụp xuống một nửa).



- Dấu xác nhận AF (●) sẽ được hiển thị, và khung màu xanh lá (mục tiêu AF) sẽ được hiển thị tại vị trí lấy nét.



① Dấu xác nhận AF

② Mục tiêu AF

☞ Bạn cũng có thể lấy nét bằng cách nhấn nút **AF-ON** (P.119).

⚠ Nếu máy ảnh không thể lấy nét, dấu xác nhận AF sẽ nhấp nháy (P.496).

⚠ Khung AF thay đổi tùy theo tùy chọn được chọn cho chế độ mục tiêu AF. Thay đổi vùng (P.108) và vị trí (P.107) của mục tiêu AF theo yêu cầu.

⚠ Khung AF không được hiển thị khi [ALL] được chọn cho chế độ mục tiêu AF (P.108).

4. Nhả màn trập.

- Nhấn nút chụp xuống hết cỡ (hoàn toàn).
- Máy ảnh sẽ nhả màn trập và chụp ảnh.

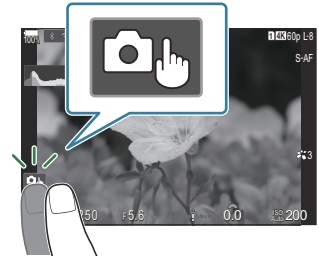












☞ Bạn có thể lấy nét và chụp ảnh bằng cách sử dụng điều khiển cảm ứng. 🖱️ “Chụp bằng thao tác màn hình cảm ứng” (P.55)

Chụp bằng thao tác màn hình cảm ứng



PASMB 

Bạn có thể chạm vào chủ thể để lấy nét và chụp ảnh.



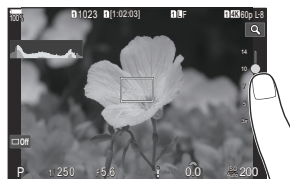
	Chạm vào chủ thể để lấy nét và tự động nhà màn trập. Tùy chọn này không khả dụng trong chế độ B (bóng đèn), trong chế độ  (phim) hoặc khi [AF] hoặc [AF MF] được chọn cho chế độ AF (P.102).
	Chức năng chụp bằng thao tác màn hình cảm ứng bị vô hiệu hóa.
	Chạm để hiển thị mục tiêu AF và lấy nét vào chủ thể trong vùng đã chọn. Bạn có thể sử dụng màn hình cảm ứng để chọn vị trí và kích thước của khung lấy nét. Có thể chụp ảnh bằng cách nhấn nút chụp.
	Khi máy ảnh phát hiện ra chủ thể, hãy chạm vào chủ thể đó để khóa làm chủ thể chính để lấy nét. Nhấn  để mở khóa.  được hiển thị khi [Subject Detection] được đặt thành cài đặt khác với [Off] (P.123).  Lựa chọn chủ thể không khả dụng khi [FHD 120/60pL-8] (quay phim tốc độ cao) được chọn cho [] trong chế độ  (phim) (P.214).

- Chạm vào biểu tượng để chuyển đổi cài đặt.

-  Không ấn vào màn hình hiển thị bằng móng tay hoặc các vật sắc nhọn khác.
-  Găng tay hoặc vỏ màn hình có thể ảnh hưởng đến hoạt động của màn hình cảm ứng.

Xem trước chủ thể (📷)

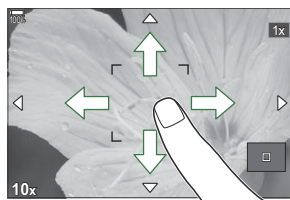
1. Chạm vào chủ đề trên màn hình.
 - Mục tiêu AF sẽ được hiển thị.
 - Sử dụng thanh trượt để chọn kích thước khung.



- Chạm **Off** để tắt hiển thị mục tiêu AF.

2. Sử dụng thanh trượt để điều chỉnh kích thước mục tiêu AF, sau đó chạm **🔍** để thu phóng tại vị trí khung.

- Sử dụng ngón tay để cuộn màn hình hiển thị khi ảnh được phóng to.



- Chạm **1x** để hủy hiển thị thu phóng.


⚠️ Các trường hợp không thể sử dụng các thao tác màn hình cảm ứng bao gồm như sau.

- Khi các nút hoặc nút xoay được sử dụng

👉 Bạn có thể tắt các thao tác màn hình cảm ứng. 👉 ["Tắt điều khiển cảm ứng \(Touchscreen Settings\)" \(P.400\)](#)

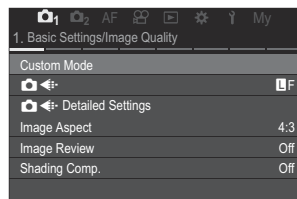
Xem lại ảnh (Image Review)


Ảnh sẽ được hiển thị ngay sau khi chụp. Tính năng này cho phép bạn xem lại ảnh chụp một cách nhanh chóng. Bạn có thể chọn thời gian hiển thị ảnh hoặc tắt hoàn toàn tính năng xem lại ảnh. Để kết thúc việc xem lại ảnh và tiếp tục chụp bất kỳ lúc nào, nhấn nút chụp xuống một nửa.


0.3–20sec	Chọn thời lượng hiển thị ảnh.
Off	Chức năng xem lại ảnh được tắt. Máy ảnh tiếp tục hiển thị hình ảnh qua ống kính sau khi chụp.
Auto 	Chuyển sang phát lại sau khi chụp. Bạn có thể xóa ảnh và thực hiện các thao tác phát lại khác.

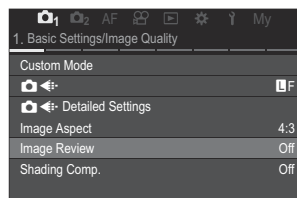
1. Nhấn nút **MENU** để xem các menu.

2. Làm nổi thẻ  bằng nút xoay phía trước.

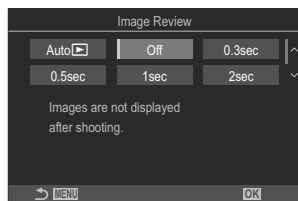


3. Làm nổi [1. Basic Settings/Image Quality] bằng cách sử dụng các nút   hoặc nút xoay phía sau.

4. Làm nổi [Image Review] bằng các nút   và nhấn nút **OK**.



5. Thay đổi cài đặt bằng các nút Δ ∇ \triangleleft \triangleright và nhấn nút **OK**.



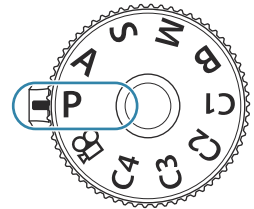
6. Nhấn nút **MENU** để thoát khỏi menu.

Cho phép máy ảnh chọn khẩu độ và tốc độ màn trập (P: Program AE)

P A S M B 

Máy ảnh sẽ chọn khẩu độ và tốc độ màn trập tối ưu theo độ sáng của chủ thể.

1. Xoay nút xoay chế độ đến P.






2. Thực hiện lấy nét và kiểm tra màn hình hiển thị.







- Sử dụng nút xoay phía trước và phía sau để điều chỉnh các cài đặt sau.
Nút xoay phía trước: Bù phơi sáng (P.155)
Nút xoay phía sau: Chuyển chương trình (P.61).
- Tốc độ màn trập và khẩu độ do máy ảnh chọn sẽ được hiển thị.



- ① Chế độ chụp
- ② Tốc độ màn trập
- ③ Khẩu độ




 Bù phơi sáng cũng có thể được điều chỉnh bằng nút . Nhấn nút  và sau đó xoay nút xoay phía trước hoặc nút xoay phía sau.



3. Nhả màn trập.

-  Bạn có thể chọn chức năng được thực hiện bởi nút xoay phía trước và phía sau.  “Gán chức năng cho các nút xoay phía trước và phía sau ( Dial Function /  Dial Function)” (P.348)
-  Bạn có thể sử dụng lấy Fn để đảo ngược chức năng của nút xoay phía trước và phía sau. Lấy Fn cũng có thể được gán các chức năng khác.  “Tùy chỉnh lấy Fn (Fn Lever Settings)” (P.353)

Chủ thể quá tối hoặc quá sáng

Nếu máy ảnh không thể đạt được độ phơi sáng tối ưu, phần hiển thị tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ nhấp nháy như hình minh họa.

Hiển thị	Vấn đề/giải pháp
Khẩu độ lớn (giá trị F thấp)/tốc độ màn trập chậm  F2.8	Chủ thể quá tối. <ul style="list-style-type: none">Sử dụng đèn flash.
Khẩu độ nhỏ (giá trị F cao)/tốc độ màn trập nhanh 	Chủ thể quá sáng. <ul style="list-style-type: none">Đã vượt quá giới hạn đo sáng của máy ảnh. Sử dụng bộ lọc ND (Trung hòa mật độ) của bên thứ ba để giảm lượng ánh sáng đi vào máy ảnh.Tốc độ màn trập nhanh đến 1/32000 giây khả dụng ở chế độ [♥] (yên lặng).  “Chụp ảnh không có âm thanh màn trập (Silent [♥] Settings)” (P.200), “Thực hiện chụp ảnh liên tiếp/hẹn giờ” (P.192)

 Khi [ISO] không được đặt thành [Auto], độ phơi sáng tối ưu có thể đạt được bằng cách thay đổi cài đặt.  “Thay đổi độ nhạy ISO (ISO)” (P.168)

 Giá trị khẩu độ hiển thị khi màn hình nhấp nháy sẽ thay đổi tùy theo ống kính và độ dài tiêu cự.

Chuyển chương trình

Không cần thay đổi độ phơi sáng, bạn có thể chọn từ các kết hợp khác nhau giữa khẩu độ và tốc độ màn trập được máy ảnh tự động chọn. Điều này được gọi là chuyển chương trình.

1. Xoay nút xoay phía sau cho đến khi máy ảnh hiển thị kết hợp khẩu độ và tốc độ màn trập mong muốn.

- Chỉ báo chế độ chụp trên màn hình sẽ thay đổi từ **P** sang **Ps** khi chuyển chương trình có hiệu lực. Để kết thúc chế độ chuyển chương trình, xoay nút xoay phía sau theo hướng ngược lại cho đến khi chỉ hiển thị **P**.



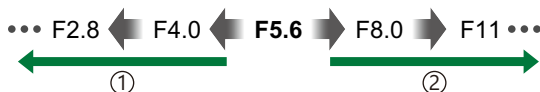
① Chuyển chương trình

Bạn có thể chọn hiển thị phản ánh các hiệu ứng của bù phơi sáng hoặc duy trì độ sáng không đổi để dễ dàng quan sát. [“Thay đổi giao diện của màn hình hiển thị \(LV Mode\)” \(P.363\)](#)

Chọn khẩu độ (A: Aperture-Priority AE)

P A S M B 

Ở chế độ này, bạn chọn khẩu độ (số F) và máy ảnh sẽ tự động đặt tốc độ màn trập để phơi sáng tối ưu theo độ sáng của chủ thể. Giá trị khẩu độ thấp (khẩu độ lớn hơn) làm giảm độ sâu của vùng được lấy nét (độ sâu trường ảnh), làm mờ nền phía sau. Giá trị khẩu độ cao (khẩu độ nhỏ hơn) làm tăng độ sâu của vùng được lấy nét phía trước và phía sau chủ thể.



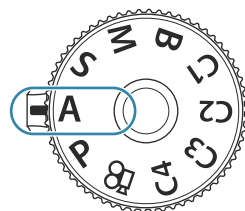
① Giá trị khẩu độ thấp...

...giảm độ sâu trường ảnh và tăng độ mờ.

② Giá trị khẩu độ cao...

...tăng độ sâu trường ảnh.

1. Xoay nút xoay chế độ đến A.

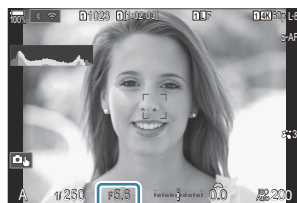


2. Điều chỉnh khẩu độ.

- Sử dụng nút xoay phía trước và phía sau để điều chỉnh các cài đặt sau.

Nút xoay phía trước: Bù phơi sáng (P155)



Nút xoay phía sau: Khẩu độ







①

① Khẩu độ

- Tốc độ màn trập được máy ảnh tự động chọn sẽ hiển thị trên màn hình.




☞ Bù phơi sáng cũng có thể được điều chỉnh bằng nút . Nhấn nút  và sau đó xoay nút xoay phía trước hoặc nút xoay phía sau.


3. Nhà màn trập.

- ☞ Bạn có thể chọn chức năng được thực hiện bởi nút xoay phía trước và phía sau.  “Gán chức năng cho các nút xoay phía trước và phía sau (📷 Dial Function / 📷 Dial Function)” (P.348)
- ☞ Bạn có thể sử dụng lẫy **Fn** để đảo ngược chức năng của nút xoay phía trước và phía sau. Lẫy **Fn** cũng có thể được gán các chức năng khác.  “Tùy chỉnh lẫy **Fn** (Fn Lever Settings)” (P.353)
- ☞ Bạn có thể chọn hiển thị phản ánh các hiệu ứng của bù phơi sáng hoặc duy trì độ sáng không đổi để dễ dàng quan sát.  “Thay đổi giao diện của màn hình hiển thị (📷 LV Mode)” (P.363)
- ☞ Bạn có thể giảm khẩu độ xuống giá trị đã chọn và xem trước độ sâu trường ảnh.  “Thay đổi chức năng của các nút (Button Settings)” (P.335)

Chủ thể quá tối hoặc quá sáng

Nếu máy ảnh không thể đạt được độ phơi sáng tối ưu, phần hiển thị tốc độ màn trập sẽ nhấp nháy như hình minh họa.

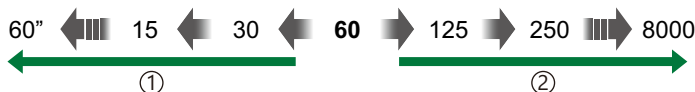
Hiển thị	Vấn đề/giải pháp
Tốc độ màn trập chậm 	Thiếu sáng. <ul style="list-style-type: none"> • Chọn giá trị khẩu độ thấp hơn.
Tốc độ màn trập nhanh 	Dư sáng. <ul style="list-style-type: none"> • Chọn giá trị khẩu độ cao hơn. • Nếu chủ thể vẫn bị phơi sáng quá mức ở giá trị cao hơn thì giới hạn của hệ thống đo sáng của máy ảnh đã bị vượt quá. Sử dụng bộ lọc ND (Trung hòa mật độ) của bên thứ ba để giảm lượng ánh sáng đi vào máy ảnh. • Tốc độ màn trập nhanh đến 1/32000 giây khả dụng ở chế độ [♥] (yên lặng).  “Chụp ảnh không có âm thanh màn trập (Silent [♥] Settings)” (P.200), “Thực hiện chụp ảnh liên tiếp/hẹn giờ” (P.192)

- ☞ Khi [📷 ISO] không được đặt thành [Auto], độ phơi sáng tối ưu có thể đạt được bằng cách thay đổi cài đặt.  “Thay đổi độ nhạy ISO (ISO)” (P.168)

Chọn tốc độ màn trập (S: Shutter-Priority AE)

P A S M B 

Ở chế độ này, bạn chọn tốc độ màn trập và máy ảnh sẽ tự động đặt khẩu độ để phơi sáng tối ưu theo độ sáng của chủ thể. Tốc độ màn trập nhanh hơn dường như có thể “đóng băng” các chủ thể chuyển động nhanh. Tốc độ màn trập chậm hơn làm mờ các vật thể chuyển động, tạo cảm giác chuyển động để mang lại hiệu ứng sinh động.



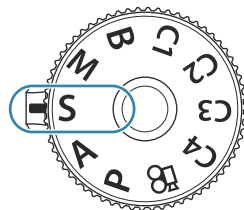
① Tốc độ màn trập chậm...

...tạo ra những bức ảnh sống động với cảm giác chuyển động.

② Tốc độ màn trập nhanh...

... “đóng băng” chuyển động của các chủ thể di chuyển nhanh.

1. Xoay nút xoay chế độ sang S.




2. Chọn tốc độ màn trập.

- Sử dụng nút xoay phía trước và phía sau để điều chỉnh các cài đặt sau.

Nút xoay phía trước: Bù phơi sáng (P.155)




Nút xoay phía sau: Tốc độ màn trập

- Chọn tốc độ màn trập từ 1/8000–60 giây.
- Tốc độ màn trập nhanh đến 1/32000 giây khả dụng ở chế độ yên lặng.  “Chụp ảnh không có âm thanh màn trập (Silent [♥] Settings)” (P.200), “Thực hiện chụp ảnh liên tiếp/hẹn giờ” (P.192)
- Khẩu độ được máy ảnh tự động chọn sẽ hiển thị trên màn hình.













①

① Tốc độ màn trập

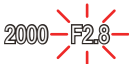

 Bù phơi sáng cũng có thể được điều chỉnh bằng nút . Nhấn nút  và sau đó xoay nút xoay phía trước hoặc nút xoay phía sau.



3. Nhà màn trập.

- ☞ Bạn có thể chọn chức năng được thực hiện bởi nút xoay phía trước và phía sau.  “Gán chức năng cho các nút xoay phía trước và phía sau ( Dial Function /  Dial Function)” (P.348)
- ☞ Bạn có thể sử dụng lẫy **Fn** để đảo ngược chức năng của nút xoay phía trước và phía sau. Lẫy **Fn** cũng có thể được gán các chức năng khác.  “Tùy chỉnh lẫy **Fn** (Fn Lever Settings)” (P.353)
- ☞ Bạn có thể chọn hiển thị phản ánh các hiệu ứng của bù phơi sáng hoặc duy trì độ sáng không đổi để dễ dàng quan sát.  “Thay đổi giao diện của màn hình hiển thị ( LV Mode)” (P.363)
- ☞ Để đạt được hiệu ứng màn trập chậm trong các môi trường có ánh sáng mạnh, nơi không thể sử dụng tốc độ màn trập chậm, hãy sử dụng bộ lọc ND trực tiếp.  “Giảm tốc độ màn trập trong điều kiện ánh sáng mạnh (Live ND Shooting)” (P.245)
- ☞ Tùy thuộc vào tốc độ màn trập được chọn, bạn có thể nhận thấy hiện tượng sọc trên màn hình do nhấp nháy từ ánh sáng huỳnh quang hoặc đèn LED. Máy ảnh có thể được cấu hình để giảm hiệu ứng nhấp nháy khi xem trực tiếp hoặc khi chụp ảnh.  “Giảm nhấp nháy trong ảnh (Anti-Flicker Shooting)” (P.205), “Giảm nhấp nháy dưới đèn LED ( Flicker Scan /  Flicker Scan)” (P.159)

Chủ thể quá tối hoặc quá sáng

Nếu máy ảnh không thể đạt được độ phơi sáng tối ưu, phần hiển thị khẩu độ sẽ nhấp nháy như hình minh họa.

Hiển thị	Vấn đề/giải pháp
Giá trị khẩu độ thấp 	Thiếu sáng. <ul style="list-style-type: none"> • Chọn tốc độ màn trập chậm hơn.
Giá trị khẩu độ cao 	Dư sáng. <ul style="list-style-type: none"> • Chọn tốc độ màn trập nhanh hơn. Tốc độ màn trập nhanh đến 1/32000 giây khả dụng ở chế độ yên lặng. • Nếu chủ thể vẫn bị phơi sáng quá mức ở tốc độ cao hơn thì giới hạn của hệ thống đo sáng của máy ảnh đã bị vượt quá. Sử dụng bộ lọc ND (Trung hòa mật độ) của bên thứ ba để giảm lượng ánh sáng đi vào máy ảnh.

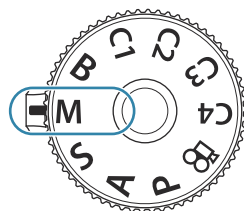
- ☞ Khi  **ISO** không được đặt thành **[Auto]**, độ phơi sáng tối ưu có thể đạt được bằng cách thay đổi cài đặt.  “Thay đổi độ nhạy ISO (ISO)” (P.168)
- ☞ Giá trị khẩu độ hiển thị khi màn hình nhấp nháy sẽ thay đổi tùy theo ống kính và độ dài tiêu cự.

Chọn khẩu độ và tốc độ màn trập (M: Manual Exposure)


PASMB 

Ở chế độ này, bạn chọn khẩu độ và tốc độ màn trập. Bạn có thể điều chỉnh các cài đặt theo mục tiêu của mình, ví dụ bằng cách kết hợp tốc độ màn trập nhanh với khẩu độ nhỏ (số f/ cao) để tăng độ sâu trường ảnh.

1. Xoay nút xoay chế độ đến M.






2. Điều chỉnh khẩu độ và tốc độ màn trập.





- Sử dụng nút xoay phía trước và phía sau để điều chỉnh các cài đặt sau.
Nút xoay phía trước: Khẩu độ
Nút xoay phía sau: Tốc độ màn trập
- Chọn tốc độ màn trập từ 1/8000–60 giây.
- Tốc độ màn trập nhanh đến 1/32000 giây khả dụng ở chế độ yên lặng.  “Chụp ảnh không có âm thanh màn trập (Silent [♥] Settings)” (P.200)
- Màn hình sẽ hiển thị sự khác biệt giữa độ phơi sáng tạo ra bởi khẩu độ và tốc độ màn trập đã chọn và độ phơi sáng tối ưu được đo bởi máy ảnh. Màn hình sẽ nhấp nháy nếu khác biệt vượt quá ± 3 EV.



① Khác biệt so với phơi sáng tối ưu




- Khi chọn [Auto] cho , độ nhạy ISO sẽ tự động được điều chỉnh để có độ phơi sáng tối ưu ở cài đặt phơi sáng đã chọn.  ISO mặc định là [Auto].  “Thay đổi độ nhạy ISO (ISO)” (P.168)

3. Nhả màn trập.

- ☞ Bạn có thể chọn chức năng được thực hiện bởi nút xoay phía trước và phía sau.  “Gán chức năng cho các nút xoay phía trước và phía sau (📷 Dial Function / 📷 Dial Function)” (P.348)
- ☞ Bạn có thể sử dụng lẫy **Fn** để đảo ngược chức năng của nút xoay phía trước và phía sau. Lẫy **Fn** cũng có thể được gán các chức năng khác.  “Tùy chỉnh lẫy **Fn** (Fn Lever Settings)” (P.353)
- ☞ Bạn có thể chọn hiển thị phản ánh các hiệu ứng của bù phơi sáng hoặc duy trì độ sáng không đổi để dễ dàng quan sát.  “Thay đổi giao diện của màn hình hiển thị (📷 LV Mode)” (P.363)
- ☞ Tùy thuộc vào tốc độ màn trập được chọn, bạn có thể nhận thấy hiện tượng sọc trên màn hình do nhấp nháy từ ánh sáng huỳnh quang hoặc đèn LED. Máy ảnh có thể được cấu hình để giảm hiệu ứng nhấp nháy khi xem trực tiếp hoặc khi chụp ảnh.  “Giảm nhấp nháy trong ảnh (Anti-Flicker Shooting)” (P.205), “Giảm nhấp nháy dưới đèn LED (📷 Flicker Scan / 📷 Flicker Scan)” (P.159)




Chủ thể quá tối hoặc quá sáng


Nếu máy ảnh không thể đạt được độ phơi sáng tối ưu khi chọn **[Auto]** cho **📷 ISO**, màn hình hiển thị độ nhạy ISO sẽ nhấp nháy như hình minh họa.

Hiển thị	Vấn đề/giải pháp
	<p>Dư sáng.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chọn giá trị khẩu độ cao hơn hoặc tốc độ màn trập nhanh hơn.
	<p>Thiếu sáng.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chọn giá trị khẩu độ thấp hơn hoặc tốc độ màn trập chậm hơn. • Nếu cảnh báo không hiển thị trên màn hình, hãy chọn giá trị độ nhạy ISO cao hơn.  “Thay đổi độ nhạy ISO (ISO)” (P.168), “Cài đặt phạm vi giá trị độ nhạy ISO được chọn ở chế độ [Auto] (📷 ISO-A Upper/Default / 📷 ISO-A Upper/Default)” (P.171)

Sử dụng Bù phơi sáng ở chế độ M

Ở chế độ **M**, bù phơi sáng khả dụng khi chọn **[Auto]** cho **[ISO]**. Bởi vì bù phơi sáng được thực hiện bằng cách điều chỉnh độ nhạy ISO nên khẩu độ và tốc độ màn trập không bị ảnh hưởng.

 “Thay đổi độ nhạy ISO (ISO)” (P.168), “Cài đặt phạm vi giá trị độ nhạy ISO được chọn ở chế độ [Auto] ( ISO-A Upper/Default /  MISO-A Upper/Default)” (P.171)

1. Giữ nút  và xoay nút xoay phía trước hoặc nút xoay phía sau.

- Bù phơi sáng được thêm vào độ chênh lệch phơi sáng hiển thị trên màn hình.




- ① Sự chênh lệch so với giá trị cài đặt phơi sáng khi đã thêm giá trị bù
- ② Giá trị bù phơi sáng

Phơi sáng thời gian dài (B: Bulb/Time)

P A S M B 

Chọn chế độ này để màn trập mở khi phơi sáng thời gian dài. Bạn có thể xem trước ảnh ở chế độ xem trực tiếp và kết thúc phơi sáng khi đạt được kết quả mong muốn. Sử dụng khi cần phơi sáng thời gian dài, ví dụ khi chụp cảnh đêm hoặc pháo hoa.

🕒 Khi chụp phơi sáng thời gian dài, nên cố định máy ảnh chắc chắn trên giá ba chân và đặt  **Image Stabilizer** (P206) thành **[S-IS Off]**.

Chụp ảnh “Bulb” và “Live Bulb”

Màn trập vẫn mở khi nút chụp được nhấn. Thao tác nhả nút sẽ kết thúc phơi sáng.

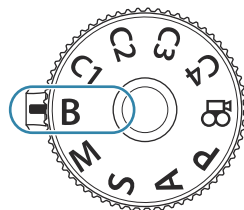
- Lượng ánh sáng đi vào máy ảnh sẽ tăng lên khi màn trập mở càng lâu.
- Khi chọn chế độ chụp ảnh live bulb, bạn có thể kiểm tra kết quả trên màn hình xem trực tiếp và kết thúc phơi sáng khi bạn muốn.

Chụp ảnh “Time” và “Live Time”

Quá trình phơi sáng bắt đầu khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ. Để kết thúc phơi sáng, hãy nhấn nút chụp xuống hết cỡ lần thứ hai.

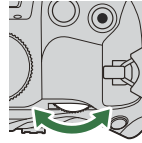
- Lượng ánh sáng đi vào máy ảnh sẽ tăng lên khi màn trập mở càng lâu.
- Khi chọn chế độ chụp ảnh thời gian trực tiếp, bạn có thể kiểm tra kết quả trên màn hình xem trực tiếp và kết thúc phơi sáng khi bạn muốn.

1. Xoay nút xoay chế độ sang **B**.



2. Chọn **[Bulb]** (để chụp ảnh bulb) hoặc **[Time]** (chụp ảnh thời gian).

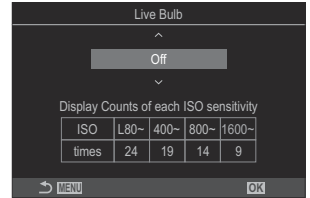
- Ở cài đặt mặc định, việc lựa chọn được thực hiện bằng nút xoay phía sau.



① Chụp ảnh bulb hoặc ảnh thời gian

3. Nhấn nút **MENU**.

- Bạn sẽ được yêu cầu chọn khoảng thời gian cập nhật bản xem trước.



4. Làm nổi khoảng thời gian bằng cách sử dụng $\Delta \nabla$.

5. Nhấn nút **OK** để lưu thay đổi.

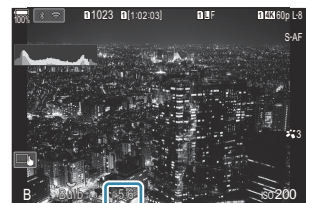
- Các menu sẽ được hiển thị.

6. Nhấn nút **MENU** nhiều lần để thoát khỏi menu.

- Nếu chọn tùy chọn khác ngoài **[Off]**, **[Live Bulb]** hoặc **[Live Time]** sẽ xuất hiện trên màn hình.



7. Điều chỉnh khẩu độ.


- Ở cài đặt mặc định, khẩu độ có thể được điều chỉnh bằng nút xoay phía trước.





① Khẩu độ

8. Nhả màn trập.

- Ở chế độ bulb và live bulb, hãy nhấn giữ nút chụp. Phơi sáng kết thúc khi nút được nhả ra.
- Ở chế độ thời gian và thời gian trực tiếp, nhấn nút chụp xuống hết cỡ một lần để bắt đầu phơi sáng và nhấn lại lần nữa để kết thúc.
- Trong quá trình chụp ảnh thời gian trực tiếp, bạn có thể làm mới bản xem trước bằng cách nhấn nút chụp xuống một nửa.
- Phơi sáng sẽ tự động kết thúc khi đạt đến thời gian đã chọn cho **[Bulb/Time Timer]**.
 “Cấu hình cài đặt BULB/THỜI GIAN/TỔNG HỢP (BULB/TIME/COMP Settings)” (P.271)
- **[Noise Reduction]** được áp dụng sau khi chụp. Màn hình hiển thị thời gian còn lại cho đến khi quá trình hoàn tất. Bạn có thể chọn các điều kiện để thực hiện **[Noise Reduction]**.
 “Tùy chọn giảm nhiễu phơi sáng thời gian dài (Noise Reduction)” (P.176)



 Một số hạn chế sẽ được áp dụng đối với lựa chọn cài đặt độ nhạy ISO.




 Chụp ảnh bulb được sử dụng thay thế cho chụp ảnh live bulb khi chụp ảnh chông hình, bù méo hình thang, hoặc hiệu chỉnh hiệu ứng mắt cá đang được kích hoạt.



 Chụp ảnh thời gian được sử dụng thay thế cho chụp ảnh thời gian trực tiếp khi chụp ảnh chông hình, bù méo hình thang, hoặc hiệu chỉnh hiệu ứng mắt cá đang được kích hoạt.



 Trong khi chụp, có giới hạn về cài đặt cho các chức năng sau.

- Chụp liên tiếp, chụp hẹn giờ, chụp tua nhanh thời gian, chụp bù sáng AE, bù sáng đèn flash, bù sáng lấy nét, Xếp chồng vùng lấy nét, v.v...


 Tùy thuộc vào cài đặt máy ảnh, nhiệt độ và tình huống, bạn có thể nhận thấy nhiễu hoặc các điểm sáng trên màn hình. Những hiện tượng này đôi khi có thể xuất hiện trong ảnh ngay cả khi **[Noise Reduction]** được bật.  “Tùy chọn giảm nhiễu phơi sáng thời gian dài (Noise Reduction)” (P.176)

 Có thể sử dụng cài đặt AF bầu trời sao để chụp ảnh bầu trời đêm.  “Chọn chế độ lấy nét (AF Mode /  AF Mode)” (P.102), “Thay đổi cài đặt của AF bầu trời sao (Starry Sky AF Setting)” (P.122)

 Có thể điều chỉnh độ sáng hiển thị trong quá trình chụp ảnh bulb/thời gian.  “Cấu hình cài đặt BULB/THỜI GIAN/TỔNG HỢP (BULB/TIME/COMP Settings)” (P.271)

 Ở chế độ **B** (bulb), bạn có thể điều chỉnh lấy nét thủ công trong khi quá trình phơi sáng đang diễn ra. Bạn có thể chụp ảnh bằng các kỹ thuật như làm cho chủ thể mất nét trong quá trình phơi sáng hoặc lấy nét vào cuối quá trình phơi sáng.  “Cấu hình cài đặt BULB/THỜI GIAN/TỔNG HỢP (BULB/TIME/COMP Settings)” (P.271)

Nhiều

Khi chụp ở tốc độ màn trập chậm, nhiễu có thể xuất hiện trên màn hình. Hiện tượng này xảy ra khi nhiệt độ tăng trong cảm biến ảnh hoặc mạch điều khiển bên trong cảm biến ảnh, khiến dòng điện được tạo ra ở những phần của cảm biến ảnh thường không tiếp xúc với ánh sáng. Hiện tượng này cũng có thể xảy ra khi chụp với cài đặt ISO cao trong môi trường nhiệt độ cao. Để giảm nhiễu này, máy ảnh sẽ kích hoạt chức năng giảm nhiễu.  “Tùy chọn giảm nhiễu phơi sáng thời gian dài (Noise Reduction)” (P.176)

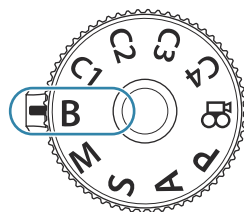
Hòa trộn làm sáng (B: Live Composite Photography)

PASMB 

Chọn chế độ này để màn trập mở khi phơi sáng thời gian dài. Bạn có thể quan sát vật sáng do pháo hoa hoặc các vì sao để lại và chụp ảnh chúng mà không thay đổi độ phơi sáng của nền. Máy ảnh sẽ kết hợp nhiều ảnh và ghi lại thành một ảnh duy nhất.

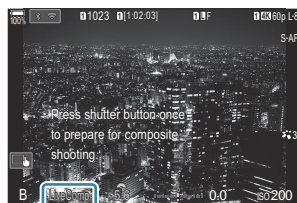
⚠ Khi chụp ảnh tổng hợp trực tiếp, nên cố định máy ảnh chắc chắn trên giá ba chân và đặt **[Image Stabilizer] (P206)** thành **[S-IS Off]**.

1. Xoay nút xoay chế độ sang **B**.



2. Chọn **[Live Comp]**.

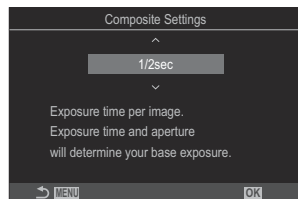
- Ở cài đặt mặc định, việc lựa chọn được thực hiện bằng nút xoay phía sau.



① Chụp ảnh tổng hợp trực tiếp

3. Nhấn nút **MENU**.

- Menu **[Composite Settings]** sẽ được hiển thị.



4. Làm nổi thời gian phơi sáng bằng cách sử dụng Δ ∇ .

- Chọn thời gian phơi sáng từ 1/2 đến 60 giây.

5. Nhấn nút **OK** để lưu thay đổi.

- Các menu sẽ được hiển thị.

6. Nhấn nút **MENU** nhiều lần để thoát khỏi menu.

7. Điều chỉnh khẩu độ.

- Ở cài đặt mặc định, khẩu độ có thể được điều chỉnh bằng nút xoay phía trước.

8. Nhấn nút chụp xuống hết cỡ để chuẩn bị máy ảnh.

- Máy ảnh sẵn sàng chụp khi **[Ready for composite shooting]** được hiển thị.



9. Nhấn nút chụp để bắt đầu chụp.

- Chụp ảnh tổng hợp trực tiếp sẽ bắt đầu. Màn hình hiển thị sẽ được cập nhật sau mỗi lần phơi sáng.

10. Nhấn nút chụp lần nữa để kết thúc chụp.

- Việc chụp tự động kết thúc sau thời gian đã chọn cho **[Live Composite Timer]**. Có thể thay đổi được. “[Cấu hình cài đặt BULB/THỜI GIAN/TỔNG HỢP \(BULB/TIME/COMP Settings\)](#)” (P.271)
- Thời gian ghi tối đa khả dụng khác nhau tùy theo mức pin và điều kiện chụp.

Một số hạn chế sẽ được áp dụng đối với lựa chọn cài đặt độ nhạy ISO.

Không thể sử dụng tính năng sau:

- chụp liên tiếp, tự động, chụp ngắt quãng, bù sáng AE, bù sáng đèn flash, bù sáng lấy nét, chụp ảnh HDR, chụp ảnh độ phân giải cao, Xếp chồng vùng lấy nét, chụp ảnh chồng hình, bù méo hình thang, chụp ND trực tiếp, chụp GND trực tiếp, và bù mắt cá.

Có thể sử dụng cài đặt AF bầu trời sao để chụp ảnh bầu trời đêm. “[Chọn chế độ lấy nét \(AF Mode / AF Mode\)](#)” (P.102), “[Thay đổi cài đặt của AF bầu trời sao \(Starry Sky AF Setting\)](#)” (P.122)

Có thể điều chỉnh độ sáng hiển thị trong quá trình chụp ảnh tổng hợp trực tiếp. “[Cấu hình cài đặt BULB/THỜI GIAN/TỔNG HỢP \(BULB/TIME/COMP Settings\)](#)” (P.271)

⌚ Thời gian phơi sáng cho mỗi lần phơi sáng trong quá trình chụp ảnh tổng hợp trực tiếp có thể được chọn trước bằng cách sử dụng menu. 🖱️ “Cấu hình cài đặt BULB/THỜI GIAN/TỔNG HỢP (BULB/TIME/COMP Settings)” (P.271)


Lưu cài đặt tùy chỉnh cho nút xoay chế độ (Các chế độ tùy chỉnh C1, C2, C3, và C4)

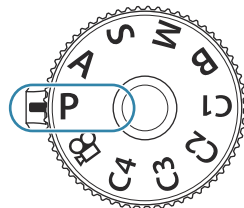
Có thể lưu các cài đặt và chế độ chụp thường sử dụng dưới dạng chế độ tùy chỉnh và gọi lại khi cần bằng cách xoay nút xoay chế độ. Cài đặt đã lưu cũng có thể được gọi lại từ các menu.


- Lưu cài đặt vào các vị trí từ **C1** đến **C4**.

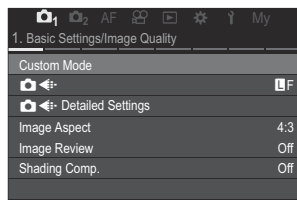
Lưu cài đặt (Assign)





PASMB 

1. Chọn chế độ khác  và điều chỉnh cài đặt theo ý muốn.
 - Để biết thông tin về các cài đặt có thể lưu, xem ["Cài đặt mặc định" \(P.510\)](#).

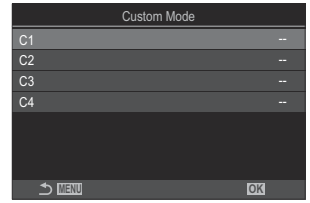


2. Nhấn nút **MENU** để xem các menu.
3. Làm nổi thẻ  bằng nút xoay phía trước.



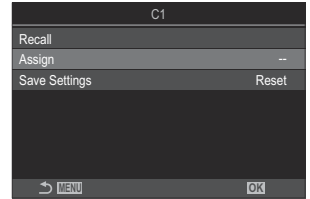
4. Làm nổi **[1. Basic Settings/Image Quality]** bằng cách sử dụng các nút   hoặc nút xoay phía sau.
5. Làm nổi **[Custom Mode]** bằng cách sử dụng các nút   và nhấn nút **OK**.

6. Làm nổi chế độ tùy chỉnh mong muốn ([C1] – [C4]) bằng cách sử dụng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.



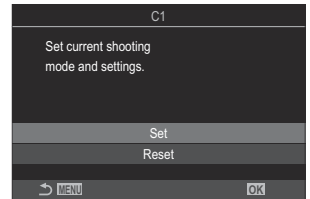
- Menu cho chế độ tùy chỉnh đã chọn sẽ được hiển thị.

7. Làm nổi **[Assign]** bằng cách sử dụng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.



8. Làm nổi **[Set]** bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.

- Tất cả cài đặt hiện có sẽ bị ghi đè.
- Để khôi phục cài đặt mặc định cho chế độ tùy chỉnh đã chọn, làm nổi **[Reset]** và nhấn nút **OK**.



9. Nhấn nút **MENU** để thoát khỏi menu.

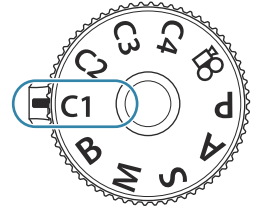
🔗 Có thể cập nhật tự động chế độ tùy chỉnh để phản ánh bất kỳ thay đổi nào được thực hiện cho cài đặt (**C1**, **C2**, **C3**, **C4**) trong khi chụp. 🗨️ "Lưu các thay đổi được thực hiện cho cài đặt khi ở chế độ tùy chỉnh" (P.79)


Sử dụng chế độ tùy chỉnh (C1/C2/C3/C4)

Để gọi lại tất cả các cài đặt đã lưu, bao gồm cả chế độ chụp:


Gọi lại cài đặt bằng nút xoay chế độ



1. Xoay nút xoay chế độ đến chế độ tùy chọn mong muốn (**C1**, **C2**, **C3**, hoặc **C4**).
 - Máy ảnh sẽ được cài đặt theo chế độ đã chọn.

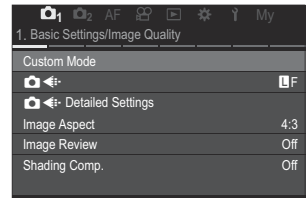




 Theo mặc định, những thay đổi được thực hiện sau khi gọi lại sẽ không được áp dụng cho các cài đặt được lưu trữ. Các cài đặt đã lưu sẽ được khôi phục khi bạn chọn chế độ tùy chỉnh bằng nút xoay chế độ.

Gọi lại cài đặt đã lưu

Ở các chế độ khác ngoài , bạn có thể gọi lại các cài đặt được lưu trong các chế độ tùy chỉnh [**C1**] đến [**C4**].

1. Nhấn nút **MENU** để xem các menu.
2. Làm nổi thẻ  bằng nút xoay phía trước.
3. Làm nổi [**1. Basic Settings/Image Quality**] bằng cách sử dụng các nút  hoặc nút xoay phía sau.

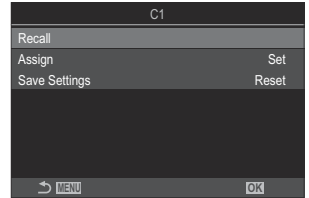


4. Làm nổi [**Custom Mode**] bằng cách sử dụng các nút   và nhấn nút **OK**.

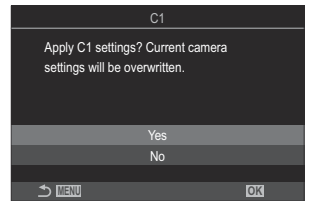
5. Làm nổi chế độ tùy chỉnh mong muốn ([C1] – [C4]) bằng cách sử dụng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.



6. Làm nổi **[Recall]** bằng cách sử dụng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.



7. Làm nổi **[Yes]** bằng cách sử dụng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.



8. Nhấn nút **MENU** để thoát khỏi menu.

☞ Khi bạn gọi lại cài đặt trong khi nút xoay chế độ được đặt ở **C1**, **C2**, **C3**, hoặc **C4**, chế độ chụp cũng sẽ thay đổi thành chế độ đã lưu.

☞ Các cài đặt được gọi lại bằng cách nhấn nút đã được gán **[C1] – [C4]** (Chế độ tùy chỉnh C1–4) trong **[Button Function] (P.335)** sẽ không còn áp dụng khi bạn:







- Tắt máy ảnh
- Xoay nút xoay chế độ sang cài đặt khác
- Nhấn nút **MENU** trong khi chụp
- Thực hiện cài đặt lại
- Lưu hoặc gọi lại cài đặt tùy chỉnh

Lưu các thay đổi được thực hiện cho cài đặt khi ở chế độ tùy chỉnh

Bạn có thể lưu các thay đổi được thực hiện cho cài đặt khi ở chế độ tùy chỉnh. Các thiết lập đã thay đổi vẫn được giữ nguyên ngay cả khi bạn xoay nút xoay chế độ. Chế độ tùy chỉnh có thể được sử dụng tương tự như chế độ **P**, **A**, **S**, **M**, và **B**.


1. Nhấn nút **MENU** để xem các menu.
2. Làm nổi thẻ **C1** bằng nút xoay phía trước.
3. Làm nổi **[1. Basic Settings/Image Quality]** bằng cách sử dụng các nút **<|>** hoặc nút xoay phía sau.
4. Làm nổi **[Custom Mode]** bằng cách sử dụng các nút **△ ▽** và nhấn nút **OK**.
5. Làm nổi chế độ tùy chỉnh mong muốn (**[C1] – [C4]**) bằng cách sử dụng các nút **△ ▽** và nhấn nút **OK**.
6. Làm nổi **[Save Settings]** bằng cách sử dụng các nút **△ ▽** và nhấn nút **OK**.
7. Làm nổi **[Hold]** bằng cách sử dụng các nút **<|>** và nhấn nút **OK**.
8. Nhấn nút **MENU** để thoát khỏi menu.


Quay phim

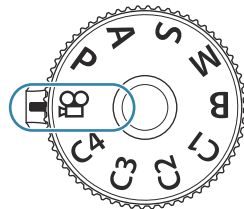
- ⓘ Khi quay phim, hãy sử dụng thẻ SD hỗ trợ tốc độ chuẩn SD từ 10 trở lên.
- ⓘ Cần sử dụng thẻ UHS-II hoặc UHS-I với tốc độ chuẩn UHS từ 3 trở lên khi:
 - độ phân giải phim **[4K]** hoặc **[C4K]** được chọn trong menu **[ ]** hoặc Bù chuyển động **[A-I]** (All-Intra) được chọn trong menu **[ ]**
- ⓘ Khi sử dụng máy ảnh liên tục trong thời gian dài, nhiệt độ của cảm biến ảnh sẽ tăng lên và có thể nhìn thấy nhiễu và các đốm màu trên màn hình hiển thị. Nếu điều này xảy ra, hãy tắt máy ảnh và đợi cho máy nguội. Hiện tượng nhiễu và đốm màu đặc biệt dễ xảy ra ở độ nhạy ISO cao. Nếu nhiệt độ của cảm biến tiếp tục tăng, máy ảnh sẽ tự động tắt.
- ⓘ Khi sử dụng ống kính hệ thống Four Thirds, AF sẽ không hoạt động trong khi quay phim.
- ⓘ Khi chọn quay phim tốc độ cao cho **[ ]**, các đoạn phim được quay bởi **[i-Enhance]** hoặc một bộ lọc nghệ thuật cho chế độ ảnh sẽ được ghi lại trong chế độ **[Natural]**.
- ⓘ Âm thanh của thao tác chạm và thao tác nút có thể được ghi lại.
- ⓘ Các cảm biến ảnh CMOS được sử dụng trong máy ảnh tạo ra hiệu ứng gọi là "rolling shutter", có thể gây ra hiện tượng biến dạng trong ảnh chụp các chủ thể đang di chuyển. Hiện tượng biến dạng này là một hiện tượng xảy ra khi chụp ảnh các chủ thể chuyển động nhanh hoặc khi máy ảnh bị dịch chuyển trong lúc chụp. Điều này đặc biệt dễ nhận thấy trong những bức ảnh chụp ở tiêu cự dài.
- ⓘ Khi sử dụng thẻ SDXC, có thể quay phim có độ dài lên tới 3 giờ. Phim dài hơn 3 giờ được quay thành nhiều tập tin (tùy thuộc vào điều kiện quay, máy ảnh có thể bắt đầu ghi vào tập tin mới trước khi đạt đến giới hạn 3 giờ).
- ⓘ Khi sử dụng thẻ SD/SDHC, phim có dung lượng trên 4 GB sẽ được ghi thành nhiều tập tin (tùy thuộc vào điều kiện quay, máy ảnh có thể bắt đầu ghi vào tập tin mới trước khi đạt đến giới hạn 4 GB).
- 🔗 Các tập tin phim được tách ra có thể được phát lại dưới dạng một phim duy nhất. 📄 ["Phát lại các phim được tách ra"](#) (P298)
- 🔗 Khi quay phim bằng máy ảnh ở vị trí khung hình dọc, thông tin sẽ được ghi lại ở vị trí khung hình dọc. Khi phát lại phim trên máy tính hoặc điện thoại thông minh, phim sẽ được phát lại theo đúng hướng mà người quay phim đã quay.

Quay phim ở chế độ phim ()

P A S M B 




Xoay nút xoay chế độ sang  (chế độ phim) để quay phim bằng các hiệu ứng có sẵn trong các chế độ **P**, **A**, **S**, và **M** (P81).

1. Xoay nút xoay chế độ sang .



2. Nhấn nút  để bắt đầu quay.

- Không nghe thấy tiếng bíp khi máy ảnh lấy nét ở chế độ quay phim.
- Phim bạn đang ghi sẽ được hiển thị trên màn hình.
- Nếu bạn đưa mắt vào kính ngắm, phim bạn đang ghi sẽ hiển thị ở kính ngắm.
- Khung màu đỏ được hiển thị trong khi quay phim (P.292).
- Bạn có thể thay đổi vị trí lấy nét bằng cách chạm vào màn hình trong khi ghi.
- Máy ảnh sẽ bắt đầu đếm số lần quay và hiển thị thời gian quay.

 Bạn cũng có thể bắt đầu quay phim bằng cách nhấn nút chụp.  “Quay phim bằng cách nhấn nút chụp ( Shutter Function)” (P.346)

3. Nhấn nút  lần nữa để dừng quay.

Chọn chế độ phơi sáng (Mode (Chế độ phơi sáng quay phim))




P A S M B 

Bạn có thể tạo phim tận dụng các hiệu ứng có sẵn ở các chế độ **P**, **A**, **S**, và **M**.

1. Nhấn nút **MENU** để xem các menu.


2. Làm nổi thẻ  bằng nút xoay phía trước.

3. Làm nổi [1. Basic Settings/Image Quality] bằng cách sử dụng các nút   hoặc nút xoay phía sau.



4. Làm nổi [ Mode] bằng cách sử dụng các nút   và nhấn nút **OK**.

5. Làm nổi chế độ mong muốn bằng cách sử dụng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.

P	Khẩu độ tối ưu được đặt tự động theo độ sáng của chủ thể Sử dụng nút xoay phía trước hoặc nút xoay phía sau để điều chỉnh bù phơi sáng.
A	Việc thể hiện nền được thay đổi bằng cách cài đặt khẩu độ. Sử dụng nút xoay phía trước để điều chỉnh bù phơi sáng và nút xoay phía sau để điều chỉnh khẩu độ.
S	Tốc độ màn trập ảnh hưởng đến cách chủ thể xuất hiện. Sử dụng nút xoay phía trước để điều chỉnh bù phơi sáng và nút xoay phía sau để điều chỉnh tốc độ màn trập. Tốc độ màn trập có thể được thiết lập ở mức giá trị từ 1/24 giây đến 1/32000 giây.
M	Tự do điều chỉnh cả khẩu độ và tốc độ màn trập. Sử dụng nút xoay phía trước để chọn giá trị khẩu độ và nút xoay phía sau để chọn tốc độ màn trập. <ul style="list-style-type: none">• Chọn từ tốc độ màn trập 1/24–32000 giây. Các giá trị ISO 200–12800 khả dụng bằng cách sử dụng tùy chọn điều khiển độ nhạy thủ công [ISO].• Màn hình sẽ hiển thị sự khác biệt giữa độ phơi sáng tạo ra bởi khẩu độ và tốc độ màn trập đã chọn và độ phơi sáng tối ưu được đo bởi máy ảnh. Màn hình sẽ nhấp nháy nếu sự khác biệt vượt quá ± 3 EV.• Tùy chọn được chọn cho [ISO-A Upper/Default] (P.171) sẽ có hiệu lực.


 Tốc độ màn trập thấp nhất thay đổi theo tốc độ khung hình của chế độ quay phim.

6. Nhấn nút **MENU** để thoát khỏi menu.


 **[ISO Mode]** cũng có thể được đặt từ bảng siêu điều khiển.  “Cài đặt với Bảng siêu điều khiển/ Bảng siêu điều khiển LV” (P.93)

Quay phim ở chế độ chụp ảnh

P A S M B 

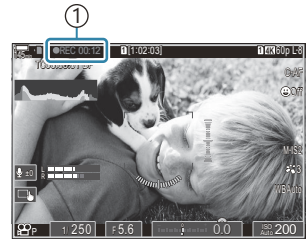
Phim có thể được quay ở chế độ AE chương trình ngay cả khi nút xoay chế độ không ở đúng vị trí .

⚠️ [●REC] phải được gán cho một nút bằng cách sử dụng **[Button Function]** (P.335).

⚠️ Mục tiêu AF sẽ theo hình dạng được chọn cho chế độ phim (P.80). Xoay nút xoay chế độ sang  (chế độ phim) và chọn hình dạng mục tiêu trong màn hình hiển thị lựa chọn mục tiêu AF (P.108).

1. Nhấn nút được gán chức năng [●REC] để bắt đầu quay.

- “●REC”, thời gian quay, và khung màu đỏ được hiển thị trong khi quay phim (P.292).



① Thời gian ghi

- Nếu bạn đưa mắt vào kính ngắm, phim bạn đang ghi sẽ hiển thị ở kính ngắm.
- Bạn có thể thay đổi vị trí lấy nét bằng cách chạm vào màn hình trong khi ghi.

2. Nhấn nút lần nữa để dừng quay.

- Khi dừng quay, “●REC”, thời gian quay, và khung màu đỏ sẽ không còn hiển thị trên màn hình (P.292).

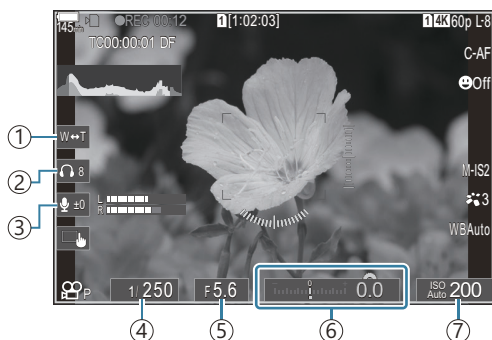
⚠️ Ngay cả khi bạn nhấn nút được gán chức năng [●REC], bạn sẽ không thể quay phim trong các trường hợp sau:


- Khi chụp ảnh chông hình (chụp ảnh tĩnh cũng kết thúc), trong khi nhấn nút chụp xuống một nửa, trong khi chụp liên tiếp, chụp tua nhanh thời gian, bù méo hình thang, hoặc hiệu chỉnh mắt cá, hoặc trong khi đang sử dụng chụp ND trực tiếp hoặc chụp GND trực tiếp

Điều khiển cảm ứng (Điều khiển yên lặng)

P A S M B 

Trong khi chụp, bạn có thể ngăn máy ảnh ghi lại những âm thanh phát ra khi máy ảnh hoạt động. Sau khi chạm vào một mục, hãy chạm vào các mũi tên hiển thị để chọn cài đặt.






- ① **Thu phóng điện tử:** Phóng to hoặc thu nhỏ ống kính thu phóng điện.
 - ② **Âm lượng tai nghe:** Điều chỉnh âm lượng khi sử dụng tai nghe.
 - ③ **Mức ghi âm:** Chọn mức ghi.
 - ④ **Tốc độ màn trập:** Điều chỉnh tốc độ màn trập khi **[S]** (AE ưu tiên màn trập) hoặc **[M]** (thủ công) được chọn cho **[ISO Mode]** (chế độ phơi sáng quay phim) (P.81).
 - ⑤ **Giá trị khẩu độ:** Điều chỉnh giá trị khẩu độ khi **[A]** (AE ưu tiên khẩu độ) hoặc **[M]** (thủ công) được chọn cho **[ISO Mode]** (chế độ phơi sáng quay phim) (P.81).
 - ⑥ **Bù phơi sáng:** Điều chỉnh bù phơi sáng. Nếu **[M]** được chọn cho **[ISO Mode]** (chế độ phơi sáng quay phim) (P.81), bù phơi sáng sẽ khả dụng khi **[Auto]** được chọn cho **[ISO]** (P.168).
 - ⑦ **ISO:** Điều chỉnh **[ISO]** (P.168). Tùy chọn này khả dụng khi **[M]** được chọn cho **[ISO Mode]** (chế độ phơi sáng quay phim) (P.81).
- ⚠ Điều khiển yên lặng không khả dụng trong quá trình quay phim tốc độ cao (P.216).
👉 Bạn có thể cấu hình máy ảnh để sử dụng các điều khiển yên lặng qua bảng cảm ứng ngay cả khi chụp ảnh tĩnh.  **[Silent Operation]** (P.372)

Cài đặt chụp

Cách thay đổi cài đặt chụp ảnh

Máy ảnh có nhiều chức năng liên quan đến nhiếp ảnh. Tùy thuộc vào tần suất sử dụng, bạn có thể truy cập cài đặt thông qua các nút, biểu tượng trên màn hình hiển thị, hoặc menu để điều chỉnh chi tiết.

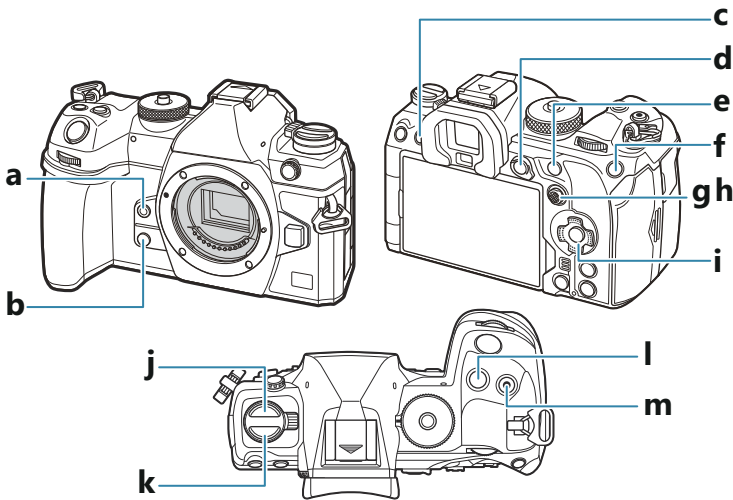
Phương pháp	Mô tả
Nút chọn trực tiếp	Điều chỉnh các cài đặt một cách trực tiếp bằng các nút, bao gồm các nút được liệt kê bên dưới. Các chức năng thường dùng được gán cho các nút để truy cập nhanh trong quá trình chụp ảnh qua kính ngắm (P.86). <ul style="list-style-type: none">Các điều khiển có thể được sử dụng bao gồm các nút    và nút ISO.
Bảng siêu điều khiển LV/ bảng siêu điều khiển	Chọn từ danh sách cài đặt hiển thị tình trạng hiện tại của máy ảnh. Bạn cũng có thể xem cài đặt máy ảnh hiện tại (P.91).
Menu	Ngoài các tùy chọn chụp và phát lại, menu còn chứa các tùy chọn cho phép bạn tùy chỉnh thao tác và màn hình hiển thị của máy ảnh, cũng như thiết lập máy ảnh (P.98).

Nút chọn trực tiếp

Các chức năng và nút chọn trực tiếp

Các chức năng chụp ảnh thường dùng sẽ được gán cho các nút. Những nút này được gọi là "nút chọn trực tiếp". Chúng rất hữu ích khi bạn thường xuyên thay đổi cài đặt theo chủ thể.

Các nút có thể được gán những chức năng được liệt kê dưới đây.



Các nút chọn trực tiếp khi chụp ảnh

Nút chọn trực tiếp		Chức năng được gán
a	Nút	Cân bằng trắng một chạm (P.233)
b	Nút	Xem trước (P.361)
c	Nút (LV)	Lựa chọn hiển thị (màn hình/kính ngắm) (P.48)
d	Nút AEL	AEL (P.162)

Nút chọn trực tiếp		Chức năng được gán
e	Nút AF-ON	AF-ON (P.119, P.120)
f	Nút ISO	Độ nhạy ISO (P.168)
g	Đa bộ chọn (⊙)	[⋮] (Điểm mục tiêu AF) (P.107)
h	Đa bộ chọn (⊙)	Tắt ¹
i	Phím mũi tên (△ ▽ ◀ ▶)	Tắt ¹
j	Nút    ²	Chụp liên tiếp/hẹn giờ/đèn flash (P.181, P.192)
k	Nút AF  ²	Chế độ AF/đo sáng (P.161)
l	Nút 	Bù phơi sáng (P.155)
m	Nút  (⌨)	Chụp độ phân giải cao (P.241)

1 Không có chức năng nào được gán theo mặc định.

2 Các nút không bao gồm nút    và nút **AF**  có thể được chỉ định chức năng khác nhau.



 “Thay đổi chức năng của các nút (Button Settings)” (P.335)

Các nút chọn trực tiếp khi quay phim

Nút chọn trực tiếp		Chức năng được gán
a	Nút 	Lấy nét đỉnh (P.149)
b	Nút 	Thu phóng (P.113)
c	Nút  (LV)	Lựa chọn hiển thị (màn hình/kính ngắm) (P.48)
d	Nút AEL	AEL (P.162)

Nút chọn trực tiếp		Chức năng được gán
e	Nút AF-ON	AF-ON (P.119, P.120)
f	Nút ISO	Độ nhạy ISO (P.168)
g	Đa bộ chọn (⊙)	[⋮] (Điểm mục tiêu AF) (P.107)
h	Đa bộ chọn (⊙)	Tắt ¹
i	Phím mũi tên (△ ▽ ◀ ▶)	Tắt ¹
k	Nút AF  ²	Chế độ AF/đo sáng (P.161)
l	Nút 	Bù phơi sáng (P.155)
m	Nút  (⌨)	Quay phim (P.80)

1 Không có chức năng nào được gán theo mặc định.

2 Các nút không bao gồm nút **AF**  có thể được chỉ định các chức năng khác nhau.  “Thay đổi chức năng của các nút (Button Settings)” (P.335)

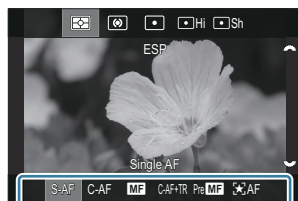
Để biết thông tin về cách hoạt động của từng nút chọn trực tiếp, hãy xem trang giải thích của từng chức năng.

Cài đặt bằng các nút chọn trực tiếp

Phần này giải thích cách vận hành khi menu lựa chọn được hiển thị, lấy **[AF Mode]** làm ví dụ.

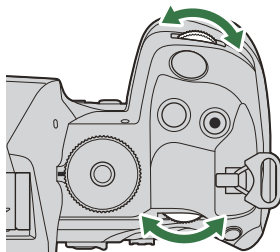
1. Nhấn nút của chức năng bạn muốn sử dụng.

- Nhấn nút **AF** .
- Menu lựa chọn sẽ xuất hiện.



① Menu lựa chọn

2. Xoay nút xoay phía trước/phía sau để chọn cài đặt.



- Bạn cũng có thể chọn giá trị cài đặt bằng cách chạm vào màn hình.
- Bạn cũng có thể sử dụng các nút Δ ∇ \triangleleft \triangleright .
- Nếu giá trị cài đặt xuất hiện ở đầu và cuối màn hình khi bạn nhấn nút ở Bước 1, hãy sử dụng các nút sau.

Δ ∇ : Chọn các mục hiển thị ở trên cùng.

\triangleleft \triangleright : Chọn các mục hiển thị ở phía dưới.

- Trong ví dụ này, hãy xoay nút xoay phía sau để đặt **[AF Mode]**.
- Nhấn nút chụp xuống một nửa để lưu cài đặt hiện tại và thoát về màn hình chụp.

- Bạn cũng có thể quay lại màn hình chụp bằng cách nhấn nút bạn đã nhấn ở Bước 1.
- Với một số chức năng, các cài đặt chi tiết hơn sẽ khả dụng sau khi chọn cài đặt ở Bước 2. Để biết thông tin về cách thao tác, vui lòng xem phần giải thích của từng chức năng.

Trong tài liệu hướng dẫn này, quy trình thay đổi cài đặt bằng nút chọn trực tiếp như sau.

Nút

- Nút **AF**  \rightarrow 

Nhanh chóng thay đổi cài đặt trong khi vẫn nhấn giữ nút


Một số cài đặt có thể được thay đổi bằng cách xoay nút xoay phía trước/phía sau trong khi vẫn giữ nút chức năng đó.

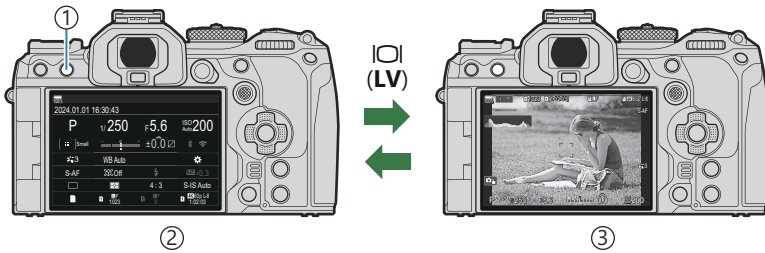
Màn hình cài đặt sẽ đóng lại khi bạn nhả nút.


Bảng siêu điều khiển LV/Bảng siêu điều khiển

Trên Bảng siêu điều khiển LV/Bảng siêu điều khiển

Bảng siêu điều khiển/Bảng siêu điều khiển LV liệt kê các cài đặt chụp và giá trị hiện tại của chúng. Sử dụng bảng siêu điều khiển khi đóng khung ảnh trong kính ngắm, sử dụng bảng siêu điều khiển LV khi đóng khung ảnh trong màn hình ("xem trực tiếp").

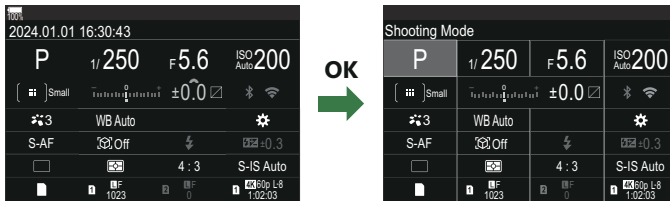
- Ở chế độ chụp ảnh, nhấn nút  sẽ chuyển đổi giữa chế độ chụp ảnh qua kính ngắm và chế độ chụp ảnh xem trực tiếp.



- ① Nút  (LV)
- ② Chụp ảnh qua kính ngắm (màn hình tắt khi kính ngắm đang bật)
- ③ Chụp ảnh qua xem trực tiếp

Bảng siêu điều khiển (Chụp ảnh qua kính ngắm)

Khi bạn đóng khung chủ thể trong kính ngắm, bảng siêu điều khiển LV sẽ luôn hiển thị trên màn hình. Nhấn nút **OK** để kích hoạt con trỏ.



Bảng siêu điều khiển LV (Chụp ảnh qua xem trực tiếp)

Để hiển thị bảng siêu điều khiển LV trên màn hình, nhấn nút **OK** khi ở trạng thái xem trực tiếp.



OK



Cài đặt với Bảng siêu điều khiển/Bảng siêu điều khiển LV

Phần này giải thích cách thao tác với bảng siêu điều khiển/bảng siêu điều khiển LV, sử dụng [Subject Detection] làm ví dụ

1. Nhấn nút **OK**.

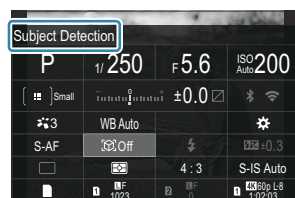
- Nếu bạn nhấn nút khi ở trạng thái xem trực tiếp, bảng siêu điều khiển LV sẽ được hiển thị trên màn hình.
- Cài đặt cuối cùng được sử dụng sẽ được làm nổi.



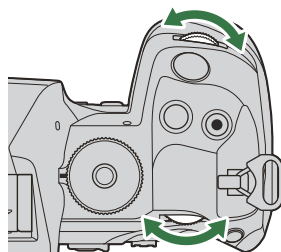
① Con trỏ

2. Làm nổi mục bằng cách sử dụng $\Delta \nabla \langle \triangleright$.

- Cài đặt đã chọn sẽ được làm nổi.
- Tên của chức năng được chọn sẽ xuất hiện.
- Bạn cũng có thể làm nổi các mục bằng cách chạm vào chúng trên màn hình hiển thị.



3. Xoay nút xoay phía trước/p phía sau để thay đổi cài đặt được làm nổi.



- Nhấn nút chụp xuống một nửa để lưu cài đặt hiện tại và thoát về màn hình chụp.

Trong tài liệu hướng dẫn này, quy trình thay đổi cài đặt bằng nút chọn trực tiếp như sau.

Bảng siêu điều khiển

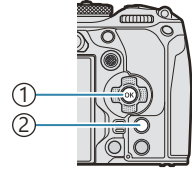
- **OK** \Rightarrow Subject Detection

Tùy chọn bổ sung

Nhấn nút **OK** hoặc chạm vào mục ở Bước 2 sẽ hiển thị các tùy chọn cho cài đặt được làm nổi.

Bạn cũng có thể cấu hình các mục bằng cách chạm trực tiếp vào giá trị cài đặt trên màn hình hiển thị.

Trong một số trường hợp, có thể cấu hình thêm các tùy chọn.



- ① Nút **OK**
- ② Nút **INFO**



①



②



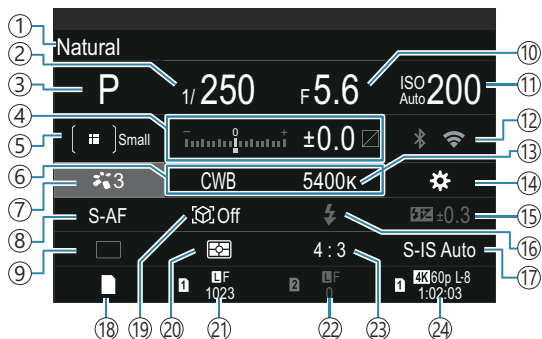
③

- ① Hiển thị Bảng siêu điều khiển LV/Bảng siêu điều khiển
- ② Hiển thị menu lựa chọn
- ③ Hiển thị cài đặt chi tiết

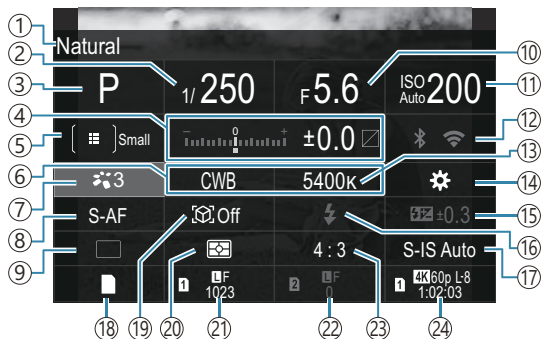
Cài đặt khả dụng trong Bảng siêu điều khiển/ Bảng siêu điều khiển LV












Chế độ chụp ảnh

Bảng siêu điều khiển



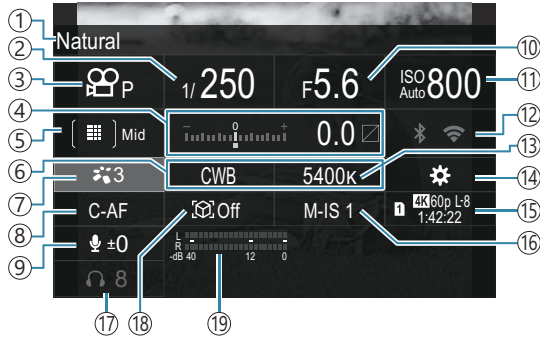
Bảng siêu điều khiển LV



- ① Tên của tùy chọn hiện đang được chọn
- ② Tốc độ màn trập (P.59, P.64)
- ③ Chế độ chụp (P.59)
- ④ Bù phơi sáng/Kiểm soát sáng và tối (P.155 / P.345)
- ⑤  Chế độ mục tiêu AF (P.108)
- ⑥  Cân bằng trắng (P.230)
- ⑦  Chế độ ảnh (P.222)
- ⑧  Chế độ AF (P.102)
- ⑨ Chụp khác (chụp liên tiếp/hẹn giờ) (P.192)
- ⑩ Giá trị khẩu độ (P.59, P.62)
- ⑪  Độ nhạy ISO (P.168)
- ⑫ Wi-Fi/Bluetooth (P.426)
- ⑬  Nhiệt độ màu (P.230)
- ⑭  Chức năng nút (P.335)
- ⑮ Kiểm soát cường độ đèn flash (P.186)
- ⑯ Chế độ đèn flash (P.181)
- ⑰  Chống rung ảnh (P.206)
- ⑱  Lưu cài đặt (P.390)
- ⑲ Phát hiện chủ thể (P.123)
- ⑳ Đo sáng (P.161)
- ㉑ Khe 1  Chất lượng ảnh, Số lượng ảnh tĩnh có thể lưu trữ (P.213, P.553)
- ㉒ Khe 2  Chất lượng ảnh, Số lượng ảnh tĩnh có thể lưu trữ (P.213, P.553)
- ㉓ Tỷ lệ khung hình (P.220)
- ㉔  Chất lượng phim, Thời gian quay khả dụng (P.214, P.556)

Chế độ quay phim

Bảng siêu điều khiển LV



- ① Tên của tùy chọn hiện đang được chọn
- ② Tốc độ màn trập (P.81)
- ③ Mode (Chế độ phơi sáng quay phim) (P.81)
- ④ Bù phơi sáng/Kiểm soát sáng và tối (P.155 / P.345)
- ⑤ Chế độ mục tiêu AF (P.108)
- ⑥ Cân bằng trắng (P.230)
- ⑦ Chế độ ảnh (P.222)
- ⑧ Chế độ AF (P.102)
- ⑨ Mức ghi âm (P.84)
- ⑩ Giá trị khẩu độ (P.81)
- ⑪ Độ nhạy ISO (P.168)
- ⑫ Wi-Fi/Bluetooth (P.426)
- ⑬ Nhiệt độ màu (P.230)
- ⑭ Chức năng nút (P.335)
- ⑮ Chất lượng phim, Thời gian quay khả dụng (P.214, P.556)
- ⑯ Chống rung ảnh (P.206)
- ⑰ Âm lượng tai nghe (P.84)
- ⑱ Phát hiện chủ thể (P.123)
- ⑲ Thanh đo mức ghi âm (P.84)

Sử dụng menu

Bạn có thể làm gì với menu

Ngoài các tùy chọn chụp và phát lại, menu còn chứa các tùy chọn cho phép bạn tùy chỉnh thao tác và hiển thị của máy ảnh, cũng như thiết lập máy ảnh.

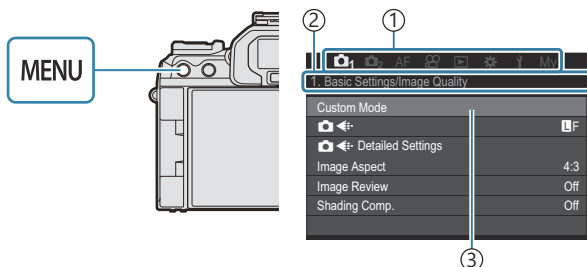
Có một số thẻ đại diện cho các danh mục chức năng, và các chức năng liên quan có trong mỗi trang.

Cách vận hành các menu

Nút xoay phía trước	Chọn một thẻ.
◀▶/Nút xoay phía sau	Chọn một trang.
△ ▽	Di chuyển con trỏ.
Nút OK	Xác nhận cài đặt/chuyển sang màn hình tiếp theo.
Nút MENU	Hủy hoạt động/trở về màn hình trước.

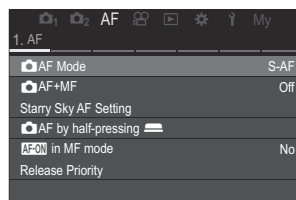
Giải thích sau đây sử dụng [**AF Mode**] làm ví dụ.

1. Nhấn nút **MENU** để xem các menu.

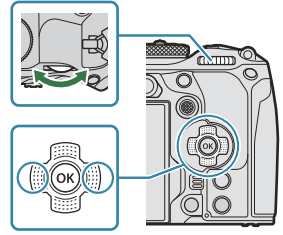


2. Sử dụng nút xoay phía trước để chọn thẻ mong muốn.

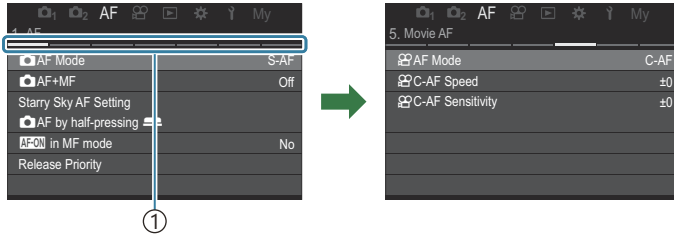
- [**AF Mode**] có thể được tìm thấy trong thẻ [**AF**]. Xoay nút xoay phía trước cho đến khi thẻ [**AF**] được làm nổi.
- Bạn cũng có thể ấn vào biểu tượng thẻ để chuyển sang thẻ.



3. Sử dụng ◀▶ hoặc nút xoay phía sau để chọn trang mong muốn.



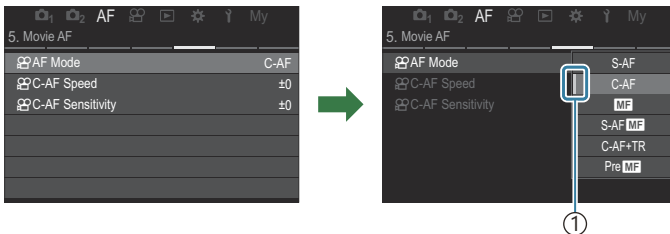
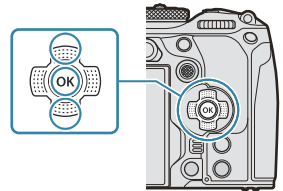
- [AF Mode] có thể được tìm thấy ở trang 5, [5. Movie AF]. Nhấn ◀▶ hoặc xoay nút xoay phía sau cho đến khi [5. Movie AF] được làm nổi.



① Hướng dẫn trang

- Bạn có thể ấn vào hướng dẫn trang để đổi trang.

4. Làm nổi [AF Mode] bằng các nút ▲▼ và nhấn nút OK.



① Mục đã cấu hình sẽ được hiển thị.


5. Sử dụng $\Delta \nabla$ để làm nổi một tùy chọn và nhấn nút **OK** để chọn.


- Cài đặt đã được xác nhận.
- Nhấn nút **MENU** để đóng menu.
- Quy trình sau khi chọn một mục và nhấn nút **OK** ở Bước 4 sẽ khác nhau tùy theo mục menu.
- Một số mục menu yêu cầu cài đặt thêm sau khi bạn chọn tùy chọn ở Bước 5.


Trong tài liệu hướng dẫn này, quy trình chọn mục menu được hiển thị như sau.

Menu

- **MENU** \rightarrow **AF** \rightarrow 5. Movie AF \rightarrow  AF Mode

 Bạn có thể sử dụng đa bộ chọn thay cho phím $\Delta \nabla \triangleleft \triangleright$ để chọn menu.

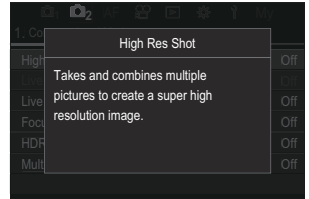
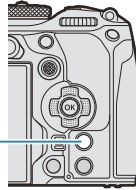
 Để hủy thao tác menu, hãy nhấn nút **MENU**.

 Để biết cài đặt mặc định của từng tùy chọn, hãy tham khảo "[Cài đặt mặc định](#)" (P.510).

Hiển thị mô tả của một mục menu

Khi bạn nhấn nút **INFO** trong khi một mục menu được chọn, mô tả của menu đó sẽ được hiển thị.

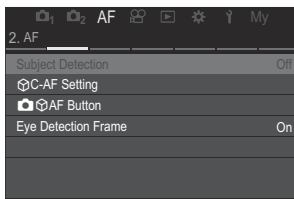
INFO



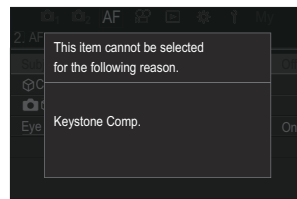
Các mục hiển thị màu xám

Nếu một mục hiện không khả dụng do tình trạng của máy ảnh hoặc các cài đặt khác, mục đó sẽ hiển thị màu xám.

Khi bạn nhấn nút **OK** trong khi mục màu xám được làm nổi, lý do mục đó không khả dụng sẽ được hiển thị.



OK 



Các chức năng cơ bản để lấy nét

Chọn chế độ lấy nét (📷 AF Mode / 🎥 AF Mode)

P A S M B 🎥

Bạn có thể chọn phương pháp lấy nét (chế độ lấy nét).

Nút

- Nút AF (📷) → 📷 / 🎥

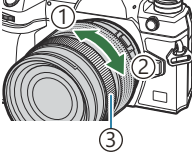
Bảng siêu điều khiển


- OK → 📷 AF Mode / 🎥 AF Mode


Menu


- MENU → AF → 1. AF → 📷 AF Mode
- MENU → AF → 5. Movie AF → 🎥 AF Mode


S-AF (AF đơn)	Máy ảnh sẽ lấy nét một lần khi nút chụp được nhấn xuống một nửa hoặc nút AF-ON được nhấn. Khi lấy nét được khóa ở chế độ chụp ảnh tĩnh, máy sẽ phát ra âm báo, và dấu xác nhận AF cùng dấu mục tiêu AF sẽ sáng lên. Khi lấy nét được khóa ở chế độ quay phim, dấu xác nhận AF và mục tiêu AF sẽ được hiển thị. Chế độ này phù hợp để chụp ảnh đối tượng tĩnh hoặc đối tượng có chuyển động hạn chế.
C-AF (AF liên tục)	Ở chế độ chụp ảnh, máy ảnh sẽ liên tục đo khoảng cách giữa chủ thể và máy ảnh, và lấy nét trong khi nút chụp vẫn nhấn xuống một nửa hoặc trong khi nút AF-ON được nhấn. Khi chủ thể được lấy nét, dấu xác nhận AF sáng lên trên màn hình và tiếng bip kêu khi lấy nét được khóa lần đầu tiên. Ở chế độ quay phim, máy ảnh lặp lại việc lấy nét cả trước và trong khi ghi. Chế độ này phù hợp khi khoảng cách đến chủ thể liên tục thay đổi.

<p>MF (Lấy nét thủ công)</p>	<p>Chức năng này cho phép bạn lấy nét thủ công ở bất kỳ vị trí nào bằng cách vận hành vòng lấy nét trên ống kính.</p>	 <p>① Gần ② ∞ ③ Vòng lấy nét</p>
<p>S-AF MF</p>	<p>Máy ảnh lấy nét ở chế độ S-AF. Bạn có thể điều chỉnh vị trí lấy nét bằng cách xoay vòng lấy nét trên ống kính.</p>	
<p>C-AF+TR (theo dõi AF)</p>	<p>Nhấn nút chụp xuống một nửa hoặc nhấn nút AF-ON để lấy nét; sau đó máy ảnh sẽ theo dõi và duy trì lấy nét trên chủ thể hiện tại trong khi nút được giữ ở vị trí này. Ở chế độ quay phim, máy ảnh vẫn tiếp tục theo dõi AF ngay cả khi bạn nhả nút trước khi bắt đầu quay. Để dừng lại, hãy nhấn nút OK.</p> <p>Khi bạn bắt đầu quay phim trong khi máy ảnh đang theo dõi chủ thể, máy sẽ tiếp tục theo dõi.</p> <p>Tính năng theo dõi AF luôn hoạt động trong khi quay.</p> <ul style="list-style-type: none"> Trong quá trình theo dõi AF, một khung màu trắng sẽ hiển thị trên chủ thể đang được theo dõi. Nếu chủ thể được theo dõi bị mất, khung sẽ hiển thị màu xám. Nhả nút, đưa chủ thể vào khung hình lần nữa và nhấn nút chụp xuống một nửa hoặc nhấn nút AF-ON. <p>🔊 Nếu [On2] được chọn cho [AF Area Pointer], mục tiêu AF sẽ xuất hiện ở các vùng lấy nét thay vì khung màu trắng.</p> <p>🕒 Khi sử dụng theo dõi AF (P.108), [AF Area Pointer] không thể được chọn cho chế độ mục tiêu AF.</p> <p>🕒 Không thể sử dụng AF theo dõi với:</p> <ul style="list-style-type: none"> bù méo hình thang, Chụp ảnh độ phân giải cao, chụp bù sáng lấy nét, xếp chồng lấy nét, chụp ngắt quãng, chụp ảnh HDR, chụp ND trực tiếp, chụp GND trực tiếp, bù mắt cá 	
<p>Pre MF (MF cài sẵn)</p>	<p>Máy ảnh sẽ tự động lấy nét vào điểm lấy nét được cài đặt sẵn khi chụp.</p>	


 AF (AF
bầu trời
sao)
(chỉ trong
lúc chụp
ảnh)


Chọn chế độ này cho ảnh các ngôi sao trên bầu trời đêm. Nhấn nút **AF-ON** để lấy nét vào các ngôi sao.  “Sử dụng AF bầu trời sao” (P.104)


 [S-AF MF] chỉ xuất hiện trong [AF Mode].


Để lấy nét thủ công trong khi lấy nét tự động khi chụp ảnh, hãy sử dụng [AF+MF].  “Kết hợp lấy nét tự động và thủ công (AF+MF)” (P.116)



 [C-AF+TR] không xuất hiện nếu cài đặt khác với [Off] được chọn cho [Subject Detection] (P.123).


 Máy ảnh có thể không lấy nét được nếu chủ thể bị thiếu sáng, bị sương mù hoặc khói che khuất hoặc thiếu độ tương phản.

 Máy ảnh có thể không theo dõi được chủ thể tùy theo loại chủ thể hoặc điều kiện chụp.

 Khi sử dụng ống kính hệ thống Four Thirds, AF sẽ không hoạt động trong khi quay phim.

 Lựa chọn [AF Mode] không khả dụng khi vòng lấy nét của ống kính ở vị trí MF và [Operative] được chọn cho [MF Clutch] (P.152) (P.475).

 Có thể sử dụng lấy Fn để chuyển đổi nhanh chế độ AF.  “Tùy chỉnh lấy Fn (Fn Lever Settings)” (P.353)


 Bạn có thể chọn để máy ảnh có lấy nét hay không khi nút chụp được nhấn xuống một nửa.

 “Cấu hình vận hành AF khi nút chụp được nhấn (AF by half-pressing)” (P.118)

Sử dụng AF bầu trời sao

1. Chọn  AF cho chế độ AF.

2. Nhấn nút **AF-ON** để bắt đầu chế độ AF bầu trời sao.

- Để làm gián đoạn AF bầu trời sao, nhấn nút **AF-ON** một lần nữa.
- Bạn có thể cấu hình máy ảnh để chế độ AF bầu trời sao bắt đầu khi nút chụp được nhấn xuống một nửa.  “Thay đổi cài đặt của AF bầu trời sao (Starry Sky AF Setting)” (P.122)
- Máy ảnh sẽ hiển thị [Starry Sky AF is Running] trong chế độ AF bầu trời sao. Chỉ báo đang trong chế độ lấy nét (●) được hiển thị trong khoảng hai giây sau khi máy ảnh lấy nét; nếu máy ảnh không thể lấy nét, chỉ báo đang trong chế độ lấy nét sẽ nhấp nháy trong khoảng hai giây.

3. Nhấn nút chụp xuống hết cỡ để chụp ảnh.

- ⚠ Máy ảnh sẽ không thể lấy nét ở những vị trí sáng.
- ⚠ Không thể sử dụng AF bầu trời sao trong Chụp chuyên nghiệp.
- ⚠ Không thể sử dụng AF bầu trời sao nếu cài đặt khác **[Off]** được chọn cho **[Subject Detection]** (P.123).
- ⚠ **[AF Orientation Linked [·:·:]]** (P.139), **[·:·: Loop Settings]** (P.144), **[AF Limiter]** (P.132), **[AF Illuminator]** (P.137), và **[AF Scanner]** (P.134) được cố định ở **[Off]** và **[Frame Rate]** (P.365) được cố định ở **[Normal]**.
- ⚠ Lấy nét thủ công được chọn khi lắp ống kính Four Thirds.
- ⚠ Chế độ AF bầu trời sao khả dụng với ống kính Micro Four Thirds được sản xuất bởi OM Digital Solutions hoặc OLYMPUS. Tuy nhiên, không thể sử dụng với các ống kính có khẩu độ tối đa trên f/5.6. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập trang web của chúng tôi.
- ⚙ **[AF Priority]** (P.122) trong **[Starry Sky AF Setting]** cung cấp lựa chọn **[Accuracy]** và **[Speed]**. Lắp máy ảnh vào giá ba chân trước khi chụp ảnh với chế độ **[Accuracy]** được chọn.
- ⚙ Lựa chọn chế độ mục tiêu AF của bạn được giới hạn ở **[#]** Small, **[#]** Middle, và **[#]** Large (P.108).
- ⚙ Máy ảnh sẽ tự động lấy nét ở vô cực khi AF bầu trời sao được chọn.
- ⚙ Khi **[On]** được chọn cho **[Release Priority]** trong **[Starry Sky AF Setting]**, màn trập có thể được nhả ngay cả khi chủ thể không được lấy nét.

Thiết lập vị trí lấy nét cho MF cài sẵn

1. Chọn **[PreMF]** bằng nút **AF**  và nhấn nút **INFO**.

2. Nhấn nút chụp xuống một nửa để lấy nét.

- Lấy nét có thể được điều chỉnh bằng cách xoay vòng lấy nét.

3. Nhấn nút **OK**.

⚙ Khoảng cách cho điểm lấy nét cài sẵn có thể được đặt bằng **[Preset MF distance]** (P.151).

⚙ Máy ảnh cũng có thể lấy nét ở khoảng cách được cài sẵn:

- khi bật và
- khi bạn thoát khỏi menu để đến màn hình hiển thị chụp.

Điều chỉnh lấy nét thủ công trong khi lấy nét tự động

- Chọn **[On]** cho **[AF+MF]** (P.116) trước. **[MF]** được hiển thị bên cạnh **[S-AF]**, **[C-AF]**, **[C-AF+TR]**, hoặc **[AF]**.

1. Chọn chế độ lấy nét được đánh dấu bằng biểu tượng **[MF]** (P.102).

- Khi quay phim, hãy chọn **[S-AF MF]**.

2. Nhấn nút chụp xuống một nửa để lấy nét bằng lấy nét tự động.

- Khi sử dụng **[AF MF]**, hãy nhấn nút **AF-ON** để bắt đầu chế độ AF bầu trời sao.

3. Giữ và nhấn nút chụp xuống một nửa, xoay vòng lấy nét để điều chỉnh lấy nét thủ công.

- Để lấy nét lại bằng lấy nét tự động, nhả nút chụp và nhấn xuống một nửa lần nữa.

ⓘ Điều chỉnh lấy nét thủ công trong khi lấy nét tự động không khả dụng ở chế độ **[AF MF]**.

🔍 Điều chỉnh lấy nét thủ công trong khi lấy nét tự động khả dụng thông qua vòng lấy nét trên ống kính M.ZUIKO PRO (Micro Four Thirds PRO). Để biết thông tin về các loại ống kính khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi.

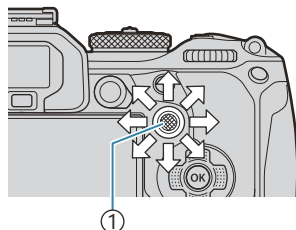
4. Nhấn nút chụp xuống hết cỡ để chụp ảnh.

Chọn mục tiêu lấy nét (AF Target Point)

PASMB 

Khung hiển thị vị trí của điểm lấy nét được gọi là “mục tiêu AF”. Bạn có thể đặt mục tiêu lên chủ thể của mình. Ở cài đặt mặc định, đa bộ chọn được sử dụng để định vị mục tiêu AF.

1. Sử dụng đa bộ chọn để định vị mục tiêu AF.



① Đa bộ chọn

- Mục tiêu AF được hiển thị khi bắt đầu hoạt động.
- Để chọn mục tiêu AF ở giữa, hãy nhấn đa bộ chọn hoặc nhấn và giữ nút **OK**.



👉 Bạn có thể chọn để mục tiêu AF có “bao bọc xung quanh” các cạnh của màn hình hiển thị hay không (P.144).

2. Nhà màn trập.

- Màn hình hiển thị chọn mục tiêu AF sẽ xóa khỏi màn hình khi nút chụp được nhấn xuống một nửa.
- Khung AF được hiển thị ở vị trí mục tiêu AF đã chọn.

👉 Bạn có thể định vị lại mục tiêu AF trong khi lấy nét khi **[C-AF]** hoặc **[C-AF MF]** được chọn trong chế độ chụp ảnh tĩnh.

👉 Bạn cũng có thể định vị lại mục tiêu AF trong khi quay phim.



👉 Kích thước và số lượng mục tiêu AF thay đổi tùy thuộc vào cài đặt chụp.

👉 Khi **[On]** được chọn cho **[AF Targeting Pad]** (P.146), bạn có thể định vị lại mục tiêu AF bằng cách sử dụng các điều khiển cảm ứng trên màn hình trong khi đóng khung chủ thể của bạn trong kính ngắm.

Chọn chế độ mục tiêu AF (AF Target Mode)

PASMB 

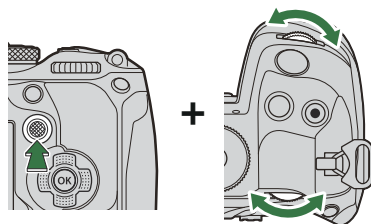
Nút

-  (nhấn giữ) và 

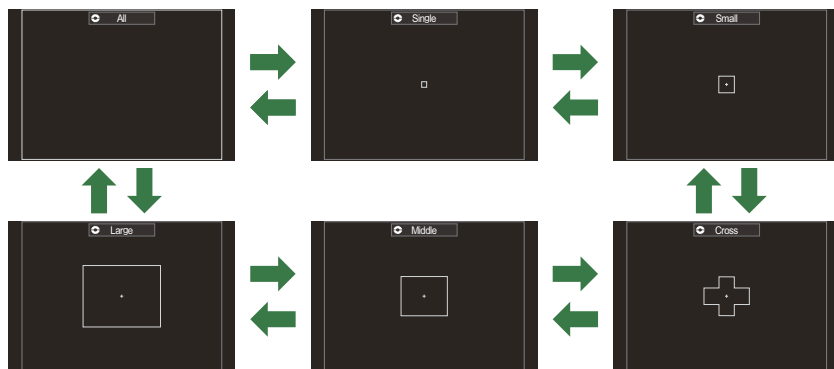
Bảng siêu điều khiển









- OK ➔ AF Target Mode

1. Nhấn giữ đa bộ chọn trong khi xoay nút xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau.



- Máy ảnh sẽ chuyển qua các chế độ mục tiêu AF như minh họa.

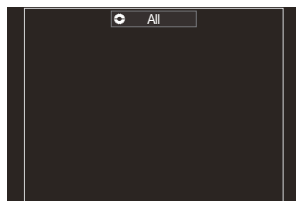


- ⚠ Khi sử dụng  AF (P.102), chỉ có thể chọn  Small,  Middle và  Large.
- ⚠ Các tùy chọn duy nhất khả dụng trong khi quay phim là  Small,  Middle,  Large, và  All.
- 🔗 Các chế độ mục tiêu AF sẽ được hiển thị có thể được chọn trong [\[📷 AF Target Mode Settings\] \(P.111\)](#).

All

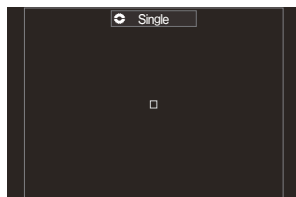
Máy ảnh chọn mục tiêu được sử dụng để lấy nét từ tất cả các mục tiêu khả dụng.

- Máy ảnh chọn từ các mục tiêu 1053 (39 x 27) trong khi chụp ảnh tĩnh và từ các mục tiêu 741 (39 x 19) ở chế độ phim.



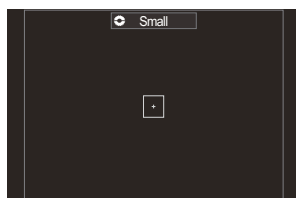
Single

Chọn một mục tiêu lấy nét đơn.



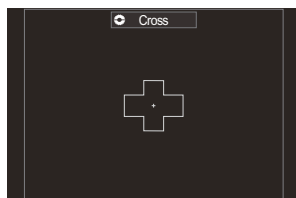
Small

Chọn một nhóm mục tiêu có quy mô nhỏ. Máy ảnh sẽ chọn mục tiêu để lấy nét từ nhóm đã chọn.



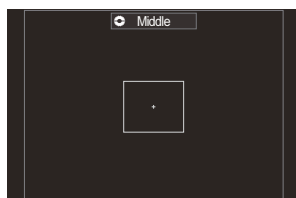
Cross

Chọn một nhóm mục tiêu được sắp xếp theo hình chữ thập. Máy ảnh sẽ chọn mục tiêu để lấy nét từ nhóm đã chọn.



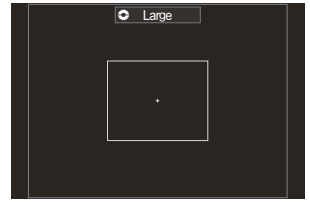
Middle

Chọn một nhóm mục tiêu có quy mô trung bình. Máy ảnh sẽ chọn mục tiêu để lấy nét từ nhóm đã chọn.




[]Large

Chọn một nhóm mục tiêu có quy mô lớn. Máy ảnh sẽ chọn mục tiêu để lấy nét từ nhóm đã chọn.





[]C1-[]C4 Mục tiêu tùy chỉnh

Bạn có thể thay đổi kích thước của mục tiêu AF và bước (khoảng cách mà nó di chuyển tại một thời điểm). Có thể chọn chế độ mục tiêu tùy chỉnh khi có dấu kiểm (✓) bên cạnh mục tiêu tùy chỉnh trong []AF Target Mode Settings] (P.111).

2. Nhà đa bộ chọn khi chế độ mong muốn được hiển thị.
 - Các tùy chọn chế độ mục tiêu AF sẽ không còn được hiển thị nữa.



👉 Số lượng mục tiêu AF khả dụng có thể giảm tùy thuộc vào cài đặt chụp.


👉 Có thể truy cập màn hình hiển thị mục tiêu AF bằng cách nhấn đa bộ chọn. Đa bộ chọn có thể được cấu hình bằng cách sử dụng []Center Button] (P.352).

👉 Có thể chọn các chế độ mục tiêu AF riêng biệt theo hướng máy ảnh. 🖱️ “Khớp lựa chọn mục tiêu AF với hướng máy ảnh (Orientation Linked [:::])” (P.139)

👉 Có thể gọi lại đồng thời các cài đặt lấy nét sau đây bằng lấy Fn. Có thể gán các cài đặt riêng biệt cho Vị trí 1 và 2 của lấy Fn. Sử dụng tùy chọn này để điều chỉnh nhanh chóng các cài đặt theo điều kiện chụp.

- []AF Mode] (P.102), []AF Target Mode] (P.108), và []AF Target Point] (P.107)

Lấy Fn có thể được cấu hình bằng cách sử dụng mục []Fn Lever Function] (P.354) hoặc mục []Fn Lever Function] (P.355).

👉 Bạn có thể điều chỉnh cài đặt mục tiêu AF cho []C-AF]. 🖱️ []C-AF Center Priority] (P.129)

👉 Có thể chọn tùy chọn riêng biệt cho chế độ chụp ảnh tĩnh và chế độ phim.

Thiết lập các tùy chọn cho Chế độ mục tiêu

📷 AF (📷 AF Target Mode Settings)

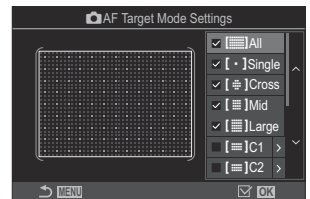
PASMB 

Chỉ định tùy chọn nào sẽ được hiển thị khi thiết lập 📷 Chế độ mục tiêu AF.

Menu

- MENU → AF → 6. AF Target Settings & Operations → 📷 AF Target Mode Settings

1. Chọn chế độ mục tiêu AF mà bạn muốn hiển thị dưới dạng tùy chọn và đánh dấu tích (✓) bên cạnh mỗi chế độ.
 - Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút **OK** để đánh dấu tích (✓) bên cạnh.
Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút **OK** một lần nữa.



Màn hình 📷 AF Target Mode Settings

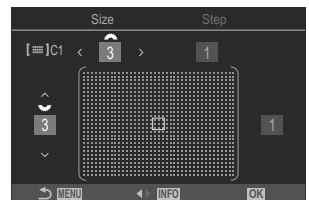
All, Single, Cross, Mid, Large

Nếu bạn đánh dấu tích (✓) bên cạnh một tùy chọn, tùy chọn đó sẽ được hiển thị dưới dạng tùy chọn khi chọn mục tiêu AF.

C1– C4

Nếu bạn đánh dấu tích (✓) bên cạnh một tùy chọn, tùy chọn đó sẽ được hiển thị dưới dạng tùy chọn khi chọn mục tiêu AF.

Nhấn \triangleright để cấu hình kích thước của mục tiêu AF và bước (khoảng cách mà nó di chuyển tại một thời điểm).



Mục	Ngang	Đọc
Size	12 loại (1 / 3 / 5 / 7 / 9 / 11 / 15 / 19 / 23 / 27 / 33 / 39) Chuyển đổi bằng $\triangleleft \triangleright$ hoặc nút xoay phía trước.	10 loại (1 / 3 / 5 / 7 / 9 / 11 / 15 / 19 / 23 / 27) Chuyển đổi bằng $\triangle \nabla$ hoặc nút xoay phía sau.
Step	8 loại (1 đến 8) Chuyển đổi bằng $\triangleleft \triangleright$ hoặc nút xoay phía trước.	5 loại (1 đến 5) Chuyển đổi bằng $\triangle \nabla$ hoặc nút xoay phía sau.

Nhấn nút **INFO** để chuyển đổi giữa Kích cỡ và Bước.

AF khung thu phóng/AF thu phóng (AF siêu tâm điểm)

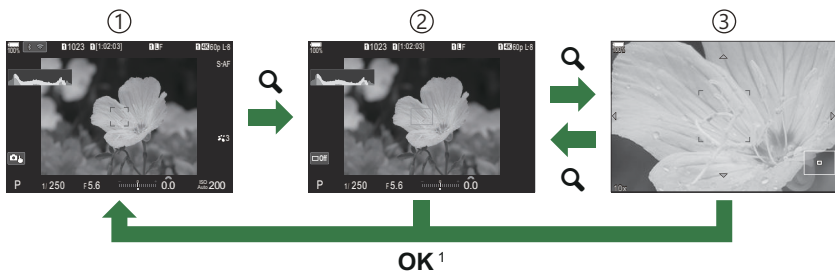
PASMB 

Bạn có thể phóng to màn hình hiển thị trong khi chụp. Để lấy nét chính xác hơn, hãy phóng to vùng lấy nét. Ở tỷ lệ thu phóng cao hơn, bạn có thể lấy nét vào những vùng nhỏ hơn mục tiêu lấy nét tiêu chuẩn. Bạn có thể định vị lại vùng lấy nét theo ý muốn trong khi thu phóng.

Nút

- Một nút mà  đã được gán

① Trước khi bạn có thể sử dụng AF siêu tâm điểm, bạn phải sử dụng **[Button Function] (P335)** để gán **[Q] (P337)** cho một nút điều khiển máy ảnh.



- ① Hiển thị chụp
- ② Hiển thị AF khung thu phóng
- ③ Hiển thị AF thu phóng

1 Bạn cũng có thể quay lại màn hình hiển thị chụp bằng cách nhấn và giữ nút đã gán **[Q]** (phóng đại) thay vì nút **OK**.

1. Nhấn nút được gán **[Q]** (phóng đại).
 - Khung thu phóng sẽ được hiển thị.



2. Định vị khung bằng đa bộ chọn.

- Để căn chỉnh lại khung, hãy nhấn đa bộ chọn hoặc nhấn và giữ nút **OK**.
- Khung cũng có thể được định vị bằng cách sử dụng phím mũi tên (Δ ∇ \triangleleft \triangleright).



3. Điều chỉnh kích cỡ khung thu phóng để chọn tỷ lệ thu phóng.

- Nhấn nút **INFO**, sau đó sử dụng các nút Δ ∇ hoặc nút xoay phía trước hoặc phía sau để điều chỉnh kích cỡ khung thu phóng.
- Nhấn nút **OK** để chấp nhận và thoát.



4. Nhấn nút được gán [**Q**] một lần nữa.

- Máy ảnh sẽ phóng to khu vực được chọn để lấp đầy màn hình hiển thị.
- Sử dụng nút xoay phía trước hoặc phía sau để phóng to hoặc thu nhỏ.
- Sử dụng đa bộ chọn để cuộn màn hình hiển thị.
- Sử dụng Δ ∇ \triangleleft \triangleright để cuộn màn hình hiển thị.
- Nếu chế độ chụp là **M** (thủ công) hoặc **B** (bulb) và [ISO Auto] không được chọn, bạn có thể nhấn nút **INFO** trong khi thu phóng để chọn khẩu độ hoặc tốc độ màn trập.
- Nhấn nút **Q** để trở lại khung thu phóng.
- Nhấn nút **OK** để kết thúc chế độ thu phóng tiêu điểm.
- Bạn cũng có thể kết thúc chế độ thu phóng tiêu điểm bằng cách nhấn và giữ nút **Q**.



Màn hình điều chỉnh phơi sáng cho chế độ **M** và **B**

- ① Tính năng thu phóng tiêu điểm chỉ áp dụng cho màn hình hiển thị. Hình ảnh chụp bằng máy ảnh không bị ảnh hưởng.
- ① Tính năng AF thu phóng không hoạt động khi hiển thị chế độ thu phóng và khi sử dụng ống kính hệ thống Four Thirds.
- ① Khi [**🔍 Digital Tele-converter**] được đặt là [**On**] ở chế độ quay phim, máy ảnh không thể thu phóng.
- 🔗 Ảnh cũng có thể được chụp trong khi hiển thị AF khung thu phóng và hiển thị AF thu phóng.
- 🔗 Có thể sử dụng điều khiển cảm ứng để thu phóng tiêu điểm. 🗨️ “Chụp bằng thao tác màn hình cảm ứng” (P.55)

☞ Bạn có thể cấu hình máy ảnh để thoát khỏi chế độ thu phóng tiêu điểm khi nút chụp được nhấn xuống một nửa để lấy nét. ☞ “Chọn hoạt động sẽ xảy ra khi nhấn nút chụp trong chế độ thu phóng xem trực tiếp (LV Close Up Mode)” (P.360)


Các chức năng để cấu hình cách lấy nét

Kết hợp lấy nét tự động và thủ công

( AF+MF)


P A S M B 

Sau khi lấy nét bằng chế độ tự động lấy nét, bạn có thể điều chỉnh lấy nét một cách thủ công bằng cách nhấn nút chụp xuống một nửa và xoay vòng lấy nét. Chuyển từ chế độ lấy nét tự động sang lấy nét thủ công tùy ý hoặc tinh chỉnh lấy nét một cách thủ công sau khi lấy nét bằng chế độ tự động.



 Quy trình này thay đổi tùy theo Chế độ AF được chọn (P.102).

Menu

• MENU → AF → 1. AF →  AF+MF

Có thể điều chỉnh lấy nét thủ công trong khi lấy nét tự động. **MF** được hiển thị bên cạnh **[S-AF]**, **[C-AF]**, **[C-AF+TR]**, hoặc **[AF]**.

On

- Khi **[S-AF MF]** được chọn, bạn có thể giữ nút chụp ở mức nhấn xuống một nửa hoặc giữ nút **AF-ON** sau khi lấy nét bằng AF đơn và điều chỉnh lấy nét một cách thủ công. Ngoài ra, bạn có thể chuyển sang lấy nét thủ công bằng cách xoay vòng lấy nét trong khi máy ảnh đang lấy nét. Lấy nét cũng có thể được điều chỉnh thủ công khi màn trập mở và trong khi chụp nhanh liên tục.
- Khi **[C-AF MF]** hoặc **[C-AF+TR MF]** được chọn, bạn có thể chuyển sang lấy nét thủ công bằng cách xoay vòng lấy nét trong khi máy ảnh lấy nét ở chế độ AF liên tục và AF theo dõi liên tục. Nhấn nút chụp xuống một nửa hoặc nhấn nút **AF-ON** lần thứ hai để lấy nét lại bằng chế độ tự động lấy nét. Lấy nét cũng có thể được điều chỉnh thủ công khi màn trập mở và trong khi chụp nhanh liên tục.
- Khi **[AF MF]** được chọn, bạn có thể lấy nét thủ công sau khi lấy nét hoặc trước khi bắt đầu lấy nét bằng **[AF]**.

Off

Vô hiệu hóa chức năng lấy nét thủ công trong khi lấy nét tự động.

 Không thể lấy nét thủ công khi chụp nhanh liên tục ở chế độ [SH1] hoặc [ProCap SH1].

- ☞ Tính năng lấy nét tự động với lấy nét thủ công cũng khả dụng khi tính năng lấy nét tự động được gán cho các nút điều khiển máy ảnh khác. 📖 “Thay đổi chức năng của các nút (Button Settings)” (P.335)
- ☞ Vòng lấy nét của ống kính chỉ có thể được sử dụng để ngắt lấy nét tự động khi sử dụng ống kính M.ZUIKO PRO (Micro Four Thirds PRO). Để biết thông tin về các loại ống kính khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi.
- ☞ Ở chế độ **B** (bulb), lấy nét thủ công được điều khiển bằng tùy chọn được chọn cho **[Bulb/Time Focusing]** (P.271).

Cấu hình vận hành AF khi nút chụp được nhấn (AF by half-pressing)

PASMB 

Bạn có thể chọn để máy ảnh có lấy nét hay không khi nút chụp được nhấn xuống một nửa.

Menu

- MENU → AF → 1. AF →  AF by half-pressing 

S-AF	<p>Thiết lập vận hành AF khi chế độ AF là [S-AF].</p> <p>[No]: Máy ảnh không bắt đầu vận hành AF khi nút chụp được nhấn xuống một nửa.</p> <p>[Yes]: Máy ảnh bắt đầu vận hành AF khi nút chụp được nhấn xuống một nửa. Nếu bạn nhấn nút chụp xuống một nửa trong khi nhấn nút AF-ON, quá trình lấy nét tự động sẽ tiếp tục.</p>
C-AF/ C-AF+TR	<p>Thiết lập vận hành AF khi chế độ AF là [C-AF] hoặc [C-AF+TR].</p> <p>[No]: Máy ảnh không bắt đầu vận hành AF khi nút chụp được nhấn xuống một nửa.</p> <p>[Yes]: Máy ảnh bắt đầu vận hành AF khi nút chụp được nhấn xuống một nửa. Nếu bạn nhấn nút chụp xuống một nửa trong khi nhấn nút AF-ON, quá trình lấy nét tự động sẽ tiếp tục.</p>


Tự động lấy nét bằng nút AF-ON

P A S M B 

Máy ảnh sẽ bắt đầu vận hành AF khi bạn nhấn nút **AF-ON**. Chế độ tự động lấy nét kết thúc khi bạn nhấn nút **AF-ON**. Khi bạn nhấn nút **AF-ON** trong khi máy ảnh đang thực hiện lấy nét tự động vì nút chụp đã được nhấn xuống một nửa, quá trình lấy nét tự động sẽ tiếp tục.

Nút

- Nút **AF-ON**

 Nếu **[C-AF]** được chọn cho **[AF Mode]**, máy ảnh sẽ hoạt động ở chế độ S-AF khi nhấn nút **AF-ON** trong khi quay phim. Nếu **[C-AF+TR]** được chọn, máy ảnh sẽ thực hiện theo dõi AF khi nhấn nút **AF-ON**.

Sử dụng lấy nét tự động ở chế độ lấy nét thủ công (**AF-ON** in MF mode)

PASMB 

Bạn có thể cấu hình máy ảnh để lấy nét tự động khi bạn nhấn nút **AF-ON**, ngay cả khi chế độ AF là **[MF]** hoặc **[PreMF]**.

Menu

- **MENU** → **AF** → 1. AF → **AF-ON** in MF mode

No	Nếu chế độ AF là [MF] hoặc [PreMF] , máy ảnh sẽ không lấy nét tự động ngay cả khi nhấn nút AF-ON .
Yes	Nếu chế độ AF là [MF] hoặc [PreMF] , máy ảnh sẽ lấy nét bằng chế độ tự động lấy nét ở chế độ [S-AF] khi nút AF-ON được nhấn.

Cấu hình hoạt động của máy ảnh khi không thể lấy nét vào chủ thể (Release Priority)

P A S M B 

Bạn có thể chọn có chụp ảnh hay không khi máy ảnh không thể lấy nét vào chủ thể bằng chức năng tự động lấy nét.

Menu

- MENU ➔ AF ➔ 1. AF ➔ Release Priority

S-AF	<p>Đặt thao tác máy ảnh khi chế độ AF là [S-AF] và máy không thể lấy nét vào chủ thể bằng chức năng tự động lấy nét.</p> <p>[Off]: Nếu máy ảnh không thể lấy nét vào chủ thể bằng chức năng tự động lấy nét, thì không thể nhả cửa trập ngay cả khi nút chụp đã được nhấn hết mức. Nếu đèn flash được cấu hình để nháy, màn trập không được nhả cho đến khi đèn flash được sạc.</p> <p>[On]: Màn trập sẽ được nhả ra khi nút chụp được nhấn hoàn toàn, ngay cả khi máy ảnh không thể lấy nét vào chủ thể bằng chức năng tự động lấy nét.</p>
C-AF/ C-AF+TR	<p>Đặt thao tác máy ảnh khi chế độ AF là [C-AF] hoặc [C-AF+TR] và máy không thể lấy nét vào chủ thể bằng chức năng tự động lấy nét.</p> <p>[Off]: Nếu máy ảnh không thể lấy nét vào chủ thể bằng chức năng tự động lấy nét, thì không thể nhả cửa trập ngay cả khi nút chụp đã được nhấn hết mức. Nếu đèn flash được cấu hình để nháy, màn trập không được nhả cho đến khi đèn flash được sạc.</p> <p>[On]: Màn trập sẽ được nhả ra khi nút chụp được nhấn hoàn toàn, ngay cả khi máy ảnh không thể lấy nét vào chủ thể bằng chức năng tự động lấy nét.</p>



Thay đổi cài đặt của AF bầu trời sao (Starry Sky AF Setting)

P A S M B 

Bạn có thể cấu hình hoạt động của chức năng AF bầu trời sao.

Menu

- MENU → AF → 1. AF → Starry Sky AF Setting

AF Priority	<p>[Accuracy]: Ưu tiên độ chính xác lấy nét hơn tốc độ. Sử dụng giá ba chân.</p> <p>[Speed]: Ưu tiên tốc độ lấy nét hơn độ chính xác.</p>
AF Operation	<p>[]: Lấy nét tự động khi nút chụp được nhấn xuống một nửa.</p> <p>[AF-ON]: Lấy nét tự động khi nút AF-ON được nhấn.</p> <p>[AF-ON Start/Stop]: Hoạt động lấy nét bắt đầu khi nút AF-ON được nhấn. Nhấn lần nữa để dừng lấy nét.</p>
Release Priority	<p>[Off]:</p> <ul style="list-style-type: none">• Nếu [AF Operation] được đặt thành [, màn trập không thể nhả ngay cả khi nút chụp được nhấn hết mức, trừ khi máy ảnh đang lấy nét.• Nếu [AF Operation] được đặt thành [AF-ON] và nút AF-ON được nhấn, màn trập sẽ không thể nhả ngay cả khi nút chụp được nhấn xuống hết mức, trừ khi máy ảnh đang lấy nét. <p>Nếu nút AF-ON không được nhấn, bạn có thể bắt đầu chụp bất cứ lúc nào bằng cách nhấn nút chụp hết mức.</p> <ul style="list-style-type: none">• Nếu [AF Operation] được đặt thành [AF-ON Start/Stop] và AF bầu trời sao đang được thực hiện, quá trình chụp sẽ không bắt đầu ngay cả khi nút chụp được nhấn hết mức. Nếu chế độ AF bầu trời sao không được thực hiện, bạn có thể bắt đầu chụp bất cứ lúc nào bằng cách nhấn nút chụp hết mức. <p>[On]: Quá trình chụp bắt đầu khi nút chụp được nhấn hết mức, bất kể cài đặt của [AF Operation].</p>

Các chức năng tùy chỉnh hoạt động AF để phù hợp với chủ thể







Theo dõi lấy nét vào các chủ thể đã chọn (Subject Detection)

P A S M B 

Khi lấy nét, máy ảnh có thể phát hiện khuôn mặt và mắt của mọi người, cũng như các chủ thể chuyển động nhanh. Khi chụp các chủ thể chuyển động nhanh như xe thể thao hoặc máy bay, việc lấy nét có thể gặp khó khăn. Chức năng này cho phép máy ảnh theo dõi và lấy nét vào các khu vực cụ thể như người lái xe hoặc buồng lái.

Menu

- MENU → AF → 2. AF → Subject Detection

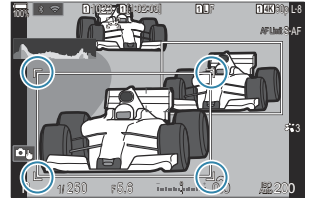
 Human	Máy ảnh sẽ phát hiện người. Chức năng này theo dõi lấy nét các bộ phận như khuôn mặt, đầu, mắt, và phần thân trên.
 Motorsports	Máy ảnh sẽ phát hiện ô tô hoặc xe máy. Chức năng này theo dõi lấy nét các bộ phận như khung gầm (chủ yếu của các loại xe đua thể thao) hoặc người lái.
 Airplanes	Máy ảnh sẽ phát hiện máy bay và trực thăng. Chức năng này theo dõi lấy nét các bộ phận như thân máy bay hoặc buồng lái.
 Trains	Máy ảnh sẽ phát hiện tàu hỏa. Chức năng này theo dõi lấy nét các bộ phận như xe ô tô hoặc khoang lái.
 Birds	Máy ảnh sẽ phát hiện chim. Chức năng này theo dõi lấy nét các bộ phận như đầu hoặc mắt.
 Dogs & Cats	Máy ảnh sẽ phát hiện mèo, chó và các loài động vật tương tự. Chức năng này theo dõi lấy nét các bộ phận như đầu hoặc mắt.
Off	Đã tắt chức năng lựa chọn chủ thể để theo dõi.

- ☞ Khi cài đặt khác với **[Off]** được chọn, **[S-AF]** (**[S-AF MF]**) được đặt thành **[S-AF]** (**[S-AF MF]**), và **[C-AF+TR]** (**[C-AF+TR MF]**) được đặt thành **[C-AF]** (**[C-AF MF]**).
- ☞ Chức năng này bị vô hiệu hóa trong quá trình quay phim tốc độ cao (P.216).

Chụp ảnh bằng [Subject Detection]

1. Hướng máy ảnh vào chủ thể của bạn.

- Khi máy ảnh phát hiện chủ thể, một khung màu trắng sẽ xuất hiện trên chủ thể được lấy nét. Khung màu xám xuất hiện trên các chủ thể khác. Trên chủ thể đang được lấy nét, một khung bổ sung sẽ xuất hiện bao quanh khung màu trắng.
- Nếu khung màu trắng biểu thị chủ thể cần lấy nét không xuất hiện, hãy thay đổi kích thước và/hoặc vị trí của mục tiêu AF để nó bao phủ chủ thể. Khi chế độ mục tiêu AF là **[All]**, chủ thể gần nhất với trung tâm màn hình hiển thị sẽ được lấy nét.
- Khi máy ảnh phát hiện các bộ phận cụ thể như mắt hoặc buồng lái, các khung màu trắng nhỏ hơn cũng xuất hiện trên đó. Những khung này có thể được ẩn khỏi menu (P.128).



Lựa chọn chủ thể

- Nếu chủ thể di chuyển ra khỏi vùng mục tiêu AF đã cấu hình hoặc nếu phát hiện nhiều chủ thể, khung màu trắng biểu thị chủ thể cần lấy nét có thể biến mất hoặc chuyển sang chủ thể khác.
- Có thể khóa (cố định) chủ thể cần lấy nét bằng cách nhấn nút mà chức năng [📷 Subject Selection] (P.337) đã được gán trong [Button Settings] (P.335). Khi khung màu trắng để lấy nét được hiển thị, thao tác nhấn nút sẽ khiến máy ảnh khóa chủ thể đó thành chủ thể cần lấy nét. Khi khung màu trắng để lấy nét không hiển thị, thao tác nhấn nút sẽ khiến máy ảnh chọn và khóa một chủ thể gần mục tiêu AF thành đối tượng để lấy nét.
- Nếu phát hiện nhiều chủ thể, bạn có thể chọn và khóa vào chủ thể cần lấy nét bằng cách xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau trong khi nhấn nút.
- Khi mất được phát hiện trong khi [👤 Human] được chọn, bạn có thể chọn mắt nào để khóa vào làm chủ thể cần lấy nét bằng cách xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau trong khi nhấn nút.
- Khi đã khóa chủ thể hoặc mắt, từ "Lock" sẽ xuất hiện trên màn hình. Khi đã khóa, bạn có thể chuyển đổi nhanh giữa các chủ thể hoặc mắt bằng cách di chuyển đa bộ chọn hoặc nhấn $\Delta \nabla \triangleleft \triangleright$.
- Để mở khóa lấy nét, hãy nhấn lại nút đã gán chức năng đó, hoặc nhấn nút **OK**. Nếu chủ thể đã khóa bị mất, lấy nét sẽ được mở khóa.
- Bạn cũng có thể ấn để chọn chủ thể cần lấy nét và khóa hoặc mở khóa lấy nét (P.55).

2. Nhấn nút chụp xuống một nửa để lấy nét.

- Bạn cũng có thể lấy nét bằng cách nhấn nút **AF-ON** (P.119).
- Khi máy ảnh lấy nét vào một chủ thể, một khung màu xanh lá sẽ xuất hiện ở vị trí lấy nét.
- Khi phát hiện các bộ phận cụ thể như người lái hoặc buồng lái, máy ảnh sẽ lấy nét vào các bộ phận đó.
- Khi [**C-AF**] hoặc [**C-AF MF**] được chọn làm Chế độ AF, máy ảnh sẽ tiếp tục theo dõi và lấy nét vào chủ thể bằng khung màu trắng trên toàn bộ màn hình, ngay cả khi đối tượng đang chuyển động, cho đến khi nút được nhấn. Có thể thay đổi vùng theo dõi (P.126).

3. Nhấn nút chụp xuống hết cỡ để chụp ảnh.

- 🕒 Máy ảnh có thể không phát hiện được chủ thể tùy theo chủ thể hoặc bộ lọc nghệ thuật được chọn.
- 🕒 Máy ảnh có thể không phát hiện được chủ thể tùy theo loại chủ thể hoặc điều kiện chụp.
- 🕒 Nếu chụp ảnh trong khi chủ thể được khóa (cố định) để lấy nét bằng 📷SH1 hoặc ProCap SH1 được chọn trong chế độ chụp khác (P.192), khóa chủ thể có thể được gỡ ra.

Cấu hình hoạt động C-AF khi phát hiện chủ thể được bật (C-AF Setting)

P A S M B 


Cấu hình hoạt động C-AF khi chụp với chức năng phát hiện chủ thể được bật.

Menu

- MENU → AF → 2. AF →  C-AF Setting


C-AF Area

Cấu hình vùng thực hiện theo dõi C-AF khi phát hiện và lấy nét một chủ thể cụ thể để chụp ảnh tĩnh.

All	Sau khi lấy nét vào chủ thể một lần, máy ảnh sẽ tiếp tục lấy nét và theo dõi chủ thể đó trên toàn bộ màn hình hiển thị chụp.
	Máy ảnh theo dõi chủ thể được lấy nét trong khung mục tiêu AF đã chọn và tiếp tục lấy nét vào chủ thể đó.

C-AF Area

Đặt vùng thực hiện theo dõi C-AF khi phát hiện và lấy nét một đối tượng cụ thể để quay phim.

All	Sau khi lấy nét vào chủ thể một lần, máy ảnh sẽ tiếp tục lấy nét và theo dõi chủ thể đó trên toàn bộ màn hình hiển thị chụp.
	Máy ảnh theo dõi chủ thể được lấy nét trong khung mục tiêu AF đã chọn và tiếp tục lấy nét vào chủ thể đó.

Gán ưu tiên lấy nét cho các nút (AF Button)

PASMB 


Có thể cấu hình các điểm lấy nét riêng biệt cho nút chụp và nút **AF-ON** khi một chủ thể được phát hiện.


Menu

- MENU → AF → 2. AF →   AF Button




Chọn thao tác AF khi nhấn nút chụp xuống một nửa.


 **Priority**: Theo dõi lấy nét chủ thể khi chủ thể được phát hiện tại điểm mục tiêu AF đã chọn.

 **Priority**: Luôn theo dõi lấy nét tại điểm mục tiêu AF đã chọn.



Chọn thao tác AF khi nút **AF-ON** được nhấn.

 **Priority**: Theo dõi lấy nét chủ thể khi chủ thể được phát hiện tại điểm mục tiêu AF đã chọn.

 **Priority**: Luôn theo dõi lấy nét tại điểm mục tiêu AF đã chọn.

Cấu hình hiển thị khung cho mắt được phát hiện (Eye Detection Frame)

P A S M B 

Bạn có thể chọn để hiển thị khung hình nhỏ khi máy ảnh phát hiện các bộ phận nhỏ như mắt và buồng lái.

Menu

- **MENU** → **AF** → 2. AF → Eye Detection Frame

Off	Các khung không được hiển thị trên các bộ phận nhỏ như mắt hoặc buồng lái.
On	Các khung được hiển thị trên các bộ phận nhỏ như mắt hoặc buồng lái.

- Ngay cả khi **[Eye Detection Frame]** được đặt thành **[Off]**, máy ảnh vẫn lấy nét vào các bộ phận cụ thể như mắt hoặc buồng lái khi chúng được phát hiện.

Ưu tiên mục tiêu trung tâm C-AF (C-AF Center Priority)

PASMB 

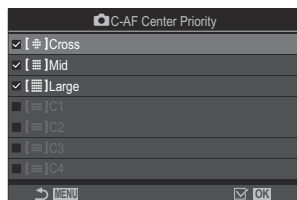
Khi lấy nét bằng AF mục tiêu nhóm ở chế độ **[C-AF]** và **[C-AFMF]**, máy ảnh luôn ưu tiên mục tiêu ở trung tâm trong nhóm đã chọn cho một loạt thao tác lấy nét lặp lại. Chỉ khi máy ảnh không thể lấy nét bằng mục tiêu lấy nét ở trung tâm thì máy ảnh mới lấy nét bằng các mục tiêu xung quanh trong nhóm lấy nét đã chọn. Chức năng này giúp bạn theo dõi các chủ thể di chuyển nhanh nhưng vẫn có thể dự đoán được. Nên ưu tiên ở trung tâm trong hầu hết các trường hợp.


Menu






- MENU → AF → 4. AF →  C-AF Center Priority

1. Chọn chế độ mục tiêu AF mà máy ảnh luôn ưu tiên mục tiêu ở trung tâm cho một loạt thao tác lấy nét lặp lại và đánh dấu tích (✓) bên cạnh mục tiêu đó.






- Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút **OK** để đánh dấu tích (✓) bên cạnh. Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút **OK** một lần nữa.



Màn hình cài đặt  C-AF Center Priority



 Cross	
 Mid	
 Large	
 C1 –  C4	

Nếu bạn đánh dấu tích (✓) bên cạnh một tùy chọn, máy ảnh sẽ luôn ưu tiên mục tiêu trung tâm cho một loạt thao tác lấy nét lặp lại khi chế độ mục tiêu AF được sử dụng.

①  C1 –  C4 chỉ có thể được đánh dấu tích (✓) khi **[Size]** theo chiều ngang hoặc chiều dọc được chỉ định trong  C1 –  C4 trong ** AF Target Mode Settings (P.111)** là 5 hoặc lớn hơn.



Độ nhạy theo dõi C-AF (C-AF Sensitivity / C-AF Sensitivity)

P A S M B

Chọn tốc độ mà máy ảnh phản ứng với sự thay đổi khoảng cách đến chủ thể trong khi lấy nét với **[C-AF]**, **[C-AF MF]**, **[C-AF+TR]** hoặc **[C-AF+TR MF]** được chọn cho **[ C-AF Mode]**, hoặc với **[C-AF]** hoặc **[C-AF+TR]** được chọn cho **[ C-AF Mode]**. Chức năng này có thể giúp theo dõi lấy nét tự động đối tượng chuyển động nhanh hoặc ngăn máy ảnh lấy nét lại khi có vật thể đi qua giữa chủ thể và máy ảnh.

Menu

- MENU → AF → 4. AF →  C-AF Sensitivity
- MENU → AF → 5. Movie AF →  C-AF Sensitivity

- Chọn trong năm mức (**[ C-AF Sensitivity]**) / ba mức (**[ C-AF Sensitivity]**) của độ nhạy theo dõi.
- Giá trị càng cao thì độ nhạy càng cao. Chọn các giá trị dương cho các chủ thể đột ngột xuất hiện trong khung hình, di chuyển nhanh ra xa máy ảnh hoặc thay đổi tốc độ hoặc dừng đột ngột khi di chuyển về phía máy ảnh hoặc ra xa máy ảnh.
- Giá trị càng thấp thì độ nhạy càng thấp. Chọn giá trị âm để ngăn máy ảnh lấy nét lại khi chủ thể bị che khuất tạm thời bởi các vật thể khác hoặc để ngăn máy ảnh lấy nét vào nền khi bạn không thể giữ chủ thể trong mục tiêu AF.

Tốc độ lấy nét C-AF (C-AF Speed)

PASMB 

Chọn tốc độ mà máy ảnh phản ứng với sự thay đổi khoảng cách đến chủ thể khi **[C-AF]** hoặc **[C-AF+TR]** được chọn cho chế độ lấy nét. Có thể sử dụng chức năng này để điều chỉnh thời gian máy ảnh lấy nét lại khi bạn chuyển đổi tượng.

Menu

- **MENU** ➔ **AF** ➔ 5. Movie AF ➔  C-AF Speed

- Chọn trong ba mức tốc độ lấy nét.
- Việc lấy nét lại nhanh hơn ở mức +1 và chậm hơn ở mức -1. Chọn -1 để lấy nét lại từ từ khi chuyển sang chủ thể mới.

Các chức năng thay đổi hoạt động của máy ảnh liên quan đến lấy nét

Phạm vi lấy nét của ống kính (📷 AF Limiter)

P A S M B 

Chọn phạm vi mà máy ảnh sẽ lấy nét bằng chế độ tự động lấy nét. Chức năng này hiệu quả trong các tình huống khi có một vật cản xuất hiện giữa chủ thể và máy ảnh trong quá trình lấy nét, gây ra sự thay đổi lớn trong lấy nét. Bạn cũng có thể sử dụng chức năng này để ngăn máy ảnh lấy nét vào các vật thể ở tiền cảnh khi chụp qua hàng rào, cửa sổ hoặc những vật tương tự.

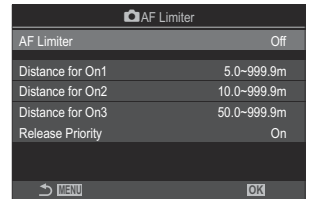
Sử dụng các cài đặt được lưu trong [AF Limiter]

Menu

- MENU → AF → 4. AF → 📷 AF Limiter

1. Làm nổi [AF Limiter] bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.

2. Chọn [On1], [On2], hoặc [On3] bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.





Màn hình cài đặt 📷 AF Limiter

Off	Máy ảnh không sử dụng phạm vi khoảng cách lấy nét đã lưu.
On1	Máy ảnh sử dụng phạm vi được lưu trong [Distance for On1].
On2	Máy ảnh sử dụng phạm vi được lưu trong [Distance for On2].
On3	Máy ảnh sử dụng phạm vi được lưu trong [Distance for On3].


3. Trở lại màn hình cài đặt AF Limiter.

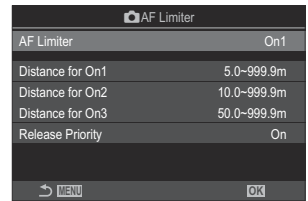
① AF Limiter không khả dụng trong những trường hợp sau.

- Khi giới hạn lấy nét được bật trên ống kính
- Khi sử dụng chế độ chụp bù sáng lấy nét hoặc chế độ xếp chồng lấy nét
- Trong khi ở chế độ phim hoặc quay phim
- Khi [AF] hoặc [AF MF] được chọn cho chế độ lấy nét

Cấu hình [AF Limiter]

1. Cấu hình các tùy chọn.

- Nhấn $\Delta \nabla$ để chọn một mục và nhấn nút **OK** để hiển thị menu cài đặt.
- Nhấn nút **OK** lần nữa để trở về màn hình cài đặt  AF Limiter.



Distance for On1	Đặt phạm vi khoảng cách lấy nét sẽ được sử dụng khi [On1] được chọn. Thay đổi số bằng $\Delta \nabla$. Sử dụng $\langle \triangleright$ để di chuyển giữa các chữ số. [000.0] – [999.9m/ft]
Distance for On2	Đặt phạm vi khoảng cách lấy nét sẽ được sử dụng khi [On2] được chọn. Thay đổi số bằng $\Delta \nabla$. Sử dụng $\langle \triangleright$ để di chuyển giữa các chữ số. [000.0] – [999.9m/ft]
Distance for On3	Đặt phạm vi khoảng cách lấy nét sẽ được sử dụng khi [On3] được chọn. Thay đổi số bằng $\Delta \nabla$. Sử dụng $\langle \triangleright$ để di chuyển giữa các chữ số. [000.0] – [999.9m/ft]
Release Priority	[Off] : Tuân thủ cài đặt [Release Priority] (P.121). [On] : Màn trập vẫn có thể được nhả ngay cả khi máy ảnh không thể lấy nét, khi một cài đặt khác [Off] được chọn cho [AF Limiter] .

① Các số liệu hiển thị trong **[Distance for On1] – [Distance for On3]** chỉ mang tính chất tham khảo.

Quét ống kính C-AF (📷 AF Scanner)

PASMB 

Chọn xem máy ảnh có thực hiện quét lấy nét hay không. Nếu máy ảnh không thể lấy nét, nó sẽ quét vị trí lấy nét bằng cách xoay ống kính từ khoảng cách lấy nét tối thiểu đến vô cực. Bạn có thể giới hạn hoạt động quét nếu muốn. Tùy chọn này có hiệu lực khi **[C-AF]**, **[C-AF+TR]**, **[C-AFMF]**, hoặc **[C-AF+TRMF]** được chọn cho **[📷 AF Mode]** (P.102).

Menu

- MENU → AF → 4. AF → 📷 AF Scanner

Off	Máy ảnh sẽ không quét nếu không thể lấy nét. Lựa chọn này ngăn việc thay đổi lấy nét đến mức khiến bạn mất dấu chủ thể khi cố gắng theo dõi các vật thể nhỏ và những vật tương tự.
On	Khi không thể lấy nét, máy ảnh chỉ quét một lần. Máy ảnh sẽ không quét lại nếu thao tác lấy nét vẫn tiếp tục.

- Bất kể tùy chọn nào được chọn cho **[📷 AF Scanner]**, máy ảnh sẽ quét một lần nếu không thể lấy nét khi **[S-AF]** hoặc **[S-AFMF]** được chọn cho **[📷 AF Mode]**.

Tinh chỉnh lấy nét tự động (AF Focus Adjustment)

PASMB 

Tinh chỉnh lấy nét tự động theo pha. Lấy nét có thể được tinh chỉnh lên đến ± 20 bước.

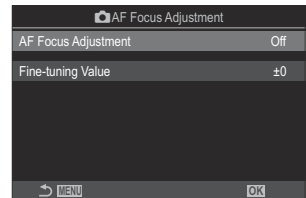
Menu


- MENU → AF → 4. AF →  AF Focus Adjustment

- ⓘ Thường thì không cần phải tinh chỉnh lấy nét tự động bằng mục này. Việc tinh chỉnh lấy nét có thể khiến máy ảnh không lấy nét bình thường.
- ⓘ Việc tinh chỉnh lấy nét không có hiệu quả trong các chế độ [S-AF] và [S-AFMF].

Sử dụng giá trị điều chỉnh lấy nét đã lưu

1. Làm nổi [AF Focus Adjustment] bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.
2. Làm nổi [On] bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.




Màn hình cài đặt  AF Focus Adjustment

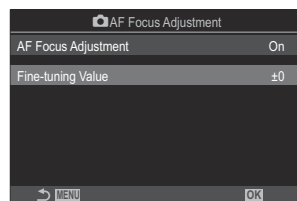
Off	Máy ảnh không sử dụng giá trị điều chỉnh lấy nét đã lưu.
On	Máy ảnh sử dụng giá trị điều chỉnh lấy nét đã lưu.

3. Trở lại màn hình cài đặt  AF Focus Adjustment.

Cấu hình [AF Focus Adjustment]



1. Cấu hình các tùy chọn.

- Nhấn Δ ∇ để chọn một mục và nhấn nút **OK** để hiển thị menu cài đặt.
- Nhấn nút **OK** một lần nữa để trở về màn hình cài đặt  AF Focus Adjustment.



Fine-tuning Value

Điều chỉnh lấy nét cho tất cả các ống kính. Lấy nét có thể được tinh chỉnh lên đến ± 20 bước.
[-20] – [±0] – [+20]

 Bạn có thể phóng to màn hình bằng cách sử dụng nút xoay phía trước hoặc nút  để kiểm tra kết quả.

 Bạn có thể chụp thử để kiểm tra kết quả bằng cách nhấn nút chụp trước khi nhấn nút **OK**.

Đèn chiếu sáng AF hỗ trợ lấy nét tự động (AF Illuminator)

P A S M B 


Đèn chiếu sáng AF sẽ sáng lên để hỗ trợ hoạt động lấy nét khi điều kiện ánh sáng yếu.

Menu

- **MENU** ➔ **AF** ➔ 3. AF ➔ AF Illuminator

On Đèn chiếu sáng sẽ sáng trong quá trình lấy nét tự động nếu chủ thể được chiếu sáng yếu.

Off Đèn chiếu sáng không sáng ngay cả khi chủ thể được chiếu sáng yếu.

 Để sử dụng chức năng này trong chế độ im lặng, bạn cần cấu hình cài đặt **[Silent [♥] Settings]** (P.200).

Chế độ hiển thị mục tiêu AF (AF Area Pointer)

P A S M B 

Ở chế độ lấy nét tự động, vị trí của chủ thể mà máy ảnh đã lấy nét sẽ được hiển thị bằng mục tiêu lấy nét màu xanh lá. Mục này điều khiển việc hiển thị mục tiêu lấy nét.

Menu

- MENU → AF → 3. AF → AF Area Pointer

Off	Mục tiêu lấy nét không được hiển thị.
On1	Mục tiêu lấy nét chỉ được hiển thị trong thời gian ngắn sau khi máy ảnh lấy nét.
On2	Sau khi máy ảnh lấy nét, chức năng nhắm mục tiêu AF theo cụm được bật và máy ảnh sẽ hiển thị các mục tiêu AF cho tất cả các vùng được lấy nét khi nút chụp được nhấn xuống một nửa hoặc nút AF-ON được nhấn.

Các chức năng cài đặt vị trí lấy nét

Khớp lựa chọn mục tiêu AF với hướng máy ảnh (Orientation Linked [·:·])

P A S M B 

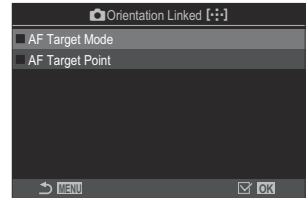
Máy ảnh có thể được cấu hình để tự động thay đổi vị trí mục tiêu AF và chế độ mục tiêu AF khi phát hiện máy được xoay giữa các hướng ngang (rộng) hoặc hướng dọc (cao). Việc xoay máy ảnh sẽ thay đổi bố cục và do đó cũng thay đổi vị trí của chủ thể trong khung hình. Máy ảnh có thể lưu trữ chế độ mục tiêu AF và vị trí mục tiêu AF riêng biệt theo hướng của máy ảnh. Khi tùy chọn này được kích hoạt, [\[Orientation Linked \[·:·\] Set Home\] \(P.141\)](#) có thể được sử dụng để lưu các vị trí ban đầu riêng biệt cho hướng ngang và hướng dọc.

Menu


- MENU → AF → 6. AF Target Settings & Operations →  Orientation Linked [·:·]

1. Chọn một chức năng mà bạn muốn lưu các cài đặt khác nhau cho hướng ngang và hướng dọc, và đánh dấu tích (✓) bên cạnh chức năng đó.


- Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút **OK** để đánh dấu tích (✓) bên cạnh. Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút **OK** một lần nữa.



Màn hình cài đặt

 Orientation Linked [·:·]

AF Target Mode	Khi bạn đánh dấu tích (✓) bên cạnh mục này, máy ảnh sẽ lưu các chế độ mục tiêu AF riêng biệt (ví dụ: [All], [Small]) cho hướng ngang và hướng dọc.
AF Target Point	Khi bạn đánh dấu tích (✓) bên cạnh mục này, máy ảnh sẽ lưu các vị trí mục tiêu AF riêng biệt cho hướng ngang và hướng dọc.

2. Màn hình hiển thị sẽ trở về màn hình cài đặt  Orientation Linked [·:·].

3. Nhấn nút **MENU** để trở về màn hình chụp.

4. Chọn chế độ mục tiêu AF hoặc vị trí mục tiêu với máy ảnh ở một hướng trước, sau đó ở hướng còn lại.
 - Các cài đặt riêng biệt được lưu cho hướng ngang, hướng dọc khi máy ảnh xoay sang phải, và hướng dọc khi máy ảnh xoay sang trái.

Chọn vị trí ban đầu AF (📷 [⋮] Set Home)

PASMB 🎥

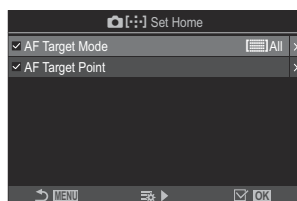
Chọn vị trí ban đầu cho tính năng [⋮]Home. Tính năng [⋮]Home cho phép bạn gọi lại “vị trí ban đầu” đã lưu trước đó cho mục tiêu AF chỉ bằng một nút bấm. Mục này được sử dụng để chọn vị trí ban đầu.

Menu

- MENU → AF → 6. AF Target Settings & Operations → 📷 [⋮] Set Home

1. Chọn một cài đặt mà bạn muốn lưu với vị trí ban đầu và đánh dấu tích (✓) bên cạnh cài đặt đó.

- Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút **OK** để đánh dấu tích (✓) bên cạnh. Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút **OK** một lần nữa.



AF Target Mode	Chọn chế độ mục tiêu AF cho vị trí ban đầu. Chỉ có các tùy chọn được chọn cho [📷 AF Target Mode Settings] (P.111) mới khả dụng.
AF Target Point	Chọn vị trí mục tiêu lấy nét mặc định cho vị trí ban đầu.

2. Nhấn \triangleright để cấu hình tùy chọn cho mục đã chọn.

- Chọn cài đặt cho vị trí ban đầu
- Khi [📷 Orientation Linked [⋮]] được kích hoạt, bạn sẽ được nhắc chọn hướng ngang hoặc dọc (máy ảnh xoay sang trái/máy ảnh xoay sang phải) trước khi nhấn nút **OK** để hiển thị các tùy chọn.

Sử dụng chức năng [[::]]Home]

Có thể sử dụng chức năng [[::]]Home] theo những cách sau.

- Trong [[::]]Button Function] (P.335), gán [[::]]Home] cho một nút. Mục tiêu AF sẽ di chuyển đến vị trí ban đầu đã lưu khi bạn nhấn nút.
- Chọn [[::]]HP] cho [[::]]Center Button] (P.352). Mục tiêu AF sẽ di chuyển đến vị trí ban đầu đã lưu khi bạn nhấn đa bộ chọn.















Chọn mục tiêu AF ([]Select Screen Settings)

P A S M B 

Chọn chức năng của nút xoay phía trước, phía sau hoặc phím mũi tên trong quá trình chọn điểm lấy nét AF. Các nút điều khiển có thể được lựa chọn tùy theo cách sử dụng máy ảnh hoặc sở thích cá nhân.


Menu

- MENU → AF → 6. AF Target Settings & Operations → [] Select Screen Settings

 dial	<p>Gán chức năng cho nút xoay phía trước và phía sau.</p> <p>[Off]: Không có.</p> <p>[ Pos]: Xác định vị trí mục tiêu AF (P.107).</p> <p>[]Mode]: Chọn chế độ mục tiêu AF (ví dụ: []All, []Small) (P.108).</p>
 button	<p>Gán chức năng cho    .</p> <p>[Off]: Không có.</p> <p>[ Pos]: Xác định vị trí mục tiêu AF (P.107).</p> <p>[]Mode]: Chọn chế độ mục tiêu AF (ví dụ: []All, []Small) (P.108).</p>

Kích hoạt chế độ Bao chọn mục tiêu AF ([⋮]) Loop Settings)

PASMB 

Bạn có thể chọn để mục tiêu AF có “bao bọc xung quanh” các cạnh của màn hình hiển thị hay không. Bạn cũng có thể chọn xem bạn có tùy chọn chọn All (tất cả mục tiêu) không trước khi chọn mục tiêu AF “bao bọc xung quanh” cho viền đối diện của màn hình.

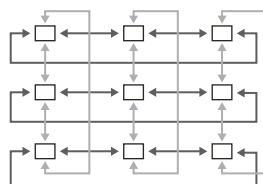
Menu

• MENU → AF → 6. AF Target Settings & Operations →  Loop Settings

Loop Selection

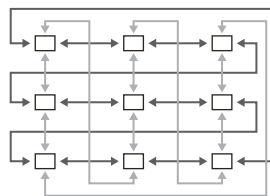
[Off]: Chế độ Bao quanh bị vô hiệu hóa. Lựa chọn mục tiêu nằm trong đường viền của màn hình hiển thị.

[Loop 1]: Nếu bạn tiếp tục nhấn đa bộ chọn theo cùng một hướng sau khi đến viền của màn hình, mục tiêu trong cùng một hàng hoặc cột trên viền đối diện sẽ được chọn.



“Loop 1”



[Loop 2]: Nếu bạn tiếp tục nhấn đa bộ chọn theo cùng một hướng sau khi đến viền của màn hình, mục tiêu trong hàng hoặc cột tiếp theo trên viền đối diện sẽ được chọn.



“Loop 2”

Via All

[No]: Lựa chọn mục tiêu không đi qua All (tất cả mục tiêu) trước khi bao bọc xung quanh.

[Yes]: Nếu **[Loop 1]** hoặc **[Loop 2]** được chọn cho **Loop Selection**, lựa chọn mục tiêu sẽ đi qua All (tất cả mục tiêu) trước khi bao bọc xung quanh đường viền đối diện.

🕒 Ấn All (tất cả mục tiêu) trong **AF Target Mode Settings** (P.111) sẽ cố định **[Via All]** là **[No]**.

- ⓘ Các mục tiêu AF không bao quanh trong khi chụp, chẳng hạn như khi chụp liên tiếp.
- ⓘ [**⋮**] **Loop Selection** được cố định là **Off** trong khi quay phim và khi [**⋮**]AF hoặc [**⋮**]AF **MF** được chọn cho chế độ lấy nét.


Chọn mục tiêu AF cảm ứng khi chụp ảnh qua kính ngắm (AF Targeting Pad)


PASMB 

Sử dụng điều khiển cảm ứng trên màn hình để chọn mục tiêu AF khi chụp ảnh qua kính ngắm. Trượt ngón tay trên màn hình để định vị mục tiêu lấy nét trong khi xem chủ thể trong kính ngắm.

Menu

- MENU → AF → 6. AF Target Settings & Operations → AF Targeting Pad

Off	Không thể sử dụng điều khiển cảm ứng trên màn hình để chọn mục tiêu AF khi chụp ảnh qua kính ngắm.
On	Có thể sử dụng điều khiển cảm ứng trên màn hình để chọn mục tiêu AF khi chụp ảnh qua kính ngắm. Ấn nhẹ vào màn hình hai lần để bật hoặc tắt tính năng chọn mục tiêu AF bằng cảm ứng. Khi mục tiêu chạm đến cạnh màn hình và bạn nhấc ngón tay rồi lướt lại, mục tiêu AF sẽ di chuyển sang phía bên kia hoặc chuyển sang chế độ  All (tất cả mục tiêu), điều này tùy thuộc vào cài đặt [[:]] Loop Selection (P.144).

 Khi **[On]** được chọn, điều khiển cảm ứng cũng có thể được sử dụng để định vị khung thu phóng (P.113).

Các chức năng khác hữu ích khi lấy nét



Hỗ trợ lấy nét thủ công (MF Assist)


P A S M B 


Đây là chức năng hỗ trợ lấy nét cho MF. Khi vòng lấy nét được xoay, cạnh của chủ thể được tăng cường hoặc một phần màn hình hiển thị được phóng đại.

Menu

- MENU → AF → 7. MF → MF Assist

Magnify	<p>Phóng đại một phần màn hình.</p> <p>[Off]: Hiển thị bình thường.</p> <p>[On]: Phóng đại một phần màn hình. Phần cần phóng đại có thể được thiết lập trước bằng cách sử dụng mục tiêu AF.  “Chọn mục tiêu lấy nét (AF Target Point)” (P.107)</p>
Peaking	<p>Hiển thị các đường viền được xác định rõ ràng với việc tăng cường cạnh.</p> <p>[Off]: Hiển thị bình thường.</p> <p>[On]: Hiển thị các đường viền được xác định rõ ràng với việc tăng cường cạnh. Bạn có thể chọn màu sắc và cường độ tăng cường.  “Tùy chọn lấy nét đỉnh (Peaking Settings)” (P.149)</p>
Focus Indicator	<p>Xoay vòng lấy nét trong chế độ lấy nét thủ công sẽ hiển thị chỉ báo cho thấy hướng và mức độ xoay cần thiết để đưa chủ thể vào tiêu cự.</p> <p>[Off]: Hiển thị bình thường.</p> <p>[On]: Xoay vòng lấy nét trong chế độ lấy nét thủ công sẽ hiển thị chỉ báo cho thấy hướng và mức độ xoay cần thiết để đưa chủ thể vào tiêu cự.</p>

 Khi Peaking được sử dụng, các cạnh của chủ thể nhỏ có xu hướng được tăng cường mạnh hơn. Điều này không đảm bảo việc lấy nét chính xác.

- ⚠️ Tính năng thu phóng lấy nét không khả dụng trong các trường hợp sau:
 - Trong quá trình quay phim / khi chế độ lấy nét [**C-AF MF**] hoặc [**C-AF+TR MF**] được chọn / trong quá trình chụp ảnh chồng hình / khi [ **Digital Tele-converter**] được đặt thành [**On**] trong chế độ quay phim.
- ⚠️ Khi sử dụng ống kính của bên thứ ba có cơ chế chuyển đổi lấy nét, hướng lấy nét và hiển thị của Focus Indicator có thể bị đảo ngược. Nếu điều này xảy ra, hãy thay đổi cài đặt [**Focus Ring**] (P.153).
- ⚠️ Không thể hiển thị Focus Indicator khi sử dụng ống kính hệ thống Four-Thirds.
- 🔄 Xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau để phóng to hoặc thu nhỏ trong khi thu phóng lấy nét.
- 🔄 Nhấn nút **INFO** để thay đổi màu sắc và cường độ khi đỉnh được hiển thị.

Tùy chọn lấy nét đỉnh (Peaking Settings)

P A S M B 

Làm nổi các đối tượng bằng cách sử dụng đường viền màu. Điều này giúp các đối tượng đang được lấy nét trở nên dễ nhìn hơn trong quá trình lấy nét thủ công và các thao tác tương tự.

Nút

- Nút mà **[Peaking]** đã được gán Nút → **INFO**

Menu

- **MENU** → **AF** → 7. MF → Peaking Settings

Peaking Color	Chọn màu lấy nét đỉnh. [White] / [Black] / [Red] / [Yellow]
Highlight Intensity	Chọn mức lấy nét đỉnh. [Low] / [Normal] / [High]
Image Brightness Adj.	Điều chỉnh độ sáng nền để giúp cho chức năng lấy nét đỉnh dễ nhìn hơn. [Off] : Hiển thị bình thường. [On] : Điều chỉnh độ sáng của nền.

 Khi **[On]** được chọn cho **[Image Brightness Adj.]**, màn hình hiển thị chế độ xem trực tiếp có thể sáng hơn hoặc tối hơn ảnh cuối cùng.

Sử dụng chức năng Lấy nét đỉnh

Các tùy chọn sau đây khả dụng để sử dụng chức năng Lấy nét đỉnh.

- **Gán [Peaking] cho điều khiển bằng [📷 Button Function] hoặc [🔍 Button Function]:**

Có thể gán chức năng lấy nét đỉnh cho điều khiển bằng cách chọn **[Peaking]** cho **[📷 Button Function] (P.335)** hoặc **[🔍 Button Function] (P.335)**. Nhấn nút để bật chức năng lấy nét đỉnh. **[Peaking]** cũng có thể được chọn cho **[Multi Function] (P.345)**.

- **Sử dụng [Peaking] cho [MF Assist]:**

Nếu **[Peaking]** được chọn cho **[MF Assist]**, tính năng lấy nét đỉnh sẽ tự động kích hoạt khi vòng lấy nét của ống kính được xoay.

🔍 Nhấn nút **INFO** để xem các tùy chọn đỉnh.

Chọn khoảng cách lấy nét cho MF cài sẵn (Preset MF distance)

P A S M B 

Đặt vị trí lấy nét cho MF cài sẵn.

Chỉ rõ số lượng và đơn vị (m hoặc ft).

Menu

- **MENU** → **AF** → 7. MF → Preset MF distance

ⓘ Nếu ống kính được trang bị giới hạn lấy nét, hãy tắt bộ giới hạn này trước khi tiếp tục.

ⓘ Các số liệu hiển thị chỉ mang tính chất tham khảo.



Vô hiệu hóa chuyển đổi MF (MF Clutch)

P A S M B 

Tắt cơ chế chuyển đổi lấy nét thủ công có trên một số ống kính. Điều này có thể ngăn chặn việc vô hiệu hóa chức năng lấy nét tự động do vòng lấy nét vô tình bị xoay.

Menu

- MENU → AF → 7. MF → MF Clutch

Operative	Máy ảnh phản ứng với vị trí của vòng lấy nét của ống kính.
Inoperative	Máy ảnh lấy nét theo tùy chọn được chọn cho [ AF Mode] / [ AF Mode], bất kể vị trí vòng lấy nét của ống kính.

ⓘ Lấy nét thủ công bằng vòng lấy nét của ống kính sẽ không khả dụng khi **[Inoperative]** được chọn cho **[MF Clutch]**, ngay cả khi vòng lấy nét của ống kính đang ở chế độ lấy nét thủ công.

🔍 Để biết thông tin chi tiết về ống kính được trang bị cơ chế chuyển đổi MF, xem “Ống kính chuyển đổi MF” (P.475).

Hướng lấy nét của ống kính (Focus Ring)

P A S M B 

Chọn hướng xoay của vòng lấy nét để điều chỉnh lấy nét.

Menu

• MENU → AF → 7. MF → Focus Ring



Xoay vòng ngược chiều kim đồng hồ để tăng khoảng cách lấy nét.



Xoay vòng theo chiều kim đồng hồ để tăng khoảng cách lấy nét.

Cài đặt lại vị trí ống kính khi tắt máy (Reset Lens)

P A S M B 

Bạn có thể lựa chọn không đưa ống kính về vị trí lấy nét mặc định khi máy ảnh tắt. Chức năng này cho phép bạn tắt máy ảnh mà không cần thay đổi vị trí lấy nét.

Menu

- **MENU** ➔ **AF** ➔ 7. MF ➔ Reset Lens

Off

Vị trí lấy nét của ống kính không được đặt lại khi máy ảnh tắt. Ống kính thu phóng điện tử cũng trở về vị trí thu phóng trước khi máy ảnh tắt.

On

Vị trí lấy nét của ống kính được đặt lại khi máy ảnh tắt.







Đo sáng và phơi sáng

Kiểm soát phơi sáng (Bù phơi sáng)

PASMB 

Độ phơi sáng được máy ảnh tự động chọn có thể được điều chỉnh để phù hợp với ý đồ nghệ thuật của bạn. Chọn giá trị dương để làm cho ảnh sáng hơn, giá trị âm để làm cho ảnh tối đi.

Nút

- Ở chế độ chụp khác ngoài **M**: Nút  (Bù phơi sáng) \rightarrow    
- Ở chế độ chụp **M**: Xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau trong khi nhấn nút  (Bù phơi sáng).

Bảng siêu điều khiển

- **OK** \rightarrow Exposure Comp.



①



②



③




- ① Giảm sáng (-)
- ② Không bù phơi sáng (0)
- ③ Tăng sáng (+)

- Khi chụp ảnh, bù phơi sáng có thể được điều chỉnh lên đến ± 5.0 EV. Kính ngắm và chế độ xem trực tiếp hiển thị hiệu ứng của các giá trị không vượt quá ± 3.0 EV. Thanh phơi sáng sẽ nhấp nháy khi giá trị vượt quá ± 3.0 EV.
- Khi quay phim, bù phơi sáng có thể được điều chỉnh trong khoảng ± 3.0 EV.
- Các nút xoay phía trước và phía sau hoặc điều khiển cảm ứng có thể được sử dụng để điều chỉnh phơi sáng khi quay phim.




① ②




- ① Thanh phơi sáng
- ② Giá trị bù phơi sáng

 Để xem trước hiệu ứng bù phơi sáng trong chế độ xem trực tiếp, hãy chọn **[Standard]** cho  **Mode]** (P363) và **[Off]** cho  **Night Vision]** (P364).

Điều chỉnh bù phơi sáng

Các chế độ P, A, và S

Trong chế độ phim, có thể điều chỉnh bù phơi sáng khi chọn **[P]**, **[A]**, hoặc **[S]** cho **[Mode]** (chế độ phơi sáng quay phim).  “Chọn chế độ phơi sáng (**Mode** (Chế độ phơi sáng quay phim))” (P.81)


1. Xoay nút xoay phía trước để điều chỉnh bù phơi sáng.
 - Bạn cũng có thể chọn giá trị bằng cách nhấn nút  rồi sử dụng các nút  .

2. Nhà màn trập.

Chế độ M

Ở chế độ chụp ảnh tĩnh, chọn **[P/A/S/M]** cho **[ISO-Auto]** (P.173) và **[Auto]** cho **[ISO]** (P.168).

Trong chế độ quay phim, bù phơi sáng có thể được điều chỉnh khi **[M]** được chọn cho **[Mode]** (chế độ phơi sáng quay phim) (P.81). Tuy nhiên, trước tiên bạn phải chọn **[On]** cho **[MISO-Auto]** (P.173) và **[Auto]** cho **[ISO]** (P.168).

1. Nhấn nút  và sau đó xoay nút xoay phía trước hoặc nút xoay phía sau để điều chỉnh bù phơi sáng.
2. Nhà màn trập.

Cài đặt lại bù phơi sáng

Để cài đặt lại bù phơi sáng, nhấn và giữ nút **OK**.

Các bước EV để kiểm soát phơi sáng (EV Step)

P A S M B 

Chọn kích thước của bước tăng sử dụng khi điều chỉnh tốc độ màn trập, khẩu độ, bù phơi sáng, và các cài đặt liên quan đến phơi sáng khác. Chọn từ 1/3, 1/2, và 1 EV.

Menu

- MENU →  → 4. Exposure → EV Step

Tinh chỉnh phơi sáng (Exposure Shift)

P A S M B 

Tinh chỉnh phơi sáng. Sử dụng tùy chọn này nếu bạn muốn kết quả của chế độ phơi sáng tự động luôn sáng hơn hoặc tối hơn một cách nhất quán.

- ⓘ Việc tinh chỉnh thường không cần thiết. Chỉ sử dụng khi cần thiết. Trong điều kiện bình thường, phơi sáng có thể được điều chỉnh bằng cách sử dụng bù phơi sáng (P.155).
- ⓘ Tinh chỉnh phơi sáng sẽ giảm phạm vi bù phơi sáng khả dụng theo hướng (+ hoặc -) đã được tinh chỉnh.

Menu

• MENU →  → 4. Exposure → Exposure Shift

 (đo sáng ESP kỹ thuật số)	Đặt mức tinh chỉnh cho trường hợp phương pháp đo sáng là  . [-1] – [±0] – [+1]
 (cân bằng trung tâm)	Đặt mức tinh chỉnh cho trường hợp phương pháp đo sáng là  . [-1] – [±0] – [+1]
 (đo sáng điểm)	Đặt mức tinh chỉnh cho trường hợp phương pháp đo sáng là  . [-1] – [±0] – [+1]

Giảm nhấp nháy dưới đèn LED (📷 Flicker Scan / 📷 Flicker Scan)

P A S M B 📷

Hiện tượng dải sọc có thể xuất hiện trong các bức ảnh chụp dưới ánh sáng LED. Sử dụng [📷 Flicker Scan] / [📷 Flicker Scan] để tối ưu hóa tốc độ màn trập khi xem dải màu trên màn hình hiển thị.

🔔 📷: Mục này có thể được sử dụng ở chế độ im lặng và khi chụp bằng Pro Capture trong chế độ chụp **S** hoặc **M**.

📷: Mục này có thể được sử dụng khi [📷 Mode] (chế độ phơi sáng quay phim) là **[S]** hoặc **[M]**.

🔔 Phạm vi tốc độ màn trập khả dụng sẽ bị thu hẹp.

Menu

- MENU → 📷₁ → 4. Exposure → 📷 Flicker Scan
- MENU → 📷 → 1. Basic Settings/Image Quality → 📷 Flicker Scan

- Khi đặt thành **[On]**, "FlickerScan" sẽ được hiển thị.



- 🔔 Tính năng lấy nét đỉnh và bảng siêu điều khiển LV không khả dụng trong màn hình quét nhấp nháy. Để xem các mục này, trước tiên hãy nhấn nút **INFO** để thoát khỏi màn hình quét nhấp nháy.

Chọn tốc độ màn trập

- Chọn tốc độ màn trập bằng cách sử dụng nút xoay phía trước hoặc phía sau, hoặc các nút Δ ∇ . Nếu muốn, có thể chọn tốc độ màn trập bằng cách nhấn giữ Δ ∇ .
- Bạn cũng có thể xoay nút xoay phía trước để điều chỉnh tốc độ màn trập theo mức tăng phơi sáng được chọn cho **[EV Step]** (P.157).
- Tiếp tục điều chỉnh tốc độ màn trập cho đến khi không còn nhìn thấy dải màu trên màn hình.
- Phóng đại màn hình (P.113) giúp kiểm tra dải màu dễ dàng hơn.
- Nhấn nút **INFO**; màn hình hiển thị sẽ thay đổi và "FlickerScan" sẽ không còn hiển thị nữa. Bạn có thể điều chỉnh khẩu độ và bù phơi sáng. Thực hiện bằng cách sử dụng nút xoay phía trước, phía sau hoặc phím mũi tên.
- Nhấn nút **INFO** nhiều lần để trở về màn hình quét nhấp nháy.

Chọn cách máy ảnh đo độ sáng (Metering)

P A S M B 

Bạn có thể chọn cách máy ảnh đo độ sáng của chủ thể.

Nút





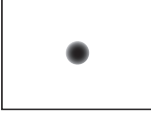


- Nút AF  →   



Bảng siêu điều khiển

- OK → Metering

Menu

- MENU →  → 5. Metering → Metering

	Đo sáng ESP kỹ thuật số	Phù hợp với hầu hết các cảnh, bao gồm cả các chủ thể có ánh sáng ngược. Máy ảnh đo sáng trên 324 vùng trong khung hình và tính toán phơi sáng tối ưu, dựa trên đặc điểm của cảnh.	
	Đo sáng trung bình trọng tâm	Phù hợp với những bố cục đặt chủ thể chính vào trung tâm của khung hình. Máy ảnh sẽ thiết lập độ phơi sáng dựa trên mức ánh sáng trung bình của toàn bộ khung hình, đồng thời tập trung làm nổi bật vùng ở giữa.	
	Đo sáng điểm	Sử dụng một vùng cụ thể của chủ thể để đo độ phơi sáng. Máy ảnh đo sáng một phần nhỏ (khoảng 2%) của khung hình.	
	Đo sáng điểm (vùng sáng)	Tăng độ phơi sáng của chế độ đo sáng điểm. Đảm bảo các chủ thể sáng hiển thị sáng rõ.	
	Đo sáng điểm (vùng tối)	Giảm độ phơi sáng của chế độ đo sáng điểm. Đảm bảo các chủ thể tối hiển thị tối đi.	

 Vị trí đo sáng điểm có thể được đặt tại mục tiêu AF đã chọn.  “Đo sáng mục tiêu lấy nét ([:::]Spot Metering)” (P.167)

Khóa phơi sáng (Khóa AE)


P A S M B 

Bạn có thể khóa độ phơi sáng bằng cách nhấn nút **AEL**. Sử dụng tính năng này khi bạn muốn điều chỉnh lấy nét và phơi sáng riêng biệt hoặc khi bạn muốn chụp nhiều ảnh với cùng một mức phơi sáng.

Nút

- Nút **AEL**

ⓘ Nếu nút **AEL** đã được gán một chức năng khác, bạn sẽ cần gán **[AEL] (P.337)** cho một điều khiển bằng **[Button Function] (P.335)**.

📷 Máy ảnh có thể được cấu hình để tự động nhả khóa sau khi chụp.  **[AEL Auto Reset] (P.164)**

- Nếu bạn nhấn nút AEL một lần, độ phơi sáng sẽ bị khóa và “**AEL**” sẽ hiển thị.
- Nhấn nút một lần nữa để mở Khóa AE.
- Khóa sẽ được mở nếu bạn thao tác với nút xoay chế độ, nút **MENU**, hoặc nút **OK**.

Đo độ phơi sáng khi khóa AE (Metering during AEL)





PASMB 

Chọn phương pháp đo sáng được sử dụng để đo phơi sáng khi phơi sáng được khóa bằng nút AEL.

Menu

- MENU →  → 5. Metering → Metering during 

- Để biết thêm thông tin về khóa AE, xem ["Khóa phơi sáng \(Khóa AE\)" \(P.162\)](#).

Auto	Độ phơi sáng được đo bằng phương pháp được chọn cho [Metering] (P.161).
 (cân bằng trung tâm)	Máy ảnh sẽ thiết lập độ phơi sáng dựa trên mức ánh sáng trung bình của toàn bộ khung hình, đồng thời tập trung làm nổi bật vùng ở giữa.
 (đo sáng điểm)	Máy ảnh đo sáng một phần nhỏ (khoảng 2%) của khung hình.
 Hi (đo sáng điểm sáng)	Làm sáng vùng đo sáng điểm, giúp làm nổi các vùng sáng.
 Sh (đo sáng điểm tối)	Làm tối vùng đo sáng điểm, giúp làm tối các vùng sáng.

Nhả khóa AE sau khi chụp (AEL Auto Reset)


PASMB 

Cấu hình máy ảnh để tự động nhả khóa sau khi chụp khi độ phơi sáng được khóa bằng nút **AEL**.

Menu

- MENU →  → 5. Metering → **AEL** Auto Reset

No	Độ phơi sáng vẫn được giữ nguyên sau khi chụp. Nhấn nút AEL để mở khóa.
Yes	Khóa phơi sáng được nhả ra sau khi chụp.



 Khi chụp nhiều ảnh bằng các chức năng như chụp liên tiếp, chụp hẹn giờ tùy chỉnh hoặc chụp ngắt quãng, khóa phơi sáng sẽ được nhả ra sau khi hoàn thành loạt ảnh.

Khóa phơi sáng khi nút chụp được nhấn xuống một nửa (AEL by half-pressing)


PASMB 

Cấu hình máy ảnh để khóa phơi sáng khi nút chụp được nhấn xuống một nửa.

Menu

- MENU →  → 5. Metering → AEL by half-pressing 

No	Độ phơi sáng không được khóa khi nút chụp được nhấn xuống một nửa. Độ phơi sáng được xác định dựa trên điều kiện chụp khi nút chụp được nhấn xuống hết mức.
Yes	Độ phơi sáng được khóa khi nút chụp được nhấn xuống một nửa.
S-AF Only	Độ phơi sáng được khóa khi nút chụp được nhấn xuống một nửa chỉ khi chế độ AF là [S-AF] , [S-AF MF] , [*AF] hoặc [*AF MF] .

- ⚠ Nếu độ phơi sáng được khóa bằng cách nhấn nút **AEL**, độ phơi sáng sẽ vẫn được khóa khi nút chụp được nhấn xuống một nửa, bất kể cài đặt này là gì.
- 🔗 Nếu bạn cấu hình máy ảnh để không khóa phơi sáng khi nút chụp được nhấn xuống một nửa, bạn có thể chọn để máy ảnh có đo độ sáng cho từng khung hình trong quá trình chụp liên tiếp hay không.  "[Cài đặt các tùy chọn đo sáng cho chế độ chụp liên tiếp \(Metering during !\[\]\(2176a4ba510fa27404d783166e891577_img.jpg\)\)](#)" (P.166)


Cài đặt các tùy chọn đo sáng cho chế độ chụp liên tiếp (Metering during)

PASMB 

Menu

- MENU →  → 5. Metering → Metering during 


No	Máy ảnh đo sáng khi chụp khung hình đầu tiên và độ phơi sáng được khóa trong quá trình chụp liên tiếp.
Yes	Máy ảnh đo độ sáng và xác định độ phơi sáng cho từng khung hình.

⚠ Nếu độ phơi sáng được khóa bằng cách nhấn nút **AEL** (P.162) hoặc nhấn nút chụp một nửa (P.165), độ phơi sáng vẫn được khóa trong quá trình chụp liên tiếp ngay cả khi [**Metering during** ] được đặt thành [**Yes**].


⚠ Khi [SH1] hoặc [**ProCap SH1**] được đặt, [**Metering during** ] được cố định là [**No**].

Đo sáng mục tiêu lấy nét ([]Spot Metering)

P A S M B 



Chọn để máy ảnh có đo sáng mục tiêu AF hiện tại hay không khi [] được chọn cho **[Metering]**. Cài đặt có thể được điều chỉnh riêng biệt cho đo sáng điểm, đo sáng điểm sáng và đo sáng điểm tối.

Menu

- MENU →  → 5. Metering → []Spot Metering

1. Chọn một phương pháp đo sáng mà bạn muốn máy ảnh sử dụng để đo sáng mục tiêu AF hiện tại và đánh dấu tích (✓) bên cạnh phương pháp đó.
 - Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút **OK** để đánh dấu tích (✓) bên cạnh. Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút **OK** một lần nữa.

Spot	Được áp dụng khi [Metering] là [] (đo sáng điểm).
Spot Hilight	Được áp dụng khi [Metering] là [ Hi] (đo sáng điểm sáng).
Spot Shadow	Được áp dụng khi [Metering] là [ Sh] (đo sáng điểm tối).

- 🕒 Tùy chọn được chọn sẽ có hiệu lực khi chế độ []Single hoặc []Small được chọn làm chế độ mục tiêu AF (P.108).
- 🕒 Máy ảnh sẽ phóng to mục tiêu AF đã chọn trong khi thu phóng lấy nét (P.113).
- 🕒 Không áp dụng khi chọn cài đặt khác với **[Off]** cho **[Subject Detection]**.
- 🕒 Không áp dụng khi chọn **[C-AF+TR]** hoặc **[C-AF+TRME]** cho Chế độ AF.

Thay đổi độ nhạy ISO (ISO)

P A S M B 




Chọn giá trị theo độ sáng của chủ thể. Giá trị cao hơn cho phép bạn chụp cảnh tối hơn nhưng cũng làm tăng “nhiều” (vết loang lổ) của ảnh. Chọn **[Auto]** để máy ảnh điều chỉnh độ nhạy theo điều kiện ánh sáng.




Nút

- Nút **ISO** → 

Bảng siêu điều khiển

- **OK** → ISO

ⓘ Độ nhạy ISO được cố định là **[Auto]** trong khi quay phim khi chọn **[P]**, **[A]**, hoặc **[S]** cho **[Mode]** (chế độ phơi sáng quay phim). Cài đặt **[Mode]** thành **[M]** sẽ cho phép các tùy chọn khác được chọn.  “Gán chức năng cho các nút xoay phía trước và phía sau ( Dial Function /  Dial Function)” (P.348)

Auto	<p>Độ nhạy được điều chỉnh tự động theo điều kiện chụp. Trong khi chụp ảnh tĩnh, bạn có thể chọn giá trị tối đa và tiêu chuẩn cho độ nhạy ISO (P.171).</p> <p>Bạn có thể thay đổi tốc độ màn trập mà tại đó độ nhạy ISO bắt đầu tăng ở chế độ P và A (P.172).</p> <p>ⓘ Trong khi quay phim, độ nhạy ISO sẽ được đặt thành các giá trị từ ISO 200 đến 12800. Khi [M] được chọn cho [Mode] (chế độ phơi sáng quay phim), chế độ kiểm soát độ nhạy ISO tự động có thể được kích hoạt bằng cách chọn [On] cho [ISO-Auto]. Bạn cũng có thể chọn giá trị tối đa và tiêu chuẩn cho độ nhạy ISO.  “Cài đặt phạm vi giá trị độ nhạy ISO được chọn ở chế độ [Auto] ( ISO-A Upper/Default /  ISO-A Upper/Default)” (P.171)</p>
L80, L100, 200–102400 (chụp ảnh tĩnh)	<p>Chọn giá trị cho độ nhạy ISO. ISO 200 mang lại sự cân bằng tốt giữa độ nhiễu và dải động. Chọn [L100] hoặc [L80] để có khẩu độ lớn hơn (số f cao hơn) hoặc tốc độ màn trập chậm hơn. [L80] tương đương với ISO 80, [L100] tương đương với ISO 100.</p> <p>ⓘ [L80] và [L100] khả dụng ở tất cả các giá trị bước phơi sáng.</p> <p>ⓘ [L80] và [L100] làm giảm dải động.</p>

200–
12800
(quay
phim)

Chọn giá trị cho độ nhạy ISO. ISO 200 mang lại sự cân bằng tốt giữa độ nhiễu và dải động.

- ⚠ Việc kết hợp các giá trị **[ISO]** trên ISO 16000 với các cài đặt sử dụng màn trập điện tử (ví dụ: chế độ im lặng hoặc chụp bù sáng lấy nét) sẽ đặt tốc độ đồng bộ đèn flash ở mức 1/50 giây.
- ⚠ Bất kể giá trị được chọn cho độ nhạy ISO, tốc độ đồng bộ đèn flash cho ảnh chụp sử dụng chụp bù sáng ISO ở chế độ im lặng là 1/50 giây.
- ⚠ Khi **[M]** được chọn cho **[P Mode]** (chế độ phơi sáng quay phim), độ nhạy ISO có thể được điều chỉnh trong khi quay bằng cách sử dụng điều khiển cảm ứng (P.84) hoặc bằng cách xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau.
- ⚠ Nếu **[Dramatic Tone]** hoặc **[Watercolor]** được chọn cho chế độ ảnh trong khi chụp ảnh tĩnh, độ nhạy sẽ không vượt quá ISO 1600 khi chọn **[Auto]**.
- ⚠ Các hạn chế sau sẽ được áp dụng khi **[M]** được chọn cho **[P Mode]** (chế độ phơi sáng quay phim) tùy thuộc vào chế độ ảnh:
 - **[P2 OM-Log400], [P3 HLG]:**
 - Nếu tốc độ khung hình được chọn cho **[P2 OM-Log400]** là 23.98p, 24.00p, 25.00p hoặc 29.97p, **[Auto]** bị giới hạn ở độ nhạy ISO 400–6400.
 - Nếu tốc độ khung hình được chọn cho **[P3 HLG]** là 50.00p hoặc 59.94p, **[Auto]** sẽ bị giới hạn ở độ nhạy ISO 400–12800.
 - Giá trị thấp nhất có thể chọn thủ công là ISO 400.
 - **[Dramatic Tone] / [Watercolor]:**
 - **[Auto]** bị giới hạn ở độ nhạy ISO 200–3200.
 - **Bộ lọc nghệ thuật khác ngoài [Dramatic Tone] / [Watercolor]:**
 - Nếu tốc độ khung hình được chọn cho **[P2 OM-Log400]** là 23.98p, 24.00p, 25.00p hoặc 29.97p, **[Auto]** bị giới hạn ở độ nhạy ISO 200–3200.
 - Nếu tốc độ khung hình được chọn cho **[P3 HLG]** là 50.00p hoặc 59.94p, **[Auto]** sẽ bị giới hạn ở độ nhạy ISO 200–6400.
 - **Các chế độ hình ảnh khác:**
 - Nếu tốc độ khung hình được chọn cho **[P2 OM-Log400]** là 23.98p, 24.00p, 25.00p hoặc 29.97p, **[Auto]** bị giới hạn ở độ nhạy ISO 200–6400.

Các bước EV để kiểm soát độ nhạy ISO (ISO Step)

P A S M B 

Chọn kích thước của bước tăng sử dụng khi điều chỉnh độ nhạy ISO. Chọn từ 1/3 và 1 EV.

Menu

- MENU →  → 3. ISO/Noise Reduction → ISO Step

Cài đặt phạm vi giá trị độ nhạy ISO được chọn ở chế độ [Auto] (ISO-A Upper/Default / M ISO-A Upper/Default)

P A S M B

Chọn phạm vi giá trị độ nhạy ISO do máy ảnh chọn khi [Auto] được chọn cho [ISO] hoặc [M ISO].

Menu

- MENU → 1 → 3. ISO/Noise Reduction → ISO-A Upper/Default
- MENU → M → 3. ISO/Noise Reduction → M ISO-A Upper/Default

Upper Limit	Chọn độ nhạy tối đa được máy ảnh tự động chọn. Cài đặt giá trị bằng $\Delta \nabla$ hoặc nút xoay phía trước/phía sau.
Default	Chọn độ nhạy mặc định. Cài đặt giá trị bằng $\Delta \nabla$ hoặc nút xoay phía trước/phía sau.

- Chuyển đổi giữa [Upper Limit] và [Default] bằng cách sử dụng $\triangleleft \triangleright$.

⚠ Giới hạn trên và các cài đặt mặc định sẽ khác nhau giữa [ISO] và [M ISO]. Nếu không thể đạt được độ phơi sáng tối ưu dưới các điều kiện khẩu độ và tốc độ màn trập, độ nhạy thấp hơn sẽ được áp dụng.

Cài đặt tốc độ màn trập mà máy ảnh tự động tăng độ nhạy ISO (📷 ISO-A Lowest S/S)

P A S M B 

Chọn tốc độ màn trập mà máy ảnh bắt đầu tăng độ nhạy ISO khi [Auto] được chọn cho [📷 ISO].

Menu

• MENU → 📷₁ → 3. ISO/Noise Reduction → 📷 ISO-A Lowest S/S

Auto	Máy ảnh sẽ tự động cài đặt.
1/8000 – 60"	Máy ảnh bắt đầu tăng độ nhạy ISO ở tốc độ màn trập được chỉ định. Nhấn nút OK và cài đặt tốc độ màn trập bằng $\Delta \nabla$.

Chọn chế độ mà [Auto] có thể được sử dụng cho độ nhạy ISO (📷ISO-Auto / 👤MISO-Auto)

P A S M B 👤

Chọn chế độ mà [Auto] có thể được sử dụng cho độ nhạy ISO.

Menu

- MENU → 📷₁ → 3. ISO/Noise Reduction → 📷ISO-Auto
- MENU → 👤 → 3. ISO/Noise Reduction → 👤MISO-Auto

📷ISO-Auto

P/A/S	[Auto] có thể được sử dụng cho độ nhạy ISO khi chế độ chụp là P, A , hoặc S .
P/A/S/M	[Auto] có thể được sử dụng cho độ nhạy ISO khi chế độ chụp là P, A, S , hoặc M .

👤MISO-Auto





Off	Không thể sử dụng [Auto] cho độ nhạy ISO khi [👤 Mode] (P.81) là [M].
On	Có thể sử dụng [Auto] cho độ nhạy ISO khi [👤 Mode] (P.81) là [M].

Tùy chọn giảm nhiễu ISO cao (Noise Filter / Noise Filter)

P A S M B

Giảm hiện tượng nhiễu hình ảnh (“nhiều”) trong cảnh quay được quay ở độ nhạy ISO cao. Điều này có thể giúp giảm “độ hạt” trong cảnh quay được thực hiện trong điều kiện ánh sáng yếu. Bạn có thể chọn mức độ giảm nhiễu được thực hiện.

Menu

- MENU →  → 3. ISO/Noise Reduction →  Noise Filter
- MENU →  → 3. ISO/Noise Reduction →  Noise Filter

Off	Giảm nhiễu được vô hiệu hóa.
Low / Standard / High	Chọn mức độ giảm nhiễu được thực hiện.

Tùy chọn xử lý hình ảnh (Low ISO Processing)


P A S M B 

Chọn loại xử lý được áp dụng cho các bức ảnh chụp ở độ nhạy ISO thấp khi sử dụng chế độ chụp liên tiếp.

Menu

• MENU →  → 3. ISO/Noise Reduction → Low ISO Processing

Drive Priority	Xử lý hình ảnh được điều chỉnh để không làm giảm số lượng ảnh có thể chụp trong một lần chụp nhanh liên tiếp.
Detail Priority	Xử lý hình ảnh ưu tiên chất lượng hình ảnh.

 Ảnh chụp bằng chế độ chụp đơn sẽ được xử lý ở chế độ **[Detail Priority]** ngay cả khi **[Drive Priority]** được chọn.

Tùy chọn giảm nhiễu phơi sáng thời gian dài (Noise Reduction)


PASMB 

Chọn xem có xử lý ảnh chụp ở tốc độ màn trập chậm để giảm hiện tượng nhiễu hình ảnh ("nhiều") hay không. Ở tốc độ màn trập chậm, nhiễu là do nhiệt tỏa ra từ chính máy ảnh. Sau mỗi bức ảnh được chụp, máy ảnh sẽ chụp một hình ảnh thứ hai để giảm nhiễu, gây ra một khoảng trễ tương đương với tốc độ màn trập đã chọn trước khi có thể chụp bức ảnh tiếp theo.

Menu

• MENU →  1 → 3. ISO/Noise Reduction → Noise Reduction

Off	Không thực hiện giảm nhiễu.
On	Thực hiện giảm nhiễu ở mọi tốc độ màn trập.
Auto	Giảm nhiễu được thực hiện tự động khi nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng cao.

- ⓘ Trong quá trình giảm nhiễu, máy ảnh hiển thị thời gian còn lại cho đến khi quá trình hoàn tất.
 - ⓘ Trong quá trình chụp liên tiếp, **[Off]** được chọn tự động và giảm nhiễu không được thực hiện.
 - ⓘ Việc giảm nhiễu có thể không đạt được hiệu quả mong muốn tùy thuộc vào đối tượng và điều kiện chụp.
-  Để sử dụng chức năng này trong chế độ im lặng, bạn cần cấu hình cài đặt **[Silent [♥] Settings]** (P.200).

Chụp ảnh với đèn flash

Sử dụng đèn flash (Chụp ảnh với đèn flash)

Khi sử dụng thiết bị đèn flash được thiết kế dành riêng cho máy ảnh, bạn có thể chọn từ nhiều chế độ chụp khác nhau để đáp ứng nhu cầu của mình.

Thiết bị đèn flash được thiết kế dành riêng cho máy ảnh

Chọn đèn flash phù hợp với nhu cầu của bạn, cân nhắc các yếu tố như công suất cần thiết và khả năng hỗ trợ chụp ảnh macro của thiết bị. Thiết bị đèn flash được thiết kế để giao tiếp với máy ảnh hỗ trợ nhiều chế độ đèn flash, bao gồm TTL tự động và Super FP. Thiết bị đèn flash có thể được gắn vào chân cắm phụ kiện của máy ảnh hoặc kết nối bằng cáp (cung cấp riêng) và giá đỡ đèn flash. Máy ảnh cũng hỗ trợ các hệ thống điều khiển đèn flash không dây như sau:

Chụp ảnh với đèn flash điều khiển bằng sóng vô tuyến: Các chế độ CMD, ⚡CMD, RCV, và X-RCV

Máy ảnh điều khiển một hoặc nhiều thiết bị đèn flash từ xa bằng tín hiệu vô tuyến. Phạm vi vị trí có thể đặt thiết bị đèn flash sẽ tăng lên. Các thiết bị đèn flash có thể điều khiển các thiết bị tương thích khác hoặc được trang bị bộ điều khiển/bộ thu sóng vô tuyến để cho phép sử dụng các thiết bị không hỗ trợ điều khiển đèn flash vô tuyến.

Chụp ảnh với đèn flash điều khiển từ xa không dây: Chế độ RC

Máy ảnh điều khiển một hoặc nhiều thiết bị đèn flash từ xa bằng tín hiệu quang học. Chế độ đèn flash có thể được chọn bằng cách sử dụng các điều khiển trên máy ảnh ([P.187](#)).

Các tính năng khả dụng với thiết bị đèn flash tương thích

Thiết bị đèn flash	Chế độ điều khiển đèn flash	GN (Chỉ số hướng dẫn, ISO 100)	Hệ thống không dây được hỗ trợ
FL-700WR	TTL-AUTO, MANUAL, FP TTL AUTO, FP MANUAL, MULTI, RC, SL MANUAL	GN 42 (75/150 mm ¹) GN 21 (12/24 mm ¹)	CMD, ⚡CMD, RCV, X-RCV, RC
FL-900R	TTL-AUTO, AUTO, MANUAL, FP TTL AUTO, FP MANUAL, MULTI, RC, SL AUTO, SL MANUAL	GN 58 (100/200 mm ¹) GN 27 (12/24 mm ¹)	RC
STF-8	TTL-AUTO, MANUAL, RC ²	GN8.5	RC ²
FL-LM3	Thay đổi tùy theo cài đặt máy ảnh.	GN 9,1 (12/24 mm ¹)	RC ²

1 Độ dài tiêu cự ống kính tối đa mà thiết bị có thể cung cấp phạm vi phủ sáng của đèn flash (các con số sau dấu gạch chéo là độ dài tiêu cự tương đương định dạng 35 mm).

2 Chỉ có chức năng như bộ điều khiển (bộ phát).

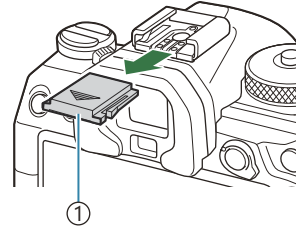
Gắn thiết bị đèn flash tương thích

Phương pháp gắn và vận hành các thiết bị đèn flash ngoài sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại thiết bị. Xem tài liệu đi kèm với đèn thiết bị để biết chi tiết. Các hướng dẫn ở đây áp dụng cho FL-LM3.

⚠️ Xác nhận rằng cả máy ảnh và thiết bị đèn flash đều đã tắt. Việc gắn hoặc tháo thiết bị đèn flash trong khi máy ảnh hoặc thiết bị đèn flash đang bật có thể làm hỏng thiết bị.

1. Tháo nắp đậy chân cắm phụ kiện và gắn đèn flash vào.

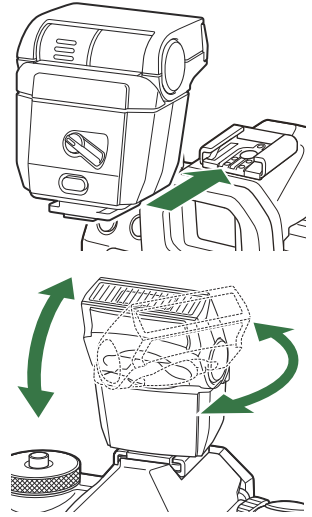
- Trượt đèn flash vào cho đến khi chân đèn khớp vào ở phía sau chân cắm.



① Nắp đậy chân cắm phụ kiện

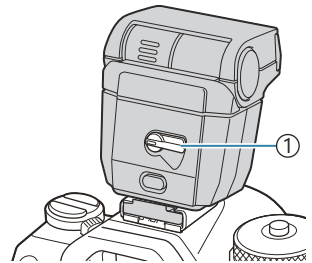
2. Định vị đầu đèn flash để chụp ánh sáng phản xạ hoặc chiếu sáng trực tiếp.

- Đầu đèn flash có thể xoay lên hoặc sang trái hoặc phải.



⚠ Lưu ý rằng công suất đèn flash có thể không đủ để phơi sáng chính xác khi sử dụng kỹ thuật đánh flash dội sáng.

3. Xoay lẫy **ON/OFF** đèn flash sang vị trí **ON**.

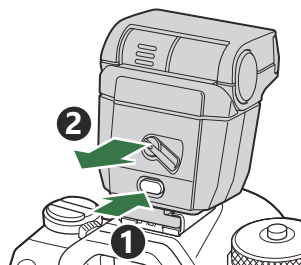


① Lẫy **ON/OFF**

- Xoay lẫy về vị trí **OFF** khi không sử dụng đèn flash.

Tháo thiết bị đèn flash

1. Giữ nút **UNLOCK**, trượt thiết bị đèn flash ra khỏi chân cắm phụ kiện.



Chọn chế độ đèn flash (Flash Mode)

Nút








- Nút       

Bảng siêu điều khiển

- OK  Flash Mode

Các chế độ flash

Các chế độ flash được hiển thị khác nhau tùy thuộc vào cấu hình của [\[Flash Mode Settings\]](#) (P.185).


	Luôn nháy sáng	Bật đèn flash.  Tốc độ màn trập có thể được đặt ở các giá trị giữa giá trị được chọn cho [⚡ Slow Limit] (P.189) và [⚡ X-Sync.] (P.188)
	Tắt flash	Tắt đèn flash.  Đèn flash sẽ không sáng ngay cả khi thiết bị đang bật.
	Chậm	Tốc độ màn trập chậm được sử dụng để chụp lại cả chủ thể chính và nền.  Tốc độ màn trập được đặt theo giá trị phơi sáng được máy ảnh đo sáng và không bị giới hạn bởi tùy chọn đã chọn trong [⚡ Slow Limit] .
	Thủ công	Đèn flash hoạt động ở mức đã chọn. Chỉ xuất hiện khi FL-LM3 được gắn.

Các chế độ flash và kết hợp cài đặt

Các chế độ đèn flash và các kết hợp cài đặt cần thiết cho từng chế độ như sau.



Chế độ Flash: Fill In

Cài đặt này chỉ khả dụng ở các chế độ **P/A/S/M/B**.

[Reduce Red-eye] ¹	[Synchro Settings] ¹	Hiển thị trên bảng siêu điều khiển	Giảm mắt đỏ	Thời gian Flash
[No]	[First Curtain]		No	Đồng bộ màn trước
	[Second Curtain]			Đồng bộ màn sau ²
[Yes]	[First Curtain]		Yes	Đồng bộ màn trước
	[Second Curtain]			Đồng bộ màn sau ²

1 Đèn flash giảm mắt đỏ được đặt trong **[Reduce Red-eye]** và thời gian hoạt động của đèn flash được đặt trong **[Synchro Settings]**.  **[Flash Mode Settings]** (P.185)


2 Ngay cả khi **[Second Curtain]** được chọn cho **[Synchro Settings]**, nếu **[Live Comp]** (P.72) được đặt ở chế độ **B**, đèn flash sẽ hoạt động ở chế độ đồng bộ màn trước.



 Ở các chế độ **P/A/S/M**, phạm vi tốc độ màn trập khả dụng là từ 60 giây đến 1/250 giây. Phạm vi tốc độ màn trập khả dụng có thể được hạn chế hơn nữa bằng cách sử dụng các tùy chọn trong menu.  **[⚡ X-Sync.]** (P.188), **[⚡ Slow Limit]** (P.189)

Chế độ Flash: SLOW

Cài đặt này chỉ khả dụng ở các chế độ **P/A**.

[Reduce Red-eye] ¹	[Synchro Settings] ¹	Hiển thị trên bảng siêu điều khiển	Giảm mắt đỏ	Thời gian Flash
[No]	[First Curtain]	⚡ Slow	No	Đồng bộ màn trước
	[Second Curtain]	⚡ Slow2		Đồng bộ màn sau
[Yes]	[First Curtain]	⚡👁️ Slow	Yes	Đồng bộ màn trước
	[Second Curtain]	⚡👁️ Slow2		Đồng bộ màn sau



¹ Đèn flash giảm mắt đỏ được đặt trong **[Reduce Red-eye]** và thời gian hoạt động của đèn flash được đặt trong **[Synchro Settings]**.  [\[Flash Mode Settings\] \(P.185\)](#)





 Phạm vi tốc độ màn trập khả dụng là từ 60 giây đến 1/250 giây. Phạm vi tốc độ màn trập khả dụng có thể được hạn chế hơn nữa bằng cách sử dụng các tùy chọn trong menu.  [\[⚡ X-Sync.\] \(P.188\)](#), [\[⚡ Slow Limit\] \(P.189\)](#)

Chế độ Flash: Manual

Tùy chọn này chỉ xuất hiện khi FL-LM3 được gắn vào. Cài đặt này chỉ khả dụng ở các chế độ **P/A/S/M/B**.

[Reduce Red-eye]	[Synchro Settings]	Hiển thị trên bảng siêu điều khiển	Giảm mắt đỏ	Thời gian Flash
(bất kể cài đặt)	(bất kể cài đặt)	⚡ Manual	No	Đồng bộ màn trước

 Ở các chế độ **P/A/S/M**, phạm vi tốc độ màn trập khả dụng là từ 60 giây đến 1/250 giây. Phạm vi tốc độ màn trập khả dụng có thể được hạn chế hơn nữa bằng cách sử dụng các tùy chọn trong menu.  [\[⚡ X-Sync.\] \(P.188\)](#), [\[⚡ Slow Limit\] \(P.189\)](#)

 Bạn có thể chọn mức công suất đèn flash bằng cách chọn **[⚡ Manual]** với nút    và nhấn nút **INFO**, hoặc bằng cách chọn **[Manual Value]** từ bảng siêu điều khiển.

- ① Ở chế độ giảm mắt đỏ, màn trập sẽ được nhả ra khoảng một giây sau khi đèn flash bắt đầu giảm mắt đỏ. Không di chuyển máy ảnh cho đến khi chụp xong. Ngoài ra, lưu ý rằng tính năng giảm mắt đỏ có thể không mang lại kết quả mong muốn trong một số điều kiện.
- ① Tốc độ màn trập nhanh nhất khả dụng khi bật đèn flash là 1/250 giây. Nền sáng trong ảnh chụp bằng đèn flash có thể bị phơi sáng quá mức.
- ① Tốc độ đồng bộ đèn flash cho các chế độ im lặng (P.200), High Res Shot (P.241), và chụp bù sáng lấy nét (P.280) là 1/100 giây. Hơn nữa, khi kết hợp các giá trị [📷ISO] trên ISO 16000 với các cài đặt sử dụng màn trập điện tử (ví dụ: chế độ im lặng hoặc chụp bù sáng lấy nét), tốc độ đồng bộ đèn flash sẽ được đặt thành 1/50 giây. Tốc độ đồng bộ đèn flash cũng được đặt thành 1/50 giây trong khi sử dụng chế độ chụp bù sáng ISO (P.277).
- ① Ngay cả công suất đèn flash tối thiểu cũng có thể quá sáng ở phạm vi gần. Để tránh tình trạng phơi sáng quá mức trong các bức ảnh chụp ở cự ly gần, hãy chọn chế độ **A** hoặc **M** và chọn khẩu độ nhỏ hơn (số f cao hơn) hoặc chọn cài đặt thấp hơn cho [📷ISO].

Cấu hình chế độ flash (Flash Mode Settings)

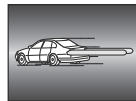
P A S M B 

Chọn chế độ sẽ hiển thị trên màn hình chọn chế độ đèn flash.

Menu

- MENU →  → 6. Flash → Flash Mode Settings

Reduce Red-eye	<p>Giảm hiện tượng “mắt đỏ” trong ảnh chân dung.</p> <p>[No]: Máy ảnh không hiển thị chế độ Giảm mắt đỏ.</p> <p>[Yes]: Máy ảnh hiển thị chế độ Giảm mắt đỏ.</p>
Synchro Settings	<p>Chọn thời điểm đèn flash hoạt động.</p> <p>[First Curtain]: Đèn flash hoạt động khi màn trập mở hoàn toàn.</p> <p>[Second Curtain]: Đèn flash hoạt động ngay trước khi màn trập đóng lại. Các đối tượng chuyển động sẽ trông như để lại vệt sáng phía sau.</p>



Điều chỉnh công suất đèn flash (Flash Exposure Comp.)

P A S M B 

Công suất đèn flash có thể được điều chỉnh nếu bạn thấy chủ thể của mình bị thừa hoặc thiếu sáng mặc dù phơi sáng trong phần còn lại của khung hình là phù hợp.

ⓘ Chức năng bù sáng flash khả dụng ở nhiều chế độ khác nhau ngoài chế độ thủ công.

Bảng siêu điều khiển

- **OK** → Flash Exposure Comp.

🔗 Các thay đổi về cường độ đèn flash được thực hiện trên đèn flash ngoài sẽ được thêm vào các thay đổi được thực hiện trên máy ảnh.

Điều khiển đèn flash từ xa không dây (⚡ RC Mode)

PASMB 

Điều chỉnh cài đặt trong điều khiển đèn flash từ xa không dây. Có thể điều khiển từ xa với các thiết bị đèn flash tùy chọn hỗ trợ điều khiển từ xa không dây ("đèn flash RC không dây"). Để biết thông tin về cách sử dụng điều khiển đèn flash từ xa không dây, xem "[Chụp ảnh với đèn flash điều khiển từ xa không dây](#)" (P.482).

Menu

- MENU →  → 6. Flash → ⚡ RC Mode

Off	Điều khiển đèn flash từ xa không dây đã bị vô hiệu hóa.
On	Điều khiển đèn flash từ xa không dây đã được bật. Máy ảnh hiển thị cài đặt cho chức năng điều khiển đèn flash từ xa không dây.

- Chọn **[On]** và nhấn **OK** trên màn hình chờ chụp sẽ hiển thị bảng siêu điều khiển chế độ RC trên màn hình máy ảnh. Để xem bảng siêu điều khiển thông thường, hãy nhấn nút **INFO**.

Chọn tốc độ đồng bộ đèn flash (⚡ X-Sync.)

P A S M B 

Chọn tốc độ màn trập nhanh nhất khả dụng cho chụp ảnh với đèn flash.

Chọn tốc độ màn trập nhanh nhất khả dụng cho tính năng chụp ảnh với đèn flash, bất kể độ sáng của chủ thể.

Menu

- MENU →  → 6. Flash →  X-Sync.

Chọn tốc độ màn trập tối thiểu (⚡ Slow Limit)

P A S M B 


Chọn tốc độ màn trập chậm nhất khả dụng cho chụp ảnh với đèn flash ở chế độ **P/A**.

Mục này được sử dụng để chọn cài đặt chậm nhất khả dụng cho máy ảnh khi chọn tốc độ màn trập tự động trong khi chụp ảnh với đèn flash, bất kể chủ thể tối đến mức nào.

- **Các giá trị khả dụng:** 60 giây cho giá trị được chọn cho **[X-Sync.]**

ⓘ Tính năng này không có hiệu lực ở chế độ đồng bộ chậm (⚡Slow, ⚡Slow2, ⚡Slow và ⚡Slow2).

Menu

- MENU →  → 6. Flash → ⚡ Slow Limit

Bù đèn flash và phơi sáng (+)

P A S M B 

Chọn xem có thêm bù phơi sáng vào giá trị bù đèn flash không. Để biết thêm thông tin về bù đèn flash, tham khảo “[Điều chỉnh công suất đèn flash \(Flash Exposure Comp.\)](#)” (P.186).

Menu

- MENU →  → 6. Flash →  + 


Off	Đèn flash và bù phơi sáng được đặt riêng.
On	Giá trị bù phơi sáng được thêm vào giá trị bù đèn flash.

Thiết lập cân bằng phơi sáng cho đo sáng TTL (Balanced Flash Metering)

P A S M B 

Đặt cân bằng độ phơi sáng được sử dụng khi dùng đèn flash ngoài ở chế độ đo sáng TTL.

Menu

• MENU →  → 6. Flash → Balanced Flash Metering

Off	Ưu tiên chủ thể trong quá trình đo sáng.
On	Ưu tiên cân bằng giữa chủ thể và nền trong quá trình đo sáng.

 Khi chọn **[On]**, bạn nên đặt **[ ISO]** thành **[Auto]**.

Chụp liên tiếp/Chụp hẹn giờ

Thực hiện chụp ảnh liên tiếp/hẹn giờ

P A S M B 

Điều chỉnh cài đặt cho chế độ chụp liên tiếp hoặc chụp hẹn giờ. Chọn tùy chọn theo chủ thể của bạn. Các tùy chọn khác, bao gồm các chế độ chống rung do màn trập và im lặng, cũng khả dụng.

 Cố định máy ảnh chắc chắn lên giá ba chân để chụp ảnh hẹn giờ.

Nút chọn trực tiếp




- Nút      















Bảng siêu điều khiển















- OK  Drive (/)











Menu

- MENU    7. Drive Mode  Drive /

	Single	Chuyển từng khung hình đơn. Máy ảnh sẽ chụp một bức ảnh mỗi khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ.
	Sequential	Máy ảnh có thể chụp ảnh với tốc độ lên tới khoảng 20 fps khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ. Nếu [C-AF] , [C-AFMF] , [C-AF+TR] , hoặc [C-AF+TRMF] được chọn cho [AF Mode] (P.102) , máy ảnh sẽ lấy nét trước mỗi lần chụp. Khi [Metering during] (P.166) được đặt thành [Yes] , máy ảnh sẽ đo độ sáng và xác định độ phơi sáng trước mỗi lần chụp.
 SH1	High-speed Sequential SH1	Máy ảnh có thể chụp ảnh với tốc độ lên tới khoảng 120 fps khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ. Lấy nét, độ phơi sáng và cân bằng trắng được khóa ở các giá trị cho ảnh chụp đầu tiên trong mỗi loạt ảnh.

 SH2	High-speed Sequential SH2	<p>Máy ảnh có thể chụp ảnh với tốc độ lên tới khoảng 50 fps khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ. Nếu [C-AF], [C-AF MF], [C-AF+TR], hoặc [C-AF+TR MF] được chọn cho [AF Mode] (P.102), máy ảnh sẽ lấy nét trước mỗi lần chụp.</p> <p>Khi [Metering during  (P.166) được đặt thành [Yes], máy ảnh sẽ đo độ sáng và xác định độ phơi sáng trước mỗi lần chụp.</p>
ProCap ProCap SH1 ProCap SH2	Pro Capture	<p>Quá trình chụp bắt đầu khi nút chụp được nhấn xuống một nửa. Máy ảnh bắt đầu ghi hình ảnh, bao gồm cả những ảnh chụp lúc nút chụp được nhấn xuống hết cỡ (P.202). Lấy nét và phơi sáng trong mỗi chế độ ProCap tương tự như trong chế độ [] (♥ liên tiếp), [ SH1] (♥ Chụp liên tiếp tốc độ cao SH1) và [ SH2] (♥ Chụp liên tiếp tốc độ cao SH2).</p>
 12s /  12s  12s	Self-timer 12 sec	<p>Màn trập sẽ được nhả ra sau 12 giây kể từ khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ. Đèn hẹn giờ sẽ sáng trong khoảng 10 giây và sau đó bắt đầu nhấp nháy khoảng 2 giây trước khi màn trập được nhả ra. Máy ảnh sẽ lấy nét khi nút chụp được nhấn xuống một nửa.</p>
 2s /  2s  2s	Self-timer 2 sec	<p>Khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ, đèn hẹn giờ sẽ bắt đầu nhấp nháy và ảnh sẽ được chụp sau khoảng 2 giây. Máy ảnh sẽ lấy nét khi nút chụp được nhấn xuống một nửa.</p>
 C /  C  C	Custom Self-timer	<p>Điều chỉnh cài đặt hẹn giờ, bao gồm thời gian trễ hẹn giờ và số lượng ảnh được chụp khi hết giờ hẹn (P.197).</p>

-  Bạn có thể chọn tốc độ chuyển khung hình và số lượng ảnh tối đa trong mỗi loạt ảnh (P.195).
-  Các mục được đánh dấu **◆** cho phép bạn chụp ảnh với độ nhòe ít hơn nhờ giảm thiểu tác động từ thao tác màn trập. Sử dụng tùy chọn này khi ngay cả chuyển động nhỏ của máy ảnh cũng có thể gây nhòe ảnh, ví dụ như khi chụp ảnh cận cảnh hoặc chụp từ xa. Tính năng này được cấu hình khi **[Anti-Shock **] được đặt thành **[On]** trong **[Anti-Shock  Settings] (P.199)**.
-  Các mục được đánh dấu **♥** sử dụng màn trập điện tử. Sử dụng các chế độ này với tốc độ màn trập nhanh hơn 1/8000 giây hoặc trong các cài đặt mà không muốn màn trập phát ra âm thanh.
-   SH2 và ProCap SH2 chỉ có thể được sử dụng với một số ống kính cụ thể. Hãy truy cập trang web của chúng tôi để biết chi tiết.
-  Để hủy chế độ hẹn giờ đã kích hoạt, hãy nhấn **▽**.
-  Ở các chế độ , ,  và ProCap, máy ảnh sẽ hiển thị xem qua ống kính trong khi chụp. Ở các chế độ  SH1,  SH2, ProCap SH1 và ProCap SH2, máy ảnh sẽ hiển thị bức ảnh vừa chụp ngay trước khung hình hiện tại.

- ① Khi sử dụng  SH2 hoặc ProCap SH2 với **[C-AF]**, **[C-AF MF]**, **[C-AF+TR]** hoặc **[C-AF+TR MF]** được chọn cho Chế độ AF (P.102) và giá trị khẩu độ lớn hơn F8, thì độ chính xác lấy nét sẽ giảm. ● F sẽ được hiển thị trên màn hình.
- ① Ở các chế độ  SH1 và ProCap SH1, giới hạn dưới của tốc độ màn trập là 1/15 giây.
- ① Ở các chế độ  SH2 và ProCap SH2, giới hạn dưới của tốc độ màn trập là 1/640 giây khi **[Max fps]** trong **[Sequential Shooting Settings]** được đặt thành **[50fps]** và 1/160 giây khi được đặt thành **[25fps]**, **[16.7fps]**, hoặc **[12.5fps]**.
- ① Tốc độ chụp sẽ thấp hơn khi  ISO từ 16000 trở lên.
- ① Khi  ISO được đặt ở chế độ  từ 16000 trở lên, tốc độ đồng bộ đèn flash sẽ là 1/50 giây và tốc độ chụp sẽ bị giới hạn ở mức tối đa là 10 fps.
- ① Nếu bạn đứng trước máy ảnh để nhấn nút chụp khi sử dụng chức năng hẹn giờ, ảnh có thể bị mất nét.
- ① Tốc độ chụp liên tiếp thay đổi tùy thuộc vào ống kính bạn đang sử dụng và tiêu điểm của ống kính thu phóng.
- ① Trong quá trình chụp liên tiếp, nếu biểu tượng pin nhấp nháy do pin yếu, máy ảnh sẽ dừng chụp. Máy ảnh có thể không lưu tất cả ảnh tùy thuộc vào lượng pin còn lại.
- ① Ảnh chụp ở chế độ im lặng và chế độ chụp chuyên nghiệp có thể bị méo nếu chủ thể hoặc máy ảnh di chuyển nhanh trong khi chụp.
- ① Để sử dụng đèn flash ở chế độ chụp ảnh im lặng, chọn **[Allow]** cho **[Flash Mode]** trong **[Silent  Settings]** (P.200).
- ① Tốc độ chụp có thể chậm hơn khi chụp trong điều kiện thiếu sáng. Bạn có thể tăng tốc độ chụp bằng cách đặt  **[Night Vision]** thành **[Off]**.  **Giúp màn hình dễ nhìn hơn trong điều kiện thiếu sáng**  **[Night Vision]** (P.364)

Số lượng ảnh có thể chụp được

Máy ảnh sẽ hiển thị số lượng ảnh có thể lưu trữ trong bộ nhớ đệm còn lại trong các trường hợp sau:

- Khi nút chụp được nhấn xuống một nửa, khi nút chụp được nhấn xuống hết mức, khi ghi vào thẻ SD





Khi màn hình hiển thị **[00]** (màu đỏ), máy ảnh sẽ không thể ghi ảnh tiếp theo. Khi các ảnh trong bộ nhớ đệm được ghi vào thẻ, số lượng sẽ tăng lên và sẽ có thể ghi được ảnh.


- ① Cảnh báo này sẽ không được hiển thị khi không có thẻ nhớ trong máy ảnh.
- ① Cảnh báo này có thể không được hiển thị tùy thuộc vào các chức năng đang được sử dụng.
- ⚙ Con số này chỉ mang tính chất tương đối, không hoàn toàn chính xác. Có thể thay đổi tùy thuộc vào điều kiện chụp.

Cấu hình các chức năng chụp liên tiếp (Sequential Shooting Settings)

PASMB 

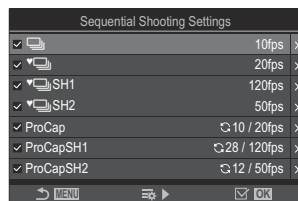
Bạn có thể chọn các loại chế độ chụp liên tiếp được hiển thị khi bạn nhấn nút   và tốc độ/số khung hình tối đa cho từng chế độ chụp liên tiếp.

Menu




- MENU →  1 → 7. Drive Mode → Sequential Shooting Settings

1. Chọn chế độ chụp liên tiếp mà bạn muốn hiển thị và đánh dấu tích (✓) vào ô bên cạnh chế độ đó.

- Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút **OK** để đánh dấu tích (✓) bên cạnh. Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút **OK** một lần nữa.



Màn hình Cài đặt chụp liên tiếp

  được hiển thị khi **[Anti-Shock **] được đặt thành **[On]** trong **[Anti-Shock ** Settings] (P.199).

2. Nhấn \triangleright .


3. Cấu hình các tùy chọn.


Max fps

Đặt tốc độ chụp cho chụp liên tiếp. Các con số cho biết tốc độ tối đa tương đối.

 / : 1 - 10 fps

: 5, 10, 15, 20 fps


 SH1: 60, 100, 120 fps


 SH2: 12.5, 16.7, 25, 50 fps

ProCap: 5, 10, 15, 20 fps

ProCap SH1: 60, 100, 120 fps



ProCap SH2: 12.5, 16.7, 25, 50 fps

Pre-shutter Frames (chỉ đối với ProCap/ ProCap SH1/ ProCap SH2)	Đặt số lượng khung hình cần chụp trước khi nút chụp được nhấn xuống hết mức từ 0 đến 99.
Frame Count Limiter	Đặt tổng số lượng khung hình từ 2 đến 99 (bao gồm cả khung hình trước khi chụp) để chụp. Bạn có thể giới hạn số lượng khung hình được chụp sau khi bạn nhấn nút chụp xuống hết mức. Quá trình chụp sẽ tự động dừng lại khi đạt đến giới hạn khung hình. <ul style="list-style-type: none"> • Chọn [Off] nếu bạn không muốn đặt giới hạn cho số lượng khung hình. • Để đặt giới hạn số lượng khung hình, hãy chọn số lượng và nhấn nút OK. Màn hình cài đặt xuất hiện. Bạn có thể thay đổi số lượng bằng Δ ∇. • Đối với Chụp chuyên nghiệp, số lượng khung hình bao gồm cả khung hình trước khi chụp.  “Chụp ảnh không có độ trễ nhả màn trập (Pro Capture shooting)” (P.202)


- ⓘ Khi **[HDR]**, **[Focus Stacking]** hoặc **[Focus BKT]** được bật, **[Frame Count Limiter]** sẽ chuyển sang **[Off]**.
- ⓘ Khi sử dụng  SH2 hoặc ProCap SH2, tốc độ chụp **[50fps]** chỉ có thể được cấu hình với các ống kính cụ thể. Để biết loại ống kính tương thích, hãy truy cập trang web của chúng tôi.

Cấu hình chức năng hẹn giờ (Self-timer Settings)

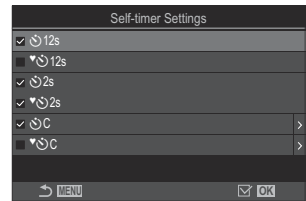
PASMB 







Bạn có thể chọn loại chế độ hẹn giờ nào sẽ được hiển thị khi bạn nhấn nút   và thay đổi cài đặt hẹn giờ, chẳng hạn như thời gian máy ảnh chờ trước khi chụp ảnh và số lượng khung hình được chụp.






Menu


- MENU →  → 7. Drive Mode → Self-timer Settings

1. Chọn chế độ hẹn giờ mà bạn muốn hiển thị và đánh dấu tích (✓) vào ô bên cạnh chế độ đó.
 - Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút **OK** để đánh dấu tích (✓) bên cạnh.
Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút **OK** một lần nữa.



 [ 12s], [ 2s], và [ 0C] được hiển thị khi [**Anti-Shock** ] được đặt thành [**On**] trong [**Anti-Shock**  Settings] (P.199).

2. Khi cài đặt Bộ hẹn giờ tùy chỉnh, hãy chọn [ 0C] / [  0C] / [  0C] (Bộ hẹn giờ tùy chỉnh) và nhấn \triangleright .
3. Cấu hình các tùy chọn.

Number of Frames	Chọn số lượng ảnh chụp khi hết giờ hẹn.
 Timer	Chọn thời gian chờ của máy ảnh để bắt đầu chụp sau khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ.
Interval Length	Chọn khoảng thời gian giữa các lần chụp khi hết giờ hẹn, nếu số lượng ảnh chụp từ 2 ảnh trở lên.

Every Frame AF

[Off]: Nếu số lượng ảnh chụp từ 2 ảnh trở lên, lấy nét sẽ bị khóa khi chụp ảnh đầu tiên.

[On]: Máy ảnh sẽ lấy nét trước mỗi lần chụp.

Chụp ảnh mà không bị rung do hoạt động của nút chụp (Anti-Shock [◆] Settings)





PASMB 

Chế độ chụp ảnh chống rung do màn trập được sử dụng để giảm hiện tượng mờ nhòe ảnh nhẹ do chuyển động của màn trập.

Sử dụng tùy chọn này khi ngay cả chuyển động nhỏ của máy ảnh cũng có thể gây nhòe ảnh, ví dụ như khi chụp ảnh cận cảnh hoặc chụp từ xa.

Menu

- MENU →  → 7. Drive Mode → Anti-Shock [◆] Settings

Anti-Shock [◆]	<p>[Off]: Các chế độ chụp ảnh chống rung do màn trập ([◆□], [◆, v.v...) không được hiển thị trên màn hình chọn chế độ chụp khác. Các chế độ chụp thông thường ([□], [, v.v...) được hiển thị.</p> <p>[On]: Các chế độ chụp ảnh chống rung do màn trập ([◆□], [◆, v.v...) được hiển thị trên màn hình chọn chế độ chụp khác. Các chế độ chụp thông thường ([□], [, v.v...) được hiển thị.</p>
Waiting Time	<p>Chọn thời gian chờ của máy ảnh để bắt đầu chụp sau khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ khi chụp ở các chế độ chụp ảnh chống rung do màn trập.</p> <p>[0sec], [1/8sec], [1/4sec], [1/2sec], [1sec], [2sec], [4sec], [8sec], [15sec], [30sec]</p>

- Hãy đảm bảo có dấu tích (✓) bên cạnh chế độ chụp liên tiếp với ◆ trong [\[Sequential Shooting Settings\] \(P.195\)](#).
- Chọn chế độ với ◆ ([P.192](#)), nhấn nút **OK** sau đó chụp ảnh. Sau khi hết thời gian cài đặt, màn trập sẽ được nhả ra và ảnh sẽ được chụp.



Chụp ảnh không có âm thanh màn trập (Silent [♥] Settings)


PASMB 


Trong những trường hợp mà âm thanh màn trập gây phiền toái, bạn có thể sử dụng chế độ chụp ảnh im lặng để chụp ảnh mà không phát ra tiếng. Màn trập điện tử được sử dụng để giảm độ rung rất nhỏ của máy ảnh do chuyển động của màn trập cơ học, tương tự như ở trường hợp chụp ảnh chống rung do màn trập.

Menu

- MENU →  → 7. Drive Mode → Silent [♥] Settings

Waiting Time	Chọn thời gian chờ của máy ảnh để bắt đầu chụp sau khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ khi chụp ở chế độ chụp ảnh im lặng. [0sec], [1/8sec], [1/4sec], [1/2sec], [1sec], [2sec], [4sec], [8sec], [15sec], [30sec]
Noise Reduction	[Off] : Chụp ảnh bình thường. [Auto] : Giảm "nhiều" ảnh khi phơi sáng lâu khi chụp ảnh im lặng. Tiếng màn trập có thể được nghe thấy khi chức năng giảm nhiễu được kích hoạt.
	Chọn xem có cho phép [] (P.404) phát ra âm thanh theo chỉ định không.
AF Illuminator	Chọn xem có cho phép [AF Illuminator] (P.137) hoạt động theo chỉ định không.
Flash Mode	Chọn xem đèn flash có hoạt động theo chỉ định không.

ⓘ Trong quá trình chụp Chụp ảnh độ phân giải cao (P.241), [], **[AF Illuminator]**, và **[Flash Mode]** hoạt động ở chế độ **[Allow]** ngay cả khi chúng được đặt thành **[Not Allow]**.

Tuy nhiên, khi **[High Res Shot]** được đặt thành **[On ]**, **[Flash Mode]** được cố định ở **[] Flash Off]**.

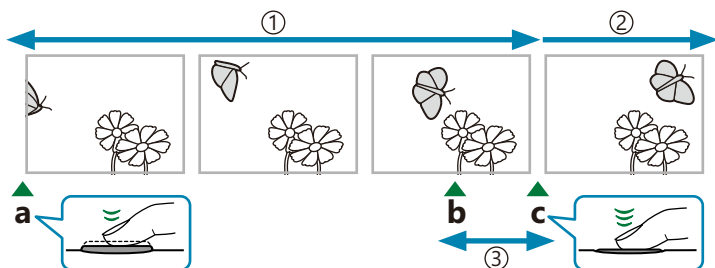
- Hãy đảm bảo có dấu tích (✓) bên cạnh chế độ chụp liên tiếp với ♥ trong **[Sequential Shooting Settings]** (P.195).
- Chọn chế độ với ♥ (P.192), nhấn nút **OK** sau đó chụp ảnh. Màn hình sẽ tối đi trong một thời gian ngắn khi màn trập được nhả ra. Màn trập không phát ra tiếng.

- ⚠ Có thể không đạt được kết quả mong muốn khi chụp dưới nguồn sáng nhấp nháy như đèn huỳnh quang hoặc đèn LED hoặc nếu chủ thể di chuyển đột ngột trong khi chụp.
- ⚠ Tốc độ màn trập nhanh nhất khả dụng là 1/32000 giây.
- ⚠ Tốc độ đồng bộ đèn flash sẽ là 1/50 giây khi [📷 ISO] từ 16000 trở lên.

Chụp ảnh không có độ trễ nhà màn trập (Pro Capture shooting)

PASMB 

Quá trình chụp bắt đầu khi nút chụp được nhấn xuống một nửa; ngay khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ, máy ảnh sẽ bắt đầu lưu n bức ảnh chụp gần nhất vào thẻ nhớ, trong đó n là số được chọn trước khi bắt đầu chụp. Nếu nút được nhấn giữ xuống hết cỡ, máy ảnh sẽ tiếp tục chụp cho đến khi ghi đủ số ảnh đã chọn. Sử dụng tùy chọn này để chụp lại những khoảnh khắc mà bạn có thể bỏ lỡ do phản ứng của chủ thể hoặc độ trễ của màn trập.



① Tối đa 99 khung hình

② Quá trình chụp nhanh liên tục vẫn diễn ra

③ Độ trễ của màn trập

a Nút chụp được nhấn xuống một nửa

b Khoảnh khắc mà bạn muốn

c Nút chụp được nhấn xuống hết cỡ

Pro Capture (ProCap)

Chọn tùy chọn này nếu bạn nghĩ khoảng cách đến chủ thể sẽ thay đổi trong khi chụp. Máy ảnh chụp được lên đến 20 fps. Có thể chụp tối đa 99 khung hình trước khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ.

Nếu **[C-AF]**, **[C-AF MF]**, **[C-AF+TR]**, hoặc **[C-AF+TR MF]** được chọn cho **[AF Mode]** (P.102), máy ảnh sẽ lấy nét trước mỗi lần chụp.

Pro Capture SH1 (ProCap SH1)

Chọn tùy chọn này nếu khoảng cách đến chủ thể gần như không thay đổi trong khi chụp. Máy ảnh chụp được lên đến 120 fps. Có thể chụp tối đa 99 khung hình trước khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ. Máy ảnh sẽ sử dụng **[S-AF]** khi **[C-AF]** hoặc **[C-AF+TR]** được chọn cho **[AF Mode]** (P.102) và **[S-AF MF]** khi **[C-AF MF]** hoặc **[C-AF+TR MF]** được chọn.

🕒 Ở chế độ **[ProCap SH1]**, giới hạn dưới của tốc độ màn trập là 1/15 giây.

Pro Capture SH2 (ProCap SH2)

Máy ảnh chụp được lên đến 50 fps. Có thể chụp tối đa 99 khung hình trước khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ. Nếu **[C-AF]**, **[C-AF MF]**, **[C-AF+TR]**, hoặc **[C-AF+TR MF]** được chọn cho **[AF Mode]** (P.102), máy ảnh sẽ lấy nét trước mỗi lần chụp.

- ⚠ Chế độ **[ProCap SH2]** chỉ khả dụng với một số ống kính nhất định. Hãy truy cập trang web của chúng tôi để biết chi tiết.
- ⚠ Khi sử dụng **[C-AF]**, **[C-AF MF]**, **[C-AF+TR]** hoặc **[C-AF+TR MF]** trong chế độ AF (P.102) và giá trị khẩu độ lớn hơn F8 trong chế độ **[ProCap SH2]**, độ chính xác khi lấy nét sẽ giảm. ● F sẽ được hiển thị trên màn hình.
- ⚠ Ở chế độ **[ProCap SH2]**, giới hạn dưới của tốc độ màn trập là 1/640 giây khi **[Max fps]** trong **[Sequential Shooting Settings]** được đặt thành **[50fps]** và là 1/160 giây khi được đặt thành **[25fps]**, **[16.7fps]**, hoặc **[12.5fps]**.

Nút

- Nút      

Bảng siêu điều khiển



- OK  Drive (/)

Menu

- MENU    7. Drive Mode  Drive (/)

1. Chọn ProCap, ProCap SH1 hoặc ProCap SH2 và nhấn nút **OK**.

2. Nhấn nút chụp xuống một nửa để bắt đầu chụp.

- Khi nút chụp được nhấn xuống một nửa, biểu tượng chụp () sẽ được hiển thị. Nếu nút chụp được nhấn xuống một nửa trong hơn một phút, quá trình chụp sẽ kết thúc và biểu tượng  sẽ biến mất khỏi màn hình hiển thị. Nhấn nút chụp xuống một nửa để tiếp tục chụp.
- Quá trình chụp sẽ tiếp tục khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ, cho đến khi đủ số lượng ảnh được chọn cho **[Frame Count Limiter]**.

 **[Max fps]**, **[Pre-shutter Frames]**, và **[Frame Count Limiter]** có thể được điều chỉnh trong **[Sequential Shooting Settings]** (P.195).



3. Nhấn nút chụp xuống hết cỡ để bắt đầu lưu ảnh vào thẻ nhớ.

- ① Pro Capture không khả dụng khi máy ảnh được kết nối với điện thoại thông minh (Wi-Fi).
- ① Nguồn sáng nhấp nháy do đèn huỳnh quang hoặc chuyển động mạnh của chủ thể, v.v... có thể khiến hình ảnh bị méo.
- ① Trong quá trình chụp, màn hình sẽ không tối lại và không có âm thanh của màn trập.
- ① Tốc độ màn trập chậm nhất bị giới hạn.
- ① Tùy thuộc vào độ sáng của chủ thể và các tùy chọn được chọn cho **[ISO]** cũng như bù phơi sáng, tốc độ khung hình trên màn hình hiển thị có thể giảm xuống dưới mức được chọn cho **[Frame Rate]** (P.365).

Giảm nhấp nháy trong ảnh (Anti-Flicker Shooting)

PASMB 

Bạn có thể nhận thấy độ phơi sáng không đồng đều trong những ảnh chụp dưới ánh sáng nhấp nháy. Khi tùy chọn này được bật, máy ảnh sẽ phát hiện tần số nhấp nháy và điều chỉnh thời điểm nhả màn trập cho phù hợp.

Menu

- MENU →  1 → 7. Drive Mode → Anti-Flicker Shooting

- “FLK” xuất hiện trên màn hình hiển thị khi [On] được chọn.



- ⓘ Máy ảnh có thể không phát hiện được nhấp nháy ở một số cài đặt. Thời gian nhả màn trập bình thường sẽ được sử dụng nếu không phát hiện được nhấp nháy.
- ⓘ Thời gian nhả màn trập bình thường được sử dụng ở tốc độ màn trập chậm.
- ⓘ Bật tính năng giảm nhấp nháy có thể gây ra độ trễ khi nhả màn trập, làm chậm tốc độ chuyển khung hình trong quá trình chụp nhanh liên tục.

Chống rung ảnh

Giảm rung máy ảnh (📷 Image Stabilizer / 📹 Image Stabilizer)

PASMB 📹

Bạn có thể giảm độ rung của máy ảnh có thể xảy ra khi chụp trong điều kiện thiếu sáng hoặc chụp với độ phóng đại cao.

Bảng siêu điều khiển

- OK → 📷 Image Stabilizer / 📹 Image Stabilizer

Menu

- MENU → 📷 → 8. Image Stabilizer → 📷 Image Stabilizer
- MENU → 📹 → 4. Image Stabilizer → 📹 Image Stabilizer

📷 Image Stabilizer

S-IS Off (Still-I.S. Off)	Chống rung ảnh sẽ tắt. Chọn tùy chọn này khi sử dụng giá ba chân.
S-IS Auto (Auto I.S.)	Chống rung ảnh áp dụng cho chuyển động trên mọi trục. Nếu phát hiện chuyển động lia máy, máy ảnh sẽ tự động dừng chức năng chống rung ảnh trên trục đó.
S-IS1 (All Direction Shake I.S.)	Chống rung ảnh áp dụng cho chuyển động trên mọi trục.
S-IS2 (Vertical Shake I.S.)	Chống rung ảnh áp dụng cho chuyển động theo chiều dọc. Sử dụng khi lia máy ảnh theo chiều ngang.
S-IS3 (Horizontal Shake I.S.)	Chống rung ảnh áp dụng cho chuyển động theo chiều ngang. Sử dụng khi lia máy ảnh theo chiều dọc.

📹 Image Stabilizer

M-IS Off (Movie-I.S. Off)	Chống rung ảnh sẽ tắt.
---------------------------	------------------------

M-IS1 (All Direction Shake I.S.)	Chống rung ảnh điện tử kết hợp với chuyển động cảm biến hình ảnh được điều khiển bằng VCM.
M-IS2 (All Direction Shake I.S.)	Chỉ với chuyển động cảm biến hình ảnh được điều khiển bằng VCM. Không thực hiện chức năng chống rung ảnh điện tử.

Cài đặt tùy chọn chi tiết của chức năng chống rung ảnh

Khi sử dụng ống kính khác với ống kính hệ thống Micro Four Thirds hoặc Four Thirds, hãy nhập độ dài tiêu cự của ống kính.

1. Nhấn nút **INFO** khi cấu hình [Image Stabilizer] hoặc [Image Stabilizer]. Nhập độ dài tiêu cự bằng $\Delta \nabla \triangleleft \triangleright$, sau đó nhấn nút **OK**.



Focal Length	Đặt độ dài tiêu cự ống kính. Nhập số được in trên ống kính. [0.1] – [1000.0] mm
---------------------	---



- ⓘ Chống rung ảnh có thể không hiệu quả nếu máy ảnh chuyển động quá nhiều hoặc tốc độ màn trập quá chậm. Sử dụng giá ba chân trong những trường hợp này.
- ⓘ Bạn có thể nhận thấy có tiếng phát ra hoặc máy rung khi chức năng chống rung ảnh đang hoạt động.
- ⓘ Cài đặt được chọn bằng công tắc chống rung ảnh của ống kính (nếu có), sẽ được ưu tiên hơn cài đặt được chọn bằng máy ảnh.
Có thể thay đổi được. “[Chống rung cho ống kính IS \(Lens I.S. Priority\)](#)” (P.212)
- ⓘ [**S-IS Auto**] hoạt động như [**S-IS1**] khi [**On**] được chọn cho [**Lens I.S. Priority**] (P.212).
- ⓘ Khi bạn chọn [**S-IS Auto**] hoặc [**S-IS1**] với SH2/ProCap SH2 được chọn làm chế độ chụp khác (P.192), chống rung ảnh sẽ phù hợp với chuyển động của máy ảnh theo hướng chiều sâu, so với khi sử dụng với các chế độ chụp liên tiếp khác.
- ⓘ Bạn có thể chọn xem có thực hiện chức năng chống rung ảnh hay không khi nút chụp được nhấn xuống một nửa. “[Chống rung ảnh khi nhấn xuống một nửa \(Image Stabilizer\)](#)” (P.209)

Tùy chọn chống rung ảnh (IS Level)

PASMB 

Chọn mức độ chống rung ảnh được áp dụng trong khi quay phim.

Menu

- MENU →  → 4. Image Stabilizer →  IS Level

+1	Chọn quay cảnh tĩnh cầm tay.
±0	Được khuyên dùng trong hầu hết các trường hợp.
-1	Chọn cho quay lia máy, nghiêng máy hoặc theo dõi đối tượng.

Chống rung ảnh khi nhấn xuống một nửa (Image Stabilizer)

P A S M B 

Chọn xem chống rung ảnh có được áp dụng khi nút chụp được nhấn xuống một nửa không. Một ví dụ về tình huống mà bạn có thể muốn tạm dừng tính năng chống rung ảnh là khi sử dụng thước đo độ cân bằng để giữ cho máy ảnh cân bằng trong khi lấy khung ảnh.

Menu

- MENU →  → 8. Image Stabilizer →  Image Stabilizer

On	Chống rung ảnh hoạt động khi nút chụp được nhấn xuống một nửa.
Off	Chống rung ảnh không hoạt động khi nút chụp được nhấn xuống một nửa.

Chống rung ảnh ở chế độ chụp nhanh liên tục (Image Stabilizer)

P A S M B 

Chọn loại chống rung ảnh được áp dụng khi chụp nhanh liên tục.

Để tối đa hóa hiệu ứng của chống rung ảnh khi chụp nhanh liên tục, máy ảnh sẽ căn giữa cảm biến hình ảnh cho mỗi lần chụp. Điều này làm giảm tốc độ chuyển khung hình đi đôi chút.

Menu

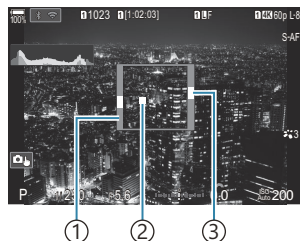
- MENU →  → 8. Image Stabilizer →  Image Stabilizer

IS Priority	Ưu tiên cho chống rung ảnh. Tốc độ chuyển khung hình giảm đi đôi chút.
Fps Priority	Ưu tiên cho tốc độ chuyển khung hình. Chống rung ảnh có thể kém hiệu quả hơn một chút trong một số điều kiện.

Hiển thị chuyển động của máy ảnh trên màn hình (Handheld Assist)

PASMB 

Bạn có thể cấu hình máy ảnh để hiển thị chuyển động của máy ảnh và dùng tính năng chống rung ảnh hiệu chỉnh để giới hạn của các chuyển động khi nút chụp được nhấn xuống một nửa và trong khi phơi sáng. Tính năng này hữu ích khi bạn muốn giảm chuyển động của máy ảnh trong quá trình phơi sáng lâu mà vẫn cầm máy ảnh bằng tay.





- ① Giới hạn chuyển động có thể được hiệu chỉnh bằng tính năng chống rung ảnh (màu xám)
- ② Chuyển động của máy ảnh (ngang/dọc)
- ③ Chuyển động của máy ảnh (cuộn)

Menu

- MENU →  → 8. Image Stabilizer → Handheld Assist

Off	Chuyển động của máy ảnh không được hiển thị trên màn hình.
On	Chuyển động của máy ảnh sẽ hiển thị trên màn hình khi nút chụp được nhấn xuống một nửa và trong khi phơi sáng.

- ⚠ Không thể đảm bảo ảnh sẽ không bị mờ nhòe, ngay cả khi chỉ báo chuyển động của máy ảnh vẫn nằm trong khung màu xám.
- ⚠ Chuyển động của máy ảnh không thể hiển thị chính xác khi máy ảnh ở gần chủ thể.
- ⚠ Chuyển động của máy ảnh sẽ không được hiển thị nếu [ Image Stabilizer] được đặt thành [Off] hoặc nếu bạn đang sử dụng ống kính của bên thứ ba chỉ sử dụng tính năng chống rung ảnh của ống kính.
- ⚠ Nếu [ Image Stabilizer] được đặt thành [Off], chuyển động của máy ảnh chỉ được hiển thị trong khi phơi sáng.

Chống rung cho ống kính IS (Lens I.S. Priority)

P A S M B 

Khi sử dụng ống kính của bên thứ ba có tích hợp tính năng chống rung ảnh, hãy chọn xem ưu tiên tính năng chống rung ảnh cho máy ảnh hay ống kính.

⚠️ Tùy chọn này không có tác dụng nếu ống kính được trang bị Công tắc IS có thể được sử dụng để bật hoặc tắt tính năng chống rung ảnh.

Menu

- **MENU** →  → 8. Image Stabilizer → Lens I.S. Priority

On	Ưu tiên cho tính năng chống rung ảnh của ống kính.
-----------	--

Off	Ưu tiên cho tính năng chống rung ảnh của máy ảnh.
------------	---

Màu sắc và chất lượng

Cài đặt chất lượng ảnh và phim (📷🔊 /



PASMB 🎥

Bạn có thể đặt chế độ chất lượng ảnh cho ảnh chụp và phim. Chọn chất lượng phù hợp với mục đích sử dụng (như xử lý trên PC, sử dụng trên trang web, v.v..).

Bảng siêu điều khiển

- OK → 📷🔊 / 🎥🔊

Menu

- MENU → 📷 → 1. Basic Settings/Image Quality → 📷🔊
- MENU → 🎥 → 1. Basic Settings/Image Quality → 🎥🔊

Cấu hình 📷🔊

Mục	Kích thước ảnh	Tỷ lệ nén	Định dạng tập tin
L SF	5184 × 3888	Siêu nét (1/2.7)	JPG
L F	5184 × 3888	Nét (1/4)	JPG
L N	5184 × 3888	Bình thường (1/8)	JPG
M N	3200 × 2400	Bình thường (1/8)	JPG
RAW	5184 × 3888	Nén không mất dữ liệu	ORF
RAW+JPEG	RAW cộng với tùy chọn JPEG đã chọn ở trên		

🔗 Các kết hợp khả dụng về kích thước ảnh/mức nén có thể được chọn trong menu. 🖱️ “Kết hợp kích thước ảnh JPEG và tỷ lệ nén (📷🔊 Detailed Settings)” (P.218)

🔗 Các tùy chọn khả dụng khi chụp ảnh độ phân giải cao (P.241) là **80M F**, **50M F**, **25M F**, **80M F+RAW**, **50M F+RAW**, **25M F+RAW**.

🔗 Khi **[Standard]**, **[Dual Same↓]**, hoặc **[Dual Same↑]**, hoặc **[Auto Switch]** được chọn cho **[📷 Save Settings]** trong **[📷 Card Slot Settings]** (P.389), tùy chọn đã chọn sẽ áp dụng cho các thẻ trong cả hai khe cắm **1** và **2**.

🔗 **80M F** và **80M F+RAW** không khả dụng khi **[On📷]** được chọn cho High Res Shot (P.241).

🔗 Việc chọn High Res Shot (P.241) sẽ thay đổi tùy chọn chất lượng ảnh được chọn; hãy nhớ kiểm tra cài đặt chất lượng ảnh trước khi chụp.


🔗 Tập tin RAW lưu trữ dữ liệu hình ảnh raw ở trạng thái chưa được xử lý. Chọn định dạng này (đuôi mở rộng ".ORF") cho các ảnh sẽ được chỉnh sửa tăng cường sau này.

- Không thể xem trên các máy ảnh khác
- Có thể xem trên máy tính bằng phần mềm OM Workspace Digital Photo Managing
- Có thể lưu ở định dạng JPEG bằng cách sử dụng tùy chọn chỉnh sửa chi tiết **[RAW Data Edit]** (P.321) trong các menu máy ảnh

Cấu hình

- Để thay đổi cài đặt của từng chế độ chất lượng ảnh, hãy nhấn **▷** khi một chế độ chất lượng ảnh được chọn.

Biểu tượng chất lượng phim

Những thay đổi trong cài đặt sẽ được phản ánh trong biểu tượng chất lượng phim  như minh họa. Có thể lưu tối đa ba tổ hợp.



- ① Movie Resolution
- ② Playback Frame Rate
- ③ Motion Compensation

Movie Resolution

4K	4K	3840 × 2160
FHD	FHD (Full HD)	1920 × 1080
C4K	C4K (4K Digital Cinema)	4096 × 2160

Motion Compensation

I-8 ¹	A-I (ALL-Intra ²)
L-8 ¹	L-GOP (LongGOP)

1 Khi  **Video Codec** (P.219) là

[H.264]: “-8”

[H.265]: “-10”

2 Khi sử dụng ALL-Intra, phim sẽ được ghi mà không cần nén liên khung. Phù hợp để chỉnh sửa nhưng dữ liệu sẽ rất lớn.

- Cố định là **[L-GOP]** khi **[Movie Resolution]** là **[4K]** hoặc **[C4K]**.

Playback Frame Rate

60p	59.94p (59.94 fps)
50p	50.00p (50.00 fps)
30p	29.97p (29.97 fps)
25p	25.00p (25.00 fps)
24.00p	24.00p (24.00 fps)
24p	23.98p (23.98 fps)

- **[24.00p]** chỉ có thể được chọn khi **[Movie Resolution]** là **[C4K]**.




Slow or Fast Motion

—	Off
—	Số (tốc độ)

- Tốc độ lớn có nghĩa là ghi nhanh và tốc độ nhỏ có nghĩa là ghi chậm.
- Vì phim được phát lại ở tốc độ được chỉ định nên chúng sẽ giống như phim chuyển động chậm/ chuyển động nhanh.

 Âm thanh không được ghi lại.

 Các bộ lọc nghệ thuật được chọn ở Chế độ ảnh sẽ bị vô hiệu hóa.

 Chế độ ghi chậm và/hoặc ghi nhanh có thể không khả dụng tùy thuộc vào cài đặt  .

- ⌚ Chỉ có tốc độ màn trập từ 1/24 trở lên mới khả dụng. Tính khả dụng phụ thuộc vào cài đặt **[Frame Rate]**.
- ⌚ Tùy thuộc vào loại thẻ được sử dụng, quá trình ghi có thể kết thúc trước khi đạt đến độ dài tối đa.
- ⌚ Lựa chọn Bù chuyển động có thể không khả dụng ở một số cài đặt.
- ⌚ Phim được ghi ở tỷ lệ khung hình 16:9. Phim C4K được ghi ở tỷ lệ khung hình 17:9.

Quay phim tốc độ cao

Quay phim ở tốc độ khung hình cao. Phim được quay ở tốc độ 100 - 240 fps và phát lại ở tốc độ 23.98 - 59.94 fps. Việc kéo dài thời gian phát lại lên 2x - 10x thời gian ghi cho phép bạn xem những chuyển động chậm mà thực tế chỉ diễn ra trong chớp mắt.

Tùy chọn phim tốc độ cao có thể được đưa vào menu chất lượng ảnh phim. Tốc độ khung hình phát lại mà bạn chọn sẽ quyết định hệ số nhân tốc độ phát lại. Có những hạn chế cho sự kết hợp giữa Tốc độ khung hình cảm biến và Tốc độ khung hình phát lại.

Những thay đổi trong cài đặt được thể hiện bằng biểu tượng như hình dưới đây. Những thay đổi trong cài đặt được phản ánh trong biểu tượng chất lượng phim như minh họa.



- ① Movie Resolution
- ② Sensor Frame Rate
- ③ Playback Frame Rate
- ④ Motion Compensation

Movie Resolution

FHD	FHD (Full HD)	1920 × 1080
------------	---------------	-------------

Sensor Frame Rate

240 fps/200 fps/120 fps/100 fps

- 240 fps chỉ có thể được chọn khi [\[Video Codec\] \(P.219\)](#) là **[H.264]**.

Motion Compensation

L-8 ¹	L-GOP (LongGOP)
-------------------------	-----------------


¹ Khi [\[Video Codec\] \(P.219\)](#) là

[H.264]: “-8”

[H.265]: “-10”


Playback Frame Rate

60p	59.94p (59.94 fps) Tốc độ phát lại: ×0.5/0.25
50p	50.00p (50.00 fps) Tốc độ phát lại: ×0.5/0.25
30p	29.97p (29.97 fps) Tốc độ phát lại: ×0.25/0.12
25p	25.00p (25.00 fps) Tốc độ phát lại: ×0.25/0.13
24p	23.98p (23.98 fps) Tốc độ phát lại: ×0.2/0.1

- Để thay đổi cài đặt cho phim tốc độ cao, hãy nhấn  khi chế độ chất lượng ảnh được chọn.


 Khi sử dụng thẻ SD/SDHC, kích thước của một tập tin bị giới hạn ở mức 4 GB.

Khi sử dụng thẻ SDXC, quá trình ghi sẽ dừng lại trước khi thời gian phát lại đạt 3 giờ.


 Lấy nét, độ phơi sáng và cân bằng trắng bị khóa trong khi ghi.


 Âm thanh không được ghi lại.

 Góc ảnh bị thu hẹp một chút.

 Khẩu độ, tốc độ màn trập, bù phơi sáng và độ nhạy ISO không thể thay đổi trong khi ghi.


 Không thể ghi lại hoặc hiển thị mã thời gian.

 Độ sáng có thể thay đổi nếu độ thu phóng bị điều chỉnh trong khi ghi.


 Tính năng quay phim tốc độ cao không khả dụng khi máy ảnh được kết nối với thiết bị HDMI.

 Khi quay phim tốc độ cao, không thể chọn  All (tất cả mục tiêu) cho chế độ mục tiêu AF.

  **Image Stabilizer** (P.206) > **[M-IS1]** không khả dụng.

 **[i-Enhance]** và chế độ ảnh bộ lọc nghệ thuật (P.222) không khả dụng.

 **[Gradation]** (P.225) được cố định ở **[Gradation Normal]**.

 Tính năng quay phim tốc độ cao không khả dụng trong quá trình chụp ảnh từ xa khi máy ảnh được kết nối với điện thoại thông minh.

Kết hợp kích thước ảnh JPEG và tỷ lệ nén (Detailed Settings)

PASMB 

Bạn có thể đặt chất lượng ảnh JPEG bằng cách kết hợp kích thước ảnh và tỷ lệ nén.

Menu

• MENU →  → 1. Basic Settings/Image Quality →   Detailed Settings

Kích thước ảnh (Số điểm ảnh)	Tỷ lệ nén			Ứng dụng
	Siêu Nét	Nét	Bình thường	
Lớn (5184×3888)	L SF	L F	L N	Chọn kích thước bản in
Trung bình (3200×2400)	M1 SF	M1 F	M1 N	
Trung bình (1920×1440)	M2 SF	M2 F	M2 N	
Nhỏ (1280×960)	S1 SF	S1 F	S1 N	Cho bản in nhỏ và sử dụng trên trang web
Nhỏ (1024×768)	S2 SF	S2 F	S2 N	

Chọn codec để quay phim (📹 Video Codec)

P A S M B 📹

Chọn codec sẽ được sử dụng khi quay phim.

Menu

- MENU → 📹 → 1. Basic Settings/Image Quality → 📹 Video Codec

H.264	Quay phim 8-bit bằng codec mã hóa đa năng H.264. Cài đặt này được khuyên dùng trong hầu hết các trường hợp.
H.265	Quay phim 10 bit bằng codec H.265. Cài đặt này chủ yếu dành cho những phim dự định sẽ được chỉnh sửa trên máy tính.

⚠️ Khi **[H.265]** được chọn, chỉ có **[📹 2 OM-Log400]** và **[📹 3 HLG]** khả dụng cho **[📹 Picture Mode] (P.228)**. Để phát lại với màu sắc và độ sáng chính xác, cần có TV hoặc màn hình tương thích với cổng vào 10 bit. Khi xuất ra thiết bị HDMI tương thích với cổng vào 10 bit, màu sắc của các biểu tượng có thể nhìn khác so với bình thường.

Đặt khung hình cho ảnh (Image Aspect)

P A S M B 

Chọn tỷ lệ chiều rộng và chiều cao của ảnh theo ý định hoặc mục đích của bạn cho những việc như in ấn, v.v... Ngoài tỷ lệ khung hình chuẩn (chiều rộng-so với-chiều cao) là **[4:3]**, máy ảnh còn cung cấp các cài đặt **[16:9]**, **[3:2]**, **[1:1]**, và **[3:4]**.

Bảng siêu điều khiển

- **OK** ➔ Aspect

Menu

- **MENU** ➔  ➔ 1. Basic Settings/Image Quality ➔ Image Aspect

- Ảnh JPEG được ghi ở tỷ lệ khung hình đã chọn. Ảnh RAW có cùng kích thước với cảm biến hình ảnh và được ghi ở tỷ lệ khung hình **[4:3]** với thẻ chỉ ra tỷ lệ khung hình đã chọn. Phần cắt cho biết tỷ lệ khung hình đã chọn sẽ được hiển thị khi phát lại ảnh.

Chiếu sáng vùng rìa ảnh (Shading Comp.)

P A S M B 

Bù trừ cho việc giảm độ sáng ở các cạnh của khung hình do đặc tính quang học của ống kính. Một số ống kính có thể bị giảm độ sáng ở các cạnh của khung hình. Máy ảnh có thể khắc phục điều này bằng cách làm sáng các cạnh.

Menu

- **MENU** ➔  ➔ 1. Basic Settings/Image Quality ➔ Shading Comp.

Off	Tính năng bù đổ bóng bị vô hiệu hóa.
On	Máy ảnh phát hiện và bù sáng cho tình trạng thiếu sáng ở vùng rìa ảnh.

🔍 **[On]** không có tác dụng khi gắn ống kính chuyển đổi tele hoặc ống kính mở rộng.

🔍 Có thể dễ nhận thấy nhiều ở các cạnh của khung hình ở độ nhạy ISO cao.

Tùy chọn xử lý (📷 Picture Mode / 👤 Picture Mode)

PASMB 👤

Chọn cách xử lý ảnh trong khi chụp để chỉnh sửa tăng cường màu sắc, tông màu và các đặc tính khác. Chọn từ các chế độ ảnh cài sẵn theo chủ thể hoặc ý định nghệ thuật của bạn. Độ tương phản, độ sắc nét và các cài đặt khác có thể được điều chỉnh riêng cho từng chế độ. Bạn cũng có thể thêm hiệu ứng nghệ thuật bằng bộ lọc nghệ thuật. Bộ lọc nghệ thuật cho bạn tùy chọn thêm hiệu ứng khung hình và các hiệu ứng tương tự. Các điều chỉnh cho từng thông số riêng biệt được lưu trữ riêng cho từng chế độ ảnh và bộ lọc nghệ thuật.

Bảng siêu điều khiển

- OK ➔ Picture mode

Menu

- MENU ➔ 📷 ➔ 2. Picture Mode/WB ➔ 📷 Picture Mode
- MENU ➔ 👤 ➔ 2. Picture Mode/WB ➔ 👤 Picture Mode

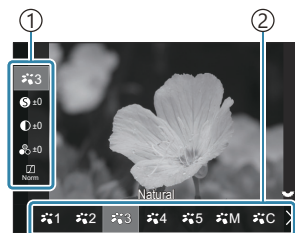
ⓘ Khi ở chế độ phim với máy ảnh được cấu hình như sau, bạn có thể đặt cài đặt giống với cài đặt

[📷 Picture Mode] (P.222) bằng cách chọn [👤 Picture Mode] từ bảng siêu điều khiển.

- [👤 Video Codec] được đặt thành [H.264] và [👤 Picture Mode] được đặt thành [Same as 📷]











Cài đặt 📷 Picture Mode

1. Chọn chế độ ảnh bằng nút xoay phía sau hoặc ◀▶.



Màn hình cài đặt Chế độ ảnh

- ① Mục
- ② Chế độ ảnh

 1	i-Enhance	Máy ảnh sẽ điều chỉnh màu sắc và độ tương phản để có kết quả tối ưu theo loại chủ thể.
 2	Vivid	Chọn để có màu sắc sống động.
 3	Natural	Chọn để có màu sắc tự nhiên.
 4	Muted	Chọn cho những bức ảnh sẽ được chỉnh sửa chi tiết sau này.
 5	Portrait	Làm sáng tông màu da.
 M	Monochrome	Ghi ảnh đơn sắc. Bạn có thể áp dụng hiệu ứng bộ lọc màu và chọn tông màu.
 C	Custom	Điều chỉnh các thông số chế độ ảnh để tạo phiên bản tùy chỉnh của chế độ ảnh đã chọn.
	Underwater	Xử lý ảnh để giữ nguyên màu sắc sống động khi nhìn dưới nước. 🌀 Chúng tôi khuyến nghị nên chọn [Off] cho [⚡ +WB] (P238) khi [ Underwater] được chọn.
	Color Creator	Điều chỉnh sắc độ và màu sắc cho phù hợp với ý định sáng tạo của bạn.

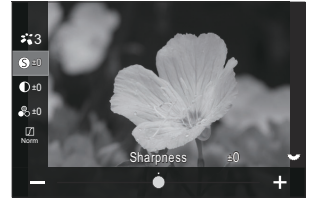
ART 1	Pop Art
ART 2	Soft Focus
ART 3	Pale&Light Color
ART 4	Light Tone
ART 5	Grainy Film
ART 6	Pin Hole
ART 7	Diorama
ART 8	Cross Process
ART 9	Gentle Sepia
ART 10	Dramatic Tone
ART 11	Key Line
ART 12	Watercolor
ART 13	Vintage
ART 14	Partial Color
ART 15	Bleach Bypass
ART 16	Instant Film

Sử dụng cài đặt Art Filter. Hiệu ứng nghệ thuật cũng có thể được sử dụng. Các hiệu ứng khả dụng sẽ khác nhau tùy thuộc vào bộ lọc nghệ thuật.








Cài đặt các tùy chọn chi tiết của Chế độ ảnh


1. Nhấn $\Delta \nabla$ trên màn hình cài đặt Picture Mode (P.222) để chọn tùy chọn bạn muốn đặt.

- Các cài đặt khả dụng sẽ khác nhau tùy thuộc vào chế độ ảnh được chọn.




	Sharpness	Điều chỉnh độ sắc nét của ảnh. Đường viền có thể được làm nổi bật để ảnh được rõ nét, sắc nét. [-2] – [±0] – [+2]
	Contrast	Điều chỉnh độ tương phản của ảnh. Tăng độ tương phản sẽ làm tăng sự khác biệt giữa vùng sáng và vùng tối để có ảnh sắc sảo và rõ ràng hơn. [-2] – [±0] – [+2]
	Saturation	Điều chỉnh độ bão hòa màu sắc. Tăng độ bão hòa làm cho ảnh sống động hơn. [-2] – [±0] – [+2]
	Gradation	Điều chỉnh độ sáng và đổ bóng. Làm cho ảnh gần hơn với những gì bạn hình dung, ví dụ như làm sáng toàn bộ ảnh. Tùy thuộc vào độ tương phản, bạn có thể tạo ra cả dải màu tối và dải màu sáng. [Shadow Adj]: Chia hình ảnh thành các vùng chi tiết và điều chỉnh độ sáng riêng cho từng vùng. Điều này hiệu quả với những ảnh có vùng tương phản lớn mà trong đó các vùng màu trắng bị quá chói hoặc các vùng màu đen quá tối. [Gradation Normal]: Đổ bóng tối ưu. Được khuyên dùng trong hầu hết các trường hợp. [Gradation High Key]: Sử dụng tông màu phù hợp với chủ thể sáng. [Gradation Low Key]: Sử dụng tông màu phù hợp với chủ thể tối.

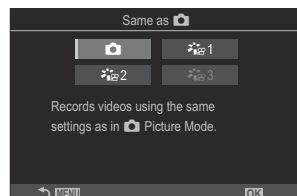
Effect	Effect	<p>Chọn mức độ tăng i-Enhance.</p> <p>[Effect: Low]: Thêm hiệu ứng thấp cho ảnh.</p> <p>[Effect: Standard]: Thêm hiệu ứng giữa “thấp” và “cao” cho ảnh.</p> <p>[Effect: High]: Thêm hiệu ứng cao cho ảnh.</p>
Filter	Color Filter	<p>Có thể thêm hiệu ứng bộ lọc màu vào chế độ ảnh đơn sắc. Tùy thuộc vào màu sắc của chủ thể, hiệu ứng bộ lọc màu có thể làm cho chủ thể sáng hơn hoặc tăng độ tương phản. Màu cam tạo độ tương phản nhiều hơn màu vàng, màu đỏ tạo độ tương phản nhiều hơn màu cam. Màu xanh lá là lựa chọn tốt cho ảnh chân dung và những ảnh tương tự.</p> <p>[N:None]: Không có hiệu ứng bộ lọc.</p> <p>[Ye:Yellow]: Tái hiện rõ hình ảnh đám mây trắng với bầu trời trong xanh tự nhiên.</p> <p>[Or:Orange]: Làm nổi bật nhẹ bầu trời xanh hoặc ánh sáng của hoàng hôn.</p> <p>[R:Red]: Làm nổi bật hơn nữa bầu trời xanh hoặc tán lá mùa thu.</p> <p>[G:Green]: Tăng sự ấm áp cho tông da trong ảnh chân dung. Bộ lọc màu xanh lá cũng làm nổi bật sắc đỏ của son môi.</p>
Color	Monochrome Color	<p>Thêm sắc thái tông màu cho ảnh khi sử dụng chế độ ảnh đơn sắc.</p> <p>[N:Normal]: Tạo ảnh đen trắng bình thường.</p> <p>[S:Sepia]: Chụp ảnh đơn sắc với màu tông nâu đỏ.</p> <p>[B:Blue]: Chụp ảnh đơn sắc với tông màu xanh dương.</p> <p>[P:Purple]: Chụp ảnh đơn sắc với tông màu tím.</p> <p>[G:Green]: Chụp ảnh đơn sắc với tông màu xanh lá.</p>
     	 C Picture mode	<p>Chọn chế độ ảnh bạn muốn điều chỉnh khi sử dụng [Custom], [i-Enhance], [Vivid], [Natural], [Muted], [Portrait], [Monochrome]</p>










	Color Creator	Xoay nút xoay phía trước để điều chỉnh sắc độ. Xoay nút xoay phía sau để điều chỉnh độ bão hòa. Để cài đặt lại bù phơi sáng, nhấn và giữ nút OK .
Effect	Add Effects	Thêm hiệu ứng vào bộ lọc nghệ thuật. Các hiệu ứng có thể thêm vào sẽ khác nhau tùy thuộc vào bộ lọc nghệ thuật. Với một số bộ lọc nghệ thuật, Color Filter và Monochrome Color có thể được điều chỉnh.
Color	Partial Color	Chọn bộ lọc nghệ thuật “màu nhấn”.

- ⓘ Bộ lọc nghệ thuật chỉ áp dụng cho bản sao JPEG. **[RAW+JPEG]** được tự động chọn cho chất lượng ảnh thay cho **[RAW]**.
- ⓘ Tùy thuộc vào cảnh chụp, hiệu ứng của một số cài đặt có thể không nhìn thấy được, trong khi ở những trường hợp khác, sự chuyển đổi tông màu có thể không đồng đều hoặc hình ảnh trở nên bị “nhiều hạt” nhiều hơn.
- 🔗 Bạn có thể chọn hiển thị hoặc ẩn từng chế độ ảnh bằng menu [\[📷 Picture Mode Settings\] \(P.229\)](#).

Cài đặt Picture Mode

1. Chọn [ **Picture Mode**] từ menu.
2. Làm nổi mục bằng cách sử dụng $\triangle \nabla \triangleleft \triangleright$.



	Same as 	Phim được quay với cùng cài đặt được cấu hình trong  Picture Mode.
	 1 Flat	Phim được quay với đường cong tông màu được điều chỉnh màu.
	 2 OM-Log400	Phim được quay với đường cong tông màu logarit để tăng sự linh hoạt khi điều chỉnh màu.
	 3 HLG	Phim được quay với dải tương phản rộng, tái hiện ảnh giống như khi nhìn bằng mắt thường khi phát lại bằng thiết bị tương thích.

- ⓘ [ **HLG**] có thể được chọn khi [ **Video Codec**] (P.219) được đặt thành [**H.264**].
- ⓘ [] và [ **Flat**] không được chọn khi [ **Video Codec**] (P.219) được đặt thành [**H.265**].

Chọn các tùy chọn được hiển thị khi chọn chế độ hình ảnh (📷 Picture Mode Settings)

PASMB 

Bạn chỉ có thể hiển thị những tùy chọn cần thiết khi chọn chế độ ảnh.

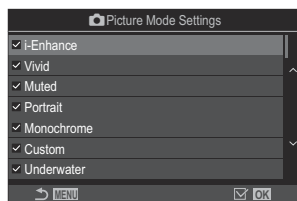
🔗 Để biết chi tiết về các chế độ ảnh, xem “Tùy chọn xử lý (📷 Picture Mode / 📷 Picture Mode)” (P.222).

Menu

- MENU → 📷₁ → 2. Picture Mode/WB → 📷 Picture Mode Settings

1. Chọn chế độ ảnh mà bạn muốn hiển thị và đánh dấu tích (✓) vào ô bên cạnh chế độ đó.

- Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút **OK** để đánh dấu tích (✓) bên cạnh. Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút **OK** một lần nữa.



Màn hình Cài đặt chế độ ảnh

Điều chỉnh màu (WB (white balance))

P A S M B 





Cân bằng trắng (WB) đảm bảo rằng các vật thể màu trắng trong ảnh được máy ảnh ghi lại sẽ có màu trắng. **[Auto]** phù hợp trong hầu hết các trường hợp, nhưng có thể chọn các giá trị khác tùy theo nguồn sáng khi **[Auto]** không tạo ra kết quả mong muốn hoặc bạn muốn tạo hiệu ứng màu sắc có chủ ý cho ảnh của mình.


Cài đặt cân bằng trắng

Bảng siêu điều khiển

- **OK** → White balance

Menu



- **MENU** →  1 → 2. Picture Mode/WB →  WB
- **MENU** →  → 2. Picture Mode/WB →  WB

1. Chọn chế độ WB bằng nút xoay phía sau hoặc .











Màn hình cài đặt WB

- ① Mục
- ② Cân bằng trắng

2. Để đặt các tùy chọn chi tiết của chế độ ảnh đã chọn, hãy chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng  .

Auto	WB Auto	Hầu hết các cảnh bình thường (cảnh có vật thể màu trắng hoặc gần trắng) <ul style="list-style-type: none">• Chế độ này được khuyên dùng trong hầu hết các trường hợp.• Bạn có thể chọn cân bằng trắng được sử dụng dưới ánh sáng sợi đốt (P.237).
-------------	----------------	--

	Sunny	Cảnh ngoài trời có nắng, hoàng hôn, pháo hoa <ul style="list-style-type: none"> Nhiệt độ màu được đặt ở mức 5300K.
	Shade	Ảnh chụp ban ngày với chủ thể trong bóng râm <ul style="list-style-type: none"> Nhiệt độ màu được đặt ở mức 7500K.
	Cloudy	Ảnh chụp vào ban ngày dưới bầu trời nhiều mây <ul style="list-style-type: none"> Nhiệt độ màu được đặt ở mức 6000K.
	Incandescent	Các chủ thể dưới ánh sáng sợi đốt <ul style="list-style-type: none"> Nhiệt độ màu được đặt ở mức 3000K.
	Fluorescent	Chủ thể dưới ánh sáng huỳnh quang <ul style="list-style-type: none"> Nhiệt độ màu được đặt ở mức 4000K.
	Underwater	Chụp ảnh dưới nước
	WB Flash	Nguồn sáng có nhiệt độ màu giống với chiếu đèn flash <ul style="list-style-type: none"> Nhiệt độ màu được đặt ở mức 5500K.
	One-touch WB 1-4	Các tình huống mà bạn muốn đặt cân bằng trắng cho một chủ thể cụ thể <ul style="list-style-type: none"> Nhiệt độ màu được đặt thành giá trị đo được từ vật thể màu trắng dưới ánh sáng sẽ được sử dụng trong bức ảnh cuối cùng (P.233).
CWB	Custom WB	Các tình huống mà bạn có thể xác định được nhiệt độ màu phù hợp <ul style="list-style-type: none"> Chọn nhiệt độ màu.

Thực hiện tinh chỉnh cân bằng trắng của từng chế độ WB

Bạn có thể tinh chỉnh các cài đặt cân bằng trắng. Có thể thực hiện điều chỉnh riêng.



1. Cấu hình các tùy chọn.

- Nhấn $\triangle \nabla$ trên màn hình cài đặt WB (P.230) để chọn tùy chọn cần điều chỉnh.








WB AUTO Keep Warm Color (chỉ khi WB Auto được sử dụng)	[Off]: Máy ảnh loại bỏ các tông màu ấm do ánh sáng sợi đốt tạo ra khi WB tự động được sử dụng. [On]: Máy ảnh giữ nguyên các tông màu ấm do ánh sáng sợi đốt tạo ra khi WB tự động được sử dụng.
WB (WB Compensation)	Sử dụng nút xoay phía trước hoặc $\triangleleft \triangleright$ để điều chỉnh trực "hỗ phách-xanh dương". Di chuyển con trỏ (\rightarrow) gần về phía A sẽ tăng tông màu đỏ và di chuyển gần về phía B sẽ tăng tông màu xanh dương. Sử dụng nút xoay phía sau hoặc $\triangle \nabla$ để điều chỉnh trực "xanh lá-hồng tím". Di chuyển con trỏ (\rightarrow) gần về phía G sẽ tăng tông màu xanh lá và di chuyển gần về phía M sẽ tăng tông màu hồng tím. Khi WB (WB Compensation) được thực hiện, dấu (*) sẽ xuất hiện bên cạnh biểu tượng chế độ WB. Nhấn nút INFO ở chế độ chụp ảnh tĩnh cho phép bạn chụp ảnh thử với cấu hình hiện tại. Nhấn nút INFO một lần nữa để trở về màn hình cài đặt. Để cài đặt lại bù phơi sáng, nhấn và giữ nút OK . Tinh chỉnh cân bằng trắng của tất cả các chế độ cân bằng trắng cùng một lúc. [All WB] (P.236)
Kelvin (chỉ đối với Custom WB)	Bạn có thể đặt nhiệt độ màu. [2000K] – [14000K]

Cân bằng trắng một chạm




Đo cân bằng trắng bằng cách lấy khung hình một mảnh giấy hoặc vật thể trắng khác dưới ánh sáng sẽ được dùng trong ảnh chụp cuối cùng. Sử dụng tùy chọn này để tinh chỉnh cân bằng trắng khi bạn thấy khó đạt được kết quả mong muốn với chế độ bù cân bằng trắng hoặc các tùy chọn cân bằng trắng cài sẵn như  (ánh sáng mặt trời) hoặc  (u ám). Máy ảnh lưu trữ giá trị đo được để có thể gọi lại nhanh khi cần.

Cài đặt cho chụp ảnh tĩnh và quay phim có thể được lưu trữ riêng.

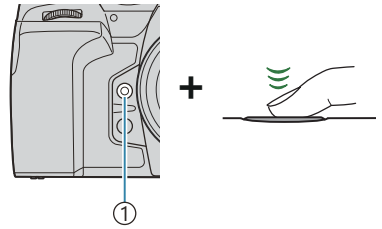
1. Chọn [, , , hoặc ] (cân bằng trắng một chạm 1, 2, 3 hoặc 4) trên màn hình cài đặt WB.
2. Chọn  Set.
3. Lấy khung hình mảnh giấy không màu (trắng hoặc xám) ở giữa màn hình hiển thị.
 - Lấy khung hình mảnh giấy để nó lấp đầy màn hình hiển thị. Đảm bảo rằng không có bóng đổ.
 - Nhấn nút **INFO**.
 - Màn hình cân bằng trắng một chạm xuất hiện.
4. Làm nổi **[Yes]** và nhấn nút **OK**.
 - Giá trị mới được lưu dưới dạng tùy chọn cân bằng trắng cài sẵn.
 - Giá trị mới được lưu trữ cho đến khi cân bằng trắng một chạm được đo lại. Tắt nguồn không xóa dữ liệu.

Đo sáng cân bằng trắng bằng nút cân bằng trắng một chạm



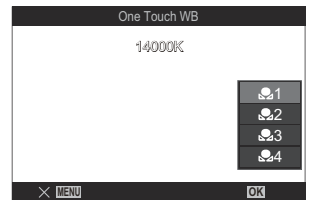
Gán [, ] cho một nút sẽ cho phép sử dụng điều khiển để đo cân bằng trắng. Theo mặc định, có thể sử dụng nút  để đo cân bằng trắng trong khi chụp ảnh tĩnh. Để đo cân bằng trắng trong khi quay phim, trước tiên bạn phải gán cân bằng trắng một chạm cho điều khiển bằng cách sử dụng [\[!\[\]\(510c3e621c59b50959bed0883f15fd7c_img.jpg\) Button Function\] \(P.335\)](#).

1. Lấy khung hình mảnh giấy không màu (trắng hoặc xám) ở giữa màn hình hiển thị.
 - Lấy khung hình mảnh giấy để nó lấp đầy màn hình hiển thị. Đảm bảo rằng không có bóng đổ.
2. Giữ nút được gán cho chế độ Cân bằng trắng một chạm và nhấn nút chụp xuống hết cỡ.



① Nút cân bằng trắng một chạm (📷)

- Khi quay phim, nhấn nút cân bằng trắng một chạm để chuyển sang Bước 3.
 - Bạn sẽ được nhắc chọn tùy chọn cân bằng trắng một chạm sẽ được sử dụng để lưu trữ giá trị mới.
3. Làm nổi một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút **OK**.
 - Giá trị mới sẽ được lưu dưới dạng giá trị cho cài đặt đã chọn và máy ảnh sẽ thoát ra và đến màn hình hiển thị chụp.



Khóa cân bằng trắng ở chế độ phim

(📷) Button Function: ^{WB}_{AUTO} Lock

PASMB 📷

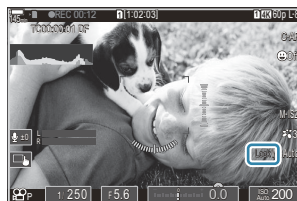
Khi máy ảnh ở chế độ phim và cân bằng trắng được đặt thành **[WB Auto]**, bạn có thể khóa cân bằng trắng để ngăn cân bằng trắng thay đổi ngay cả khi chủ thể hoặc ánh sáng thay đổi.

🕒 Bạn phải gán Khóa WB cho một nút bằng cách sử dụng **[Button Function]** (P.335).

Nút

- Một nút đã được gán chức năng **[^{WB}_{AUTO} Lock]**

Khi bạn nhấn nút, cân bằng trắng sẽ bị khóa với các cài đặt hiện đang được chọn và “Lock” sẽ xuất hiện ở bên trái “WBAuto”. Khóa sẽ được mở khi bạn nhấn nút lần nữa.



Thực hiện tinh chỉnh cân bằng trắng (📷 All

WB / 👤 All WB)

PASMB 👤

Tinh chỉnh cân bằng trắng của tất cả các chế độ cân bằng trắng cùng một lúc.

Menu

- MENU → 📷₁ → 2. Picture Mode/WB → 📷 All WB
- MENU → 👤 → 2. Picture Mode/WB → 👤 All WB

All

WB

Sử dụng nút xoay phía trước hoặc ◀▶ để điều chỉnh trực “hồ phách-xanh dương”. Di chuyển con trỏ (-⚡-) gần về phía A sẽ tăng tông màu đỏ và di chuyển gần về phía B sẽ tăng tông màu xanh dương.

Sử dụng nút xoay phía sau hoặc △ ▽ để điều chỉnh trực “xanh lá-hồng tím”. Di chuyển con trỏ (-⚡-) gần về phía G sẽ tăng tông màu xanh lá và di chuyển gần về phía M sẽ tăng tông màu hồng tím.

Khi thực hiện Bù toàn bộ WB, dấu (*) sẽ xuất hiện bên cạnh mỗi biểu tượng chế độ WB. Để cài đặt lại bù phơi sáng, nhấn và giữ nút **OK**.

Giữ nguyên tông màu ấm của ánh sáng sợi đốt khi ở chế độ WB Tự động (📷 ^{WB}AUTO Keep Warm Color/👤 ^{WB}AUTO Keep Warm Color)

PASMB 👤

Chọn cách máy ảnh điều chỉnh cân bằng trắng cho ảnh được chụp bằng cân bằng trắng tự động dưới ánh sáng sợi đốt.

Menu

- MENU → 📷₁ → 2. Picture Mode/WB → 📷 ^{WB}AUTO Keep Warm Color
- MENU → 👤 → 2. Picture Mode/WB → 👤 ^{WB}AUTO Keep Warm Color

Off	Máy ảnh loại bỏ các tông màu ấm được tạo ra bởi ánh sáng sợi đốt.
On	Máy ảnh giữ nguyên các tông màu ấm được tạo ra bởi ánh sáng sợi đốt.

👉 Bạn có thể tinh chỉnh các cài đặt cân bằng trắng. 👉 ["Thực hiện tinh chỉnh cân bằng trắng của từng chế độ WB" \(P.232\)](#)

Cân bằng trắng đèn flash (⚡ +WB)

PASMB 

Chọn cân bằng trắng dùng cho ảnh chụp bằng đèn flash. Thay vì sử dụng cài đặt phù hợp với đèn flash, bạn có thể chọn ưu tiên giá trị đã chọn cho chụp ảnh không dùng đèn flash. Sử dụng tùy chọn này để tự động chuyển từ cài đặt cân bằng trắng này sang cài đặt cân bằng trắng khác khi bạn thường xuyên bật và tắt đèn flash.

Menu

- MENU →  → 2. Picture Mode/WB → ⚡ +WB

Off	Máy ảnh sử dụng giá trị hiện đang được chọn cho cân bằng trắng.
WB Auto	Máy ảnh sử dụng chế độ cân bằng trắng tự động ([Auto]).
WB ⚡ 5500K	Máy ảnh sử dụng cân bằng trắng bằng đèn flash ([WB⚡]).

Cài đặt định dạng tái tạo màu (Color Space)



P A S M B 

Bạn có thể chọn một định dạng để đảm bảo màu sắc được tái hiện chính xác khi ảnh chụp được tái tạo trên màn hình hay sử dụng máy in.

Menu

- MENU →  → 2. Picture Mode/WB → Color Space

sRGB	Không gian màu được chuẩn hóa bởi tổ chức tiêu chuẩn quốc tế. Tiêu chuẩn này được hỗ trợ trên cả màn hình, máy in, máy ảnh kỹ thuật số và ứng dụng máy tính. Cài đặt này được khuyến dùng trong hầu hết các trường hợp.
Adobe RGB	Chế độ này có thể tái tạo dải màu rộng hơn sRGB. Việc tái tạo màu chính xác chỉ khả dụng với phần mềm và thiết bị (màn hình, máy in, v.v...) hỗ trợ tiêu chuẩn này. Dấu gạch dưới ("_") xuất hiện ở đầu tên tập tin (ví dụ: "_xxx0000.jpg").

 **[Adobe RGB]** không khả dụng trong chế độ HDR hoặc chế độ phim () hoặc khi bộ lọc nghệ thuật được chọn cho chế độ ảnh.

Tùy chọn xem trước cho [📺 Picture Mode] (🌟📺 View Assist)

P A S M B 📺

Màn hình hiển thị có thể được điều chỉnh để dễ xem hơn khi [🌟📺 1 Flat] hoặc [🌟📺 2 OM-Log400] được chọn cho [📺 Picture Mode] (P.228).

Menu

• MENU → 📺 → 2. Picture Mode/WB → 🌟📺 View Assist

On	Điều chỉnh ảnh để dễ xem hơn. Các đèn báo trên màn hình hiển thị có thể đổi màu.
Off	Không điều chỉnh ảnh để dễ xem hơn.


- 🔗 Tùy chọn này chỉ áp dụng cho màn hình hiển thị, không áp dụng cho các tập tin phim thực tế.
- 🔗 Tùy chọn này không áp dụng khi phim được ghi bằng [🌟📺 1 Flat] hoặc [🌟📺 2 OM-Log400] được phát lại trên máy ảnh. Tùy chọn này cũng không áp dụng khi xem phim trên TV.
- 🔗 Biểu đồ (P.50) và hoa văn zebra (P.290) được xử lý dựa trên ảnh trước khi áp dụng View Assist.

Chế độ chụp đặc biệt (Chế độ dùng điện toán)

Chụp ảnh tĩnh ở độ phân giải cao hơn (High Res Shot)

P A S M B 


Chụp ở độ phân giải cao hơn độ phân giải của cảm biến hình ảnh. Máy ảnh sẽ chụp một loạt ảnh trong khi di chuyển cảm biến hình ảnh và kết hợp các ảnh đó lại để tạo ra một bức ảnh có độ phân giải cao. Sử dụng tùy chọn này để chụp những chi tiết thường không nhìn thấy ngay cả ở tỷ lệ thu phóng cao.

Khi kích hoạt chức năng Chụp ảnh có độ phân giải cao, có thể chọn chế độ chất lượng ảnh cho Chụp ảnh có độ phân giải cao bằng cách sử dụng [ ←] (P.213).

Nút

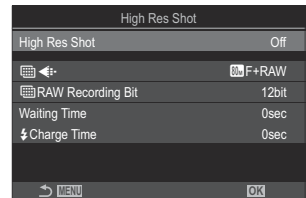
- Nút 

Menu

- MENU →  → 1. Computational Modes → High Res Shot

Bật Chụp ảnh có độ phân giải cao

1. Sử dụng   để chọn [**High Res Shot**] và nhấn nút **OK**.





Màn hình cài đặt Chụp ảnh có độ phân giải cao

2. Sử dụng <|> để chọn [On👤] (giá ba chân) hoặc [On👉] (cầm tay) và nhấn nút **OK**.

Off	Chế độ Chụp ảnh độ phân giải cao bị vô hiệu hóa.
On👤 (Giá ba chân)	Chụp với máy ảnh gắn cố định trên giá ba chân. Ảnh RAW được ghi ở 80M (10368×7776).
On👉 (Cầm tay)	Chụp với máy ảnh cầm trên tay. Ảnh RAW được ghi ở 50M (8160×6120).

3. Màn hình hiển thị sẽ trở về màn hình cài đặt Chụp ảnh có độ phân giải cao.

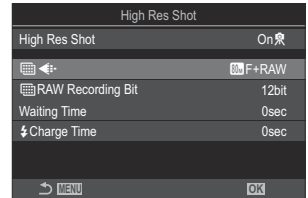
🔗 Khi cài đặt từ nút, bạn có thể bật và tắt chức năng này bằng nút .




Bạn cũng có thể chuyển đổi giữa [On👤] (giá ba chân) và [On👉] (cầm tay) bằng cách xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau trong khi nhấn nút .

Cấu hình Chụp ảnh có độ phân giải cao

1. Cấu hình các tùy chọn.

- Nhấn $\Delta \nabla$ để chọn một mục và nhấn nút **OK** để hiển thị menu cài đặt.
- Sau khi cấu hình các tùy chọn, nhấn nút **OK** để quay lại màn hình cài đặt Chụp ảnh có độ phân giải cao.






 	Chọn chất lượng ảnh của Chụp ảnh có độ phân giải cao (P.213).
 RAW Recording Bit	Chọn độ sâu bit của ảnh RAW được tạo. [12bit]/[14bit] ⚠️ Ảnh [14bit] sẽ có tông màu phong phú hơn, nhưng kích thước tập tin sẽ lớn hơn và thời gian xử lý hậu kỳ cũng sẽ lâu hơn so với ảnh [12bit]. Chọn những bức ảnh mà sau đó sẽ được chỉnh sửa trên máy tính.
Waiting Time	Đặt thời gian chờ của máy ảnh trước khi nhà màn trập sau khi bạn nhấn nút chụp xuống hết mức. Sử dụng tính năng này để ngăn ngừa hiện tượng rung máy do nhấn nút chụp.

⚡ Charge Time


Chọn thời gian chờ của máy ảnh khi chờ đèn flash sạc giữa các lần chụp khi sử dụng thiết bị đèn flash không được thiết kế dành riêng cho máy ảnh.

Chụp ảnh

1. Nhấn nút **MENU** để đóng màn hình cài đặt Chụp ảnh có độ phân giải cao và trở về màn hình chụp ảnh.


- Biểu tượng  sẽ được hiển thị. Biểu tượng  sẽ nhấp nháy nếu máy ảnh không ổn định. Biểu tượng  sẽ ngừng nhấp nháy khi máy ảnh ổn định và sẵn sàng chụp.



- Sau khi bật chức năng Chụp ảnh có độ phân giải cao, hãy kiểm tra tùy chọn đã chọn cho chất lượng ảnh. Chất lượng ảnh có thể được điều chỉnh trong bảng siêu điều khiển.
- Khi  RAW Recording Bit] được đặt thành **[14bit]**, dấu (*) sẽ xuất hiện bên cạnh "RAW" trong chất lượng ảnh.



2. Nhả màn trập.

- Quá trình chụp ảnh hoàn tất khi biểu tượng  màu xanh lá biến mất khỏi màn hình hiển thị.
 - Máy ảnh sẽ tự động tạo hình ảnh tổng hợp khi quá trình chụp hoàn tất. Thông báo sẽ được hiển thị trong quá trình này.
- Chọn từ các chế độ JPEG (**80m** F, **50m** F, hoặc **25m** F) và RAW+JPEG. Khi chất lượng ảnh được đặt thành RAW+JPEG, máy ảnh sẽ lưu một ảnh RAW (đuôi mở rộng ".ORI") trước khi kết hợp với chức năng chụp ảnh có độ phân giải cao. Ảnh RAW trước khi kết hợp có thể được xem lại bằng phiên bản mới nhất của OM Workspace.

 **80m** F và **80m** F+RAW không khả dụng khi **[On **] (cầm tay) được chọn làm phương thức chụp.

- ⌚ **[S-IS Off]** được tự động chọn cho **[Image Stabilizer] (P.206)** khi **[On👤]** (giá ba chân) được chọn, **[S-IS Auto]** khi **[On👤]** (cầm tay) được chọn.
- ⌚ Thời gian chờ tối đa cho **[On👤]** (cầm tay) là 1 giây.
- ⌚ Khi chụp ảnh với đèn flash RC, thời gian chờ đèn flash tối đa là 4 giây và chế độ điều khiển đèn flash được cố định ở **[Manual]**.
- ⌚ Không thể sử dụng tính năng sau:
 - chụp ảnh chồng hình, bù méo hình thang, chụp bù sáng, xếp chồng lấy nét, hiệu chỉnh méo mắt cá và HDR, chụp chống nháy, chụp live ND, chụp live GND
- ⌚ Khi **[High Res Shot]** được đặt thành **[On👤]** (giá ba chân), **[Time Lapse Movie]** sẽ trở thành **[Off]**.
- ⌚ Khi chức năng Chụp ảnh có độ phân giải cao được bật, **[Drive]** được đặt thành **[👤👤]** (Ảnh đơn không ổn). Có thể đặt **[👤👤12s]** (Hẹn giờ im lặng 12 giây), **[👤👤2s]** (Hẹn giờ im lặng 2 giây) và **[👤👤C]** (Hẹn giờ tùy chỉnh im lặng).
- ⌚ Ảnh được chụp bằng bộ lọc nghệ thuật được chọn cho chế độ ảnh sẽ được ghi ở chế độ **[Natural]**.
- ⌚ Chất lượng ảnh có thể giảm khi sử dụng nguồn sáng nhấp nháy như đèn huỳnh quang hoặc đèn LED.
- ⌚ Nếu máy ảnh không thể ghi lại hình ảnh tổng hợp do mờ nhòe hoặc các yếu tố khác, và nếu **[JPEG]** được chọn cho chất lượng ảnh, thì ảnh chụp đầu tiên sẽ được ghi lại ở định dạng JPEG. Nếu **[RAW+JPEG]** được chọn, máy ảnh sẽ ghi lại hai bản sao của ảnh đầu tiên, một bản ở định dạng RAW (.ORF) và bản còn lại ở định dạng JPEG.


Giảm tốc độ màn trập trong điều kiện ánh sáng mạnh (Live ND Shooting)

P A S M B 

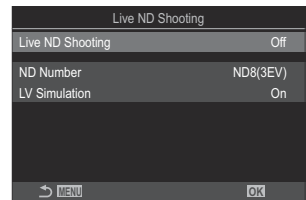
Máy ảnh kết hợp một loạt các lần phơi sáng để tạo ra một bức ảnh, tạo ra cảm giác giống như một bức ảnh được chụp ở tốc độ màn trập chậm.

Bật Chụp ND trực tiếp

Menu

- MENU →  2 → 1. Computational Modes → Live ND Shooting

1. Sử dụng Δ ∇ để chọn **[Live ND Shooting]** và nhấn nút **OK**.



Màn hình cài đặt Chụp ND trực tiếp

2. Làm nổi **[On]** bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.

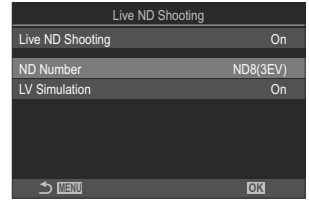
Off	Chụp ảnh mà không sử dụng chức năng này.
On	Ảnh được chụp khi bật hiệu ứng màn trập chậm.

3. Màn hình hiển thị sẽ trở về màn hình cài đặt Chụp ND trực tiếp.

Cấu hình chụp ND trực tiếp

1. Cấu hình các tùy chọn.

- Nhấn $\Delta \nabla$ để chọn một mục và nhấn nút **OK** để hiển thị menu cài đặt.
- Sau khi cấu hình các tùy chọn, nhấn nút **OK** để quay lại màn hình cài đặt Chụp ND trực tiếp.



ND Number	Chọn loại bộ lọc ND; máy ảnh sẽ chuyển đổi bộ lọc đó thành giá trị phơi sáng và giảm độ phơi sáng theo mức đó. Các tùy chọn khả dụng theo mức tăng 1 EV: [ND2(1EV)], [ND4(2EV)], [ND8(3EV)], [ND16(4EV)], [ND32(5EV)], [ND64(6EV)], [ND128(7EV)]
LV Simulation	Chọn xem có muốn xem trước hiệu ứng của bộ lọc đã chọn ở tốc độ màn trập hiện tại hay không. [Off]: Sử dụng màn hình hiển thị chụp tiêu chuẩn. [On]: Hiệu ứng của tốc độ màn trập được hiển thị trên màn hình hiển thị.

Chụp ảnh

1. Nhấn nút **MENU** để đóng màn hình cài đặt Chụp ND trực tiếp và trở về màn hình chụp.

- Một biểu tượng sẽ xuất hiện trên màn hình hiển thị.



2. Điều chỉnh tốc độ màn trập trong khi xem trước kết quả trên màn hình hiển thị.

- Điều chỉnh tốc độ màn trập bằng cách sử dụng nút xoay phía sau.
- Tốc độ màn trập nhanh nhất khả dụng sẽ thay đổi tùy theo bộ lọc ND được chọn.

[ND2(1EV)]: 1/60 s

[ND4(2EV)]: 1/30 s

[ND8(3EV)]: 1/15 s

[ND16(4EV)]: 1/8 s

[ND32(5EV)]: 1/4 s

[ND64(6EV)]: 1/2 s

[ND128(7EV)]: 1 s



① Tốc độ màn trập

- Nếu chọn **[On]** cho **[LV Simulation]**, hiệu ứng của những thay đổi về tốc độ màn trập có thể được xem trước trên màn hình hiển thị.
- Máy ảnh cần khoảng thời gian tương đương với tốc độ màn trập đã chọn để tạo ra kết quả **[LV Simulation]** tương tự như ảnh cuối cùng.
- Khi hết thời gian tương đương với tốc độ màn trập đã chọn, phần "LV" của biểu tượng trên màn hình sẽ chuyển sang màu xanh lá. Khi biểu tượng có màu xanh lá, màn hình hiển thị sẽ tương tự như ảnh cuối cùng.
- Thay đổi bù phơi sáng hoặc tốc độ màn trập sẽ cài đặt lại màn hình **[LV Simulation]**.

3. Nhà màn trập.

- Để kết thúc chụp ảnh bằng bộ lọc live ND, hãy chọn **[Off]** trong màn hình hiển thị **[Live ND Shooting]**.

⚠ **[Frame Rate]** sẽ là **[Normal]** trong quá trình chụp ND trực tiếp.

⚠ Giới hạn trên cho **[ISO]** trong khi chụp ND trực tiếp là ISO 800. Điều này cũng áp dụng khi **[Auto]** được chọn cho **[ISO]**

⚠ Không thể sử dụng tính năng sau:

- Chụp ảnh với đèn flash, HDR, chụp ảnh có độ phân giải cao, chụp ảnh chông hình, bù méo hình thang, chụp bù sáng, xếp chồng lấy nét, chụp ngắt quãng, quét nhấp nháy, chụp chống nhấp nháy, hiệu chỉnh méo mắt cá và chụp GND trực tiếp.

⚠ Khi Chụp ND trực tiếp được bật, **[Drive]** được đặt thành **[]** (Ảnh đơn không ồn). Có thể đặt **[]** (Hẹn giờ im lặng 12 giây), **[]** (Hẹn giờ im lặng 2 giây) và **[]** (Hẹn giờ tùy chỉnh im lặng).

⚠ Khác với bộ lọc ND vật lý, bộ lọc ND trực tiếp không làm giảm lượng ánh sáng đến cảm biến hình ảnh, do đó các chủ thể quá sáng có thể bị phơi sáng quá mức.

Chụp cảnh có độ tương phản cao (Live GND Shooting)

PASMB 

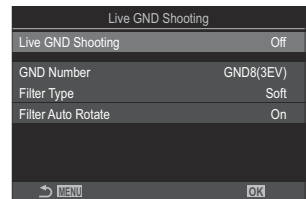
Máy ảnh kết hợp một loạt các lần phơi sáng để tạo ra một bức ảnh. Điều này sẽ làm tăng lượng chi tiết có thể nhìn thấy ở vùng sáng và vùng tối của các cảnh có độ tương phản cao, chẳng hạn như phong cảnh. Điều chỉnh mức độ hiệu ứng trong khi nhìn vào màn hình.

Bật Chụp GND trực tiếp

Menu

- MENU →  → 1. Computational Modes → Live GND Shooting

1. Sử dụng Δ ∇ để chọn **[Live GND Shooting]** và nhấn nút **OK**.



Màn hình cài đặt chụp GND trực tiếp

2. Làm nổi **[On]** bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.

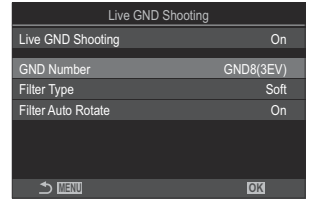
Off	Ảnh được chụp mà không cần chụp GND trực tiếp.
On	Ảnh được chụp bằng chế độ chụp GND trực tiếp.

3. Màn hình hiển thị sẽ trở về màn hình cài đặt Chụp GND trực tiếp.

Cấu hình chụp GND trực tiếp

1. Cấu hình các tùy chọn.

- Nhấn Δ ∇ để chọn một mục và nhấn nút **OK** để hiển thị menu cài đặt.
- Sau khi cấu hình các tùy chọn, nhấn nút **OK** để quay lại màn hình cài đặt Chụp GND trực tiếp.



GND Number	Làm tối (giảm độ sáng) một phần màn hình theo mức đã cấu hình. [GND2(1EV)], [GND4(2EV)], [GND8(3EV)]
Filter Type	Cấu hình phạm vi chuyển màu cho ranh giới giữa các khu vực sẽ được áp dụng hiệu ứng (khu vực tối hơn) và các khu vực sẽ không được áp dụng hiệu ứng (khu vực giữ nguyên độ sáng). [Soft], [Medium], [Hard] [Soft] tạo ra sự chuyển màu rộng hơn [Medium] và có thể làm mờ ranh giới giữa vùng sáng và vùng tối. [Hard] tạo ra sự chuyển màu hẹp hơn [Medium] và làm rõ ranh giới giữa vùng sáng và vùng tối.
Filter Auto Rotate	Chọn xem có xoay góc của ranh giới chuyển màu theo hướng ngang/dọc của máy ảnh hay không. [On]: Góc của ranh giới chuyển màu sẽ tự động thay đổi khi hướng của máy ảnh thay đổi. [Off]: Góc của ranh giới chuyển màu sẽ không thay đổi khi hướng của máy ảnh thay đổi.

Chụp ảnh

1. Nhấn nút **MENU** để đóng màn hình cài đặt Chụp GND trực tiếp và trở về màn hình chụp.

- Số GND đã chọn, loại bộ lọc và ☾ chỉ báo phía mà hiệu ứng được áp dụng sẽ xuất hiện trên màn hình.
- Mặt đen của biểu tượng ☾ là mặt mà hiệu ứng được áp dụng (mặt bị làm mờ).



① Ranh giới

2. Điều chỉnh góc và vị trí của ranh giới trong khi xem trước kết quả trên màn hình hiển thị.

- Điều chỉnh góc ranh giới bằng cách sử dụng nút xoay phía trước và phía sau. Nút xoay phía trước điều chỉnh góc theo mức tăng 15°, nút xoay phía sau điều chỉnh góc theo mức tăng 1°.
- Điều chỉnh vị trí ranh giới bằng phím mũi tên.
- Để thiết lập lại góc và vị trí của ranh giới, hãy nhấn giữ nút **OK**.
- Tốc độ màn trập nhanh nhất khả dụng sẽ thay đổi tùy theo bộ lọc GND được chọn.

[GND2(1EV)]: 1/16000 s

[GND4(2EV)]: 1/8000 s

[GND8(3EV)]: 1/4000 s

- ⓘ Các cài đặt **[Image Aspect]** (P.220) và **[Digital Tele-converter]** (P.261) không được áp dụng cho chế độ xem trực tiếp trên màn hình để điều chỉnh ranh giới (Tuy nhiên, chúng được áp dụng cho hình ảnh đã lưu).
- ⓘ Khi chọn tùy chọn khác ngoài **[4:3]** cho **[Image Aspect]** hoặc **[On]** cho **[Digital Tele-converter]**, khung hình sẽ xuất hiện trên màn hình để cho biết khu vực sẽ được hiển thị trong ảnh chụp.

3. Để điều chỉnh khẩu độ, tốc độ màn trập và các cài đặt chụp khác, hãy nhấn nút **INFO**.

- Máy ảnh sẽ trở về màn hình chụp tiêu chuẩn.
- Để quay lại các cài đặt chụp GND trực tiếp được hiển thị ở Bước 1, hãy nhấn nút **INFO** nhiều lần.

4. Nhả màn trập.


- Để kết thúc chế độ chụp GND trực tiếp, hãy chọn **[Off]** trên màn hình **[Live GND Shooting]**.





⌚ Khi chụp ngay sau khi màn hình chụp xuất hiện hoặc khi đang thực hiện thu phóng, ảnh có thể không được chụp với độ phơi sáng tối ưu. Xem trước kết quả trên màn hình hiển thị trước khi chụp.

⌚ “Nhiều” dưới dạng các đường kẻ có thể xuất hiện trong một bức ảnh có xuất hiện nguồn sáng mạnh.




⌚ Giới hạn trên cho **[ISO]** trong khi chụp GND trực tiếp là ISO 3200. Giới hạn trên là ISO 1600 khi **[Auto]** được chọn cho **[ISO]**.

⌚ Không thể sử dụng tính năng sau:

- Chụp ảnh với đèn flash, HDR, chụp ảnh có độ phân giải cao, chụp ảnh chông hình, bù méo hình thang, chụp bù sáng, xếp chồng lấy nét, chụp ngắt quãng,  quét nhấp nháy, chụp chống nhấp nháy, hiệu chỉnh méo mắt cá và chụp ND trực tiếp, phát hiện chủ thể

⌚ Khi Chụp GND trực tiếp được bật, **[Drive]** được đặt thành **[**] (Ảnh đơn không ồn). Có thể đặt **[ 12s]** (Hẹn giờ im lặng 12 giây), **[ 2s]** (Hẹn giờ im lặng 2 giây) và **[ C]** (Hẹn giờ tùy chỉnh im lặng).

⌚ Ảnh chụp bằng **[i-Enhance]** hoặc bộ lọc nghệ thuật được chọn cho chế độ ảnh sẽ được ghi ở chế độ **[Natural]**.

⌚ Máy ảnh tự động chọn **[S-AF]** cho chế độ AF (P.102) thay cho **[C-AF]** và **[C-AF+TR]**, và **[S-AF **] thay cho **[C-AF **] và **[C-AF+TR **].

⌚ **[ LV Mode]** (P.363) được đặt thành **[Standard]** và **[ Night Vision]** (P.364) được đặt thành **[Off]**.

Tăng độ sâu trường ảnh (Focus Stacking)

P A S M B 

Kết hợp nhiều ảnh để có độ sâu trường ảnh lớn hơn so với khi chụp một bức ảnh duy nhất. Máy ảnh chụp một loạt ảnh ở khoảng cách lấy nét cả trước và sau vị trí lấy nét hiện tại và tạo ra một ảnh duy nhất từ các vùng được lấy nét trong mỗi lần chụp.

Chọn tùy chọn này nếu bạn muốn lấy nét toàn bộ vùng của chủ thể trong ảnh chụp ở khoảng cách gần hoặc khẩu độ rộng (số f thấp). Những ảnh này được chụp ở chế độ im lặng bằng màn trập điện tử.

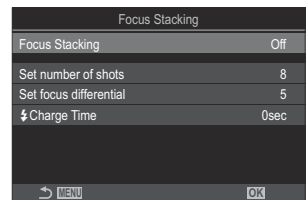
- ⓘ Ảnh tổng hợp được ghi ở định dạng JPEG, bất kể tùy chọn nào được chọn cho chất lượng ảnh.
- ⓘ Ảnh tổng hợp được phóng to 7% theo chiều ngang và chiều dọc.
- ⓘ Quá trình chụp sẽ kết thúc nếu lấy nét hoặc thu phóng được điều chỉnh sau khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ để bắt đầu chụp ảnh xếp chồng lấy nét.
- ⓘ Nếu chụp ảnh xếp chồng lấy nét không thành công, máy ảnh sẽ ghi lại ảnh với số lượng ảnh đã chọn mà không tạo thành ảnh tổng hợp.
- ⓘ Tùy chọn này chỉ khả dụng với các ống kính hỗ trợ xếp chồng lấy nét. Xem trang web của chúng tôi để biết thông tin về các loại ống kính tương thích.
- ⓘ Ảnh chụp bằng bộ lọc nghệ thuật được chọn cho chế độ ảnh sẽ được ghi ở chế độ **[Natural]**.

Menu

- MENU → Ω_2 → 1. Computational Modes → Focus Stacking

Bật Xếp chồng lấy nét

1. Sử dụng $\Delta \nabla$ để chọn **[Focus Stacking]** và nhấn nút **OK**.



Màn hình cài đặt Xếp chồng
lấy nét

2. Làm nổi **[On]** bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.

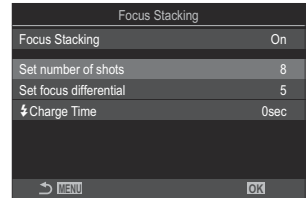
Off	Chụp ảnh mà không sử dụng chức năng này.
On	Ảnh được chụp với độ sâu trường ảnh tăng.

3. Màn hình hiển thị sẽ trở về màn hình cài đặt Xếp chồng lấy nét.

Cấu hình Xếp chồng lấy nét

1. Cấu hình các tùy chọn.


- Nhấn Δ ∇ để chọn một mục và nhấn nút **OK** để hiển thị menu cài đặt.
- Sau khi cấu hình các tùy chọn, nhấn nút **OK** để quay lại màn hình cài đặt Xếp chồng lấy nét.



Set number of shots	Chọn số lượng ảnh cần chụp với vị trí lấy nét thay đổi. [3] – [15]
Set focus differential	Chọn mức độ máy ảnh sẽ thay đổi tiêu điểm lấy nét cho mỗi lần chụp. [1] – [10]
ζ Charge Time	Chọn thời gian chờ của máy ảnh khi chờ đèn flash sạc giữa các lần chụp khi sử dụng thiết bị đèn flash không được thiết kế dành riêng cho máy ảnh. [0sec] / [0.1sec] / [0.2sec] / [0.5sec] / [1sec] / [2sec] / [4sec] / [8sec] / [15sec] / [30sec]

Chụp ảnh

1. Nhấn nút **MENU** để đóng màn hình cài đặt Xếp chồng lấy nét và trở về màn hình chụp.

-  sẽ xuất hiện trên màn hình.
- Chế độ ảnh sẽ được đặt thành **[Natural]**.
- Khung hình hiển thị phần cắt cuối cùng sẽ được hiển thị trên màn hình hiển thị. Bố cục ảnh sao cho chủ thể của bạn nằm trong khung hình.




2. Nhả màn trập.

- Máy ảnh sẽ tự động chụp ảnh với số lượng ảnh đã chọn khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ.

ⓘ Khi **[Focus Stacking]** được đặt thành **[On]**, **[Flash Mode]** trong **[Silent ♥ Settings]** (P.200) sẽ trở thành **[Allow]**.

ⓘ Tốc độ đồng bộ đèn flash được đặt thành 1/100 s. Tốc độ này sẽ được đặt thành 1/50 s khi **[ISO]** từ 16000 trở lên.

ⓘ Không thể sử dụng tính năng sau:

- HDR, chụp ảnh có độ phân giải cao, chụp ảnh chồng hình, bù méo hình thang, chụp bù sáng, chụp ngắt quãng,  quét nhấp nháy, hiệu chỉnh méo mắt cá, chụp ND trực tiếp, và chụp GND trực tiếp.

👉 Bạn nên sử dụng điều khiển từ xa tùy chọn (P.457) để giảm hiện tượng mờ nhòe ảnh do rung máy. Trong **[Silent ♥ Settings]** (P.200), bạn có thể chọn thời gian chờ của máy ảnh để nhả cửa trập sau khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ.

Chụp ảnh HDR (Dải tương phản rộng) (HDR)

P A S M B 

Máy ảnh thay đổi độ phơi sáng qua một loạt ảnh chụp, chọn từ mỗi dải tông màu có mức độ chi tiết cao nhất, và kết hợp chúng để tạo ra một bức ảnh duy nhất có dải động rộng. Nếu ảnh có chủ thể với độ tương phản cao, các chi tiết thường bị mất trong vùng tối hoặc vùng sáng sẽ được giữ lại.

① Sử dụng giá ba chân hoặc áp dụng biện pháp tương tự để cố định máy ảnh tại chỗ.

Menu

• MENU →  → 1. Computational Modes → HDR

Off	HDR bị vô hiệu hóa.
HDR1	Mỗi lần bạn chụp ảnh, máy ảnh sẽ chụp một loạt ảnh với nhiều mức phơi sáng khác nhau và kết hợp chúng thành một bức ảnh duy nhất. Chọn [HDR1] để có kết quả trông tự nhiên, [HDR2] để có hiệu ứng giống tranh vẽ hơn.
HDR2	<ul style="list-style-type: none">• [ISO] được cố định ở ISO 200.• Tốc độ màn trập có thể chậm tới 4 giây. Quá trình chụp sẽ tiếp tục trong tối đa 15 giây.• Chế độ ảnh được cố định ở [Natural] và không gian màu ở [sRGB].• Hình ảnh được xử lý HDR được ghi ở định dạng JPEG. Ảnh chụp bằng [RAW] đặt cho chất lượng ảnh sẽ được ghi ở định dạng RAW + JPEG.
3f 2.0EV	Mỗi lần bạn chụp ảnh, máy ảnh sẽ thay đổi độ phơi sáng qua một loạt ảnh. Các bức ảnh sẽ không được kết hợp để tạo thành một bức ảnh duy nhất. Tuy nhiên, các ảnh chụp có thể được kết hợp bằng phần mềm HDR trên máy tính hoặc các thiết bị khác.
5f 2.0EV	
7f 2.0EV	
3f 3.0EV	<p>3f 2.0EV</p> <p>① Số lần chụp ② Phạm vi phơi sáng</p>
5f 3.0EV	

- “HDR” sẽ xuất hiện trên màn hình.



1. Nhả màn trập.

- Mỗi lần bạn nhấn nút chụp, máy ảnh sẽ chụp với số lượng ảnh đã chọn.
- Ở chế độ **[HDR1]** và **[HDR2]**, máy ảnh sẽ tự động kết hợp các bức ảnh thành một bức ảnh duy nhất.
- Bù phơi sáng không khả dụng ở chế độ **P**, **A**, và **S**.


- ⓘ Ảnh hiển thị trên màn hình hoặc kính ngắm trong khi chụp sẽ khác với ảnh HDR cuối cùng.
- ⓘ Nhiều có thể xuất hiện trong ảnh cuối cùng khi chọn tốc độ màn trập chậm hơn ở chế độ **[HDR1]** hoặc **[HDR2]**.
- ⓘ Khi **[HDR1]** hoặc **[HDR2]** được bật, **[Drive]** được đặt thành **[♥□]** (Ảnh đơn không ồn). Có thể đặt **[♥☺12s]** (Hẹn giờ im lặng 12 giây), **[♥☺2s]** (Hẹn giờ im lặng 2 giây) và **[♥☺C]** (Hẹn giờ tùy chỉnh im lặng).
- ⓘ Không thể sử dụng tính năng sau:
 - chụp ảnh với đèn flash, chụp bù sáng, xếp chồng lấy nét, chụp ảnh chồng hình, chụp ngắt quãng, bù méo hình thang, chụp ND trực tiếp, hiệu chỉnh méo mắt cá, chụp ảnh có độ phân giải cao, và chụp GND trực tiếp

Ghi nhiều ảnh chồng hình trong một ảnh duy nhất (Multiple Exposure)


PASMB 

Chụp hai bức ảnh và ghép chúng thành một bức ảnh duy nhất. Ngoài ra, bạn có thể chụp một bức ảnh và kết hợp nó với một bức ảnh có sẵn được lưu trữ trên thẻ nhớ.

Ảnh kết hợp được ghi lại ở cài đặt chất lượng ảnh hiện tại. Chỉ ảnh RAW mới có thể được chọn cho chế độ chụp ảnh chồng hình bao gồm ảnh hiện có.

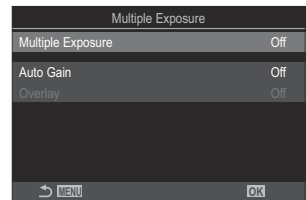
🔗 Nếu bạn ghi một ảnh được chụp ảnh chồng hình với RAW được chọn cho , bạn có thể chọn ảnh đó cho chụp ảnh chồng hình tiếp theo bằng cách sử dụng **[Overlay]**, cho phép bạn tạo nhiều ảnh chồng hình kết hợp ba hoặc nhiều bức ảnh.

Menu

• MENU →  → 1. Computational Modes → Multiple Exposure

Bật Chụp ảnh chồng hình

1. Sử dụng $\Delta \nabla$ để chọn **[Multiple Exposure]** và nhấn nút **OK**.



Màn hình cài đặt Chụp ảnh chồng hình

2. Làm nổi **[On]** bằng các nút $\Delta \nabla$ và nhấn nút **OK**.

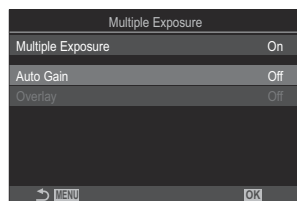
Off	Chụp ảnh mà không sử dụng chức năng này.
On	Tạo ảnh chồng hình từ 2 bức ảnh.

3. Màn hình hiển thị sẽ trở về màn hình cài đặt Chụp ảnh chồng hình.

Cấu hình Chụp ảnh chồng hình

1. Cấu hình các tùy chọn.

- Nhấn $\Delta \nabla$ để chọn một mục và nhấn nút **OK** để hiển thị menu cài đặt.
- Sau khi cấu hình các tùy chọn, nhấn nút **OK** để quay lại màn hình cài đặt Chụp ảnh chồng hình.



Auto Gain	[Off] : Không điều chỉnh độ sáng của ảnh khi chụp ảnh chồng hình. [On] : Giảm một nửa độ sáng của mỗi ảnh trong chụp ảnh chồng hình.
Overlay	[Off] : Tạo ảnh chồng hình từ 2 bức ảnh chụp tiếp theo. [On] : Chụp ảnh chồng hình bao gồm cả ảnh RAW có sẵn được lưu trữ trên thẻ nhớ. <ul style="list-style-type: none">• [Overlay] chỉ khả dụng khi chọn [On] cho [Multiple Exposure].





Chụp ảnh

1. Nhấn nút **MENU** để đóng màn hình cài đặt Chụp ảnh chồng hình và trở về màn hình chụp.

- Biểu tượng  sẽ được hiển thị.



2. Nhà màn trập.

- Ảnh đầu tiên sẽ hiển thị chồng lên ảnh nhìn qua ống kính khi bạn định bố cục cho ảnh tiếp theo.
- Biểu tượng  chuyển sang màu xanh lá.
- Thông thường, ảnh từ chụp ảnh chồng hình sẽ được tạo sau khi chụp xong ảnh thứ hai.
- Nhấn nút  cho phép bạn lấy lại ảnh đầu tiên.
- Nhấn nút **MENU** hoặc nhấn nút  để kết thúc chế độ chụp ảnh chồng hình.
- Biểu tượng  sẽ biến mất khỏi màn hình hiển thị khi chế độ chụp ảnh chồng hình kết thúc.


Khi [Overlay] được đặt

Khi chọn **[On]** cho **[Overlay]**, danh sách ảnh sẽ được hiển thị.

1. Làm nổi ảnh bằng các nút và nhấn nút **OK**.

- Chỉ có thể chọn ảnh RAW.

2. Nhấn nút **MENU** để thoát khỏi menu.

- Biểu tượng  sẽ được hiển thị.
- Ảnh được chọn sẽ được chồng lên màn hình.

3. Nhà màn trập.

- Bạn có thể thêm ảnh để chồng lên ảnh đã chọn trước đó.

① Máy ảnh sẽ không chuyển sang chế độ ngủ trong quá trình chụp ảnh chồng hình.


① Ảnh chụp bằng máy ảnh khác không thể sử dụng cho chế độ ảnh chồng hình.

① Ảnh RAW chụp bằng chế độ Chụp ảnh có độ phân giải cao không thể sử dụng cho chế độ ảnh chồng hình.

① Các ảnh RAW được liệt kê trong màn hình lựa chọn ảnh khi **[On]** được chọn cho **[Overlay]** là những ảnh được xử lý bằng các cài đặt tại thời điểm chụp ảnh.

① Thoát khỏi chế độ chụp ảnh chồng hình trước khi điều chỉnh cài đặt chụp. Một số cài đặt không thể điều chỉnh khi chế độ chụp ảnh chồng hình đang hoạt động.

① Thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây sau khi chụp ảnh đầu tiên sẽ kết thúc chế độ chụp ảnh chồng hình:

- tắt máy ảnh, nhấn nút  hoặc **MENU**, chọn chế độ chụp khác hoặc kết nối với bất kỳ loại cáp nào. Chế độ chụp ảnh chồng hình cũng sẽ bị hủy khi hết pin.

- ⚠ Màn hình lựa chọn ảnh cho **[Overlay]** hiển thị các bản sao JPEG của ảnh chụp với RAW + JPEG được chọn cho chất lượng ảnh.
- ⚠ Chụp ảnh tổng hợp trực tiếp (**[Live Comp]**) không khả dụng ở chế độ **B**.
- ⚠ Các chức năng sau đây không thể sử dụng trong quá trình chụp ảnh chồng hình.
 - HDR, chụp bù sáng, chụp ảnh chồng hình, chụp ngắt quãng, bù méo hình thang, chụp ND trực tiếp, hiệu chỉnh méo mắt cá, chụp ảnh độ phân giải cao, và chụp GND trực tiếp.
- 🔄 Hình ảnh được chụp bằng RAW được chọn cho **[📷 ⏪]** cũng có thể được chồng lên trong khi phát lại. 🖱️ ["Kết hợp ảnh \(Image Overlay\)" \(P.325\)](#)

Thu phóng kỹ thuật số (📷 Digital Tele-converter / 📷 Digital Tele-converter)

P A S M B 📷

Tùy chọn này sẽ cắt phần ở giữa khung hình theo cùng kích thước với tùy chọn kích cỡ hiện đang được chọn cho chất lượng ảnh và phóng to để lấp đầy màn hình. Chức năng này cho phép bạn phóng to vượt quá độ dài tiêu cự tối đa của ống kính, là lựa chọn tốt khi bạn không thể chuyển đổi ống kính hoặc gặp khó khăn khi đến gần chủ thể.

Menu

- MENU → 📷₂ → 2. Other Shooting Functions → 📷 Digital Tele-converter
- MENU → 📷 → 1. Basic Settings/Image Quality → 📷 Digital Tele-converter

Off	Chụp ảnh mà không sử dụng chức năng này.
On	Ảnh được ghi lại được phóng to (Ảnh tĩnh: 2x, Phim: 1.4x).

- Khi chọn **[On]**, một biểu tượng sẽ hiển thị, và khi bật chế độ xem trực tiếp, biểu tượng sẽ được phóng to.
- Kích thước của mục tiêu AF (P.108) tăng lên và số lượng của chúng giảm đi.



- Ảnh JPEG sẽ được ghi với tỷ lệ thu phóng đã chọn. Đối với ảnh RAW, sẽ có một khung hình thể hiện phần cắt phóng to. Khung hình thể hiện phần cắt phóng to sẽ được hiển thị trên ảnh trong khi phát lại.
- ① Ở chế độ chụp ảnh tĩnh, không thể sử dụng các tính năng sau: chụp ảnh chồng hình, bù méo hình thang, và hiệu chỉnh méo mắt cá.
 - ① Ở chế độ quay phim, chức năng này không thể sử dụng khi quay phim tốc độ cao.
 - ① Không thể sử dụng chức năng này khi xuất tín hiệu HDMI ở dạng **[RAW]** (P.287).
 - ① Bạn không thể phóng to trên màn hình hiển thị khi **[📷 Digital Tele-converter]** được đặt thành **[On]**. 📷 "Xem trước chủ thể (📷)" (P.56), "AF khung thu phóng/AF thu phóng (AF siêu tâm điểm)" (P.113), "Hỗ trợ lấy nét thủ công (MF Assist)" (P.147)

Chụp tự động theo khoảng thời gian cố định (Interval Shooting)

PASMB 

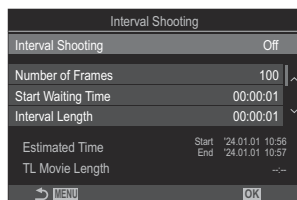
Bạn có thể đặt máy ảnh để chụp tự động với khoảng thời gian cài sẵn. Các khung hình chụp cũng có thể được ghi lại thành một đoạn phim duy nhất.

Menu

- MENU →  → 2. Other Shooting Functions → Interval Shooting

Bật Chụp ngắt quãng

1. Sử dụng Δ ∇ để chọn **[Interval Shooting]** và nhấn nút **OK**.



Màn hình cài đặt Chụp ngắt quãng

2. Làm nổi **[On]** bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.

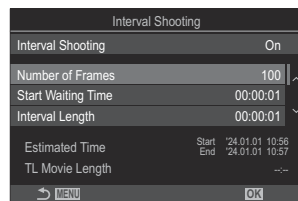
Off	Chụp ảnh mà không sử dụng chức năng này.
On	Ảnh được chụp theo những khoảng thời gian đã chỉ định.

3. Màn hình hiển thị sẽ trở về màn hình cài đặt Chụp ngắt quãng.

Cấu hình Chụp ngắt quãng

1. Cấu hình các tùy chọn.

- Nhấn Δ ∇ để chọn một mục và nhấn nút **OK** để hiển thị menu cài đặt.
- Sau khi cấu hình các tùy chọn, nhấn nút **OK** để quay lại màn hình cài đặt Chụp ngắt quãng.



Number of Frames	Chọn số lượng khung hình chụp. [002] – [9999]
Start Waiting Time	Chọn thời gian chờ của máy ảnh trước khi bắt đầu chụp ngắt quãng và chụp ảnh đầu tiên. [00:00:00] – [24:00:00]
Interval Length	Chọn thời gian chờ của máy ảnh giữa các lần chụp sau khi bắt đầu chụp. [00:00:01] – [24:00:00]
Interval Mode	Chọn xem ưu tiên theo khoảng thời gian hay số lượng khung hình. [Time Priority]/[Frames Priority] Nếu [Time Priority] được chọn, lần chụp trước đó có thể vẫn đang diễn ra ngay cả khi đã đến thời gian chụp ảnh tiếp theo. Khi [Interval Length] được chọn bị ngắn hoặc khi sử dụng phơi sáng lâu, số khung hình được ghi lại có thể ít hơn số lượng khung hình được chọn cho [Number of Frames]
Exposure Smoothing	Chọn xem có làm mượt cài đặt phơi sáng cho tất cả khung hình không. Sự thay đổi độ phơi sáng sẽ diễn ra mượt mà trong phim tua nhanh thời gian. [Off]/[On]
Time Lapse Movie	Chọn xem có cho phép máy ảnh quay phim tua nhanh thời gian hay không. [Off]: Máy ảnh sẽ lưu từng cảnh quay riêng lẻ nhưng không sử dụng chúng để tạo thành phim tua nhanh thời gian. [On]: Máy ảnh sẽ ghi lại từng cảnh quay riêng lẻ và sử dụng chúng để tạo thành phim tua nhanh thời gian.

Movie Settings

Chọn kích thước khung hình (**[Movie Resolution]**) và tốc độ khung hình (**[Frame Rate]**) cho phim được tạo bằng **[Time Lapse Movie]**.


Các tùy chọn khả dụng cho **[Movie Resolution]** là:
[4K], [FullHD], [HD]

Chọn **[Frame Rate]** từ các tùy chọn sau.
[30fps], [15fps], [10fps], [5fps]

⚠ **[Start Waiting Time]**, **[Interval Length]** và **[Estimated Time]** có thể thay đổi tùy thuộc vào cài đặt chụp. Chỉ sử dụng những hướng dẫn này để tham khảo.

Chụp ảnh



1. Nhấn nút **MENU** để đóng màn hình cài đặt Chụp ngắt quãng và trở về màn hình chụp.

- Biểu tượng  và số lượng khung hình đã chọn sẽ xuất hiện trên màn hình chụp.



2. Nhả màn trập.

- Số lượng khung hình đã chỉ định sẽ được chụp tự động.

- Biểu tượng  sẽ chuyển sang màu xanh lá và số lượng ảnh còn lại sẽ được hiển thị.
- Chức năng quay tua nhanh thời gian sẽ bị hủy nếu thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây:
Nút xoay chế độ, nút **MENU**, nút , nút tháo ống kính, hoặc kết nối với máy tính bằng cáp USB.
- Tắt máy ảnh sẽ kết thúc chế độ chụp ngắt quãng.

⚠ Ảnh vẫn được chụp ngay cả khi ảnh không được lấy nét sau khi sử dụng AF. Nếu bạn muốn cố định vị trí lấy nét, hãy chụp ở chế độ MF.

⚠ **[Image Review]** (P.57) được cố định ở mức 0,5 giây.

- ⌚ Nếu thời gian cho đến khi chụp hoặc khoảng thời gian giữa các lần chụp là từ 1 phút 31 giây trở lên, màn hình sẽ tối lại và máy ảnh sẽ chuyển sang chế độ ngủ nếu không có thao tác nào được thực hiện trong 1 phút. Màn hình hiển thị sẽ tự động bật lên 10 giây trước khi bắt đầu lượt chụp tiếp theo. Bạn cũng có thể bật lại màn hình bất cứ lúc nào bằng cách nhấn nút chụp.
- ⌚ Máy ảnh tự động chọn **[S-AF]** cho chế độ AF (P.102) thay cho **[C-AF]** và **[C-AF+TR]**, và **[S-AF MF]** thay cho **[C-AF MF]** và **[C-AF+TR MF]**.
- ⌚ Khi chọn **[*AF]** làm chế độ AF, (P.102), hãy lấy nét để bắt đầu chụp, sau đó khóa lấy nét và bắt đầu ghi.
- ⌚ Các thao tác chạm sẽ bị vô hiệu hóa trong quá trình quay tua nhanh thời gian.
- ⌚ Tua nhanh thời gian không thể kết hợp với chụp HDR, chụp bù sáng, xếp chồng lấy nét, chụp ảnh chồng hình, chụp ND trực tiếp, hoặc chụp GND trực tiếp.
- ⌚ Đèn flash sẽ không hoạt động nếu thời gian sạc đèn flash lâu hơn khoảng thời gian giữa các lần chụp.
- ⌚ Khi chọn 1000 hoặc số lớn hơn cho **[Number of Frames]**, **[Time Lapse Movie]** sẽ được đặt thành **[Off]**.
- ⌚ Khi **[High Res Shot]** được đặt thành **[On]** (giá ba chân), **[Time Lapse Movie]** sẽ trở thành **[Off]**.
- ⌚ Nếu bất kỳ ảnh tĩnh nào không được ghi đúng, phim tua nhanh thời gian sẽ không được tạo ra.
- ⌚ Nếu thẻ nhớ không đủ dung lượng, phim tua nhanh thời gian sẽ không được ghi lại.
- ⌚ Nếu pin bị yếu, quá trình chụp có thể bị dừng giữa chừng. Sử dụng pin đã sạc đầy hoặc kết nối bộ chuyển đổi USB-AC (P.26) hoặc pin di động đạt tiêu chuẩn USB-PD với máy ảnh khi chụp.

Hiệu chỉnh méo hình thang và kiểm soát phối cảnh (Keystone Comp.)

PASMB 

Hiện tượng méo hình thang ảnh hưởng đến độ dài tiêu cự ống kính và khoảng cách gần chủ thể có thể được hiệu chỉnh hoặc tăng cường để phóng đại hiệu ứng của phối cảnh. Có thể xem trước bù méo hình thang trên màn hình trong khi chụp. Hình ảnh đã hiệu chỉnh được tạo ra từ phần cắt nhỏ hơn, làm tăng nhẹ tỷ lệ thu phóng hiệu quả.

Menu




- MENU →  → 2. Other Shooting Functions → Keystone Comp.

Off	Bù méo hình thang không được áp dụng.
On	Bù méo hình thang được áp dụng.


- Khi bạn chọn **[On]**, biểu tượng bù méo hình thang sẽ hiển thị và các thanh trượt xuất hiện trên màn hình.







1. Lấy khung hình và điều chỉnh bù méo hình thang trong khi xem chủ thể trên màn hình hiển thị.

- Xoay nút xoay phía trước để điều chỉnh theo chiều ngang và nút xoay phía sau để điều chỉnh theo chiều dọc.
- Sử dụng   để định vị phần cắt. Hướng có thể di chuyển phần cắt được hiển thị bằng biểu tượng .
- Để hủy thay đổi, hãy nhấn giữ nút **OK**.

2. Để điều chỉnh khẩu độ, tốc độ màn trập và các cài đặt chụp khác, hãy nhấn nút **INFO**.

- Máy ảnh sẽ trở về màn hình chụp tiêu chuẩn.
- Biểu tượng  được hiển thị khi chức năng bù méo hình thang được bật. Biểu tượng này sẽ được hiển thị màu xanh lá nếu đã có điều chỉnh trong cài đặt bù méo hình thang.
- Để quay lại cài đặt bù méo hình thang được hiển thị ở Bước 1, hãy nhấn nút **INFO** nhiều lần.

3. Nhà màn trập.

- ① Ảnh có thể trông “nhiều hạt” tùy thuộc vào mức độ bù đã thực hiện. Mức độ bù cũng quyết định mức độ phóng to của ảnh khi cắt và liệu có thể di chuyển phần cắt hay không.
- ① Tùy thuộc vào mức độ bù, bạn có thể không thể định vị lại phần cắt.
- ① Tùy thuộc vào mức độ bù được thực hiện, mục tiêu AF đã chọn có thể không nhìn thấy trên màn hình. Nếu mục tiêu AF nằm ngoài khung hình, hướng của nó sẽ được thể hiện bằng biểu tượng , , , hoặc  hoặc trên màn hình hiển thị.
- ① Ảnh chụp bằng **[RAW]** đặt cho chất lượng ảnh sẽ được ghi ở định dạng RAW + JPEG.
- ① Không thể sử dụng tính năng sau:
 - chụp ảnh tổng hợp trực tiếp, chụp nhanh liên tục, chụp bù sáng, xếp chồng lấy nét, HDR, chụp ảnh chồng hình, chụp ND trực tiếp, bù méo mắt cá, chuyển đổi tele kỹ thuật số, quay phim, các chế độ AF **[C-AF]**, **[C-AFMF]**, **[C-AF+TR]**, và **[C-AF+TRMF]**, bộ lọc nghệ thuật, hẹn giờ tùy chỉnh, và chụp ảnh có độ phân giải cao, chụp GND trực tiếp và phát hiện chủ thể.
- ① Bộ chuyển đổi ống kính có thể không mang lại kết quả mong muốn.
- ① Hãy đảm bảo cung cấp dữ liệu **[Image Stabilizer]** cho các ống kính không thuộc nhóm Four Thirds hoặc Micro Four Thirds (P.206).

Nếu có thể, bù méo hình thang sẽ được thực hiện bằng cách sử dụng độ dài tiêu cự được cung cấp cho **[Image Stabilizer]** (P.206) hoặc **[Lens Info Settings]** (P.395).


Hiệu chỉnh méo mắt cá (Fisheye Compensation)

PASMB 

Hiệu chỉnh biến dạng do ống kính mắt cá gây ra để ảnh trông giống như được chụp bằng ống kính góc rộng. Có thể chọn mức độ hiệu chỉnh ở ba mức khác nhau. Bạn cũng có thể đồng thời chọn hiệu chỉnh biến dạng đối với ảnh chụp dưới nước.

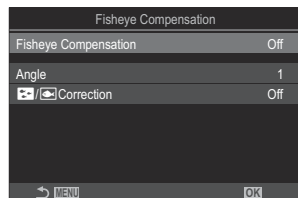
- Tùy chọn này chỉ khả dụng với ống kính mắt cá tương thích.
Tính đến tháng 1 năm 2024, có thể sử dụng với ống kính M.ZUIKO DIGITAL ED 8mm F1.8 Fisheye PRO.

Menu

- MENU →  → 2. Other Shooting Functions → Fisheye Compensation

Bật Bù mắt cá

- Sử dụng Δ ∇ để chọn **[Fisheye Compensation]** và nhấn nút **OK**.



Màn hình cài đặt Bù mắt cá

- Làm nổi **[On]** bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.

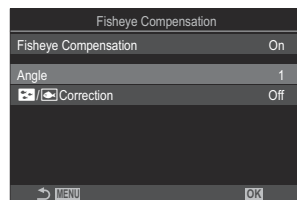
Off	Chụp ảnh mà không sử dụng chức năng này.
On	Ảnh được chụp có sử dụng bù mắt cá.



- Màn hình hiển thị sẽ trở về màn hình cài đặt Bù mắt cá.

Cấu hình Bù mắt cá

1. Cấu hình các tùy chọn.


- Nhấn Δ ∇ để chọn một mục và nhấn nút **OK** để hiển thị menu cài đặt.
- Sau khi cấu hình các tùy chọn, nhấn nút **OK** để quay lại màn hình cài đặt Bù mắt cá.



Angle	Khi thực hiện hiệu chỉnh mắt cá, ảnh sẽ được cắt để loại bỏ các vùng bị tối. Chọn từ ba kiểu cắt khác nhau. [1] / [2] / [3]
 /  Correction	Chọn xem có hiệu chỉnh biến dạng trong ảnh chụp dưới nước hay không, ngoài hiệu chỉnh bằng cách sử dụng [Angle] . [Off]/[On]

Chụp ảnh

1. Nhấn nút **MENU** để đóng màn hình cài đặt Bù mắt cá và trở về màn hình chụp.

- Khi bật chức năng bù mắt cá, biểu tượng  sẽ được hiển thị cùng với kiểu cắt đã chọn.



2. Nhả màn trập.

- ① Ảnh chụp bằng **[RAW]** đặt cho chất lượng ảnh sẽ được ghi ở định dạng RAW + JPEG. Chức năng bù mắt cá không được áp dụng cho ảnh RAW.
- ① Chức năng lấy nét đỉnh không khả dụng trên màn hình hiển thị bù mắt cá.
- ① Việc lựa chọn mục tiêu AF bị giới hạn ở các chế độ **[•]** Single and **[#]** Small.

⚠ Không thể sử dụng tính năng sau:

- chụp ảnh tổng hợp trực tiếp, chụp nhanh liên tục, chụp bù sáng, xếp chồng lấy nét, HDR, chụp ảnh chồng hình, chụp ND trực tiếp, bù méo hình thang, chuyển đổi tele kỹ thuật số, quay phim, các chế độ AF **[C-AF]**, **[C-AF MF]**, **[C-AF+TR]**, và **[C-AF+TR MF]**, bộ lọc nghệ thuật, hẹn giờ tùy chỉnh, và chụp ảnh có độ phân giải cao, chụp GND trực tiếp và phát hiện chủ thể.

Cấu hình cài đặt BULB/THỜI GIAN/TỔNG HỢP (BULB/TIME/COMP Settings)

PASMB 

Đặt các mục liên quan đến chụp ảnh bulb/thời gian/tổng hợp.

Menu

- MENU →  → 2. Other Shooting Functions → BULB/TIME/COMP Settings

1. Cấu hình các tùy chọn.

- Nhấn $\Delta \nabla$ để chọn một mục và nhấn nút **OK** để hiển thị menu cài đặt.

BULB/TIME/COMP Settings	My
Bulb/Time Focusing	On
Bulb/Time Timer	8min
Live Composite Timer	3h
Bulb/Time Monitor	-7
Live Bulb	Off
Live Time	0.5sec
Composite Settings	1/2sec
→ MENU	OK

Bulb/Time Focusing	Cho phép lấy nét thủ công ở chế độ B (bulb). Bạn có thể chụp ảnh bằng các kỹ thuật như làm cho chủ thể mất nét trong quá trình phơi sáng hoặc lấy nét vào cuối quá trình phơi sáng. [Off] : Tắt lấy nét thủ công trong quá trình phơi sáng. [On] : Cho phép lấy nét thủ công trong quá trình phơi sáng.
Bulb/Time Timer	Chỉ định độ dài tối đa của chụp ảnh bulb/time. [30min] / [25min] / [20min] / [15min] / [8min] / [4min] / [2min] / [1min]
Live Composite Timer	Chỉ định độ dài tối đa của chụp ảnh tổng hợp trực tiếp. [6h] / [5h] / [4h] / [3h] / [2h] / [1h] / [30min] / [25min] / [20min] / [15min] / [8min] / [4min]
Bulb/Time Monitor	Chỉ định độ sáng màn hình hiển thị ở chế độ B (bulb). [-7] – [±0] – [+7]
Live Bulb	Chọn khoảng thời gian hiển thị trong quá trình chụp ảnh bulb. Số lần cập nhật có hạn. Chọn [Off] để tắt màn hình hiển thị. [60sec] / [30sec] / [15sec] / [8sec] / [4sec] / [2sec] / [1sec] / [0.5sec] / [Off]

Live Time	<p>Chọn khoảng thời gian hiển thị trong quá trình chụp ảnh time. Số lần cập nhật có hạn. Chọn [Off] để tắt màn hình hiển thị.</p> <p>[60sec] / [30sec] / [15sec] / [8sec] / [4sec] / [2sec] / [1sec] / [0.5sec] / [Off]</p>
Composite Settings	<p>Đặt thời gian phơi sáng làm tham chiếu trong chụp ảnh tổng hợp.</p> <p>[60sec] / [50sec] / [40sec] / [30sec] / [25sec] / [20sec] / [15sec] / [13sec] / [10sec] / [8sec] / [6sec] / [5sec] / [4sec] / [3.2sec] / [2.5sec] / [2sec] / [1.6sec] / [1.3sec] / [1sec] / [1/1.3sec] / [1/1.6sec] / [1/2sec]</p>

Ghi một loạt ảnh với mức phơi sáng khác nhau (AE BKT)

PASMB 

Thay đổi phơi sáng trên một loạt ảnh chụp. Bạn chọn mức độ thay đổi và số lượng ảnh chụp. Máy ảnh sẽ chụp một loạt ảnh với các cài đặt phơi sáng khác nhau. Máy ảnh sẽ chụp ảnh trong khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ và dừng lại khi đạt số lượng ảnh chụp đã chọn.

Menu

• MENU →  → 3. Bracketing → AE BKT

Off	Chụp ảnh mà không sử dụng chức năng này.
3f 0.3EV	Chụp 3 ảnh với mức chụp bù sáng là 0,3 EV.
3f 0.5EV	Chụp 3 ảnh với mức chụp bù sáng là 0,5 EV.
3f 0.7EV	Chụp 3 ảnh với mức chụp bù sáng là 0,7 EV.
3f 1.0EV	Chụp 3 ảnh với mức chụp bù sáng là 1,0 EV.
5f 0.3EV	Chụp 5 ảnh với mức chụp bù sáng là 0,3 EV.
5f 0.5EV	Chụp 5 ảnh với mức chụp bù sáng là 0,5 EV.
5f 0.7EV	Chụp 5 ảnh với mức chụp bù sáng là 0,7 EV.
5f 1.0EV	Chụp 5 ảnh với mức chụp bù sáng là 1,0 EV.
7f 0.3EV	Chụp 7 ảnh với mức chụp bù sáng là 0,3 EV.
7f 0.5EV	Chụp 7 ảnh với mức chụp bù sáng là 0,5 EV.
7f 0.7EV	Chụp 7 ảnh với mức chụp bù sáng là 0,7 EV.

"BKT" sẽ được hiển thị màu xanh lá cho đến khi tất cả các ảnh trong chuỗi chụp bù sáng được chụp xong. Ảnh đầu tiên được chụp ở cài đặt phơi sáng hiện tại, những ảnh tiếp sau đó sẽ có độ phơi sáng giảm và sau cùng là những ảnh có độ phơi sáng tăng.

Các cài đặt được sử dụng để thay đổi phơi sáng sẽ khác nhau tùy theo chế độ chụp.

P (program AE)	Cả khẩu độ và tốc độ màn trập
A (aperture-priority AE)	Tốc độ màn trập
S (shutter-priority AE)	Khẩu độ
M (manual)	<ul style="list-style-type: none">• Tốc độ màn trập (khi [ISO] không được đặt thành [Auto])• Độ nhạy ISO (khi [ISO] được đặt thành [Auto])

- Nếu bật bù phơi sáng trước khi bắt đầu chụp, máy ảnh sẽ thay đổi phơi sáng xấp xỉ giá trị đã chọn.
- Thay đổi tùy chọn được chọn cho **[EV Step]** (P.157) sẽ thay đổi các tùy chọn khả dụng cho mức chụp bù sáng.

ⓘ Không thể kết hợp cài đặt này với chụp bù sáng đèn flash (P.276) hoặc chụp bù sáng lấy nét (P.280).

Ghi ảnh với cân bằng trắng thay đổi (WB BKT)

P A S M B 

Máy ảnh sẽ thay đổi cân bằng trắng để ghi một loạt ảnh. Bạn chọn trực màu và mức chụp bù sáng. Toàn bộ loạt ảnh được chụp chỉ với một lần nhấn nút chụp. Máy ảnh sẽ chụp một ảnh khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ và tự động xử lý để ghi ảnh.

Menu

- **MENU** →  → 3. Bracketing → WB BKT

A-B	Chọn mức chụp bù sáng cho trực A-B (hỗ phách-xanh dương). [Off] / [3f 2Step] / [3f 4Step] / [3f 6Step]
G-M	Chọn mức chụp bù sáng cho trực G-M (xanh lá-hồng tím). [Off] / [3f 2Step] / [3f 4Step] / [3f 6Step]

Ba ảnh được tạo cho mỗi trực màu.

Bản sao đầu tiên được ghi ở cài đặt cân bằng trắng hiện tại, bản sao thứ hai sử dụng giá trị bù âm, và bản sao thứ ba sử dụng giá trị bù dương.

Nếu tinh chỉnh cân bằng trắng được bật trước khi bắt đầu chụp, máy ảnh sẽ thay đổi cân bằng trắng xấp xỉ giá trị đã chọn.


⚠ Không thể kết hợp cài đặt này với chụp bù sáng bộ lọc nghệ thuật ([P.278](#)) hoặc chụp bù sáng lấy nét ([P.280](#)).

Ghi ảnh với mức đèn flash thay đổi (FL BKT)

P A S M B 

Máy ảnh sẽ thay đổi mức đèn flash (công suất) trên một loạt ảnh chụp. Bạn chọn mức độ thay đổi. Máy ảnh sẽ chụp một bức ảnh ở mức đèn flash mới mỗi khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ. Chụp bù sáng kết thúc sau khi chụp đủ số lượng ảnh yêu cầu. Ở chế độ chụp nhanh liên tục, máy ảnh sẽ chụp ảnh trong khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ và dừng lại khi đạt đủ số lượng ảnh yêu cầu.


Menu

• MENU →  → 3. Bracketing → FL BKT

Off	Chụp ảnh mà không sử dụng chức năng này.
3f 0.3EV	Chụp 3 ảnh với mức chụp bù sáng là 0,3 EV.
3f 0.5EV	Chụp 3 ảnh với mức chụp bù sáng là 0,5 EV.
3f 0.7EV	Chụp 3 ảnh với mức chụp bù sáng là 0,7 EV.
3f 1.0EV	Chụp 3 ảnh với mức chụp bù sáng là 1,0 EV.

“BKT” sẽ được hiển thị màu xanh lá cho đến khi tất cả các ảnh trong chuỗi chụp bù sáng được chụp xong. Ảnh đầu tiên được chụp ở cài đặt đèn flash hiện tại, tiếp theo là ảnh với công suất đèn flash giảm và sau cùng là ảnh với công suất đèn flash tăng.

Nếu bật bù đèn flash trước khi bắt đầu chụp, máy ảnh sẽ thay đổi công suất đèn flash xấp xỉ giá trị đã chọn.

 Nếu bạn thay đổi cài đặt [\[EV Step\] \(P.157\)](#), mức chụp bù sáng của đèn flash cũng thay đổi.

 Không thể kết hợp cài đặt này với chụp bù sáng AE ([P.273](#)) hoặc chụp bù sáng lấy nét ([P.280](#)).

Ghi ảnh với độ nhạy ISO thay đổi (ISO BKT)

P A S M B 

Máy ảnh sẽ thay đổi độ nhạy ISO để ghi một loạt ảnh. Bạn chọn mức độ thay đổi và số lượng ảnh chụp. Toàn bộ loạt ảnh được chụp chỉ với một lần nhấn nút chụp. Máy ảnh sẽ chụp một ảnh khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ và tự động xử lý để ghi số lượng ảnh cần thiết.


Menu

• MENU →  → 3. Bracketing → ISO BKT

Off	Chụp ảnh mà không sử dụng chức năng này.
3f 0.3EV	Chụp 3 ảnh với mức chụp bù sáng là 0,3 EV.
3f 0.7EV	Chụp 3 ảnh với mức chụp bù sáng là 0,7 EV.
3f 1.0EV	Chụp 3 ảnh với mức chụp bù sáng là 1,0 EV.

Bản sao đầu tiên được ghi ở cài đặt độ nhạy ISO hiện tại, bản sao thứ hai được ghi với độ nhạy giảm theo mức đã chọn, và bản sao thứ ba được ghi với độ nhạy ISO tăng theo mức đã chọn.

Nếu tốc độ màn trập hoặc khẩu độ được thay đổi để sửa đổi phơi sáng từ giá trị được chọn bởi máy ảnh, máy ảnh sẽ thay đổi độ nhạy ISO xấp xỉ giá trị phơi sáng hiện tại.

- ⚠ Độ nhạy tối đa được chọn cho [ ISO-A Upper/Default] không áp dụng.
- ⚠ Trong quá trình chụp ảnh im lặng, tốc độ đồng bộ đèn flash được đặt ở mức 1/50 s.
- ⚠ Thay đổi tùy chọn được chọn cho [ISO Step] (P.170) không làm thay đổi các tùy chọn khả dụng cho mức chụp bù sáng.
- ⚠ Không thể kết hợp cài đặt này với chụp bù sáng bộ lọc nghệ thuật (P.278) hoặc chụp bù sáng lấy nét (P.280).


Ghi bản sao của một ảnh áp dụng các bộ lọc nghệ thuật khác nhau (ART BKT)

P A S M B 

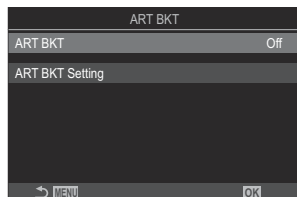
Tạo nhiều phiên bản cho mỗi ảnh, mỗi phiên bản áp dụng một bộ lọc nghệ thuật khác nhau.

Bật chụp bù sáng bộ lọc nghệ thuật

Menu

- MENU →  2 → 3. Bracketing → ART BKT

1. Làm nổi [ART BKT] bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.



Màn hình cài đặt ART BKT

2. Làm nổi [On] bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.

Off	Chụp ảnh mà không sử dụng chức năng này.
On	Ảnh được chụp áp dụng nhiều bộ lọc nghệ thuật.

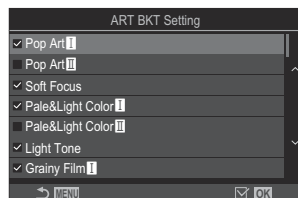
3. Màn hình hiển thị sẽ trở về màn hình cài đặt ART BKT.

Cấu hình chụp bù sáng bộ lọc nghệ thuật

1. Chọn **[ART BKT Setting]** trên màn hình cài đặt ART BKT và nhấn nút **OK**.

2. Chọn bộ lọc nghệ thuật mà bạn muốn áp dụng và đánh dấu tích (✓) bên cạnh.

- Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút **OK** để đánh dấu tích (✓) bên cạnh.
Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút **OK** một lần nữa.



ART BKT Setting

Chọn bộ lọc nghệ thuật mà bạn muốn áp dụng. Các chế độ ảnh như **[Vivid]**, **[Natural]** và **[Muted]** cũng có thể được chọn.

- ⚠ Khi có nhiều bộ lọc nghệ thuật cần áp dụng, có thể mất nhiều thời gian để ghi ảnh sau khi chụp.
- ⚠ Không thể kết hợp cài đặt này với các chức năng chụp bù sáng khác ngoài chụp bù sáng AE (P.273) và chụp bù sáng đèn flash (P.276).

Chụp ảnh

1. Nhấn nút **MENU** để đóng màn hình cài đặt ART BKT và trở về màn hình chụp.

2. Máy ảnh sẽ chụp một ảnh khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ và tự động tạo nhiều bản sao, mỗi bản sao có áp dụng một bộ lọc nghệ thuật khác nhau.


Ghi ảnh với các vị trí lấy nét khác nhau (Focus BKT)

PASMB 

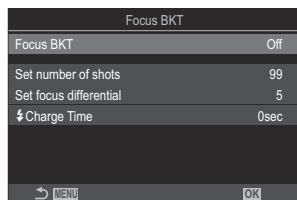
Máy ảnh sẽ thay đổi lấy nét trên một loạt ảnh. Bạn chọn mức độ và số lượng ảnh chụp. Toàn bộ loạt ảnh được chụp chỉ với một lần nhấn nút chụp. Mỗi lần nút chụp được nhấn xuống hết cỡ, máy ảnh sẽ chụp với số ảnh đã chọn, thay đổi lấy nét ở mỗi lần chụp. Những ảnh này được chụp ở chế độ im lặng bằng màn trập điện tử.

Bật chụp bù sáng lấy nét

Menu

- MENU →  2 → 3. Bracketing → Focus BKT

1. Làm nổi **[Focus BKT]** bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.



Màn hình cài đặt Focus BKT

2. Làm nổi **[On]** bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.

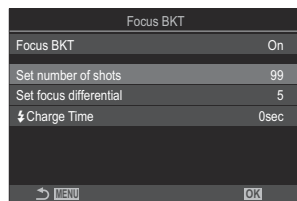
Off	Chụp ảnh mà không sử dụng chức năng này.
On	Ảnh được chụp với vị trí lấy nét thay đổi.

3. Màn hình hiển thị sẽ trở về màn hình cài đặt Focus BKT.

Cấu hình chụp bù sáng lấy nét

1. Cấu hình các tùy chọn.

- Nhấn $\Delta \nabla$ để chọn một mục và nhấn nút **OK** để hiển thị menu cài đặt.
- Sau khi cấu hình các tùy chọn, nhấn nút **OK** để quay lại màn hình cài đặt Focus BKT.



Set number of shots	Chọn số lượng ảnh cần chụp với vị trí lấy nét thay đổi. [003] – [999]
Set focus differential	Chọn mức độ máy ảnh sẽ thay đổi tiêu điểm lấy nét cho mỗi lần chụp. [1] – [10]
⚡ Charge Time	Chọn thời gian chờ của máy ảnh khi chờ đèn flash sạc giữa các lần chụp khi sử dụng thiết bị đèn flash không được thiết kế dành riêng cho máy ảnh. [0sec] / [0.1sec] / [0.2sec] / [0.5sec] / [1sec] / [2sec] / [4sec] / [8sec] / [15sec] / [30sec]

Chụp ảnh

1. Nhấn nút **MENU** để đóng màn hình cài đặt Focus BKT và trở về màn hình chụp.

2. Nhấn nút chụp xuống hết cỡ để chụp.

- Quá trình chụp sẽ tiếp tục cho đến khi chụp đủ số lượng ảnh đã chọn.
- Để ngắt chế độ chụp bù sáng, hãy nhấn nút chụp xuống hết cỡ lần thứ hai.
- Máy ảnh sẽ thay đổi khoảng cách lấy nét theo mức được chọn trong Đặt khác biệt lấy nét cho mỗi lần chụp. Quá trình chụp sẽ kết thúc nếu khoảng cách lấy nét đạt đến vô cực.

ⓘ Quá trình chụp sẽ kết thúc nếu lấy nét hoặc thu phóng được điều chỉnh sau khi nút chụp được nhấn xuống hết cỡ để bắt đầu chụp bù sáng.

ⓘ Khi **[Focus BKT]** được đặt thành **[On]**, **[Flash Mode]** trong **[Silent ♥ Settings]** (P200) sẽ trở thành **[Allow]**.

- ⚠ Chế độ chụp bù sáng lấy nét không khả dụng với ống kính hệ thống Four Thirds.
- ⚠ Không thể kết hợp chụp bù sáng lấy nét với các hình thức chụp bù sáng khác.
- ⚠ Tốc độ đồng bộ đèn flash được đặt thành 1/100 s. Tốc độ này sẽ được đặt thành 1/50 s khi [ISO] từ 16000 trở lên.

Các chức năng chỉ khả dụng ở chế độ quay phim

Tùy chọn ghi âm (Sound Recording Settings)


P A S M B 

Điều chỉnh cài đặt để ghi âm trong quá trình quay phim. Bạn cũng có thể truy cập cài đặt để sử dụng khi kết nối micro hoặc máy ghi âm bên ngoài.



Menu


• MENU →  → 5. Sound Recording/Connection → Sound Recording Settings


Recording Volume	<p>Điều chỉnh độ nhạy của micro. Chọn các giá trị riêng biệt cho micro âm thanh nổi tích hợp và micro bên ngoài.</p> <p>[Built-In : Điều chỉnh độ nhạy của micro âm thanh nổi tích hợp trên máy ảnh. [-10] – [0] – [+10]</p> <p>[MIC : Điều chỉnh độ nhạy của micro bên ngoài được kết nối với giắc cắm micro. [-10] – [0] – [+10]</p>
 Volume Limiter	<p>Máy ảnh sẽ đặt giới hạn âm lượng của âm thanh được ghi bởi micro. Sử dụng tùy chọn này để tự động giảm mức âm thanh vượt quá một mức âm lượng nhất định.</p> <p>[Off]: Không đặt giới hạn âm lượng của âm thanh được ghi bởi micro.</p> <p>[On]: Đặt giới hạn âm lượng của âm thanh được ghi bởi micro.</p>
Wind Noise Reduction	<p>Giảm tiếng ồn của gió trong khi ghi âm.</p> <p>[Off]: Không giảm tiếng ồn của gió trong khi ghi âm.</p> <p>[Low] / [Standard] / [High]: Đặt mức giảm tiếng ồn của gió.</p>
Recording Rate	<p>Chọn định dạng ghi âm.</p> <p>[96kHz/24bit]: Âm thanh chất lượng cao.</p> <p>[48kHz/16bit]: Âm thanh chất lượng chuẩn.</p>


 Plug-in Power	<p>Trong hầu hết các trường hợp, không cần thay đổi cài đặt này. Nếu micro bên ngoài của bạn không yêu cầu phải cắm điện, và việc cấp điện cho micro khiến tiếng ồn được ghi lại, hãy đặt tùy chọn này thành [Off].</p> <p>[Off]: Không cung cấp nguồn điện từ máy ảnh cho micro bên ngoài.</p> <p>[On]: Cung cấp nguồn điện từ máy ảnh cho micro bên ngoài.</p>
Camera Rec. Volume	<p>Cài đặt này chỉ khả dụng khi micro bên ngoài được kết nối. Khi đặt thành [Inoperative], cài đặt ghi âm của máy ảnh ([Recording Volume], [Volume Limiter], [Wind Noise Reduction]) sẽ bị tắt.</p> <p>[Operative]: Cài đặt ghi âm của máy ảnh được bật.</p> <p>[Inoperative]: Cài đặt ghi âm của máy ảnh bị tắt. Đầu vào âm thanh từ micro bên ngoài được ghi lại nguyên trạng.</p>

 Âm thanh không được ghi lại:

- với phim tốc độ cao, phim chuyển động chậm hoặc nhanh, hoặc khi chọn ART 7 /ART 7  (diorama) cho chế độ ảnh.

 Âm thanh chỉ có thể phát trên các thiết bị hỗ trợ tùy chọn được chọn cho **[Recording Rate]**.


 Âm thanh hoạt động của ống kính và máy ảnh có thể được ghi lại trong phim.

Để tránh ghi âm thanh này, hãy giảm âm thanh hoạt động bằng cách đặt  **[AF Mode]** (P.102) thành **[S-AF]**, **[MF]** hoặc **[PreMF]**, hoặc bằng cách giảm thiểu các thao tác nút của máy ảnh.

Điều chỉnh âm lượng tai nghe (Headphone Volume)

PASMB 

Menu

- MENU →  → 5. Sound Recording/Connection → Headphone Volume


Headphone Volume

Điều chỉnh âm lượng đầu ra âm thanh đến tai nghe.

Mã thời gian (Time Code Settings)

Điều chỉnh cài đặt mã thời gian. Mã thời gian được sử dụng để đồng bộ hóa ảnh và âm thanh trong quá trình chỉnh sửa và các hoạt động tương tự. Chọn từ các tùy chọn sau.

Menu

• MENU →  → 5. Sound Recording/Connection → Time Code Settings

Time Code Mode	<p>Chọn tùy chọn ghi mã thời gian. Sử dụng mã thời gian khi cần định thời gian chính xác.</p> <p>[Drop Frame]: Mã thời gian bỏ khung hình. Mã thời gian được điều chỉnh để bù cho độ lệch so với thời gian ghi.</p> <p>[Non-DF]: Mã thời gian không bỏ khung hình. Mã thời gian không được điều chỉnh để bù cho độ lệch so với thời gian ghi.</p>
Count Up	<p>Chọn cách tăng đếm thời gian.</p> <p>[Rec Run]: Số đếm chỉ tăng lên trong quá trình ghi.</p> <p>[Free Run]: Số đếm sẽ tăng liên tục, kể cả khi quá trình ghi không diễn ra hoặc máy ảnh đã tắt.</p>
Starting Time	<p>Đặt thời gian bắt đầu cho mã thời gian.</p> <p>[Reset]: Cài đặt lại mã thời gian thành 00:00:00</p> <p>[Manual Input]: Nhập thủ công mã thời gian.</p> <p>[Current Time]: Đặt mã thời gian thành thời gian hiện tại, khung hình 00.</p>

🔗 Khi đặt **[Starting Time]** thành **[Current Time]**, hãy đảm bảo rằng máy ảnh hiển thị đúng thời gian.


👉 “Cài đặt đồng hồ máy ảnh (⌚ Settings)” (P.416)

🔗 Mã thời gian không được ghi trên phim tốc độ cao (P.216).

Đầu ra HDMI (HDMI Output)

Điều chỉnh cài đặt để xuất ra thiết bị HDMI. Có các tùy chọn để điều khiển máy ghi HDMI từ máy ảnh hoặc thêm mã thời gian để sử dụng trong quá trình chỉnh sửa phim.

Menu

- MENU →  → 5. Sound Recording/Connection →  HDMI Output






Output Mode	<p>[Monitor]: Thiết bị HDMI sẽ hoạt động như một màn hình ngoài. Máy ảnh sẽ xuất cả ảnh và chỉ báo ra màn hình hiển thị. Có thể điều chỉnh cài đặt đầu ra bằng tùy chọn [HDMI Settings] (P.405).</p> <p>[Record]: Khi chế độ xem trực tiếp được hiển thị ở chế độ phim, thiết bị HDMI sẽ hoạt động như một máy ghi ngoài. Chỉ có ảnh được xuất ra thiết bị. Kích thước khung hình và cài đặt âm thanh được điều chỉnh bằng các điều khiển trên máy ảnh.</p> <p>[RAW]: Khi chế độ xem trực tiếp được hiển thị ở chế độ phim, ảnh sẽ được xuất ra thiết bị HDMI ở định dạng RAW. Ảnh không được ghi vào thẻ của máy ảnh. Kích thước khung hình và cài đặt âm thanh được điều chỉnh bằng các điều khiển trên máy ảnh.</p>
REC Bit	<p>Máy ảnh và thiết bị bên ngoài bắt đầu và dừng ghi cùng lúc. Tùy chọn này chỉ khả dụng với các thiết bị tương thích.</p> <p>[Off]: Không sử dụng chức năng này.</p> <p>[On]: Điều khiển thiết bị bên ngoài.</p>
Time Code	<p>Xuất mã thời gian ra thiết bị bên ngoài. Cài đặt mã thời gian có thể được điều chỉnh bằng cách sử dụng [Time Code Settings] (P.286).</p> <p>[Off]: Không xuất mã thời gian ra thiết bị bên ngoài.</p> <p>[On]: Xuất mã thời gian ra thiết bị bên ngoài.</p>

Về [RAW]

Khi chọn [RAW], có thể ghi lại những ảnh thô chưa áp dụng các cài đặt chụp như bù phơi sáng và cân bằng trắng.

Hãy truy cập trang web của chúng tôi để biết thông tin về các thiết bị HDMI tương thích với [RAW].

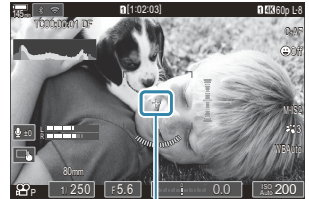
Khi [RAW] được chọn, "HDMI" sẽ xuất hiện trên màn hình máy ảnh trong khi xuất tín hiệu đến thiết bị HDMI.

- ① Định dạng ghi ảnh xuất ra từ máy ảnh khi chọn [RAW] sẽ thay đổi tùy theo thiết bị HDMI. Hãy truy cập trang web của chúng tôi để biết chi tiết.
- ① Khi chọn [RAW] và thiết bị HDMI tương thích được kết nối, [ **Picture Mode**] sẽ được đặt thành [ **2 OM-Log400**].
- ① Những hạn chế sau đây được áp dụng khi [RAW] được chọn.
 - [ **◀: :**]: Chỉ có thể chọn [**C4K**] và [**4K**]. Phim chuyển động chậm hoặc nhanh không khả dụng.
 - [ **Image Stabilizer**]: Chỉ có thể chọn [**M-IS Off**] và [**M-IS2**].
 - [**Digital Tele-converter**] sẽ được đặt thành [**Off**].
 - [ **AF Mode**] khi sử dụng ống kính hệ thống Four Thirds: Chỉ có thể chọn [**MF**] và [**PreMF**].

Hiển thị dấu + ở giữa màn hình trong khi quay phim (Center Marker)


PASMB 

Trong khi quay phim, bạn có thể hiển thị dấu "+" cho phép bạn biết vị trí chính giữa màn hình.



① Dấu +

Menu

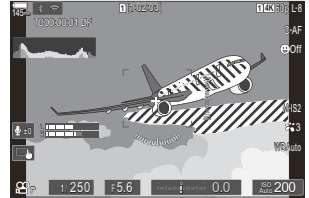
- MENU →  → 6. Shooting Assist → Center Marker

Off	Dấu + không được hiển thị.
On	Dấu + sẽ hiển thị ở giữa màn hình trong khi quay phim và khi ở chế độ sẵn sàng quay phim.

Hiển thị hoa văn zebra trên các vùng có độ chói cao trong khi quay phim (Zebra Pattern Settings)


PASMB 

Trong quá trình quay phim, bạn có thể hiển thị các hoa văn zebra (sọc) trên các vùng có mức độ chói vượt quá ngưỡng được xác định trước. Bạn có thể chỉ định hai ngưỡng và các hoa văn zebra với các góc khác nhau sẽ được hiển thị.

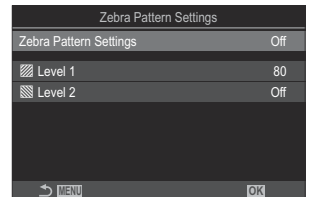


Hiển thị hoa văn zebra

Menu

- MENU →  → 6. Shooting Assist → Zebra Pattern Settings






1. Sử dụng các nút Δ ∇ để chọn **[Zebra Pattern Settings]** và nhấn nút **OK**.



Màn hình cài đặt Cài đặt hoa văn zebra

2. Làm nổi **[On]** bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.

Off Các hoa văn zebra sẽ không được hiển thị.

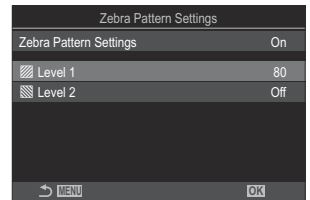
On	<p>Trong quá trình quay phim, các hoa văn zebra (sọc) sẽ hiển thị trên các vùng có mức độ chói vượt quá ngưỡng được xác định trước.</p> <p>Hoa văn  sẽ được hiển thị khi mức độ chói vượt quá [ Level 1].</p> <p>Hoa văn  sẽ được hiển thị khi mức độ chói vượt quá [ Level 2]. Hoa văn  sẽ được hiển thị tại nơi chúng chồng lên.</p>
-----------	---





3. Màn hình hiển thị sẽ trở về màn hình cài đặt của Cài đặt hoa văn zebra.

Cấu hình Cài đặt hoa văn zebra

1. Cấu hình các tùy chọn.

- Nhấn Δ ∇ để chọn một mục và nhấn nút **OK** để hiển thị menu cài đặt.
- Sau khi cấu hình các tùy chọn, nhấn nút **OK** để quay lại màn hình cài đặt của Cài đặt hoa văn zebra.



 Level 1	Hoa văn  sẽ được hiển thị khi mức độ chói vượt quá giá trị đã chỉ định.
 Level 2	Hoa văn  sẽ được hiển thị khi mức độ chói vượt quá giá trị đã chỉ định. Đặt mục này thành [Off] nếu bạn chỉ muốn hiển thị một loại hoa văn zebra.



Hiển thị khung màu đỏ trong khi quay phim (Red Frame during)

PASMB 

Bạn có thể hiển thị khung ngoài màu đỏ trên màn hình để dễ dàng biết được máy ảnh có đang quay phim hay không.



Menu

- MENU →  → 6. Shooting Assist → Red Frame during 

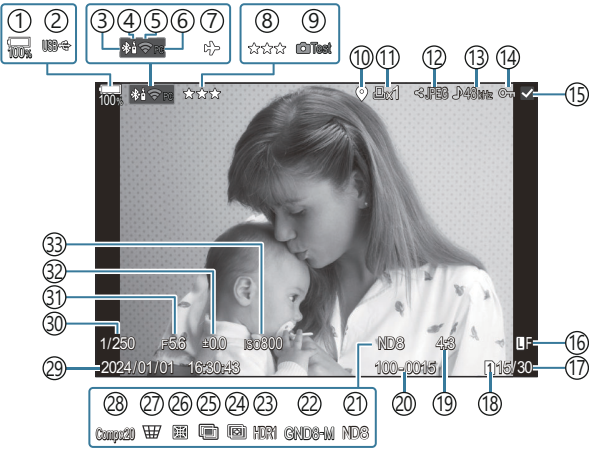
Off	Máy ảnh sẽ không hiển thị khung màu đỏ.
On	Máy ảnh sẽ hiển thị khung màu đỏ trong khi quay phim.

Phát lại

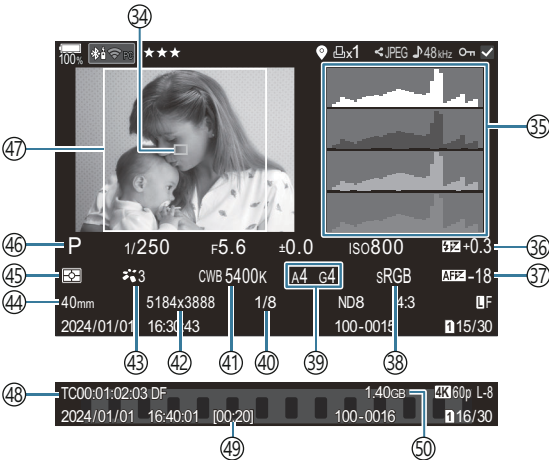
Hiển thị thông tin trong khi phát lại

Thông tin ảnh phát lại

Cơ bản



Tổng thể



- ① Mức pin (P.39)
- ② USB PD (P.468)
- ③ Kết nối **Bluetooth**[®] đang hoạt động (P.428, P.455)
- ④ Điều khiển từ xa (P.455)
- ⑤ Kết nối mạng LAN không dây (P.426, P.441)
- ⑥ Kết nối đang hoạt động với máy tính (Wi-Fi) (P.441)
- ⑦ Chế độ máy bay (P.424)
- ⑧ Xếp hạng (P.314)
- ⑨ Ảnh thử (P.337)
- ⑩ Chỉ báo dữ liệu GPS (P.435)
- ⑪ Lệnh in
Số lượng bản in (P.317)
- ⑫ Lệnh chia sẻ (P.312)
- ⑬ Ghi âm (P.283)
- ⑭ Bảo vệ (P.305)
- ⑮ Ảnh được chọn (P.316)
- ⑯ Chất lượng ảnh (P.213, P.214)
- ⑰ Số khung hình/tổng số khung hình
- ⑱ Khe phát lại (P.389)
- ⑲ Tỷ lệ khung hình (P.220)
- ⑳ Đánh số tập tin (P.393)
- ㉑ ND trực tiếp (P.245)
- ㉒ GND trực tiếp (P.248)
- ㉓ Ảnh HDR (P.255)
- ㉔ Xếp chồng lấy nét (P.252)
- ㉕ Chụp ảnh chồng hình (P.257)
- ㉖ Bù mắt cá (P.268)
- ㉗ Bù méo hình thang (P.266)
- ㉘ Chụp ảnh tổng hợp
Số lượng ảnh chụp kết hợp (P.72)
- ㉙ Ngày và giờ (P.416)
- ㉚ Tốc độ màn trập (P.59, P.64)
- ㉛ Giá trị khẩu độ (P.59, P.62)
- ㉜ Bù phơi sáng (P.155)
- ㉝ Độ nhạy ISO (P.168)
- ㉞ Hiển thị mục tiêu AF (P.108)
- ㉟ Biểu đồ (P.51)
- ㊱ Kiểm soát cường độ đèn flash (P.186)
- ㊲ Điều chỉnh lấy nét AF (P.135)
- ㊳ Color space (P.239)
- ㊴ Bù cân bằng trắng (P.232, P.236)
- ㊵ Tỷ lệ nén (P.213)
- ㊶ Cân bằng trắng (P.230)
- ㊷ Số điểm ảnh (P.213)
- ㊸ Chế độ ảnh (P.222)
- ㊹ Độ dài tiêu cự
- ㊺ Chế độ đo sáng (P.161)
- ㊻ Chế độ chụp (P.59)
- ㊼ Đường viền khung hình (P.220)
- ㊽ Mã thời gian ¹ (P.286)
- ㊾ Thời gian quay phim ¹ (P.556)
- ㊿ Kích thước tập tin phim ¹ (P.556)

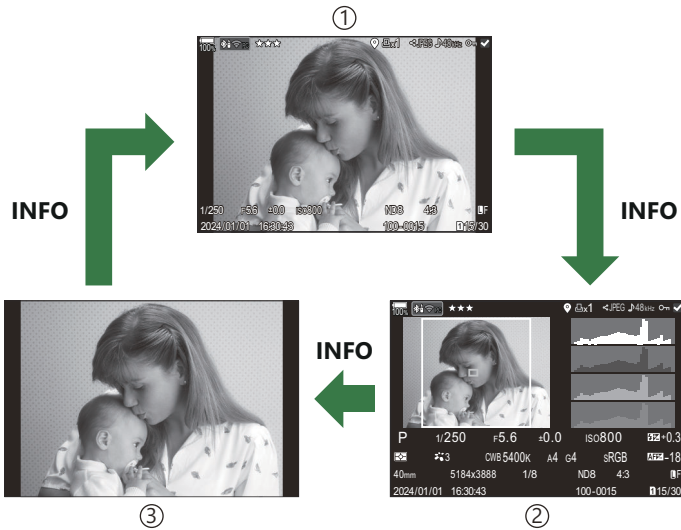
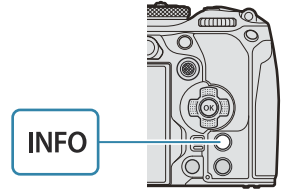
1 Chỉ hiển thị khi phát lại phim.

Chuyển đổi hiển thị thông tin

Nút

- Nút **INFO**

Bạn có thể chuyển đổi thông tin được hiển thị trong khi phát lại bằng cách nhấn nút **INFO**.



- ① Cơ bản
- ② Tổng thể
- ③ Chỉ ảnh

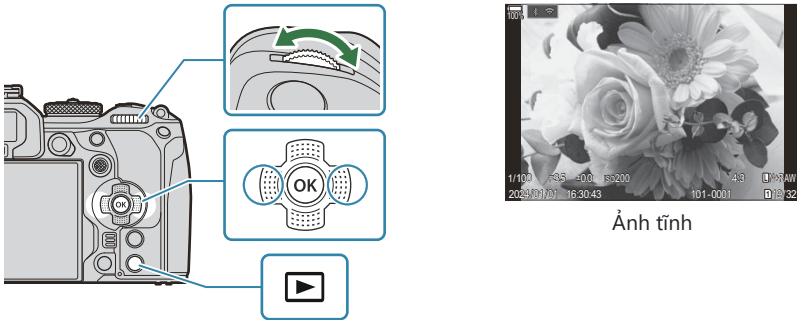
☞ Chọn thông tin để hiển thị. ☞ “Chọn thông tin được hiển thị trong khi phát lại (▶ Info Settings)” (P.332)

Xem ảnh và phim





Xem ảnh

1. Nhấn nút .

- Hình ảnh gần đây nhất sẽ được hiển thị.
- Chọn ảnh hoặc phim mong muốn bằng nút xoay phía trước hoặc phím mũi tên.
- Nhấn nút chụp xuống một nửa để trở về chế độ chụp.



Nút xoay phía sau ()	Phóng to () / Chỉ mục ()
Nút xoay phía trước ()	Trước đó () / Tiếp theo () Cũng có thể thao tác trong khi phát lại ở chế độ phóng đại.
Phím mũi tên (   ) / Đa bộ chọn ( / )	Phát lại khung hình đơn: Tiếp theo () / Trước đó () / Âm lượng phát lại ( ) Thu phóng phát lại: Nhấn  để hiển thị khung thu phóng. Nhấn nút lần nữa để phóng to trên khung thu phóng. Bạn có thể cuộn ảnh bằng cách nhấn     trong khi thu phóng phát lại. Phát lại chỉ mục/ lịch: Làm nổi ảnh <ul style="list-style-type: none">• Các thao tác được thực hiện bằng cách sử dụng    cũng có thể được thực hiện bằng cách nhấn đa bộ chọn lên, xuống, trái hoặc phải.
Nút INFO	Xem thông tin ảnh

Nút 	Chọn ảnh (P.316)
Nút 	Gán số sao xếp hạng cho ảnh (P.315)
Nút 	Bảo vệ ảnh (P.305)
Nút 	Xóa ảnh (P.308)
Nút OK	Xem menu trực tiếp phát lại. (Trong phát lại lịch, nhấn nút này để thoát sang chế độ phát lại khung hình đơn.)

Chuyển đổi thẻ trong khi xem ảnh

Bạn cũng có thể chọn thẻ để phát lại bằng nút . Giữ nút  và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau để chuyển đổi thẻ trong khi đang phát lại.

Điều này không thay đổi tùy chọn được chọn cho **[Camera Card Slot Settings] > [Slot]** (P.389).

Xem phim

1. Nhấn nút .

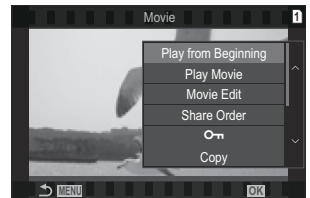
- Hình ảnh gần đây nhất sẽ được hiển thị.



Phim

2. Chọn một phim và nhấn nút **OK**.

- Menu trực tiếp phát lại sẽ được hiển thị.



3. Chọn **[Play Movie]** và nhấn nút **OK**.

- Bắt đầu phát lại phim.
- Tua tới và tua lui bằng $\triangleleft/\triangleright$.
- Nhấn nút **OK** lần nữa để tạm dừng phát lại. Trong khi tạm dừng phát lại, hãy sử dụng \triangle để xem khung hình đầu tiên và ∇ để xem khung hình cuối cùng. Sử dụng $\triangleleft/\triangleright$ hoặc nút xoay phía trước để xem khung hình trước đó hoặc tiếp theo.
- Nhấn nút **MENU** để kết thúc phát lại.

Phát lại các phim được tách ra

Phim dài sẽ tự động được ghi thành nhiều tập tin khi kích thước tập tin vượt quá 4 GB hoặc thời gian ghi vượt quá 3 giờ (P.80). Các tập tin có thể được phát lại dưới dạng một phim duy nhất.

1. Nhấn nút \square .

- Hình ảnh gần đây nhất sẽ được hiển thị.

2. Hiển thị phim dài bạn muốn xem và nhấn nút **OK**.



- Các tùy chọn sau sẽ được hiển thị.
 - [Play from Beginning]**: Phát lại toàn bộ một phim được chia tách
 - [Play Movie]**: Phát lại các tập tin riêng biệt
 - [Delete entire \square]**: Xóa tất cả các phần của một phim được chia tách
 - [Erase]**: Xóa các tập tin riêng biệt

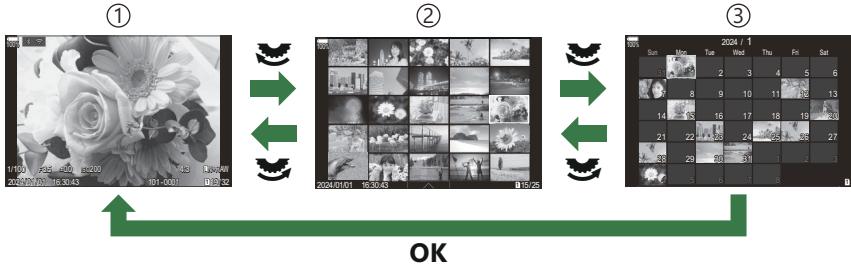
① Bạn nên sử dụng phiên bản mới nhất của OM Workspace để phát lại phim trên máy tính (P.461).

Trước khi khởi chạy phần mềm lần đầu tiên, hãy kết nối máy ảnh với máy tính.




① Phim được quay với **[Video Codec] (P.219)** được đặt thành **[H.265]** sẽ không thể phát lại bằng OM Workspace.

Tìm ảnh nhanh (Phát lại chỉ mục và lịch)

- Khi phát lại khung hình đơn, hãy xoay nút xoay phía sau đến  để phát lại chỉ mục. Xoay thêm để phát lại lịch.
- Xoay nút xoay phía sau đến  để trở lại chế độ phát lại khung hình đơn.



- ① Phát lại khung hình đơn
- ② Hiển thị chỉ mục
- ③ Hiển thị lịch

 Bạn có thể thay đổi số khung hình cho hiển thị chỉ mục.  “Cấu hình hiển thị chỉ mục ( Settings)” (P.334)

Phóng to (Thu phóng phát lại)



- ① Hiển thị phát lại
- ② Khung thu phóng
- ③ Hiển thị cuộn thu phóng phát lại

Khi bạn nhấn đa bộ chọn hoặc nút được gán [**Q**] (phóng đại) (P.335), khung thu phóng sẽ hiển thị trên phần ảnh được lấy nét hoặc phần phát hiện thấy chủ thể. Nhấn nút lần nữa để phóng to trên khung thu phóng. Nhấn đa bộ chọn hoặc $\Delta \nabla \triangleleft \triangleright$ để cuộn ảnh trong khi thu phóng phát lại.

- Bạn có thể thay đổi cài đặt khung thu phóng và cuộn ảnh. “[Chọn thông tin được hiển thị trong khi phát lại phóng đại](#) ([Info Settings](#))” (P.333)
- Bạn có thể thay đổi tỷ lệ thu phóng bằng nút xoay phía sau.
- Nhấn nút **OK** để kết thúc Phát lại phóng đại.
- Nhấn nút **INFO** trong khi khung thu phóng được hiển thị sẽ làm di chuyển khung thu phóng đến khuôn mặt được phát hiện. Trong khi phát lại cận cảnh, khuôn mặt được phát hiện sẽ được phóng lớn.

Phát lại bằng cách sử dụng điều khiển cảm ứng

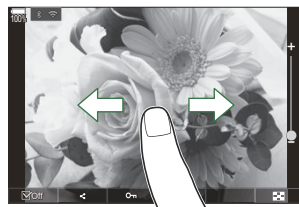
Sử dụng điều khiển cảm ứng để phóng to hoặc thu nhỏ ảnh, cuộn ảnh hoặc chọn ảnh để hiển thị.

- ⚠ Không ấn vào màn hình hiển thị bằng móng tay hoặc các vật sắc nhọn khác.
- ⚠ Găng tay hoặc vỏ màn hình có thể ảnh hưởng đến hoạt động của màn hình cảm ứng.


Phát lại toàn khung hình

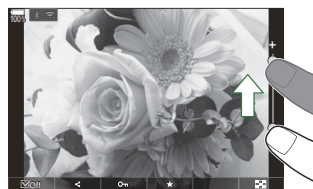
Hiển thị ảnh trước đó hoặc tiếp theo



- Trượt ngón tay sang trái để xem ảnh tiếp theo, và sang phải để xem ảnh trước đó.



Phóng đại

- Ấn nhẹ vào màn hình để hiển thị thanh trượt và .
- Ấn nhẹ vào màn hình hai lần để phóng đại ảnh theo tỷ lệ được chỉ định trong [[🔍 Default Setting](#)] (P.330).
- Trượt thanh lên hoặc xuống để phóng to hoặc thu nhỏ.




- Trượt ngón tay để cuộn màn hình hiển thị khi ảnh được phóng to.
- Ấn  để hiển thị phát lại chỉ mục. Ấn  để phát lại lịch.

Phát lại phim

- Ấn  để bắt đầu phát lại.

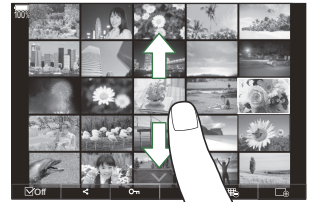







- Ấn vào phần dưới của màn hình để hiển thị thanh điều khiển cho phép bạn kết thúc phát lại và thay đổi âm lượng phát lại.
- Ấn vào giữa màn hình để tạm dừng phát lại. Ấn lần nữa để tiếp tục phát lại.
- Bằng cách trượt thanh ở cuối màn hình trong khi tạm dừng phát lại, bạn có thể thay đổi vị trí mà phim sẽ được phát khi tiếp tục phát lại.
- Ấn  để kết thúc phát lại.

Phát lại chỉ mục/lich

Hiển thị trang trước đó hoặc trang tiếp theo

- Trượt ngón tay lên để xem trang tiếp theo, và trượt xuống để xem trang trước đó.














- Menu điều khiển cảm ứng sẽ được hiển thị khi bạn ấn  trong khi phát lại chỉ mục. Ấn  hoặc  để chuyển đổi số lượng ảnh được hiển thị. Ấn  “Cấu hình hiển thị chỉ mục (Settings)” (P.334)
- Ấn  vài lần để quay lại chế độ phát lại khung hình đơn.

Xem ảnh

- Ấn vào ảnh để xem toàn khung hình.

Các chức năng khác

Ấn nhẹ vào màn hình trong khi phát lại khung hình đơn hoặc ấn  trong khi phát lại chỉ mục để hiển thị menu cảm ứng. Sau đó, bạn có thể thực hiện thao tác mong muốn bằng cách ấn vào các biểu tượng trong menu cảm ứng.




	Chọn một ảnh. Bạn có thể chọn nhiều ảnh và xóa chúng cùng lúc.  “Chọn nhiều ảnh (Share Order Selected, Rating Selected,  , Copy Select, Erase Selected)” (P.316)
	Bạn có thể đặt ảnh bạn muốn chia sẻ bằng điện thoại thông minh.  “Chọn ảnh để chia sẻ (Share Order)” (P.312)
	Gán sao xếp hạng cho ảnh.  “Xếp hạng ảnh (Rating)” (P.314)
	Bảo vệ ảnh.  “Bảo vệ ảnh ()” (P.305)

Cài đặt các chức năng phát lại

Xoay ảnh (Rotate)

Chọn xem có xoay ảnh hay không.

1. Hiển thị ảnh bạn muốn xoay và nhấn nút **OK**.
 - Menu trực tiếp phát lại sẽ được hiển thị.
2. Chọn **[Rotate]** và nhấn nút **OK**.
3. Nhấn Δ để xoay ảnh ngược chiều kim đồng hồ, ∇ để xoay ảnh theo chiều kim đồng hồ; ảnh sẽ xoay mỗi lần nhấn nút.
 - Nhấn nút **OK** để lưu thay đổi và thoát.
 - Không thể xoay phim và ảnh được bảo vệ.

 Máy ảnh có thể được cấu hình để tự động xoay ảnh theo hướng dọc trong khi phát lại.  “Tự động xoay ảnh theo chiều dọc để phát lại (.

Bảo vệ ảnh (OPI)

Bảo vệ ảnh khỏi bị xóa nhầm.

1. Hiển thị ảnh bạn muốn bảo vệ và nhấn nút OPI.

- Ảnh được bảo vệ sẽ được đánh dấu bằng biểu tượng OPI ("được bảo vệ"). Nhấn nút OPI lần nữa để hủy bảo vệ.



- Khi ảnh không được bảo vệ được hiển thị, bạn có thể giữ nút OPI và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau để bảo vệ tất cả ảnh được hiển thị trong khi nút xoay được xoay. Bất kỳ ảnh nào được bảo vệ trước đó mà được hiển thị trong khi xoay nút xoay đều sẽ không bị ảnh hưởng.
- Khi ảnh được bảo vệ nào đó được hiển thị, bạn có thể giữ nút OPI và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau để gỡ bỏ bảo vệ tất cả ảnh được hiển thị trong khi nút xoay được xoay. Bất kỳ ảnh nào chưa được bảo vệ trước đó mà được hiển thị trong khi xoay nút xoay đều sẽ không bị ảnh hưởng.
- Có thể thực hiện các thao tác tương tự trong khi thu phóng phát lại hoặc khi chọn một ảnh trên màn hình hiển thị chỉ mục.

Bạn cũng có thể bảo vệ nhiều ảnh đã chọn. "Chọn nhiều ảnh (Share Order Selected, Rating Selected, OPI, Copy Select, Erase Selected)" (P.316)

Việc định dạng thẻ sẽ xóa toàn bộ dữ liệu bao gồm cả ảnh được bảo vệ.

Sao chép ảnh (Copy)

Khi có thẻ có dung lượng trống ở cả hai khe 1 và 2, bạn có thể sao chép ảnh sang thẻ còn lại.

1. Hiện thị ảnh bạn muốn sao chép và nhấn nút **OK**.
 - Menu trực tiếp phát lại sẽ được hiển thị.
2. Chọn **[Copy]** và nhấn nút **OK**.
3. Chọn có chỉ định thư mục đích hay không và nhấn nút **OK**.
 - Nếu bạn chọn **[Assign]**, hãy chọn một thư mục đích.
 - Nếu thư mục đã được chỉ định, tên thư mục sẽ được hiển thị. Để chọn thư mục khác, hãy nhấn ▷.
4. Chọn **[Yes]** và nhấn nút **OK**.
 - Ảnh sẽ được sao chép sang thẻ còn lại.

🔗 Bạn cũng có thể sao chép toàn bộ ảnh trên thẻ này sang thẻ còn lại cùng một lúc. 🖱️ **[Copy All]**
(P.307)

Sao chép tất cả ảnh trên thẻ (Copy All)

Tất cả ảnh có thể được sao chép giữa các thẻ được lắp vào máy ảnh (khe thẻ 1 và 2).

Menu

• MENU →  → 1. File → Copy All



Tất cả ảnh được sao chép từ thẻ ở khe thẻ 1 sang thẻ ở khe thẻ 2.




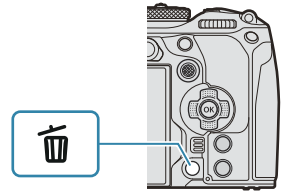
Tất cả ảnh được sao chép từ thẻ ở khe thẻ 2 sang thẻ ở khe thẻ 1.

ⓘ Quá trình sao chép kết thúc khi thẻ đích đầy.

ⓘ Nếu thẻ đích là thẻ SD hoặc thẻ SDHC, các tập tin phim có dung lượng vượt quá 4 GB sẽ không được sao chép.

Xóa ảnh (Erase)

1. Hiển thị ảnh bạn muốn xóa và nhấn nút .



2. Làm nổi **[Yes]** và nhấn nút **OK**.



- Ảnh sẽ được xóa.

- 📌 Bạn có thể xóa ảnh mà không cần bước xác nhận bằng cách thay đổi cài đặt nút. 📌 ["Tắt xác nhận xóa \(Quick Erase\)" \(P.310\)](#)
- 📌 Bạn có thể chọn xóa ảnh được ghi ở chế độ chất lượng ảnh RAW+JPEG để xóa cả hai bản sao, chỉ xóa bản sao JPEG hoặc chỉ xóa bản sao RAW. 📌 ["Tùy chọn xóa RAW+JPEG \(RAW+JPEG Erase\)" \(P.311\)](#)

Xóa tất cả ảnh (Erase All)

Xóa tất cả ảnh. Ảnh được bảo vệ sẽ không bị xóa. Bạn cũng có thể loại trừ những ảnh đã được gán sao xếp hạng (P.314) và xóa tất cả các ảnh còn lại.

Menu


- MENU →  → 1. File → Erase All

Erase	Xóa tất cả ảnh bao gồm cả những ảnh được gán sao xếp hạng.
Save	Giữ lại những ảnh được gán sao xếp hạng, và xóa tất cả những ảnh còn lại.

- Khi có thẻ ở cả khe 1 và 2, lựa chọn khe thẻ sẽ xuất hiện. Chọn khe thẻ và nhấn nút **OK**.



ⓘ Nếu bạn chọn **[Save]** và thực hiện **[Erase All]**, có thể mất một khoảng thời gian tùy thuộc vào loại tốc độ của thẻ và số lượng ảnh trên thẻ.

Tắt xác nhận xóa (Quick Erase)

Nếu tùy chọn này được bật khi nhấn nút  để xóa ảnh hoặc phim, máy ảnh sẽ không hiển thị hộp thoại xác nhận mà sẽ xóa ảnh ngay lập tức.

Menu


- MENU →  → 2. Operations → Quick Erase

Off	Hộp thoại xác nhận sẽ hiển thị khi nhấn nút  .
On	Không hiển thị hộp thoại xác nhận khi nhấn nút  .

Tùy chọn xóa RAW+JPEG (RAW+JPEG Erase)

Chọn thao tác được thực hiện khi xóa ảnh **[RAW+JPEG]**.

Menu

• **MENU** →  → 2. Operations → RAW+JPEG Erase

JPEG	Chỉ bản sao JPEG bị xóa.
RAW	Chỉ bản sao RAW bị xóa.
RAW+JPEG	Cả bản sao RAW và JPEG đều bị xóa.

 Cả bản sao RAW và JPEG đều bị xóa khi chọn **[Erase All]** (P.309) hoặc **[Erase Selected]** (P.316).


Chọn ảnh để chia sẻ (Share Order)

Bạn có thể chọn trước ảnh bạn muốn chuyển sang điện thoại thông minh.



1. Hiển thị ảnh bạn muốn chuyển và nhấn nút **OK**.



- Menu trực tiếp phát lại sẽ được hiển thị.


2. Chọn **[Share Order]** và nhấn nút **OK**. Sau đó, nhấn Δ hoặc ∇ .


- Ảnh được đánh dấu để chia sẻ. Biểu tượng  và loại tập tin sẽ được hiển thị.
- Có thể đánh dấu tối đa 200 ảnh trên mỗi khe để chia sẻ cùng một lúc.
- Để hủy lệnh chia sẻ, hãy nhấn Δ hoặc ∇ .


ⓘ Không thể đánh dấu tập tin phim có kích thước tập tin vượt quá 4GB để chia sẻ.

👉 Bạn có thể chọn ảnh bạn muốn chuyển trước và đặt lệnh chia sẻ cùng một lúc.  “Chọn nhiều ảnh (Share Order Selected, Rating Selected, , Copy Select, Erase Selected)” (P.316), “Chuyển ảnh sang điện thoại thông minh” (P.431)

👉 Bạn cũng có thể đánh dấu ảnh để chia sẻ bằng cách gán  cho một nút trong  **[Function]** (P.328).

Nhấn nút  khi ảnh chưa được đánh dấu được hiển thị trong quá trình hiển thị khung hình đơn/hiển thị chỉ mục/thu phóng phát lại.

Khi bạn giữ nút  và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau, tất cả ảnh hiển thị trong khi xoay sẽ được đánh dấu để chia sẻ. Bất kỳ ảnh nào được đánh dấu trước đó mà được hiển thị trong khi xoay nút xoay đều sẽ không bị ảnh hưởng.

Khi bạn giữ nút  và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau trong khi ảnh được đánh dấu đang hiển thị, tất cả ảnh được hiển thị trong khi nút xoay mà được xoay đều sẽ không được đánh dấu. Bất kỳ ảnh nào không được đánh dấu mà được hiển thị trong khi xoay nút xoay đều sẽ không bị ảnh hưởng.

Chọn ảnh RAW+JPEG để chia sẻ (RAW+JPEG)



Trong trường hợp ảnh được ghi với **[RAW+JPEG]** cho chất lượng ảnh, bạn có thể chọn chia sẻ chỉ bản sao JPEG, chỉ bản sao RAW hoặc cả bản sao JPEG và RAW.

Menu

• MENU → → 2. Operations → RAW+JPEG

JPEG	Chỉ bản sao JPEG sẽ được đánh dấu để chia sẻ.
RAW	Chỉ bản sao RAW sẽ được đánh dấu để chia sẻ.
RAW+JPEG	Cả bản sao RAW và JPEG đều sẽ được đánh dấu để chia sẻ.

- ⓘ Việc thay đổi tùy chọn được chọn cho **[RAW+JPEG**] không làm ảnh hưởng đến những ảnh đã được đánh dấu để chia sẻ.
- ⓘ Bất kể tùy chọn nào được chọn, việc xóa đánh dấu chia sẻ sẽ xóa đánh dấu khỏi cả hai bản sao.

Xếp hạng ảnh (Rating)

Gán một đến năm sao xếp hạng cho một ảnh.

Thao tác này có thể hữu ích khi sắp xếp và tìm kiếm ảnh bằng OM Workspace hoặc các tiện ích khác.

Nút

- Nút ★

Nếu bạn nhấn nút ★ khi ảnh được chọn không có gán sao xếp hạng, sao xếp hạng sẽ được gán cho ảnh đó. Số lượng sao sẽ bằng với số lượng đã đặt trước đó.

Nếu bạn nhấn nút ★ khi ảnh được chọn đã được gán sao xếp hạng, các sao xếp hạng sẽ bị xóa.

Bạn có thể thay đổi số lượng sao bằng cách xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau trong khi giữ nút ★.

- ① Sao xếp hạng chỉ có thể được gán cho ảnh tĩnh.
- ① Nếu ảnh được ghi với **[RAW+JPEG]**, cùng một xếp hạng sẽ được áp dụng cho cả tập tin RAW và JPEG.
- ① Không thể gán sao xếp hạng cho ảnh được bảo vệ.
- ① Không thể gán sao xếp hạng cho những ảnh được chụp bằng máy ảnh khác.

Chọn số sao sẽ được sử dụng để xếp hạng (Rating Settings)

Bạn có thể chọn số lượng sao sẽ được hiển thị dưới dạng tùy chọn cho xếp hạng.

Menu

- **MENU** →  → 3. Displays → Rating Settings

1. Chọn số lượng sao mà bạn muốn hiển thị dưới dạng tùy chọn khi xếp hạng ảnh và đánh dấu tích (✓) bên cạnh.

- Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút **OK** để đánh dấu tích (✓) bên cạnh.
Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút **OK** một lần nữa.

ⓘ Khi không có mục nào có dấu tích (✓) bên cạnh, bạn không thể gán sao xếp hạng cho ảnh.

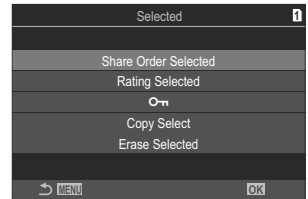
ⓘ Việc thay đổi cài đặt **[Rating Settings]** không ảnh hưởng đến xếp hạng của những ảnh đã được gán.

Chọn nhiều ảnh (Share Order Selected, Rating Selected, O=, Copy Select, Erase Selected)

Bạn có thể chọn nhiều ảnh cho **[Share Order Selected]**, **[Rating Selected]**, **[O=]**, **[Copy Select]** hoặc **[Erase Selected]**.

1. Chọn ảnh bằng cách nhấn nút trong khi phát lại.
 - Ảnh sẽ được chọn và sẽ được hiển thị.
Khóa sẽ được mở khi bạn nhấn nút lần nữa.
 - Bạn có thể chọn một ảnh trong khi phát lại khung hình đơn và phát lại chỉ mục.

2. Nhấn nút **OK** để hiển thị menu và chọn **[Share Order Selected]**, **[Rating Selected]**, **[O=]**, **[Copy Select]** hoặc **[Erase Selected]**.



- Khi ảnh không được đánh dấu được hiển thị, bạn có thể giữ nút và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau để chọn tất cả ảnh được hiển thị trong khi nút xoay được xoay. Bất kỳ ảnh nào được đánh dấu trước đó mà được hiển thị trong khi xoay nút xoay đều sẽ không bị ảnh hưởng.
- Khi ảnh được đánh dấu được hiển thị, bạn có thể giữ nút và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau để bỏ chọn tất cả ảnh được hiển thị trong khi nút xoay được xoay. Bất kỳ ảnh nào chưa được đánh dấu trước đó mà được hiển thị trong khi xoay nút xoay đều sẽ không bị ảnh hưởng.

Lệnh in (DPOF)





Bạn có thể lưu “lệnh in” kỹ thuật số vào thẻ nhớ liệt kê các ảnh sẽ in và số lượng bản sao của mỗi bản in. Sau đó, bạn có thể in ảnh tại một cửa hàng in hỗ trợ DPOF. Thông tin lệnh in (DPOF) được ghi vào thẻ nhớ.

Cấu hình lệnh in

Menu

• MENU →  → 1. File → 



Nhấn   để chọn khung bạn muốn thêm vào lệnh in, sau đó nhấn   để chọn số lượng bản in. Để đặt hẹn in cho nhiều ảnh, hãy lặp lại bước này. Nhấn nút **OK** khi đã chọn tất cả ảnh mong muốn, sau đó chọn định dạng ngày và giờ.

[No]: Ảnh được in mà không có kèm ngày và giờ.

[Date]: Các ảnh được in có kèm ngày chụp.

[Time]: Ảnh được in có kèm thời gian chụp.




Chọn mục này khi bạn muốn đặt lệnh in cho tất cả ảnh. Chọn định dạng ngày và giờ.

[No]: Ảnh được in mà không có kèm ngày và giờ.

[Date]: Các ảnh được in có kèm ngày chụp.

[Time]: Ảnh được in có kèm thời gian chụp.

 Khi in ảnh, không thể thay đổi cài đặt giữa các ảnh.


Đặt lệnh in


Set

Lệnh in sẽ được đặt. Cài đặt sẽ được phản ánh trên các ảnh đã lưu trên thẻ hiện đang được chọn.

Cancel

Lệnh in sẽ không được đặt.


 Không thể sử dụng máy ảnh để sửa đổi lệnh in được tạo bằng các thiết bị khác. Việc tạo lệnh in mới sẽ xóa mọi lệnh in hiện có được tạo bằng các thiết bị khác.

 Lệnh in không thể bao gồm ảnh RAW hoặc phim.

Cài đặt lại tất cả chế độ bảo vệ/lệnh chia sẻ/lệnh in/xếp hạng (Reset All Images)

Bạn có thể cài đặt lại tất cả chế độ bảo vệ/lệnh chia sẻ/lệnh in/xếp hạng từ ảnh trên thẻ trong cùng một khe ở cùng một lúc.

Menu

- MENU →  → 1. File → Reset All Images

Reset Print Orders	Cài đặt lại tất cả lệnh in.
Reset Protect	Cài đặt lại tất cả chế độ bảo vệ.
Reset Share Order	Cài đặt lại tất cả lệnh chia sẻ.
Reset Ratings	Đặt lại tất cả xếp hạng.

- Nếu thẻ nhớ được lắp vào cả hai khe, bạn sẽ được nhắc chọn một khe. Chọn một khe và nhấn nút **OK**. Sau đó màn hình xác nhận sẽ được hiển thị.

ⓘ Khi có nhiều ảnh được xếp hạng, **[Reset Ratings]** sẽ mất nhiều thời gian.

Thêm âm thanh vào ảnh (🎤)

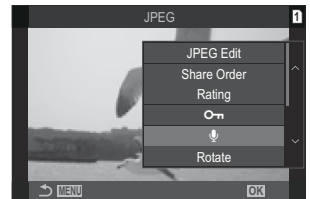
Bạn có thể ghi âm bằng micro âm thanh nổi tích hợp hoặc micro bên ngoài tùy chọn và thêm âm thanh đó vào ảnh. Âm thanh được ghi cung cấp một sự thay thế đơn giản cho ghi chú viết tay về các bức ảnh. Bản ghi âm có thể dài tối đa 30 giây.

1. Hiển thị ảnh mà bạn muốn thêm âm thanh và nhấn nút **OK**.

- Menu trực tiếp phát lại sẽ được hiển thị.

🔒 Không thể ghi âm đối với ảnh được bảo vệ.

2. Chọn [🎤] và nhấn nút **OK**.



3. Chọn [🎤 Start] và nhấn nút **OK** để bắt đầu ghi.

- Để thoát mà không thêm âm thanh, hãy chọn [No].



4. Nhấn nút **OK** để kết thúc ghi.

- Ảnh có âm thanh được biểu thị bằng các biểu tượng 🎵 và chỉ báo hiển thị tốc độ ghi.
- Để xóa âm thanh đã ghi, hãy chọn [Erase] ở Bước 3.

🔗 Âm thanh được ghi ở tốc độ được chọn cho phim. Có thể chọn tốc độ bằng cách sử dụng [Sound Recording Settings] (P.283).

Phát lại âm thanh

Quá trình phát lại sẽ tự động bắt đầu khi ảnh có âm thanh được hiển thị. Để điều chỉnh âm lượng:

1. Hiển thị ảnh có âm thanh mà bạn muốn phát lại.

2. Nhấn Δ hoặc ∇ trên phím mũi tên.

- Nút Δ : Tăng âm lượng.
- Nút ∇ : Giảm âm lượng.



Chỉnh sửa ảnh (Edit)

Tạo bản sao đã chỉnh sửa chi tiết của ảnh. Đối với ảnh RAW, bạn có thể điều chỉnh các cài đặt áp dụng được tại thời điểm ảnh được chụp, chẳng hạn như cân bằng trắng và chế độ ảnh (bao gồm cả bộ lọc nghệ thuật). Với ảnh JPEG, bạn có thể thực hiện các chỉnh sửa đơn giản như cắt xén và thay đổi kích thước.

RAW Data Edit	Chỉnh sửa ảnh và lưu bản sao kết quả ở định dạng JPEG (P.321). Có các tùy chọn sau: [Current]: Lưu ảnh theo cài đặt hiện tại được chọn bằng máy ảnh. [Custom1]/[Custom2]: Điều chỉnh cài đặt trong khi xem trước kết quả trên màn hình hiển thị. Các cài đặt được lưu dưới dạng [Custom1] hoặc [Custom2] . [ART BKT]: Máy ảnh sẽ tạo nhiều bản sao JPEG của mỗi ảnh, mỗi bản sao cho mỗi bộ lọc nghệ thuật được chọn. Chọn một hoặc nhiều bộ lọc và áp dụng chúng cho một hoặc nhiều ảnh.
JPEG Edit	Chỉnh sửa chi tiết cho ảnh JPEG và lưu các bản sao kết quả ở định dạng JPEG (P.323).

Chỉnh sửa chi tiết cho ảnh RAW (RAW Data Edit)

[RAW Data Edit] có thể được sử dụng để điều chỉnh các cài đặt sau.

- Chất lượng ảnh
- Chế độ ảnh
- Màu/độ bão hòa (Color Creator)
- Màu (Partial Color)
- Cân bằng trắng
- Nhiệt độ màu
- Bù phơi sáng
- Vùng tối
- Tổng trung bình
- Vùng sáng
- Khung hình
- Giảm nhiễu ISO cao
- Không gian màu
- Bù méo hình thang

⚠ **[Color Space]** được cố định ở **[sRGB]** khi bộ lọc nghệ thuật được chọn cho chế độ ảnh.

⚠ Không thể chỉnh sửa ảnh RAW nếu:

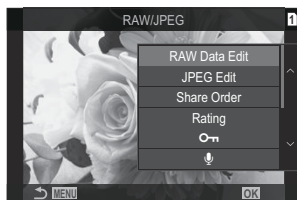
- không đủ dung lượng trên thẻ nhớ hoặc nếu ảnh được tạo bằng máy ảnh khác

1. Hiển thị ảnh bạn muốn chỉnh sửa và nhấn nút **OK**.



- Menu trực tiếp phát lại sẽ được hiển thị.

2. Làm nổi **[RAW Data Edit]** bằng cách sử dụng $\Delta \nabla$ và nhấn nút **OK**.



- Menu chỉnh sửa sẽ được hiển thị.

3. Làm nổi các mục bằng cách sử dụng $\Delta \nabla$.

- Để áp dụng cài đặt máy ảnh hiện tại, hãy làm nổi **[Current]** và nhấn nút **OK**. Cài đặt hiện tại sẽ được áp dụng.

🕒 Đối với bù phơi sáng, cài đặt hiện tại sẽ không được áp dụng.

- Làm nổi **[Yes]** bằng cách sử dụng $\Delta \nabla$ và nhấn nút **OK** để tạo bản sao bằng các cài đặt đã chọn.

- Đối với **[Custom1]** hoặc **[Custom2]**, hãy làm nổi tùy chọn mong muốn và nhấn \triangleright , sau đó chỉnh sửa cài đặt như sau:

- Các tùy chọn chỉnh sửa chi tiết sẽ được hiển thị. Làm nổi các mục bằng cách sử dụng $\Delta \nabla$ và sử dụng $\triangleleft \triangleright$ để chọn cài đặt. Lặp lại cho đến khi đã chọn được tất cả các cài đặt mong muốn. Nhấn nút \odot để xem trước kết quả.



- Nhấn nút **OK** để xác nhận cài đặt. Việc xử lý sẽ được áp dụng cho ảnh.

- Làm nổi **[Yes]** bằng cách sử dụng $\Delta \nabla$ và nhấn nút **OK** để tạo bản sao bằng các cài đặt đã chọn.

- Làm nổi **[ART BKT]** và nhấn \triangleright sẽ hiển thị danh sách các bộ lọc nghệ thuật. Làm nổi các bộ lọc nghệ thuật và nhấn nút **OK** để chọn hoặc bỏ chọn; các bộ lọc đã chọn được đánh dấu bằng \checkmark . Nhấn nút **MENU** để trở về màn hình hiển thị trước đó sau khi đã chọn tất cả các bộ lọc mong muốn.



- Nhấn nút **OK** để ghi ảnh sau khi xử lý bằng bộ lọc nghệ thuật đã chọn.

4. Để tạo thêm bản sao từ cùng một bản gốc, hãy làm nổi **[Reset]** và nhấn nút **OK**. Để thoát mà không tạo thêm bản sao, hãy làm nổi **[No]** và nhấn nút **OK**.
- Chọn **[Reset]** sẽ hiển thị các tùy chọn chỉnh sửa. Lặp lại quy trình từ Bước 3.

Chỉnh sửa chi tiết cho ảnh JPEG (JPEG Edit)

[JPEG Edit] có thể được sử dụng để điều chỉnh các cài đặt sau.

Shadow Adj	Làm sáng các chủ thể ngược sáng.
Red-eye Fix	Giảm hiện tượng “mắt đỏ” trong ảnh chụp bằng đèn flash.
	Cắt xén ảnh. Điều chỉnh kích thước cắt xén bằng nút xoay phía trước hoặc phía sau và định vị bằng $\Delta \nabla \triangleleft \triangleright$.
Aspect	Thay đổi tỷ lệ khung hình từ chuẩn 4:3 thành [3:2] , [16:9] , [1:1] , hoặc [3:4] . Sau khi chọn tỷ lệ khung hình, hãy sử dụng $\Delta \nabla \triangleleft \triangleright$ để định vị phần cắt xén.
Black & White	Tạo bản sao đen trắng của ảnh hiện tại.
Sepia	Tạo bản sao màu nâu đỏ của ảnh hiện tại.
Saturation	Điều chỉnh độ sống động của màu. Có thể xem trước kết quả trên màn hình hiển thị.
	Tạo bản sao đã thay đổi kích thước với kích thước 1280 × 960, 640 × 480 hoặc 320 × 240 pixel. Những ảnh có tỷ lệ khung hình khác với tỷ lệ chuẩn 4:3 sẽ được thay đổi kích thước sao cho gần với tùy chọn đã chọn nhất.

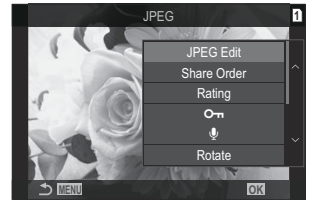
- ① Chức năng hiệu chỉnh mắt đỏ có thể không hoạt động tùy thuộc vào ảnh.
- ① Không thể chỉnh sửa ảnh JPEG nếu:
 - ảnh được xử lý trên máy tính, nếu thẻ nhớ không đủ dung lượng, hoặc nếu ảnh được ghi trên máy ảnh khác.
- ① Không thể làm cho ảnh lớn hơn kích thước ban đầu bằng .
- ① Một số ảnh không thể thay đổi kích thước.
- ①  và **[Aspect]** chỉ có thể được sử dụng để chỉnh sửa ảnh có tỷ lệ khung hình 4:3 (chuẩn).

1. Hiển thị ảnh bạn muốn chỉnh sửa và nhấn nút **OK**.



- Menu trực tiếp phát lại sẽ được hiển thị.

2. Làm nổi **[JPEG Edit]** bằng cách sử dụng $\Delta \nabla$ và nhấn nút **OK**.



- Menu chỉnh sửa sẽ được hiển thị.

3. Làm nổi một tùy chọn bằng cách sử dụng $\Delta \nabla$ và nhấn nút **OK**.

- Có thể xem trước hiệu ứng trên màn hình hiển thị. Nếu có nhiều tùy chọn được liệt kê cho mục đã chọn, hãy sử dụng $\Delta \nabla$ để chọn tùy chọn mong muốn.
- Khi chọn **[Aspect]**, bạn có thể thay đổi kích thước phần cắt xén bằng nút xoay và định vị bằng $\Delta \nabla \triangleleft \triangleright$.
- Khi chọn **[Aspect]**, bạn có thể chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng $\Delta \nabla$, sau đó định vị phần cắt xén bằng cách sử dụng $\Delta \nabla \triangleleft \triangleright$.




4. Làm nổi **[Yes]** bằng cách sử dụng $\Delta \nabla$ và nhấn nút **OK**.

- Bản sao mới sẽ được lưu theo cài đặt đã chọn và máy ảnh sẽ trở về màn hình hiển thị phát lại.

Kết hợp ảnh (Image Overlay)

Chồng các ảnh RAW hiện có lên nhau để tạo ảnh mới. Có thể ghép tối đa 3 ảnh trong một lần chồng ảnh.

Có thể sửa đổi kết quả bằng cách điều chỉnh độ sáng (độ nhạy sáng) riêng cho từng ảnh.

🔗 Lớp chồng ảnh được lưu ở định dạng hiện đang được chọn cho chất lượng ảnh. Các lớp chồng ảnh được tạo với **[RAW]** được chọn cho chất lượng ảnh sẽ được lưu ở định dạng RAW và ở định dạng JPEG bằng cách sử dụng tùy chọn chất lượng ảnh được chọn cho **[ 2]** (P.213).

🔗 Có thể kết hợp các lớp chồng ảnh được lưu ở định dạng RAW với các ảnh RAW khác để tạo thành lớp chồng ảnh ghép 4 ảnh trở lên.

1. Hiện thị ảnh bạn muốn chỉnh sửa và nhấn nút **OK**.
 - Menu trực tiếp phát lại sẽ được hiển thị.
2. Làm nổi **[Image Overlay]** bằng cách sử dụng $\Delta \nabla$ và nhấn nút **OK**.
3. Chọn số lượng ảnh cần chồng và nhấn nút **OK**.

4. Làm nổi ảnh RAW để chồng bằng các nút $\Delta \nabla \triangleleft \triangleright$ và nhấn nút **OK**.

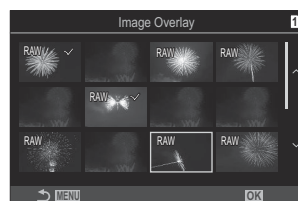
- Biểu tượng \checkmark sẽ xuất hiện trên ảnh đã chọn. Để xóa biểu tượng \checkmark , hãy nhấn nút **OK** một lần nữa.
- Ảnh đã chồng sẽ được hiển thị nếu ảnh có số lượng được chỉ định ở Bước 3 được chọn.

5. Điều chỉnh độ nhạy sáng cho từng ảnh trong lớp chồng ảnh.

- Làm nổi ảnh bằng các nút $\triangleleft \triangleright$ và điều chỉnh độ nhạy sáng bằng các nút $\Delta \nabla$.
- Độ nhạy sáng có thể được điều chỉnh trong phạm vi 0,1 – 2,0. Kiểm tra kết quả trên màn hình.

6. Nhấn nút **OK**; hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị.

- Làm nổi **[Yes]** và nhấn nút **OK**.



Cắt phim (Movie Trimming)

Cắt những cảnh quay đã chọn từ phim. Có thể cắt phim nhiều lần để tạo thành các tập tin chỉ chứa cảnh quay bạn muốn giữ lại.

🔗 Tùy chọn này chỉ khả dụng với phim được quay bằng máy ảnh.

1. Hiển thị phim bạn muốn chỉnh sửa và nhấn nút **OK**.

- Menu trực tiếp phát lại sẽ được hiển thị.

2. Chọn **[Movie Edit]** và nhấn nút **OK**.

3. Sử dụng \triangle ∇ để chọn **[Movie Trimming]** và nhấn nút **OK**.

- Bạn sẽ được nhắc chọn cách mà bạn muốn lưu phim đã chỉnh sửa.
[New File]: Lưu phim đã cắt vào một tập tin mới.
[Overwrite]: Ghi đè phim hiện có.
[No]: Thoát mà không cắt phim.
- Nếu phim được bảo vệ, bạn không thể chọn **[Overwrite]**.

4. Làm nổi một tùy chọn và nhấn nút **OK**.

- Bạn sẽ thấy màn hình hiển thị chỉnh sửa.

5. Cắt phim.

- Sử dụng nút \triangle để chuyển đến khung hình đầu tiên và nút ∇ để chuyển đến khung hình cuối cùng.
- Sử dụng nút xoay phía trước, phía sau hoặc nút \triangleleft để làm nổi khung hình đầu tiên của cảnh quay mà bạn muốn xóa và nhấn nút **OK**.
- Sử dụng nút xoay phía trước, phía sau hoặc nút \triangleright để làm nổi khung hình cuối cùng của cảnh quay mà bạn muốn xóa và nhấn nút **OK**.

6. Làm nổi **[Yes]** và nhấn nút **OK**.

- Phim đã chỉnh sửa sẽ được lưu.
- Để chọn cảnh quay khác, hãy làm nổi **[No]** và nhấn nút **OK**.
- Nếu bạn chọn **[Overwrite]**, bạn sẽ được nhắc chọn có cắt thêm cảnh quay từ phim hay không. Để cắt thêm cảnh quay, hãy làm nổi **[Continue]** và nhấn nút **OK**.


Tạo ảnh tĩnh từ phim (In-Movie Image Capture)

Lưu bản sao tĩnh của khung hình đã chọn.




🔗-Tùy chọn này chỉ khả dụng với phim **[4K]** được quay bằng máy ảnh.


- 1.** Hiển thị phim bạn muốn chỉnh sửa và nhấn nút **OK**.
 - Menu trực tiếp phát lại sẽ được hiển thị.
- 2.** Chọn **[Movie Edit]** và nhấn nút **OK**.
- 3.** Sử dụng $\triangle \nabla$ để chọn **[In-Movie Image Capture]** và nhấn nút **OK**.
- 4.** Sử dụng $\triangleleft \triangleright$ để chọn khung hình muốn lưu dưới dạng ảnh tĩnh và nhấn nút **OK**.
 - Máy ảnh sẽ lưu một bản sao tĩnh của khung hình đã chọn.
 - Sử dụng nút \triangle để quay lại và nút ∇ để tua tới. Khoảng quay lại hoặc tua tới sẽ khác nhau tùy thuộc vào độ dài của phim.

Thay đổi vai trò của nút () trong khi phát lại (Function)

Chọn vai trò mà nút  () đảm nhiệm trong khi phát lại.

Menu

• MENU →  → 2. Operations →   Function

  Function



[↩]: Tạo hoặc sửa đổi "lệnh chia sẻ" bằng cách đánh dấu ảnh để tải lên điện thoại thông minh.


[]: Chọn nhiều ảnh.

Thay đổi vai trò của nút xoay phía trước và phía sau trong khi phát lại (Dial Function)

Chọn chức năng được thực hiện bởi nút xoay phía trước và phía sau.

Menu

• MENU →  → 2. Operations →  Dial Function

 Q (Chỉ mục/Phóng đại)	Phóng to, thu nhỏ hoặc chuyển sang màn hình hiển thị chỉ mục trong khi phát lại.
Prev/Next	Xem ảnh tiếp theo hoặc trước đó trong khi phát lại.

Chọn tỷ lệ thu phóng khi phát lại (Default Setting)

Chọn tỷ lệ thu phóng bắt đầu cho thu phóng khi phát lại (phát lại cận cảnh).

Menu

- MENU →  → 2. Operations →   Default Setting

Recently	Phóng to theo tỷ lệ thu phóng được chọn gần đây nhất.
Equally Value	Ảnh được hiển thị ở tỷ lệ thu phóng 1:1. Biểu tượng  sẽ xuất hiện trên màn hình.
$\times 2 / \times 3 / \times 5 / \times 7 /$ $\times 10 / \times 14$	Chọn tỷ lệ thu phóng bắt đầu.

Tự động xoay ảnh theo chiều dọc để phát lại ()

Chọn xem ảnh chụp theo hướng dọc có được tự động xoay để hiển thị trên máy ảnh hay không.

Menu

• MENU →  → 3. Displays → 

On	Ảnh sẽ tự động xoay để hiển thị trong khi phát lại.
Off	Ảnh không tự động xoay để hiển thị trong khi phát lại.

Chọn thông tin được hiển thị trong khi phát lại (▶ Info Settings)

Chọn thông tin được hiển thị trong khi phát lại. Nhấn nút **INFO** trong khi phát lại sẽ chuyển đổi màn hình hiển thị giữa các màn hình hiển thị đã chọn.

Menu

- MENU → ▶ → 3. Displays → ▶ Info Settings

1. Chọn loại màn hình hiển thị, và đánh dấu tích (✓) bên cạnh.

- Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút **OK** để đánh dấu tích (✓) bên cạnh. Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút **OK** một lần nữa.

Image Only	Chỉ hiển thị ảnh.
Basic	Hiển thị thông tin tối thiểu. Nhấn ▶ để ẩn hoặc hiển thị [🏠] và [Highlight&Shadow] .
Overall	Hiển thị đầy đủ thông tin bao gồm điều kiện chụp và biểu đồ (P293).

ⓘ Không thể tắt bộ cài đặt hiện đang sử dụng, nhưng có thể cấu hình các mục sẽ hiển thị.

Chọn thông tin được hiển thị trong khi phát lại phóng đại (Info Settings)

Chọn màn hình hiển thị khi bạn phóng đại ảnh bằng cách nhấn đa bộ chọn hoặc nút được gán [Q] (phóng đại) (P335).



- ① Hiển thị phát lại
- ② Khung thu phóng
- ③ Hiển thị cuộn thu phóng phát lại

Menu

• MENU →  → 3. Displays →  Info Settings

1. Chọn loại màn hình hiển thị, và đánh dấu tích (✓) bên cạnh.

- Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút **OK** để đánh dấu tích (✓) bên cạnh. Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút **OK** một lần nữa.

Magnify Frame	Hiển thị khung thu phóng.
Magnify Scroll	Cho phép bạn cuộn màn hình hiển thị trong khi phát lại ở chế độ phóng đại.

- ⓘ Nếu bạn bỏ chọn tất cả các tùy chọn, bạn sẽ không thể phóng đại ảnh bằng đa bộ chọn hoặc nút được gán [Q] (phóng đại).

Cấu hình hiển thị chỉ mục (Settings)





Bạn có thể thay đổi số lượng khung hình sẽ hiển thị trên màn hình hiển thị chỉ mục và chọn xem có sử dụng màn hình hiển thị lịch hay không.

Menu

- / : MENU →  → 3. Displays →  Settings

1. Chọn loại màn hình hiển thị, và đánh dấu tích (✓) bên cạnh.

- Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút **OK** để đánh dấu tích (✓) bên cạnh. Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút **OK** một lần nữa.




 4/  9/  25/  100	Chọn số lượng khung hình sẽ hiển thị trên màn hình hiển thị chỉ mục.
Calendar	Ảnh được hiển thị trên lịch.

Các chức năng để cấu hình điều khiển máy ảnh



















Thay đổi chức năng của các nút (Button Settings)














P A S M B 

Có thể gán các vai trò khác cho các nút thay cho chức năng hiện có của chúng.




Các chức năng được gán bằng [ Button Function] chỉ có hiệu lực trong khi chụp ảnh tĩnh. Các chức năng được gán bằng [ Button Function] có hiệu lực ở chế độ  (phim).

Điều khiển có thể tùy chỉnh

Biểu tượng	Nút	Vai trò mặc định	
			
	Nút 	 (bù phơi sáng)	
	Nút 	 (chụp ảnh có độ phân giải cao)	 REC (quay phim)
	Nút ISO	Độ nhạy ISO	
	Nút AF-ON	AF-ON	
	Nút AEL	AEL	
	Nút 	 (màn hình/kính ngắm)	
	Phím mũi tên	Tắt ¹	
	Phím mũi tên  (phải) ²	Chuyển đổi MF (chuyển đổi AF/MF)	

Biểu tượng	Nút	Vai trò mặc định	
			
	Phím mũi tên  (xuống) ²	WB (cân bằng trắng)	
	Nút cân bằng trắng một chạm	 (cân bằng trắng một chạm)	Peaking
	Nút xem trước	Xem trước	Magnify
PBH 	Nút  trên bộ đỡ pin nguồn tùy chọn	 (bù phơi sáng)	
PBH 	Nút ISO trên bộ đỡ pin nguồn tùy chọn	Độ nhạy ISO	
PBH 	Nút AF-ON trên bộ đỡ pin nguồn tùy chọn	AF-ON	
	Nút Fn trên ống kính	Dừng AF	

1 Theo mặc định, không có chức năng nào được gán cho phím mũi tên.

2 Để sử dụng  và  trên phím mũi tên trong vai trò được gán, hãy chọn **[Direct Function]** cho  (phím mũi tên).

Bảng siêu điều khiển

- **OK** →  Button Function /  Button Function



Menu



- **MENU** →  → 1. Operations → Button Settings →  Button Function
- **MENU** →  → 1. Operations → Button Settings →  Button Function


1. Làm nổi nút để cấu hình bằng các nút   và nhấn nút **OK**.


















2. Làm nổi chức năng cần gán bằng các nút    và nhấn nút **OK**.



























Vai trò khả dụng

“Chỉ ”: Chức năng này chỉ khả dụng trong menu [Button Function].






“Chỉ ”: Chức năng này chỉ khả dụng trong menu [Button Function].
























 Các tùy chọn khả dụng khác nhau tùy theo từng nút.






Vai trò	Chức năng
 (quay phim)	Điều khiển sẽ hoạt động như một nút quay phim. Nhấn để bắt đầu hoặc dừng ghi.
Preview  (chỉ )	Giảm khẩu độ xuống giá trị đã chọn. Điều này cho phép bạn xem trước độ sâu trường ảnh. Khẩu độ giảm xuống giá trị hiện được chọn khi nhấn nút. Có thể chọn tùy chọn xem trước bằng cách sử dụng [ Lock] (P.361).
 (Cân bằng trắng một chạm)	Đo giá trị cân bằng trắng một chạm (P.233). Để đo cân bằng trắng trong khi chụp ảnh tĩnh, hãy lấy khung hình một vật thể tham chiếu (một tờ giấy trắng hoặc tương tự) trên màn hình hiển thị, sau đó nhấn giữ điều khiển rồi nhấn nút chụp. Danh sách các tùy chọn cân bằng trắng một chạm sẽ được hiển thị, từ đó bạn có thể chọn vị trí lưu giá trị mới. Để đo cân bằng trắng trong khi quay phim, hãy lấy khung hình một vật thể tham chiếu (một tờ giấy trắng hoặc tương tự) trên màn hình hiển thị và nhấn nút. Danh sách các tùy chọn cân bằng trắng một chạm sẽ được hiển thị, từ đó bạn có thể chọn vị trí lưu giá trị mới.
AF Area Select [ (Chọn vùng AF)	Cấu hình Chế độ mục tiêu AF (P.108) và Điểm mục tiêu AF (P.107). Nhấn điều khiển để xem màn hình hiển thị chọn mục tiêu AF. Sử dụng nút xoay phía trước hoặc phía sau để chọn chế độ mục tiêu AF và đa bộ chọn hoặc phím mũi tên để định vị mục tiêu AF.  Bạn có thể chọn các điều khiển được sử dụng cho thao tác này.  “Chọn mục tiêu AF [ Select Screen Settings)” (P.143)
[]Home []HP (Vị trí ban đầu AF) (chỉ )	Gọi lại các cài đặt “vị trí ban đầu” [AF Target Mode] và [AF Target Point] đã lưu trước đó. Cài đặt vị trí ban đầu được lưu bằng cách sử dụng []Set Home] (P.141).  Bạn có thể lưu các vị trí ban đầu riêng biệt cho hướng ngang và hướng dọc.  “Khớp lựa chọn mục tiêu AF với hướng máy ảnh [ Orientation Linked []” (P.139)










Vai trò	Chức năng
MF (MF) (Chuyển đổi AF/MF)	Chuyển đổi giữa AF và MF. Nhấn một lần để chọn MF và nhấn lần nữa để trở về chế độ trước đó. Chế độ lấy nét cũng có thể được chọn bằng cách đè giữ nút và xoay nút xoay.
RAW  (chất lượng ảnh RAW) (chỉ )	Nếu bạn nhấn nút khi  được đặt thành JPEG, thì sẽ thay đổi thành RAW+JPEG. Nếu được đặt thành RAW hoặc RAW+JPEG, cài đặt sẽ không thay đổi. Bạn cũng có thể chọn cài đặt chất lượng ảnh bằng cách đè giữ nút và xoay nút xoay.
Test Picture (Test) (chỉ )	Chụp một ảnh thử. Bạn có thể xem hiệu ứng của các cài đặt đã chọn trong một bức ảnh thực tế. Nếu bạn nhấn giữ điều khiển trong khi nhấn nút chụp, bạn sẽ có thể xem kết quả nhưng ảnh sẽ không được lưu vào thẻ nhớ.
Custom Mode C1–C4 (C1–C4) (chỉ )	Gọi lại cài đặt cho chế độ tùy chỉnh đã chọn. Nhấn điều khiển một lần để gọi lại cài đặt đã lưu, nhấn lần thứ hai để khôi phục cài đặt có hiệu lực trước đó (P.77). Bộ điều khiển tiếp tục thực hiện chức năng này khi chế độ tùy chỉnh được chọn bằng nút xoay chế độ.
Exposure Comp. (Ex)	<p>Điều chỉnh cài đặt phơi sáng. Giữ điều khiển và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau. Ngoài ra, bạn có thể nhấn nút để kích hoạt cài đặt và sau đó xoay nút xoay. Các điều chỉnh khả dụng sẽ thay đổi tùy theo chế độ chụp:</p> <p>[P]: Sử dụng nút xoay phía trước hoặc phía sau hoặc   để bù phơi sáng. Sử dụng các nút   để chuyển chương trình.</p> <p>[A]: Sử dụng nút xoay phía trước hoặc phía sau hoặc   để bù phơi sáng. Sử dụng các nút   để điều chỉnh khẩu độ.</p> <p>[S]: Sử dụng nút xoay phía trước hoặc phía sau hoặc   để bù phơi sáng. Sử dụng các nút   cho tốc độ màn trập.</p> <p>[M]: Sử dụng nút xoay phía sau hoặc   cho tốc độ màn trập. Sử dụng nút xoay phía trước hoặc các nút   cho khẩu độ.</p> <p> Để biết thông tin về điều chỉnh cài đặt phơi sáng khi chọn [Auto] cho [ISO] (P.168), xem “Điều chỉnh bù phơi sáng (P.156)”.</p> <p>[B]: Sử dụng nút xoay phía sau hoặc   để chuyển đổi giữa chế độ chụp ảnh bulb/thời gian và chụp ảnh tổng hợp trực tiếp. Sử dụng nút xoay phía trước hoặc các nút   cho khẩu độ.</p>










Vai trò	Chức năng
Digital Tele-converter (📷): 🔍 2x / 📷: 🔍 1.4x	Bật hoặc tắt bộ chuyển đổi tele kỹ thuật số (P.261). Nhấn một lần để phóng to và nhấn lần nữa để thu nhỏ. Bạn có thể bật/tắt chức năng này ngay cả khi đang quay phim. Trong quá trình quay phim, một khung hình sẽ hiển thị cho biết khu vực sẽ được phóng đại bằng bộ chuyển đổi tele kỹ thuật số.
Keystone Comp. (📷) (chỉ 📷)	Nhấn điều khiển để xem cài đặt bù méo hình thang (P.266). Sau khi điều chỉnh cài đặt, nhấn điều khiển lần nữa để thoát. Để hủy bù méo hình thang, hãy nhấn giữ điều khiển.
Fisheye Compensation (📷) (chỉ 📷)	Bật chức năng hiệu chỉnh mắt cá (P.268). Nhấn một lần để bật chức năng hiệu chỉnh mắt cá. Nhấn lần nữa để tắt. Đè giữ nút và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau để chọn từ các tùy chọn [Angle] 1, 2 và 3.
Magnify (🔍)	Nhấn điều khiển một lần để hiển thị khung thu phóng và nhấn lần nữa để phóng to (P.113). Nhấn điều khiển lần thứ ba để thoát khỏi chế độ thu phóng; để ẩn khung thu phóng, hãy nhấn giữ điều khiển. Sử dụng đa bộ chọn, điều khiển cảm ứng hoặc $\triangle \nabla \triangleleft \triangleright$ để định vị khung thu phóng.
HDR (chỉ 📷)	Bật HDR (P.255). Nhấn một lần để bật HDR. Nhấn lần nữa để tắt. Đè giữ nút và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau để điều chỉnh cài đặt [HDR] , bao gồm cả chế độ chụp bù sáng HDR.
ISO	Điều chỉnh cài đặt [ISO] (P.168). Giữ điều khiển và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau. Ngoài ra, bạn có thể nhấn nút để kích hoạt cài đặt và sau đó xoay nút xoay. Làm nổi các cài đặt bằng cách sử dụng nút xoay phía trước hoặc phía sau hoặc $\triangleleft \triangleright$.
WB (WB) (cân bằng trắng)	Điều chỉnh cài đặt [WB] (P.230). Giữ điều khiển và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau. Ngoài ra, bạn có thể nhấn nút để kích hoạt cài đặt và sau đó xoay nút xoay. Làm nổi các cài đặt bằng cách sử dụng nút xoay phía trước hoặc phía sau hoặc $\triangleleft \triangleright$.
Multi Function (Multi Fn) (Đa chức năng)	Cấu hình điều khiển để sử dụng như một nút đa chức năng (P.345). Đè giữ điều khiển và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau để chọn chức năng cần thực hiện. Chức năng đã chọn có thể được thực hiện bằng cách nhấn điều khiển.

Vai trò	Chức năng
Peaking (Peak)	Chuyển đổi bật hoặc tắt chức năng lấy nét đỉnh (P.149). Nhấn điều khiển một lần để bật tô sáng điểm lấy nét và nhấn lần nữa để tắt. Khi bật tô sáng điểm lấy nét, các tùy chọn tô sáng điểm lấy nét (màu, lượng) có thể được hiển thị bằng cách nhấn nút INFO .
Level Disp ()	Hiển thị thước đo độ cân bằng kỹ thuật số. Thanh phơi sáng hiển thị trong kính ngắm có chức năng như một thước đo độ cân bằng. Nhấn điều khiển lần nữa để thoát. Tùy chọn này có hiệu lực khi [Style 1] hoặc [Style 2] được chọn cho [EVF Style] (P.369).
View Selection () (hiển thị lựa chọn)	Chuyển đổi giữa chế độ chụp ảnh qua kính ngắm và chế độ xem trực tiếp. Nếu chọn [Off] cho [EVF Auto Switch] (P.403), màn hình hiển thị sẽ chuyển đổi giữa kính ngắm và màn hình. Nhấn giữ điều khiển để hiển thị các tùy chọn [EVF Auto Switch] .
LV Mode (S-OVF) (chỉ )	Chuyển đổi [LV Mode] (P.363) giữa [Standard] và [S-OVF] .
AF Limiter (AFLimit) (chỉ )	Bật [AF Limiter] (P.132). Nhấn một lần để bật [AF Limiter] . Nhấn lần nữa để tắt. Đè giữ nút và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau để chọn từ ba cài đặt đã lưu trữ.
Preset MF (PreMF)	Đặt [AF Mode] thành [PreMF] (P.102) Nhấn điều khiển một lần để bật MF cài sẵn và nhấn lần nữa để khôi phục chế độ lấy nét trước đó. Ngoài ra, bạn có thể chọn [AF Mode] bằng cách giữ điều khiển và xoay nút xoay.
Lens Info Settings ()	Gọi lại dữ liệu ống kính đã lưu trước đó (P.395). Gọi lại dữ liệu đã lưu cho ống kính hiện tại sau khi thay đổi ống kính hoặc tương tự.
IS Mode (IS)	Chuyển đổi bật hoặc tắt [Image Stabilizer] (P.206). Nhấn một lần để chọn [Off] và nhấn lần nữa để bật chống rung ảnh. Đè giữ điều khiển và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau để truy cập các tùy chọn [Image Stabilizer] .
Flicker Scan (Flicker Scan)	Điều chỉnh cài đặt cho [Flicker Scan] (P.159). Nhấn điều khiển để chọn [On] . Bạn có thể điều chỉnh tốc độ màn trập để có kết quả tốt nhất trong khi xem dải sọc trên màn hình hiển thị. Nhấn điều khiển lần nữa để hiển thị thông tin chụp và truy cập các cài đặt khác. Nhấn giữ điều khiển để chọn [Off] cho [Flicker Scan] .

Vai trò	Chức năng
Live ND Shooting (ND) (chỉ )	Bật bộ lọc ND trực tiếp (P.245). Nhấn một lần để bật [Live ND Shooting] . Nhấn lần nữa để tắt. Đè giữ nút và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau để điều chỉnh cài đặt [ND Number] .
Live GND Shooting (GND) (chỉ )	Bật bộ lọc GND trực tiếp (P.248). Nhấn một lần để bật [Live GND Shooting] và điều chỉnh vị trí bộ lọc và cài đặt ranh giới. Nhấn điều khiển lần nữa để hiển thị thông tin chụp và truy cập các cài đặt khác. Đè giữ nút và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau để điều chỉnh [Filter Type] và [GND Number] . Nhấn giữ điều khiển để chọn [Off] cho [Live GND Shooting] .
Off	Điều khiển không được sử dụng.
Flash Mode (⚡) (chỉ )	Điều chỉnh cài đặt đèn flash (P.181). Nhấn một lần để hiển thị các tùy chọn đèn flash và nhấn lần nữa để chọn tùy chọn được làm nổi và thoát. Làm nổi các cài đặt bằng cách sử dụng nút xoay phía trước hoặc phía sau hoặc   . 🕒 Chức năng này chỉ có thể được gán cho các nút  và  . Trước tiên, bạn phải đặt [↕] thành [Direct Function] .
 /  (chụp liên tiếp/chụp hẹn giờ) (chỉ )	Chọn chế độ chụp khác (chụp liên tiếp/chụp hẹn giờ) (P.192). Nhấn nút để hiển thị các tùy chọn chế độ chụp khác và sau đó chọn chế độ bằng nút xoay phía trước, phía sau hoặc các nút   . 🕒 Chức năng này chỉ có thể được gán cho các nút  và  . Trước tiên, bạn phải đặt [↕] thành [Direct Function] .
 Lock (khóa điều khiển cảm ứng)	Khóa điều khiển cảm ứng. Nhấn giữ nút một lần để khóa điều khiển cảm ứng và nhấn giữ lần nữa để mở khóa. 🕒 Chức năng này chỉ có thể được gán cho các nút  và  . Trước tiên, bạn phải đặt [↕] thành [Direct Function] .
Electronic Zoom (W↔T)	Phóng to hoặc thu nhỏ ống kính thu phóng điện. Sau khi nhấn điều khiển, hãy sử dụng phím mũi tên để phóng to hoặc thu nhỏ. Sử dụng  hoặc  để phóng to và  hoặc  để thu nhỏ. 🕒 Chức năng này chỉ có thể được gán cho các nút  và  . Trước tiên, bạn phải đặt [↕] thành [Direct Function] .

Vai trò	Chức năng
AF Stop (AF Stop)	Tạm dừng lấy nét tự động. Lấy nét sẽ khóa và lấy nét tự động bị tạm dừng trong khi nhấn điều khiển. Chỉ áp dụng cho nút L-Fn của ống kính.
Focus Ring Lock ()	Nhấn điều khiển một lần để tắt và nhấn lần nữa để bật vòng lấy nét của ống kính. Tùy chọn này khả dụng khi [S-AF MF] , [C-AF MF] , [MF] , [C-AF+TR MF] , [Pre MF] , hoặc [AF MF] được chọn cho [AF Mode] . Phần MF của chỉ báo chế độ AF được hiển thị màu xám trong khi vòng bị tắt. Đối với các ống kính được trang bị chuyển đổi MF (lấy nét thủ công), việc nhấn nút sẽ không có tác dụng khi vòng lấy nét ở vị trí MF (gần thân máy ảnh hơn). Khóa vòng lấy nét sẽ kết thúc khi bạn thực hiện thao tác như tắt máy ảnh hoặc gắn một ống kính khác.
Night Vision (Night LV) (chỉ )	Nhấn nút khi [Off] được chọn cho [Night Vision] (P.364) sẽ làm [On] được chọn. Nếu [On] được chọn, nhấn nút sẽ chọn [Off] .
AEL (AE lock)	Nhấn nút để khóa phơi sáng. Nhấn lần nữa để nhả ra.
AF-ON	Máy ảnh sẽ lấy nét bằng lấy nét tự động trong khi nhấn nút (P.119). Máy ảnh sẽ ngừng lấy nét khi nút được nhả ra.
AE BKT (chỉ )	Nhấn nút khi [Off] được chọn cho [AE BKT] sẽ chọn cài đặt được chọn trong [AE BKT] . Nếu một tùy chọn khác ngoài [Off] được chọn, nhấn nút sẽ chọn [Off] . Để chọn tùy chọn cho [AE BKT] , hãy đè giữ nút và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau.
WB BKT (chỉ )	Nhấn nút khi [Off] được chọn cho [WB BKT] sẽ chọn cài đặt được chọn trong [WB BKT] . Nếu một tùy chọn khác ngoài [Off] được chọn, nhấn nút sẽ chọn [Off] . Để chọn tùy chọn cho [WB BKT] , hãy đè giữ nút và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau.
FL BKT (chỉ )	Nhấn nút khi [Off] được chọn cho [FL BKT] sẽ chọn cài đặt được chọn trong [FL BKT] . Nếu một tùy chọn khác ngoài [Off] được chọn, nhấn nút sẽ chọn [Off] . Để chọn tùy chọn cho [FL BKT] , hãy đè giữ nút và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau.

Vai trò	Chức năng
ISO BKT (chỉ )	Nhấn nút khi [Off] được chọn cho [ISO BKT] sẽ chọn cài đặt được chọn trong [ISO BKT] . Nếu một tùy chọn khác ngoài [Off] được chọn, nhấn nút sẽ chọn [Off] . Để chọn tùy chọn cho [ISO BKT] , hãy đè giữ nút và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau.
ART BKT (chỉ )	Chuyển đổi [ART BKT] giữa [On] hoặc [Off] . Để chọn tùy chọn cho [ART BKT] , hãy nhấn giữ nút.
Focus BKT (chỉ )	Chuyển đổi [Focus BKT] giữa [On] hoặc [Off] . Để chọn tùy chọn cho [Focus BKT] , hãy nhấn giữ nút.
Focus Stacking () (chỉ )	Chuyển đổi [Focus Stacking] giữa [On] hoặc [Off] . Để chọn tùy chọn cho [Focus Stacking] , hãy nhấn giữ nút.
High Res Shot () (chỉ )	Nhấn nút khi [Off] được chọn cho [High Res Shot] sẽ chọn cài đặt được chọn trong [High Res Shot] . Nếu một tùy chọn khác ngoài [Off] được chọn, nhấn nút sẽ chọn [Off] . Để chọn tùy chọn cho [High Res Shot] , hãy đè giữ nút và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau.
Subject Selection ()	Có thể khóa (cố định) chủ thể cần lấy nét bằng nút. Nếu phát hiện nhiều chủ thể, bạn có thể chọn và khóa vào chủ thể cần lấy nét bằng cách xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau trong khi nhấn nút. Khi mắt được phát hiện trong khi [Human] được chọn, bạn có thể chọn mắt nào để khóa vào làm chủ thể cần lấy nét bằng cách xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau trong khi nhấn nút. Trong khi bị khóa, bạn có thể chọn chủ thể khác bằng cách di chuyển đa bộ chọn hoặc nhấn △ ▽ < ▷ . Nhấn lần nữa để mở khóa. Tùy chọn này cũng có thể được sử dụng trong khi quay phim.
Subject Detection ()	Nhấn nút khi [Off] được chọn cho [Subject Detection] sẽ chọn cài đặt được chọn trong [Subject Detection] . Nếu một tùy chọn khác ngoài [Off] được chọn, nhấn nút sẽ chọn [Off] . Để chọn tùy chọn cho [Subject Detection] , hãy đè giữ nút và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau.

Vai trò	Chức năng
Direct Function 	Gán vai trò cho các nút trên phím mũi tên (Δ ∇ \triangleleft \triangleright). Có thể gán các vai trò sau: Nút \triangleleft :  (chọn mục tiêu AF) Nút Δ :  (bù phơi sáng) Nút \triangleright : Chuyển đổi MF (chuyển đổi AF/MF) Nút ∇ : WB (cân bằng trắng) <ul style="list-style-type: none"> Các nút \triangleright và ∇ có thể được gán các chức năng khác.
WB AUTO Lock (Lock WB AUTO) (chỉ )	Khi quay phim với cân bằng trắng được đặt thành [WB Auto] , nhấn nút sẽ khóa cân bằng trắng. Nhấn lần nữa để mở khóa.
 View Assist (BT.709) (chỉ )	Chuyển đổi [ View Assist] giữa [On] hoặc [Off] . Bạn có thể thay đổi cài đặt ngay cả khi đang quay phim.
Zebra Pattern Settings  Zebra) (chỉ )	Chuyển đổi [Zebra Pattern Settings] giữa [On] hoặc [Off] . Bạn có thể thay đổi cài đặt ngay cả khi đang quay phim.

Sử dụng tùy chọn đa chức năng (Multi Function)

Gán nhiều vai trò cho một nút.

⑦ Để sử dụng tính năng đa chức năng, trước tiên bạn phải gán **[Multi Function]** cho một điều khiển máy ảnh. 🖱️ “Điều khiển có thể tùy chỉnh” (P.335)

Chọn chức năng

1. Đè giữ nút được gán **[Multi Function]** và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau.





- Xoay nút xoay cho đến khi tính năng mong muốn được làm nổi. Nhả nút để chọn tính năng được làm nổi.



2. Nhấn nút được gán **[Multi Function]**.


3. Điều chỉnh cài đặt.



Nút **[Multi Function]** có thể được sử dụng cho:

	Highlight&Shadow Control	Thay đổi cài đặt bằng cách sử dụng nút xoay phía trước và phía sau. Nhấn nút INFO để thay đổi vùng (sáng, trung, tối) cần cấu hình.
	Color Creator	Sử dụng nút xoay phía trước để điều chỉnh sắc độ và nút xoay phía sau để điều chỉnh độ bão hòa.
ISO	ISO	Thay đổi cài đặt bằng cách sử dụng nút xoay phía trước và phía sau.
WB	WB	
	Magnify	Khung thu phóng sẽ được hiển thị.

	Image Aspect	Thay đổi cài đặt bằng cách sử dụng nút xoay phía trước và phía sau.
S-OVF	 LV Mode	Cài đặt sẽ chuyển đổi giữa [Standard] và [S-OVF] mỗi khi nhấn nút.
Peak	Peaking	Bật và tắt mỗi khi nhấn nút.



 Bạn có thể chọn các tùy chọn được hiển thị.  **[Multi Function Settings]** (P.380)

 **[Highlight&Shadow Control]** cũng có thể được cấu hình bằng các thao tác sau.

- Trong khi chụp, hãy nhấn  (Bù phơi sáng) rồi nhấn nút **INFO**.
- Sau khi nhấn **OK** trên màn hình hiển thị chụp, hãy chọn **[Exposure Comp./**] trên bảng siêu điều khiển (P.95) và nhấn **OK**.


Quay phim bằng cách nhấn nút chụp (Shutter Function)




P A S M B 

Cấu hình nút chụp như nút  (quay phim). Sau đó, có thể kết nối điều khiển từ xa tùy chọn thông qua cáp và sử dụng để bắt đầu hoặc dừng ghi khi xoay nút xoay chế độ đến  (phim) (P.454).

Menu

- MENU →  → 1. Operations → Button Settings →  Shutter Function

Off	Không thể sử dụng nút chụp để quay phim.
 REC	Nhấn nút chụp xuống hết cỡ để bắt đầu hoặc dừng quay phim.





 Không thể sử dụng nút  để quay phim khi **[ REC]** được chọn.

Thao tác menu bằng nút (Menu operation by **PASMB**

Bạn có thể bật cài đặt để sử dụng nút  thay vì nút **MENU** để thao tác menu. Sử dụng tính năng này nếu bạn muốn sử dụng tay phải để dùng nút **MENU** lúc chụp trong một số trường hợp.

Menu

- **MENU** ➔  ➔ 1. Operations ➔ Button Settings ➔ Menu operation by 

Yes	Nút  sẽ hoạt động như nút MENU trên màn hình chờ chụp và màn hình menu, và như nút  trên màn hình phát lại.
No	Nút  sẽ chỉ hoạt động như nút  .

Gán chức năng cho các nút xoay phía trước và phía sau (📷 Dial Function / 📷 Dial Function)

PASMB 📷

Chọn chức năng được thực hiện bởi nút xoay phía trước và phía sau.

Menu

- MENU → ⚙️ → 1. Operations → Dial Settings → 📷 Dial Function
- MENU → ⚙️ → 1. Operations → Dial Settings → 📷 Dial Function

1. Làm nổi một tùy chọn và nhấn nút **OK**.

- Chọn nút xoay bằng các nút <|> và sử dụng các nút Δ ▽ để chọn vai trò.
- Nhấn nút **INFO** để di chuyển giữa các vị trí lấy.
- Nhấn nút **OK** khi cài đặt được hoàn tất.

🕒 Khi [**Fn Lever Function**] / [**Fn Lever Function**] được đặt thành một cài đặt khác với [**mode1**], các chức năng được gán cho lấy 1 vẫn được bật ngay cả khi lấy ở vị trí 2.




Các chức năng có thể được gán trong [**Dial Function**] được liệt kê dưới đây.



Vai trò	Chức năng	Chế độ chụp				
		P	A	S	M	B
Program Shift (Ps)	Cấu hình chuyển chương trình (P.61).	✓	—	—	—	—
Shutter Speed (Shutter)	Chọn tốc độ màn trập.	—	—	✓	✓	✓ ¹
Aperture Value (FNo.)	Điều chỉnh khẩu độ.	—	✓	—	✓	✓
Exposure Comp. (📷)	Điều chỉnh bù phơi sáng.	✓	✓	✓	✓	✓
Flash Exposure Comp. (📷)	Điều chỉnh bù phơi sáng đèn flash.	✓	✓	✓	✓	✓

Vai trò	Chức năng	Chế độ chụp				
		P	A	S	M	B
ISO	Điều chỉnh độ nhạy ISO.	✓	✓	✓	✓	✓
WB (WB)	Điều chỉnh cân bằng trắng.	✓	✓	✓	✓	✓
CWB Kelvin (CWB Kelvin)	Điều chỉnh nhiệt độ màu khi CWB (Cân bằng trắng tùy chỉnh) được chọn cho cân bằng trắng.	✓	✓	✓	✓	✓
Off	Không có.	✓	✓	✓	✓	✓

1 Chuyển đổi giữa chế độ chụp ảnh bulb, thời gian và tổng hợp trực tiếp.

Các chức năng có thể được gán trong [ Dial Function] được liệt kê dưới đây.

Vai trò	Chức năng	Chế độ  (Chế độ phơi sáng phim)			
		P	A	S	M
Shutter Speed (Shutter)	Chọn tốc độ màn trập.	—	—	✓	✓
Aperture Value (FNo.)	Điều chỉnh khẩu độ.	—	✓	—	✓
Exposure Comp. ()	Điều chỉnh bù phơi sáng.	✓	✓	✓	✓
ISO	Điều chỉnh độ nhạy ISO.	—	—	—	✓
WB (WB)	Điều chỉnh cân bằng trắng.	✓	✓	✓	✓
CWB Kelvin (CWB Kelvin)	Điều chỉnh nhiệt độ màu khi CWB (Cân bằng trắng tùy chỉnh) được chọn cho cân bằng trắng.	✓	✓	✓	✓
Sound Recording Level ( Vol)	Điều chỉnh âm lượng ghi.	✓	✓	✓	✓

Vai trò	Chức năng	Chế độ  (Chế độ phơi sáng phim)			
		P	A	S	M
Headphone Volume ( Vol)	Điều chỉnh âm lượng tai nghe.	✓	✓	✓	✓
Off	Không có.	✓	✓	✓	✓

Thay đổi hướng nút xoay (Dial Direction)

P A S M B 

Chọn hướng xoay nút xoay để đặt phơi sáng.

Menu

• MENU ➔ ⚙ ➔ 1. Operations ➔ Dial Settings ➔ Dial Direction



Exposure	Chọn hướng xoay nút xoay để đặt khẩu độ và tốc độ màn trập ở các chế độ A , S , M , và B .
Ps	Chọn hướng xoay nút xoay để chuyển chương trình (chế độ P).

Thay đổi chức năng của đa bộ chọn (Multi Selector Settings)

Chọn hướng xoay nút xoay để đặt phơi sáng.

Menu


• MENU → ⚙️ → 1. Operations → Multi Selector Settings

 Center Button	<p>Chọn thao tác được thực hiện khi nhấn đa bộ chọn. Đa bộ chọn sau đó có thể hoạt động như một nút.</p> <p>[Off]: Không có chức năng nào được gán. Nhấn đa bộ chọn sẽ không có tác dụng.</p> <p>[[::]]: Nhấn đa bộ chọn để điều chỉnh cài đặt cho chọn mục tiêu AF hoặc chế độ mục tiêu AF. Có thể sử dụng phím mũi tên hoặc nút xoay phía trước và phía sau theo cài đặt đã chọn cho [[::]]Select Screen Settings (P.143).</p> <p>[[::]]HP: Đa bộ chọn thực hiện chức năng được chọn cho [📷 Button Function] > [[::]]Home (P.141).</p> <p>🕒 Tùy chọn này chỉ áp dụng ở chế độ chụp ảnh tĩnh.</p>
 Direction Key	<p>Chọn thao tác được thực hiện khi nghiêng đa bộ chọn. Đa bộ chọn thường được sử dụng để định vị mục tiêu AF, nhưng có thể tắt chức năng này để tránh thao tác ngoài ý muốn.</p> <p>[Off]: Không có chức năng nào được gán.</p> <p>[[::]]: Có thể sử dụng đa bộ chọn để định vị mục tiêu AF.</p>








Tùy chỉnh lấy Fn (Fn Lever Settings)

P A S M B 

Menu

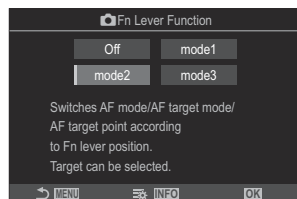
- MENU →  → 1. Operations → Fn Lever Settings

Cách cấu hình lấy Fn

 Fn Lever Function	<p>Chọn chức năng của lấy Fn trong chế độ chụp ảnh tĩnh.</p> <p>Có thể sử dụng lấy Fn để chọn chức năng của nút xoay phía trước và phía sau hoặc để gọi lại cài đặt lấy nét. Cũng có thể dùng để chọn chế độ phim.</p> <p>Lấy Fn được cấu hình trong menu này có hiệu lực ở các chế độ  (chụp ảnh tĩnh). Tùy chọn được chọn bằng [ Fn Lever Function] có hiệu lực ở chế độ  (phim).</p>
 Fn Lever Function	<p>Chọn chức năng của lấy Fn trong chế độ phim.</p> <p>Có thể sử dụng lấy Fn để chọn chức năng của nút xoay phía trước và phía sau hoặc để gọi lại cài đặt lấy nét.</p> <p>Chức năng được gán cho lấy Fn bằng mục này sẽ có hiệu lực ở chế độ  (phim). Ở các chế độ P, A, S, M, và B (chụp ảnh tĩnh), lấy Fn thực hiện chức năng được chọn trong [ Fn Lever Function].</p>
Fn Lever/ Power Lever	<p>Lấy Fn có thể được sử dụng như lấy bật/tắt. Sử dụng tính năng này nếu bạn muốn sử dụng tay phải để bật hoặc tắt máy ảnh trong khi chụp.</p>

Cấu hình [📷 Fn Lever Function]

1. Chọn [📷 Fn Lever Function] trên màn hình [Fn Lever Settings] và nhấn nút **OK**.



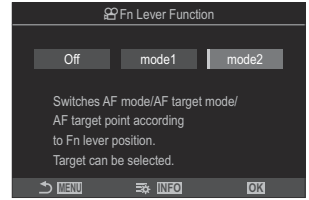
Màn hình Chức năng lấy Fn

Off	Thay đổi vị trí lấy Fn không có tác dụng.
mode1	Chuyển đổi chức năng của nút xoay phía trước và phía sau bằng cách thay đổi vị trí của lấy Fn . Các chức năng cho Vị trí 1 và 2 tuân theo cài đặt được chọn cho [📷 Dial Function] (P.348).
mode2	Chuyển đổi giữa hai nhóm cài đặt đã chọn trước đó cho [AF Mode], [AF Target Mode], và [AF Target Point] Nhấn nút INFO và đánh dấu tích (✓) bên cạnh cài đặt mà bạn muốn gọi lại bằng lấy Fn . Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút OK một lần nữa. [AF Mode]: S-AF, C-AF, v.v... [AF Target Mode]: [·]Single, [📷]All, v.v... [AF Target Point]: Vị trí mục tiêu AF
mode3	Chuyển đổi chế độ chụp. Bạn có thể chuyển sang chế độ 📷 (phim) mà không cần xoay nút xoay chế độ.

- ⓘ Khi [mode3] được chọn, [📷 Fn Lever Function] không thể sử dụng (P.356).
- ⓘ Không thể sử dụng chức năng này trong các trường hợp sau.
 - [Fn Lever/Power Lever] (P.357) được đặt thành [ON/OFF] hoặc [OFF/ON].

Cấu hình [Fn Lever Function]

1. Chọn [Fn Lever Function] trên màn hình [Fn Lever Settings] và nhấn nút **OK**.



Màn hình Chức năng lấy Fn

Off	Thay đổi vị trí lấy Fn không có tác dụng.
mode1	Chuyển đổi chức năng của nút xoay phía trước và phía sau bằng cách thay đổi vị trí của lấy Fn . Các chức năng cho Vị trí 1 và 2 tuân theo cài đặt được chọn cho [Dial Function] (P.348).
mode2	<p>Chuyển đổi giữa hai nhóm cài đặt đã chọn trước đó cho [AF Mode], [AF Target Mode], và [AF Target Point]</p> <p>Nhấn nút INFO và đánh dấu tích (✓) bên cạnh cài đặt mà bạn muốn gọi lại bằng lấy Fn.</p> <p>Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút OK một lần nữa.</p> <p>[AF Mode]: S-AF, C-AF, v.v...</p> <p>[AF Target Mode]: [#] Small, [#] All, v.v...</p> <p>[AF Target Point]: Vị trí mục tiêu AF</p>

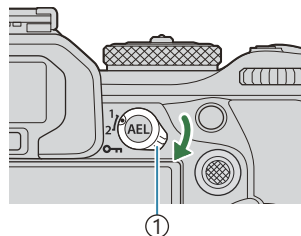
ⓘ Không thể sử dụng chức năng này trong các trường hợp sau.

- [mode3] được chọn cho [Fn Lever Function] (P.353).
- [Fn Lever/Power Lever] (P.357) được đặt thành **[ON/OFF]** hoặc **[OFF/ON]**.

Sử dụng [mode2] của [📷 Fn Lever Function] / [📹 Fn Lever Function]

Khi [mode2] được chọn cho [📷 Fn Lever Function] / [📹 Fn Lever Function], máy ảnh sẽ lưu trữ các cài đặt lấy nét riêng biệt cho Vị trí 1 và 2.

1. Xoay lẫy Fn đến Vị trí 1 và đặt cài đặt AF.



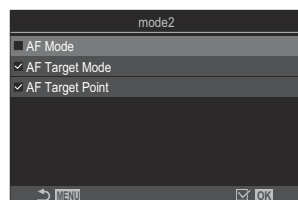
① Lấy Fn

- Máy ảnh có thể lưu trữ các cài đặt đã được đánh dấu tích (✓) trong:

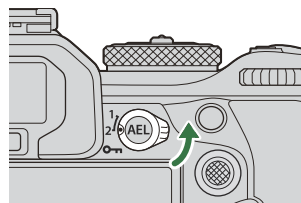
[AF Mode]: S-AF, C-AF, v.v...

[AF Target Mode]: [·]Single, [📄]All, v.v...

[AF Target Point]: Vị trí mục tiêu AF



2. Xoay lẫy Fn đến Vị trí 2 và đặt cài đặt AF.



3. Xoay lẫy đến vị trí mong muốn để gọi lại cài đặt đã lưu.

Cấu hình [Fn Lever/Power Lever]

1. Chọn [Fn Lever/Power Lever] trên màn hình [Fn Lever Settings] và nhấn nút **OK**.



Fn	Lấy hoạt động theo các tùy chọn được chọn cho [Fn Lever Function] và [Fn Lever Function] (P.356).
ON/OFF	Lấy hoạt động như một lấy ON/OFF . Vị trí 1 bật và Vị trí 2 tắt.
OFF/ON	Lấy hoạt động như một lấy ON/OFF . Vị trí 1 tắt và Vị trí 2 bật.


- ⓘ Lấy **ON/OFF** không thể được sử dụng để tắt máy ảnh khi [**ON/OFF**] hoặc [**OFF/ON**] được chọn. [Fn Lever Function] và [Fn Lever Function] cũng không khả dụng tương tự.

Ống kính thu phóng điện (Electronic Zoom Settings)




P A S M B 

Chọn tốc độ mà ống kính thu phóng điện sẽ phóng to hoặc thu nhỏ khi xoay vòng thu phóng. Điều chỉnh tốc độ thu phóng nếu tốc độ quá nhanh khiến bạn khó lấy nét được chủ thể.

Menu


• MENU →  → 1. Operations → Electronic Zoom Settings

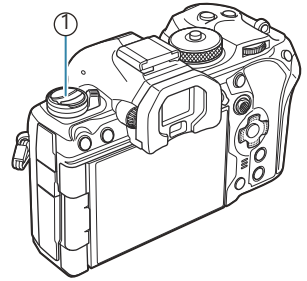
 Elec. Zoom Speed	<p>Đặt tốc độ thu phóng cho chế độ  (chụp ảnh tĩnh).</p> <p>[Low]: Thu phóng chậm. Lựa chọn hợp lý khi cần điều chỉnh chính xác.</p> <p>[Normal]: Tốc độ thu phóng bình thường.</p> <p>[High]: Thu phóng nhanh.</p>
 Elec. Zoom Speed	<p>Đặt tốc độ thu phóng cho chế độ  (phim).</p> <p>[Low]: Thu phóng chậm. Lựa chọn hợp lý khi cần điều chỉnh chính xác.</p> <p>[Normal]: Tốc độ thu phóng bình thường.</p> <p>[High]: Thu phóng nhanh.</p>

 Mặc dù các tùy chọn được hiển thị giống nhau cho chế độ  (chụp ảnh tĩnh) và chế độ  (phim), nhưng tốc độ thu phóng thực tế lại khác nhau.

Tắt các hoạt động của nút (Lock)

PASMB 



Khóa nút  để tắt các hoạt động.



① Nút 

Menu

• MENU →  → 1. Operations → 


Off	Không khóa nút  .
On	Khóa nút  để tắt các hoạt động.


Chọn hoạt động sẽ xảy ra khi nhấn nút chụp trong chế độ thu phóng xem trực tiếp (LV Close Up Mode)

P A S M B 

Chọn tùy chọn hiển thị để sử dụng với thu phóng lấy nét.

Menu

- MENU →  → 2. Operations → LV Close Up Mode

 Để biết thông tin về các tùy chọn thu phóng chế độ xem trực tiếp, xem phần giải thích về ["AF khung thu phóng/AF thu phóng \(AF siêu tâm điểm\)"](#) (P.113).

LV Close Up Mode	<p>Chọn hoạt động sẽ xảy ra nếu nhấn nút chụp xuống một nửa trong khi thu phóng lấy nét.</p> <p>[mode1]: Kết thúc chế độ thu phóng lấy nét. Bạn có thể kiểm tra bố cục sau khi lấy nét bằng cách sử dụng chức năng thu phóng lấy nét.</p> <p>[mode2]: Thu phóng lấy nét vẫn có hiệu lực trong khi máy ảnh lấy nét. Tạo bố cục bức ảnh trước khi lấy nét, sau đó phóng to để lấy nét chính xác và chụp ảnh mà không cần phải kết thúc quá trình thu phóng.</p>
------------------	---

Chọn hoạt động của điều khiển được sử dụng để xem trước độ sâu trường ảnh (🔒 Lock)

PASMB 

Chọn hoạt động của điều khiển được sử dụng để xem trước độ sâu trường ảnh.

Menu

• MENU → ⚙️ → 2. Operations → 🔒 Lock



Chọn hoạt động của điều khiển được sử dụng để xem trước độ sâu trường ảnh.

[Off]: Khẩu độ sẽ dừng lại khi nhấn nút điều khiển.

[On]: Khẩu độ dừng lại khi nhấn nút điều khiển; để kết thúc chế độ xem trước độ sâu trường ảnh, hãy nhấn nút điều khiển lần thứ hai.

Tùy chọn giữ nút (Press-and-hold Time)

P A S M B 

Chọn thời gian nhấn nút để thực hiện cài đặt lại và các chức năng tương tự khác cho nhiều tính năng khác nhau. Để dễ sử dụng, có thể đặt riêng thời gian giữ nút cho các tính năng khác nhau.

Menu

- MENU → ⚙️ → 2. Operations → Press-and-hold Time

Đặt thời gian giữ nút cho mỗi chức năng.

[0.5sec] – [3.0sec]

Các chức năng cho phép bạn đặt thời gian nhấn và giữ được liệt kê bên dưới:

- End LV 
- Reset LV  Frame
- Reset 
- Reset 
- Reset 
- Reset 
- Reset 
- Reset 
- Reset 
- Call EVF Auto Switch
- End 
- Reset 
- Switch  Lock
- End Flicker Scan
- Call WB BKT Setting
- Call ART BKT Setting
- Call Focus BKT Setting
- Call  Setting
- End GND
- Reset GND

Các chức năng điều chỉnh hiển thị chế độ xem trực tiếp

Thay đổi giao diện của màn hình hiển thị (📷 LV Mode)

P A S M B 

Tăng dải tương phản của màn hình kính ngắm, giúp hiển thị nhiều chi tiết hơn ở vùng sáng và vùng tối theo cách tương tự như kính ngắm quang học. Có thể dễ dàng nhìn thấy chủ thể ngay cả trong điều kiện ngược sáng. Cài đặt này có hiệu lực trên kính ngắm, màn hình và đầu ra HDMI.

Menu

- MENU → ⚙️ → 3. Live View → 📷 LV Mode

Standard	Các hiệu ứng về phơi sáng, màu sắc và các cài đặt chụp khác có thể nhìn thấy trên màn hình kính ngắm.
S-OVF	Các hiệu ứng phơi sáng, cân bằng trắng, bộ lọc nghệ thuật và các cài đặt chụp ảnh khác không nhìn thấy trên màn hình hiển thị.

- “S-OVF” xuất hiện trên màn hình hiển thị khi chọn [S-OVF].

Giúp màn hình dễ nhìn hơn trong điều kiện thiếu sáng (📷 Night Vision)

PASMB 

Tăng độ sáng của màn hình hiển thị để dễ nhìn hơn ở nơi tối.

Menu

- MENU → ⚙️ → 3. Live View → 📷 Night Vision

Off	Hiển thị bình thường.
On	Độ sáng được điều chỉnh để dễ xem hơn. Độ sáng và màu sắc của bản xem trước sẽ khác với bức ảnh cuối cùng.

- “LV Đêm” xuất hiện trên màn hình khi chọn **[On]**.

🔔 **[Frame Rate]** sẽ được đặt thành **[Normal]** khi chọn **[On]**.

Tốc độ hiển thị của màn hình kính ngắm (Frame Rate)

P A S M B 

Chọn tốc độ làm mới màn hình kính ngắm.

Menu

• MENU → ⚙️ → 3. Live View → Frame Rate

Normal	Tốc độ khung hình chuẩn. Đây là lựa chọn được ưu tiên trong hầu hết các tình huống.
High	Làm mượt chuyển động của các chủ thể chuyển động nhanh. Các chủ thể chuyển động nhanh dễ theo dõi hơn. Cài đặt này sẽ tự động trở lại [Normal] nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng lên trong khi chụp.

Xem trước bộ lọc nghệ thuật (Art LV Mode)

P A S M B 

Bạn có thể xem trước hiệu ứng của bộ lọc nghệ thuật trên màn hình hoặc kính ngắm trong khi chụp. Một số bộ lọc có thể khiến chuyển động của chủ thể bị giật, nhưng bạn có thể làm giảm hiện tượng này để không ảnh hưởng đến quá trình chụp ảnh.

Menu

• **MENU** →  → 3. Live View → Art LV Mode

mode1	Có thể xem trước hiệu ứng của bộ lọc nghệ thuật trong khi chụp.
mode2	Khi nhấn nút chụp xuống một nửa, máy ảnh sẽ ưu tiên duy trì tốc độ hiển thị và giảm hiệu ứng của các bộ lọc nghệ thuật trên màn hình xem trước. Chuyển động mượt mà.


Giảm nhấp nháy trong chế độ xem trực tiếp (Anti-Flicker LV)

P A S M B 

Giảm nhấp nháy dưới ánh đèn huỳnh quang và các nguồn sáng tương tự. Chọn tùy chọn này nếu hiện tượng nhấp nháy khiến màn hình hiển thị khó xem.

Menu

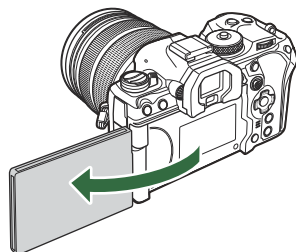
• MENU → ⚙️ → 3. Live View → Anti-Flicker LV

Auto	Máy ảnh phát hiện và giảm nhấp nháy.
50Hz	Giảm nhấp nháy dưới ánh sáng nơi làm việc hoặc ánh sáng ngoài trời sử dụng dòng điện xoay chiều có tần số 50 Hz.
60Hz	Giảm nhấp nháy dưới ánh sáng nơi làm việc hoặc ánh sáng ngoài trời sử dụng dòng điện xoay chiều có tần số 60 Hz.
Off	Tắt chức năng giảm nhấp nháy.  Tùy chọn này không khả dụng khi chọn [On] cho [Anti-Flicker Shooting] (P205).

Hỗ trợ tự chụp ảnh (Selfie Assist)

PASMB 

Chọn màn hình hiển thị sử dụng khi lật màn hình để tự chụp chân dung.



Menu

- MENU → ⚙️ → 3. Live View → Selfie Assist

Off	Màn hình hiển thị không thay đổi khi lật màn hình.
On	Khi lật màn hình để tự chụp chân dung, màn hình sẽ hiển thị ảnh phản chiếu của góc nhìn qua ống kính.





Các chức năng cấu hình hiển thị thông tin

Chọn kiểu màn hình hiển thị của kính ngắm (EVF Style)

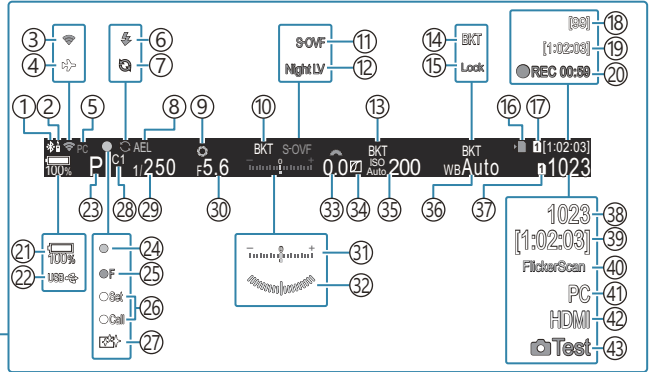
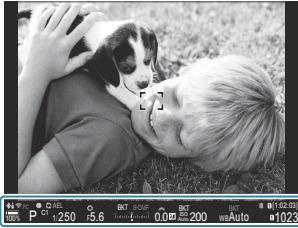
PASMB 

Menu

- MENU → ⚙ → 4. Information → EVF Style

 Style 1/  Style 2	Tương tự như màn hình kính ngắm của máy ảnh phim.	
 Style 3	Giống như màn hình hiển thị.	

Màn hình kính ngắm khi chụp bằng kính ngắm (Style 1/Style 2)



- ① Kết nối **Bluetooth**[®] đang hoạt động (P.428, P.455)
- ② Điều khiển từ xa (P.455)
- ③ Kết nối mạng LAN không dây (P.426, P.441)
- ④ Chế độ máy bay (P.424)
- ⑤ Kết nối đang hoạt động với máy tính (Wi-Fi) (P.441)
- ⑥ Đèn flash (nhấp nháy: đang sạc, sáng lên: đã sạc xong) (P.177)
- ⑦ Pro Capture đang hoạt động (P.202)
- ⑧ Khóa AE (P.162)
- ⑨ Xem trước (P.361)
- ⑩ AE BKT (P.273)
- ⑪ Chế độ LV (P.363)
- ⑫ Tầm nhìn ban đêm (P.364)
- ⑬ ISO BKT (P.277)
- ⑭ WB BKT (P.275)
- ⑮ Khóa tự động WB (P.235)
- ⑯ Chỉ báo ghi thẻ (P.29, P.34)
- ⑰ Lưu khe (P.391)
- ⑱ Số lượng ảnh chụp liên tục tối đa (P.194)
- ⑲ Thời gian ghi khả dụng (P.556)
- ⑳ Thời gian quay (hiển thị trong khi quay) (P.80)
- ㉑ Mức pin (P.39)
- ㉒ USB PD (P.468)
- ㉓ Chế độ chụp (P.59)
- ㉔ Dấu xác nhận AF (P.52)
- ㉕ Cảnh báo khẩu độ SH2 (P.192)
- ㉖ Chức năng SET/CALL (P.476)
- ㉗ Giảm bụi (P.494)
- ㉘ Chế độ tùy chỉnh (P.75)
- ㉙ Tốc độ màn trập (P.59, P.64)
- ㉚ Giá trị khẩu độ (P.59, P.62)
- ㉛ Bù phơi sáng (P.155)
- ㉜ Thước đo độ cân bằng ¹ (P.377)
- ㉝ Giá trị bù phơi sáng (P.155)
- ㉞ Kiểm soát sáng và tối (P.345)
- ㉟ Độ nhạy ISO (P.168)
- ㊱ Cân bằng trắng (P.230)
- ㊲ Lưu cài đặt (P.390)
- ㊳ Số lượng ảnh tĩnh có thể lưu trữ (P.553)
- ㊴ Thời gian ghi khả dụng (P.556)
- ㊵ Quét nhấp nháy (P.159)
- ㊶ Kết nối đang hoạt động với máy tính (USB) ² (P.462, P.464, P.465, P.466)
- ㊷ Đầu ra HDMI (P.287)
- ㊸ Ảnh thử (P.337)

1 Hiển thị khi nhấn nút chụp xuống một nửa. [Level Gauge] (P.377)

2 Chỉ hiển thị khi được kết nối với OM Capture và máy tính hiện đang được chọn trong menu [RAW/Control] làm đích đến duy nhất cho những ảnh mới (P.462).

Đèn báo chụp (📷 Info Settings / 🎥 Info Settings)

PASMB 🎥

Chọn các đèn báo được liệt kê trong hiển thị xem trực tiếp.

Bạn có thể hiển thị hoặc ẩn các đèn báo cài đặt chụp. Sử dụng tùy chọn này để chọn các biểu tượng xuất hiện trên màn hình hiển thị.

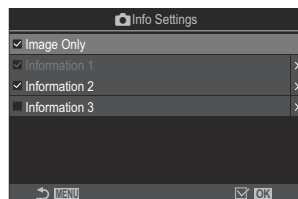
Bạn có thể cấu hình ba bộ cài đặt hiển thị cho chế độ chụp ảnh tĩnh và hai bộ cài đặt cho chế độ quay phim.

Menu

- MENU → ⚙️ → 4. Information → 📷 Info Settings
- MENU → ⚙️ → 4. Information → 🎥 Info Settings

Cấu hình Info Settings

1. Chọn đèn báo bạn muốn hiển thị khi nhấn nút **INFO** và đánh dấu tích (✓) bên cạnh.
 - Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút **OK** để đánh dấu tích (✓) bên cạnh.
Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút **OK** một lần nữa.







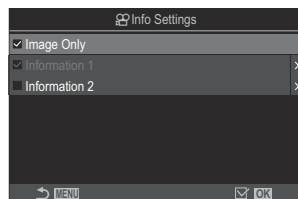
Màn hình cài đặt  Info Settings

Image Only	Không có thông tin nào sẽ được hiển thị.
Information 1	Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút OK để đánh dấu tích (✓) bên cạnh.
Information 2	Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút OK một lần nữa. Để đặt thông tin chi tiết của một mục sẽ được hiển thị, hãy nhấn \triangleright . Có thể đặt các mục sau.
Information 3	[] / [Highlight&Shadow] / [Level Gauge] / [All Battery Information] / [Silent  Operation]

 Không thể tắt bộ cài đặt hiện đang sử dụng, nhưng có thể cấu hình các mục sẽ hiển thị.

Cấu hình Info Settings

1. Chọn đèn báo bạn muốn hiển thị khi nhấn nút **INFO** và đánh dấu tích (✓) bên cạnh.
 - Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút **OK** để đánh dấu tích (✓) bên cạnh.
Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút **OK** một lần nữa.








Màn hình cài đặt  Info Settings

Image Only	Không có thông tin nào sẽ được hiển thị.
Information 1	Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút OK để đánh dấu tích (✓) bên cạnh. Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút OK một lần nữa.
Information 2	Để đặt thông tin chi tiết của một mục sẽ được hiển thị, hãy nhấn \triangleright . Có thể đặt các mục sau. [] / [Level Gauge] / [All Battery Information] / [Image Stabilizer] / [Picture Mode] / [WB] / [AF Mode] / [Subject Detection] / [Sound Recording Level Meter] / [Headphone Volume] / [Time Code] / [Silent  Operation] / [Grid]

 Không thể tắt bộ cài đặt hiện đang sử dụng, nhưng có thể cấu hình các mục sẽ hiển thị.

Chọn hiển thị

Nhấn nút **INFO** trong khi chụp để chuyển qua các hiển thị đã chọn.  “Chuyển đổi hiển thị thông tin” (P.50)

Cấu hình màn hình hiển thị khi nhấn nút chụp xuống một nửa (Info by half-pressing)

PASMB 

Bạn có thể cấu hình màn hình hiển thị khi nhấn nút chụp xuống một nửa.

Menu




- MENU →  → 4. Information → Info by half-pressing 

Off	Không có thông tin nào được hiển thị khi nhấn nút chụp xuống một nửa.
On1	Chỉ những mục liên quan đến phơi sáng như sau đây mới được hiển thị khi nhấn nút chụp xuống một nửa. <ul style="list-style-type: none">• Tốc độ màn trập• Khẩu độ• Cài đặt lại bù phơi sáng• Khác biệt so với phơi sáng tối ưu• Độ nhạy ISO
On2	Màn hình hiển thị không thay đổi ngay cả khi nhấn nút chụp xuống một nửa.



Tùy chọn hiển thị thông tin kính ngắm

(Info Settings)

PASMB 

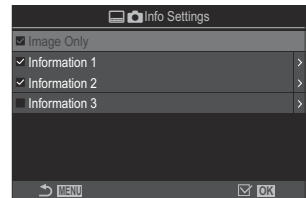
Chọn thông tin có thể xem bằng cách nhấn nút **INFO** trên màn hình kính ngắm. Cũng giống như màn hình, bạn có thể hiển thị biểu đồ hoặc thước đo độ cân bằng trong kính ngắm bằng cách nhấn nút **INFO**. Mục này được sử dụng để chọn loại hiển thị khả dụng. Tùy chọn này có hiệu lực khi [ **Style 1**] hoặc [ **Style 2**] được chọn cho [**EVF Style**] (P369) trong khi chụp ảnh tĩnh. Tùy chọn được chọn cho [ **Info Settings**] (P373) có hiệu lực ở chế độ quay phim.

Menu

- MENU → ⚙️ → 4. Information →   Info Settings

1. Chọn đèn báo bạn muốn hiển thị khi nhấn nút **INFO** và đánh dấu tích (✓) bên cạnh.

- Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút **OK** để đánh dấu tích (✓) bên cạnh.
Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút **OK** một lần nữa.








Màn hình cài đặt   Info Settings

Image Only	Không có thông tin nào sẽ được hiển thị.
Information 1	Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút OK để đánh dấu tích (✓) bên cạnh. Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút OK một lần nữa.
Information 2	Để đặt thông tin chi tiết của một mục sẽ được hiển thị, hãy nhấn \triangleright . Có thể đặt các mục sau.
Information 3	[] : Biểu đồ chồng lên màn hình hiển thị trong kính ngắm. [Highlight&Shadow] : Tông màu được áp dụng cho các vùng quá sáng và quá tối. [Level Gauge] : Thước đo độ cân bằng. [All Battery Information] : Thông tin về tất cả các loại pin.

 Không thể tắt bộ cài đặt hiện đang sử dụng, nhưng có thể cấu hình các mục sẽ hiển thị.

Hiển thị thước đo độ cân bằng khi nhấn nút chụp xuống một nửa (Level Gauge)




PASMB 

Chọn xem thước đo độ cân bằng có thể được hiển thị trong kính ngắm bằng cách nhấn nút chụp xuống một nửa hay không khi chọn [ Style 1] hoặc [ Style 2] cho [EVF Style] (P.369).



Hiển thị khi nhấn nút chụp xuống một nửa

Menu

- MENU →  → 4. Information →   Level Gauge

On	Thước đo độ cân bằng được hiển thị trên kính ngắm trong khi nhấn nút chụp xuống một nửa. Thước đo độ cân bằng xuất hiện thay cho thanh phơi sáng.
Off	Thước đo độ cân bằng không được hiển thị.

Tùy chọn hướng dẫn đóng khung (📷 Grid Settings / 📷 Grid Settings)

PASMB 📷

Menu

- MENU → ⚙️ → 5. Grid/Other Displays → 📷 Grid Settings
- MENU → ⚙️ → 5. Grid/Other Displays → 📷 Grid Settings




Display Color	<p>Chọn màu được hiển thị.</p> <p>[Preset 1]: Các cài đặt [Color of Preset 1] được sử dụng.</p> <p>[Preset 2]: Các cài đặt [Color of Preset 2] được sử dụng.</p>
Exclusive for 📷 (Chỉ [📷 Grid Settings])	<p>Chọn xem có sử dụng cài đặt dành riêng cho phim khi hiển thị hướng dẫn ở chế độ 📷 (phim) hay không.</p> <p>[Off]: Sử dụng cùng cài đặt như khi ở chế độ chụp ảnh tĩnh.</p> <p>[On]: Sử dụng các cài đặt dành riêng cho chế độ quay phim.</p>
Displayed Grid	<p>Chọn loại hướng dẫn được hiển thị. Chọn từ:</p> <p>[Off] / [📷] / [📷] / [📷] / [📷] / [📷] / [📷] (chỉ [📷 Grid Settings])</p> <ul style="list-style-type: none">• Khi [📷] được chọn, các hướng dẫn sẽ được điều chỉnh cho khung hình phim 16:9 khi quay phim ở chế độ chụp ảnh tĩnh. Tùy thuộc vào tùy chọn được chọn cho [📷 ⏪], hướng dẫn có thể được hiển thị với tỷ lệ khung hình là 17:9.
Color of Preset 1	<p>[R]: Tăng số để làm nổi bật tông màu đỏ.</p> <p>[G]: Tăng số để làm nổi bật tông màu xanh lá.</p>
Color of Preset 2	<p>[B]: Tăng số để làm nổi bật tông màu xanh dương.</p> <p>[α]: Tăng số để làm cho màu của các hướng dẫn đậm hơn.</p>

🔗 Các hướng dẫn được cấu hình ở đây không được hiển thị trong khi sử dụng chế độ xếp chồng lấy nét (P252) hoặc màn hình điều chỉnh bộ lọc để chụp GND trực tiếp (P249).



🔗 Các cài đặt được thực hiện ở đây cũng được sử dụng khi [📷 Style 3] được chọn cho [EVF Style].











Tùy chọn lưới khung kính ngắm (Grid Settings)

P A S M B 

Chọn xem có hiển thị lưới khung hình trong kính ngắm hay không. Bạn cũng có thể chọn màu sắc và loại hướng dẫn. Tùy chọn này có hiệu lực khi [ Style 1] hoặc [ Style 2] được chọn cho [EVF Style] trong khi chụp ảnh tĩnh. Tùy chọn được chọn cho [ Info Settings] (P.373) có hiệu lực ở chế độ quay phim.

Menu

• MENU → ⚙️ → 5. Grid/Other Displays →   Grid Settings

Exclusive for 	Chọn xem có sử dụng cài đặt dành riêng cho kính ngắm khi hiển thị hướng dẫn trên kính ngắm hay không. [Off]: Sử dụng cùng cài đặt như khi sử dụng màn hình. [On]: Sử dụng cài đặt dành riêng cho kính ngắm.
Display Color	Chọn màu được hiển thị. [Preset 1]: Các cài đặt [Color of Preset 1] được sử dụng. [Preset 2]: Các cài đặt [Color of Preset 2] được sử dụng.
Displayed Grid	Chọn loại hướng dẫn được hiển thị. Chọn từ: [Off] /  /  /  /  /  /  /  <ul style="list-style-type: none">Khi  được chọn, các hướng dẫn sẽ được điều chỉnh cho khung hình phim 16:9 khi quay phim ở chế độ chụp ảnh tĩnh. Tùy thuộc vào tùy chọn được chọn cho [ ←:1], hướng dẫn có thể được hiển thị với tỷ lệ khung hình là 17:9.
Color of Preset 1	[R]: Tăng số để làm nổi bật tông màu đỏ. [G]: Tăng số để làm nổi bật tông màu xanh lá.
Color of Preset 2	[B]: Tăng số để làm nổi bật tông màu xanh dương. [α]: Tăng số để làm cho màu của các hướng dẫn đậm hơn.

ⓘ Các hướng dẫn được cấu hình ở đây không được hiển thị trong khi sử dụng chế độ xếp chồng lấy nét (P.252) hoặc màn hình điều chỉnh bộ lọc để chụp GND trực tiếp (P.249).

Chọn các cài đặt khả dụng thông qua Multi-Fn (Multi Function Settings)

PASMB 



Chọn các cài đặt có thể truy cập thông qua các nút đa chức năng.

Menu

- MENU →  → 5. Grid/Other Displays → Multi Function Settings

1. Chọn loại màn hình hiển thị, và đánh dấu tích (✓) bên cạnh.

- Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút **OK** để đánh dấu tích (✓) bên cạnh. Để bỏ dấu tích, hãy nhấn nút **OK** một lần nữa.

Highlight&Shadow Control	Thay đổi cài đặt bằng cách sử dụng nút xoay phía trước và phía sau. Nhấn nút INFO để thay đổi vùng (sáng, trung, tối) cần cấu hình.
Color Creator	Sử dụng nút xoay phía trước để điều chỉnh sắc độ và nút xoay phía sau để điều chỉnh độ bão hòa.
 ISO  ISO	Thay đổi cài đặt bằng cách sử dụng nút xoay phía trước và phía sau.
 WB  WB	
Magnify	Khung thu phóng sẽ được hiển thị.
Image Aspect	Thay đổi cài đặt bằng cách sử dụng nút xoay phía trước và phía sau.
 LV Mode	Cài đặt sẽ chuyển đổi giữa [Standard] và [S-OVF] mỗi khi nhấn nút.
Peaking	Bật và tắt mỗi khi nhấn nút.

Cảnh báo phơi sáng biểu đồ (Histogram Settings)

PASMB 

Chọn mức độ sáng mà biểu đồ hiển thị là phơi sáng quá nhiều (vùng sáng) hoặc quá ít (vùng tối). Các mức này được sử dụng để cảnh báo phơi sáng trên hiển thị biểu đồ trong khi chụp và phát lại ảnh.

- Các khu vực hiển thị màu đỏ hoặc xanh dương trên màn hình và kính ngắm **[Highlight&Shadow]** cũng được chọn theo các giá trị đã chọn cho tùy chọn này.

Menu

- MENU → ⚙️ → 5. Grid/Other Displays → Histogram Settings

Highlight	Chọn độ sáng tối thiểu cho cảnh báo vùng sáng. [245] – [255]
Shadow	Chọn độ sáng tối đa cho cảnh báo vùng tối. [0] – [10]

Cài đặt liên quan đến hoạt động và hiển thị menu

Cấu hình con trỏ trên màn hình menu (Menu Cursor Settings)

P A S M B 

Chọn nơi con trỏ sẽ hiển thị khi bạn mở menu hoặc di chuyển đến trang khác.

Menu

- MENU → ⚙️ → 2. Operations → Menu Cursor Settings

Page Cursor Position	<p>[Save]: Khi bạn di chuyển đến trang khác, con trỏ sẽ xuất hiện ở vị trí lần trước khi trang đó được mở.</p> <p>[Reset]: Mỗi khi bạn di chuyển đến một trang khác, con trỏ sẽ xuất hiện ở đầu trang.</p>
Menu Start Position	<p>[Recently]: Khi bạn mở menu, thẻ, trang và vị trí con trỏ được sử dụng lần gần nhất sẽ được gọi lại.</p> <p>[1]: Khi bạn mở menu, trang đầu tiên của thẻ 1 sẽ được hiển thị.</p> <p>[My]: Khi bạn mở menu, trang đầu tiên của thẻ "My" sẽ được hiển thị.</p>
Shortcut to B Mode Settings	<p>Có thể cấu hình máy ảnh để mở menu chế độ cụ thể khi bạn nhấn nút MENU ở chế độ B.</p> <p>[Off]: Menu mở theo cài đặt của [Menu Start Position].</p> <p>[On]: [Live Bulb], [Live Time], hoặc [Composite Settings] sẽ mở, tùy thuộc vào chế độ đã chọn.  "Cấu hình cài đặt BULB/THỜI GIAN/TỔNG HỢP (BULB/TIME/COMP Settings)" (P.271)</p>

Chọn cách di chuyển giữa các trang bằng nút xoay phía sau (Loop in Menu Tab)

PASMB 

Chọn xem có chỉ chuyển đổi trang trong cùng một thẻ menu khi xoay nút xoay phía sau hay không.

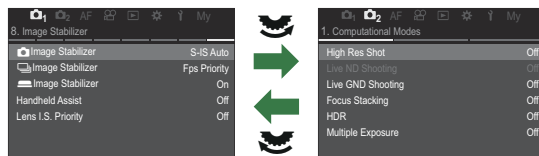
Menu

- MENU → ⚙️ → 1. Operations → Dial Settings → 🔄 Loop in Menu Tab

No

Khi bạn di chuyển đến trang cuối cùng bằng cách xoay nút xoay phía sau và xoay thêm nữa, trang đầu tiên của thẻ tiếp theo sẽ được hiển thị.

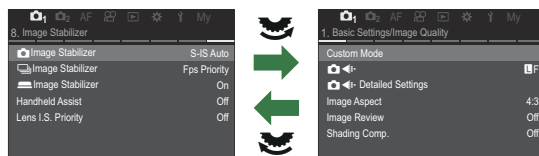
Khi bạn di chuyển đến trang đầu tiên bằng cách xoay nút xoay phía sau và xoay thêm nữa, trang cuối cùng của thẻ trước đó sẽ được hiển thị.



Yes

Khi bạn di chuyển đến trang cuối cùng bằng cách xoay nút xoay phía sau và xoay thêm nữa, trang đầu tiên của thẻ hiện tại sẽ được hiển thị.

Khi bạn di chuyển đến trang đầu tiên bằng cách xoay nút xoay phía sau và xoay thêm nữa, trang cuối cùng của thẻ hiện tại sẽ được hiển thị.



🔗 Cài đặt này chỉ có hiệu lực khi nút xoay phía sau được vận hành. Khi bạn sử dụng ⏪ để chuyển đổi trang, nó sẽ luôn hoạt động như khi chọn **[No]**.

Mặc định [Yes]/[No] (Priority Set)

Chọn tùy chọn được làm nổi theo mặc định khi xác nhận **[Yes]/[No]** được hiển thị.

Menu

- MENU → ⚙️ → 2. Operations → Priority Set

No	[No] được làm nổi theo mặc định.
Yes	[Yes] được làm nổi theo mặc định.

Cài đặt “My Menu”

My Menu



Bạn có thể sử dụng “My Menu” để tạo thẻ menu được cá nhân hóa chỉ chứa các mục bạn chọn. “My Menu” có thể chứa tối đa 5 trang, mỗi trang có 7 mục. Bạn có thể xóa các mục hoặc thay đổi thứ tự trang hoặc mục.

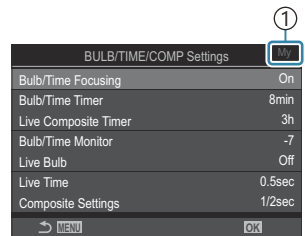
Khi mua, “My Menu” không có chứa mục nào.

Thêm mục vào “My Menu”

1. Nhấn nút **MENU** để xem các menu.

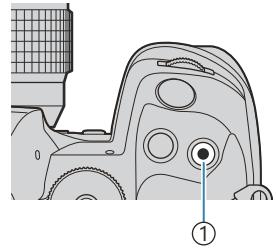
2. Làm nổi một mục để thêm vào “My Menu”.


- Bất kỳ mục nào trong menu từ  đến  đều có thể được thêm vào “My Menu” nếu nó xuất hiện trên màn hình với các thẻ được hiển thị.
- Một số mục menu khác cũng có thể được thêm vào “My Menu”. Nếu có thể thêm mục menu, mục “My” sẽ hiển thị ở góc trên cùng bên phải màn hình hiển thị.



① Mục có thể được thêm vào “My Menu”

3. Nhấn nút .



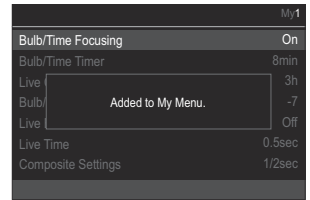
① Nút .


- Bạn sẽ được nhắc chọn một trang. Sử dụng Δ ∇ trên phím mũi tên để chọn trang "My Menu" mà mục sẽ được thêm vào.

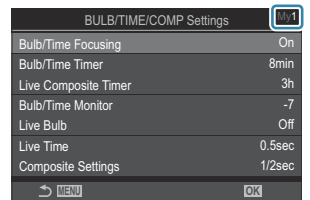


4. Nhấn nút **OK** để thêm mục vào trang đã chọn.

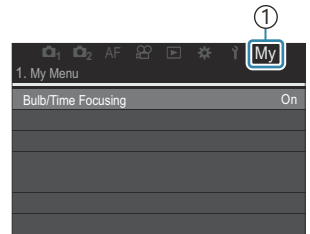
- Máy ảnh sẽ hiển thị thông báo cho biết mục đó đã được thêm vào "My Menu".



- Các mục đã được thêm vào "My Menu" sẽ được biểu thị bằng số trang "My Menu".
- Có thể xóa các mục khỏi "My Menu" bằng cách nhấn nút . Chọn **[Yes]** và nhấn nút **OK**.




- Các mục được lưu vào "My Menu" sẽ được thêm vào thẻ My ("My Menu").



① Thẻ My ("My Menu")


5. Để đến "My Menu", hãy chọn thẻ "My".

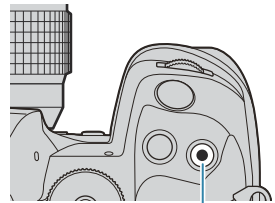
☞ Bạn có thể cài đặt để máy ảnh hiển thị “My Menu” trước khi bạn nhấn nút **MENU**.  “Cấu hình con trỏ trên màn hình menu (Menu Cursor Settings)” (P.382)

Quản lý “My Menu”

Bạn có thể sắp xếp lại các mục trong “My Menu”, di chuyển chúng giữa các trang, hoặc xóa hoàn toàn khỏi “My Menu”.

1. Nhấn nút **MENU** để hiển thị menu.

2. Hiển thị trang “My Menu” mà bạn muốn chỉnh sửa và nhấn nút .



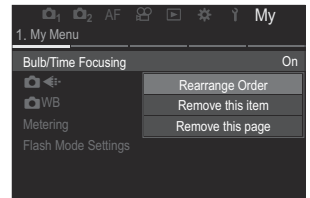
① Nút 

- Các tùy chọn bên dưới sẽ được hiển thị.

[Rearrange Order]: Thay đổi thứ tự các mục hoặc các trang. Sử dụng Δ ∇ \triangleleft \triangleright để chọn vị trí mới.

[Remove this item]: Xóa mục được làm nổi khỏi “My Menu”. Chọn **[Yes]** và nhấn nút **OK**.

[Remove this page]: Xóa tất cả các mục trên trang hiện tại khỏi “My Menu”. Chọn **[Yes]** và nhấn nút **OK**.




Cài đặt thẻ/thư mục/tập tin

Định dạng thẻ (Card Formatting)

PASMB 

Các thẻ phải được định dạng bằng máy ảnh này trước khi sử dụng lần đầu hoặc sau khi được sử dụng với máy ảnh hoặc máy tính khác.

Mọi dữ liệu được lưu trữ trên thẻ, bao gồm cả ảnh được bảo vệ, sẽ bị xóa khi thẻ được định dạng.

Khi định dạng thẻ đã sử dụng, hãy xác nhận không còn ảnh nào bạn muốn giữ lại trên thẻ.  “Thẻ có thể sử dụng” (P.34)

Menu

- MENU →  → 1. Card/Folder/File → Card Formatting

Format Card	[Yes]: Thẻ sẽ được định dạng. [No]: Định dạng sẽ bị hủy.
No	Định dạng sẽ bị hủy.

- Khi có thẻ ở cả khe 1 và 2, lựa chọn khe thẻ sẽ xuất hiện. Chọn khe thẻ và nhấn nút **OK**.

Cài đặt thẻ để ghi (📷 Card Slot Settings / 📷 Card Slot Settings)

P A S M B 📷

Khi có thẻ ở cả khe 1 và 2, bạn có thể chọn thẻ để ghi ảnh tĩnh và phim.

Bảng siêu điều khiển

- OK → 📷 Save Settings

Menu





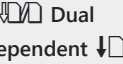
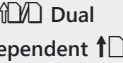
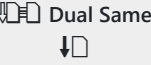
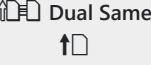
- MENU → 📷 → 1. Card/Folder/File → 📷 Card Slot Settings
- MENU → 📷 → 1. Card/Folder/File → 📷 Card Slot Settings


Cấu hình [📷 Card Slot Settings]


📷 Save Settings	Chọn phương thức ghi cho ảnh tĩnh (P.390). [Standard] / [Auto Switch] / [Dual Independent ↓] / [Dual Independent ↑] / [Dual Same ↓] / [Dual Same ↑]
📷 Save Slot	Chọn thẻ dùng để ghi ảnh chụp. Tùy chọn này có hiệu lực khi [Standard] hoặc [Auto Switch] được chọn cho [📷 Save Settings]. [Slot 1]: Ảnh chụp được ghi vào thẻ ở khe 1. [Slot 2]: Ảnh chụp được ghi vào thẻ ở khe 2.
▶ Slot	Chọn thẻ được sử dụng để phát lại ảnh tĩnh khi [📷 Save Settings] được đặt thành [Dual Independent ↓], [Dual Independent ↑], [Dual Same ↓], hoặc [Dual Same ↑]. [Slot 1]: Các ảnh chụp trên thẻ ở khe 1 sẽ được phát lại. [Slot 2]: Các ảnh chụp trên thẻ ở khe 2 sẽ được phát lại.

📷 Bạn cũng có thể chọn thẻ để phát lại bằng nút ▶. Giữ nút ▶ và xoay nút xoay phía trước hoặc phía sau để chuyển đổi thẻ trong khi đang phát lại. Điều này không thay đổi tùy chọn đã chọn cho [▶ Slot].

Cấu hình [Save Settings]

 Standard	Ảnh được ghi vào thẻ nhớ trong khe được chọn cho [ Save Slot] (P.389). Quá trình chụp sẽ kết thúc khi thẻ đầy.
 Auto Switch	Ảnh được ghi vào thẻ nhớ trong khe được chọn cho [ Save Slot] (P.389). Ảnh sẽ được ghi vào thẻ còn lại khi thẻ trong khe đã chọn đầy. Cài đặt này sẽ tự động trở lại [Standard] khi chỉ lắp một thẻ nhớ.
 Dual Independent ↓	Mỗi ảnh được ghi lại hai lần, mỗi lần ở hai định dạng chất lượng ảnh khác nhau. Chọn chất lượng ảnh cho mỗi khe (P.213). Quá trình chụp sẽ kết thúc khi một trong hai thẻ đầy. Chất lượng ảnh cho [Dual Independent ↓] được đặt riêng cho từng khe; sau khi thay đổi tùy chọn đã chọn, hãy kiểm tra cài đặt chất lượng ảnh hiện tại.
 Dual Independent ↑	Mỗi ảnh được ghi lại hai lần, mỗi lần ở hai định dạng chất lượng ảnh khác nhau. Chọn chất lượng ảnh cho mỗi khe (P.213). Quá trình ghi sẽ tiếp tục vào thẻ ở khe còn lại khi một trong hai thẻ đầy. Chất lượng ảnh cho [Dual Independent ↑] được đặt riêng cho từng khe; sau khi thay đổi tùy chọn đã chọn, hãy kiểm tra cài đặt chất lượng ảnh hiện tại.
 Dual Same ↓	Mỗi ảnh được ghi lại hai lần, một lần vào từng thẻ, sử dụng tùy chọn hiện đang được chọn cho chất lượng ảnh. Quá trình chụp sẽ kết thúc khi một trong hai thẻ đầy. Cài đặt này sẽ tự động trở lại [Standard] khi chỉ lắp một thẻ nhớ.
 Dual Same ↑	Mỗi ảnh được ghi lại hai lần, một lần vào từng thẻ, sử dụng tùy chọn hiện đang được chọn cho chất lượng ảnh. Quá trình ghi sẽ tiếp tục vào thẻ ở khe còn lại khi một trong hai thẻ đầy. Cài đặt này sẽ tự động trở lại [Standard] khi chỉ lắp một thẻ nhớ.

ⓘ Chế độ chất lượng ảnh có thể thay đổi nếu bạn thay đổi tùy chọn đã chọn cho [ Save Settings] hoặc thay thế thẻ nhớ bằng thẻ có thể chứa thêm số lượng ảnh khác. Kiểm tra chế độ chất lượng ảnh trước khi chụp ảnh.

🔄 Khi [**Auto Switch**] được chọn cho [ Save Settings], máy ảnh sẽ tự động chuyển đổi giữa ảnh cuối cùng trên thẻ đầu tiên và ảnh đầu tiên trên thẻ thứ hai.

Cấu hình [Card Slot Settings]

1 Slot 1	Phím được ghi vào thẻ ở khe 1.
2 Slot 2	Phím được ghi vào thẻ ở khe 2.

Chỉ định thư mục để lưu ảnh (Assign Save Folder)

Chỉ định thư mục trên thẻ sẽ lưu ảnh vào.

Menu

- MENU → Ỳ → 1. Card/Folder/File → Assign Save Folder

Assign ¹	<p>[New Folder]: Chỉ định số thư mục gồm 3 chữ số. Chữ số thứ 1: [0] – [9] Chữ số thứ 2: [0] – [9] Chữ số thứ 3: [0] – [9]</p> <p>[Existing Folder]: Chọn thư mục hiện có bằng cách sử dụng $\Delta \nabla$. Hai khung hình đầu tiên và khung hình cuối cùng trong thư mục sẽ được hiển thị.</p>
Do not assign	Thư mục sẽ lưu ảnh vào chưa được chỉ định. Nếu thư mục đã được chỉ định, lựa chọn sẽ bị hủy.

¹ Nếu thư mục đã được chỉ định, tên thư mục sẽ được hiển thị. Để chọn thư mục khác, hãy nhấn \triangleright .


Tùy chọn đặt tên tập tin (File Name)

P A S M B 

Chọn cách máy ảnh đặt tên tập tin khi lưu ảnh hoặc phim vào thẻ nhớ. Tên tập tin bao gồm tiền tố bốn ký tự và một số bốn chữ số. Sử dụng tùy chọn này để chọn cách gán số tập tin.

Menu

- **MENU** → **Y** → 1. Card/Folder/File → File Name

 Khi lắp hai thẻ, máy ảnh có thể tạo các thư mục mới hoặc không thể đánh số tập tin liên tục tùy thuộc vào số tập tin và thư mục hiện đang được sử dụng trên mỗi thẻ.

Auto	Khi lắp thẻ nhớ mới, việc đánh số tập tin sẽ tiếp tục từ số cuối cùng đã sử dụng. Nếu thẻ đã chứa tập tin có số tương tự hoặc cao hơn, việc đánh số sẽ tiếp tục từ số cao nhất.
Reset	Việc đánh số thư mục được cài đặt lại thành 100 và việc đánh số tập tin thành 0001 khi lắp thẻ mới. Nếu thẻ đã chứa ảnh, việc đánh số sẽ tiếp tục từ số cao nhất.

Đặt tên tập tin (Edit Filename)

Thay đổi tên tập tin mà máy ảnh sử dụng khi lưu ảnh và phim vào thẻ nhớ.

Menu

- MENU → Ỡ → 1. Card/Folder/File → Edit Filename

sRGB	<p>[Date (mdd)]: Ký tự thứ 2 đến thứ 4 sẽ được tạo từ các số tương ứng với tháng và ngày của ngày ghi (A đến C sẽ được sử dụng cho tháng 10 đến tháng 12). Bạn có thể đặt ký tự thứ 1 theo ý muốn.</p> <p>[Directory Number]: Ký tự thứ 2 đến thứ 4 sẽ được tạo từ số của thư mục đích ("100" – "999"). Bạn có thể đặt ký tự thứ 1 theo ý muốn.</p> <p>[Manual]: Bạn có thể đặt bốn ký tự đầu tiên theo ý muốn bằng cách sử dụng các ký tự chữ và số.</p>
Adobe RGB	<p>[Date (mdd)]: Ký tự thứ 2 đến thứ 4 sẽ được tạo từ các số tương ứng với tháng và ngày của ngày ghi (A đến C sẽ được sử dụng cho tháng 10 đến tháng 12). Không thể thay đổi ký tự thứ 1 từ "_".</p> <p>[Directory Number]: Ký tự thứ 2 đến thứ 4 sẽ được tạo từ số của thư mục đích ("100" – "999"). Không thể thay đổi ký tự thứ 1 từ "_".</p> <p>[Manual]: Bạn có thể đặt ký tự thứ 2 đến thứ 4 theo ý muốn bằng cách sử dụng các ký tự chữ và số. Không thể thay đổi ký tự thứ 1 từ "_".</p>

Thông tin người dùng

Lưu thông tin ống kính (Lens Info Settings)

PASMB 

Máy ảnh có thể lưu trữ thông tin cho tối đa 10 ống kính không tuân thủ tiêu chuẩn hệ thống Micro Four Thirds hoặc Four Thirds. Dữ liệu này cũng cung cấp độ dài tiêu cự được sử dụng cho tính năng chống rung ảnh và bù méo hình thang. Dữ liệu được lưu dưới dạng thẻ Exif.

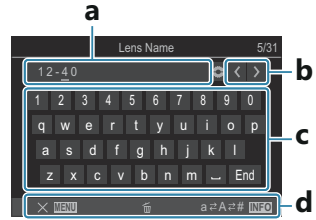
Menu

- MENU → Ỡ → 2. Information Record → Lens Info Settings

Create Lens Information	<p>Đăng ký thông tin ống kính.</p> <p>[Lens Name]: Nhập tên ống kính.</p> <p>[Focal Length]: Nhập độ dài tiêu cự. [0.1] – [1000.0] mm</p> <p>[Aperture Value]: Nhập giá trị khẩu độ. [00.00] – [99.99]</p> <p>[Set]: Lưu thông tin ống kính bạn đã nhập.</p>
Ống kính 01 (Tên đã đăng ký) – Ống kính 10 (Tên đã đăng ký)	<p>Chỉnh sửa thông tin ống kính đã đăng ký.</p> <p>[Edit]: Chỉnh sửa thông tin ống kính đã đăng ký. Chỉnh sửa [Lens Name], [Focal Length], và [Aperture Value].</p> <p>[Delete]: Xóa thông tin ống kính đã đăng ký.</p>

Nhập các ký tự

1. Nhấn nút **INFO** để chuyển đổi giữa chữ hoa, chữ thường và ký hiệu.
2. Làm nổi một ký tự bằng cách sử dụng Δ ∇ \triangleleft \triangleright nhấn nút **OK** để nhập.
 - Ký tự được chọn sẽ xuất hiện trong vùng nhập ký tự (a).
 - Để xóa một ký tự, hãy nhấn nút ⏏ .
3. Để xóa một ký tự trong vùng nhập ký tự (a), hãy di chuyển con trỏ bằng nút xoay phía trước và phía sau.
 - Chọn ký tự và nhấn nút ⏏ để xóa.
4. Khi bạn nhập xong, hãy chọn **[End]** và nhấn nút **OK**.



- a** Vùng nhập ký tự
b Các phím di chuyển con trỏ
c Bàn phím
d Vùng hướng dẫn thao tác
- ⏏ Thao tác chạm cũng có thể được sử dụng để nhập ký tự và thao tác từ **a** đến **d**.

- Ống kính sẽ được thêm vào menu thông tin ống kính.
- Khi gắn ống kính không tự động cung cấp thông tin, thông tin sử dụng được biểu thị bằng dấu tích (✓). Làm nổi các ống kính mà bạn muốn thêm dấu tích (✓) và nhấn nút **OK**.

Độ phân giải đầu ra (dpi Settings)

PASMB 

Chọn thông tin độ phân giải đầu ra (theo số điểm ảnh trên inch hoặc dpi) được lưu trữ cùng với tập tin ảnh. Độ phân giải đã chọn sẽ được sử dụng khi in ảnh. Cài đặt dpi được lưu trữ dưới dạng thẻ Exif.

Menu

- MENU → ỳ → 2. Information Record → dpi Settings

Thêm thông tin bản quyền (Copyright Info.)

P A S M B 

Chọn thông tin bản quyền đã lưu trữ cùng với ảnh khi chúng được lưu. Thông tin bản quyền được lưu trữ dưới dạng thẻ Exif.

Menu

- MENU →  → 2. Information Record → Copyright Info.

- ⚠ Chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tranh chấp hoặc thiệt hại nào phát sinh từ việc sử dụng tính năng **[Copyright Info.]**. Nếu sử dụng, bạn sẽ phải chấp nhận rủi ro.
- ⚠ Để xóa thông tin bản quyền bạn đã nhập, hãy xóa các ký tự trên màn hình nhập của mỗi mục ([P.399](#)).

Bật thông tin bản quyền

1. Sử dụng $\Delta \nabla$ để chọn **[Copyright Info.]** và nhấn nút **OK**.



Màn hình cài đặt Thông tin bản quyền

2. Làm nổi **[On]** bằng các nút $\Delta \nabla$ và nhấn nút **OK**.

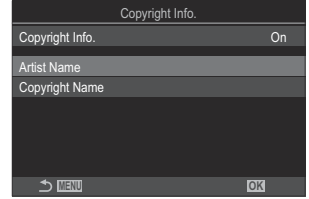
Off	Không thêm thẻ Exif ghi tên người chụp ảnh và/hoặc người giữ bản quyền.
On	Thêm thẻ Exif ghi tên người chụp ảnh và/hoặc người giữ bản quyền.

3. Màn hình hiển thị sẽ trở về màn hình cài đặt Thông tin bản quyền.

Cấu hình thông tin bản quyền

1. Cấu hình các tùy chọn.

- Nhấn $\Delta \nabla$ để chọn một mục và nhấn nút **OK** để hiển thị menu cài đặt.
- Sau khi cấu hình các tùy chọn, nhấn nút **OK** để quay lại màn hình cài đặt Thông tin bản quyền.



Artist Name	Nhập tên người chụp ảnh.
Copyright Name	Nhập tên người giữ bản quyền.

Nhập các ký tự

1. Nhấn nút **INFO** để chuyển đổi giữa chữ hoa, chữ thường và ký hiệu.
2. Làm nổi một ký tự bằng cách sử dụng $\Delta \nabla \triangleleft \triangleright$ nhấn nút **OK** để nhập.
 - Ký tự được chọn sẽ xuất hiện trong vùng nhập ký tự (a).
 - Để xóa một ký tự, hãy nhấn nút ⌫ .
3. Để xóa một ký tự trong vùng nhập ký tự (a), hãy di chuyển con trỏ bằng nút xoay phía trước và phía sau.
 - Chọn ký tự và nhấn nút ⌫ để xóa.
4. Khi bạn nhập xong, hãy chọn **[End]** và nhấn nút **OK**.



a Vùng nhập ký tự

b Các phím di chuyển con trỏ

c Bàn phím

d Vùng hướng dẫn thao tác

⌫ Thao tác chạm cũng có thể được sử dụng để nhập ký tự và thao tác từ **a** đến **d**.

Cài đặt màn hình/âm thanh/kết nối

Tắt điều khiển cảm ứng (Touchscreen Settings)

PASMB 

Bật hoặc tắt điều khiển cảm ứng.

Menu

- MENU → Ỗ → 3. Monitor/Sound/Connection → Touchscreen Settings

Off	Tắt điều khiển cảm ứng.
On	Bật điều khiển cảm ứng.



Độ sáng và sắc độ màn hình (Monitor Adjust)


P A S M B 

Điều chỉnh nhiệt độ màu và độ sáng của màn hình. Tùy chọn này áp dụng cho cả chế độ chụp ảnh tĩnh và quay phim.

Menu

- MENU → Ỡ → 3. Monitor/Sound/Connection → Monitor Adjust

 (Nhiệt độ màu)	<p>Điều chỉnh nhiệt độ màu.</p> <p>Sử dụng nút xoay phía trước hoặc < > để điều chỉnh trực "hỗ phách-xanh dương". Di chuyển con trỏ (- +) gần về phía A sẽ tăng tông màu đỏ và di chuyển gần về phía B sẽ tăng tông màu xanh dương.</p> <p>Sử dụng nút xoay phía sau hoặc Δ ∇ để điều chỉnh trực "xanh lá-hồng tím". Di chuyển con trỏ (- +) gần về phía G sẽ tăng tông màu xanh lá và di chuyển gần về phía M sẽ tăng tông màu hồng tím.</p>
 (Độ sáng)	<p>Điều chỉnh độ sáng. Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng Δ ∇.</p> <p>[-7] – [±0] – [+7]</p>

- Nhấn nút **INFO** để chuyển đổi giữa nhiệt độ màu và độ sáng và đặt từng mục.
- Bạn có thể cài đặt lại cài đặt bằng cách nhấn và giữ nút **OK**.
- Ở chế độ **B**, màn hình sử dụng độ sáng được chọn trong **[Bulb/Time Monitor]**.  "Cấu hình cài đặt BULB/THỜI GIAN/TỔNG HỢP (BULB/TIME/COMP Settings)" (P271)















Độ sáng và sắc độ của kính ngắm (EVF Adjust)

P A S M B 

Điều chỉnh độ sáng và sắc độ của kính ngắm. Màn hình hiển thị sẽ chuyển đổi sang kính ngắm trong khi những cài đặt này đang được điều chỉnh.

Menu

- MENU →  → 3. Monitor/Sound/Connection → EVF Adjust

 (Nhiệt độ màu)	<p>Điều chỉnh nhiệt độ màu.</p> <p>Sử dụng nút xoay phía trước hoặc   để điều chỉnh trực "hồ phách-xanh dương". Di chuyển con trỏ () gần về phía A sẽ tăng tông màu đỏ và di chuyển gần về phía B sẽ tăng tông màu xanh dương.</p> <p>Sử dụng nút xoay phía sau hoặc   để điều chỉnh trực "xanh lá-hồng tím". Di chuyển con trỏ () gần về phía G sẽ tăng tông màu xanh lá và di chuyển gần về phía M sẽ tăng tông màu hồng tím.</p>
 (Độ sáng)	<p>[EVF Auto Luminance Off] / [EVF Auto Luminance On]: Độ sáng của kính ngắm và độ tương phản của đèn báo tự động thích ứng với điều kiện ánh sáng xung quanh.</p> <p>Thay đổi cài đặt bằng cách sử dụng  .</p> <p>[]: Điều chỉnh độ sáng. Chọn một tùy chọn bằng cách sử dụng  .</p> <p>[-7] – [±0] – [+7]</p> <p> Không thể thay đổi độ sáng khi [EVF Auto Luminance On] được chọn.</p>


- Nhấn nút **INFO** để chuyển đổi giữa nhiệt độ màu và độ sáng và đặt từng mục.
- Bạn có thể cài đặt lại cài đặt bằng cách nhấn và giữ nút **OK**.

Cấu hình cảm biến mắt (Eye Sensor Settings)

Bạn có thể chỉ định cách máy ảnh hoạt động khi bạn đưa mắt vào kính ngắm.

Menu

- MENU →  → 3. Monitor/Sound/Connection → Eye Sensor Settings

EVF Auto Switch	<p>[Off]: Màn hình hiển thị không chuyển đổi khi bạn đưa mắt vào kính ngắm. Để chuyển đổi màn hình hiển thị, hãy nhấn nút .</p> <p>[On]: Kính ngắm sẽ tự động bật khi bạn đưa mắt vào kính ngắm.</p>
Behavior when switched	<p>Chọn nội dung sẽ được hiển thị khi màn hình hiển thị tự động chuyển đổi sang kính ngắm.</p> <p>[Maintain Screen]: Màn hình được hiển thị trên màn hình sẽ được hiển thị trong kính ngắm.</p> <p>[Shooting Screen]: Kính ngắm hiển thị chế độ xem trực tiếp ngay cả khi màn hình phát lại hoặc menu được hiển thị trên màn hình.</p>
When Monitor is Opened	<p>[Operative]: Khi [EVF Auto Switch] đang [On] và bạn đưa mắt vào kính ngắm, màn hình hiển thị sẽ chuyển sang kính ngắm ngay cả khi màn hình đang mở.</p> <p>[Inoperative]: Khi [EVF Auto Switch] đang [On] và bạn đưa mắt vào kính ngắm, màn hình hiển thị sẽ không chuyển đổi sang kính ngắm nếu màn hình mở.</p>

 Màn hình cài đặt **[EVF Auto Switch]** sẽ xuất hiện khi bạn nhấn và giữ nút .

Tắt tiếng bíp lấy nét (■)))

P A S M B 


Tắt tiếng bíp phát ra khi máy ảnh lấy nét.

Menu

- MENU → Ỡ → 3. Monitor/Sound/Connection → ■)))

On Tiếng bíp sẽ phát ra sau khi thao tác lấy nét tự động thành công. Tiếng bíp chỉ phát ra khi máy ảnh lấy nét lần đầu tiên bằng **[C-AF]**.

Off Không có tiếng bíp phát ra sau khi thao tác lấy nét tự động thành công.

 Để bật tiếng bíp lấy nét ở chế độ im lặng, hãy cấu hình cài đặt **[Silent [♥] Settings]** (P200).

Tùy chọn hiển thị màn hình ngoài (HDMI Settings)

P A S M B 

Chọn tín hiệu đầu ra cho màn hình ngoài được kết nối qua HDMI. Điều chỉnh tốc độ khung hình, kích thước khung hình phim và các cài đặt khác theo thông số kỹ thuật của màn hình.

Menu

• MENU → Ỡ → 3. Monitor/Sound/Connection → HDMI Settings

Output Size	<p>Chọn loại tín hiệu đầu ra cho đầu nối HDMI.</p> <p>[C4K]: Tín hiệu được xuất ra ở định dạng phim kỹ thuật số 4K (4096 × 2160).</p> <p>[4K]: Nếu có thể, tín hiệu được xuất ra ở độ phân giải 4K (3840 × 2160).</p> <p>[1080p]: Nếu có thể, tín hiệu được xuất ra ở độ phân giải Full HD (1080p).</p> <p>[720p]: Nếu có thể, tín hiệu được xuất ra ở độ phân giải HD (720p).</p>
Output Frame Rate	<p>Chọn tốc độ khung hình tín hiệu tùy thuộc vào việc thiết bị hỗ trợ NTSC hay PAL.</p> <p>[60p Priority]: Tốc độ khung hình cho khu vực hỗ trợ NTSC.</p> <p>[50P Priority]: Tốc độ khung hình cho khu vực hỗ trợ PAL.</p>

⚠ Không thể thay đổi **[Output Frame Rate]** khi máy ảnh được kết nối với thiết bị qua HDMI.

⚠ Âm thanh sẽ không được phát lại trừ khi thiết bị được kết nối tương thích với định dạng âm thanh.



👉 Bạn có thể cấu hình các tùy chọn chi tiết khi xuất tín hiệu tới thiết bị HDMI ở chế độ phim.




👉 "Đầu ra HDMI ( HDMI Output)" (P.287)



Chọn chế độ kết nối USB (USB Settings)

Chọn cách máy ảnh hoạt động khi kết nối với thiết bị bên ngoài qua USB.

Menu

- MENU →   3. Monitor/Sound/Connection → USB Settings

USB Mode	<p>[Select]: Menu chọn chế độ kết nối sẽ xuất hiện mỗi khi kết nối cáp USB.</p> <p>[Storage]: Máy ảnh có chức năng như một thiết bị lưu trữ ngoài. Dữ liệu trên thẻ nhớ máy ảnh có thể được sao chép vào máy tính.</p> <p>[MTP]: Có thể xem hoặc sao chép ảnh trên thẻ nhớ vào máy tính bằng phần mềm máy tính (P.465).</p> <p>[Webcam]: Máy ảnh có thể được kết nối với máy tính và sử dụng như một webcam cho các cuộc họp trực tuyến và phát trực tiếp (P.466). Không cần cài đặt thêm trình điều khiển hoặc ứng dụng nào khác. Dữ liệu video và âm thanh máy ảnh ghi lại sẽ được truyền phát đến máy tính chỉ bằng cách kết nối hai thiết bị qua USB (truyền phát qua USB).</p> <p>[RAW/Control]: Sử dụng các điều khiển máy tính có sẵn thông qua OM Workspace, xử lý ảnh bằng bộ xử lý ảnh tốc độ cao của máy ảnh. Ngoài ra, khi sử dụng OM Capture, bạn có thể chụp và chuyển ảnh sang máy tính cũng như điều khiển máy ảnh từ máy tính.</p> <p>Để biết chi tiết, xem “Tải lên ảnh đã chụp (RAW/Control)” (P.462), “Kết nối máy ảnh để xử lý RAW tốc độ cao (RAW/Control)”. (P.464)</p> <p>[USB PD]: Chọn tùy chọn này khi máy ảnh không tự động khởi động nguồn khi được kết nối với thiết bị tương thích USB PD. Trong hầu hết các trường hợp, không cần phải chọn tùy chọn này.</p>
Power Supply from USB	<p>Chọn có cấp nguồn cho máy ảnh khi kết nối với máy tính qua USB hay không.</p> <p>[Yes]: Máy ảnh sẽ được cấp nguồn khi máy ảnh và máy tính được kết nối qua USB.</p> <p>[No]: Máy ảnh sẽ không được cấp nguồn khi máy ảnh và máy tính được kết nối qua USB.</p>

 Khi bạn kết nối máy ảnh với máy tính qua USB trong khi **[Storage]**, **[MTP]**, **[Webcam]**, hoặc **[RAW/Control]** được chọn, bạn có thể sử dụng máy ảnh trong khi cấp nguồn cho máy.

Cài đặt pin/chế độ ngủ


Hiển thị trạng thái pin (Battery Status)

P A S M B 

Xem trạng thái của pin được lắp vào máy ảnh. Trạng thái của pin trong máy ảnh và pin trong bộ đỡ pin nguồn được hiển thị riêng.

Menu

• MENU →  → 5. Battery/Sleep →  Battery Status

 Một số mục không hiển thị khi máy ảnh được cấp nguồn từ bộ chuyển đổi USB AC hoặc thiết bị USB tương thích USB PD.

Cài đặt pin nào được sử dụng trước (Battery Priority)

PASMB 

Chọn loại pin nào sẽ sử dụng trước khi có pin trong cả máy ảnh và bộ đỡ pin nguồn tùy chọn ([P.478](#)).

Menu


- MENU →  → 5. Battery/Sleep →  Battery Priority

Body Battery	Pin trong máy ảnh được sử dụng trước.
PBH Battery	Pin trong bộ đỡ pin nguồn tùy chọn được sử dụng trước.




Thay đổi mức hiển thị pin trong khi quay phim (Display Pattern)

PASMB 

Chọn định dạng hiển thị mức pin. Mức pin có thể được hiển thị dưới dạng phần trăm hoặc dưới dạng thời gian chụp còn lại.

 Hiển thị thời gian chụp chỉ mang tính hướng dẫn.

Menu

• MENU →  → 5. Battery/Sleep →   Display Pattern

%	Mức pin được thể hiện dưới dạng phần trăm.
min	Mức pin được thể hiện dưới dạng thời gian chụp còn lại. Ở chế độ chụp ảnh tĩnh, mức pin chỉ được hiển thị khi quay phim.

Giảm độ sáng đèn nền (Backlit LCD)

P A S M B 

Chọn khoảng thời gian trước khi đèn nền màn hình mờ dần khi không có thao tác nào được thực hiện. Giảm độ sáng của đèn nền sẽ giúp giảm hao pin.

Menu

- MENU →   5. Battery/Sleep → Backlit LCD

8sec / 30sec / 1min

Đèn nền màn hình sẽ mờ dần sau thời gian chỉ định.

Hold

Đèn nền màn hình không bị mờ.

Cài đặt tùy chọn ngủ (Tiết kiệm điện) (Sleep)

P A S M B 

Chọn thời gian chờ trước khi máy ảnh chuyển sang chế độ ngủ khi không có thao tác nào được thực hiện. Ở chế độ ngủ, các hoạt động của máy ảnh sẽ tạm dừng và màn hình sẽ tắt.

Menu

- **MENU** → **⏏** → 5. Battery/Sleep → Sleep

Off	Máy ảnh không vào chế độ ngủ.
1min / 3min / 5min	Máy ảnh sẽ vào chế độ ngủ sau thời gian chỉ định.

- Có thể khôi phục hoạt động bình thường bằng cách nhấn nút chụp xuống một nửa.

 Máy ảnh sẽ không vào chế độ ngủ trong những tình huống sau.


- trong khi đang thực hiện chụp ảnh chող hình, trong khi được kết nối với thiết bị HDMI, trong khi được kết nối với điện thoại thông minh qua Wi-Fi, trong khi được kết nối với máy tính qua Wi-Fi hoặc USB, trong khi được kết nối không dây với điều khiển từ xa, hoặc trong khi được cấp nguồn qua USB.

Cài đặt tùy chọn tự động tắt nguồn (Auto Power Off)


P A S M B 

Máy ảnh sẽ tự động tắt nếu không có thao tác nào được thực hiện trong khoảng thời gian đã đặt sau khi máy chuyển sang chế độ ngủ. Tùy chọn này được sử dụng để chọn thời gian chờ trước khi máy ảnh tự động tắt.

Menu

• MENU →  → 5. Battery/Sleep → Auto Power Off

Off	Máy ảnh không tự động tắt.
5min / 30min / 1h / 4h	Máy ảnh sẽ tắt sau thời gian chỉ định.

 Để kích hoạt lại máy ảnh sau khi máy đã tự động tắt, hãy bật máy ảnh bằng lấy **ON/OFF**.

Giảm mức tiêu thụ điện (Quick Sleep Mode)

P A S M B 

Giảm thêm mức tiêu thụ điện năng trong khi chụp ảnh qua kính ngắm. Thời gian chờ trước khi đèn nền tắt hoặc máy ảnh chuyển sang chế độ ngủ có thể được rút ngắn.

ⓘ Tiết kiệm điện không khả dụng với các tình huống như:

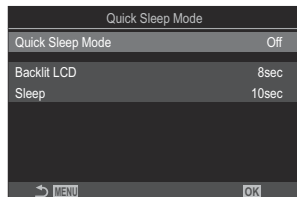
- trong khi chụp ảnh ở chế độ xem trực tiếp, trong khi kính ngắm đang bật, trong khi chụp ảnh chờ hình hoặc chụp hẹn giờ ngắt quãng, trong khi kết nối với thiết bị HDMI, trong khi kết nối với điện thoại thông minh qua Wi-Fi, trong khi kết nối với máy tính qua Wi-Fi hoặc USB, hoặc trong khi bật Bluetooth

Menu

- MENU → Ỳ → 5. Battery/Sleep → Quick Sleep Mode

Bật chế độ ngủ nhanh

1. Sử dụng Δ ∇ để chọn [Quick Sleep Mode] và nhấn nút **OK**.



Màn hình cài đặt Chế độ ngủ nhanh

2. Làm nổi [On] bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.

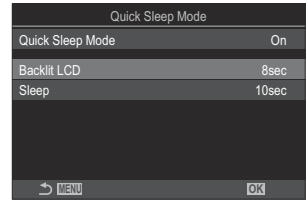
Off	Máy ảnh không chuyển sang chế độ tiết kiệm điện.
On	Máy ảnh nhanh chóng chuyển sang chế độ tiết kiệm điện. Khi chế độ tiết kiệm điện có hiệu lực và bảng siêu điều khiển được hiển thị (P.48), "ECO" sẽ hiển thị trên màn hình.

3. Màn hình hiển thị sẽ trở về màn hình cài đặt Chế độ ngủ nhanh.

Cấu hình chế độ ngủ nhanh

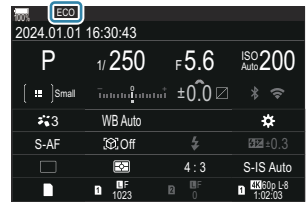
1. Cấu hình các tùy chọn.

- Nhấn $\Delta \nabla$ để chọn một mục và nhấn nút **OK** để hiển thị menu cài đặt.
- Sau khi cấu hình các tùy chọn, nhấn nút **OK** để quay lại màn hình cài đặt Chế độ ngủ nhanh.



Backlit LCD	Chọn khoảng thời gian trước khi đèn nền màn hình mờ dần khi không có thao tác nào được thực hiện. [3sec] / [5sec] / [8sec]
Sleep	Chọn thời gian chờ trước khi máy ảnh chuyển sang chế độ ngủ khi không có thao tác nào được thực hiện. [3sec] / [5sec] / [8sec] / [10sec] / [15sec] / [30sec] / [1min]

- Khi chế độ tiết kiệm điện có hiệu lực và bảng siêu điều khiển được hiển thị (P.48), "ECO" sẽ hiển thị trên màn hình.




Thiết lập cài đặt lại/đồng hồ/ngôn ngữ/khác

Khôi phục cài đặt mặc định (Reset/Initialize Settings)

PASMB 


Cài đặt lại máy ảnh về cài đặt mặc định của nhà sản xuất. Bạn có thể chọn cài đặt lại hầu hết các cài đặt hoặc chỉ những cài đặt liên quan trực tiếp đến chụp ảnh.

Menu

- MENU →  → 6. Reset/Clock/Language/Others → Reset/Initialize Settings

Reset Shooting Settings	Chỉ cài đặt lại các cài đặt liên quan đến chụp ảnh.
Initialize All Settings	Cài đặt lại tất cả cài đặt trừ một số cài đặt ngoại lệ, như đồng hồ và ngôn ngữ.

 Xem "[Cài đặt mặc định](#)" (P.510) để biết thông tin về các cài đặt được cài đặt lại.

 Có thể lưu cài đặt bằng OM Workspace hoặc OM Image Share. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập trang web của chúng tôi.

Cài đặt đồng hồ máy ảnh (🕒 Settings)

P A S M B 

Đặt đồng hồ máy ảnh.

Menu

- MENU → Ỗ → 6. Reset/Clock/Language/Others → 🕒 Settings

🕒	Đặt ngày, giờ và định dạng ngày. Sử dụng các nút <▶> để làm nổi các mục và sử dụng các nút ▲▼ để thay đổi mục được làm nổi.
Time Zone	Đặt múi giờ và quy ước giờ mùa hè. Sử dụng các nút ▲▼ để thay đổi múi giờ. Nhấn nút INFO cho phép bạn đặt quy ước giờ mùa hè. Quy ước này sẽ bật và tắt mỗi lần nhấn nút INFO .

Chọn ngôn ngữ (🗨️)

PASMB 🎥

Chọn ngôn ngữ cho menu máy ảnh và gợi ý về công cụ.

Menu

- MENU → Ỗ → 6. Reset/Clock/Language/Others → 🗨️

Hiệu chỉnh thước đo độ cân bằng (Level Adjust)

PASMB 

Hiệu chỉnh độ lệch của thước đo độ cân bằng. Hiệu chỉnh thước đo nếu bạn thấy thước đo không thẳng đứng hoặc cân bằng.

Menu

- **MENU** → **Ỗ** → 6. Reset/Clock/Language/Others → Level Adjust

Reset	Cài đặt lại thước đo về cài đặt mặc định của nhà sản xuất.
Adjust	Chọn điểm tham chiếu (điểm không). Hiệu chỉnh thước đo độ cân bằng sau khi định vị máy ảnh đúng cách.

Kiểm tra xử lý ảnh (Pixel Mapping)

P A S M B 

Kiểm tra đồng thời cảm biến ảnh và chức năng xử lý ảnh. Để có kết quả tốt nhất, hãy dừng chụp và phát lại và đợi ít nhất một phút trước khi thực hiện ánh xạ điểm ảnh (pixel mapping).

⚠️ Đảm bảo đã thực hiện kiểm tra lại nếu bạn vô tình tắt máy ảnh trong khi đang kiểm tra.

Menu

- **MENU** ➔ **Ỗ** ➔ 6. Reset/Clock/Language/Others ➔ Pixel Mapping

Xem phiên bản phần mềm firmware (Firmware Version)

P A S M B 

Xem phiên bản phần mềm firmware của máy ảnh và bất kỳ ống kính hoặc thiết bị ngoại vi nào hiện đang được kết nối. Bạn có thể cần thông tin này khi liên hệ với bộ phận hỗ trợ khách hàng hoặc thực hiện cập nhật phần mềm firmware.

Menu

- **MENU** → **Ỗ** → 6. Reset/Clock/Language/Others → Firmware Version

Xem chứng chỉ (Certification)

PASMB 

Hiển thị các chứng chỉ tuân thủ cho một số tiêu chuẩn mà máy ảnh tuân thủ.

Menu

- MENU →  → 6. Reset/Clock/Language/Others → Certification

Kết nối máy ảnh với thiết bị bên ngoài

Kết nối với thiết bị bên ngoài

Một số tác vụ có thể được thực hiện bằng cách kết nối máy ảnh với thiết bị bên ngoài như máy tính hoặc điện thoại thông minh.


Thận trọng khi sử dụng Wi-Fi và Bluetooth®

Tắt mạng LAN không dây và **Bluetooth®** ở những quốc gia, khu vực hoặc địa điểm cấm sử dụng chúng.

Máy ảnh được trang bị mạng LAN không dây và **Bluetooth®**. Việc sử dụng các tính năng này ở những quốc gia ngoài khu vực mua hàng có thể vi phạm quy định về mạng không dây tại địa phương.

Một số quốc gia và khu vực có thể cấm thu thập dữ liệu vị trí mà không có sự cho phép trước của chính phủ. Ở một số khu vực bán hàng, máy ảnh có thể được đưa ra thị trường với tính năng hiển thị dữ liệu vị trí bị vô hiệu.

Mỗi quốc gia và khu vực đều có luật pháp và quy định riêng. Hãy kiểm tra những điều này trước khi đi du lịch và tuân thủ chúng khi ở nước ngoài. Công ty chúng tôi không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ hành vi nào không tuân thủ luật pháp và quy định của địa phương của người dùng.

Tắt Wi-Fi trên máy bay và những nơi khác có lệnh cấm sử dụng.  ["Tắt giao tiếp không dây của máy ảnh \(Airplane Mode\)" \(P.424\)](#)

- ① Truyền dữ liệu không dây dễ bị can thiệp bởi bên thứ ba. Hãy lưu ý điều này khi sử dụng các tính năng không dây.
- ① Bộ thu phát không dây nằm ở báng cầm máy ảnh. Giữ phần này ở xa các vật bằng kim loại nhất có thể. Hơn nữa, cường độ tín hiệu có thể giảm nếu phần báng cầm bị giữ hoặc bị che phủ.
- ① Khi vận chuyển máy ảnh trong túi hoặc đồ đựng khác, hãy lưu ý rằng các vật có bên trong đồ đựng hoặc vật liệu của đồ đựng có thể gây nhiễu tín hiệu không dây, làm máy ảnh không thể kết nối với điện thoại thông minh.
- ① Kết nối Wi-Fi làm tăng mức tiêu hao pin. Kết nối có thể bị mất trong quá trình sử dụng nếu pin yếu.
- ① Các thiết bị như lò vi sóng và điện thoại không dây tạo ra sóng vô tuyến, từ trường hoặc tĩnh điện có thể làm chậm hoặc gây nhiễu quá trình truyền dữ liệu không dây.
- ① Một số tính năng mạng LAN không dây không khả dụng khi công tắc bảo vệ chống ghi của thẻ nhớ ở vị trí "LOCK".


Tắt giao tiếp không dây của máy ảnh (Airplane Mode)

P A S M B 

Tắt các chức năng không dây (Wi-Fi/ **Bluetooth**[®]) của máy ảnh.

Menu

- MENU →  → 4. Wi-Fi/Bluetooth → Airplane Mode

Off	Giao tiếp không dây đã được bật.
On	Giao tiếp không dây đã được tắt. Bạn không thể sử dụng chức năng này cho đến khi bạn thay đổi cài đặt thành [Off] .  sẽ xuất hiện khi bạn chọn [On] .

 Có thể giao tiếp với Bộ điều khiển sóng vô tuyến không dây FC-WR ngay cả khi bạn chọn **[On]**.

Kết nối máy ảnh với điện thoại thông minh

Kết nối với điện thoại thông minh

Sử dụng tính năng mạng LAN không dây (Wi-Fi) và **Bluetooth**[®] của máy ảnh để kết nối với điện thoại thông minh, nơi bạn có thể sử dụng ứng dụng dành riêng để nâng cao trải nghiệm với máy ảnh trước và sau khi chụp. Khi kết nối được thiết lập, bạn có thể tải xuống và chụp ảnh từ xa, cũng như thêm thông tin vị trí vào ảnh.

- Chúng tôi không đảm bảo hoạt động này có trên tất cả các điện thoại thông minh.

Những việc bạn có thể làm với ứng dụng được chỉ định, OM Image Share

- **Tải ảnh từ máy ảnh xuống điện thoại thông minh**

Tải xuống những ảnh được đánh dấu để chia sẻ ([P312](#)) về điện thoại thông minh của bạn.

Bạn cũng có thể sử dụng điện thoại thông minh để chọn những ảnh muốn tải xuống từ máy ảnh.

- **Chụp ảnh từ xa bằng điện thoại thông minh**

Bạn có thể điều khiển máy ảnh và chụp ảnh từ xa bằng điện thoại thông minh.

- **Xử lý ảnh đẹp**

Sử dụng các nút điều khiển trực quan để áp dụng các hiệu ứng ấn tượng cho ảnh được tải xuống điện thoại thông minh của bạn.

- **Thêm các thẻ GPS vào ảnh trên máy ảnh**


Sử dụng chức năng GPS của điện thoại thông minh, bạn có thể thêm thông tin vị trí khi chụp ảnh bằng máy ảnh.

Để biết thêm chi tiết, hãy truy cập trang web của chúng tôi.

Ghép nối máy ảnh và điện thoại thông minh (Wi-Fi Connection)

Thực hiện theo các bước sau đây khi kết nối thiết bị lần đầu tiên.

- Điều chỉnh cài đặt ghép nối bằng OM Image Share, đây không phải là ứng dụng cài đặt nằm trong hệ điều hành của điện thoại thông minh.

1. Khởi chạy bản sao của ứng dụng OM Image Share dành riêng đã cài đặt trước đó trên điện thoại thông minh của bạn.
2. Ấn vào biểu tượng  được hiển thị trên màn hình chờ chụp.

 Bạn cũng có thể thực hiện các thao tác sau.

Bảng siêu điều khiển



Menu





- MENU → Ү → 4. Wi-Fi/Bluetooth → Wi-Fi Connection

3. Chọn [**Device Connection**] và nhấn nút **OK**.
4. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để điều chỉnh cài đặt Wi-Fi/**Bluetooth**[®].
 - Tên và mật mã cục bộ của **Bluetooth**, SSID và mật khẩu Wi-Fi, mã QR được hiển thị trên màn hình.



- ① Tên cục bộ của **Bluetooth**
Mật mã **Bluetooth**
- ② SSID Wi-Fi
Mật khẩu Wi-Fi
- ③ Mã QR

5. Ấn vào biểu tượng máy ảnh ở cuối màn hình ứng dụng OM Image Share.
 - Thẻ [**Easy Setup**] sẽ được hiển thị.

- 6.** Làm theo hướng dẫn trên màn hình trong OM Image Share để quét mã QR và điều chỉnh cài đặt kết nối.
- Nếu bạn không thể quét mã QR, hãy làm theo hướng dẫn trên màn hình trong OM Image Share để điều chỉnh cài đặt theo cách thủ công.
 - **Bluetooth**[®]: Để kết nối, hãy chọn tên cục bộ và nhập mật mã hiển thị trên màn hình máy ảnh vào hộp thoại cài đặt Bluetooth trong OM Image Share.
 - Wi-Fi: Để kết nối, hãy nhập SSID và mật khẩu hiển thị trên màn hình máy ảnh vào hộp thoại cài đặt Wi-Fi trong OM Image Share.
 -  trên màn hình sẽ chuyển sang màu xanh lá khi quá trình ghép nối hoàn tất.
 - Biểu tượng **Bluetooth**[®] cho biết trạng thái như sau:
 - : Máy ảnh đang phát tín hiệu không dây.
 - : Kết nối không dây đã được thiết lập.
- 7.** Để ngắt kết nối Wi-Fi, hãy nhấn **MENU** trên máy ảnh hoặc ấn vào  **MENU** trên màn hình hiển thị.
- Bạn cũng có thể tắt máy ảnh và kết thúc kết nối từ OM Image Share.
 - Ở cài đặt mặc định, kết nối **Bluetooth**[®] vẫn hoạt động ngay cả sau khi kết nối Wi-Fi bị ngắt, cho phép bạn chụp ảnh từ xa bằng điện thoại thông minh. Để đặt máy ảnh cũng ngắt kết nối **Bluetooth**[®] khi ngắt kết nối Wi-Fi, hãy đặt **[Bluetooth]** thành **[Off]**.

Cài đặt chế độ chờ kết nối không dây khi bật máy ảnh (Bluetooth)

Bạn có thể chọn cho máy ảnh ở chế độ chờ để kết nối không dây với điện thoại thông minh hoặc điều khiển từ xa tùy chọn khi bật nguồn.

🔗 Hoàn tất việc ghép nối máy ảnh và điện thoại thông minh hoặc điều khiển từ xa tùy chọn trước. Không thể chọn **[Bluetooth]** trừ khi quá trình ghép nối đã hoàn tất.

Menu

• MENU → 🏠 → 4. Wi-Fi/Bluetooth → Bluetooth

Off	Máy ảnh sẽ không ở chế độ chờ để kết nối không dây và tín hiệu không dây sẽ không được phát ngay cả khi bật nguồn.
On🔗	Khi bật máy ảnh, máy sẽ phát tín hiệu không dây và ở chế độ chờ để kết nối không dây. Bạn có thể kết nối máy ảnh và điện thoại thông minh thông qua hoạt động của OM Image Share và chụp ảnh từ xa hoặc chuyển ảnh.
On🔗📍	Khi bật máy ảnh, máy sẽ bắt đầu truyền tín hiệu không dây và nếu các thiết bị đã được ghép nối (P.457), máy sẽ ở chế độ chờ để kết nối từ điều khiển từ xa.

🔗 Nếu nhật ký theo dõi GPS được bật trong ứng dụng OM Image Share dành riêng, dữ liệu vị trí được tải xuống từ ứng dụng sẽ được thêm vào ảnh chụp khi **[On🔗]** được chọn.

Cài đặt không dây khi máy ảnh tắt (Power-off Standby)

Bạn có thể chọn xem máy ảnh có duy trì kết nối không dây với điện thoại thông minh khi tắt hay không.

Menu

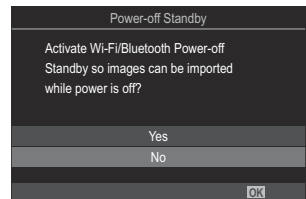
- MENU → Ỗ → 4. Wi-Fi/Bluetooth → ❏ Settings → Power-off Standby

Select	Khi bạn tắt máy ảnh, bạn sẽ được nhắc chọn có duy trì kết nối không dây với điện thoại thông minh hay không.
Off	Tắt máy ảnh sẽ ngắt kết nối không dây với điện thoại thông minh.
On	Khi tắt máy ảnh, kết nối với điện thoại thông minh vẫn hoạt động và vẫn có thể sử dụng điện thoại thông minh để tải xuống hoặc xem ảnh trên máy ảnh.

“Select”

Khi **[Select]** được chọn cho **[Power-off Standby]**, hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị trước khi máy ảnh tắt nếu đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- **[Off]** được chọn cho **[Airplane Mode]**
- Máy ảnh hiện đang được kết nối với điện thoại thông minh ([P.426](#))
- Thẻ nhớ đã được lắp đúng cách



Yes	Tắt máy ảnh nhưng vẫn để kết nối không dây với điện thoại thông minh.
No	Tắt máy ảnh và ngắt kết nối không dây với điện thoại thông minh.


⚠ Nếu không có thao tác nào được thực hiện trong vòng một phút sau khi hộp thoại xác nhận hiển thị, máy ảnh sẽ ngắt kết nối không dây với điện thoại thông minh và tự động tắt.

⚠ Nếu vẫn để hoạt động, kết nối không dây sẽ tự động ngắt nếu: Có thể khôi phục kết nối bằng cách bật máy ảnh.

- kết nối vẫn không hoạt động trong 12 giờ
- thẻ nhớ bị tháo
- pin đã được thay
- lỗi sạc xảy ra trong quá trình sạc pin trên thiết bị

🔍 Lưu ý rằng nếu **[On]** được chọn cho **[Power-off Standby]**, máy ảnh có thể không bật ngay lập tức khi lấy **ON/OFF** được xoay sang **ON**.

Chuyển ảnh sang điện thoại thông minh

Bạn có thể chọn ảnh trong máy ảnh và tải chúng vào điện thoại thông minh. Bạn cũng có thể sử dụng máy ảnh để chọn trước những ảnh bạn muốn chia sẻ.  “Chọn ảnh để chia sẻ (Share Order)” (P.312)

- Nếu **[Off]** hoặc **[On ✖]** được chọn cho **[Bluetooth]** (P.428), hãy chọn **[On ✖]**.
- Chọn **[On ✖]** cho **[Bluetooth]** (P.428) sẽ đưa máy ảnh vào chế độ chờ, sẵn sàng kết nối không dây.

1. Ấn vào **[Import Photos]** trong OM Image Share trên điện thoại thông minh.

🕒 Tùy vào điện thoại thông minh, màn hình xác nhận kết nối Wi-Fi có thể xuất hiện. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để kết nối điện thoại thông minh và máy ảnh.

- Các ảnh trong máy ảnh sẽ được hiển thị theo danh sách.

2. Chọn các ảnh bạn muốn chuyển và ấn nút Lưu.

- Khi quá trình lưu hoàn tất, bạn có thể tắt máy ảnh khỏi điện thoại thông minh.
- Ngay cả khi **[Bluetooth]** (P.428) được đặt thành **[Off]** hoặc **[On ✖]**, **[Import Photos]** vẫn có thể được sử dụng bằng cách khởi động **[Wi-Fi Connection]** ➔ **[Device Connection]** trên máy ảnh.

Tự động tải ảnh lên khi máy ảnh tắt

Để cấu hình máy ảnh tự động tải ảnh lên điện thoại thông minh khi tắt máy:

- Đánh dấu ảnh để chia sẻ ([P.312](#)).
- Bật chế độ chờ tắt nguồn ([P.429](#)).
- Nếu bạn đang sử dụng thiết bị iOS, hãy khởi chạy OM Image Share.

Khi bạn đánh dấu ảnh để chia sẻ trên máy ảnh và tắt máy ảnh, một thông báo sẽ xuất hiện trong OM Image Share. Khi bạn ấn vào thông báo, ảnh sẽ tự động được chuyển đến điện thoại thông minh.

Chụp từ xa bằng điện thoại thông minh (Live View)

Bạn có thể chụp từ xa bằng cách điều khiển máy ảnh qua điện thoại thông minh trong khi kiểm tra chế độ xem trực tiếp trên màn hình điện thoại thông minh.

- Máy ảnh sẽ hiển thị màn hình kết nối và mọi thao tác đều được thực hiện từ điện thoại thông minh.
- Nếu **[Off]** hoặc **[On ✖️]** được chọn cho **[Bluetooth] (P.428)**, hãy chọn **[On ✖️]**.
- Chọn **[On ✖️]** cho **[Bluetooth] (P.428)** sẽ đưa máy ảnh vào chế độ chờ, sẵn sàng kết nối không dây.

1. Khởi chạy OM Image Share và ấn vào **[Remote Control]**.

2. Ấn vào **[Live View]**.

3. Ấn nút chụp để chụp.

- Ảnh chụp được sẽ được lưu vào thẻ nhớ trên máy ảnh.

📞 Ngay cả khi **[Bluetooth] (P.428)** được đặt thành **[Off]** hoặc **[On ✖️]**, **[Live View]** vẫn có thể được sử dụng bằng cách khởi động **[Wi-Fi Connection] ➡ [Device Connection]** trên máy ảnh.

⚠️ Các tùy chọn chụp ảnh có sẵn bị hạn chế một phần.

Chụp từ xa bằng điện thoại thông minh (Remote Shutter)

Bạn có thể chụp từ xa bằng cách điều khiển máy ảnh thông qua điện thoại thông minh (Remote Shutter).

- Mọi thao tác đều có thể thực hiện trên máy ảnh. Ngoài ra, bạn có thể chụp ảnh và quay phim bằng nút chụp được hiển thị trên màn hình điện thoại thông minh.
- Nếu **[Off]** hoặc **[On🔌]** được chọn cho **[Bluetooth] (P.428)**, hãy chọn **[On🔌]**.
- Chọn **[On🔌]** cho **[Bluetooth] (P.428)** sẽ đưa máy ảnh vào chế độ chờ, sẵn sàng kết nối không dây.

1. Khởi chạy OM Image Share và ấn vào **[Remote Control]**.

2. Ấn vào **[Remote Shutter]**.

3. Ấn nút chụp để chụp.

- Ảnh chụp được sẽ được lưu vào thẻ nhớ trên máy ảnh.

🔊 Ngay cả khi **[Bluetooth] (P.428)** được đặt thành **[Off]** hoặc **[On🔌]**, **[Remote Shutter]** vẫn có thể được sử dụng bằng cách khởi động **[Wi-Fi Connection] ➡ [Device Connection]** trên máy ảnh.

Thêm thông tin vị trí vào ảnh





Sử dụng chức năng GPS của điện thoại thông minh, bạn có thể thêm thông tin vị trí khi chụp ảnh bằng máy ảnh.


- Nếu **[Off]** hoặc **[On ✖️]** được chọn cho **[Bluetooth] (P.428)**, hãy chọn **[On ✖️]**.
- Chọn **[On ✖️]** cho **[Bluetooth] (P.428)** sẽ đưa máy ảnh vào chế độ chờ, sẵn sàng kết nối không dây.

1. Trước khi chụp ảnh bằng máy ảnh, hãy khởi chạy OM Image Share và bật chức năng bổ sung thông tin vị trí.

- Khi bạn được nhắc đồng bộ hóa đồng hồ của điện thoại thông minh và máy ảnh, hãy làm theo hướng dẫn được hiển thị trong OM Image Share.

2. Chụp ảnh bằng máy ảnh.

- Khi có thể thêm thông tin vị trí,  sẽ sáng lên trên màn hình chụp. Khi máy ảnh không thể lấy được thông tin vị trí,  sẽ nhấp nháy.
- Có thể mất một khoảng thời gian trước khi máy ảnh sẵn sàng thêm thông tin vị trí khi máy đã được bật hoặc hoạt động lại từ chế độ ngủ.
- Thông tin vị trí sẽ được thêm vào ảnh chụp trong khi  được hiển thị trên màn hình.
-  được hiển thị trên màn hình khi bạn xem ảnh có thông tin vị trí.




 Thông tin vị trí không được thêm vào phim.


3. Khi bạn đã chụp xong, hãy tắt chức năng thêm thông tin vị trí trong OM Image Share.

Cài đặt lại cài đặt kết nối điện thoại thông minh (Reset Settings)


Bạn có thể khôi phục cài đặt kết nối điện thoại thông minh về giá trị mặc định.

Menu

- **MENU** →  → 4. Wi-Fi/Bluetooth →  Settings → Reset  Settings

 Các mục menu sau đây sẽ được cài đặt lại.

- [ **Connection Password**] (P.437) / [**Power-off Standby**] (P.429)

 Trước khi kết nối với điện thoại thông minh, bạn sẽ cần ghép nối lại thiết bị (P.426).

Thay đổi mật khẩu (🔑 Connection Password)

Để thay đổi mật khẩu Wi-Fi/**Bluetooth**®:

Menu

• MENU → 🏠 → 4. Wi-Fi/Bluetooth → ⚙️ Settings → 🔑 Connection Password

1. Nhấn nút Ⓞ theo hướng dẫn trên màn hình.
 - Mật khẩu mới sẽ được đặt.

🔗 Cả mật khẩu kết nối Wi-Fi và mật mã kết nối **Bluetooth**® đều có thể thay đổi được.

🔗 Kết nối lại với điện thoại thông minh sau khi thay đổi mật khẩu. 🖱️ “Ghép nối máy ảnh và điện thoại thông minh (Wi-Fi Connection)” (P426)

Kết nối với máy tính qua Wi-Fi

Cài đặt phần mềm

Sử dụng OM Capture để kết nối máy ảnh và máy tính qua Wi-Fi.

OM Capture


Sử dụng “OM Capture” để tự động tải xuống và xem ảnh khi chụp hoặc điều khiển máy ảnh từ xa. Để tìm hiểu thêm hoặc tải xuống phần mềm, hãy truy cập trang web của chúng tôi. Khi tải phần mềm, hãy chuẩn bị cung cấp số sê-ri của máy ảnh.

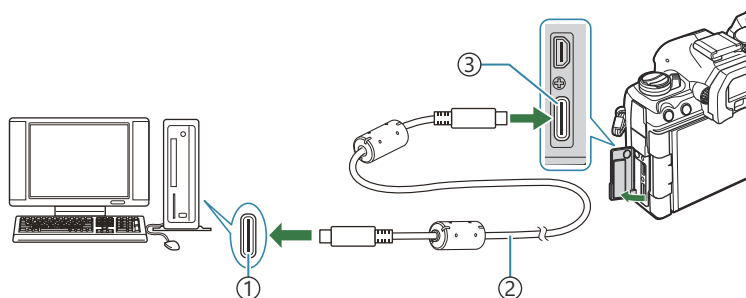
Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình để cài đặt phần mềm. Các yêu cầu hệ thống và hướng dẫn cài đặt có sẵn trên trang web của chúng tôi.

Ghép nối máy tính với máy ảnh (New Link)

Máy ảnh và máy tính phải được ghép nối để có thể kết nối. Có thể ghép nối tối đa bốn máy tính với máy ảnh cùng một lúc. Để ghép nối máy tính với máy ảnh, hãy kết nối máy tính qua USB. Mỗi máy tính chỉ cần ghép nối một lần.

1. Sau khi xác nhận rằng máy ảnh đã tắt, hãy kết nối máy ảnh với máy tính bằng cáp USB.

- Khi kết nối cáp USB, việc sử dụng bộ bảo vệ cáp và kẹp cáp tùy chọn sẽ giúp ngăn ngừa làm hỏng đầu nối và ngắt kết nối cáp.  “Kẹp cáp (CC-1) / Bộ bảo vệ cáp (CP-2)” (P.486)





- ① Cổng USB
- ② Cáp USB (kèm theo máy)
- ③ Đầu nối USB

- Vị trí của cổng USB khác nhau tùy theo từng máy tính. Xem tài liệu kèm theo máy tính để biết thông tin về cổng USB.
- Nếu cổng USB trên máy tính là cổng Type A, hãy sử dụng cáp CB-USB11 tùy chọn.

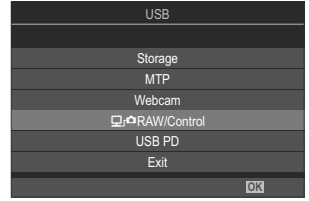
2. Bật máy ảnh.

- Máy ảnh sẽ hiển thị thông báo nhắc bạn xác định thiết bị sẽ kết nối với cáp USB.

 Nếu thông báo không được hiển thị, hãy chọn **[Select]** cho **[USB Mode]** (P.406).

 Nếu lượng pin còn lại quá ít, máy ảnh sẽ không hiển thị thông báo khi kết nối với máy tính. Hãy đảm bảo pin đã được sạc.

3. Làm nổi [RAW/Control] bằng cách sử dụng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.



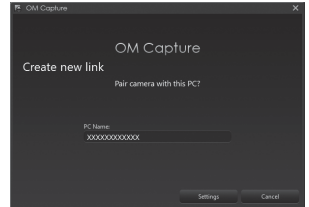
4. Khởi chạy bản sao của OM Capture đã cài đặt trên máy tính.
- Sau khi khởi động, "OM Capture" sẽ nhắc bạn chọn loại kết nối.



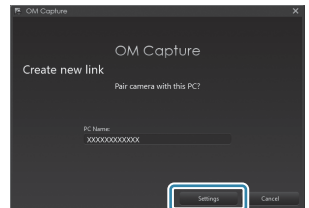
5. Nhấp vào **[+]** ở bên phải của **[Create new link]**.
- Nếu không có gì xảy ra, hãy kết nối lại máy ảnh.



- Nhập tên sẽ được sử dụng trên máy ảnh để xác định máy tính. Mặc định là "Tên máy tính" của máy tính.
- Tên được sử dụng trên máy ảnh có thể dài tối đa 15 ký tự.



6. Nhấp vào **[Settings]** trong OM Capture.
- Khi có thông báo được hiển thị cho biết quá trình ghép nối đã hoàn tất, hãy ngắt kết nối máy ảnh theo hướng dẫn.



- Lặp lại các bước trên để ghép nối máy ảnh với từng máy tính bổ sung.
- Có thể xem và xóa thông tin ghép nối được lưu trữ trên máy ảnh bằng "OM Capture".

ⓘ Nếu kết nối với máy tính không hoạt động, máy tính cần phải nhận dạng được máy ảnh.

Điều chỉnh cài đặt Wi-Fi (Wi-Fi Connection)

Điều chỉnh cài đặt kết nối với mạng của máy tính được ghép nối.

Trước khi máy ảnh có thể kết nối với máy tính qua Wi-Fi, máy ảnh phải được cấu hình để kết nối với mạng thông qua bộ định tuyến Wi-Fi hoặc điểm truy cập. Nhiều cấu hình mạng có thể được lưu trữ trên máy ảnh và gọi lại khi cần thiết. Cài đặt **[Wi-Fi Connection]** có thể được điều chỉnh thông qua các phương pháp sau:

Connect by WPS	<p>Cấu hình máy ảnh để kết nối tự động (P.442).</p> <p>Để kết nối bằng bộ định tuyến WPS hoặc điểm truy cập, chỉ cần nhấn nút WPS trên thiết bị.</p> <p>[PBC Method]: Kết nối chỉ bằng nút WPS của bộ định tuyến. Máy ảnh sẽ tự động kết nối khi bạn nhấn nút.</p> <p>[PIN Method]: Máy ảnh kết nối ở chế độ mã PIN. Nhập mã PIN của máy ảnh trên bộ định tuyến để kết nối.</p>
Connect from ((📶)) List	<p>Chọn mạng từ danh sách (P.447).</p> <p>Máy ảnh sẽ tìm kiếm các mạng khả dụng; để kết nối, hãy chọn một mạng từ danh sách và nhập mật khẩu mạng.</p>
Connect manually	<p>Điều chỉnh cài đặt kết nối theo cách thủ công (P.444).</p> <p>Để kết nối, hãy nhập tên mạng (SSID) và các cài đặt khác.</p>

- Kết nối WPS yêu cầu bộ định tuyến hoặc điểm truy cập tương thích với WPS.
- Kết nối qua WPS ở chế độ mã PIN yêu cầu bộ định tuyến phải được kết nối với máy tính quản trị viên để có thể nhập mã PIN.
- Kết nối theo cách thủ công yêu cầu bạn phải có thông tin về mạng mà bạn đang kết nối.
- Máy ảnh có thể kết nối thông qua bộ định tuyến hoặc điểm truy cập thuộc các loại sau:
 - Tiêu chuẩn: IEEE802.11a/b/g/n/ac
 - Băng tần: 2,4 GHz hoặc 5 GHz
 - Bảo mật: WPA2, WPA3
- Máy ảnh có thể lưu trữ cài đặt cho tối đa tám mạng. Máy ảnh sẽ tự động kết nối với các mạng đã kết nối trước đó.
- Mỗi kết nối mới sau kết nối thứ tám sẽ ghi đè cài đặt của kết nối không được sử dụng trong khoảng thời gian dài nhất.
- Việc thêm cấu hình mạng cho điểm truy cập có cùng địa chỉ MAC với cấu hình hiện tại sẽ ghi đè lên cài đặt cho cấu hình hiện có.
- Để biết thông tin về cách sử dụng bộ định tuyến hoặc điểm truy cập, hãy xem tài liệu được cung cấp kèm theo thiết bị.

- Cấu hình mạng không được cài đặt lại khi bạn chọn **[Initialize All Settings]** cho **[Reset/Initialize Settings]** (P.415). Để cài đặt lại cài đặt mạng, hãy sử dụng **[Wi-Fi PC Settings]** (P.448) > **[Reset Wi-Fi PC Settings]**.

Bật Wi-Fi máy ảnh

Trước khi kết nối với mạng qua Wi-Fi, bạn cần bật Wi-Fi trên máy ảnh. Nếu **[Airplane Mode]** (P.424) được đặt thành **[On]**, hãy đặt lại thành **[Off]**.

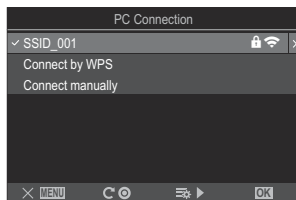
Kết nối qua WPS (Connect by WPS)

Kết nối bằng tính năng WPS trên bộ định tuyến hoặc điểm truy cập.

Menu

- MENU → Ȳ → 4. Wi-Fi/Bluetooth → Wi-Fi Connection

1. Làm nổi **[PC Connection]** bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.
 - Tùy chọn **[PC Connection]** sẽ được hiển thị.
2. Làm nổi **[Connect by WPS]** bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.
3. Làm nổi một tùy chọn bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.
 - Nếu bạn đã chọn **[PBC Method]**, hãy nhấn nút WPS trên bộ định tuyến hoặc điểm truy cập.
 - Nhấn nút **OK** trên máy ảnh để bắt đầu kết nối.
 - Có thể cần một khoảng thời gian để kết nối sau khi bạn nhấn nút.
 - Nếu bạn đã chọn **[PIN Method]**, máy ảnh sẽ hiển thị mã PIN; hãy nhập mã PIN vào bộ định tuyến hoặc điểm truy cập. Nhấn nút **OK** trên máy ảnh khi bộ định tuyến đã sẵn sàng kết nối.
4. Nếu máy ảnh có thể kết nối, mạng sẽ được hiển thị với dấu tích (✓) bên cạnh tên mạng.




- Nếu máy ảnh được ghép nối với nhiều máy tính, bạn sẽ được nhắc chọn một máy tính trước khi mạng được hiển thị. Làm nổi máy tính mong muốn bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.

- Chỉ có thể sử dụng máy ảnh với máy tính đã chọn. Để chọn máy tính khác, trước tiên bạn phải ngắt kết nối hiện tại.
- Nếu kết nối không thành công, máy ảnh sẽ hiển thị thông báo về vấn đề đó, theo sau là các tùy chọn được hiển thị ở Bước 3. Tháo và lắp lại thẻ nhớ.



5. Nhấn nút **OK** để thoát ra và đến màn hình chụp.

- Máy ảnh sẽ trở về màn hình chụp tiêu chuẩn.  trên màn hình sẽ chuyển sang màu xanh lá.



Kết nối theo cách thủ công (Connect manually)

Điều chỉnh cài đặt mạng theo cách thủ công.

Menu

- MENU → Ỗ → 4. Wi-Fi/Bluetooth → Wi-Fi Connection

SSID	Tên mạng (SSID).
Authentication	Loại bảo mật được sử dụng trên mạng.
Password	Mật khẩu để kết nối với mạng được bảo mật.
IP Address Assign	Chọn xem địa chỉ IP của máy ảnh có được máy chủ DHCP của mạng gán tự động hay không.
IP Address	
Subnet Mask	Các trường này là bắt buộc khi địa chỉ IP được gán thủ công. Các cài đặt được sử dụng sẽ khác nhau tùy theo mạng.
Default Gateway	
DNS	

1. Làm nổi **[PC Connection]** bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.
 - Tùy chọn **[PC Connection]** sẽ được hiển thị.
2. Làm nổi **[Connect manually]** bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.

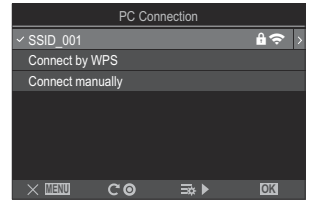
3. Làm nổi các tùy chọn bằng các nút $\Delta \nabla$ và nhấn nút **OK**.

- Các tùy chọn cho mục đã chọn sẽ được hiển thị.

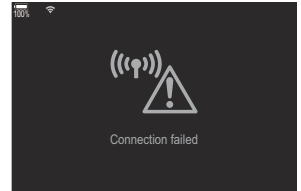
SSID	Nhập SSID mạng.
Authentication	Chọn loại bảo mật được sử dụng trên mạng. Chọn từ [None] , [WPA2/WPA3] và [WPA3] .
Password	Nếu bạn đã chọn [WPA2/WPA3] hoặc [WPA3] cho [Authentication] , hãy nhập mật khẩu mạng.
IP Address Assign	Chọn từ [Auto(DHCP)] và [Manual] . Việc gán địa chỉ IP tự động yêu cầu mạng phải có máy chủ DHCP được cấu hình để cung cấp địa chỉ IP tự động.
IP Address	
Subnet Mask	Các trường này là bắt buộc khi [Manual] được chọn cho [IP Address Assign] .
Default Gateway	
DNS	

4. Làm nổi **[Start Connection]** bằng các nút $\Delta \nabla$ và nhấn nút **OK**.


5. Nếu máy ảnh có thể kết nối, mạng sẽ được hiển thị với dấu tích (✓) bên cạnh tên mạng.



- Nếu máy ảnh được ghép nối với nhiều máy tính, bạn sẽ được nhắc chọn một máy tính trước khi mạng được hiển thị. Làm nổi máy tính mong muốn bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.
- Chỉ có thể sử dụng máy ảnh với máy tính đã chọn. Để chọn máy tính khác, trước tiên bạn phải ngắt kết nối hiện tại.
- Nếu kết nối không thành công, máy ảnh sẽ hiển thị thông báo về vấn đề đó, theo sau là các tùy chọn được hiển thị ở Bước 4. Tháo và lắp lại thẻ nhớ.



6. Nhấn nút **OK** để thoát ra và đến màn hình chụp.

- Máy ảnh sẽ trở về màn hình chụp tiêu chuẩn.  trên màn hình sẽ chuyển sang màu xanh lá.



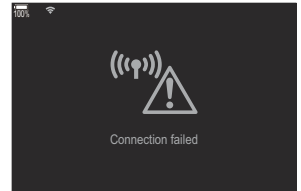
Chọn mạng từ danh sách (Connect from ((📶)) List)

Máy ảnh sẽ tìm kiếm các mạng khả dụng và hiển thị chúng trong danh sách để bạn có thể chọn mạng mà bạn muốn kết nối.


Menu

- MENU → 🏠 → 4. Wi-Fi/Bluetooth → Wi-Fi Connection

1. Làm nổi **[PC Connection]** bằng các nút $\Delta \nabla$ và nhấn nút **OK**.
 - Tùy chọn **[PC Connection]** sẽ được hiển thị.
2. Làm nổi **[Connect from ((📶)) List]** bằng các nút $\Delta \nabla$ và nhấn nút **OK**.
 - Danh sách các mạng khả dụng sẽ được hiển thị.
3. Làm nổi mạng mong muốn bằng các nút $\Delta \nabla$ và nhấn nút **OK**.
 - Nếu mạng được bảo vệ bằng mật khẩu, bạn sẽ được nhắc nhập mật khẩu. Nhập mật khẩu và nhấn nút **OK**.
 - Nhấn nút \triangleright để hiển thị **[Detail Settings]** cho mạng được làm nổi. Bạn có thể nhập địa chỉ IP và điều chỉnh các cài đặt khác theo cách thủ công.
 - Nhấn nút \odot để lặp lại tìm kiếm và cập nhật danh sách mạng.
4. Nếu máy ảnh có thể kết nối, mạng sẽ được hiển thị với dấu tích (✓) bên cạnh tên mạng.
 - Mạng được bảo vệ bằng mật khẩu được biểu thị bằng biểu tượng **🔒**.
 - Nếu máy ảnh được ghép nối với nhiều máy tính, bạn sẽ được nhắc chọn một máy tính trước khi mạng được hiển thị. Làm nổi máy tính mong muốn bằng các nút $\Delta \nabla$ và nhấn nút **OK**.
 - Chỉ có thể sử dụng máy ảnh với máy tính đã chọn. Để chọn máy tính khác, trước tiên bạn phải ngắt kết nối hiện tại.
 - Nếu kết nối không thành công, máy ảnh sẽ hiển thị thông báo về vấn đề đó, theo sau là các tùy chọn được hiển thị ở Bước 3. Tháo và lắp lại thẻ nhớ.




5. Nhấn nút **OK** để thoát ra và đến màn hình chụp.

- Máy ảnh sẽ trở về màn hình chụp tiêu chuẩn.  trên màn hình sẽ chuyển sang màu xanh lá.



Kết nối với các mạng đã chọn trước đó

- Máy ảnh sẽ tự động kết nối lại với các mạng đã chọn trước đó khi bạn chọn **[PC Connection]** qua biểu tượng . Bạn không cần phải cung cấp mật khẩu.
- Nếu có nhiều mạng, máy ảnh sẽ kết nối trước với mạng được sử dụng gần đây nhất.
- Sau khi máy ảnh được kết nối, máy sẽ hiển thị danh sách các mạng khả dụng với mạng hiện tại được hiển thị bằng dấu tích (✓).
- Để kết nối với một mạng khác, hãy làm nổi mạng đó trong danh sách và nhấn nút **OK**.
- Nếu máy ảnh được ghép nối với nhiều máy tính trong mạng, bạn sẽ được nhắc chọn một máy tính trước khi danh sách mạng được hiển thị. Làm nổi máy tính mong muốn bằng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.

Hiển thị địa chỉ MAC / Cài đặt lại cài đặt Wi-Fi cho kết nối PC (Wi-Fi PC Settings)

Bạn có thể hiển thị địa chỉ MAC của máy ảnh để kết nối Wi-Fi và cài đặt lại cài đặt Wi-Fi được sử dụng để kết nối với máy tính.

Menu

- **MENU** \rightarrow \mathbb{Y} \rightarrow 4. Wi-Fi/Bluetooth \rightarrow Wi-Fi PC Settings

Wi-Fi MAC Address	Hiển thị địa chỉ MAC của máy ảnh để kết nối Wi-Fi.
Reset Wi-Fi PC Settings	Xóa thông tin về máy tính mà máy ảnh đã ghép nối và các điểm truy cập mà máy ảnh đã kết nối.

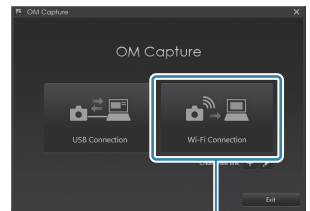
Tải lên ảnh đã chụp

Chụp ảnh và tải lên máy tính có cùng mạng với máy ảnh. Bạn có thể chụp ảnh bằng các nút điều khiển trên thân máy ảnh hoặc bằng cách điều khiển máy ảnh từ xa bằng máy tính. Trước khi tiếp tục, hãy kết nối máy ảnh và máy tính như mô tả trong phần "[Ghép nối máy tính với máy ảnh \(New Link\)](#)" (P.439).

- ⚠ Kết nối Wi-Fi có thể gặp tình trạng tốc độ truyền dữ liệu chậm hoặc mất kết nối không mong muốn với máy tính hoặc thiết bị không dây tùy thuộc vào môi trường hoạt động. Chúng tôi khuyên bạn nên kiểm tra hoạt động trong môi trường của mình trước khi chụp những ảnh quan trọng. Nếu kết nối Wi-Fi bị gián đoạn, dữ liệu trước khi tải lên sẽ bị mất. Sử dụng cài đặt tải lên với dữ liệu đã chuyển sẽ được lưu trên thẻ nhớ trong máy ảnh trước khi tải lên.
- ⚠ Để kết nối với máy tính, màn hình chụp cần phải được hiển thị trên máy ảnh. Sau khi kết nối mạng, hãy trở lại màn hình chụp ảnh.

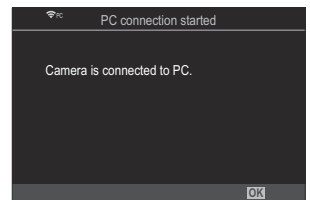
1. Khởi chạy OM Capture trên máy tính đích.

- Nếu được nhắc chọn loại kết nối, hãy nhấp vào **[Wi-Fi Connection]**.
- Máy tính sẽ hiển thị thông báo **[Camera connected]** khi máy ảnh được phát hiện.



① [Wi-Fi Connection]

- Máy ảnh sẽ hiển thị thông báo khi kết nối được thiết lập.



2. Cấu hình OM Capture để tự động tải xuống ảnh khi ảnh được chụp.

- Chọn đích cho ảnh tải xuống.

3. Chụp ảnh bằng máy ảnh hoặc điều khiển máy tính.

- Ảnh sẽ được tải xuống máy tính theo các tùy chọn đã chọn.

📖 Xem trợ giúp trực tuyến để biết thêm thông tin về cách sử dụng phần mềm.

⚠ Không thể sử dụng máy tính để thay đổi chế độ chụp của máy ảnh.

⚠️ Tốc độ khung hình trên màn hình máy ảnh có thể giảm nếu hình ảnh qua ống kính máy ảnh được hiển thị đồng thời trên cả máy tính và màn hình máy ảnh.

⚠️ Máy ảnh sẽ chỉ tải lên những ảnh được chụp khi máy ảnh và máy tính được kết nối. Ảnh chụp khi máy ảnh không được kết nối với máy tính sẽ không được tải lên.

🔧 Khi máy ảnh được kết nối với mạng:

- Chế độ ngủ đã bị tắt
- Chụp ngắt quãng không khả dụng

🔧 Tùy chọn **[PC connection ended]** sẽ được hiển thị khi kết nối của máy ảnh với mạng kết thúc. Nếu bạn ngắt kết nối, bất kỳ dữ liệu nào chưa được tải lên sẽ không được tải lên.

🔧 Nếu "OM Capture" hiển thị thông báo **[This application is unable to find a camera in the camera control mode.]**, hãy kiểm tra:

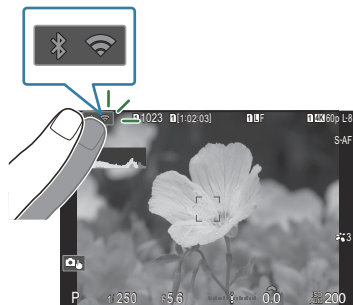
- máy ảnh đã được ghép nối với máy tính, và
- bạn đã chọn đúng máy tính khi kết nối vào mạng hay chưa.

Kết thúc kết nối

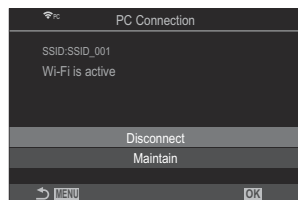
Ngắt kết nối Wi-Fi. Việc sử dụng Wi-Fi có thể bị cấm ở một số quốc gia hoặc khu vực, trong trường hợp đó, bạn nên tắt Wi-Fi.

Kết thúc kết nối hiện tại

1. Ấn vào  trên màn hình máy ảnh.



- Bạn sẽ được nhắc xác nhận xem bạn có muốn ngắt kết nối hay không.
- SSID mạng được hiển thị trên màn hình hiển thị.



2. Làm nổi **[Disconnect]** bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút **OK**.

- Máy ảnh sẽ ngắt kết nối, thoát ra và đến màn hình chụp.

ⓘ Kết nối Wi-Fi sẽ bị ngắt ngay cả khi vẫn còn dữ liệu chưa chuyển xong. Bất kỳ dữ liệu nào chưa được tải lên sẽ không được tải lên.

3. Để kết nối lại, hãy ấn vào  hoặc chọn **[Wi-Fi Connection]** > **[PC Connection]** và nhấn nút **OK**.

- Máy ảnh sẽ tự động kết nối lại với các mạng đã chọn trước đó.

- Để kết nối với mạng mới, hãy làm nổi **[Maintain]** ở Bước 2 và nhấn nút **OK**. Chọn từ danh sách các mạng khả dụng và điều chỉnh cài đặt như mô tả trong phần "[Chọn mạng từ danh sách \(Connect from \(\(☎\)\) List\)](#)" (P.447).

- Nếu bạn tắt máy ảnh trong khi quá trình tải lên đang diễn ra, bạn sẽ được nhắc chọn tắt nguồn máy ảnh và ngắt kết nối Wi-Fi ngay lập tức hoặc chỉ tắt nguồn máy ảnh sau khi quá trình tải lên hoàn tất.

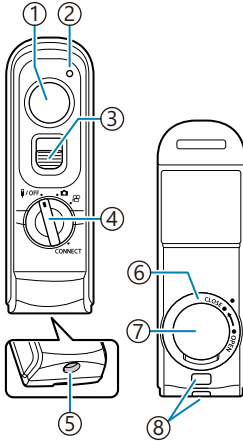
Tắt Wi-Fi/Bluetooth®

Đặt **[Airplane Mode]** (P.424) thành **[On]**. Giao tiếp không dây sẽ bị tắt.

Sử dụng điều khiển từ xa

Tên các bộ phận

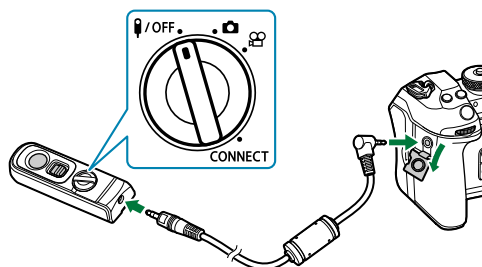
RM-WR1 (tùy chọn)



- ① Nút chụp
- ② Đèn báo truyền dữ liệu
- ③ Khóa nút chụp
- ④ Nút xoay chế độ (📷 / OFF / 📷 / 👤 / CONNECT)
- ⑤ Đầu nối cáp
- ⑥ Chụp ngăn pin
- ⑦ Nắp ngăn pin
- ⑧ Lỗ dây đeo

Kết nối

Kết nối có dây



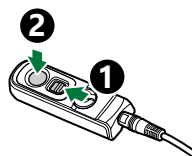
Xoay nút xoay chế độ của điều khiển từ xa đến **OFF** và kết nối điều khiển từ xa với máy ảnh thông qua cáp kèm theo máy.

Có thể chụp ảnh bằng cách nhấn nút chụp.

Trước khi quay phim, hãy chọn **[REC]** cho **[Shutter Function]**. “Quay phim bằng cách nhấn nút chụp (Shutter Function)” (P.346)

Điều khiển từ xa không dây không khả dụng trong khi cáp được kết nối.

Để bật nút chụp cho chế độ chụp ảnh bulb hoặc tương tự, hãy trượt khóa nút chụp lên.



Kết nối không dây

Đối với kết nối không dây, bạn phải ghép nối máy ảnh và điều khiển từ xa trước.

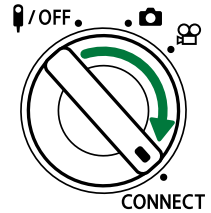
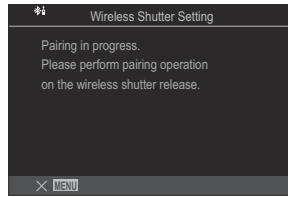
Menu

- **MENU** → **Y** → 4. Wi-Fi/Bluetooth → Wireless Shutter Setting

Start Pairing	Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình. Khi quá trình ghép nối hoàn tất, [Bluetooth] sẽ được đặt thành [On] .
Delete Pairing	Nếu bạn chọn [Yes] và nhấn nút OK , thiết bị được ghép nối sẽ bị xóa.

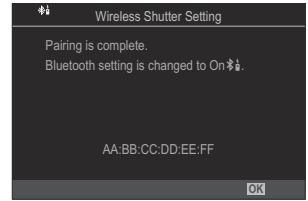
1. Làm nổi **[Start Pairing]** và nhấn nút **OK**.

2. Khi thông báo đang hiển thị cho biết quá trình ghép nối đang diễn ra, hãy xoay nút xoay chế độ trên điều khiển từ xa đến vị trí **CONNECT** và giữ nguyên ở vị trí này.



- Quá trình ghép nối bắt đầu khi nút xoay được giữ trong 3 giây. Giữ nút xoay ở vị trí **CONNECT** cho đến khi quá trình ghép nối hoàn tất. Nếu bạn xoay nút xoay chế độ trước khi quá trình ghép nối hoàn tất, đèn báo truyền dữ liệu sẽ nhấp nháy nhanh.
- Đèn báo truyền dữ liệu sẽ sáng khi quá trình ghép nối bắt đầu.

3. Khi thông báo cho biết quá trình ghép nối đã hoàn tất được hiển thị, hãy nhấn nút **OK**.



- Đèn báo truyền dữ liệu sẽ tắt khi quá trình ghép nối hoàn tất.
 - **[Bluetooth]** (P.428) sẽ tự động được đặt thành **[On]** khi quá trình ghép nối hoàn tất.
- ⓘ Nếu bạn xoay nút xoay chế độ của điều khiển từ xa hoặc nhấn nút **MENU** của máy ảnh trước khi thông báo hoàn tất ghép nối được hiển thị, quá trình ghép nối sẽ kết thúc. Thông tin thiết bị được ghép nối sẽ được cài đặt lại. Hãy ghép nối lại các thiết bị.
- ⓘ Nếu bạn xoay nút xoay chế độ của điều khiển từ xa hiện không được ghép nối đến vị trí **CONNECT** và giữ trong 3 giây, hoặc khi ghép nối không thành công, thông tin ghép nối từ các kết nối trước đó sẽ được cài đặt lại. Hãy ghép nối lại các thiết bị.

Xóa ghép nối


1. Chọn **[Delete Pairing]** và nhấn nút **OK**.



2. Chọn **[Yes]** và nhấn nút **OK**.

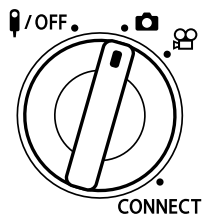
- ⓘ Khi bạn đã ghép nối máy ảnh với điều khiển từ xa, bạn phải thực hiện **[Delete Pairing]** để cài đặt lại thông tin ghép nối trước khi bạn ghép nối máy ảnh với điều khiển từ xa mới.

Chụp từ điều khiển từ xa

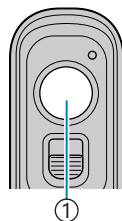
PASMB 

Trước khi thiết lập kết nối không dây giữa máy ảnh và điều khiển từ xa, hãy xác nhận rằng [On  sẽ xuất hiện trong màn hình hiển thị và máy ảnh sẽ ở chế độ chờ để giao tiếp không dây với điều khiển từ xa ngay khi máy ảnh được bật.




1. Xoay nút xoay chế độ của điều khiển từ xa đến vị trí  hoặc .



2. Nhấn nút chụp trên điều khiển từ xa để chụp ảnh.



① Nút chụp

- Khi nút xoay chế độ của điều khiển từ xa được đặt thành  (chế độ chụp ảnh tĩnh): Khi bạn nhấn nhẹ nút chụp của điều khiển từ xa xuống vị trí đầu tiên (nhấn nút chụp xuống một nửa), dấu xác nhận AF () sẽ được hiển thị và khung màu xanh lá (mục tiêu AF) sẽ được hiển thị tại vị trí lấy nét.
- Khi nút xoay chế độ của điều khiển từ xa được đặt thành  (chế độ quay phim): Khi bạn nhấn nút chụp của điều khiển từ xa, quá trình quay phim sẽ bắt đầu. Nhấn nút chụp của điều khiển từ xa một lần nữa để dừng quá trình quay phim.

Đèn báo truyền dữ liệu của điều khiển từ xa

Sáng một lần	Hoạt động điều khiển từ xa được gửi đến đúng máy ảnh.
Nhấp nháy nhanh (1 giây)	Hoạt động điều khiển từ xa không được gửi đến đúng máy ảnh. Hãy rút ngắn khoảng cách giữa máy ảnh và điều khiển từ xa. Nếu vấn đề vẫn không được giải quyết, hãy kiểm tra cài đặt của máy ảnh.
Nhấp nháy nhanh (3 giây)	Có vấn đề liên quan đến việc ghép nối máy ảnh và điều khiển từ xa. Hãy ghép nối lại các thiết bị.
Không sáng	Các tình huống sau có thể xảy ra. <ul style="list-style-type: none">• Điều khiển từ xa đã hết pin.• Nút xoay chế độ của điều khiển từ xa đang ở vị trí 🔌/OFF.• Máy ảnh và điều khiển từ xa được kết nối bằng cáp

- 🔌 Ngay cả khi **[Bluetooth] (P.428)** được đặt thành **[On] 📶**, bạn vẫn có thể kết nối máy ảnh với điện thoại thông minh bằng cách khởi động **[Device Connection]** trên máy ảnh. Tuy nhiên, bạn không thể điều khiển máy ảnh bằng điều khiển từ xa khi máy ảnh được kết nối với điện thoại thông minh.
- 🔌 Thiết bị ghép nối và chụp từ xa không khả dụng khi **[Airplane Mode] (P.424)** đang **[On]**.
- 🔌 Máy ảnh sẽ không chuyển sang chế độ ngủ khi điều khiển từ xa được kết nối không dây.
- 🔌 Nếu bạn xoay nút xoay chế độ của điều khiển từ xa đến vị trí **🔌/OFF**, máy ảnh sẽ chuyển sang chế độ ngủ theo cài đặt **[Sleep] (P.411)**.

Máy ảnh sẽ không chuyển sang chế độ ngủ khi **[On] 📶** được chọn cho **[Bluetooth] (P.428)**, trừ khi nút xoay chế độ trên điều khiển từ xa ở vị trí **🔌/OFF**.
- 🔌 Nếu bạn sử dụng điều khiển từ xa trong khi máy ảnh đang ở chế độ ngủ, máy ảnh có thể mất nhiều thời gian hơn để tiếp tục hoạt động.
- 🔌 Không thể điều khiển máy ảnh bằng điều khiển từ xa trong khi máy đang thoát khỏi chế độ ngủ. Hãy thao tác điều khiển từ xa sau khi máy ảnh đã hoạt động trở lại.
- 🔌 Xoay nút xoay chế độ của điều khiển từ xa đến vị trí **🔌/OFF** khi bạn đã sử dụng xong điều khiển từ xa.

Địa chỉ MAC của điều khiển từ xa

Địa chỉ MAC của điều khiển từ xa có in trên thẻ bảo hành đi kèm với điều khiển từ xa.

Các biện pháp phòng ngừa khi sử dụng điều khiển từ xa

- Không được giật mạnh nắp ngăn pin hoặc sử dụng nó để xoay chụp ngăn pin.
- Không được chọc thủng pin bằng vật sắc nhọn.
- Không làm rơi hoặc vung điều khiển từ xa trong khi đang cầm cáp.
- Độ ẩm trên cáp hoặc đầu nối điều khiển từ xa có thể gây cản trở việc điều khiển không dây và làm cho kết nối có dây không ổn định.
- Trước khi đóng lại, hãy xác nhận rằng chụp ngăn pin không có vật lạ.
- Xoay nút xoay chế độ đến vị trí **OFF** trước khi kết nối hoặc ngắt kết nối cáp.

Kết nối với máy tính qua USB

Cài đặt phần mềm

Cài đặt phần mềm sau để truy cập máy ảnh khi máy ảnh được kết nối trực tiếp với máy tính qua USB.

OM Capture

Sử dụng “OM Capture” để tự động tải xuống và xem ảnh khi chụp hoặc điều khiển máy ảnh từ xa. Để tìm hiểu thêm hoặc tải xuống phần mềm, hãy truy cập trang web của chúng tôi. Khi tải phần mềm, hãy chuẩn bị cung cấp số sê-ri của máy ảnh.

Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình để cài đặt phần mềm. Các yêu cầu hệ thống và hướng dẫn cài đặt có sẵn trên trang web của chúng tôi.

OM Workspace

Ứng dụng máy tính này được sử dụng để tải xuống, xem, và quản lý ảnh và phim đã quay chụp bằng máy ảnh. Khi chỉnh sửa dữ liệu RAW trong OM Workspace, tính năng xử lý tốc độ cao bằng bộ xử lý của máy ảnh đã được bật. Ứng dụng này cũng có thể được sử dụng để cập nhật phần mềm firmware của máy ảnh. Phần mềm có thể được tải xuống từ trang web của chúng tôi. Khi tải phần mềm, hãy chuẩn bị cung cấp số sê-ri của máy ảnh.


Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình để cài đặt phần mềm. Các yêu cầu hệ thống và hướng dẫn cài đặt có sẵn trên trang web của chúng tôi.

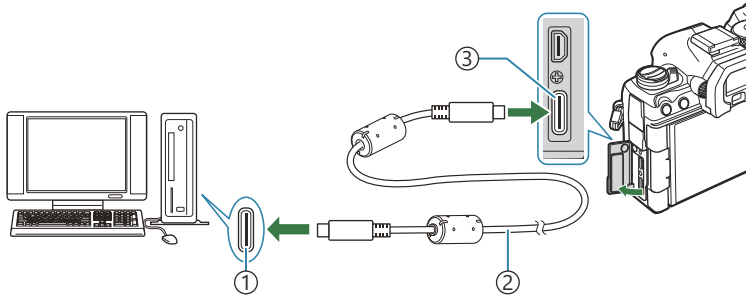
Tải lên ảnh đã chụp (RAW/Control)

PASMB 

Kết nối máy ảnh với máy tính thông qua USB để tải lên ảnh đã chụp. Bạn có thể chụp ảnh bằng các nút điều khiển trên thân máy ảnh hoặc bằng cách điều khiển máy ảnh từ xa bằng máy tính.

1. Sau khi xác nhận rằng máy ảnh đã tắt, hãy kết nối máy ảnh với máy tính bằng cáp USB.

- Khi kết nối cáp USB, việc sử dụng bộ bảo vệ cáp và kẹp cáp tùy chọn sẽ giúp ngăn ngừa làm hỏng đầu nối và ngắt kết nối cáp.  “Kẹp cáp (CC-1) / Bộ bảo vệ cáp (CP-2)” (P.486)





- ① Cổng USB
- ② Cáp USB (kèm theo máy)
- ③ Đầu nối USB

- Vị trí của cổng USB khác nhau tùy theo từng máy tính. Xem tài liệu kèm theo máy tính để biết thông tin về cổng USB.
- Nếu cổng USB trên máy tính là cổng Type A, hãy sử dụng cáp CB-USB11 tùy chọn.

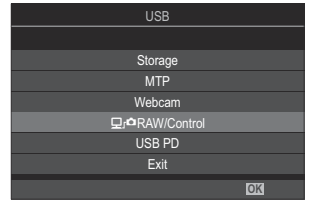
2. Bật máy ảnh.

- Máy ảnh sẽ hiển thị thông báo nhắc bạn xác định thiết bị sẽ kết nối với cáp USB.

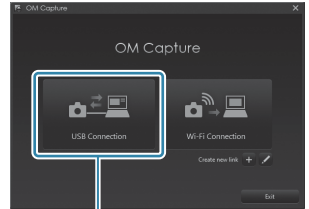
 Nếu thông báo không được hiển thị, hãy chọn **[Select]** cho **[USB Mode]** (P.406).

 Nếu lượng pin còn lại quá ít, máy ảnh sẽ không hiển thị thông báo khi kết nối với máy tính. Hãy đảm bảo pin đã được sạc.

3. Làm nổi [RAW/Control] bằng cách sử dụng các nút Δ ∇ và nhấn nút **OK**.



4. Khởi chạy bản sao của “OM Capture” đã cài đặt trên máy tính.
- Khi được nhắc chọn loại kết nối, hãy nhấp vào [**USB Connection**].



① [USB Connection]

5. Cấu hình OM Capture để tải xuống.

- Chọn đích cho ảnh tải xuống.

6. Chụp ảnh bằng máy ảnh hoặc điều khiển máy tính.

- Ảnh sẽ được tải xuống máy tính theo các tùy chọn đã chọn.
- Xem trợ giúp trực tuyến để biết thêm thông tin về cách sử dụng phần mềm.

⚠ Không thể sử dụng máy tính để thay đổi chế độ chụp của máy ảnh.

⚠ Tốc độ khung hình của màn hình máy ảnh có thể giảm nếu chế độ xem qua ống kính máy ảnh được hiển thị đồng thời trên cả máy tính và màn hình máy ảnh.

⚠ Kết nối với máy tính sẽ kết thúc nếu bạn:

- thoát “OM Capture”,
- lắp hoặc tháo thẻ nhớ, hoặc
- tắt máy ảnh.

Kết nối máy ảnh để xử lý RAW tốc độ cao (RAW/Control)

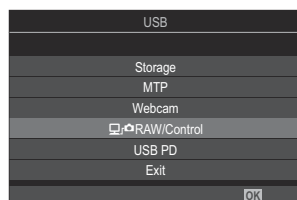
Khi bạn chỉnh sửa dữ liệu RAW bằng cách kết nối máy ảnh và máy tính, quá trình xử lý sẽ nhanh hơn so với khi chỉ thực hiện bằng máy tính.

1. Sau khi xác nhận rằng máy ảnh đã tắt, hãy kết nối máy ảnh với máy tính bằng cáp USB.

2. Bật máy ảnh.

- Máy ảnh sẽ hiển thị thông báo nhắc bạn xác định thiết bị sẽ kết nối với cáp USB.
- Nếu thông báo không được hiển thị, hãy chọn **[Select]** cho **[USB Mode] (P406)**.
- Nếu lượng pin còn lại quá ít, máy ảnh sẽ không hiển thị thông báo khi kết nối với máy tính. Hãy đảm bảo pin đã được sạc.

3. Làm nổi **[ RAW/Control]** bằng cách sử dụng các nút **△ ▽** và nhấn nút **OK**.



4. Khởi chạy bản sao của OM Workspace đã cài đặt trên máy tính.

5. Chọn ảnh cần xử lý.

- Chỉ những ảnh được chụp bằng máy ảnh sau.
OM-1 Mark II/OM-1 (tính đến tháng 1 năm 2024)
- Bạn không thể chọn ảnh trên thẻ SD trong máy ảnh được kết nối.

6. Xử lý ảnh RAW.

- Bạn có thể điều chỉnh các cài đặt chụp có sẵn trên máy ảnh và ảnh RAW sẽ được xử lý tương ứng.
- Các bản sao được xử lý sẽ được lưu ở định dạng JPEG.
- Chỉnh sửa dữ liệu RAW USB không khả dụng khi kết nối từ hai máy ảnh trở lên.
- Xem trợ giúp trực tuyến để biết thêm thông tin về cách sử dụng phần mềm.

Sao chép ảnh vào máy tính (Storage/MTP)

Khi được kết nối với máy tính, máy ảnh có thể hoạt động như bộ nhớ ngoài, tương tự như ổ cứng hoặc thiết bị lưu trữ ngoài khác. Dữ liệu có thể được sao chép từ máy ảnh vào máy tính.

1. Sau khi xác nhận rằng máy ảnh đã tắt, hãy kết nối máy ảnh với máy tính bằng cáp USB.

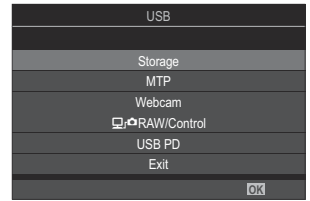
2. Bật máy ảnh.

- Máy ảnh sẽ hiển thị thông báo nhắc bạn xác định thiết bị sẽ kết nối với cáp USB.
- Nếu thông báo không được hiển thị, hãy chọn **[Select]** cho **[USB Mode] (P.406)**.
- Nếu lượng pin còn lại quá ít, máy ảnh sẽ không hiển thị thông báo khi kết nối với máy tính. Hãy đảm bảo pin đã được sạc.

3. Làm nổi **[Storage]** hoặc **[MTP]** bằng cách sử dụng Δ ∇ và nhấn nút **OK**.

[Storage]: Máy ảnh có chức năng như đầu đọc thẻ.

[MTP]: Máy ảnh có chức năng như thiết bị cầm tay.



4. Máy ảnh sẽ kết nối với máy tính dưới dạng thiết bị lưu trữ mới.


- ⚠ Việc truyền dữ liệu không được đảm bảo trong những môi trường sau đây, ngay cả khi máy tính của bạn được trang bị cổng USB.
 - Máy tính có cổng USB được thêm vào bằng thẻ mở rộng, v.v..., máy tính không có hệ điều hành cài sẵn từ nhà sản xuất, hoặc máy tính tự lắp tại nhà
- ⚠ Không thể sử dụng chức năng của máy ảnh trong khi máy ảnh được kết nối với máy tính.
- ⚠ Nếu máy tính không phát hiện được máy ảnh, hãy ngắt kết nối và kết nối lại cáp USB.
- ⚠ Khi chọn **[MTP]**, bạn không thể sao chép phim có dung lượng vượt quá 4 GB vào máy tính.

Sử dụng máy ảnh làm Webcam (Webcam)


Máy ảnh có thể được kết nối với máy tính và sử dụng làm webcam cho các cuộc họp trực tuyến và phát trực tiếp. Không cần cài đặt thêm trình điều khiển hoặc ứng dụng nào khác. Dữ liệu video và âm thanh máy ảnh ghi lại sẽ được truyền phát đến máy tính chỉ bằng cách kết nối hai thiết bị qua USB (truyền phát qua USB).


1. Kiểm tra để đảm bảo máy ảnh đã tắt và xoay nút xoay chế độ đến vị trí .


2. Kết nối máy ảnh với máy tính.


 Vị trí của cổng USB khác nhau tùy theo từng máy tính. Xem tài liệu kèm theo máy tính để biết thông tin về cổng USB.

3. Bật máy ảnh.



 Nếu không hiển thị trên màn hình, hãy chọn **[Select]** trong **[USB Mode] (P.406)**.

 Nếu lượng pin còn lại quá ít, máy ảnh sẽ không hiển thị thông báo khi kết nối với máy tính. Hãy đảm bảo pin đã được sạc.


4. Làm nổi **[Webcam]** bằng cách sử dụng   và nhấn nút **OK**.


- Máy ảnh sẽ chuyển sang chế độ chụp.
- Biểu tượng  sẽ được hiển thị.
- Điều chỉnh độ sáng và lấy nét bằng cách thao tác với máy ảnh.





5. Trên PC, khởi chạy ứng dụng dịch vụ hội nghị qua web hoặc truyền phát mong muốn. Chọn tên dòng máy của máy ảnh được kết nối trong cài đặt thiết bị của ứng dụng.

- Quá trình truyền phát video và âm thanh sẽ bắt đầu.
- Video sẽ được truyền phát ở độ phân giải phim **[FHD]** (1280×720).
- Khi **[Frame Rate]** được đặt thành **[60p]**, **[30p]** hoặc **[24p]** trong  , video sẽ được truyền phát ở **[30p]**. Khi được đặt thành **[50p]** hoặc **[25p]**, video sẽ được truyền phát ở **[25p]**.

 Có thể sử dụng máy ảnh làm webcam ngay cả khi không lắp thẻ nhớ.

 Nếu kết nối micro ngoài, âm thanh do micro ghi lại sẽ được truyền phát.

 Khi **[Yes]** được chọn cho **[Power Supply from USB]**, nguồn điện USB sẽ được cung cấp cho máy ảnh từ PC trong khi sử dụng máy ảnh làm webcam.

- ⓘ Không thể truyền phát video và âm thanh đến máy tính nếu:
 - một tùy chọn khác không phải  được chọn cho chế độ chụp, hoặc màn hình phát lại hoặc màn hình menu đang được hiển thị.Tùy thuộc vào ứng dụng bạn đang sử dụng, việc thực hiện các thao tác này có thể tạm thời làm gián đoạn quá trình truyền phát video và âm thanh.
- ⓘ Những hạn chế sau đây sẽ được áp dụng trong khi truyền phát video và âm thanh đến máy tính.
 - Chức năng chụp ảnh và quay phim không khả dụng.
 - Không thể cấu hình cài đặt Chất lượng phim .
 - [ **Picture Mode**] (P.228) được cố định là [**Same as** ].
- ⓘ Không thể thay đổi độ phơi sáng và các cài đặt khác của máy ảnh trên máy tính.

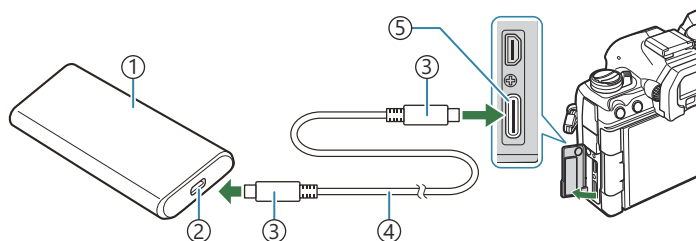
Cấp nguồn cho máy ảnh qua USB (USB PD)

Có thể sử dụng pin sạc dự phòng hoặc bộ chuyển đổi USB AC tuân thủ tiêu chuẩn USB Power Delivery (USB PD) để cấp nguồn cho máy ảnh. Thiết bị phải:

Tiêu chuẩn: Tuân thủ tiêu chuẩn USB Power Delivery (USB PD)

Đầu ra: Có định mức đầu ra từ 27 W (9 V 3 A, 15 V 2 A hoặc 15 V 3 A) trở lên


1. Sau khi xác nhận rằng máy ảnh đã tắt, hãy sử dụng cáp USB để kết nối máy ảnh với thiết bị.



- ① Pin sạc dự phòng hoặc các thiết bị USB khác
- ② Cổng USB
- ③ Đầu nối USB Type C
- ④ Cáp USB
- ⑤ Đầu nối USB

- Phương pháp được sử dụng để kết nối có thể khác nhau tùy theo thiết bị. Xem tài liệu đi kèm với đèn thiết bị để biết chi tiết.
- Bạn có thể không thể sử dụng được USB Power Delivery (USB PD) với một số thiết bị USB. Xem tài liệu hướng dẫn đi kèm với thiết bị USB.

2. Bật máy ảnh.

- Máy ảnh sẽ lấy nguồn điện từ thiết bị USB được kết nối.
- Nếu máy ảnh hiển thị thông báo nhắc bạn xác định thiết bị sẽ kết nối với cáp USB, hãy chọn **[USB PD]**.
- Nếu lượng pin còn lại quá ít, màn hình hiển thị vẫn sẽ trống khi máy ảnh được kết nối với thiết bị USB. Hãy đảm bảo pin đã được sạc.
- USB  sẽ được hiển thị trong khi máy ảnh lấy nguồn điện từ thiết bị USB.




Kết nối với TV hoặc màn hình ngoài qua HDMI

Kết nối máy ảnh với TV hoặc màn hình ngoài (HDMI)

Ảnh có thể được hiển thị trên TV đã kết nối với máy ảnh thông qua HDMI. Sử dụng TV để hiển thị ảnh cho khán giả. Có thể sử dụng điều khiển TV để điều khiển màn hình hiển thị trong khi TV được kết nối với máy ảnh. Không cần ứng dụng hoặc phần mềm nào khác.



Bạn cũng có thể quay phim trong khi máy ảnh được kết nối với màn hình ngoài hoặc máy quay video qua HDMI.


- ① Cáp HDMI có bán ở các nhà cung cấp bên thứ ba. Hãy sử dụng cáp HDMI có chứng nhận.
- ① Khi độ phân giải phim là **[4K]** và tốc độ khung hình phát lại là **[60p]** trong **[  ]**, hãy sử dụng cáp HDMI tương thích với HDMI 2.0 trở lên.

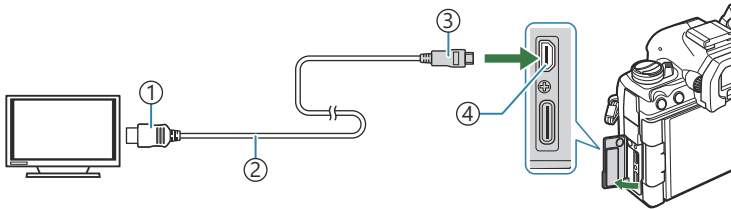
Xem ảnh trên TV (HDMI)

Có thể xem ảnh và phim trên TV độ nét cao được kết nối trực tiếp với máy ảnh bằng cáp HDMI. Để biết thông tin về cài đặt tín hiệu đầu ra, hãy xem [“Tùy chọn hiển thị màn hình ngoài \(HDMI Settings\)” \(P.405\)](#).

Kết nối máy ảnh với TV


Kết nối máy ảnh bằng cáp HDMI.

1. Sau khi xác nhận rằng máy ảnh đã tắt, hãy kết nối máy ảnh với TV bằng cáp HDMI.
 - Khi kết nối cáp HDMI, việc sử dụng bộ bảo vệ cáp và kẹp cáp tùy chọn sẽ giúp ngăn ngừa làm hỏng đầu nối và ngắt kết nối cáp.  [“Kẹp cáp \(CC-1\) / Bộ bảo vệ cáp \(CP-2\)” \(P.486\)](#)



- ① Đầu nối HDMI Type A
- ② Cáp HDMI
- ③ Đầu nối HDMI Type D
- ④ Đầu nối HDMI

2. Chuyển đổi TV sang đầu vào HDMI và bật máy ảnh.

- TV sẽ hiển thị nội dung trên màn hình máy ảnh. Nhấn nút  để xem ảnh.

- ⑦ Để biết thông tin về cách chuyển sang đầu vào HDMI, hãy xem tài liệu hướng dẫn đi kèm TV.
- ⑦ Tùy thuộc vào cài đặt của TV, ảnh có thể bị cắt và một số đèn báo có thể không hiển thị.
- ⑦ Không thể sử dụng HDMI trong khi máy ảnh được kết nối với máy tính qua USB.
- ⑦ Nếu **[Record]** được chọn cho [\[HDMI Output\] \(P.287\)](#) > **[Output Mode]**, tín hiệu sẽ được xuất ra ở kích thước khung hình phim hiện tại. Sẽ không có ảnh nào được hiển thị nếu TV không hỗ trợ kích thước khung hình đã chọn.
- ⑦ Nếu **[4K]** hoặc **[C4K]** được chọn, định dạng ưu tiên 1080p sẽ được sử dụng trong khi chụp ảnh tĩnh.

Thận trọng

Thông tin về tính năng chống bụi và nước

- Máy ảnh này có thông số kỹ thuật chống nước IPX3 (khi sử dụng kết hợp với ống kính chống nước IPX3 hoặc cao hơn do công ty chúng tôi cung cấp).
- Máy ảnh này có thông số kỹ thuật chống bụi IP5X (trong điều kiện thử nghiệm của công ty chúng tôi).

Các biện pháp phòng ngừa

- Khả năng chống bụi và nước có thể bị mất khi máy ảnh bị va đập.
- Kiểm tra các bộ phận sau đây để đảm bảo rằng không có vật lạ nào như chất bẩn, bụi hoặc cát: các bộ phận đóng gói của nắp ngăn pin, nắp ngăn thẻ, nắp đậy đầu nối và các bộ phận tiếp xúc với chúng, cũng như các bộ phận tiếp xúc khi gắn ống kính và phụ kiện. Lau sạch vật lạ bằng khăn sạch không tạo ra xơ vải.
- Để đảm bảo khả năng chống bụi và nước, hãy đóng chặt nắp và gắn ống kính trước khi sử dụng.
- Không thao tác với máy ảnh, mở/đóng nắp hoặc gắn/tháo ống kính khi chúng đang ướt.
- Tính năng chống nước chỉ được đảm bảo khi gắn ống kính/phụ kiện tương thích. Hãy kiểm tra khả năng tương thích.
Để biết về các phụ kiện tương thích, hãy truy cập trang web của chúng tôi.

Bảo trì

- Lau sạch nước bằng khăn khô.
- Loại bỏ hoàn toàn các vật lạ như vết bẩn, bụi hoặc cát.

- Máy ảnh sử dụng pin lithium-ion của chúng tôi. Tuyệt đối không sử dụng bất kỳ loại pin nào khác ngoài pin chính hãng của chúng tôi.
- Mức tiêu thụ điện năng của máy ảnh sẽ có sự khác biệt lớn tùy thuộc vào cách sử dụng và các điều kiện khác.
- Vì những hành động sau đây tiêu thụ rất nhiều điện năng ngay cả khi không chụp ảnh, nên pin sẽ nhanh cạn.
 - Liên tục thực hiện lấy nét tự động bằng cách nhấn nút chụp xuống một nửa ở chế độ chụp.
 - Hiển thị ảnh trên màn hình trong thời gian dài.
 - Khi kết nối với máy tính (trừ khi cấp nguồn cho máy ảnh qua USB).
 - Để mạng LAN không dây/**Bluetooth**[®] ở trạng thái bật.
- Khi sử dụng pin đã hết, máy ảnh có thể tắt mà không hiển thị cảnh báo pin yếu.
- Pin sẽ không được sạc đầy tại thời điểm mua. Sạc pin trước khi sử dụng.
- Tháo pin ra trước khi cất giữ máy ảnh trong khoảng thời gian từ một tháng trở lên. Để pin trong máy ảnh trong thời gian dài sẽ làm giảm tuổi thọ của pin, và có thể khiến pin không sử dụng được.
- Thời gian sạc thông thường khi sử dụng bộ chuyển đổi USB-AC là khoảng 2 giờ 30 phút (ước tính).
- Không sử dụng bộ chuyển đổi USB-AC hoặc bộ sạc không được chỉ định cụ thể để sử dụng với loại pin đi kèm. Tương tự, không sử dụng bộ chuyển đổi USB-AC với pin (máy ảnh) không phải loại được chỉ định.
- Có rủi ro phát nổ nếu pin được thay bằng loại pin không phù hợp.
- Vứt bỏ pin đã qua sử dụng theo hướng dẫn trong phần "[⚠ THẬN TRỌNG](#)" (P562) trong hướng dẫn sử dụng.

Sử dụng bộ chuyển đổi USB-AC ở nước ngoài

- Có thể sử dụng bộ chuyển đổi USB-AC ở hầu hết các nguồn điện gia dụng trong phạm vi từ 100 V đến 240 V AC (50/60 Hz) trên toàn thế giới. Tuy nhiên, tùy thuộc vào quốc gia hoặc khu vực bạn đang ở, ổ cắm trên tường AC có thể có hình dạng khác nhau và bộ chuyển đổi USB-AC có thể cần một bộ chuyển đổi phích cắm để phù hợp với ổ cắm trên tường.
- Không sử dụng bộ chuyển đổi du lịch của bên thứ ba vì bộ chuyển đổi USB-AC có thể bị trục trặc.

Thông tin

Ống kính có thể thay thế

Chọn ống kính phù hợp với cảnh chụp và ý định sáng tạo của bạn. Sử dụng ống kính được thiết kế dành riêng cho hệ thống Micro Four Thirds và mang nhãn M.ZUIKO DIGITAL hoặc ký hiệu như được hiển thị. Với bộ chuyển đổi, bạn cũng có thể sử dụng ống kính Four Thirds System. Cần có bộ chuyển đổi tùy chọn.



- Khi bạn gắn hoặc tháo nắp thân máy và ống kính khỏi máy ảnh, hãy giữ cho ngàm gắn ống kính trên máy ảnh hướng xuống dưới. Điều này giúp ngăn bụi và vật lạ khác xâm nhập vào bên trong máy ảnh.
- Không tháo nắp thân máy hoặc gắn ống kính ở những nơi có nhiều bụi.
- Không hướng ống kính đã gắn trên máy ảnh về phía mặt trời. Điều này có thể khiến máy ảnh trực tiếp hoặc thậm chí bốc cháy do hiệu ứng phóng đại ánh sáng mặt trời hội tụ qua ống kính.
- Hãy cẩn thận để không làm mất nắp thân máy và nắp sau.
- Gắn nắp thân máy vào máy ảnh để ngăn ngừa bụi lọt vào bên trong khi không gắn ống kính.

Kết hợp ống kính và máy ảnh

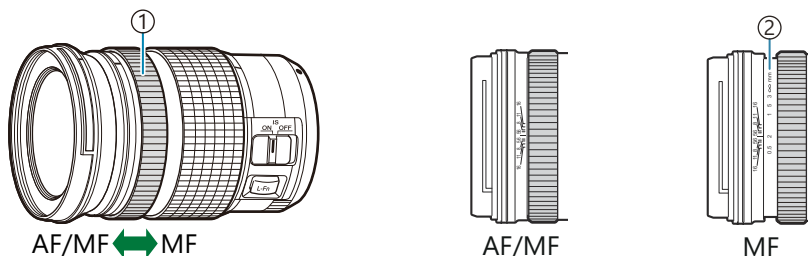
Ống kính	Máy ảnh	Gắn kèm	AF	Đo sáng
Ống kính hệ thống Micro Four Thirds	Máy ảnh hệ thống Micro Four Thirds	Yes	Yes	Yes
Ống kính hệ thống Four Thirds		Có thể gắn kèm với bộ chuyển đổi ngàm	Có ¹	Yes

1 Không khả dụng trong khi hiển thị phóng to, quay phim hoặc cài đặt AF bầu trời sao.

Ống kính chuyển đổi MF

Có thể sử dụng cơ chế “Chuyển đổi MF” (chuyển đổi lấy nét thủ công) trên ống kính chuyển đổi MF để thay đổi giữa lấy nét tự động và lấy nét thủ công chỉ bằng cách định vị lại vòng lấy nét.

- Kiểm tra vị trí của chuyển đổi MF trước khi chụp.
- Khi trượt vòng lấy nét đến vị trí AF/MF ở đầu ống kính sẽ chọn chế độ lấy nét tự động, trong khi trượt vòng lấy nét đến vị trí MF gần thân máy ảnh hơn sẽ chọn chế độ lấy nét thủ công, bất kể chế độ lấy nét được chọn trên máy ảnh.



- ① Vòng lấy nét
- ② Khoảng cách lấy nét có thể nhìn thấy

- ⚠ Chọn **[Inoperative]** cho **[MF Clutch]** (P.152) sẽ tắt chế độ lấy nét thủ công ngay cả khi chuyển đổi MF đang ở vị trí MF.

Hiển thị màn hình khi sử dụng ống kính được trang bị chức năng SET/CALL

Màn hình máy ảnh hiển thị "●Set" khi vị trí lấy nét được lưu bằng tùy chọn SET và hiển thị "●Call" khi vị trí lấy nét đã lưu được khôi phục bằng tùy chọn CALL.

Để biết thêm thông tin về SET và CALL, hãy xem tài liệu hướng dẫn sử dụng ống kính.

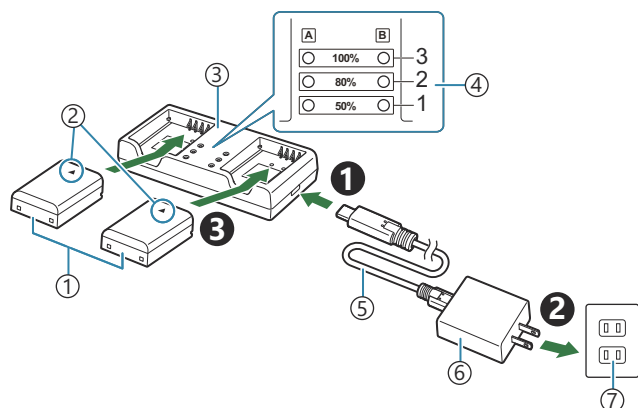


Phụ kiện tùy chọn

Sử dụng bộ sạc (BCX-1)

Có thể lắp hai pin. Cũng có thể sử dụng khi chỉ lắp một pin.

1. Sạc pin.



① Pin lithium ion (BLX-1)

② Dấu chỉ hướng (▲)

③ Bộ sạc lithium-ion

④ Đèn báo sạc

⑤ Cáp USB (CB-USB13: kèm theo máy)

⑥ Bộ chuyển đổi USB-AC (F-7AC)

⑦ Ổ cắm trên tường AC

- Thời gian sạc khoảng 2 giờ 30 phút. Xem bảng bên dưới để biết trạng thái của đèn báo sạc và mức sạc pin.

Thời gian sạc không thay đổi ngay cả khi bạn sạc hai pin cùng lúc.

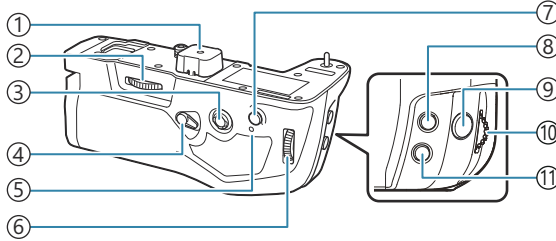
Đèn báo sạc	Mức sạc pin
Đèn báo 1: Nhấp nháy	Đang sạc (dưới 50%)
Đèn báo 1: Sáng; Đèn báo 2: Nhấp nháy	Đang sạc (từ 50% đến 80%)
Đèn báo 1 và 2: Sáng; Đèn báo 3: Nhấp nháy	Đang sạc (từ 80% đến 100%)
Tất cả các đèn báo: Không sáng	Sạc xong
Tất cả các đèn báo: Nhấp nháy	Lỗi sạc

Bộ đỡ pin nguồn HLD-10


Có thể sử dụng bộ đỡ pin HLD-10 tùy chọn để cấp nguồn cho máy ảnh trong thời gian dài.

⚠️ Đảm bảo đã tắt máy ảnh khi gắn hoặc tháo bộ đỡ.

Tên bộ phận

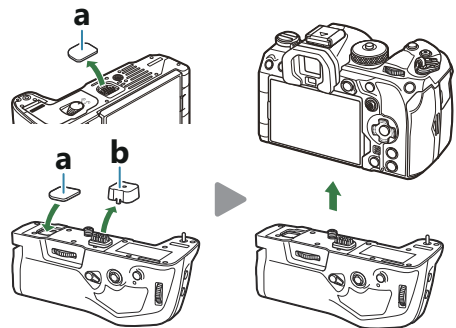


- ① Nắp đầu cuối
- ② Bánh xe gắn kèm
- ③ Đa bộ chọn
- ④ Khóa chụp dọc
- ⑤ Đèn sạc pin
- ⑥ Nút xoay phía sau

- ⑦ Nút **AF-ON**
- ⑧ Nút  (Bù phơi sáng)
- ⑨ Nút chụp
- ⑩ Nút xoay phía trước
- ⑪ Nút **ISO**

Gắn bộ đỡ

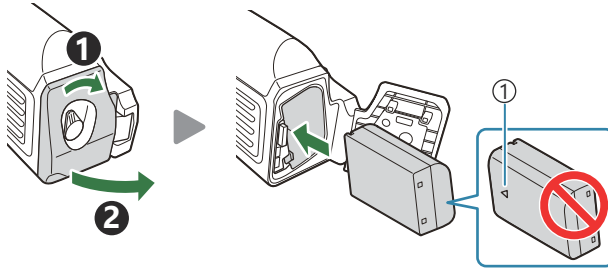
Tháo nắp bộ đỡ pin nguồn (PBH) (a) ở phía dưới máy ảnh và nắp đầu cuối (b) của HLD-10 trước khi gắn HLD-10. Sau khi gắn, đảm bảo đã vặn chặt nút tháo của HLD-10. Khi không sử dụng HLD-10, hãy đảm bảo đã gắn nắp bộ đỡ pin nguồn (PBH) vào máy ảnh và nắp đầu cuối vào HLD-10.



Gắn nắp bộ đỡ pin nguồn (PBH) (a) vào HLD-10.

Lắp pin

Sử dụng pin BLX-1. Sau khi lắp pin vào, đảm bảo đã khóa nắp pin.



① Dấu chỉ hướng

Đèn báo mức pin trên màn hình (P.39) hiển thị chữ “PBH” khi máy ảnh được cấp nguồn bằng pin trong HLD-10.



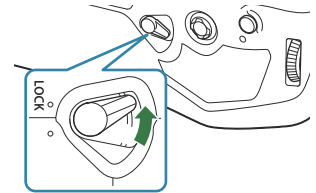
Sạc pin trong bộ đỡ pin nguồn



Để sạc pin bằng bộ đỡ pin nguồn, hãy lắp pin vào bộ đỡ và gắn bộ đỡ vào máy ảnh; sạc pin theo cách tương tự như được mô tả trong phần “Sạc pin bằng bộ chuyển đổi USB-AC” (P.30).

Đèn sạc của bộ đỡ sẽ sáng trong quá trình sạc.

Sử dụng các nút

Trượt khóa chụp dọc của HLD-10 theo hướng mũi tên.



Bạn có thể chọn vai trò được thực hiện bởi nút  (Bù phơi sáng), nút **ISO** và nút **AF-ON** trên HLD-10 bằng cách sử dụng mục **[Button Function]**.  “Thay đổi chức năng của các nút (Button Settings)” (P.335)

⚠ Không thể sử dụng các nút trên HLD-10 khi khóa chụp dọc ở vị trí **LOCK**.

Các lưu ý khi sử dụng sản phẩm này

- Chỉ sử dụng pin được chỉ định. Không làm như vậy có thể dẫn đến thương tích, hư hỏng sản phẩm và hỏa hoạn.
- Không dùng móng tay để xoay bánh xe gắn kèm. Làm vậy có thể dẫn đến thương tích.
- Chỉ sử dụng máy ảnh trong phạm vi nhiệt độ hoạt động được đảm bảo.
- Không sử dụng hoặc cất giữ sản phẩm ở những khu vực bụi bặm hoặc ẩm ướt.
- Không chạm vào các tiếp điểm có điện.
- Sử dụng khăn khô, mềm để lau các đầu cực. Không được vệ sinh sản phẩm bằng khăn ẩm, chất pha loãng, ét xăng hoặc bất kỳ dung môi hữu cơ nào khác.
- Tháo pin ra khỏi máy ảnh và bộ đỡ pin nguồn trước khi cất giữ máy ảnh trong khoảng thời gian từ một tháng trở lên. Để pin trong máy ảnh trong thời gian dài sẽ làm giảm tuổi thọ của pin, và có thể khiến pin không sử dụng được.

Các thiết bị đèn flash bên ngoài được chỉ định

Khi sử dụng thiết bị đèn flash tùy chọn được thiết kế để sử dụng với máy ảnh, bạn có thể chọn chế độ đèn flash bằng cách sử dụng nút điều khiển máy ảnh và chụp ảnh với đèn flash. Xem tài liệu kèm theo thiết bị đèn flash để biết thông tin về các tính năng của đèn flash và cách sử dụng chúng.

Chọn đèn flash phù hợp với nhu cầu của bạn, cân nhắc các yếu tố như công suất cần thiết và khả năng hỗ trợ chụp ảnh macro của thiết bị. Thiết bị đèn flash được thiết kế để giao tiếp với máy ảnh hỗ trợ nhiều chế độ đèn flash, bao gồm TTL tự động và Super FP. Thiết bị đèn flash có thể được gắn vào chân cắm phụ kiện của máy ảnh hoặc kết nối bằng cáp (cung cấp riêng) và giá đỡ đèn flash. Máy ảnh cũng hỗ trợ các hệ thống điều khiển đèn flash không dây như sau:

Chụp ảnh với đèn flash điều khiển bằng sóng vô tuyến: Các chế độ CMD, ζ CMD, RCV, và X-RCV

Máy ảnh điều khiển một hoặc nhiều thiết bị đèn flash từ xa bằng tín hiệu vô tuyến. Phạm vi vị trí có thể đặt thiết bị đèn flash sẽ tăng lên. Các thiết bị đèn flash có thể điều khiển các thiết bị tương thích khác hoặc được trang bị bộ điều khiển/bộ thu sóng vô tuyến để cho phép sử dụng các thiết bị không hỗ trợ điều khiển đèn flash vô tuyến.

Chụp ảnh với đèn flash điều khiển từ xa không dây: Chế độ RC

Máy ảnh điều khiển một hoặc nhiều thiết bị đèn flash từ xa bằng tín hiệu quang học. Bạn có thể chọn chế độ đèn flash bằng cách sử dụng nút điều khiển máy ảnh ([P.482](#)).

Các tính năng khả dụng với thiết bị đèn flash tương thích

FL-700WR

Chế độ điều khiển đèn flash	TTL-AUTO, MANUAL, FP TTL AUTO, FP MANUAL, MULTI, RC, SL MANUAL
GN (Chỉ số hướng dẫn, ISO 100)	GN 42 (75/150 mm ¹) GN 21 (12/24 mm ¹)
Hệ thống không dây được hỗ trợ	CMD, ⚡CMD, RCV, X-RCV, RC

FL-900R

Chế độ điều khiển đèn flash	TTL-AUTO, AUTO, MANUAL, FP TTL AUTO, FP MANUAL, MULTI, RC, SL AUTO, SL MANUAL
GN (Chỉ số hướng dẫn, ISO 100)	GN 58 (100/200 mm ¹) GN 27 (12/24 mm ¹)
Hệ thống không dây được hỗ trợ	RC

STF-8

Chế độ điều khiển đèn flash	TTL-AUTO, MANUAL, RC ²
GN (Chỉ số hướng dẫn, ISO 100)	GN8.5
Hệ thống không dây được hỗ trợ	RC ²

FL-LM3

Chế độ điều khiển đèn flash	Thay đổi tùy theo cài đặt máy ảnh.
GN (Chỉ số hướng dẫn, ISO 100)	GN 9,1 (12/24 mm ¹)
Hệ thống không dây được hỗ trợ	RC ²

1 Độ dài tiêu cự ống kính tối đa mà thiết bị có thể cung cấp phạm vi phủ sáng của đèn flash (các con số sau dấu gạch chéo là độ dài tiêu cự tương đương định dạng 35 mm).

2 Chỉ có chức năng như bộ điều khiển (bộ phát).

Chụp ảnh với đèn flash điều khiển từ xa không dây

P A S M B 

Chụp ảnh với đèn flash không dây khả dụng với các thiết bị đèn flash tương thích hỗ trợ điều khiển từ xa không dây (RC). Thiết bị đèn flash từ xa được điều khiển thông qua thiết bị được gắn trên chân cắm phụ kiện của máy ảnh. Có thể điều chỉnh riêng cài đặt cho các thiết bị trong tối đa ba nhóm khác nhau.

Chế độ RC phải được bật trên cả thiết bị đèn flash chính và thiết bị đèn flash từ xa (P.480).

Cấu hình chế độ RC

1. Chọn **[On]** cho **[⚡ RC Mode]** (P.187) và nhấn nút **OK**.

- Máy ảnh sẽ thoát ra và đến màn hình chụp.
- “RC” sẽ xuất hiện trên màn hình.



2. Nhấn nút **OK**.

- Bảng siêu điều khiển chế độ RC sẽ được hiển thị.



- Có thể hiển thị bảng siêu điều khiển LV tiêu chuẩn bằng cách nhấn nút **INFO**. Màn hình hiển thị sẽ thay đổi mỗi lần nhấn nút **INFO**.

3. Điều chỉnh cài đặt đèn flash.

- Làm nổi các mục bằng cách sử dụng các nút Δ ∇ \triangleleft \triangleright và xoay nút xoay phía trước để chọn cài đặt.



- ① Nhóm, chế độ điều khiển đèn flash
- ② Bù đèn flash
- ③ Cường độ tín hiệu quang học
- ④ Kênh
- ⑤ Chế độ đèn flash

Nhóm	Chọn nhóm. Thay đổi cài đặt sẽ áp dụng cho tất cả các thiết bị trong nhóm đã chọn. Thiết bị gắn trên máy ảnh sẽ hoạt động như một thành phần của Nhóm A.
Chế độ điều khiển đèn flash	Chọn chế độ đèn flash.
Bù đèn flash	Điều chỉnh đầu ra đèn flash. Khi [Manual] được chọn trong chế độ đèn flash, bạn có thể chọn giá trị cho đầu ra đèn flash thủ công.
Cường độ tín hiệu quang học	Chọn độ sáng của tín hiệu điều khiển quang học phát ra từ thiết bị đèn flash. Chọn [High] nếu bạn đặt thiết bị đèn flash gần khoảng cách tối đa so với máy ảnh. Cài đặt này áp dụng cho tất cả các nhóm.
Chế độ/đầu ra đèn flash	Chọn ⚡ (tiêu chuẩn) hoặc FP (super FP). Chọn super FP để có tốc độ màn trập nhanh hơn tốc độ đồng bộ đèn flash. Cài đặt này áp dụng cho tất cả các nhóm.
Kênh	Chọn kênh được sử dụng để điều khiển đèn flash. Thay đổi kênh nếu bạn thấy trong khu vực có nguồn sáng khác đang cản trở việc điều khiển đèn flash từ xa.

4. Đặt thiết bị gắn trên máy ảnh thành **[TTL AUTO]**.

- Chỉ có thể điều chỉnh cài đặt điều khiển đèn flash cho FL-LM3 bằng máy ảnh.

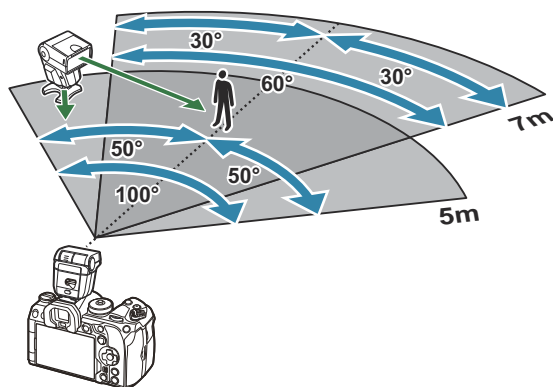
Thiết lập đèn flash

- Đặt thiết bị đèn flash từ xa thành chế độ RC.
 - Bật thiết bị đèn flash bên ngoài, nhấn nút **MODE**, và chọn chế độ RC.
 - Thiết lập nhóm để điều khiển bằng đèn flash bên ngoài dành riêng và cấu hình kênh giao tiếp của chúng sao cho khớp với cài đặt của máy ảnh.
- Sắp xếp thiết bị đèn flash.
 - Định vị các thiết bị không dây sao cho cảm biến từ xa hướng về phía máy ảnh.
- Chụp ảnh sau khi xác nhận rằng máy ảnh và thiết bị đèn flash đã được sạc.

Phạm vi điều khiển đèn flash không dây

Hình minh họa chỉ mang mục đích hướng dẫn. Phạm vi điều khiển đèn flash thay đổi tùy theo loại đèn flash được gắn trên máy ảnh và điều kiện ở khu vực xung quanh.

Phạm vi điều khiển đèn flash đối với thiết bị đèn flash FL-LM3 gắn trên máy ảnh



- Chúng tôi khuyến nghị rằng mỗi nhóm không nên có nhiều hơn 3 thiết bị đèn flash.
- Chụp ảnh với đèn flash không dây không khả dụng ở chế độ chống rung do màn trập hoặc chế độ đồng bộ chậm màn sau khi chọn tốc độ màn trập chậm hơn 4 s.
- Không thể chọn thời gian chờ dài hơn 4 s ở chế độ chống rung do màn trập và chế độ im lặng.
- Tín hiệu điều khiển đèn flash có thể ảnh hưởng đến phơi sáng nếu chủ thể ở quá gần máy ảnh. Có thể giảm bớt hiện tượng này bằng cách giảm độ sáng đèn flash của máy ảnh, ví dụ như sử dụng vòng khuếch tán.

Các thiết bị đèn flash bên ngoài khác

Có thể gắn thiết bị đèn flash của bên thứ ba vào chân cắm phụ kiện hoặc kết nối qua cáp đồng bộ.

Đảm bảo đã đẩy lại nắp đầu nối đèn flash bên ngoài khi không sử dụng.

Lưu ý những điều sau khi sử dụng thiết bị đèn flash của bên thứ ba được gắn vào chân cắm phụ kiện của máy ảnh:

- Việc sử dụng các thiết bị đèn flash cũ sử dụng dòng điện hơn 250 V vào tiếp điểm X sẽ làm hỏng máy ảnh.
- Việc kết nối thiết bị đèn flash với các tiếp điểm tín hiệu không tuân thủ theo thông số kỹ thuật của chúng tôi có thể làm hỏng máy ảnh.
- Chọn chế độ **M**, chọn tốc độ màn trập không nhanh hơn tốc độ đồng bộ đèn flash và đặt [📷ISO] thành **[Auto]**.
- Chỉ có thể thực hiện điều khiển đèn flash bằng cách cài đặt thủ công đèn flash thành những giá trị về độ nhạy ISO và khẩu độ đã chọn với máy ảnh. Có thể điều chỉnh độ sáng đèn flash bằng cách điều chỉnh độ nhạy ISO hoặc khẩu độ.
- Sử dụng đèn flash có góc chiếu sáng phù hợp với ống kính. Góc chiếu sáng thường được biểu thị bằng cách sử dụng độ dài tiêu cự tương đương định dạng 35 mm.

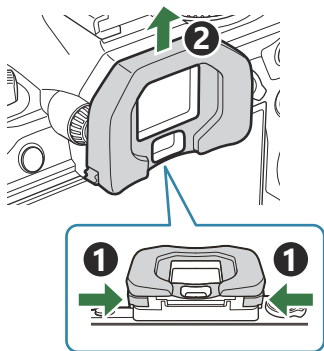
Các phụ kiện chính

Ống kính chuyển đổi

Ống kính chuyển đổi gắn vào ống kính máy ảnh để chụp ảnh mắt cá hoặc macro nhanh chóng và dễ dàng. Xem trang web của chúng tôi để biết thông tin về ống kính có thể sử dụng.

Mắt ngắm (EP-18)

Tháo ra

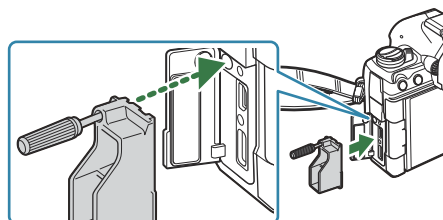


Đẩy cả hai lẫy vào trong và nâng mắt ngắm lên.

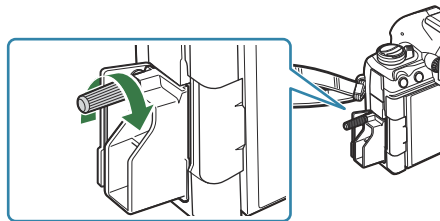
Kẹp cáp (CC-1) / Bộ bảo vệ cáp (CP-2)

Khi kết nối cáp USB, việc sử dụng bộ bảo vệ cáp và kẹp cáp tùy chọn sẽ giúp ngăn ngừa làm hỏng đầu nối và ngắt kết nối cáp.

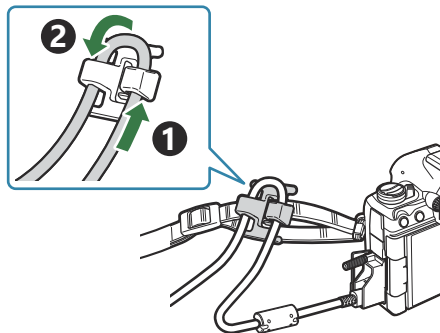
1. Gắn bộ bảo vệ cáp vào máy ảnh.



2. Siết chặt vít.



3. Kẹp kẹp cáp vào cáp và gắn kẹp vào dây đeo.

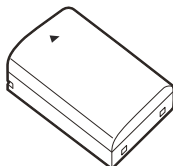


- Kẹp sẽ được gắn vào khóa.

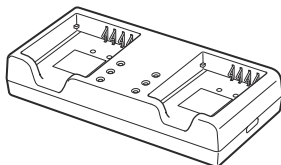
Phụ kiện

Để biết thông tin mới nhất, vui lòng truy cập trang web của chúng tôi.

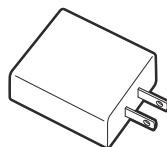
Nguồn điện



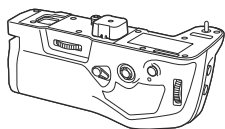
Pin lithium-ion
BLX-1



Bộ sạc lithium-ion
BCX-1

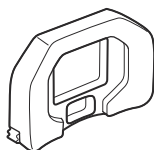


Bộ chuyển đổi USB-AC
F-7AC



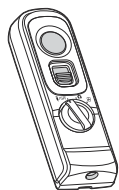
Bộ đỡ pin nguồn
HLD-10

Kính ngắm



Mắt ngắm
EP-18

Điều khiển/nhả từ xa

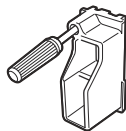


Điều khiển từ xa
RM-WR1

Kẹp cáp/bộ bảo vệ cáp



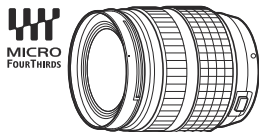
Kẹp cáp
CC-1



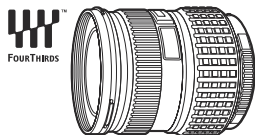
Bộ bảo vệ cáp
CP-2

Ống kính

Ống kính hệ thống Micro Four Thirds



Ống kính hệ thống Four Thirds



- Cần có Bộ chuyển đổi Four Thirds MMF-2 hoặc MMF-3 để sử dụng ống kính Hệ thống Four Thirds với máy ảnh này.
- Có những hạn chế về ống kính có thể sử dụng với bộ chuyển đổi. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập trang web của chúng tôi.



Bộ chuyển đổi Four Thirds
MMF-2/MMF-3

Ống kính chuyển đổi

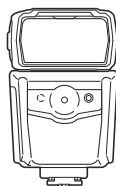
- **MC-20** (Chuyển đổi tele)
- **MC-14** (Chuyển đổi tele)
- **FCON-P01** (Chuyển đổi mắt cá)
- **MCON-P02** (Chuyển đổi macro)

Truy cập trang web của chúng tôi để biết thông tin về các loại ống kính tương thích.

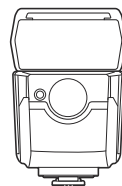
Flash Mode



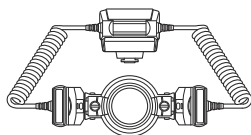
Đèn flash điện tử
FL-LM3



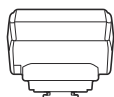
Đèn flash điện tử
FL-900R



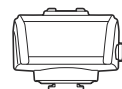
Đèn flash điện tử
FL-700WR



Đèn flash macro
STF-8



Bộ điều khiển sóng vô tuyến
không dây
FC-WR



Bộ thu sóng vô tuyến không dây
FR-WR

Túi đựng/Dây đeo

- Túi đựng máy ảnh
- Dây đeo vai

Cáp kết nối

- Cáp USB
- Cáp HDMI (cáp HDMI có bán ở các nhà cung cấp bên thứ ba.)

Thẻ nhớ

- SD
- SDHC
- SDXC

Thẻ nhớ có bán ở các nhà cung cấp bên thứ ba.

Tai nghe/Micro

Tai nghe và micro có bán ở các nhà cung cấp bên thứ ba.

Phần mềm

Phần mềm quản lý/chỉnh sửa ảnh dành cho máy tính

OM Workspace

Phần mềm điều khiển máy ảnh dành cho máy tính

OM Capture

Ứng dụng điện thoại thông minh

OM Image Share

Vệ sinh và bảo quản máy ảnh

Vệ sinh máy ảnh

Tắt máy ảnh và tháo pin ra trước khi vệ sinh máy ảnh.

- Không sử dụng các dung môi mạnh như benzen hoặc cồn, hoặc khăn đã được xử lý hóa chất.

Bên ngoài:

- Lau nhẹ nhàng bằng khăn mềm. Nếu máy ảnh quá bẩn, nhúng khăn vào dung dịch xà phòng loãng và vắt kỹ. Lau máy ảnh bằng khăn ẩm, sau đó lau khô máy ảnh bằng khăn khô. Nếu bạn sử dụng máy ảnh ở bãi biển, hãy sử dụng khăn thấm nước sạch và vắt khô.

Màn hình:

- Lau nhẹ nhàng bằng khăn mềm.

Ống kính:

- Thổi sạch bụi trên ống kính bằng máy thổi có bán trên thị trường. Đối với ống kính, hãy lau nhẹ bằng giấy lau ống kính.

Cất giữ

- Khi không sử dụng máy ảnh trong thời gian dài, hãy tháo pin và thẻ nhớ ra. Cất giữ máy ảnh ở nơi mát mẻ, khô ráo và thông gió tốt.
- Định kỳ lắp pin và kiểm tra chức năng của máy ảnh.
- Loại bỏ bụi và các vật lạ khác khỏi thân máy và nắp sau trước khi gắn chúng vào.
- Gắn nắp thân máy vào máy ảnh để ngăn ngừa bụi lọt vào bên trong khi không gắn ống kính. Đảm bảo đã lắp lại nắp ống kính trước và sau trước khi cất ống kính đi.
- Vệ sinh máy ảnh sau khi sử dụng.
- Không cất giữ máy ảnh cùng với thuốc chống côn trùng.
- Tránh cất giữ máy ảnh ở những nơi có xử lý hóa chất nhằm bảo vệ máy ảnh không bị ăn mòn.
- Nấm mốc có thể hình thành trên bề mặt ống kính nếu để ống kính bị bẩn.
- Kiểm tra từng bộ phận của máy ảnh trước khi sử dụng nếu máy ảnh không được sử dụng trong thời gian dài. Trước khi chụp những bức ảnh quan trọng, chẳng hạn như trong những chuyến đi nước ngoài, hãy đảm bảo chụp thử một bức ảnh và kiểm tra xem máy ảnh có hoạt động bình thường không.

Kiểm tra và vệ sinh cảm biến ảnh

Máy ảnh này tích hợp chức năng giảm bụi để ngăn bụi bám vào cảm biến ảnh và loại bỏ bụi bẩn khỏi bề mặt cảm biến ảnh bằng rung siêu âm. Chức năng giảm bụi hoạt động khi máy ảnh được bật. Chức năng giảm bụi hoạt động đồng thời với chức năng ánh xạ điểm ảnh, giúp kiểm tra cảm biến ảnh và mạch xử lý ảnh. Vì chức năng giảm bụi được kích hoạt mỗi khi bật nguồn máy ảnh nên máy ảnh phải được giữ thẳng đứng để chức năng giảm bụi có hiệu quả.

Ánh xạ điểm ảnh - Kiểm tra chức năng xử lý ảnh

Kiểm tra đồng thời cảm biến ảnh và chức năng xử lý ảnh. Để có kết quả tốt nhất, hãy đợi ít nhất một phút sau khi chụp và quá trình phát lại kết thúc trước khi thực hiện ánh xạ điểm ảnh.

1. Chọn **[Pixel Mapping]** (P.419).

2. Chọn **[Yes]** và nhấn nút **OK**.

- Thanh **[Busy]** được hiển thị khi quá trình ánh xạ điểm ảnh đang diễn ra. Khi quá trình ánh xạ điểm ảnh hoàn tất, menu sẽ được khôi phục.
- Nếu bạn vô tình tắt máy ảnh trong quá trình ánh xạ điểm ảnh, hãy bắt đầu lại từ Bước 1.

Một số gợi ý và thông tin khi chụp

Máy ảnh không bật ngay cả khi đã lắp pin

Pin chưa được sạc đầy

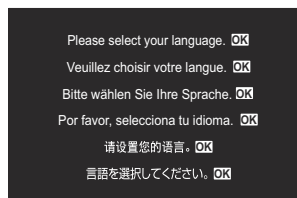
- Sạc pin bằng bộ chuyển đổi USB-AC hoặc bộ sạc pin.

Pin tạm thời không thể hoạt động vì lạnh

- Hiệu suất của pin sẽ giảm ở nhiệt độ thấp. Tháo pin và làm ấm pin bằng cách đặt vào túi của bạn trong một lúc.

Hộp thoại nhắc chọn ngôn ngữ được hiển thị

- Hộp thoại sẽ được hiển thị trong các tình huống sau.
 - Máy ảnh được bật lần đầu tiên.
 - Bạn chưa chọn ngôn ngữ.




Xem “[Thiết lập ban đầu](#)” (P.41) để biết thông tin về cách chọn ngôn ngữ.

Không có bức ảnh nào được chụp khi nhấn nút chụp

Máy ảnh đã tự động tắt

- Nếu **[On]** được chọn cho **[Quick Sleep Mode]**, máy ảnh sẽ chuyển sang chế độ ngủ nếu không có thao tác nào được thực hiện trong khoảng thời gian đã đặt. Nhấn nút chụp xuống một nửa để thoát khỏi chế độ ngủ. **[Quick Sleep Mode]** (P.413)
- Máy ảnh sẽ tự động chuyển sang chế độ ngủ để giảm lượng pin tiêu hao nếu không có thao tác nào được thực hiện trong khoảng thời gian đã đặt. **[Sleep]** (P.411)
- Nếu không có thao tác nào được thực hiện trong khoảng thời gian đã đặt sau khi máy ảnh chuyển sang chế độ ngủ, máy ảnh sẽ tự động tắt. **[Auto Power Off]** (P.412)

Đèn flash đang sạc

- Trên màn hình, dấu  sẽ nhấp nháy khi quá trình sạc đang diễn ra. Đợi cho đến khi đèn ngừng nhấp nháy, sau đó nhấn nút chụp.

Không thể lấy nét

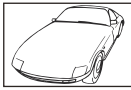
- Máy ảnh không thể lấy nét những chủ thể quá gần máy ảnh hoặc không phù hợp với lấy nét tự động (dấu xác nhận AF sẽ nhấp nháy trên màn hình). Tăng khoảng cách so với chủ thể hoặc lấy nét vào một vật thể có độ tương phản cao ở cùng khoảng cách từ máy ảnh đến chủ thể chính, tạo bố cục bức ảnh và chụp.

Những chủ thể khó lấy nét

Có thể khó lấy nét bằng lấy nét tự động trong các tình huống sau.

- Dấu xác nhận AF đang nhấp nháy.

Máy ảnh sẽ không thể lấy nét trong các trường hợp sau.



Vật thể có chỉ số độ tương phản thấp



Ánh sáng quá sáng ở giữa khung hình

- Dấu xác nhận AF sáng nhưng chủ thể không được lấy nét.



Các chủ thể ở các khoảng cách khác nhau




Chủ thể chuyển động nhanh



Chủ thể không nằm trong vùng AF

Giảm nhiễu được kích hoạt


- Khi chụp cảnh đêm, tốc độ màn trập chậm hơn và hiện tượng nhiễu có xu hướng xuất hiện trong ảnh. Máy ảnh sẽ kích hoạt quá trình giảm nhiễu sau khi chụp ở tốc độ màn trập chậm, trong quá trình này, bạn sẽ không thể chụp ảnh. Bạn có thể đặt **[Noise Reduction]** thành **[Off]**.  **[Noise Reduction]** (P.176)

Số lượng mục tiêu AF bị giảm

- Kích thước và số lượng mục tiêu AF khả dụng thay đổi tùy theo cài đặt mục tiêu nhóm (P.108) và các tùy chọn được chọn cho **[Digital Tele-converter]** (P.261), **[Aspect]** (P.220), cài đặt ổ đĩa (P.192) và **[Image Stabilizer]** (P.206).

Ngày và giờ chưa được đặt


Máy ảnh được sử dụng với các cài đặt tại thời điểm mua hàng

- Ngày và giờ của máy ảnh chưa được đặt khi mua. Hãy đặt ngày và giờ trước khi sử dụng máy ảnh.
 [“Thiết lập ban đầu” \(P.41\)](#)

Pin đã được tháo ra khỏi máy ảnh

- Cài đặt ngày và giờ sẽ trở về cài đặt mặc định của nhà sản xuất nếu để máy ảnh không có pin trong khoảng 1 ngày (đo đặc nội bộ). Các cài đặt sẽ được hủy bỏ nhanh hơn nếu pin chỉ được lắp vào máy ảnh trong một thời gian ngắn trước khi tháo ra. Trước khi chụp những bức ảnh quan trọng, hãy kiểm tra xem cài đặt ngày và giờ có chính xác không.


Các chức năng đã đặt được khôi phục về cài đặt mặc định của nhà sản xuất

- Các cài đặt đã thay đổi trong chế độ tùy chỉnh (**C-C4**) sẽ được cài đặt lại về giá trị đã lưu khi xoay nút xoay chế độ sang cài đặt khác hoặc tắt máy ảnh. Nếu **[Hold]** được chọn cho **[Save Settings]** khi chế độ tùy chỉnh được chọn, các thay đổi cài đặt sẽ tự động được lưu vào chế độ đã chọn.
 [“Lưu các thay đổi được thực hiện cho cài đặt khi ở chế độ tùy chỉnh” \(P.79\)](#)


Ảnh bị “trôi màu”

- Điều này có thể xảy ra khi ảnh được chụp trong điều kiện ngược sáng hoặc bán ngược sáng. Điều này là do hiện tượng được gọi là lóa sáng hoặc bóng mờ. Nếu có thể, hãy xem xét bố cục mà trong đó nguồn sáng mạnh không lọt vào trong ảnh. Hiện tượng lóa sáng có thể xảy ra ngay cả khi không có nguồn sáng nào trong ảnh. Sử dụng loa che nắng để che ống kính khỏi nguồn sáng. Nếu loa che nắng không có tác dụng, hãy dùng tay che ống kính khỏi ánh sáng.

(Các) chấm sáng không xác định xuất hiện trên chủ thể trong ảnh chụp

- Nguyên nhân có thể là do (các) điểm ảnh chết trên cảm biến ảnh. Thực hiện **[Pixel Mapping]**. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy lặp lại quá trình ánh xạ điểm ảnh một vài lần.  [“Ánh xạ điểm ảnh - Kiểm tra chức năng xử lý ảnh” \(P.494\)](#)

Các chức năng không thể chọn từ menu

- Khi bạn mở menu, các mục không thể đặt sẽ được hiển thị màu xám. Khi bạn nhấn nút **OK** trong khi mục màu xám được làm nổi, lý do mục đó không khả dụng sẽ được hiển thị. Tham khảo hướng dẫn trên màn hình và kiểm tra cài đặt.  “Các mục hiển thị màu xám” (P.101)

Các chức năng không thể đặt từ bảng siêu điều khiển

- Một số chức năng có thể không khả dụng tùy thuộc vào cài đặt chụp hiện tại. Kiểm tra xem chức năng tương tự có được hiển thị màu xám trong menu không.




Chủ thể xuất hiện bị biến dạng

- Các chức năng sau đây sử dụng màn trập điện tử:
 - Quay phim (P.80) / Chế độ im lặng (P.200) / Chụp Pro Capture (P.202) / Chụp độ phân giải cao (P.241) / Chụp bù sáng lấy nét (P.280) / Xếp chồng lấy nét (P.252) / Chụp ND trực tiếp (P.245) / Chụp GND trực tiếp (P.248) / HDR (P.255)


Các chức năng này có thể gây ra hiện tượng biến dạng nếu chủ thể di chuyển nhanh hoặc máy ảnh bị di chuyển đột ngột. Hãy tránh di chuyển máy ảnh đột ngột trong khi chụp, hoặc sử dụng chế độ chụp liên tiếp tiêu chuẩn.

Các đường kẻ xuất hiện trong ảnh


- Các chức năng sau đây sử dụng màn trập điện tử, có thể gây ra các đường kẻ do hiện tượng nhấp nháy và các hiện tượng khác liên quan đến ánh đèn huỳnh quang và ánh đèn LED:
 - Quay phim (P.80) / Chế độ im lặng (P.200) / Chụp Pro Capture (P.202) / Chụp độ phân giải cao (P.241) / Chụp bù sáng lấy nét (P.280) / Xếp chồng lấy nét (P.252) / Chụp ND trực tiếp (P.245) / Chụp GND trực tiếp (P.248) / HDR (P.255)

Có thể giảm hiện tượng nhấp nháy bằng cách chọn tốc độ màn trập chậm hơn. Bạn cũng có thể giảm hiện tượng nhấp nháy bằng cách sử dụng chức năng quét nhấp nháy.   **[Flicker Scan]** (P.159),  **[Flicker Scan]** (P.159)


Chỉ hiển thị chủ thể và không hiển thị thông tin

- Màn hình hiển thị đã được chuyển đổi sang chế độ "Chỉ ảnh". Hãy nhấn nút **INFO** và chuyển đổi sang chế độ hiển thị khác.  ["Chuyển đổi hiển thị thông tin" \(P.50\)](#)








Không thể thay đổi chế độ lấy nét từ MF (lấy nét thủ công)







- Ống kính bạn đang sử dụng có thể được trang bị cơ chế chuyển đổi MF. Trong trường hợp này, lấy nét thủ công được chọn khi vòng lấy nét được trượt về phía thân máy ảnh. Hãy kiểm tra ống kính.  ["Ống kính chuyển đổi MF" \(P.475\)](#)

Không có gì được hiển thị trên màn hình

- Khi có vật gì đó, ví dụ như khuôn mặt, bàn tay hoặc dây đeo đến gần kính ngắm, màn hình sẽ tắt và kính ngắm sẽ bật.  ["Chuyển đổi giữa các hiển thị" \(P.48\)](#)

Các mã lỗi

Chỉ báo trên màn hình	Nguyên nhân có thể xảy ra/Hành động khắc phục
 No Card	Chưa lắp thẻ hoặc không thể nhận dạng thẻ. Hãy lắp thẻ. Hoặc lắp lại thẻ đúng cách.
 1 Card Error	Có vấn đề với thẻ nhớ trong Khe 1. Tháo và lắp lại thẻ nhớ. Nếu cách này không giải quyết được vấn đề, hãy định dạng thẻ. Nếu định dạng không thành công, thẻ không thể sử dụng được.
 2 Card Error	Có vấn đề với thẻ nhớ trong Khe 2. Tháo và lắp lại thẻ nhớ. Nếu cách này không giải quyết được vấn đề, hãy định dạng thẻ. Nếu định dạng không thành công, thẻ không thể sử dụng được.
 1 Write Protect	Thẻ nhớ trong Khe 1 được bảo vệ chống ghi (“bị khóa”). Công tắc bảo vệ chống ghi của thẻ nhớ đang ở vị trí “LOCK”. Trả công tắc về vị trí mở khóa (P.34).
 2 Write Protect	Thẻ nhớ trong Khe 2 được bảo vệ chống ghi (“bị khóa”). Công tắc bảo vệ chống ghi của thẻ nhớ đang ở vị trí “LOCK”. Trả công tắc về vị trí mở khóa (P.34).
 1 Card Full	Chức năng chụp đã tắt; thẻ nhớ ở Khe 1 đầy. Lắp thẻ nhớ khác hoặc xóa ảnh. Trước khi xóa ảnh, đảm bảo rằng bạn đã sao chép mọi ảnh bạn muốn giữ vào máy tính. Chọn một tùy chọn khác trong [📷 Card Slot Settings] (P.389).
 2 Card Full	Chức năng chụp đã tắt; thẻ nhớ ở Khe 2 đầy. Lắp thẻ nhớ khác hoặc xóa ảnh. Trước khi xóa ảnh, đảm bảo rằng bạn đã sao chép mọi ảnh bạn muốn giữ vào máy tính. Chọn một tùy chọn khác trong [📷 Card Slot Settings] (P.389).

Chi báo trên màn hình	Nguyên nhân có thể xảy ra/Hành động khắc phục
 1 Card Full	<p>Thẻ nhớ không đủ dung lượng để ghi thêm ảnh.</p> <p>Lắp thẻ nhớ khác hoặc xóa ảnh. Trước khi xóa ảnh, đảm bảo rằng bạn đã sao chép mọi ảnh bạn muốn giữ vào máy tính. Chọn một tùy chọn khác trong [📷 Card Slot Settings] (P.389).</p>
 2 Card Full	<p>Thẻ nhớ không đủ dung lượng để ghi thêm ảnh.</p> <p>Lắp thẻ nhớ khác hoặc xóa ảnh. Trước khi xóa ảnh, đảm bảo rằng bạn đã sao chép mọi ảnh bạn muốn giữ vào máy tính. Chọn một tùy chọn khác trong [📷 Card Slot Settings] (P.389).</p>
 1 No Picture	<p>Không thể phát lại; thẻ nhớ trong Khe 1 không chứa ảnh nào.</p> <p>Thẻ nhớ đã chọn không chứa ảnh nào. Chụp ảnh trước khi chọn chế độ phát lại.</p>
 2 No Picture	<p>Không thể phát lại; thẻ nhớ trong Khe 2 không chứa ảnh nào.</p> <p>Thẻ nhớ đã chọn không chứa ảnh nào. Chụp ảnh trước khi chọn chế độ phát lại.</p>
 1 Picture Error	<p>Tập tin đã chọn bị hỏng và không thể được phát lại. Hoặc là ảnh có định dạng không được máy ảnh hỗ trợ.</p>
 2 Picture Error	<p>Xem ảnh bằng phần mềm hình ảnh trên máy tính hoặc phương pháp tương tự. Nếu ảnh không thể hiển thị trên máy tính, tập tin có thể đã bị hỏng.</p>


Chi báo trên màn hình	Nguyên nhân có thể xảy ra/Hành động khắc phục
 ① The Image Cannot Be Edited	<p>Không thể áp dụng tính năng chỉnh sửa chi tiết của máy ảnh cho ảnh được ghi bằng các thiết bị khác.</p> <p>Hãy chỉnh sửa chi tiết cho ảnh trên máy tính hoặc thiết bị khác.</p>
 ② The Image Cannot Be Edited	
Y/M/D	<p>Chưa đặt đồng hồ.</p> <p>Đặt đồng hồ (P.416).</p>
 Heat	<p>Nhiệt độ bên trong máy ảnh đã tăng lên do chụp liên tiếp.</p> <p>Tắt máy ảnh và đợi nhiệt độ bên trong nguội đi.</p>
 Internal camera temperature is too high. Please wait for cooling before camera use.	<p>Nhiệt độ bên trong máy ảnh đã tăng lên do chụp liên tiếp.</p> <p>Hãy đợi giây lát để máy ảnh tự động tắt.</p> <p>Để nhiệt độ bên trong máy ảnh nguội đi trước khi tiếp tục thao tác.</p>
 Battery Empty	<p>Pin đã hết.</p> <p>Sạc pin.</p>
 No Connection	<p>Máy ảnh không được kết nối đúng cách với máy tính, màn hình HDMI, hoặc các thiết bị khác.</p> <p>Kết nối lại máy ảnh.</p>
The lens is locked. Please extend the lens.	<p>Ống kính của ống kính có thể thu vào vẫn được giữ ở trạng thái thu lại.</p> <p>Hãy mở rộng ống kính.</p>

Chi báo trên màn hình	Nguyên nhân có thể xảy ra/Hành động khắc phục
Please check the status of a lens.	Đã xảy ra bất thường giữa máy ảnh và ống kính. Hãy tắt máy ảnh, kiểm tra kết nối với ống kính và bật lại nguồn.

Thông số kỹ thuật

Máy ảnh

Loại sản phẩm	
Loại sản phẩm	Máy ảnh kỹ thuật số có hệ thống ống kính Micro Four Thirds Standard có thể thay thế
Ống kính	M.ZUIKO DIGITAL, ống kính hệ thống Micro Four Thirds
Ngàm gắn ống kính	Ngàm gắn Micro Four Thirds
Độ dài tiêu cự tương đương trên máy ảnh phim 35 mm	Xấp xỉ hai lần độ dài tiêu cự của ống kính
Cảm biến ảnh	
Loại sản phẩm	Cảm biến Live MOS 4/3"
Tổng số điểm ảnh	Xấp xỉ 22,93 triệu điểm ảnh
Số điểm ảnh hiệu dụng	Xấp xỉ 20,37 triệu điểm ảnh
Kích thước màn hình	17,4 mm (H) × 13,0 mm (V)
Tỷ lệ khung hình	1.33 (4:3)
Kính ngắm	
Loại	Kính ngắm điện tử có cảm biến mắt
Số điểm ảnh	Xấp xỉ 5,76 triệu điểm
Độ phóng đại	100%
Điểm mắt	Xấp xỉ 21 mm (-1 m^{-1})

Chế độ xem trực tiếp	
Cảm biến	Sử dụng cảm biến Live MOS
Độ phóng đại	100%
Màn hình	
Loại sản phẩm	Màn hình LCD màu TFT 3.0", đa góc, cảm ứng
Tổng số điểm ảnh	Xấp xỉ 1,62 triệu điểm (tỷ lệ khung hình 3:2)
Màn trập	
Loại sản phẩm	Màn trập mặt phẳng tiêu cự được máy tính hóa
Tốc độ màn trập	1/8000 - 60 giây, chụp ảnh bulb, chụp ảnh theo thời gian
Tốc độ đồng bộ đèn flash	1/250 s trở xuống
Lấy nét tự động	
Loại sản phẩm	Hi-Speed Imager AF
Điểm lấy nét	1053 điểm
Lựa chọn điểm lấy nét	Tự động, Tùy chọn
Điều khiển phơi sáng	
Hệ thống đo sáng	Hệ thống đo sáng TTL (đo sáng tạo ảnh) Đo sáng ESP kỹ thuật số/Đo sáng trung bình trọng tâm/Đo sáng điểm
Phạm vi đo sáng	-2 đến 20 EV (f/2.8, tương đương ISO 100)
Chế độ chụp	P : AE chương trình (có thể dịch chuyển chương trình); A : AE ưu tiên khẩu độ; S : AE ưu tiên màn trập; M : Thủ công; B : Bulb (bulb, thời gian, và tổng hợp); C1-C4 : Các chế độ tùy chỉnh;  : Phim
ISO	L80; L100; 200 – 102400 theo các bước 1/3 hoặc 1 EV
Bù phơi sáng	±5,0 EV (bước 1/3, 1/2, 1 EV)

Cân bằng trắng	
Cài đặt chế độ	Tự động/WB cài đặt sẵn (7 cài đặt)/WB tùy chỉnh/WB một chạm (máy ảnh có thể lưu trữ tối đa 4 cài đặt)
Ghi	
Bộ nhớ	SD, SDHC và SDXC Tương thích UHS-II
Hệ thống ghi	Ghi kỹ thuật số, JPEG (DCF2.0), Dữ liệu RAW
Tiêu chuẩn tương thích	Exif 2.31, Digital Print Order Format (DPOF)
Âm thanh với ảnh tĩnh	Định dạng sóng
Chế độ quay phim	MOV (H.264/MPEG-4 AVC, H.265/HEVC)
Âm thanh	PCM tuyến tính âm thanh nổi, 16 bit; tần số lấy mẫu 48 kHz (định dạng sóng) PCM tuyến tính âm thanh nổi, 24 bit; tần số lấy mẫu 96 kHz (định dạng sóng)
Phát lại	
Định dạng hiển thị	Phát lại khung hình đơn/Phát lại cận cảnh/Hiển thị chỉ mục/Hiển thị lịch
Chụp khác	
Chế độ chụp khác	Khung hình đơn; liên tiếp; chống rung do màn trập; im lặng; Pro Capture; chụp hẹn giờ
Chụp liên tiếp	Tối đa 10 fps (📷) Tối đa 20 fps (♥📷/ProCap) Tối đa 50 fps (♥📷SH2/ProCap SH2) Tối đa 120 fps (♥📷SH1/ProCap SH1)
Chụp hẹn giờ	12 giây/2 giây/Tùy chỉnh
Chức năng tiết kiệm năng lượng	Chuyển sang chế độ ngủ: 1 phút, TẮT nguồn: 4 giờ (Có thể tùy chỉnh chức năng này.)

Đèn flash ngoài	
Chế độ điều khiển đèn flash	TTL-AUTO (Chế độ đèn flash trước TTL)/MANUAL
Đồng bộ X	1/250 s trở xuống
Mạng LAN không dây	
Tiêu chuẩn tương thích	IEEE 802.11a/b/g/n/ac * * Lưu ý rằng máy ảnh đã được phát triển theo các tiêu chuẩn khác nhau của các quốc gia.
Bluetooth®	
Tiêu chuẩn tương thích	Bluetooth Version 4.2 BLE
Dải tần số (tần số trung tâm)	2402 – 2480 MHz
Đầu nối ngoài	
	USB (Type C); đầu nối micro HDMI (Type D); đèn flash ngoài; cáp điều khiển từ xa (giắc cắm mini ø2,5 mm); giắc cắm micro (giắc cắm mini âm thanh nổi ø3,5 mm); giắc cắm tai nghe (giắc cắm mini âm thanh nổi ø3,5 mm)
Nguồn điện	
Pin	Pin lithium-ion x1
Kích thước/trọng lượng	
Kích thước	Xấp xỉ 134,8 mm (W) x 91,6 mm (H) x 72,7 mm (D) (không tính phần nhô ra)
Trọng lượng	Xấp xỉ 599 g (bao gồm pin và thẻ nhớ)

Môi trường vận hành

Nhiệt độ	-10°C – 40°C (hoạt động)/ -20°C – 60°C (cất giữ)
Độ ẩm	30% – 90% (hoạt động)/ 10% – 90% (cất giữ)
Khả năng chống nước	Ấn phẩm tiêu chuẩn IEC 60529 IPX3 (áp dụng nếu máy ảnh được sử dụng với ống kính chống nước IPX3 hoặc cao hơn của chúng tôi)

Pin lithium-ion

SỐ DÒNG MÁY	BLX-1
Loại	Pin Lithium-ion có thể sạc lại
Điện áp danh định	DC 7,2 V
Công suất danh định	2280 mAh
Số lần sạc và thời gian xả	Xấp xỉ 500 lần (thay đổi theo điều kiện sử dụng)
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0°C – 40°C (sạc)
Kích thước	Xấp xỉ 40 mm (W) × 22 mm (H) × 55 mm (D)
Trọng lượng	Xấp xỉ 86 g

Bộ chuyển đổi USB-AC

SỐ DÒNG MÁY	F-7AC-1/F-7AC-2
Đầu vào định mức	AC 100 V – 240 V (50/60 Hz)
Đầu ra định mức	DC 5V, 3 A DC 9V, 3 A
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0°C – 40°C (hoạt động)/ -20°C – 60°C (cất giữ)

- Hình thức ngoài và thông số kỹ thuật của sản phẩm này có thể được thay đổi mà không cần thông báo hoặc nghĩa vụ từ nhà sản xuất.
- Hãy truy cập trang web của chúng tôi để biết thông số kỹ thuật mới nhất.

Các thuật ngữ HDMI và HDMI High-Definition Multimedia Interface và Logo HDMI là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của HDMI Licensing Administrator, Inc. tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.



Cài đặt mặc định

Cài đặt mặc định

Siêu điều khiển/Bảng siêu điều khiển LV (P.511)

Thẻ ₁ (P.516)

Thẻ ₂ (P.524)

Thẻ AF (P.529)

Thẻ  (P.535)

Thẻ  (P.539)

Thẻ  (P.541)

Thẻ  (P.549)














Siêu điều khiển/Bảng siêu điều khiển LV

*1: Có thể được thêm vào [Assign].

*2: Có thể khôi phục mặc định bằng cách chọn [Initialize All Settings].


















*3: Có thể khôi phục mặc định bằng cách chọn [Reset Shooting Settings].

Chế độ chụp: P, A, S, M, B













Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Shooting Mode	P	—	—	—
Shutter Speed	1/250 s (Khi đặt thành S/M), Bulb (Khi đặt thành B)	✓	✓	✓
Aperture Value	F5.6	✓	✓	✓
 ISO	ISO Auto	✓	✓	✓
 AF Target Mode	[#]Small	✓	✓	✓
Exposure Comp. / 				
	Exposure Comp. ±0.0	✓	✓	✓
	 All ±0.0	✓	✓	✓
Wi-Fi/Bluetooth	—	—	—	—
 Picture Mode	 Natural	✓	✓	✓
 WB	WB Auto	✓	✓	✓
 Kelvin	5400K (Khi [ WB] được đặt thành [CWB])	✓	✓	—
 Button Function	—	✓	✓	—
 AF Mode	S-AF	✓	✓	✓
Subject Detection	 Off	✓	✓	—
Flash Mode		✓	✓	✓

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Flash Exposure Comp.	±0.0	✓	✓	✓
Manual Value	Đầy đủ (Khi đèn flash được đặt thành [Manual])	✓	✓	✓
Drive		✓	✓	✓
Metering		✓	✓	✓
Aspect	4:3	✓	✓	✓
Image Stabilizer	S-IS Auto	✓	✓	✓
Card Slot Settings	Standard	✓	✓	—
1	F (khi Chụp độ phân giải cao được đặt thành: F+RAW)	✓	✓	✓
2	F (khi Chụp độ phân giải cao được đặt thành: F+RAW)	✓	✓	✓
	60p L-8	✓	✓	✓

Chế độ chụp: (phim)

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
 Mode	P	—	✓	—
Shutter Speed	1/250 s	—	✓	✓
Aperture Value	F5.6	—	✓	✓
 ISO	ISO Auto	—	✓	✓
 AF Target Mode	[] Middle	—	✓	✓
Exposure Comp. / 				
	Exposure Comp.	±0.0	✓	✓
		All ±0.0	✓	✓
Wi-Fi/Bluetooth	—	—	—	—
 Picture Mode	 3 Natural	✓	✓	✓
 WB	WB Auto	—	✓	✓
 Kelvin	5400K (Khi [ WB] được đặt thành [CWB])	—	✓	—
 Button Function	—	—	✓	—
 AF Mode	C-AF	✓	✓	✓
Subject Detection	 Off	✓	✓	—
 Image Stabilizer	M-IS1	—	✓	✓
 	4K 60p L-8	✓	✓	✓
Sound Recording Level	±0	—	✓	—
Headphone Volume	8	—	✓	—

Chế độ chụp: Chế độ RC

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3	
Shooting Mode	P	—	—	—	
Shutter Speed	1/250 s (Khi đặt thành S/M), Bulb (Khi đặt thành B)	✓	✓	✓	
Aperture Value	F5.6	✓	✓	✓	
 ISO	ISO Auto	✓	✓	✓	
 AF Target Mode	[]Small	✓	✓	✓	
Exposure Comp. / 					
	Exposure Comp.	±0.0	✓	✓	✓
		All ±0.0	✓	✓	✓
Wi-Fi/Bluetooth	—	—	—	—	
 Picture Mode	 3Natural	✓	✓	✓	
 WB	WB Auto	✓	✓	✓	
 Kelvin	5400K (Khi  [WB] được đặt thành [CWB])	✓	✓	—	
 Button Function	—	✓	✓	—	
A mode	TTL	✓	✓	✓	
B mode	Off	✓	✓	✓	
C mode	Off	✓	✓	✓	
Bù đèn flash	±0 (khi đặt thành TTL/Auto)	✓	✓	✓	
Đầu ra đèn flash	1/1 (khi ở Chế độ thủ công)	✓	✓	✓	
Flash Mode		✓	✓	✓	

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
⚡/FP	⚡ (Bình thường)	✓	✓	✓
🔊 Cường độ tín hiệu quang học	Low	✓	✓	✓
Kênh	Ch1	✓	✓	✓

*1: Có thể được thêm vào **[Assign]**.








*2: Có thể khôi phục mặc định bằng cách chọn **[Initialize All Settings]**.

*3: Có thể khôi phục mặc định bằng cách chọn **[Reset Shooting Settings]**.

1. Basic Settings/Image Quality

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
---------	------------------	----	----	----

Custom Mode

C1	Recall	—	—	—	—
	Assign	Chế độ chụp: P Chất lượng ảnh:  F+RAW	—	—	—
	Save Settings	Reset	—	✓	—
C2	Recall	—	—	—	—
	Assign	Chế độ chụp: P Chất lượng ảnh:  F+RAW	—	—	—
	Save Settings	Reset	—	✓	—
C3	Recall	—	—	—	—
	Assign	Chế độ chụp: P Chất lượng ảnh:  F+RAW	—	—	—
	Save Settings	Reset	—	✓	—
C4	Recall	—	—	—	—
	Assign	Chế độ chụp: P Chất lượng ảnh:  F+RAW	—	—	—
	Save Settings	Reset	—	✓	—
 		 F	✓	✓	✓

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Detailed Settings				
1	Pixel Count: L Compression: SF	✓	✓	—
2	Pixel Count: L Compression: F	✓	✓	—
3	Pixel Count: L Compression: N	✓	✓	—
4	Pixel Count: M1 Compression: N	✓	✓	—
Image Aspect	4:3	✓	✓	✓
Image Review	Off	✓	✓	—
Shading Comp.	Off	✓	✓	✓

2. Picture Mode/WB

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3	
Picture Mode	3 Natural	✓	✓	✓	
Picture Mode Settings	Tất cả các mục: ✓	✓	✓	—	
WB	WB Auto	✓	✓	✓	
All					
	A-B	0	✓	✓	—
	G-M	0	✓	✓	—
Keep Warm Color	On	✓	✓	✓	
+WB	Off	✓	✓	—	

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Color Space	sRGB	✓	✓	✓

3. ISO/Noise Reduction

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
---------	------------------	----	----	----

ISO-A Upper/Default

Upper Limit	25600	✓	✓	✓
Default	200	✓	✓	✓

ISO-A Lowest S/S

Auto	Auto	✓	✓	✓
------	------	---	---	---

ISO-Auto

P/A/S/M	P/A/S/M	✓	✓	—
---------	---------	---	---	---

ISO Step

1/3EV	1/3EV	✓	✓	✓
-------	-------	---	---	---

Noise Filter

Standard	Standard	✓	✓	✓
----------	----------	---	---	---

Low ISO Processing

Drive Priority	Drive Priority	✓	✓	✓
----------------	----------------	---	---	---

Noise Reduction

Auto	Auto	✓	✓	✓
------	------	---	---	---

4. Exposure

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
---------	------------------	----	----	----



Flicker Scan

Off	Off	✓	✓	✓
-----	-----	---	---	---







EV Step

1/3EV	1/3EV	✓	✓	✓
-------	-------	---	---	---

Exposure Shift

	±0	✓	✓	—
	±0	✓	✓	—
	±0	✓	✓	—

5. Metering

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Metering 		✓	✓	✓
Metering during 	Auto	✓	✓	✓
 Auto Reset	No	✓	✓	✓
AEL by half-pressing 	S-AF Only	✓	✓	✓
Metering during 	Yes	✓	✓	✓
 Spot Metering	Tất cả các mục: ✓	✓	✓	✓




6. Flash





Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
 RC Mode	Off	✓	✓	✓
 X-Sync.	1/250sec	✓	✓	✓
 Slow Limit	1/60sec	✓	✓	✓
 + 	Off	✓	✓	✓
Balanced Flash Metering	Off	✓	✓	✓

Flash Mode Settings

Reduce Red-eye	No	✓	✓	✓
Synchro Settings	First Curtain	✓	✓	✓

7. Drive Mode




Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Drive  / 		✓	✓	✓

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Anti-Flicker Shooting	Off	✓	✓	✓
Sequential Shooting Settings				
	✓	✓	✓	—
Max fps	10fps	✓	✓	✓
Frame Count Limiter	Off	✓	✓	✓
	✓	✓	✓	—
Max fps	20fps	✓	✓	✓
Frame Count Limiter	Off	✓	✓	✓
 SH1	✓	✓	✓	—
Max fps	120fps	✓	✓	✓
Frame Count Limiter	Off	✓	✓	✓
 SH2	✓	✓	✓	—
Max fps	50fps	✓	✓	✓
Frame Count Limiter	Off	✓	✓	✓
ProCap	✓	✓	✓	—
Max fps	20fps	✓	✓	✓
Pre-shutter Frames	10	✓	✓	✓
Frame Count Limiter	50	✓	✓	✓

Vai trò		Vai trò mặc định	*1	*2	*3
ProCap SH1		✓	✓	✓	—
	Max fps	120fps	✓	✓	✓
	Pre-shutter Frames	28	✓	✓	✓
	Frame Count Limiter	50	✓	✓	✓
ProCap SH2		✓	✓	✓	—
	Max fps	50fps	✓	✓	✓
	Pre-shutter Frames	12	✓	✓	✓
	Frame Count Limiter	50	✓	✓	✓

Self-timer Settings

☺12		✓	✓	✓	—
♥☺12		<input type="checkbox"/> (không có ✓)	✓	✓	—
☺2		✓	✓	✓	—
♥☺2		✓	✓	✓	—
☺C		✓	✓	✓	—
	Number of Frames	3f	✓	✓	✓
	☺ Timer	1sec	✓	✓	✓
	Interval Length	0.5sec	✓	✓	✓
	Every Frame AF	Off	✓	✓	✓

Vai trò		Vai trò mặc định	*1	*2	*3
  C		<input type="checkbox"/> (không có ✓)	✓	✓	—
	Number of Frames	3f	✓	✓	✓
	 Timer	1sec	✓	✓	✓
	Interval Length	0.5sec	✓	✓	✓
	Every Frame AF	Off	✓	✓	✓




Anti-Shock [⬥] Settings

Anti-Shock [⬥]	Off	✓	✓	—
Waiting Time	0sec	✓	✓	—

Silent [♥] Settings

Waiting Time	0sec	✓	✓	—
Noise Reduction	Off	✓	✓	—
))	Not Allow	✓	✓	—
AF Illuminator	Not Allow	✓	✓	—
Flash Mode	Not Allow	✓	✓	—

8. Image Stabilizer

Vai trò		Vai trò mặc định	*1	*2	*3
 Image Stabilizer	S-IS Auto	✓	✓	✓	
 Image Stabilizer	Fps Priority	✓	✓	✓	
 Image Stabilizer	On	—	✓	✓	
Handheld Assist	Off	✓	✓	✓	





Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Lens I.S. Priority	Off	✓	✓	✓


*1: Có thể được thêm vào **[Assign]**.

*2: Có thể khôi phục mặc định bằng cách chọn **[Initialize All Settings]**.

*3: Có thể khôi phục mặc định bằng cách chọn **[Reset Shooting Settings]**.



1. Computational Modes

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
High Res Shot				
High Res Shot	Off	✓	✓	✓
 	80M F+RAW	✓	✓	✓
 RAW Recording Bit	12bit	✓	✓	—
Waiting Time	0sec	✓	✓	—
 Charge Time	0sec	✓	✓	—
Live ND Shooting				
Live ND Shooting	Off	✓	✓	✓
ND Number	ND8(3EV)	✓	✓	—
LV Simulation	On	✓	✓	—
Live GND Shooting				
Live GND Shooting	Off	✓	✓	✓
GND Number	GND8(3EV)	✓	✓	—
Filter Type	Soft	✓	✓	—
Filter Auto Rotate	On	✓	✓	—

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Focus Stacking				
Focus Stacking	Off	✓	✓	✓
Set number of shots	8	✓	✓	—
Set focus differential	5	✓	✓	—
 Charge Time	0sec	✓	✓	—
HDR	Off	✓	✓	✓
Multiple Exposure				
Multiple Exposure	Off	—	✓	✓
Auto Gain	Off	—	✓	✓
Overlay	Off	—	✓	✓

2. Other Shooting Functions

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
 Digital Tele-converter	Off	✓	✓	✓

Vai trò		Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Interval Shooting					
	Interval Shooting	Off	—	✓	✓
	Number of Frames	100	✓	✓	✓
	Start Waiting Time	00:00:01	✓	✓	✓
	Interval Length	00:00:01	✓	✓	✓
	Interval Mode	Time Priority	✓	✓	✓
	Exposure Smoothing	On	✓	✓	✓
	Time Lapse Movie	Off	✓	✓	✓
Movie Settings					
	Movie Resolution	FullHD	✓	✓	✓
	Frame Rate	10fps	✓	✓	✓
Keystone Comp.		Off	✓	✓	✓
Fisheye Compensation					
	Fisheye Compensation	Off	✓	✓	✓
	Angle	1	✓	✓	—
	 /  Correction	Off	✓	✓	—

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
---------	------------------	----	----	----

BULB/TIME/COMP Settings

Bulb/Time Focusing	On	✓	✓	✓
Bulb/Time Timer	8min	✓	✓	✓
Live Composite Timer	3h	✓	✓	✓
Bulb/Time Monitor	-7	✓	✓	—
Live Bulb	Off	✓	✓	—
Live Time	0.5sec	✓	✓	—
Composite Settings	1/2sec	✓	✓	—

3. Bracketing

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
AE BKT	Off	✓	✓	✓
WB BKT				
A-B	Off	✓	✓	✓
G-M	Off	✓	✓	✓
FL BKT	Off	✓	✓	✓
ISO BKT	Off	✓	✓	✓
ART BKT				
ART BKT	Off	✓	✓	✓
ART BKT Setting	Chỉ ART: ✓ (ART có nhiều loại: chỉ loại I được đánh dấu tích ✓.)	✓	✓	✓

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Focus BKT				
Focus BKT	Off	✓	✓	✓
Set number of shots	99	✓	✓	✓
Set focus differential	5	✓	✓	✓
⚡ Charge Time	0sec	✓	✓	✓

Thẻ AF

*1: Có thể được thêm vào **[Assign]**.

*2: Có thể khôi phục mặc định bằng cách chọn **[Initialize All Settings]**.

*3: Có thể khôi phục mặc định bằng cách chọn **[Reset Shooting Settings]**.

1. AF

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
AF Mode	S-AF	✓	✓	✓
AF+MF	Off	✓	✓	✓

Starry Sky AF Setting

AF Priority	Speed	✓	✓	✓
AF Operation	Start/Stop	✓	✓	✓
Release Priority	Off	✓	✓	✓







AF by half-pressing

S-AF	Yes	✓	✓	✓
C-AF/C-AF+TR	Yes	✓	✓	✓
in MF mode	No	✓	✓	✓

Release Priority

S-AF	Off	✓	✓	✓
C-AF/C-AF+TR	On	✓	✓	✓

2. AF

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Subject Detection	Off	✓	✓	—
📷 C-AF Setting				
 C-AF Area	All	✓	✓	—
 C-AF Area	All	✓	✓	—
📷 C-AF Button				
	 Priority	✓	✓	✓
	 Priority	✓	✓	✓
Eye Detection Frame	On	✓	✓	—

3. AF

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
AF Illuminator	On	✓	✓	✓
AF Area Pointer	On1	✓	✓	✓

4. AF


Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
 C-AF Sensitivity	±0	✓	✓	✓

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
---------	------------------	----	----	----

C-AF Center Priority

 Cross	✓	✓	✓	✓
 Mid	✓	✓	✓	✓
 Large	✓	✓	✓	✓
 C1	<input type="checkbox"/> (không có ✓)	✓	✓	✓
 C2	<input type="checkbox"/> (không có ✓)	✓	✓	✓
 C3	<input type="checkbox"/> (không có ✓)	✓	✓	✓
 C4	<input type="checkbox"/> (không có ✓)	✓	✓	✓




AF Limiter

AF Limiter	Off	✓	✓	✓
Distance for On1	5.0 - 999.9m	✓	✓	✓
Distance for On2	10.0 - 999.9m	✓	✓	✓
Distance for On3	50.0 - 999.9m	✓	✓	✓
Release Priority	On	✓	✓	✓
 AF Scanner	On	✓	✓	✓

AF Focus Adjustment

AF Focus Adjustment	Off	✓	✓	—
Fine-tuning Value	±0	—	—	—










5. Movie AF

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
 AF Mode	C-AF	✓	✓	✓
 C-AF Speed	±0	✓	✓	✓
 C-AF Sensitivity	±0	✓	✓	✓

6. AF Target Settings & Operations

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
---------	------------------	----	----	----

AF Target Mode Settings

 All	✓	✓	✓	—
 Single	✓	✓	✓	—
 Cross	✓	✓	✓	—
 Mid	✓	✓	✓	—
 Large	✓	✓	✓	—
 C1	<input type="checkbox"/> (không có ✓)	✓	✓	—
 C2	<input type="checkbox"/> (không có ✓)	✓	✓	—
 C3	<input type="checkbox"/> (không có ✓)	✓	✓	—
 C4	<input type="checkbox"/> (không có ✓)	✓	✓	—

Orientation Linked

AF Target Mode	<input type="checkbox"/> (không có ✓)	✓	✓	—
AF Target Point	<input type="checkbox"/> (không có ✓)	✓	✓	—

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Set Home				
AF Target Mode	✓ (All)	✓	✓	✓
AF Target Point	✓	✓	✓	✓
Select Screen Settings				
dial	Mode	✓	✓	✓
button	Pos	✓	✓	✓
Loop Settings				
Loop Selection	Off	✓	✓	✓
Via All	No	✓	✓	✓
AF Targeting Pad	Off	✓	✓	✓

7. MF

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
MF Assist				
Magnify	Off	✓	✓	—
Peaking	Off	✓	✓	—
Focus Indicator	Off	✓	✓	—
Peaking Settings				
Peaking Color	Red	✓	✓	—
Highlight Intensity	Normal	✓	✓	—
Image Brightness Adj.	Off	✓	✓	—

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Preset MF distance	999.9m	✓	✓	✓
MF Clutch	Operative	✓	✓	✓
Focus Ring	↻	✓	✓	—
Reset Lens	Off	✓	✓	—

*1: Có thể được thêm vào **[Assign]**.










*2: Có thể khôi phục mặc định bằng cách chọn **[Initialize All Settings]**.

*3: Có thể khôi phục mặc định bằng cách chọn **[Reset Shooting Settings]**.

1. Basic Settings/Image Quality

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
 Video Codec	H.264	✓	✓	✓
 	4K 60p L-8	✓	✓	✓
 Mode	P	—	✓	—
 Flicker Scan	Off	—	✓	✓
 Digital Tele-converter	Off	—	✓	✓

2. Picture Mode/WB

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3	
 Picture Mode	Same as 	✓	✓	✓	
  View Assist	Off	—	✓	—	
 WB	WB Auto	—	✓	✓	
 All 					
	A-B	0	—	✓	—
	G-M	0	—	✓	—
  Keep Warm Color	On	—	✓	✓	

3. ISO/Noise Reduction

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
📷 MISO-A Upper/Default				
Upper Limit	12800	—	✓	✓
Default	200	—	✓	✓
📷 MISO-Auto	On	—	✓	—
📷 Noise Filter	Standard	—	✓	✓




4. Image Stabilizer

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
📷 Image Stabilizer	M-IS1	—	✓	✓
📷 IS Level	±0	—	✓	✓

5. Sound Recording/Connection

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
---------	------------------	----	----	----

Sound Recording Settings

Recording Volume					
	Built-In 	±0	—	✓	—
	MIC 	±0	—	✓	—
 Volume Limiter		On	—	✓	—
Wind Noise Reduction		Off	—	✓	—
Recording Rate		48kHz/16bit	—	✓	—
 Plug-in Power		On	—	✓	—
Camera Rec. Volume		Operative	—	✓	—
Headphone Volume		8	—	✓	—

Time Code Settings

Time Code Mode	Drop Frame	—	✓	—
Count Up	Rec Run	—	✓	—
Starting Time	—	—	✓	—

HDMI Output

Output Mode	Monitor	—	✓	—
REC Bit	Off	—	✓	—
Time Code	On	—	✓	—

6. Shooting Assist

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Center Marker	Off	—	✓	—
Zebra Pattern Settings				
Zebra Pattern Settings	Off	—	✓	—
 Level 1	80	—	✓	—
 Level 2	Off	—	✓	—
Red Frame during  REC	On	—	✓	—

*1: Có thể được thêm vào **[Assign]**.

*2: Có thể khôi phục mặc định bằng cách chọn **[Initialize All Settings]**.

*3: Có thể khôi phục mặc định bằng cách chọn **[Reset Shooting Settings]**.



1. File




Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
	—	—	—	—
Reset All Images	—	—	—	—
Copy All	—	—	—	—
Erase All	—	—	✓	—

2. Operations

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
  Function	<input checked="" type="checkbox"/>	—	✓	—
 Dial Function		—	✓	—
  Default Setting	Recently	—	✓	—
Quick Erase	Off	—	✓	✓
RAW+JPEG Erase	RAW+JPEG	—	✓	—
RAW+JPEG 	JPEG	—	✓	—

3. Displays

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
	On	—	✓	✓
 Info Settings	Tất cả các mục: ✓	—	✓	✓

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
 Info Settings	Tất cả các mục: ✓	—	✓	—
 Settings	[ 25] và [Calendar]: ✓	—	✓	—
Rating Settings	Tất cả các mục: ✓	—	✓	—

*1: Có thể được thêm vào **[Assign]**.

*2: Có thể khôi phục mặc định bằng cách chọn **[Initialize All Settings]**.












*3: Có thể khôi phục mặc định bằng cách chọn **[Reset Shooting Settings]**.












1. Operations


Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
---------	------------------	----	----	----

Button Settings

Button Function

	Exposure Comp.	✓	✓	—
	High Res Shot	✓	✓	—
ISO	ISO	✓	✓	—
AF-ON	AF-ON	✓	✓	—
AEL	AEL	✓	✓	—
	 View Selection	✓	✓	—
	Off	✓	✓	—
	Off	✓	✓	—
	Off	✓	✓	—
		✓	✓	—
	Preview	✓	✓	—
PBH 	Exposure Comp.	✓	✓	—
PBH ISO	ISO	✓	✓	—

Vai trò		Vai trò mặc định	*1	*2	*3
	PBH AF-ON	AF-ON	✓	✓	—
	L-Fn	AF Stop	✓	✓	—
 Button Function					
		Exposure Comp.	—	✓	—
		REC	—	✓	—
	ISO	ISO	—	✓	—
	AF-ON	AF-ON	—	✓	—
	AEL	AEL	—	✓	—
		View Selection	—	✓	—
		Off	—	✓	—
		Off	—	✓	—
		Off	—	✓	—
		Peaking	—	✓	—
		Magnify	—	✓	—
	PBH 	Exposure Comp.	—	✓	—
	PBH ISO	ISO	—	✓	—
	PBH AF-ON	AF-ON	—	✓	—
	L-Fn	AF Stop	—	✓	—
 Shutter Function		Off	—	✓	—





Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Menu operation by 	No	—	✓	—

Dial Settings

Dial Function

P	Lever 1	 : Exposure Comp.  : Ps	✓	✓	—
	Lever 2	 : ISO  : WB	✓	✓	—
A	Lever 1	 : Exposure Comp.  : Aperture Value	✓	✓	—
	Lever 2	 : ISO  : WB	✓	✓	—
S	Lever 1	 : Exposure Comp.  : Shutter Speed	✓	✓	—
	Lever 2	 : ISO  : WB	✓	✓	—
M/B	Lever 1	 : Aperture Value  : Shutter Speed	✓	✓	—
	Lever 2	 : Exposure Comp.  : ISO	✓	✓	—

Dial Function

P	Lever 1	 : Exposure Comp.  : Exposure Comp.	—	✓	—
	Lever 2	 : VOL  : VOL	—	✓	—




Vai trò			Vai trò mặc định	*1	*2	*3	
	A	Lever 1	: Exposure Comp. : Aperture Value	—	✓	—	
		Lever 2	: VOL : VOL	—	✓	—	
	S	Lever 1	: Exposure Comp. : Shutter Speed	—	✓	—	
		Lever 2	: VOL : VOL	—	✓	—	
	M	Lever 1	: Aperture Value : Shutter Speed	—	✓	—	
		Lever 2	: VOL : ISO	—	✓	—	
	Loop in Menu Tab			No	—	✓	—
	Dial Direction						
	Exposure	Dial 1		✓	✓	—	
	Ps	Dial 1		✓	✓	—	

Multi Selector Settings


	Center Button	Off		✓	✓	—
	Direction Key			✓	✓	—

Fn Lever Settings

	Fn Lever Function	mode2		—	✓	—
	Fn Lever Function	mode2		—	✓	—
	Fn Lever/Power Lever	Fn		—	✓	—

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Electronic Zoom Settings				
 Elec. Zoom Speed	Normal	✓	✓	—
 Elec. Zoom Speed	Normal	—	✓	—
 Lock	Off	✓	✓	—







2. Operations

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
LV Close Up Mode	mode2	✓	✓	—
 Lock	Off	✓	✓	—
Priority Set	No	—	✓	—

Menu Cursor Settings

Page Cursor Position	Reset	—	✓	—
Menu Start Position	Recently	—	✓	—
Shortcut to B Mode Settings	On	✓	✓	—

Press-and-hold Time

End LV 	0.7sec	✓	✓	—
Reset LV  Frame	0.7sec	✓	✓	—
Reset 	0.7sec	✓	✓	—
Reset 	0.7sec	✓	✓	—
Reset 	0.7sec	✓	✓	—
Reset 	0.7sec	✓	✓	—









Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Reset	0.7sec	✓	✓	—
Reset	0.7sec	✓	✓	—
Reset	0.7sec	✓	✓	—
Call EVF Auto Switch	0.7sec	✓	✓	—
End	0.7sec	✓	✓	—
Reset	0.7sec	✓	✓	—
Switch Lock	0.7sec	✓	✓	—
End Flicker Scan	0.7sec	✓	✓	—
Call WB BKT Setting	0.7sec	✓	✓	—
Call ART BKT Setting	0.7sec	✓	✓	—
Call Focus BKT Setting	0.7sec	✓	✓	—
Call Setting	0.7sec	✓	✓	—
End GND	1.0sec	✓	✓	—
Reset GND	0.7sec	✓	✓	—

3. Live View


Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
LV Mode	Standard	✓	✓	—
Night Vision	Off	✓	✓	—
Frame Rate	Normal	✓	✓	—
Art LV Mode	mode1	✓	✓	—

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Anti-Flicker LV	Off	✓	✓	—
Selfie Assist	On	—	✓	—

4. Information


Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
EVF Style	 Style 2	—	✓	—
 Info Settings	[Image Only], [Information 1] và [Information 2]: ✓	✓	✓	—
Info by half-pressing 	On2	✓	✓	—
  Info Settings	[Image Only], [Information 1] và [Information 2]: ✓	✓	✓	—
  Level Gauge	On	✓	✓	—
 Info Settings	[Image Only], [Information 1]: ✓	—	✓	—


5. Grid/Other Displays

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
 Grid Settings				
Display Color	Preset 1	✓	✓	—
Displayed Grid	Off	✓	✓	—
Color of Preset 1	R/G/B: 38 α: 75%	✓	✓	—
Color of Preset 2	R: 180 G/B: 0 α: 75%	✓	✓	—

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
---------	------------------	----	----	----

 Grid Settings

Exclusive for 	Off	✓	✓	—
Display Color	Preset 1	✓	✓	—
Displayed Grid	Off	✓	✓	—
Color of Preset 1	R/G/B: 38 α: 75%	✓	✓	—
Color of Preset 2	R: 180 G/B: 0 α: 75%	✓	✓	—

 Grid Settings

Exclusive for 	Off	—	✓	—
Display Color	Preset 1	—	✓	—
Displayed Grid	Off	—	✓	—
Color of Preset 1	R/G/B: 38 α: 75%	—	✓	—
Color of Preset 2	R: 180 G/B: 0 α: 75%	—	✓	—
Multi Function Settings	Tất cả các mục ngoại trừ ISO: ✓	✓	✓	—

Histogram Settings

Highlight	255	✓	✓	—
Shadow	0	✓	✓	—

*1: Có thể được thêm vào **[Assign]**.



*2: Có thể khôi phục mặc định bằng cách chọn **[Initialize All Settings]**.

*3: Có thể khôi phục mặc định bằng cách chọn **[Reset Shooting Settings]**.

1. Card/Folder/File

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Card Formatting	—	—	—	—

Card Slot Settings

 Save Settings	Standard	✓	✓	—
 Save Slot		✓	✓	—
 Slot		✓	✓	—

 Card Slot Settings		✓	✓	—
---	---	---	---	---

Assign Save Folder	Do not assign	—	✓	—
--------------------	---------------	---	---	---

File Name	Reset	—	✓	—
-----------	-------	---	---	---

Edit Filename

sRGB	<u>MDD</u>	—	✓	—
Adobe RGB	<u>MDD</u>	—	✓	—

2. Information Record

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Lens Info Settings	Off	—	✓	—
dpi Settings	350dpi	✓	✓	—

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
---------	------------------	----	----	----


Copyright Info.

Copyright Info.	Off	✓	✓	—
Artist Name	—	—	—	—
Copyright Name	—	—	—	—



3. Monitor/Sound/Connection

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Touchscreen Settings	On	—	✓	—


Monitor Adjust

 (Độ sáng)	±0	✓	✓	—
 (Nhiệt độ màu)	A0, G0	✓	✓	—

EVF Adjust

 (Độ sáng)	Auto	✓	✓	—
 (Nhiệt độ màu)	A0, G0	✓	✓	—

Eye Sensor Settings

EVF Auto Switch	On	—	✓	—
Behavior when switched	Maintain Screen	—	✓	—
When Monitor is Opened	Inoperative	—	✓	—
	On	✓	✓	—

HDMI Settings



Output Size	4K	—	✓	—
Output Frame Rate	60p Priority	—	—	—

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
USB Settings				
USB Mode	Select	—	✓	—
Power Supply from USB	Yes	—	✓	—

4. Wi-Fi/Bluetooth

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Airplane Mode	Off	—	✓	—
Bluetooth	Off	—	✓	—
Wireless Shutter Setting	—	—	—	—
Wi-Fi Connection	—	—	✓	—



Settings

Power-off Standby	Off	—	✓	—
 Connection Password	—	—	—	—
Reset  Settings	—	—	—	—

Wi-Fi PC Settings


Wi-Fi MAC Address	—	—	—	—
Reset Wi-Fi PC Settings	—	—	—	—

5. Battery/Sleep

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
 Battery Status	—	—	—	—
 Battery Priority	PBH Battery	—	✓	—

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
 Display Pattern	min	—	✓	—
Backlit LCD	Hold	✓	✓	—
Sleep	1min	✓	✓	—
Auto Power Off	4h	✓	✓	—
Quick Sleep Mode				
Quick Sleep Mode	Off	✓	✓	—
Backlit LCD	8sec	✓	✓	—
Sleep	10sec	✓	✓	—




6. Reset/Clock/Language/Others

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
Reset/Initialize All Settings				
Reset Shooting Settings	—	—	—	—
Initialize All Settings	—	—	—	—
⌚ Settings				
⌚	—	—	—	—
Time Zone	—	—	—	—
	—	—	—	—
Level Adjust	—	—	✓	—
Pixel Mapping	—	—	—	—
Firmware Version	—	—	—	—
Certification	—	—	—	—

Dung lượng thẻ nhớ

Dung lượng thẻ nhớ: Ảnh

Các số liệu áp dụng cho thẻ SDXC 64 GB dùng để ghi ảnh có tỷ lệ khung hình 4:3.

Chế độ ghi	Kích thước ảnh (Số điểm ảnh)	Tỷ lệ nén	Định dạng tập tin	Kích thước tập tin (MB) (xấp xỉ)	Số lượng ảnh tĩnh có thể lưu trữ
 F +RAW (12 bit)	(Giá ba chân) 10368 × 7776	Nén không mất dữ liệu	ORF	(Giá ba chân) 183,7	(Giá ba chân) 233
	10368 × 7776	1/4	JPEG		
	5184 × 3888	Nén không mất dữ liệu	ORI		
 F +RAW (12 bit)	(Giá ba chân) 10368 × 7776	Nén không mất dữ liệu	ORF	(Giá ba chân) 170,5	(Giá ba chân) 262
	(Cầm tay) 8160 × 6120				
	8160 × 6120	1/4	JPEG	(Cầm tay) 123,0	(Cầm tay) 330
	5184 × 3888	Nén không mất dữ liệu	ORI		
 F +RAW (12 bit)	(Giá ba chân) 10368 × 7776	Nén không mất dữ liệu	ORF	(Giá ba chân) 159,8	(Giá ba chân) 292
	(Cầm tay) 8160 × 6120				
	5760 × 4320	1/4	JPEG	(Cầm tay) 112,3	(Cầm tay) 410
	5184 × 3888	Nén không mất dữ liệu	ORI		

Chế độ ghi	Kích thước ảnh (Số điểm ảnh)	Tỷ lệ nén	Định dạng tập tin	Kích thước tập tin (MB) (xấp xỉ)	Số lượng ảnh tĩnh có thể lưu trữ
80M F +RAW (14 bit)	(Giá ba chân) 10368 × 7776	Nén không mất dữ liệu	ORF	(Giá ba chân) 197,0	(Giá ba chân) 223
	10368 × 7776	1/4	JPEG		
	5184 × 3888	Nén không mất dữ liệu	ORI		
50M F +RAW (14 bit)	(Giá ba chân) 10368 × 7776	Nén không mất dữ liệu	ORF	(Giá ba chân) 183,8	(Giá ba chân) 249
	(Cầm tay) 8160 × 6120				
	8160 × 6120	1/4	JPEG	(Cầm tay) 132,0	(Cầm tay) 315
	5184 × 3888	Nén không mất dữ liệu	ORI		
25M F +RAW (14 bit)	(Giá ba chân) 10368 × 7776	Nén không mất dữ liệu	ORF	(Giá ba chân) 173,1	(Giá ba chân) 275
	(Cầm tay) 8160 × 6120				
	5760 × 4320	1/4	JPEG	(Cầm tay) 121,2	(Cầm tay) 386
	5184 × 3888	Nén không mất dữ liệu	ORI		
80M F	10368 × 7776	1/4	JPEG	35,2	1564
50M F	8160 × 6120	1/4	JPEG	22	2503
25M F	5760 × 4320	1/4	JPEG	11,2	4882

Chế độ ghi	Kích thước ảnh (Số điểm ảnh)	Tỷ lệ nén	Định dạng tập tin	Kích thước tập tin (MB) (xấp xỉ)	Số lượng ảnh tĩnh có thể lưu trữ
RAW	5184 × 3888	Nén không mất dữ liệu	ORF	22,4	2727
L SF		1/2,7	JPEG	13,4	4103
L F		1/4		9,2	5954
L N		1/8		4,9	11355
M1 SF	3200 × 2400	1/2,7	JPEG	5,4	10172
M1 F		1/4		3,8	14360
M1 N		1/8		2,2	24413
M2 SF	1920 × 1440	1/2,7	JPEG	2,3	24413
M2 F		1/4		1,7	32551
M2 N		1/8		1,1	48827
S1 SF	1280 × 960	1/2,7	JPEG	1,3	40689
S1 F		1/4		1,1	48827
S1 N		1/8		0,4	122067
S2 SF	1024 × 768	1/2,7	JPEG	1,1	54252
S2 F		1/4		0,5	122067
S2 N		1/8		0,3	162756

- Số lượng ảnh tĩnh có thể lưu trữ có thể thay đổi tùy theo chủ thể, đã đặt in ảnh hay chưa và nhiều yếu tố khác. Trong một số trường hợp, số lượng ảnh tĩnh có thể lưu trữ được hiển thị trên màn hình sẽ không thay đổi ngay cả khi bạn chụp ảnh hoặc xóa ảnh đã lưu trữ.
- Kích thước tập tin thực tế sẽ thay đổi tùy theo chủ thể.
- Số lượng ảnh tĩnh tối đa có thể lưu trữ được hiển thị trên màn hình là 9999.

Dung lượng thẻ nhớ: Phim

Các số liệu này áp dụng cho thẻ nhớ SDXC 64 GB.

Cài đặt khác ngoài quay phim tốc độ cao

Độ phân giải phim	Bù chuyển động	Tốc độ khung hình phát lại	Dung lượng (xấp xỉ)			
			[Video Codec]: Đặt thành [H.264]		[Video Codec]: Đặt thành [H.265]	
			[Recording Rate]: Đặt thành [48kHz/16bit]	[Recording Rate]: Đặt thành [96kHz/24bit]	[Recording Rate]: Đặt thành [48kHz/16bit]	[Recording Rate]: Đặt thành [96kHz/24bit]
C4K	L-GOP	59.94p	41 phút	41 phút	54 phút	54 phút
		50.00p	41 phút	41 phút	54 phút	54 phút
		29.97p	81 phút	80 phút	108 phút	105 phút
		25.00p	81 phút	80 phút	108 phút	105 phút
		24.00p	81 phút	80 phút	108 phút	105 phút
		23.98p	81 phút	80 phút	108 phút	105 phút
4K	L-GOP	59.94p	41 phút	41 phút	54 phút	54 phút
		50.00p	41 phút	41 phút	54 phút	54 phút
		29.97p	81 phút	80 phút	108 phút	105 phút
		25.00p	81 phút	80 phút	108 phút	105 phút
		23.98p	81 phút	80 phút	108 phút	105 phút

Độ phân giải phim	Bù chuyển động	Tốc độ khung hình phát lại	Dung lượng (xấp xỉ)			
			[Video Codec]: Đặt thành [H.264]		[Video Codec]: Đặt thành [H.265]	
			[Recording Rate]: Đặt thành [48kHz/16bit]	[Recording Rate]: Đặt thành [96kHz/24bit]	[Recording Rate]: Đặt thành [48kHz/16bit]	[Recording Rate]: Đặt thành [96kHz/24bit]
FHD	A-I	59.94p	—	—	51 phút	51 phút
		50.00p	—	—	51 phút	51 phút
		29.97p	41 phút	41 phút	101 phút	98 phút
		25.00p	41 phút	41 phút	101 phút	98 phút
		23.98p	41 phút	41 phút	101 phút	98 phút
	L-GOP	59.94p	160 phút	152 phút	199 phút	187 phút
		50.00p	160 phút	152 phút	199 phút	187 phút
		29.97p	312 phút	281 phút	384 phút	338 phút
		25.00p	312 phút	281 phút	384 phút	338 phút
		23.98p	312 phút	281 phút	384 phút	338 phút

Quay phim tốc độ cao

Độ phân giải phim	Bù chuyển động	Tốc độ khung hình phát lại	Tốc độ khung hình cảm biến	Dung lượng (xấp xỉ)	
				[📺] Video Codec]: Đặt thành [H.264]	[📺] Video Codec]: Đặt thành [H.265]
FHD	L-GOP	59.94p	240fps / 200fps / 120fps / 100fps	149 phút	178 phút
		50.00p		149 phút	178 phút
		29.97p		290 phút	324 phút
		25.00p		290 phút	324 phút
		23.98p		367 phút	324 phút

- Các số liệu dành cho cảnh quay được quay ở tốc độ khung hình tối đa. Tốc độ bit thực tế thay đổi tùy theo tốc độ khung hình và cảnh được quay lại.
- Khi quay phim tốc độ cao, cài đặt **[Recording Rate]** không ảnh hưởng đến thời gian quay tối đa.
- Khi sử dụng thẻ SDXC, có thể quay phim có độ dài lên tới 3 giờ. Phim dài hơn 3 giờ được quay thành nhiều tập tin (tùy thuộc vào điều kiện quay, máy ảnh có thể bắt đầu ghi vào tập tin mới trước khi đạt đến giới hạn 3 giờ).
- Khi sử dụng thẻ SD/SDHC, phim có dung lượng trên 4 GB sẽ được ghi thành nhiều tập tin (tùy thuộc vào điều kiện quay, máy ảnh có thể bắt đầu ghi vào tập tin mới trước khi đạt đến giới hạn 4 GB).

CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN

CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN



CẦN TRỌNG

NGUY CƠ GÂY SỐC ĐIỆN
KHÔNG ĐƯỢC MỞ RA



THẬN TRỌNG: ĐỂ GIẢM THIỂU NGUY CƠ BỊ ĐIỆN GIẬT, KHÔNG ĐƯỢC THÁO NẮP CHE (HOẶC MẶT SAU). KHÔNG ĐƯA CÁC VẬT NGƯỜI DÙNG TỰ SỬA CHỮA VÀO BÊN TRONG. YÊU CẦU THỰC HIỆN SỬA CHỮA BỞI NHÂN VIÊN CÓ CHUYÊN MÔN.



Một dấu chấm than đặt trong hình tam giác sẽ cảnh báo bạn về các hướng dẫn vận hành và bảo trì quan trọng trong tài liệu đi kèm với sản phẩm.



CẢNH BÁO

Nếu sản phẩm được sử dụng khi không quan sát thông tin có sẵn bên dưới biểu tượng này, có thể dẫn đến việc bị thương nghiêm trọng hoặc tử vong.



CẦN TRỌNG

Nếu sản phẩm được sử dụng khi không quan sát thông tin có sẵn bên dưới biểu tượng này, có thể dẫn đến việc bị thương nghiêm trọng.



LƯU Ý

Nếu sản phẩm được sử dụng khi không quan sát thông tin có sẵn bên dưới biểu tượng này, có thể dẫn đến hư hại cho thiết bị.

CẢNH BÁO!

ĐỂ TRÁNH GÂY HỎA HOẠN HOẶC SỐC ĐIỆN, KHÔNG BAO GIỜ ĐƯỢC THÁO RỜI, ĐỂ SẢN PHẨM NÀY GẬP NƯỚC HOẶC SỬ DỤNG TRONG MÔI TRƯỜNG CÓ ĐỘ ẨM CAO.

Các biện pháp phòng ngừa chung

Đọc tất cả các hướng dẫn — Trước khi sử dụng sản phẩm, hãy đọc tất cả các hướng dẫn vận hành.

Lưu giữ tất cả hướng dẫn và tài liệu để tham khảo sau này.

Nguồn điện — Chỉ kết nối sản phẩm này với nguồn điện được mô tả trên nhãn sản phẩm.

Vật lạ — Để tránh thương tích cá nhân, tuyệt đối không được đưa vật kim loại vào trong sản phẩm.

Vệ sinh — Luôn rút phích cắm sản phẩm này ra khỏi ổ cắm trên tường trước khi vệ sinh. Chỉ sử dụng khăn ẩm để vệ sinh. Tuyệt đối không sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa dạng lỏng, dạng xịt hoặc bất kỳ loại dung môi hữu cơ nào để vệ sinh sản phẩm này.

Nhiệt — Tuyệt đối không sử dụng hoặc cất giữ sản phẩm này gần bất kỳ nguồn nhiệt nào như bộ tản nhiệt, cửa thoát nhiệt, bếp lò hoặc bất kỳ loại thiết bị hoặc đồ dùng nào tạo ra nhiệt, bao gồm cả bộ khuếch đại âm thanh nổi.

Sấm chớp — Nếu có bão kèm sấm chớp xảy ra khi đang sử dụng bộ chuyển đổi USB-AC, hãy rút nó ra khỏi ổ cắm trên tường ngay lập tức.

Phụ kiện — Vì sự an toàn của bạn và tránh làm hỏng sản phẩm, chỉ sử dụng các phụ kiện do công ty chúng tôi khuyến nghị.

Vị trí — Để tránh làm hỏng sản phẩm, hãy gắn chặt sản phẩm lên giá ba chân, chân đế hoặc giá đỡ ổn định.

CẢNH BÁO

- **Không sử dụng máy ảnh gần các nguồn khí dễ gây cháy nổ.**
- **Để mắt bạn nghỉ ngơi định kỳ khi sử dụng kính ngắm.**

Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến mỏi mắt, buồn nôn, hoặc cảm giác tương tự như say tàu xe. Thời gian và tần suất nghỉ ngơi cần thiết sẽ khác nhau tùy từng người; hãy tự đánh giá và quyết định. Nếu bạn cảm thấy mệt mỏi hay không khỏe, hãy tránh sử dụng kính ngắm và nếu cần thiết hãy tham khảo ý kiến bác sĩ.
- **Không sử dụng đèn flash và đèn LED (bao gồm cả đèn chiếu sáng AF) đối với người (trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, v.v...) ở khoảng cách gần.**
 - Bạn phải cách xa ít nhất là 1 m tính từ khuôn mặt các chủ thể của bạn. Việc chớp đèn flash quá gần mắt của chủ thể có thể gây mất thị lực tạm thời.
- **Không dùng máy ảnh để nhìn mặt trời hoặc các nguồn ánh sáng mạnh.**
- **Giữ trẻ nhỏ và trẻ sơ sinh tránh xa máy ảnh.**
 - Luôn sử dụng và cất giữ máy ảnh ngoài tầm với của trẻ nhỏ và trẻ sơ sinh để ngăn ngừa những tình huống nguy hiểm sau đây có thể gây thương tích nghiêm trọng:
 - Bị vướng dây đeo máy ảnh gây nghẹt thở.
 - Sơ ý nuốt phải pin, thẻ hoặc các bộ phận nhỏ khác.
 - Sơ ý chớp đèn flash vào mắt của chính mình hoặc trẻ khác.
 - Sơ ý bị thương bởi những bộ phận chuyển động của máy ảnh.
- **Nếu bạn thấy bộ chuyển đổi USB-AC hoặc bộ sạc quá nóng hoặc nhận thấy bất kỳ mùi lạ, tiếng ồn hoặc khói nào xung quanh, hãy rút phích cắm điện ra khỏi ổ cắm trên tường ngay lập tức và ngừng sử dụng. Sau đó, hãy liên hệ với nhà phân phối hoặc trung tâm dịch vụ được ủy quyền.**
- **Ngừng sử dụng máy ảnh ngay lập tức nếu bạn nhận thấy có bất cứ mùi lạ, tiếng ồn hoặc khói xung quanh máy ảnh.**
 - Tuyệt đối không tháo pin ra bằng tay trần vì có thể gây cháy hoặc bỏng tay bạn.
- Tuyệt đối không được cầm hoặc thao tác máy ảnh khi tay ướt.

Điều này có thể gây ra quá nhiệt, nổ, cháy, điện giật, hoặc trục trặc.
- **Không để máy ảnh ở những nơi có thể phải chịu nhiệt độ cực kỳ cao.**
 - Làm như vậy có thể gây xuống cấp các bộ phận, và trong một số trường hợp có thể làm máy ảnh bắt lửa. Không sử dụng bộ sạc hoặc bộ chuyển đổi USB-AC nếu chúng bị che phủ (chẳng hạn như tấm chắn). Điều này có thể gây quá nhiệt và dẫn đến hỏa hoạn.
- **Sử dụng máy ảnh cẩn thận để tránh bị bỏng do nhiệt độ thấp.**
 - Khi máy ảnh có chứa các bộ phận kim loại, quá nhiệt có thể gây bỏng ở nhiệt độ thấp. Cần phải chú ý những tình huống sau:
 - Khi sử dụng trong thời gian dài, máy ảnh sẽ trở nên nóng. Nếu bạn cầm máy ảnh trong trạng thái này, có thể gây ra bỏng ở nhiệt độ thấp.

- Ở những nơi phải chịu nhiệt độ cực kỳ lạnh, nhiệt độ của thân máy ảnh có thể thấp hơn nhiệt độ của môi trường. Nếu có thể, hãy đeo găng tay khi sử dụng máy ảnh ở nhiệt độ lạnh.
- Để bảo vệ công nghệ có độ chính xác cao trong sản phẩm này, tuyệt đối không để máy ảnh ở những nơi được liệt kê dưới đây, cho dù là đang sử dụng hay cất giữ:
 - Những nơi có nhiệt độ và/hoặc độ ẩm cao hoặc có những thay đổi khắc nghiệt. Ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp, bãi biển, xe ô tô đang khóa, hoặc gần những nguồn nhiệt khác (bếp lò, lò tản nhiệt, v.v...) hoặc máy tạo độ ẩm.
 - Trong các môi trường nhiều cát hoặc bụi.
 - Gần những vật dễ bắt lửa hoặc chất nổ.
 - Ở những nơi ẩm ướt, chẳng hạn như phòng tắm hoặc ngoài mưa.
 - Ở những nơi dễ xảy ra rung động mạnh.
- Máy ảnh sử dụng pin lithium ion do công ty chúng tôi chỉ định. Sạc pin bằng bộ chuyển đổi USB-AC hoặc bộ sạc được chỉ định. Không sử dụng bất kỳ bộ chuyển đổi USB-AC hoặc bộ sạc nào khác.
- Tuyệt đối không được đốt hoặc làm nóng pin trong lò vi sóng, trên bếp nóng, hoặc trong bình chịu áp suất, v.v...
- Tuyệt đối không để máy ảnh ở trên hoặc gần các thiết bị điện tử.
Điều này có thể gây ra quá nhiệt, cháy hoặc phát nổ.
- Không kết nối các đầu cực với bất kỳ vật kim loại nào.
- Hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa khi mang hoặc cất giữ pin để tránh pin tiếp xúc với bất kỳ vật kim loại nào như đồ trang sức, ghim, chốt, chìa khóa, v.v...
Đoàn mạch có thể gây ra quá nhiệt, phát nổ hoặc cháy, gây bỏng hoặc thương tích cho bạn.
- Để tránh gây rò rỉ pin hoặc làm hỏng các đầu cực của pin, hãy cẩn thận tuân theo tất cả các hướng dẫn liên quan đến việc sử dụng pin. Tuyệt đối không cố tháo rời pin hoặc sửa đổi pin bằng bất cứ cách nào, chẳng hạn như hàn chúng, v.v...
- Nếu chất lỏng của pin dính vào mắt bạn, hãy rửa sạch mắt ngay bằng nước máy sạch và lạnh và tìm kiếm trợ giúp y tế ngay lập tức.
- Nếu bạn không thể tháo pin ra khỏi máy ảnh, hãy liên hệ với nhà phân phối hoặc trung tâm dịch vụ được ủy quyền. Không cố dùng lực để tháo pin ra.
Hư hại đối với bề ngoài của pin (trầy xước, v.v...) có thể tạo ra nhiệt hoặc phát nổ.
- Luôn cất giữ pin ngoài tầm với của trẻ nhỏ và vật nuôi. Nếu chúng vô tình nuốt phải pin, hãy tìm kiếm sự trợ giúp y tế ngay lập tức.
- Để ngăn ngừa pin rò rỉ, quá nhiệt hoặc gây cháy nổ, chỉ sử dụng loại pin được khuyến nghị sử dụng cho sản phẩm này.
- Nếu pin sạc chưa được sạc lại trong thời gian quy định, hãy ngừng sạc và không sử dụng chúng.
- Không được sử dụng pin có vết xước hoặc vỏ pin bị hỏng, và không được làm trầy xước pin.
- Tuyệt đối không để pin chịu va chạm mạnh hoặc rung động liên tục bằng việc thả rơi hoặc va đập.
Điều này có thể gây nổ, quá nhiệt hoặc cháy.
- Nếu pin bị rò rỉ, có mùi bất thường, bị đổi màu hoặc biến dạng, hoặc có bất thường theo bất kỳ cách nào khác trong quá trình hoạt động, hãy ngừng sử dụng máy ảnh và để tránh xa lửa ngay lập tức.

- Nếu pin rò rỉ chất lỏng lên quần áo hoặc da bạn, hãy cởi bỏ quần áo và rửa vùng bị ảnh hưởng bằng nước máy sạch và lạnh ngay lập tức. Nếu chất lỏng làm bỏng da bạn, hãy tìm kiếm sự trợ giúp y tế ngay lập tức.
- Tuyệt đối không sử dụng pin lithium-ion trong môi trường nhiệt độ thấp. Làm như vậy có thể gây ra hiện tượng tỏa nhiệt, đánh lửa hoặc nổ.
- Pin lithium-ion được thiết kế chỉ để sử dụng cho máy ảnh kỹ thuật số. Không sử dụng pin cho các thiết bị khác.
- **Không để trẻ em hoặc động vật/vật nuôi xử lý hoặc vận chuyển pin (ngăn ngừa hành vi nguy hiểm như liếm, cho vào miệng hoặc nhai).**

Chỉ sử dụng pin sạc, bộ sạc pin và bộ chuyển đổi USB-AC dành riêng

Chúng tôi đặc biệt khuyến cáo chỉ nên sử dụng pin sạc, bộ sạc pin, và bộ chuyển đổi USB-AC chính hãng do công ty chúng tôi chỉ định cho máy ảnh này. Việc sử dụng pin sạc, bộ sạc pin và/hoặc bộ chuyển đổi USB-AC không chính hãng có thể gây ra hỏa hoạn hoặc thương tích cá nhân do rò rỉ, nóng lên, đánh lửa hoặc làm hỏng pin. Công ty chúng tôi không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với các tai nạn hoặc thiệt hại có thể xảy ra do sử dụng pin, bộ sạc pin và/hoặc bộ chuyển đổi USB-AC không phải là phụ kiện chính hãng được chỉ định.

THẬN TRỌNG

- **Không để tay che đèn flash khi chụp.**
- Bộ chuyển đổi USB-AC F-7AC kèm theo máy được thiết kế chỉ để sử dụng với máy ảnh này. Không thể sạc các máy ảnh khác bằng bộ chuyển đổi USB-AC này.
- Không kết nối bộ chuyển đổi USB-AC F-7AC kèm theo máy với thiết bị khác ngoài máy ảnh này.
- Tuyệt đối không cất giữ pin ở nơi sẽ tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời, hoặc chịu nhiệt độ cao trong xe nóng, gần nguồn nhiệt, v.v...
- Luôn giữ cho pin khô ráo mọi lúc.
- Pin có thể bị nóng khi sử dụng trong thời gian dài. Để tránh bị bỏng nhẹ, không tháo pin ngay sau khi sử dụng máy ảnh.
- Máy ảnh này sử dụng một trong những loại pin lithium-ion của chúng tôi. Hãy sử dụng pin chính hãng được chỉ định. Có rủi ro phát nổ nếu pin được thay bằng loại pin không phù hợp.
- Vui lòng tái chế pin để giúp tiết kiệm tài nguyên trên hành tinh của chúng ta. Khi vứt bỏ pin đã dùng hết, hãy đảm bảo đã bọc kín các đầu cực của pin và luôn tuân thủ các luật lệ và quy định địa phương.

LƯU Ý

- **Không sử dụng hoặc cất giữ máy ảnh ở những nơi bụi bặm hoặc ẩm ướt.**
- **Chỉ sử dụng thẻ nhớ SD/SDHC/SDXC. Tuyệt đối không sử dụng các loại thẻ khác.**

Nếu bạn vô tình lắp loại thẻ khác vào máy ảnh, hãy liên hệ với nhà phân phối hoặc trung tâm dịch vụ được ủy quyền. Không cố dùng lực để tháo thẻ ra.

- Sao lưu định kỳ dữ liệu quan trọng vào máy tính hoặc thiết bị lưu trữ khác để tránh mất dữ liệu ngoài ý muốn.
- Công ty chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất kỳ mất mát dữ liệu nào liên quan đến thiết bị này.
- Hãy cẩn thận với dây đeo khi bạn mang máy ảnh. Nó có thể dễ dàng vướng vào các vật để rải rác khác và gây thiệt hại nghiêm trọng.
- Trước khi vận chuyển máy ảnh, hãy tháo giá ba chân và tất cả các phụ kiện khác do các công ty khác sản xuất.
- Tuyệt đối không được thả rơi máy ảnh hoặc để máy chịu va đập hoặc rung động mạnh.
- Khi gắn hoặc tháo máy ảnh khỏi giá ba chân, hãy xoay vít của giá ba chân chứ không phải máy ảnh.
- Không được chạm vào các tiếp điểm có điện trên máy ảnh.
- Không để máy ảnh hướng trực tiếp về phía mặt trời. Điều này có thể gây hư hỏng ống kính hoặc màn trập, lỗi màu, bóng mờ trên cảm biến ảnh hoặc có thể gây ra hỏa hoạn.
- Không để kính ngắm tiếp xúc với nguồn sáng mạnh hoặc ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp. Nhiệt có thể làm hỏng kính ngắm.
- Không được ấn hoặc kéo mạnh ống kính.
- Đảm bảo đã lau sạch bất kỳ giọt nước hoặc hơi ẩm nào khác khỏi sản phẩm trước khi thay pin hay mở hoặc đóng nắp.
- Trước khi cất giữ máy ảnh trong thời gian dài, hãy tháo pin ra. Chọn nơi mát mẻ, khô ráo để cất giữ máy nhằm ngăn ngừa ngưng tụ hơi nước và nấm mốc hình thành bên trong máy ảnh. Sau khi cất giữ, hãy kiểm tra máy ảnh bằng cách bật máy lên và nhấn vào nút chụp để đảm bảo rằng máy ảnh hoạt động bình thường.
- Máy ảnh có thể gặp trục trặc nếu được sử dụng ở những nơi chịu tác động của từ trường/điện từ, sóng vô tuyến hoặc điện áp cao, chẳng hạn như gần tivi, lò vi sóng, máy video game, loa công suất lớn, thiết bị màn hình lớn, tháp TV/radio hoặc các cột phát sóng. Trong các trường hợp đó, hãy tắt máy ảnh và sau đó bật lại trước khi tiếp tục thao tác.
- Luôn tuân thủ các giới hạn về môi trường vận hành được mô tả trong tài liệu hướng dẫn của máy ảnh.
- Lắp pin vào cẩn thận như được mô tả trong hướng dẫn vận hành.
- Trước khi lắp, phải luôn kiểm tra pin cẩn thận xem có bị rò rỉ, đổi màu, cong vênh hoặc bất kỳ hiện tượng bất thường nào không.
- Luôn tháo pin ra khỏi máy ảnh trước khi cất giữ máy ảnh trong thời gian dài.
- Khi cất giữ pin trong thời gian dài, hãy chọn nơi mát mẻ để bảo quản.
- Đối với bộ chuyển đổi USB-AC loại cắm:
Kết nối bộ chuyển đổi USB-AC loại cắm F-7AC đúng cách bằng cách cắm vào ổ cắm trên tường theo chiều thẳng đứng.
- Vi phích cắm chính của bộ chuyển đổi AC được sử dụng để ngắt bộ chuyển đổi AC khỏi nguồn điện chính nên hãy kết nối nó với ổ cắm AC để tiếp cận.
- Mức tiêu thụ điện năng của máy ảnh thay đổi tùy theo các chức năng được sử dụng.
- Trong các điều kiện được mô tả dưới đây, nguồn điện bị tiêu hao liên tục và pin cạn kiệt nhanh chóng.
 - Sử dụng thu phóng nhiều lần.

- Lắp lại việc nhấn nút chụp xuống một nửa khi ở chế độ chụp, kích hoạt lấy nét tự động.
- Hiện thị ảnh trên màn hình trong khoảng thời gian kéo dài.
- Sử dụng pin đã cạn có thể làm mờ ảnh tắt mà không hiển thị cảnh báo mức pin.
- Nếu các đầu cực của pin bị ẩm hoặc dính chất nhờn, có thể dẫn đến lỗi tiếp xúc của máy ảnh. Lau sạch pin bằng khăn khô trước khi sử dụng.
- Luôn sạc pin khi sử dụng máy ảnh lần đầu, hoặc khi máy ảnh không được sử dụng trong thời gian dài.
- Khi sử dụng máy ảnh bằng nguồn điện pin ở nhiệt độ thấp, hãy cố gắng giữ máy ảnh và pin dự phòng càng ấm càng tốt. Pin đã cạn kiệt ở nhiệt độ thấp có thể được khôi phục sau khi được làm ấm ở nhiệt độ phòng.
- Trước khi thực hiện chuyến đi dài, và đặc biệt là trước khi đi nước ngoài, hãy mua pin dự phòng. Có thể khó mua được pin được khuyến nghị khi đi du lịch.

Sử dụng chức năng mạng LAN không dây/Bluetooth®

• Tắt máy ảnh ở bệnh viện và những nơi có thiết bị y tế.

Sóng vô tuyến từ máy ảnh có thể ảnh hưởng xấu đến thiết bị y tế, gây ra trục trặc dẫn đến sự cố. Đảm bảo đã tắt chức năng mạng LAN không dây/**Bluetooth**® ở gần thiết bị y tế (P.424).

• Tắt máy ảnh khi ở trên máy bay.

Sử dụng thiết bị không dây trên máy bay có thể gây cản trở hoạt động an toàn của máy bay. Đảm bảo đã tắt chức năng mạng LAN không dây/**Bluetooth**® trên máy bay (P.424).

• Không sử dụng sản phẩm này ở nơi có thể gây nhiễu cho các hệ thống radar gần đó.

Màn hình

- Không ấn mạnh vào màn hình; nếu không, ảnh có thể bị mờ, gây ra lỗi chế độ phát lại hoặc hư hỏng màn hình.
- Một dải sáng có thể xuất hiện ở phía trên/phía dưới màn hình nhưng đây không phải là trục trặc.
- Khi xem một chủ thể theo đường chéo trong máy ảnh, các cạnh có thể xuất hiện dưới dạng đường dích dắc trên màn hình. Đây không phải là trục trặc; hiện tượng này sẽ ít nhận thấy hơn trong chế độ phát lại.
- Ở những nơi có nhiệt độ thấp, màn hình có thể mất nhiều thời gian để bật hoặc màu sắc của màn hình có thể thay đổi tạm thời.
Khi sử dụng máy ảnh ở những nơi cực kỳ lạnh, thỉnh thoảng nên đặt máy ở nơi ấm áp. Màn hình có hiệu suất kém do nhiệt độ thấp sẽ khôi phục ở nhiệt độ bình thường.
- Màn hình của sản phẩm này được sản xuất với độ chính xác cao, tuy nhiên, có thể sẽ có điểm ảnh bị kẹt hoặc chết trên màn hình. Những điểm ảnh này không gây ảnh hưởng đến ảnh được lưu. Do đặc điểm này, hiện tượng không đồng đều về màu sắc hoặc độ sáng có thể xuất hiện tùy thuộc vào góc nhìn, nhưng là do cấu trúc của màn hình. Đây không phải là trục trặc.

Pháp lý và các thông báo khác

- Công ty chúng tôi không đưa ra bất kỳ tuyên bố hoặc bảo hành nào về bất kỳ thiệt hại hoặc lợi ích mong đợi nào khi sử dụng hợp pháp sản phẩm này, hoặc bất kỳ yêu cầu nào từ bên thứ ba, phát sinh do việc sử dụng sản phẩm này không đúng cách.

- Công ty chúng tôi không đưa ra bất kỳ tuyên bố hay bảo hành nào về bất kỳ thiệt hại hoặc lợi ích mong đợi nào, phát sinh từ việc xóa dữ liệu ảnh khi sử dụng hợp pháp sản phẩm này.

■ Miễn trừ trách nhiệm bảo hành

- Công ty chúng tôi không đưa ra bất kỳ tuyên bố hay bảo hành nào, dù là rõ ràng hay ngụ ý, liên quan đến bất kỳ nội dung nào của các tài liệu viết hoặc phần mềm này, và trong mọi trường hợp sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ bảo hành ngụ ý nào về khả năng thương mại hoặc tính phù hợp cho bất kỳ mục đích cụ thể nào hoặc cho bất kỳ thiệt hại do hậu quả, ngẫu nhiên hoặc gián tiếp (bao gồm nhưng không giới hạn ở thiệt hại do mất lợi nhuận kinh doanh, gián đoạn kinh doanh và mất thông tin kinh doanh) phát sinh từ việc sử dụng hoặc không thể sử dụng các tài liệu viết hoặc phần mềm hoặc thiết bị này. Một vài quốc gia không cho phép loại trừ hoặc giới hạn trách nhiệm pháp lý đối với các thiệt hại do hậu quả hoặc ngẫu nhiên, hoặc các bảo hành ngụ ý, do đó các giới hạn nêu trên có thể không áp dụng cho bạn.
- Công ty chúng tôi bảo lưu mọi quyền đối với tài liệu hướng dẫn này.

■ Cảnh báo

Việc chụp ảnh hoặc sử dụng các tài liệu bản quyền không được phép là vi phạm luật bản quyền hiện hành. Công ty chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc chụp ảnh, sử dụng hoặc các hành vi không được phép khác xâm phạm quyền của chủ sở hữu bản quyền.

■ Thông báo bản quyền

Bảo lưu mọi quyền. Không được tái tạo lại hoặc sử dụng bất kỳ phần nào của tài liệu viết hoặc phần mềm này dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào, điện tử hoặc cơ học, bao gồm cả việc sao chép và ghi lại hoặc sử dụng bất kỳ loại hệ thống lưu trữ và truy xuất thông tin nào, mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của công ty chúng tôi. Không có trách nhiệm pháp lý nào được ràng buộc liên quan đến việc sử dụng các thông tin có trong các tài liệu bằng văn bản hoặc phần mềm này, hoặc đối với các thiệt hại do việc sử dụng các thông tin có trong đó. Công ty chúng tôi có quyền thay đổi các tính năng và nội dung của ấn phẩm hoặc phần mềm này mà không cần có nghĩa vụ hoặc thông báo trước.

Nhãn hiệu

- Logo SDXC là nhãn hiệu của SD-3C, LLC.
- Logo Apical là nhãn hiệu đã đăng ký của Apical Limited.



- Micro Four Thirds, Four Thirds và logo Micro Four Thirds và Four Thirds là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của OM Digital Solutions Corporation tại Nhật Bản, Hoa Kỳ, các quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu và các quốc gia khác.
- Wi-Fi là nhãn hiệu đã đăng ký của Wi-Fi Alliance.

- Nhãn từ và logo **Bluetooth**[®] là các nhãn hiệu đã đăng ký thuộc sở hữu của Bluetooth SIG, Inc. và mọi hành vi sử dụng các nhãn hiệu đó của OM Digital Solutions Corporation đều được cấp phép.
- Mã QR là nhãn hiệu của Denso Wave Inc.
- Các tiêu chuẩn dành cho các hệ thống tập tin của máy ảnh được đề cập trong tài liệu hướng dẫn này là các tiêu chuẩn về "Quy tắc thiết kế cho hệ thống tập tin máy ảnh/DCF" do Hiệp hội Công nghiệp Điện tử và Công nghệ Thông tin Nhật Bản (JEITA) quy định.
- Tất cả tên công ty và sản phẩm khác đều là nhãn hiệu đã đăng ký và/hoặc nhãn hiệu của chủ sở hữu tương ứng. Đôi khi các ký hiệu "™" và "®" có thể bị bỏ qua.

SẢN PHẨM NÀY ĐƯỢC CẤP PHÉP THEO GIẤY PHÉP DANH MỤC BẰNG SÁNG CHẾ AVC CHO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG CÁ NHÂN VÀ PHI THƯƠNG MẠI CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG ĐỂ (i) MÃ HÓA VIDEO THEO CHUẨN AVC ("VIDEO AVC") VÀ/HOẶC (ii) GIẢI MÃ VIDEO AVC DO NGƯỜI TIÊU DÙNG MÃ HÓA LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN VÀ PHI THƯƠNG MẠI VÀ/HOẶC ĐƯỢC LẤY TỪ NHÀ CUNG CẤP VIDEO CÓ GIẤY PHÉP CUNG CẤP VIDEO AVC. GIẤY PHÉP KHÔNG ĐƯỢC CẤP HOẶC XEM NHƯ ĐƯỢC CẤP CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH NÀO KHÁC. BẠN CÓ THỂ THAM KHẢO THÊM THÔNG TIN TỪ MPEG LA, L.L.C. XEM [HTTP://WWW.MPEGLA.COM](http://www.mpegla.com)

Phần mềm trong máy ảnh này có thể bao gồm cả phần mềm của bên thứ ba. Bất kỳ phần mềm của bên thứ ba nào cũng phải tuân theo các điều khoản và điều kiện do chủ sở hữu hoặc nhà cung cấp phần mềm đó quy định; và phần mềm sẽ được cung cấp dựa trên những quy định này. Những điều khoản đó và các thông báo phần mềm của bên thứ ba khác, nếu có, có thể được tìm thấy trong tập tin PDF thông báo phần mềm được lưu trữ tại

<https://support.jp.omsystem.com/en/support/imshow/digicamera/download/notice/notice.html>

Bổ sung/sửa đổi theo cập nhật phần mềm firmware

Bổ sung/sửa đổi theo phiên bản phần mềm firmware 1.1

Các chức năng sau đây được bổ sung/sửa đổi theo cập nhật phần mềm firmware.

- Cài đặt bảo mật kết nối điện thoại thông minh(P567)
- Cài đặt mặc định (P568)

Cài đặt bảo mật kết nối điện thoại thông minh (📱 Connection Security)

Đặt bảo mật khi kết nối với điện thoại thông minh qua Wi-Fi.

Menu

- MENU → 🏠 → 4. Wi-Fi/Bluetooth → 📱 Settings → 📱 Connection Security

- 🔗 Nếu đặt thành **[WPA2/WPA3]**, điện thoại thông minh có thể không được kết nối qua Wi-Fi. Trong trường hợp như vậy, hãy đặt thành **[WPA2]**.
- 🔗 Thay đổi cài đặt sẽ thay đổi cả mật khẩu kết nối Wi-Fi và mật mã kết nối **Bluetooth®**.
- 🔗 Hãy ghép nối lại máy ảnh và điện thoại thông minh sau khi thay đổi mật khẩu. 📷👉 “Ghép nối máy ảnh và điện thoại thông minh (Wi-Fi Connection)” (P426)
- 🔗 Việc thực hiện **[Reset 📱 Settings]** (P436) sẽ khởi tạo **[📱 Connection Security]**.

Cài đặt mặc định

Thẻ Ý

*1: Có thể được thêm vào **[Assign]**.

*2: Có thể khôi phục mặc định bằng cách chọn **[Initialize All Settings]**.

*3: Có thể khôi phục mặc định bằng cách chọn **[Reset Shooting Settings]**.

4. Wi-Fi/Bluetooth

Vai trò	Vai trò mặc định	*1	*2	*3
📱 Settings				
📱 Connection Security	WPA2/WPA3	—	—	—

Bổ sung/sửa đổi theo phiên bản phần mềm firmware 1.2

Các chức năng sau đây được bổ sung/sửa đổi theo cập nhật phần mềm firmware.

- Thẻ nhớ tương thích để quay phim ([P.569](#))

Thẻ nhớ tương thích để quay phim

Đã bổ sung tính năng quay phim tốc độ cao vào điều kiện quay phim khi khuyến nghị sử dụng thẻ UHS-II hoặc UHS-I Cấp tốc độ UHS 3 trở lên.

Ngày phát hành 2024.12.



<https://www.om-digitalsolutions.com/>